

TỈNH ỦY QUẢNG NAM
BAN TUYÊN GIÁO

Sổ tay
TUYÊN TRUYỀN
năm 2016

LỜI NÓI ĐẦU

Năm 2016 là năm nước ta, tỉnh ta có nhiều sự kiện chính trị trọng đại; đặc biệt, là năm diễn ra Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng, bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XIV và hội đồng Nhân dân các cấp. Năm 2016 cũng là năm đầu thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XII, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Quảng Nam lần thứ XXI... Vì vậy, năm 2016, yêu cầu đặt ra đối với nhiệm vụ công tác tuyên truyền phải kịp thời, sâu rộng, hiệu quả nhằm góp phần làm tốt công tác tư tưởng, chính trị trên địa bàn, tạo ra động lực mới thúc đẩy kinh tế - xã hội tỉnh Quảng Nam tiếp tục phát triển.

Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Quảng Nam tổ chức biên soạn và phát hành “**Sổ tay tuyên truyền năm 2016**” nhằm cung cấp thông tin, định hướng nội dung tuyên truyền, giúp cho các cấp ủy Đảng, báo cáo viên, tuyên truyền viên, cơ quan thông tin đại chúng trên địa bàn tỉnh tuyên truyền đưa đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước vào cuộc sống; tuyên truyền vận động cán bộ, đảng viên và Nhân dân trong tỉnh quyết tâm thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ kinh tế - xã hội của tỉnh năm 2016; Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Quảng Nam lần thứ XXI đề ra.

“Sổ tay tuyên truyền năm 2016” đã được tổ chức biên soạn nghiêm túc, với tinh thần trách nhiệm cao. Tuy nhiên, khó tránh khỏi những hạn chế. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Quảng Nam rất mong nhận được sự đóng góp ý kiến của các đồng chí để các tập sách sau được tốt hơn.

Trân trọng giới thiệu!

**BAN BIÊN TẬP
SỔ TAY TUYÊN TRUYỀN NĂM 2016**

PHẦN THỨ NHẤT

**ĐÁNH GIÁ TỔNG QUÁT KẾT QUẢ
THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CHÍNH TRỊ CỦA ĐẢNG BỘ
NĂM 2015, ĐỊNH HƯỚNG NHIỆM VỤ CHÍNH TRỊ
NĂM 2016**

THỰC HIỆN TỐT CÁC NHIỆM VỤ CHÍNH TRỊ NĂM 2016 TẠO TIỀN ĐỀ ĐỂ THỰC HIỆN THẮNG LỢI CÁC MỤC TIÊU NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐẢNG CÁC CẤP NHIỆM KỲ 2015 -2020

Nguyễn Ngọc Quang

Bí thư Tỉnh uỷ, Chủ tịch HĐND tỉnh

Năm 2015 là năm toàn Đảng bộ tập trung trí tuệ và quyết tâm chính trị cao nhất, phấn đấu thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ năm 2015, góp phần thực hiện hoàn thành, đạt và vượt các chỉ tiêu do Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XX đề ra. Tổng sản phẩm trên địa bàn tăng 11,56%. Cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển dịch theo hướng tích cực, tỷ trọng công nghiệp, dịch vụ chiếm 84%, nông nghiệp chiếm 16%. Giá trị sản xuất ngành công nghiệp (giá 2010) thực hiện gần 50.000 tỷ đồng, tăng hơn 9% so với năm 2014. Giá trị sản xuất các ngành dịch vụ tăng gần 16% so với năm 2014. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng trên 34.000 tỷ đồng, tăng gần 18% so với năm 2014. Hoạt động du lịch diễn ra sôi động, tổng lượt khách tham quan, lưu trú ước đạt 3.850 nghìn lượt, tăng 4,6% so với năm 2014. Thu ngân sách tăng cao và vượt dự toán năm, tổng thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn thực hiện đạt 14.900 tỷ đồng,

tăng hơn 60% so với dự toán năm; trong đó, thu nội địa gần 10.000 tỷ đồng.

Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới được tập trung chỉ đạo thực hiện và đạt được kết quả tích cực. Tính đến cuối năm 2015, toàn tỉnh có 54/204 xã đạt chuẩn nông thôn mới, đạt tỷ lệ 26,5%, vượt chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội XX đề ra (20%). Đã tập trung huy động mọi nguồn lực để đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng. Tổng vốn đầu tư toàn xã hội trong năm đạt trên 18.630 tỷ đồng, tăng hơn 12% so với năm trước và chiếm gần 30,5 % GRDP. Nhiều công trình trọng điểm được khánh thành, đưa vào sử dụng nhân kỷ niệm 40 năm giải phóng Quảng Nam. Một số công trình quan trọng khác đang được đôn đốc đẩy mạnh tiến độ thi công như: Cầu Giao Thủy, dự án khu liên hợp Sỏi - Nhôm - Dệt - May tại Khu Công nghiệp Đông Quế Sơn, dự án sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Khe Tân, xây dựng hạ tầng Khu Công nghiệp Tam Thăng. Hạ tầng đô thị được quan tâm đầu tư xây dựng.

Đời sống văn hóa tinh thần của người dân ngày càng được nâng cao. Công tác giảm nghèo được triển khai thực hiện đạt nhiều kết quả tích cực; ước tỷ lệ hộ nghèo toàn tỉnh năm 2015 theo chuẩn nghèo giai đoạn 2011 - 2015 giảm còn 9%, tỷ lệ hộ cận nghèo giảm còn khoảng 7%. Các chính sách đối với người có công và an sinh xã hội được tổ chức thực hiện tốt; đồng thời, thực hiện tốt việc thăm định, di chuyển hồ sơ, giải quyết đơn thư liên quan đến chính sách người có công, hỗ trợ thăm viếng, di chuyển hài cốt liệt sỹ về nguyên

quán. Công tác đào tạo nghề và giải quyết việc làm được quan tâm chỉ đạo. Công tác y tế, chăm sóc sức khỏe Nhân dân ngày càng được cải thiện. Công tác phòng ngừa dịch bệnh và các bệnh xã hội được duy trì thường xuyên.

Tình hình an ninh - chính trị, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn được bảo đảm, duy trì và thực hiện tốt công tác trực sẵn sàng chiến đấu. Công tác tiếp công dân, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo có những chuyển biến tích cực; nhiều vụ, việc đã được các cơ quan chức năng phối hợp giải quyết tốt; công tác đối thoại được tăng cường để tìm hiểu, giải thích và giải quyết các vấn đề bức xúc chính đáng của Nhân dân, không để kéo dài và khiếu kiện vượt cấp. Công tác thanh tra, phòng, chống tham nhũng, lãng phí được các cấp ủy tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo; phát hiện và xử lý kịp thời các vụ việc sai phạm. Các cơ quan tố tụng và hỗ trợ tư pháp đã có nhiều cố gắng, phối hợp chặt chẽ trong công tác điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án...; nhờ đó, đã hạn chế được việc hủy án, sửa án.

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh đã bám sát chương trình công tác đề ra từ đầu năm, thể hiện rõ chức năng, nhiệm vụ trong việc xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Đẩy mạnh các hoạt động tư vấn, dạy nghề, hỗ trợ việc làm; tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, tư vấn pháp lý, tham gia hoạt động hòa giải, giải quyết khiếu nại, tố cáo; tích cực góp ý xây dựng Đảng, chính quyền và từng bước phát huy vai trò phản biện xã hội.

Nhiệm vụ trọng tâm của công tác xây dựng Đảng trong năm 2015 là tổ chức đại hội đảng các cấp và Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Nam lần thứ XXI. Công tác chuẩn bị văn kiện trình đại hội đại biểu các cấp được thực hiện công phu, kỹ lưỡng, đúng quy trình theo hướng dẫn của Trung ương; công tác bầu cử diễn ra đúng nguyên tắc, quy định Điều lệ Đảng. Nhìn chung, kết quả đại hội đảng các cấp và Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XXI đạt được nội dung và yêu cầu. Tỉnh ủy đã tập trung làm tốt công tác tuyên truyền, theo dõi, chỉ đạo quá trình chuẩn bị, tổ chức đại hội đảng các cấp và Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XXI, nhiệm kỳ 2015 - 2020 tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng. Công tác nhân sự chủ chốt cấp ủy đề chuẩn bị cho đại hội đảng các huyện, thị, thành ủy và đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy, nhiệm kỳ 2015 - 2020 và nhiệm kỳ HĐND 2016 – 2021 được thực hiện công phu, bài bản. Công tác đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ cho cán bộ, công chức, viên chức tiếp tục được đẩy mạnh và tăng cường.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được vẫn còn những tồn tại, hạn chế như: việc huy động các nguồn lực cho đầu tư phát triển tuy có được cải thiện nhưng chưa đáp ứng đủ yêu cầu; giải phóng mặt bằng, tái định cư nói chung vẫn còn chậm. Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới tuy được tập trung chỉ đạo nhưng vẫn còn nhiều bất cập, vai trò chủ thể của người dân trong xây dựng nông thôn mới chưa được phát huy tốt và có nơi để xảy ra

sai phạm. Tình trạng khai thác khoáng sản trái phép vẫn còn diễn biến phức tạp. Chất lượng nguồn nhân lực tuy được cải thiện nhưng hiệu quả đào tạo nghề còn thấp, chưa gắn kết với nhu cầu sử dụng của các doanh nghiệp. Một số tổ chức đảng chưa thật sự phát huy vai trò hạt nhân chính trị trong lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị tại địa phương, đơn vị. Trong đánh giá cán bộ, làm công tác nhân sự một số nơi còn chủ quan, dẫn đến chưa tạo được sự đồng thuận cao nên một số đồng chí dự kiến tái cử nhưng không trúng cử cấp ủy; tỷ lệ nữ, tỷ lệ trẻ tham gia cấp ủy khóa mới đạt thấp so với quy định của Trung ương.

Năm 2016, là năm đầu thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XXI và Nghị quyết Đại hội XII của Đảng. Trong điều kiện kinh tế thế giới đang phục hồi, đất nước đang hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, những thành tựu mà Đảng bộ, chính quyền, quân và dân toàn tỉnh đã nỗ lực phấn đấu đạt được trong thời gian qua là những động lực, điều kiện thuận lợi cho sự phát triển trong thời gian đến. Tuy nhiên, tình hình thế giới, nhất là, tranh chấp chủ quyền biển, đảo tiếp tục diễn biến phức tạp, cạnh tranh kinh tế trong quá trình hội nhập sẽ ngày càng gay gắt, gặp nhiều khó khăn, bất lợi; mặt khác quy mô nền kinh tế của tỉnh còn nhỏ, chất lượng nguồn nhân lực và năng suất lao động thấp, trình độ, năng lực của một bộ phận cán bộ, đảng viên chưa đáp ứng yêu cầu,... là những khó khăn, thách thức cho sự phát triển.

Trên cơ sở phân tích, đánh giá và dự báo tình hình, Tỉnh ủy đề ra nhiệm vụ và các giải pháp chủ yếu năm 2016 như sau:

1- Huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực để bảo đảm thúc đẩy tăng trưởng kinh tế trên 10%. Tập trung thực hiện tốt đề án tái cơ cấu để đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng, nâng cao chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế. Căn cứ chiến lược phát triển công nghiệp Việt Nam đến năm 2025, tầm nhìn đến 2035, trong năm 2016 và giai đoạn tiếp theo tập trung phát triển 3 nhóm ngành công nghiệp mà tỉnh có lợi thế là: Chế biến, chế tạo; điện tử và viễn thông; năng lượng mới và năng lượng tái tạo. Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu nội bộ ngành công nghiệp. Tập trung phát triển công nghiệp công nghệ cao; khuyến khích các doanh nghiệp áp dụng tiến bộ khoa học công nghệ để tăng năng suất, giá trị sản phẩm công nghiệp, sử dụng hiệu quả tài nguyên và giảm thiểu các tác động tiêu cực đến môi trường.

Đẩy mạnh phát triển các ngành dịch vụ có lợi thế và tiềm năng. Tiếp tục tập trung phát triển ngành du lịch, đặc biệt thu hút các dự án du lịch cao cấp khu vực ven biển; sớm bàn giao mặt bằng, thúc đẩy tiến độ dự án du lịch Nam Hội An; thu hồi các dự án du lịch không triển khai, thực hiện không đúng cam kết để giao cho các nhà đầu tư thật sự có nhu cầu.

Thực hiện tốt các chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới. Phát triển nông nghiệp

gắn với phát triển công nghiệp chế biến. Mở rộng các mô hình chăn nuôi theo hướng tập trung trang trại, gia trại gắn với chế biến và xử lý môi trường, tăng cường kiểm soát dịch bệnh. Tổ chức quản lý, phân định, cắm mốc, giao đất, phát triển rừng trên cơ sở quy hoạch phát triển rừng và quy hoạch sử dụng đất. Phát triển các loại cây công nghiệp, cây nguyên liệu, hương liệu, dược liệu có giá trị kinh tế để phát triển kinh tế gắn với giảm nghèo bền vững. Thực hiện đầy đủ các chính sách của Chính phủ về đóng mới, cải hoán tàu thuyền, hỗ trợ bảo hiểm, tín dụng, phát triển dịch vụ phục vụ ngư dân đánh bắt dài ngày trên biển.

2- Thực hiện tốt các chính sách về hỗ trợ doanh nghiệp, thúc đẩy phát triển sản xuất kinh doanh. Ưu tiên nguồn vốn tín dụng và lãi suất cho các doanh nghiệp, khu vực nông nghiệp, nông thôn, doanh nghiệp vừa và nhỏ, sản xuất hàng hóa xuất khẩu, doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ. Hình thành quỹ bảo lãnh tín dụng hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa của tỉnh. Thực hiện tốt công tác giải phóng mặt bằng để thực hiện dự án. Tổ chức gỡ gỡ, đối thoại với doanh nghiệp nhằm kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp. Khuyến khích phát triển các thành phần kinh tế và hình thức tổ chức kinh doanh. Đảm bảo sự công bằng theo quy định của pháp luật đối với tất cả các loại hình doanh nghiệp. Triển khai phương án chuyển đổi mô hình hợp tác xã thích ứng với yêu cầu mới.

3- Tiếp tục thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ đột phá:

Xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ, cải thiện môi trường đầu tư và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 08-NQ/TU ngày 05/4/2012 của Tỉnh ủy về xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiệu quả; trọng tâm là phát triển mạng lưới giao thông, các công trình trọng điểm, chiến lược. Phát triển, khớp nối hạ tầng giao thông thông suốt giữa vùng Đông và vùng Tây, giữa đô thị và nông thôn; kết nối các tuyến giao thông chính từ quốc lộ, tỉnh lộ đến tuyến cao tốc, giữa các tuyến đường ĐH và ĐT, liên kết các tuyến ven biển,...

Tập trung cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư, nâng cao chỉ số cạnh tranh cấp tỉnh. Năm 2016 là năm tập trung cải cách hành chính, triển khai đồng bộ, quyết liệt cơ chế một cửa, một cửa liên thông, tạo thuận lợi nhất trong giải quyết thủ tục hành chính cho doanh nghiệp và công dân. Tập trung rà soát, thu hồi giấy phép các dự án không triển khai đúng tiến độ theo cam kết để giao đất cho các nhà đầu tư có nhu cầu đầu tư thực sự; tạo môi trường pháp lý thuận lợi, công bằng trong hoạt động đầu tư. Thực hiện tốt công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư để giao mặt bằng sạch cho nhà đầu tư thực hiện dự án, nhất là đảm bảo giao mặt bằng đúng thời gian cam kết các dự án lớn. Tăng cường sự phối hợp giữa các ngành, các địa phương trong việc hoạch định, thực thi chính sách, quy hoạch, kế hoạch và xúc tiến đầu tư. Nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ làm công tác xúc tiến đầu tư.

Thực hiện đồng bộ các giải pháp về phát triển nguồn nhân lực, trọng tâm là phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao. Tăng cường xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức chuyên nghiệp, hiện đại, đồng bộ, phù hợp với yêu cầu của hội nhập và phát triển. Thực hiện tốt các đề án về xác định vị trí việc làm; đào tạo, luân chuyển cán bộ; đào tạo nghề; phát triển nguồn nhân lực theo các đề án đã ban hành. Cần xác định đúng những ngành nghề tỉnh đang cần để có chế độ đãi ngộ phù hợp và tạo môi trường thuận lợi để cán bộ có năng lực làm việc, đóng góp trí tuệ cho sự phát triển chung.

4- Đa dạng hóa các hình thức và huy động tối đa nguồn lực của tỉnh, thu hút vốn trong nước và tạo mọi điều kiện thuận lợi để thu hút vốn đầu tư nước ngoài bằng nhiều hình thức thích hợp, trọng tâm là hợp tác công tư để tạo nguồn vốn đầu tư phát triển; bảo đảm vốn đầu tư toàn xã hội chiếm khoảng 31% tổng sản phẩm trong tỉnh. Tranh thủ thu hút và sử dụng hiệu quả nguồn vốn ODA và xác định danh mục theo thứ tự ưu tiên để bố trí kế hoạch trung hạn, dài hạn và bảo đảm ngân sách đối ứng kịp thời, đầy đủ theo cam kết để thực hiện. Thực hiện tốt kế hoạch đầu tư trung hạn và năm 2016; đồng thời, tăng cường quản lý, sử dụng hiệu quả, tiết kiệm nguồn vốn từ ngân sách Nhà nước; kiểm soát nợ xây dựng cơ bản. Tăng cường quản lý, chống thất thu, nợ đọng thuế. Kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ và xây dựng dự toán thu ngân sách sát với thực tế để chủ động phân bổ và tổ chức thực hiện.

5- Tiếp tục thực hiện đồng bộ các giải pháp về đổi mới căn bản, toàn diện, nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo; phát triển đồng bộ hệ thống giáo dục - đào tạo, cân đối cơ cấu và quy mô kết hợp với đa dạng hóa các hình thức học tập, hướng đến “*xã hội học tập*”. Thực hiện đồng bộ các giải pháp nâng cao chất lượng khám chữa bệnh cho Nhân dân; tiếp tục chương trình đầu tư nâng cấp các bệnh viện tuyến tỉnh, huyện, trạm y tế các xã và thực hiện tốt các chính sách về thu hút, đãi ngộ, hỗ trợ bác sĩ để nâng cao năng lực khám chữa bệnh cho Nhân dân; chú trọng thực hiện chính sách khám chữa bệnh cho người nghèo, cho trẻ em và các trường hợp chính sách xã hội khác. Thực hiện đầy đủ các chính sách, chế độ ưu đãi người có công cách mạng; giải quyết dứt điểm các trường hợp tồn đọng về công nhận người có công. Thực hiện đồng bộ, toàn diện và hiệu quả các chương trình, dự án giảm nghèo, tạo cơ hội cho người nghèo tiếp cận các chính sách về trợ giúp đất đai, tín dụng, dạy nghề, tạo việc làm, khuyến công, khuyến nông - lâm - ngư nghiệp và tiêu thụ sản phẩm; tập trung hỗ trợ tạo điều kiện cho các hộ nghèo phát triển sản xuất, tăng thu nhập và ổn định cuộc sống để giảm nghèo bền vững. Phấn đấu giảm tỷ lệ hộ nghèo từ 2 - 2,5%.

6- Tập trung đầu tư phát triển kinh tế - xã hội nông thôn, miền núi. Huy động các nguồn lực để xây dựng hạ tầng nông nghiệp, nông thôn. Đầu tư, nâng cấp các công trình thủy lợi, hồ chứa, kênh mương, bảo đảm nước tưới phục vụ sản xuất.

Tăng cường công tác khuyến nông, đẩy mạnh nghiên cứu và chuyển giao khoa học - kỹ thuật, phát triển các làng nghề truyền thống. Khuyến khích phát triển các ngành sử dụng nhiều lao động như may mặc, giấy da, sản xuất thủ công nghiệp, làng nghề để giải quyết lao động nông thôn. Tổ chức quản lý, giao đất rừng, phát triển rừng theo hướng phát triển rừng sản xuất, đáp ứng nhu cầu gỗ cho chế biến, xuất khẩu, tiêu dùng và phát triển kinh tế hộ.

Huy động, lồng ghép các nguồn lực để thực hiện hiệu quả chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới; phấn đấu tăng từ 3 - 4% xã đạt chuẩn và nâng tỷ lệ số xã đạt chuẩn nông thôn mới năm 2016 lên 30%. Chú trọng nâng cao chất lượng, hiệu quả, tính bền vững trong xây dựng nông thôn mới, tránh tình trạng chạy theo thành tích. Triển khai có hiệu quả các chương trình mục tiêu, chương trình hỗ trợ theo mục tiêu, chương trình đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng nông thôn, miền núi, nhất là tại các xã đặc biệt khó khăn, các huyện nghèo. Phát triển dự án điện các xã vùng cao. Có cơ chế khuyến khích và thu hút đầu tư phát triển du lịch tại các địa phương có tiềm năng và lợi thế.

7- Nâng cao hiệu quả công tác quản lý Nhà nước về tài nguyên, khoáng sản; bảo đảm nguồn khoáng sản được sử dụng hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả. Xử lý nghiêm các đối tượng khai thác, vận chuyển lâm sản, khoáng sản trái phép, nhất là khai thác gỗ và đào đãi vàng trái phép. Gắn nhiệm vụ, mục tiêu bảo vệ môi trường với phát triển kinh tế - xã hội; đưa

vấn đề bảo vệ môi trường vào quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, lĩnh vực và các chương trình dự án đầu tư. Giải quyết tốt vấn đề môi trường ở các khu, cụm công nghiệp; nhất là ở một số nhà máy sản xuất quy mô lớn, tiến tới xây dựng các nhà máy xử lý nước chung tại tất cả các khu công nghiệp trên địa bàn. Đẩy mạnh công tác bảo vệ môi trường biển, vùng ven biển, đảo; bảo vệ và phát triển rừng.

8- Tiếp tục triển khai xây dựng tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thành khu vực phòng thủ vững chắc trong tình hình mới; chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới. Xây dựng nền quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh Nhân dân và biên phòng toàn dân. Thực hiện tốt chương trình quốc gia phòng chống tội phạm, phòng chống ma túy, buôn bán người,... Chú trọng kết hợp củng cố quốc phòng, an ninh với phát triển kinh tế - xã hội, xóa đói, giảm nghèo, nhất là ở địa bàn trọng điểm, vùng biên giới. Giữ vững an ninh - chính trị và trật tự, an toàn xã hội, chủ quyền biên giới, biển đảo trong mọi tình huống. Dự báo, nắm chắc tình hình, kịp thời ngăn chặn, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật, không để bị động, bất ngờ và điểm nóng xảy ra. Tăng cường công tác phòng chống tham nhũng, lãng phí, nhất là trong lĩnh vực quản lý đất đai, tài nguyên, khoáng sản, đầu tư xây dựng, quản lý vốn, tài sản Nhà nước. Thực hiện nghiêm túc, hiệu quả các kết luận xử lý sau thanh tra, kiểm tra. Quản lý chặt chẽ và đẩy nhanh tiến độ các dự án về quản lý biên giới, các dự án chương trình biển Đông, hải đảo. Tăng cường và làm sâu sắc hơn nữa mối quan hệ đoàn kết, hữu nghị đặc biệt

với tỉnh Sê Koong (Lào). Đẩy mạnh các hoạt động hợp tác với các tổ chức quốc tế, các tổ chức phi chính phủ và các địa phương nước ngoài.

9- Xây dựng hệ thống chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội vững mạnh. Tập trung chỉ đạo xây dựng chương trình, kế hoạch cụ thể để thực hiện Nghị quyết đại hội Đảng các cấp, Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XXI và Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ XII để sớm đưa nghị quyết của Đảng đi vào cuộc sống.

Tiếp tục củng cố bộ máy chính quyền các cấp sau đại hội; đồng thời chuẩn bị nhân sự và tổ chức thành công cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XIV và đại biểu Hội đồng Nhân dân các cấp, nhiệm kỳ 2016 - 2021. Nâng cao vai trò, hiệu quả hoạt động của Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng Nhân dân các cấp. Kiện toàn, củng cố bộ máy chính quyền từ tỉnh đến cơ sở. Tiếp tục tổ chức thực hiện tốt chương trình tổng thể cải cách hành chính Nhà nước giai đoạn 2011 - 2020. Thực hiện đơn giản hóa các thủ tục hành chính, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin gắn với đổi mới phương thức điều hành của hệ thống hành chính; công khai minh bạch trong công tác quản lý Nhà nước. Tổ chức thực hiện đề án tinh giản biên chế, xác định vị trí việc làm; thi tuyển chức danh lãnh đạo, quản lý trong các cơ quan hành chính sự nghiệp. Tăng cường kỷ cương, kỷ luật hành chính, nâng cao hiệu quả sử dụng thời gian làm việc tại các cơ quan, đơn vị.

10- Tăng cường công tác xây dựng Đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng bộ và các tổ chức đảng.

Tập trung quán triệt, lãnh đạo xây dựng chương trình, kế hoạch thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ XII, Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XXI và nghị quyết đại hội các cấp. Tăng cường công tác xây dựng Đảng, đẩy mạnh cải cách trong công tác Đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng bộ, các tổ chức đảng và trách nhiệm của cán bộ, đảng viên đối với nhiệm vụ được giao để lãnh đạo thực hiện thắng lợi toàn diện các mục tiêu, chỉ tiêu năm 2016, tạo tiền đề thực hiện thành công Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XXI.

Tiếp tục đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác tư tưởng, lý luận; nâng cao bản lĩnh chính trị, trình độ, trí tuệ, tinh chiến đấu trong toàn Đảng bộ và vai trò tiên phong, gương mẫu của cán bộ, đảng viên, trước hết là cán bộ chủ chốt các cấp trong việc thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Tiếp tục thực hiện có chất lượng, hiệu quả Chỉ thị 03-CT/TW của Bộ Chính trị về tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh gắn với thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XI) Một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay nhằm ngăn chặn, đẩy lùi tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống trong cán bộ, đảng viên. Chủ động nắm bắt và dự báo kịp thời tình hình tư tưởng, tâm trạng xã

hội của cán bộ, đảng viên và nhân dân trên các lĩnh vực đời sống xã hội để lãnh đạo, chỉ đạo xử lý tình hình kịp thời, toàn diện, không để xảy ra điểm nóng, giữ vững ổn định chính trị, tư tưởng, kiên quyết chống lại những âm mưu thủ đoạn “*diễn biến hòa bình*” của các thế lực thù địch và “*tự diễn biến*”, “*tự chuyển hóa*” trong cán bộ, đảng viên.

Triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị (khóa XI) và Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Tổng kết 05 năm thực hiện Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 30/6/2011 của Tỉnh ủy về công tác cán bộ giai đoạn 2011 - 2015 và định hướng đến năm 2020 để tiếp tục có những giải pháp đổi mới mạnh mẽ, đột phá về công tác cán bộ; xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức từ tinh đến cơ sở đủ số lượng, bảo đảm chất lượng, có cơ cấu hợp lý, vững vàng về chính trị, có phẩm chất đạo đức, lối sống tốt, có năng lực và trình độ để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

Tổ chức đánh giá, bổ sung nhiệm vụ, giải pháp tiếp tục thực hiện Nghị quyết 13- NQ/TU của Tỉnh ủy về Nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên gắn với việc xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở vững mạnh. Chăm lo kết nạp đảng viên, nhất là ở những địa bàn, đơn vị chưa có tổ chức đảng, đảng viên, khu vực kinh tế ngoài Nhà nước. Tạo chuyển biến

mạnh mẽ về hoạt động của các loại hình tổ chức cơ sở đảng, bảo đảm sự lãnh đạo toàn diện của Đảng.

Tập trung xây dựng, tổ chức thực hiện có hiệu quả Chương trình công tác kiểm tra, giám sát của Tỉnh ủy nhiệm kỳ XXI và năm 2016. Tiếp tục đổi mới và nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát; chú trọng kiểm tra, giám sát tập thể gắn với trách nhiệm người đứng đầu tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp trong việc thực hiện nhiệm vụ chính trị được giao để kịp thời phát hiện những nhân tố mới để phát huy, chủ động phòng ngừa vi phạm, khắc phục thiếu sót, khuyết điểm, vi phạm. Tập trung vào những lĩnh vực dễ xảy ra sai phạm, nổi cộm, bức xúc, ngăn ngừa tham nhũng, lãng phí, suy thoái về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên.

Tăng cường và đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác dân vận trong tình hình mới. Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng công tác dân vận của cả hệ thống chính trị. Lãnh đạo thực hiện tốt các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác dân tộc, tôn giáo, thực hiện tốt Quy chế dân chủ ở cơ sở,... Tổ chức tốt phong trào thi đua “*dân vận khéo*” để nhân rộng các mô hình tốt, cách làm hay. Cùng cố và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ làm công tác dân vận của Đảng để đáp ứng yêu cầu công tác vận động Nhân dân trong tình hình mới.

**ĐẨY MẠNH CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG,
CHÚ TRỌNG LÃNH ĐẠO THỰC HIỆN HIỆU
QUẢ NGHỊ QUYẾT TRUNG ƯƠNG 4 “MỘT
SỐ VẤN ĐỀ CẤP BÁCH VỀ XÂY DỰNG ĐẢNG
HIỆN NAY” GẮN VỚI CHỈ THỊ 03 - CT/TW
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ (KHÓA XI)**

Phan Việt Cường

Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy

Đảng Cộng sản Việt Nam là Đảng cầm quyền duy nhất lãnh đạo cách mạng Việt Nam. Từ thực tiễn phong phú của quá trình lãnh đạo sự nghiệp cách mạng, Đảng ta đã rút ra được nhiều bài học kinh nghiệm trong công tác xây dựng Đảng, một trong những kinh nghiệm quý báu đó là: Sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng là nhân tố hàng đầu quyết định mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Công tác xây dựng Đảng được xác định là nhiệm vụ then chốt, có ý nghĩa sống còn đối với Đảng và chế độ. Vì vậy, Đảng phải thường xuyên tự đổi mới, tự chỉnh đốn và không ngừng nâng tầm tư tưởng, trí tuệ để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

Trải qua 85 năm xây dựng và trưởng thành, vượt qua muôn vàn khó khăn, thử thách, Đảng Cộng sản Việt Nam đã lãnh đạo Nhân dân ta làm nên những thành tựu vĩ đại, có ý nghĩa lịch sử. Nước ta từ một nước thuộc địa nửa phong kiến đã trở thành một nước tự do, độc lập; Nhân dân ta từ thân

phận nô lệ trở thành người làm chủ đất nước, làm chủ xã hội; đất nước đã thoát khỏi tình trạng kém phát triển. Đặc biệt, dưới sự lãnh đạo tài tình, sáng suốt của Đảng, cả nước tiếp tục tiến lên phía trước, thực hiện thắng lợi sự nghiệp đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế. Bên cạnh kết quả đạt được, do chưa lường hết những thách thức và tác động của mặt trái cơ chế thị trường trong việc hội nhập quốc tế; thiếu cơ chế, chính sách đồng bộ, khoa học..., nên công tác xây dựng Đảng vẫn còn những hạn chế, yếu kém. Vấn đề nổi lên và thách thức nhất là tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống của một bộ phận không nhỏ cán bộ đảng viên, trong đó có những đảng viên giữ vị trí lãnh đạo, quản lý. Để đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi tình trạng suy thoái đó và khắc phục tồn tại, yếu kém trong công tác xây dựng Đảng; tiếp nối Cuộc vận động *học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh* theo tinh thần Chỉ thị số 06-CT/TW ngày 07/11/2006 Bộ Chính trị (khóa X), Đảng ta đã đề ra nhiều chủ trương, giải pháp đồng bộ về xây dựng, chỉnh đốn Đảng. Những chủ trương, biện pháp đó được thể hiện tập trung nhất ở Nghị quyết số 12-NQ/TW *Một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay* (gọi tắt là NQTW4) và Chỉ thị số 03-CT/TW ngày 14/5/2011 của Bộ Chính trị (khóa XI) *về tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh* (sau đây gọi tắt là Chỉ thị 03 của Bộ Chính trị).

Xác định NQTW4 là nghị quyết hết sức quan trọng, thể hiện rõ quan điểm của Đảng đối với những vấn đề cấp bách

trong công tác xây dựng Đảng thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế; ngay sau khi tiếp thu tinh thần NQTW4, Chỉ thị số 15-CT/TW ngày 24/02/2012 của Bộ Chính trị, các quy định hướng dẫn của Trung ương, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã xây dựng kế hoạch, tổ chức quán triệt, tuyên truyền, phổ biến đến cán bộ, đảng viên và Nhân dân. Tiến hành thành lập Bộ phận thường trực, Tổ giúp việc để chỉ đạo, đôn đốc việc triển khai thực hiện Nghị quyết tại các địa phương, đơn vị. Việc quán triệt, triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp đề ra trong NQTW4 được Tỉnh ủy tập trung lãnh đạo, chỉ đạo gắn với thực hiện Chỉ thị 03 của Bộ Chính trị trong gần 05 năm qua đã đạt nhiều kết quả thiết thực. Các cấp ủy, tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên đã nhận thức đầy đủ về ý nghĩa, tầm quan trọng của Nghị quyết, nhất là công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng trong giai đoạn hiện nay.

Để nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng; đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi tình trạng suy thoái về tư tưởng, chính trị, đạo đức lối sống của một bộ phận cán bộ, đảng viên trên địa bàn tỉnh; củng cố niềm tin của cán bộ, đảng viên và Nhân dân đối với Đảng, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã lãnh đạo, chỉ đạo học tập, quán triệt nhận thức sâu sắc Nghị quyết và thực hiện nghiêm túc việc kiểm điểm tự phê bình, phê bình theo NQTW4 từ tỉnh đến cơ sở. Với tinh thần trách nhiệm, cầu thị, tập thể Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã thẳng thắn nhìn nhận nhiều vấn đề hạn chế, tồn tại. Đáng ghi nhận là sau kiểm điểm tự phê bình và phê bình, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành

Kết luận số 64-KL/TU ngày 16/4/2013 tập trung chỉ đạo xử lý, giải quyết những vấn đề tồn đọng, nổi cộm trên các lĩnh vực, trọng tâm là: Đẩy mạnh công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, tăng cường đấu tranh và xử lý nghiêm các biểu hiện suy thoái về tư tưởng, chính trị, đạo đức lối sống trong cán bộ, đảng viên; tập trung khắc phục hạn chế; xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp trên địa bàn tỉnh đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế; ban hành các cơ chế để xử lý, giải quyết những tồn đọng kéo dài trong công tác quản lý bảo vệ rừng; khai thác tài nguyên khoáng sản; chỉ đạo khắc phục và xử lý nghiêm đối với những sai phạm về quản lý, sử dụng đất đai; sai phạm trong thực hiện công tác tái định cư, giải tỏa đền bù; giải quyết chế độ theo Quyết định 290 của Thủ tướng Chính phủ, trong thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới...

Công tác cán bộ thực sự trở thành khâu đột phá trong công tác xây dựng Đảng của toàn Đảng bộ. Tỉnh ủy đã ban hành và triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 30/6/2011 về công tác cán bộ giai đoạn 2011-2015 và định hướng đến năm 2020. Việc thực hiện chủ trương đào tạo cán bộ theo Đề án 500 và luân chuyển cán bộ lãnh đạo, quản lý về cơ sở đã phát huy tác dụng. Đã hoàn thành 03 khóa đào tạo Đề án 500 với 415 học viên được bố trí công tác. Tiến hành luân chuyển 23 trường hợp cán bộ từ tỉnh xuống huyện, thành phố và ngược lại; luân chuyển giữa các cơ quan cấp tỉnh: 07 trường hợp; 109 trường hợp cán bộ

cấp huyện về cơ sở và ngược lại. Chất lượng đội ngũ cán bộ ở cả 3 cấp được nâng lên, tỷ lệ cán bộ chủ chốt cấp xã có trình độ đại học là 59,42% đối với các huyện đồng bằng và 26,1% đối với các huyện miền núi; 52,46% phó trưởng phòng và tương đương thuộc huyện, thị, thành phố có trình độ cao cấp, cử nhân chính trị; 97,4% trưởng phòng và tương đương thuộc sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh có trình độ đại học; 33,3% giám đốc, phó giám đốc sở và tương đương có trình độ sau đại học. Từ đó, giúp cấp ủy đảng chủ động trong công tác cán bộ, khắc phục cơ bản tình trạng hẫng hụt cán bộ trên bình diện chung của tỉnh.

Nhằm xác định rõ ràng và đề cao vai trò, trách nhiệm, quyền hạn của người đứng đầu trong mối quan hệ giữa tập thể và cá nhân, mối quan hệ giữa cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, Ban Thường vụ Tỉnh ủy tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo theo hướng phát huy dân chủ, trí tuệ tập thể, phân công cụ thể trách nhiệm theo dõi các lĩnh vực công tác đối với từng thành viên. Thực hiện nghiêm túc thẩm quyền, trách nhiệm, chế độ họp hội, giao ban, mối quan hệ công tác theo đúng Quy chế làm việc.

Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành Chỉ thị số 10-CT/TU ngày 27/3/2014 về lãnh đạo triển khai thực hiện Quyết định số 217-QĐ/TW, Quyết định số 218-QĐ/TW ngày 12/12/2013 của Bộ Chính trị về quy định việc giám sát, phản biện xã hội của MTTQ Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và vận động Nhân dân tham gia góp ý xây dựng Đảng, xây dựng

chính quyền. Ban hành và triển khai thực hiện Quyết định số 2107-QĐ/TU về trách nhiệm của cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền các cấp tiếp thu góp ý của MTTQ Việt Nam, các đoàn thể chính trị - xã hội và Nhân dân tham gia góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền; đối thoại trực tiếp giữa người đứng đầu cấp ủy đảng, chính quyền các cấp với Nhân dân. Từ đó, đã phát huy được vai trò giám sát của Nhân dân đối với cán bộ, đảng viên, tổ chức đảng, chính quyền các cấp; trách nhiệm tham gia góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền của Nhân dân thông qua tổ chức Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị-xã hội.

Tỉnh ủy ban hành và triển khai thực hiện quyết liệt Nghị quyết số 13 - NQ/TU ngày 16/4/2013 về *nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên*, gắn với việc đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết Trung ương 4, Chỉ thị 03 của Bộ Chính trị. Qua đó, đã tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong việc đổi mới và nâng cao chất lượng sinh hoạt cấp ủy, chi bộ; nguyên tắc tập trung dân chủ, trí tuệ tập thể được phát huy; tăng tỷ lệ đảng viên giữ vị trí chủ chốt ở thôn, khối phố; xây dựng, củng cố, kiện toàn tổ chức cơ sở đảng.

Công tác tuyên truyền, giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống và đấu tranh phê phán đối với những biểu hiện sa sút, suy thoái tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống vụ lợi, vi phạm chuẩn mực đạo đức xã hội được chú trọng và thực hiện tốt. Việc triển khai thực hiện Chỉ thị số 03 của Bộ Chính

trị gắn với công tác xây dựng tổ chức Đảng trong sạch vững mạnh trong gần 05 năm qua, nhất là từ sau khi NQTW4 ra đời, đã có sức lan tỏa rộng khắp và mang lại hiệu ứng xã hội tích cực. Các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận và các tổ chức chính trị - xã hội từ tỉnh đến cơ sở đã lãnh đạo, chỉ đạo thiết lập lại kỷ cương, kỷ luật, góp phần ngăn ngừa các hành vi tiêu cực; có tác dụng nhắc nhở cán bộ, đảng viên và cổ vũ phong trào thi đua lao động, sản xuất trong các tầng lớp Nhân dân.

Công tác điều tra dư luận xã hội, lắng nghe ý kiến của Nhân dân trước khi quyết định chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước được quan tâm và có bước đổi mới. Công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật Đảng được tăng cường; chất lượng, hiệu quả được nâng lên. Nhờ vậy, đã tạo sự chuyển biến rõ nét về ý thức tu dưỡng, rèn luyện, phấn đấu, nêu cao tinh thần trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, đảng viên; hầu hết cán bộ, đảng viên đều tuyệt đối trung thành; giữ gìn phẩm chất của người cán bộ cách mạng; gương mẫu trong công tác và cuộc sống.

Tại Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XXI đã đánh giá việc triển khai thực hiện NQTW4 gắn với thực hiện Chỉ thị 03 của Bộ Chính trị trên địa bàn tỉnh trong thời gian qua bảo đảm các nội dung, yêu cầu và các quy định, hướng dẫn của Trung ương. Nhận thức về Đảng và công tác xây dựng Đảng trong cán bộ, đảng viên có chuyển biến tích cực. Mỗi cấp ủy đảng, cán bộ, đảng viên thấy rõ hơn trách nhiệm của mình đối với vận mệnh của Đảng, của dân tộc; thông qua việc kiểm điểm tự

phê bình và phê bình, việc đăng ký thực hiện các tiêu chí học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh, các cấp ủy, tổ chức đảng và cán bộ, đảng viên tự giác nhìn nhận những hạn chế, khuyết điểm của mình để sửa chữa, khắc phục. Trong quá trình thực hiện NQTW4, đã tập trung chỉ đạo giải quyết được nhiều vấn đề nổi cộm, bức xúc; tạo sự đoàn kết thống nhất nội bộ; giáo dục cán bộ, đảng viên, hội đoàn viên ý thức tu dưỡng, rèn luyện, giữ gìn phẩm chất đạo đức, lối sống, phát huy tính tiên phong gương mẫu, nêu cao tinh thần trách nhiệm trong thực thi nhiệm vụ. Qua lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện NQTW4 gắn với thực hiện Chỉ thị 03 của Bộ Chính trị, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, cấp ủy đảng, cán bộ lãnh đạo các cấp tích lũy thêm nhiều kinh nghiệm trong lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành thực hiện nhiệm vụ chính trị, tăng cường kỷ cương, kỷ luật hành chính, chế độ công vụ, lề lối làm việc, có tác dụng cảnh báo, răn đe, cảnh tỉnh và ngăn ngừa các hành vi tiêu cực, củng cố niềm tin của cán bộ, đảng viên và Nhân dân đối với Đảng.

Với quan điểm nhìn thẳng vào sự thật, phân tích toàn diện, Đại hội đã đánh giá việc triển khai thực hiện NQTW4 gắn với Chỉ thị 03 của Bộ Chính trị thời gian qua ở một số nơi chưa thật quyết liệt, vẫn còn tình trạng nể nang, né tránh, thiếu trung thực trong tự phê bình và phê bình. Việc chỉ đạo và khắc phục hạn chế, khuyết điểm sau kiểm điểm, phê bình còn chậm. Công tác giáo dục chính trị, tư tưởng mặc dù có đổi mới, cải tiến nhưng chưa đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới. Việc cụ thể hóa chính sách thực hiện một số chủ trương của

Đảng còn chậm, chưa đi vào thực tiễn, hiệu quả thấp. Công tác quy hoạch cán bộ có lúc, có nơi tính khả thi chưa cao. Trách nhiệm và tính nêu gương của một số cán bộ lãnh đạo, người đứng đầu cấp ủy, các ngành, cơ quan, đơn vị chưa toàn diện; một số cán bộ, công chức thiếu tinh thần trách nhiệm khi thi hành công vụ, gây phiền hà cho Nhân dân, song chưa có biện pháp khắc phục, xử lý triệt để.

Ngoài những nguyên nhân khách quan: Do sự tác động của suy giảm kinh tế, giá cả gia tăng; trình độ lãnh đạo, quản lý và trình độ dân trí chưa đồng đều giữa các vùng, các cấp, các ngành; những tồn tại, khuyết điểm nêu trên, còn do một số nguyên nhân chủ quan đó là: Công tác kiểm tra, giám sát của cấp ủy chưa thường xuyên; việc phát hiện và xử lý một số sai phạm chưa kịp thời, thiếu tính răn đe, giáo dục. Năng lực điều hành và việc thực hiện cơ chế phối hợp giữa một số cơ quan trong hệ thống chính trị chưa thật đồng bộ. Cải cách hành chính hiệu quả chưa cao.

Từ thực tiễn triển khai thực hiện công tác xây dựng Đảng, kết quả thực hiện NQTW4 gắn với Chỉ thị 03 của Bộ Chính trị trên địa bàn tỉnh trong nhiệm kỳ qua, có thể rút ra một số kinh nghiệm đó là:

Thứ nhất, cấp ủy các cấp, nhất là người đứng đầu phải nhận thức sâu sắc về ý nghĩa, tầm quan trọng của công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, tinh thần nội dung NQTW4, Chỉ thị 03 của Bộ Chính trị và nắm vững các quy định, hướng dẫn của

cấp trên để làm cơ sở, căn cứ xây dựng, hoàn thiện Quy chế làm việc, cụ thể hóa nội dung, phương thức lãnh đạo của Đảng cho phù hợp với đặc điểm, tình hình trong quá trình triển khai thực hiện. Xác định việc triển khai thực hiện NQTW4 gắn với việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh là nhiệm vụ cốt lõi, thường xuyên, liên tục của công tác xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị.

Thứ hai, coi trọng công tác cán bộ, nhất là đội ngũ cán bộ chủ chốt các cấp, đây là nhân tố quyết định đến chất lượng hoạt động của các cấp ủy Đảng. Do đó, cần phải thực hiện nghiêm túc các khâu trong công tác cán bộ từ đánh giá, quy hoạch, đào tạo đến bố trí, sử dụng cán bộ. Đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý, xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cấp ủy viên, nhất là bí thư cấp ủy.

Thứ ba, xây dựng tổ chức cơ sở đảng gắn với xây dựng hệ thống chính trị cơ sở trong sạch vững mạnh; đổi mới mạnh mẽ nội dung, phương thức hoạt động của các loại hình tổ chức cơ sở đảng theo hướng vừa mở rộng dân chủ, vừa tăng cường kỷ cương, kỷ luật; nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ, khắc phục tính hình thức, đơn điệu trong sinh hoạt đảng, bảo đảm tính lãnh đạo, tính giáo dục, tính chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và sự lãnh đạo toàn diện của Đảng trên tất cả các lĩnh vực hoạt động.

Thứ tư, chú trọng công tác kiểm tra, giám sát của cấp ủy,

nhất là cấp ủy cấp trên trực tiếp; kịp thời phát hiện, chấn chỉnh những tồn tại, hạn chế ở cơ sở. Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội trong việc vận động Nhân dân giám sát cán bộ, đảng viên ở địa bàn dân cư. Đồng thời, kịp thời biểu dương, khen thưởng những điển hình tiên tiến, xuất sắc và phổ biến kinh nghiệm để nhân ra diện rộng.

Nhằm đẩy mạnh hơn nữa công tác xây dựng Đảng, chú trọng lãnh đạo thực hiện hiệu quả NQTW4 gắn với Chỉ thị 03 của Bộ Chính trị trong thời gian đến, các cấp ủy từ tỉnh đến cơ sở thực hiện tốt một số nhiệm vụ, giải pháp sau:

1. Tiếp tục kiên trì, quyết liệt thực hiện các nhóm giải pháp đề ra trong NQTW4. Xây dựng nội dung thực hiện NQTW4 gắn với việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh thành một nội dung trong Chương trình thực hiện Nghị quyết Đại hội XII của Đảng, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XXI, nhiệm kỳ 2015 - 2020 để triển khai thực hiện.

2. Tiến hành tổng kết đánh giá 05 năm thực hiện Chỉ thị 03 của Bộ Chính trị và tiếp tục thực hiện việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh theo tinh thần Hướng dẫn số 163-HD/BTGTW ngày 30/10/2015 của Ban Tuyên giáo Trung ương, Công văn số 57-CV/TU ngày 30/11/2015 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy để lãnh đạo thực hiện trên địa bàn tỉnh. Hướng chủ yếu vào việc đề cao ý thức tự giác tu dưỡng, rèn luyện của mỗi cán bộ, đảng viên và nhấn mạnh vai trò, trách nhiệm nêu gương của người đứng đầu, cán bộ lãnh đạo

chủ chốt các cấp. Xác định cụ thể vấn đề bức xúc, nổi cộm, những hạn chế, yếu kém để thảo luận trong sinh hoạt chuyên đề của tổ chức đảng, địa phương, đơn vị về biện pháp tập trung lãnh đạo, chỉ đạo giải quyết dứt điểm.

3. Đẩy mạnh công tác chính trị tư tưởng và giáo dục chính trị tư tưởng cho cán bộ, đảng viên và Nhân dân, chú trọng giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức lối sống văn hóa cho thế hệ trẻ theo Chỉ thị số 42-CT/TW ngày 24/3/2015 của Ban Bí thư và Chỉ thị số 02 - CT/TU ngày 14/12/2015 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy. Kịp thời nắm bắt thông tin và định hướng tư tưởng cho cán bộ, đảng viên và Nhân dân. Đổi mới công tác thông tin, tuyên truyền, cải tiến cách thức tổ chức quán triệt, học tập nghị quyết của Đảng; đa dạng các hình thức tổ chức trao đổi, tọa đàm, nhân rộng các mô hình, gương điển hình tiêu biểu... Động viên văn nghệ sỹ, nhà báo, cán bộ, đảng viên và Nhân dân tham gia giải thưởng sáng tác, quảng bá các tác phẩm văn học, nghệ thuật, báo chí về chủ đề học tập và làm theo tấm gương đạo đức của Bác. Biểu dương, khen thưởng những điển hình tiêu biểu xuất sắc và phổ biến kinh nghiệm, nhân rộng những nhân tố tích cực.

4. Tiếp tục đổi mới và tạo đột phá trong công tác cán bộ. Tiến hành đánh giá kết quả 05 năm thực hiện Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 30/6/2011 của Tỉnh ủy về công tác cán bộ để rút kinh nghiệm và có giải pháp tiếp tục triển khai đồng bộ, hiệu quả các khâu trong công tác cán bộ nhằm nâng cao chất lượng

đội ngũ cán bộ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Triển khai thực hiện nghiêm túc Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 27/4/2015 của Bộ Chính trị (khóa XI) và Nghị định số 108/2014/NĐ-CP của Chính phủ về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Đẩy mạnh việc thực hiện Nghị quyết số 16-NQ/TU ngày 15/12/2014 của Tỉnh ủy về công tác cán bộ người dân tộc thiểu số giai đoạn 2015 - 2020 và định hướng đến năm 2025; Nghị quyết số 13-NQ/TU ngày 16/4/2013 của Tỉnh ủy về nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên.

5. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của Đảng, đảm bảo chất lượng, hiệu quả nhằm phát huy ưu điểm, kịp thời phát hiện, chấn chỉnh những hạn chế, tồn tại; kiểm tra tổ chức đảng, đảng viên khi có dấu hiệu vi phạm, tập trung vào việc lãnh đạo tổ chức thực hiện nhiệm vụ trên các lĩnh vực có liên quan đến dân sinh, nhạy cảm, dễ phát sinh tiêu cực. Chỉ đạo khắc phục và xử lý những khuyết điểm, sai phạm của tổ chức đảng, đảng viên, ngăn ngừa tham nhũng, lãng phí, suy thoái về phẩm chất chính trị, đạo đức lối sống; xử lý, giải quyết đơn thư của đảng viên, công dân đúng quy định.

6. Nâng cao năng lực quản lý, điều hành của bộ máy chính quyền từ tỉnh đến cơ sở và tinh thần trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, công chức trong thực thi công vụ; thái độ phục vụ Nhân dân, tăng cường kỷ cương, kỷ luật hành chính, nâng cao hiệu quả sử dụng thời gian làm việc trong các cơ quan, đơn vị theo Chỉ thị số 22/CT-UBND ngày 12/10/2012 của Chủ tịch

Ủy ban nhân dân tỉnh. Tiếp tục tổ chức thực hiện tốt chương trình tổng thể cải cách hành chính; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động và điều hành của các cơ quan trong hệ thống chính trị; công khai minh bạch trong công tác quản lý nhà nước. Thực hiện tốt cơ chế một cửa liên thông tại cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh.

7. Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội trong việc vận động Nhân dân giám sát cán bộ, đảng viên ở địa bàn dân cư. Thực hiện tốt mối quan hệ máu thịt giữa Đảng với Nhân dân. Triển khai có hiệu quả việc giám sát và phản biện xã hội, tham gia góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền theo tinh thần Quyết định số 217-QĐ/TW và Quyết định số 218-QĐ/TW ngày 12/12/2013 của Bộ Chính trị (khóa XI).

Với những thành quả đạt được của Đảng bộ trong nhiệm kỳ qua và những định hướng nêu trên, cùng với sự nỗ lực quyết tâm cao của toàn Đảng bộ, hy vọng rằng công tác xây dựng Đảng mà trọng tâm là việc thực hiện NQTW4 gắn với việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh trên địa bàn tỉnh ngày càng phát huy hiệu quả, góp phần xây dựng Đảng bộ trong sạch vững mạnh, đủ sức lãnh đạo thực hiện thành công mục tiêu đưa Quảng Nam trở thành tỉnh khá của cả nước vào năm 2020, sớm trở thành tỉnh công nghiệp theo hướng hiện đại như Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XXI đề ra./.

KẾT QUẢ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2015, NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM NĂM 2016

Đinh Văn Thu

Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch UBND tỉnh

Năm 2015, tình hình thế giới và khu vực tiếp tục diễn biến phức tạp; kinh tế thế giới phục hồi chậm, không đồng đều, các nước có nền kinh tế mới nổi (nhóm Brics) tăng trưởng chậm lại; giá dầu thô giảm sâu; đồng nhân dân tệ đột ngột giảm giá..., tác động, ảnh hưởng bất lợi đến việc thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của nước ta, tỉnh ta.

Trong bối cảnh chung đó, để thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Quảng Nam năm 2015, UBND tỉnh đã bám sát Nghị quyết của Chính phủ, của Tỉnh ủy và HĐND tỉnh về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội để đề ra kịp thời những giải pháp cụ thể, phù hợp với tình hình thực tiễn của địa phương; cổ vũ, động viên các cấp, các ngành, các tầng lớp Nhân dân và cộng đồng doanh nghiệp thi đua đẩy mạnh sản xuất, tập trung phát triển kinh tế - xã hội. Vì thế, kinh tế - xã hội của tỉnh ta năm 2015 tiếp tục chuyển biến tích cực; cơ bản hoàn thành các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội đề ra cho năm 2015.

Kinh tế tăng trưởng khá. Tốc độ tăng trưởng GRDP tăng 11,56%¹. Cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển dịch theo hướng

tích cực, công nghiệp - xây dựng và dịch vụ tăng lên gần 84%; nông lâm thủy sản giảm còn 16%.

Giá trị sản xuất toàn ngành công nghiệp (giá 2010) tăng hơn 9%; các ngành dịch vụ tăng gần 16% so với năm 2014². Tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ, tăng hơn 18%. Tổng lượt khách tham quan lưu trú hơn 3,8 triệu lượt, tăng 4,6% so với năm 2014.

Giá trị sản xuất nông lâm ngư nghiệp tăng 4,5 % so với năm 2014, đạt chỉ tiêu đề ra. Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách phát triển thủy sản; hỗ trợ, khuyến khích ngư dân thường xuyên bám biển để sản xuất gắn với bảo vệ chủ quyền trên biển.

Giá cả được kiểm soát, mặt bằng lãi suất huy động giảm khoảng 0,2-0,5%. Tăng trưởng huy động và tăng trưởng tín dụng kế hoạch đề ra và cao hơn so với cả nước³. Nợ xấu giảm đáng kể, chiếm khoảng hơn 0,5% tổng dư nợ.

Thu ngân sách Nhà nước tăng cao và vượt dự toán năm⁴, trong đó thu nội địa tăng gần 29% so với năm 2014 và vượt hơn 26% dự toán đề ra; thu xuất nhập khẩu vượt hơn 65% dự toán năm⁵. Chú trọng thực hiện tốt công tác quản lý ngân sách, tiết kiệm chi, chủ yếu tập trung cho đầu tư phát triển và cân đối ngân sách tỉnh để bù hụt thu cho các huyện Phú Ninh và Phước Sơn⁶.

Môi trường đầu tư được tiếp tục được cải thiện, chỉ số

năng lực cạnh tranh cấp tỉnh năm 2014 xếp 14/63 tỉnh, thành phố; số doanh nghiệp thành lập mới trong năm tăng 28,3% so với năm 2014 (734 doanh nghiệp/572); số doanh nghiệp đăng ký giải thể là 90 doanh nghiệp (năm 2014: 99 doanh nghiệp); doanh nghiệp dừng hoạt động và doanh nghiệp bỏ địa chỉ kinh doanh bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 411 doanh nghiệp tăng 42,2% so với năm 2014; số doanh nghiệp thông báo dừng hoạt động: 89 doanh nghiệp, giảm 20,5% so với năm 2014. Tuy nhiên phần lớn là doanh nghiệp vừa và nhỏ (90%) nên khó khăn trong huy động vốn, chậm đổi mới công nghệ và khả năng cạnh tranh thấp.

Huy động vốn đầu tư toàn xã hội đạt trên 18.630 tỷ đồng, chiếm 30,5% GRDP, tăng 12% so với năm 2014.

Các lĩnh vực văn hóa, giáo dục và đào tạo, y tế, thông tin và truyền thông, thể dục - thể thao tiếp tục phát triển tích cực. Công tác giảm nghèo đạt được kết quả quan trọng, tỷ lệ hộ nghèo giảm từ 12,1 % năm 2014 xuống còn 9%. Thực hiện tốt các chính sách người có công, đối tượng xã hội; tổ chức tốt lễ truy tặng, phong tặng danh hiệu và vận động phụng dưỡng Mẹ Việt Nam anh hùng⁷.

Công tác chăm sóc sức khỏe Nhân dân được quan tâm đầu tư, mạng lưới y tế được củng cố, nâng cấp; thực hiện có hiệu quả đề án thu hút bác sỹ, bác sỹ nội trú; chủ động trong công tác phòng chống, dịch bệnh; trong năm 2015 không xảy ra các loại dịch bệnh nguy hiểm trên địa bàn.

Đã hoàn thành và được công nhận phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, 100 % huyện, thị xã, thành phố đạt chuẩn phổ cập trung học cơ sở; số trường đạt chuẩn quốc gia tăng lên 52,5%⁸; tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THPT năm học 2014-2015 đạt 89% (cả nước 91,6%). Thực hiện đồng bộ các giải pháp đào tạo nghề, giải quyết việc làm, đặc biệt là đào tạo nghề cho lao động nông thôn; giải quyết việc làm cho hơn 42.000 lao động (tăng 1000 lao động so với kế hoạch).

Các chương trình mục tiêu quốc gia như chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững theo Nghị quyết 30a, chương trình khuyến khích giảm nghèo, Nghị định 67/2014/NĐ-CP, chương trình 135 giai đoạn 2, các xã bãi ngang ven biển, xã an toàn khu, chương trình cấp điện nông thôn, miền núi và hải đảo giai đoạn 2013-2020... Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới đầu tư đáng kể, đến cuối năm 2015 toàn tỉnh có 54/204 xã đạt chuẩn nông thôn mới, đạt 26,5%. Đang hoàn chỉnh hồ sơ đề nghị Ban Chỉ đạo Trung ương công nhận huyện Phú Ninh đạt chuẩn nông thôn mới và thị xã Điện Bàn hoàn thành các chỉ tiêu nông thôn mới. Đã thực hiện 143 km đường giao thông nông thôn, nâng tổng số đường giao thông nông thôn được bê tông hóa lên 4.260 km, hoàn thành đề án phát triển giao thông nông thôn theo Nghị quyết HĐND tỉnh⁹. Kinh tế - xã hội nông thôn, miền núi tiếp tục phát triển, đã góp phần quan trọng trong việc đổi mới bộ mặt nông thôn, miền núi.

Công tác bảo vệ môi trường, quản lý tài nguyên, khoáng

sản được tập trung chỉ đạo quyết liệt. Hoàn thành công tác giải phóng mặt bằng dự án mở rộng quốc lộ 1 A, thúc đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng dự án đường cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi (đoạn qua địa bàn tỉnh) và các dự án trọng điểm trên địa bàn. Triển khai thực hiện Chương trình hỗ trợ ứng phó với biến đổi khí hậu; tích cực làm việc với các Bộ, ngành Trung ương và chủ động tìm giải pháp chống sạt lở các vùng ven biển Hội An, Núi Thành, các khu dân cư ven sông Vu Gia, Thu Bồn...

Công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, thực hành tiết kiệm đạt được một số kết quả. Tập trung nâng cao và cải thiện chỉ số cải cách hành chính. Công tác tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo được duy trì, đã giải quyết các vụ việc tồn đọng, kéo dài, đảm bảo công khai, minh bạch và đáp ứng lợi ích hợp pháp của người dân.

Quốc phòng và an ninh, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo, đối ngoại được tăng cường. Trật tự an toàn giao thông được tập trung chỉ đạo, số vụ tai nạn, số người chết và số người bị thương tiếp tục giảm.

Tập trung chỉ đạo quyết liệt thực hiện 3 nhiệm vụ đột phá về xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ, phát triển nguồn nhân lực và cải thiện môi trường đầu tư. Đã chỉ đạo chuyển kế hoạch đầu tư hàng năm sang cơ chế quản lý, cân đối vốn đầu tư theo kế hoạch trung hạn. Thực hiện tốt Chỉ thị số 27/CT-TTg ngày 27/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ về tăng

cường công tác quản lý đầu tư công; quyết toán vốn đầu tư theo niên độ đảm bảo đúng quy định, hạn chế nợ đọng xây dựng cơ bản. Đã khánh thành, đưa vào sử dụng nhiều công trình trọng điểm như: cầu Cửa Đại, cầu Kỳ Phú 1,2; Tượng đài Mẹ Việt Nam Anh hùng, Bảo tàng tỉnh...; khởi công xây dựng cầu Giao thủy... Triển khai thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 8, Ban Chấp hành Trung ương khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo; các Nghị quyết của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh liên quan đến phát triển nguồn nhân lực, đào tạo cán bộ, khai thác tốt các nguồn học bổng trong và ngoài nước..., nhằm mục tiêu phát triển nhân lực đảm bảo về số lượng, đạt chất lượng cung ứng cho các ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh; đến nay tỷ lệ lao động qua đào tạo được nâng lên 54%, cao hơn so với cả nước và vượt kế hoạch đề ra. Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính về đầu tư, nâng cao hoạt động phối hợp theo cơ chế “*1 cửa liên thông*”, tổ chức ngày tiếp doanh nghiệp, đối thoại với doanh nghiệp kịp thời xử lý ngay những vướng mắc cho doanh nghiệp thuộc thẩm quyền. Công tác quảng bá, xúc tiến đầu tư, cải thiện môi trường đầu tư, thu hút các dự án chiến lược, công nghệ sạch, đảm bảo môi trường được quan tâm chỉ đạo tích cực.

Nhìn chung, năm 2015 hầu hết các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại đã đạt được những kết quả nhất định; có 13/15 chỉ tiêu đạt và vượt kế hoạch. Đời sống Nhân dân tiếp tục được cải thiện; an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội đảm bảo, công tác đối ngoại được tăng

cường. Đây là nỗ lực lớn của toàn đảng bộ, toàn quân, toàn dân và cộng đồng doanh nghiệp tinh nhà. Tuy nhiên, bên cạnh kết quả đạt được, việc huy động các nguồn lực cho đầu tư phát triển tuy có cải thiện nhưng chưa đáp ứng yêu cầu do vậy đầu tư công còn chiếm tỷ trọng lớn; nợ đọng xây dựng cơ bản còn lớn so với ngân sách tỉnh; tổng kim ngạch xuất khẩu chỉ đạt 570 triệu USD, giảm 3% so với năm 2014. Công tác quản lý đất đai, quản lý hiện trạng còn nhiều bất cập gây khó khăn trong công tác giải phóng mặt bằng để triển khai thực hiện các dự án trọng điểm. Việc thu hút, sử dụng nguồn nhân lực chất lượng cao mới chỉ thực hiện ở lĩnh vực y tế. Vai trò chủ thể của người dân trong xây dựng nông thôn mới, trong công tác xóa đói giảm nghèo chưa được phát huy. Một bộ phận dân cư nông thôn, vùng sâu, vùng xa đời sống vật chất còn khó khăn, đời sống tinh thần chưa cao; kết quả giảm nghèo chưa bền vững, tỷ lệ hộ nghèo một số huyện khu vực miền núi còn cao; chất lượng lao động qua đào tạo nghề và tỷ lệ lao động có việc làm sau học nghề còn thấp.

Năm 2016, dự báo tình hình thế giới, khu vực tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường. Kinh tế thế giới phục hồi chậm, không đồng đều giữa các quốc gia, khu vực và còn nhiều khó khăn; tình hình tranh chấp chủ quyền lãnh thổ, đặc biệt là biển, đảo trong khu vực và trên biển Đông còn diễn biến phức tạp. Kinh tế nước ta tiếp tục hội nhập sâu rộng và phải cạnh tranh gay gắt hơn. Việc thực hiện các Hiệp định thương mại tự do đã ký kết và tham gia Hiệp định thương

mại tự do thế hệ mới, cùng với việc thành lập cộng đồng ASEAN mở ra nhiều cơ hội cho phát triển nhưng cũng đặt ra không ít thách thức đối với kinh tế nước ta. Trước bối cảnh đó, phải triển khai đồng bộ, có trọng tâm, trọng điểm các nhiệm vụ và giải pháp nhằm thực hiện tốt các chỉ tiêu nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của năm đầu thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XXI. Chọn năm 2016 là năm đột phá trong thực hiện cải cách hành chính; tiếp tục đẩy mạnh thực hiện 3 đột phá chiến lược. Bảo đảm phát triển kinh tế bền vững, tăng trưởng hợp lý. Thực hiện tốt các mục tiêu đảm bảo an sinh xã hội. Tăng cường quốc phòng, an ninh, giữ vững độc lập chủ quyền, an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội. Mở rộng và nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế.

Trước hết, ưu tiên nguồn lực cho đầu tư phát triển, tiếp tục thực hiện đồng bộ các giải pháp tháo gỡ khó khăn cho sản xuất, kinh doanh, cải thiện môi trường đầu tư, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

Huy động các nguồn lực, tổng vốn đầu tư toàn xã hội tăng khoảng 15% so với năm 2015, chiếm khoảng 31% GRDP. Đa dạng các hình thức huy động và tạo nguồn lực, thu hút đầu tư theo hình thức hợp tác công tư. Tăng cường quản lý đầu tư, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư phát triển; tập trung cho phát triển các dự án trọng điểm, mang tính đột phá, có sức lan tỏa và bền vững; kiểm soát nợ xây dựng cơ bản đảm bảo theo Chỉ thị 07/CT-TTg ngày 30/4/2015 của Thủ tướng

Chính phủ. Thực hiện tốt nhiệm vụ thu ngân sách, phấn đấu năm 2016 thu nội địa tăng 10 % so với năm 2015 . Thực hiện tiết kiệm chi ngân sách, đảm bảo chi theo kế hoạch, không phát sinh ngoài dự toán.

Tập trung giải quyết dứt điểm các cơ chế vượt trội từ 31/12/2005 trở về trước; cung cấp thông tin hỗ trợ doanh nghiệp, hỗ trợ đào tạo lao động, tiếp cận và ổn định trong sử dụng đất đai; kịp thời tháo gỡ các khó khăn vướng mắc của doanh nghiệp trong hoạt động sản xuất kinh doanh; hỗ trợ doanh nghiệp phát triển thị trường xuất khẩu đối với những mặt hàng chủ lực; chú trọng thị trường nội địa, hỗ trợ doanh nghiệp tiêu thụ sản phẩm, hàng tồn kho.

Tiếp tục thực hiện đầy đủ, kịp thời các giải pháp của Chính phủ về tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, hỗ trợ thị trường; hỗ trợ phát triển các ngành ưu tiên như: nông nghiệp và nông thôn, xuất khẩu, công nghiệp hỗ trợ, doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Hai là, thực hiện tốt các giải pháp về tái cơ cấu kinh tế gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng. Tăng trưởng kinh tế với năng lực cạnh tranh cao, tập trung phát triển một số cụm ngành động lực gắn với các đô thị.

Chuyển dịch cơ cấu kinh tế tập trung vào các lĩnh vực có đóng góp cho nguồn thu ngân sách tỉnh và có tiềm năng tăng trưởng bền vững. Tái cơ cấu các ngành theo hướng giảm dần đầu vào là tài nguyên, lao động giản đơn, tăng dần hàm

lượng công nghệ và giá trị gia tăng của sản phẩm nhằm tăng năng suất lao động.

Phát triển một số cụm ngành chủ chốt và các cụm đô thị trọng điểm để tạo động lực cho tăng trưởng kinh tế và thúc đẩy phát triển nông thôn. Hỗ trợ hình thành các cụm ngành công nghệ cao, năng suất cao dựa trên lợi thế cạnh tranh của tỉnh. Tập trung vào cách tiếp cận tăng trưởng xanh và đô thị sinh thái.

Phát triển công nghiệp bền vững, gắn liền với phát triển kết cấu hạ tầng chiến lược và sử dụng tài nguyên hiệu quả. Tăng cường đầu tư vào hạ tầng các khu, cụm công nghiệp và làng nghề, trong đó trọng tâm phát triển là các khu kinh tế, khu công nghiệp hiện có. Căn cứ Chiến lược phát triển công nghiệp Việt Nam đến 2025, tầm nhìn đến 2035; tập trung phát triển 3 nhóm ngành công nghiệp: Chế biến, chế tạo; điện tử và viễn thông; năng lượng mới và năng lượng tái tạo.

Phát triển du lịch bền vững, thúc đẩy liên kết đô thị, nông thôn và liên kết vùng. Phát triển các loại hình du lịch, đặc biệt là thu hút các dự án du lịch cao cấp khu vực ven biển. Bên cạnh đó, chú ý phát triển du lịch văn hóa và sinh thái mà trung tâm lan tỏa là hai di sản văn hóa thế giới Mỹ Sơn và Hội An, kết nối phát triển du lịch với phát triển các ngành tiêu thủ công nghiệp.

Phát triển nông nghiệp và nông thôn theo hướng hiện

đại hóa nông thôn và xây dựng nông thôn mới. Phần đầu năm 2016 tăng từ 3-4% xã đạt chuẩn, nâng tỷ lệ số đạt chuẩn nông thôn mới năm 2016 lên gần 30% để đến năm 2020 có 50% số xã đạt chuẩn nông thôn mới.

Ba là, tiếp tục tập trung các nguồn lực đầu tư thực hiện có hiệu quả 3 nhiệm vụ đột phá. Tập trung phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, xây dựng và thực hiện tốt kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016-2020. Phát triển kết cấu hạ tầng, trọng tâm là giao thông: (1) Thúc đẩy Trung ương đầu tư và hoàn thành các công trình trên địa bàn: đường cao tốc, đường Đông Trường Sơn; cầu Giao Thủy, nâng cấp quốc lộ 14G, mở rộng quốc lộ 40B, kết nối các tuyến đường cao tốc với Quốc lộ 1 và đường ven biển Việt Nam; phát triển cảng Hàng không Chu Lai; cải tạo nâng cấp tuyến đường sắt. (2) Tập trung xây dựng, phát triển và hoàn chỉnh hệ thống kết cấu hạ tầng, đặc biệt hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông kết nối giữa vùng Đông và Tây, giữa đô thị và nông thôn; hoàn chỉnh hệ thống đường ĐT, hệ thống đường ven biển, nạo vét cảng Kỳ Hà đảm bảo cho tàu 30.000 tấn hoạt động; nạo vét sông Cổ Cò, Trường Giang. Thu hút đầu tư trong và ngoài nước, thúc đẩy hoàn thành các dự án đang triển khai đồng thời chú trọng xúc tiến các dự án mới, quan trọng, chiến lược.

Hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng đô thị, hạ tầng du lịch. Chú trọng phát triển các ngành kinh tế biển, đặc biệt là hậu cần thủy sản, khai thác khí, điện; xây dựng, cải tạo các

công trình thủy lợi, âu thuyền, đê biển, kè sông, hạ tầng thủy sản quan trọng phục vụ sản xuất, chủ động phòng chống và thích ứng với biến đổi khí hậu; đa dạng hóa và nâng cao chất lượng các loại hình dịch vụ.

Phát triển các khu kinh tế, khu công nghiệp gắn với phát triển cụm ngành, phát triển công nghiệp hỗ trợ, nhất là công nghiệp hỗ trợ dệt may, da giày; công nghiệp hỗ trợ ngành cơ khí ô tô và cơ khí chế tạo phục vụ nông nghiệp; phát triển các đô thị làm hạt nhân tăng trưởng thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, gắn với bảo vệ môi trường sinh thái và phát triển bền vững.

Về phát triển nguồn nhân lực, trọng tâm là phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, tạo thêm việc làm mới, chuyển dịch cơ cấu lao động. Tập trung phát triển giáo dục miền núi, thực hiện tốt chương trình phổ cập giáo dục, xóa mù chữ. Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất cho dạy và học.

Tăng cường xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức chuyên nghiệp, hiện đại, đồng bộ phù hợp với yêu cầu của hội nhập và phát triển. Xây dựng và triển khai thực hiện đề án phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao; đề án thu hút bác sĩ, bác sĩ nội trú. Nâng cao chất lượng dạy, học và bồi dưỡng ngoại ngữ trên địa bàn tỉnh.

Nâng cao chất lượng dạy nghề, phát triển các nghề trọng điểm, liên kết giữa các cơ sở dạy nghề với các doanh nghiệp, các cơ sở sản xuất kinh doanh để tiếp nhận sử dụng người

lao động sau khi hoàn thành các khóa học nghề. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả đề án Đào tạo nghề cho lao động nông thôn.

Chú trọng khuyến khích phát triển ngành công nghiệp sử dụng nhiều lao động, nhất là đưa các ngành công nghiệp sử dụng nhiều lao động phổ thông về khu vực nông thôn, miền núi, các cụm công nghiệp.

Xây dựng kế hoạch đào tạo và đào tạo lại cán bộ quản trị doanh nghiệp đủ sức tiếp cận tiến bộ mới về khoa học quản lý, công nghệ mới, dự báo và tiếp cận với thị trường để chủ động hội nhập.

Cải thiện môi trường đầu tư. Tiến hành rà soát, sửa đổi, bổ sung các văn bản, chủ trương, chính sách đã ban hành có liên quan đến công tác cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh theo Luật Đầu tư. Thực hiện đầy đủ, kịp thời chính sách của Chính phủ về miễn, giảm, gia hạn nộp thuế cho các doanh nghiệp. Nhiều chương trình cải cách thủ tục hành chính được thực hiện nhằm đẩy mạnh cải thiện môi trường đầu tư, hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp.

Tiếp tục thực hiện kế hoạch hành động số 2479/KH-UBND ngày 01/7/2014 về cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh và nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh giai đoạn 2014-2015. Thực hiện Nghị quyết số 19/NQ-CP ngày 12/3/2015 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu tiếp tục cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng

lực cạnh tranh quốc gia hai năm 2015-2016, tỉnh đã ban hành Chỉ thị số 16/CT-UBND ngày 06/8/2015 về tiếp tục đẩy mạnh cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh và nhiều chủ trương, chính sách đã ban hành trong thời gian qua nhằm cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh và hỗ trợ doanh nghiệp.

Chú trọng thu hút đầu tư đồng thời rà soát thu hồi giấy phép đối với các doanh nghiệp không thực hiện theo cam kết. Thực hiện tốt công tác xác định giá đất phù hợp và ổn định, bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư để giao mặt bằng sạch cho nhà đầu tư thực hiện dự án, cũng như xây dựng các công trình. Nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) luôn duy trì ở nhóm khá và tốt.

Bốn là, phát triển kinh tế - xã hội nông thôn, miền núi, xây dựng nông thôn mới, đảm bảo an sinh xã hội gắn với giảm nghèo bền vững.

Tiếp tục thực hiện các Nghị quyết HĐND tỉnh; triển khai có hiệu quả các chương trình mục tiêu, chương trình hỗ trợ theo mục tiêu, chương trình đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng nông thôn, miền núi, nhất là tại các xã đặc biệt khó khăn, các huyện nghèo theo Nghị Quyết 30a/NQ-CP.

Đẩy mạnh việc triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới. Duy trì và nâng cao chất lượng tiêu chí đối với các xã đã đạt chuẩn nông thôn mới. Phấn đấu đến năm 2020, toàn tỉnh có trên 50% số xã

đạt chuẩn nông thôn mới, riêng năm 2016 phấn đấu tăng từ 3-4% xã đạt chuẩn, nâng tỷ lệ lên gần 30%.

Thực hiện đồng bộ, toàn diện và hiệu quả các Chương trình, dự án giảm nghèo, trong đó, chú trọng các chính sách tạo điều kiện cho vay phát triển sản xuất đối với những hộ đã thoát nghèo theo Nghị quyết 119 của HĐND tỉnh. Triển khai thực hiện điều tra, khảo sát hộ nghèo đảm bảo theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều; tập trung hỗ trợ tạo điều kiện cho các hộ nghèo phát triển sản xuất, tăng thu nhập và ổn định cuộc sống; khắc phục tư tưởng ỷ lại, trông chờ vào ngân sách nhà nước; phấn đấu hằng năm giảm tỷ lệ hộ nghèo từ 2-2,5%.

Triển khai chương trình hành động của Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết 29 của Ban Chấp hành Trung ương (khóa XI) về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng với yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế giai đoạn 2015-2020. Nâng cao chất lượng giáo dục - đào tạo của các bậc học, đặc biệt là ở khu vực miền núi.

Thực hiện tốt Nghị Quyết 05/NQ-CP của Chính phủ về đẩy mạnh thực hiện mục tiêu phát triển thiên niên kỷ trong lĩnh vực y tế. Tiếp tục chương trình đầu tư nâng cấp các bệnh viện tuyến tỉnh, huyện, trạm y tế các xã; thu hút bác sỹ, đồng thời đãi ngộ, hỗ trợ kịp thời các chế độ theo đề án, phục vụ

công tác khám chữa bệnh, tăng tỷ lệ bác sỹ/vạn dân.

Thực hiện Nghị quyết số 46/NQ-CP ngày 29/3/2013 của Chính phủ về phát triển khoa học và công nghệ; Chiến lược phát triển khoa học và công nghệ giai đoạn 2011-2020, các chương trình quốc gia về khoa học và công nghệ, các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ, xác lập, bảo vệ và khai thác quyền sở hữu trí tuệ. Đẩy mạnh chuyển giao kết quả nghiên cứu khoa học, công nghệ trong phát triển sản xuất, nhất là sản xuất, chế biến, bảo quản các sản phẩm nông nghiệp và phát triển nông thôn. Chú trọng áp dụng công nghệ trong phát triển giống lúa lai, sâm Ngọc Linh và các cây hương liệu, dược liệu trên địa bàn tỉnh.

Thực hiện tốt công tác đền ơn đáp nghĩa, các chính sách đối với người có công cách mạng; chính sách xã hội, đẩy mạnh các hoạt động từ thiện, nhân đạo, phát triển các hoạt động an sinh xã hội. Tăng cường kiểm tra việc thực hiện đóng bảo hiểm xã hội và đảm bảo an toàn cho người lao động.

Tổ chức tốt các hoạt động văn hóa, thông tin, tuyên truyền, tạo sự đồng thuận trong Nhân dân tích cực triển khai thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XXI, Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XII.

Năm là, tăng cường công tác bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu.

Tập trung giải quyết tốt vấn đề môi trường ở các khu,

cụm công nghiệp; nhất là ở một số nhà máy sản xuất qui mô lớn, tiến tới xây dựng các nhà máy xử lý nước chung tại tất cả các khu công nghiệp trên địa bàn; phấn đấu đến năm 2020, tất cả các khu công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường.

Tiếp tục thực hiện chương trình trọng điểm trong chiến lược bảo vệ môi trường, đảm bảo tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững, giảm nghèo cải thiện chất lượng cuộc sống. Thực hiện có hiệu quả kế hoạch hành động ứng phó biến đổi khí hậu. Trong đó, chủ động khảo sát, lựa chọn các giải pháp kỹ thuật để triển khai xây dựng dự án kè chống sạt lở bờ biển Hội An và khu vực ven sông, ven biển có nguy cơ sạt lở.

Nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước về tài nguyên khoáng sản, bảo đảm nguồn khoáng sản được sử dụng hợp lý, tiết kiệm. Tăng cường chế biến sâu, giảm thiểu ô nhiễm môi trường.

Bảo tồn đa dạng sinh học và hệ sinh thái. Đẩy mạnh công tác bảo vệ môi trường biển, vùng ven biển, đảo; bảo vệ và phát triển rừng, đặc biệt là rừng nguyên sinh, rừng đặc dụng; bảo vệ và phát huy khu dự trữ sinh quyển Cù Lao Chàm. Thực hiện nghiêm các qui định về bảo vệ các giống loài động thực vật quý hiếm.

Sáu là, đẩy mạnh cải cách hành chính, xem đây là nhiệm vụ đột phá, trọng tâm trong năm 2016 và giai đoạn 2016-2020; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước,

tăng cường công tác phòng chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; giải quyết khiếu nại, tố cáo.

Rà soát các chức năng, phân định rõ nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm các cơ quan, đơn vị ở từng cấp, nhằm đổi mới tổ chức theo hướng nâng cao tính hiệu lực, hiệu quả trong quản lý hành chính nhà nước.

Thực hiện cải cách hành chính, tinh giản các thủ tục hành chính, áp dụng cơ chế một cửa trong giải quyết thủ tục hành chính ở tất cả các cấp theo các qui trình thống nhất, minh bạch, tăng cường năng lực cạnh tranh cho tỉnh, giảm các chi phí ban đầu cho doanh nghiệp.

Thực hiện "*một cửa*" đối với yêu cầu của công dân và đối với thủ tục chuẩn bị các dự án đầu tư trong nước và nước ngoài. Thực hiện "*một cửa và một cấp*" trong quyết định cấp phép đầu tư vào Khu kinh tế mở Chu Lai và khu công nghiệp.

Nâng cao hiệu quả công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo; tập trung giải quyết ngay từ cơ sở, hạn chế khiếu kiện, khiếu nại đông người. Tăng cường công tác phòng chống tham nhũng, lãng phí. Thực hiện nghiêm các kết luận thanh tra và việc xử lý sau thanh tra. Chỉ đạo các đơn vị, địa phương kiện toàn đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác tiếp công dân; triển khai ứng dụng phần mềm hệ thống cơ sở dữ liệu về công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo.

Bảo là, đảm bảo quốc phòng, an ninh, tăng cường công tác đối ngoại.

Tiếp tục thực hiện Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới; phát huy tinh thần yêu nước và sức mạnh của toàn dân tộc trong bảo vệ chủ quyền. Chú trọng kết hợp củng cố quốc phòng an ninh với phát triển kinh tế - xã hội, xóa đói giảm nghèo, nhất là ở địa bàn trọng điểm, vùng biên giới, vùng an toàn khu theo Quyết định 229 của Thủ tướng Chính phủ. Triển khai thực hiện có hiệu quả Quyết định 67/2014/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về giúp ngư dân an tâm ra khơi khai thác, đánh bắt gắn với bảo vệ chủ quyền.

Thực hiện tốt nhiệm vụ tổ chức quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia; tăng cường mối quan hệ đoàn kết hữu nghị đặc biệt, xây dựng “*biên giới mẫu mực*” giữa hai tỉnh Quảng Nam – Sê Koong; tăng cường mối quan hệ hợp tác với các tỉnh, thành thuộc các quốc gia, vùng lãnh thổ khác.

Tổ chức thực hiện tốt chương trình mục tiêu quốc gia về phòng chống tội phạm ma túy, mua bán người. Kiên quyết triệt phá các băng nhóm tội phạm. Bảo đảm an toàn giao thông đường bộ, phấn đấu giảm tỷ lệ tai nạn giao thông.

Thực hiện đồng bộ các nhóm nhiệm vụ, giải pháp nêu trên sẽ đạt được chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh đề ra cho năm 2016./.

-
- 1- Theo cách tính mới 9,2%, GDP cả nước 6,5%
 - 2- Theo cách tính mới tăng 8,4%
 - 3- Tổng huy động hơn 25.130 tỷ đồng, tăng 21,6% so với đầu năm; Tín dụng tăng trưởng hơn 20% (KH 18,48%, cả nước 17%)
 - 4- Thu ngân sách năm 2015 dự kiến đạt trên 12.800 tỷ đồng, tăng 40,6% dự toán (9.100 tỷ đồng); thu nội địa khoảng 8.000 tỷ đồng
 - 5- Thu xuất nhập khẩu hơn 4.400 tỷ đồng
 - 6- Dự kiến ngân sách tỉnh bù hụt thu cho Phú Ninh và Phước Sơn gần 90 tỷ đồng
 - 7- Toàn tỉnh có 12.280 Mẹ Việt Nam anh hùng (trong đó có 2.562 mẹ được phong tặng), 1.084 mẹ còn sống.
 - 8- Toàn tỉnh có 411 trường đạt chuẩn (Mầm non: 106 trường, Tiểu học 185 trường, THCS 108 trường, THPT 12 trường)
 - 9- Nghị quyết HĐND tỉnh về phát triển giao thông nông thôn giai đoạn 2010-2015: 1.447 km

NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG, HIỆU QUẢ CÔNG TÁC TƯ TƯỞNG GÓP PHẦN THỰC HIỆN THẮNG LỢI NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐẢNG BỘ TỈNH QUẢNG NAM LẦN THỨ XXI

Nguyễn Chín

UVBTV, Trưởng ban Tuyên giáo Tỉnh ủy

Công tác tư tưởng là một bộ phận rất quan trọng trong hoạt động lãnh đạo của Đảng, là hoạt động tuyên truyền chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; tạo sự thống nhất cao trong toàn Đảng, tạo sự đồng thuận trong Nhân dân, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị. Có thể khẳng định rằng, trong những năm qua, công tác tư tưởng của Đảng bộ và cả hệ thống chính trị tỉnh Quảng Nam đã đạt được nhiều kết quả, nhất là triển khai thực hiện Nghị quyết 10-NQ/TU ngày 23/7/2012 về “*Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác chính trị, tư tưởng từ nay đến cuối nhiệm kỳ (2015)*”, đã tạo ra những chuyển biến tích cực trong Đảng, trong Nhân dân, đóng góp lớn vào những thành tựu phát triển của tỉnh. Kinh tế - xã hội Quảng Nam đã có bước phát triển đáng kể, đời sống vật chất, văn hóa, tinh thần của Nhân dân được cải thiện rõ rệt; an ninh chính trị, trật tự an toàn

xã hội cơ bản được giữ vững; hệ thống chính trị từ tỉnh đến cơ sở được củng cố ngày càng vững chắc; quyền làm chủ của Nhân dân được tôn trọng và phát huy. Việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh đã nhận được sự hưởng ứng tích cực của đông đảo cán bộ, đảng viên và các tầng lớp Nhân dân, bước đầu đem lại những kết quả tích cực, góp phần củng cố nền tảng tư tưởng, tinh thần, đạo đức xã hội. Công tác tư tưởng đã góp phần vào thành công của Đại hội Đảng các cấp tiến đến Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XII, tạo được niềm tin của cán bộ, đảng viên và Nhân dân đối với Đảng.

Những thành tựu đạt được là tiền đề rất quan trọng để thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XXI. Tuy nhiên, hiện nay và trong những năm tới, nước ta đứng trước những cơ hội mới, đồng thời phải đối mặt với nhiều thách thức trong quá trình phát triển. Kinh tế tuy tăng trưởng cao nhưng chưa vững chắc, thu nhập của người dân còn ở mức thấp, tỷ lệ hộ nghèo vẫn còn cao. Tình trạng suy thoái về đạo đức, lối sống; nạn quan liêu, tham nhũng trong một bộ phận cán bộ, đảng viên chưa được đẩy lùi. Trong điều kiện phát triển nền kinh tế thị trường, hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, bên cạnh mặt tích cực, thời cơ thì mặt tiêu cực của nó là không nhỏ, các trào lưu tư tưởng, văn hóa độc hại, lối sống thực dụng..., xâm nhập vào nước ta, làm phai nhạt lý tưởng cách mạng, bản sắc văn hóa dân tộc của một bộ phận Nhân dân, nhất là thế hệ trẻ. Các thế lực thù địch, phản động tiếp

tục chống phá sự nghiệp cách mạng của Đảng và Nhân dân ta bằng nhiều phương thức, thủ đoạn khác nhau, hòng xóa bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, xóa bỏ chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, xóa bỏ chế độ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. Tình hình tranh chấp chủ quyền lãnh thổ, biên giới, nhất là tranh chấp chủ quyền trên biển Đông diễn biến ngày càng phức tạp làm ảnh hưởng đến an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội nước ta. Đối với tỉnh ta, kinh tế có tăng trưởng ở mức cao liên tục trong nhiều năm nhưng quy mô nền kinh tế vẫn còn nhỏ, thu nhập của người dân còn ở mức thấp, tỷ lệ nghèo cao hơn bình quân cả nước. Những vấn đề về an sinh xã hội, nâng cao đời sống Nhân dân, giải quyết việc làm, quản lý tài nguyên, môi trường..., có mặt còn bất cập. Bên cạnh đó, các tệ nạn xã hội, các loại tội phạm nguy hiểm có biểu hiện diễn biến phức tạp gây bức xúc trong xã hội...

Công tác tư tưởng của Đảng bộ và hệ thống chính trị đã có đổi mới, cải tiến nhưng chưa đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới; phương pháp công tác tư tưởng chưa linh hoạt, nhất là trong việc định hướng thông tin và dư luận xã hội, còn nhiều lúng túng trong việc tiếp cận, tham mưu các vấn đề xã hội, nhất là những vấn đề nhạy cảm chưa kịp thời. Việc tổ chức học tập, quán triệt chỉ thị, nghị quyết của Đảng ở một số nơi còn hình thức, kết quả vẫn chưa đạt như mong muốn. Quan điểm “*tư tưởng đi trước một bước*” của Đảng chưa được thực hiện triệt để; một số cấp ủy chưa chủ động

nắm bắt tình hình diễn biến tư tưởng, dư luận xã hội trong cán bộ, đảng viên và Nhân dân, nên còn bị động, bất ngờ khi “điểm nóng” xảy ra. Công tác điều tra dư luận xã hội chưa đều khắp, toàn diện, vẫn có những dự án kinh tế, xã hội chưa được điều tra trước khi ra quyết định; dẫn đến hiệu quả chưa đạt yêu cầu, chưa tạo được sự đồng thuận trong cán bộ, đảng viên và Nhân dân. Hầu hết cán bộ tuyên giáo các cấp chưa qua đào tạo nghiệp vụ tuyên giáo mà chỉ được bồi dưỡng ngắn hạn; công tác tham mưu cho cấp ủy lãnh đạo, chỉ đạo công tác tư tưởng của cơ quan chuyên trách đôi lúc chưa kịp thời, nhất là tham mưu thực hiện kiểm tra, đôn đốc cơ sở. Sự phối hợp giữa các ban ngành, đoàn thể, đặc biệt là sự phối hợp giữa Ban tuyên giáo và UBND cùng cấp trong công tác chính trị, tư tưởng chưa chặt chẽ, đồng bộ... Bối cảnh đó đòi hỏi công tác tư tưởng phải vươn lên đáp ứng yêu cầu của tình hình mới.

Mục tiêu chính trị trong nhiệm kỳ 2015 - 2020 được Đại hội Đảng bộ tỉnh Quảng Nam lần thứ XXI đề ra là: *“Tạo bước chuyển mạnh mẽ về công tác xây dựng Đảng nhằm nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng bộ, quản lý, điều hành của chính quyền các cấp; phát huy dân chủ, truyền thống cách mạng, bản sắc văn hóa; huy động mọi nguồn lực và tạo bước đột phá trong thu hút đầu tư để phát triển kinh tế nhanh, bền vững; đảm bảo an sinh xã hội, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân; bảo đảm quốc phòng - an ninh; thực hiện hiệu quả công tác phòng chống tham*

những, lãng phí; đẩy mạnh hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế; phấn đấu đến năm 2020, Quảng Nam trở thành tỉnh khá của cả nước, sớm trở thành tỉnh công nghiệp theo hướng hiện đại”. Nhiệm vụ công tác tư tưởng trong thời gian đến là phải đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả nhằm làm cho toàn Đảng bộ và Nhân dân tỉnh nhà tiếp tục kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; kiên định chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; tạo sự thống nhất cao trong Đảng, sự đồng thuận trong các tầng lớp Nhân dân xây dựng đảng và hệ thống chính trị vững mạnh, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân đồng thời giữ vững quốc phòng - an ninh.

Tiếp tục nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác tư tưởng của Đảng bộ cần tập trung vào những vấn đề sau đây:

Thứ nhất, tiếp nâng cao nhận thức của toàn Đảng bộ và hệ thống chính trị các cấp về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của công tác tư tưởng trong công tác xây dựng Đảng vững mạnh và phát triển tỉnh Quảng Nam.

Các cấp ủy đảng và hệ thống chính trị tổ chức quán triệt sâu rộng đến từng cán bộ, đảng viên và Nhân dân về vai trò, vị trí và tầm quan trọng của công tác tư tưởng trong tình hình mới.

Trách nhiệm thực hiện công tác tư tưởng là của toàn Đảng bộ, của cả hệ thống chính trị, mà trước hết là của cấp ủy Đảng, của từng cán bộ, đảng viên. Mỗi cán bộ, đảng viên, trước hết phải rèn luyện bản lĩnh chính trị, làm công tác tư

tưởng cho chính bản thân, cơ quan và gia đình. Các cấp ủy phải coi trọng và thường xuyên lãnh đạo thực hiện công tác lãnh đạo, chỉ đạo công tác tư tưởng một cách thường xuyên ở địa phương, ngành, đơn vị mình, tránh tình trạng khoán trắng cho cơ quan chuyên trách.

Thực hiện gắn kết giữa đánh giá tư tưởng cán bộ, đảng viên với kết quả hoàn thành nhiệm vụ chính trị. Công tác tư tưởng phải gắn bó hữu cơ với việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ kinh tế, xã hội, an ninh, quốc phòng của địa phương; kịp thời giải quyết những vấn đề mới nảy sinh trong quá trình đẩy mạnh phát triển cũng như những vấn đề bức xúc của Nhân dân. Cấp ủy thực hiện tốt công tác giám sát, kiểm tra việc thực hiện công tác chính trị, tư tưởng; đổi mới và nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ, trong đó chú trọng hơn công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, tự phê bình và phê bình.

Định kỳ sơ kết, tổng kết đánh giá tình hình công tác chính trị, tư tưởng của đảng bộ, chi bộ, nghiên cứu đề ra những giải pháp, biện pháp hữu hiệu nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác chính trị, tư tưởng, làm cho cán bộ, đảng viên và Nhân dân nhận thức chính trị vững vàng, không dao động trước những khó khăn, thách thức. Trong năm 2016, các cấp ủy tổ chức kiểm tra đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết 10-NQ/TU ngày 23/7/2012 về *“Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác chính trị, tư tưởng từ nay đến cuối nhiệm kỳ (2015)”*.

Thứ hai, tiếp tục tổ chức thực hiện tốt nhóm giải pháp về công tác giáo dục chính trị, tư tưởng được Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI nêu trong Nghị quyết Trung ương 4 “Một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay”:

Xây dựng Đảng là công việc hệ trọng, cấp bách, lâu dài với nhiều nội dung, trong đó xây dựng Đảng về tư tưởng là nội dung trọng yếu nhất. Vì vậy, phải thường xuyên đẩy mạnh việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh theo tinh thần Chỉ thị số 03-CT/TW ngày 14/5/2011 của Bộ Chính trị; tập trung lãnh đạo, chỉ đạo việc làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh một cách thiết thực, hiệu quả và đưa việc học tập này đi vào chiều sâu, trở thành công việc thường xuyên của mỗi cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức. Trong năm 2016, tập trung vào chủ đề “*Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh về trung thực, trách nhiệm, gắn bó với Nhân dân, đoàn kết xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh*” và các chuyên đề đã quán triệt, học tập từ năm 2011 đến năm 2015.

Đây là nhiệm vụ chính trị quan trọng, thường xuyên của đảng bộ, chi bộ gắn với việc nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức Đảng và thực hiện nhiệm vụ chính trị của cơ quan, đơn vị, địa phương. Người đứng đầu cấp ủy, địa phương, đơn vị và cán bộ, đảng viên phải nêu gương cho quần chúng, kiên quyết thực hiện nói đi đôi với làm.

Đổi mới công tác tuyên truyền, giáo dục chính trị, tư

tưởng, đạo đức, lối sống cho cán bộ, đảng viên gắn với việc kiểm điểm, đánh giá và đề ra biện pháp sát hợp để giải quyết vấn đề cấp bách trong công tác xây dựng Đảng của các cấp theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 4, củng cố, tăng cường niềm tin trong Đảng và Nhân dân.

Thực hiện nghiêm các qui định về bảo vệ chính trị nội bộ Đảng, bảo vệ bí mật Nhà nước, đảm bảo nói và làm theo nghị quyết, chỉ thị của Đảng, thực hiện tốt Quy định về những điều đảng viên không được làm đồng thời phát hiện kịp thời, xử lý nghiêm các hành vi tán phát tài liệu, nói xấu Đảng.

Thứ ba, tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao nhận thức về chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; giáo dục truyền thống cách mạng. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước.

Nhiệm vụ trọng tâm, lâu dài của công tác tư tưởng là tuyên truyền chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; tạo sự thống nhất cao trong toàn Đảng, tạo sự đồng thuận trong Nhân dân, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị.

Tập trung xây dựng chương trình hành động và triển khai thực hiện tốt Nghị quyết số 33-NQ/TW (khóa XI) về “*Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước*” và Chỉ thị số

42-CT/TW ngày 24/3/2015 của Ban Chấp hành Trung ương về *“Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống văn hóa cho thế hệ trẻ giai đoạn 2015-2030”*. Đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền giáo dục ý nghĩa các ngày kỷ niệm lịch sử của dân tộc. Chú trọng giáo dục lý tưởng cách mạng, chủ nghĩa yêu nước, lòng tự hào dân tộc, tinh thần năng động, sáng tạo, ý chí cách mạng tiến công, nhất là giáo dục cho thế hệ trẻ, sống biết lao động, cống hiến, có hoài bão ước mơ, vì sự phát triển của đất nước, quê hương.

Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng học tập, quán triệt, tuyên truyền nghị quyết, chỉ thị của Đảng theo hướng gắn với chương trình hành động cụ thể, phù hợp với địa phương đơn vị. Tiến hành sơ kết, tổng kết các chỉ thị, nghị quyết của Đảng và của Tỉnh ủy, góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục chính trị, tư tưởng trong cán bộ, đảng viên, xây dựng Đảng bộ vững mạnh trên các mặt chính trị, tư tưởng và tổ chức.

Tiếp tục đổi mới nội dung hình thức, phương pháp học tập lý luận chính trị. Tăng cường công tác kiểm tra, khảo sát tình hình giảng dạy chính trị, giáo dục công dân, lịch sử địa phương ở các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp và các trường phổ thông trên địa bàn để chỉ đạo nâng cao chất lượng giảng dạy. Các cấp ủy quán triệt trong đội ngũ cán bộ, đảng viên về trách nhiệm, nghĩa vụ, quyền lợi học tập lý luận chính trị để mỗi cán bộ, đảng viên xác định

động cơ đúng đắn, học tập có chất lượng.

Thực hiện công tác nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn, đưa vào nề nếp việc bồi dưỡng lý luận, cập nhật kiến thức mới, bồi dưỡng chuyên đề về tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh cho cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp, đặc biệt là cán bộ chủ chốt cấp tỉnh, cấp huyện.

Thứ tư, phát huy sức mạnh tổng hợp để thực hiện có hiệu quả công tác tư tưởng. Tăng cường công tác chỉ đạo, quản lý hoạt động báo chí, văn hóa, văn nghệ; nâng cao chất lượng hoạt động, phát huy chức năng tư tưởng của các cơ quan thông tin đại chúng trong tỉnh.

Các cấp ủy đảng xây dựng quy chế phối hợp trong công tác chính trị, tư tưởng giữa các cơ quan khối Đảng với khối chính quyền và Mặt trận, đoàn thể một cách cụ thể, thiết thực, bám sát nhiệm vụ chính trị và tư tưởng ở từng cấp, từng địa phương; nhất là đối với các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội liên quan đến lợi ích người dân.

Nâng cao hiệu quả hoạt động của cơ quan chuyên trách về tuyên truyền, các cơ quan thông tin đại chúng; kịp thời, thường xuyên cung cấp thông tin và định hướng đối với công tác báo chí theo đúng định hướng của Đảng và Nhà nước. Hoạt động báo chí chú trọng làm tốt hơn nữa việc nêu gương người tốt, việc tốt; lấy nhân tố tích cực để đẩy lùi tiêu cực; đồng thời phê phán, đấu tranh với những biểu hiện suy

thoái về tư tưởng chính trị, vô trách nhiệm, vụ lợi cá nhân, vi phạm những chuẩn mực đạo đức, lối sống... Tập trung chấn chỉnh, quản lý thông tin trên mạng Internet, các mạng xã hội và blog cá nhân.

Coi trọng xã hội hóa các hoạt động văn hóa nhưng gắn với việc bảo tồn, giữ gìn và phát huy các giá trị văn hóa dân tộc. Bảo đảm hoạt động báo chí, xuất bản, văn hóa, văn nghệ đúng tôn chỉ mục đích, có tác dụng giáo dục chính trị, tư tưởng. Đổi mới việc cung cấp thông tin và định hướng đối với công tác báo chí trên địa bàn. Xây dựng và triển khai thực hiện các chương trình thông tin đối ngoại quảng bá hình ảnh của địa phương, của đất nước.

Thứ năm, phát huy tinh thần chủ động tiến công, triển khai có hiệu quả cuộc đấu tranh chống chiến lược “diễn biến hòa bình” và âm mưu bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch, đặc biệt trên lĩnh vực tư tưởng - văn hóa.

Tăng cường tuyên truyền chống các quan điểm sai trái, xuyên tạc của các thế lực thù địch; có biện pháp kịp thời ngăn chặn và phê phán các quan điểm lệch lạc, sai trái của các phần tử cơ hội chính trị, chống phá chế độ ta. Kiên quyết đấu tranh làm thất bại chiến lược “diễn biến hòa bình”, âm mưu chống đảng và chế độ ta của các thế lực thù địch. Chủ động phòng ngừa, đấu tranh, phê phán những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ Đảng. Giữ gìn sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng, sự đồng thuận trong xã hội.

Phải xây dựng bản lĩnh chính trị, trí tuệ, ý thức đề cao cảnh giác, bồi đắp tính kiên định, sự vững vàng của cán bộ, đảng viên và những người làm công tác tư tưởng trước mọi diễn biến của tình hình thế giới và trong nước.

Thứ sáu, thực hiện tốt hơn nữa công tác nắm bắt, nghiên cứu dư luận xã hội, dự báo tình hình tư tưởng, kịp thời giải quyết những vấn đề bức xúc

Các cấp ủy quan tâm hơn nữa việc lãnh đạo, chỉ đạo công tác nắm bắt, nghiên cứu dư luận xã hội, dự báo tình hình chính trị, tư tưởng trên địa bàn. Chỉ đạo tiếp tục đổi mới phương thức tiến hành các hoạt động nắm bắt, nghiên cứu dư luận xã hội; bố trí kinh phí, nhân sự chuyên trách để nâng cao hiệu quả điều tra dư luận xã hội; kịp thời nắm bắt các diễn biến tư tưởng, tâm trạng xã hội trong cán bộ, đảng viên, các tầng lớp Nhân dân; nhất là các vấn đề mới, bức xúc nảy sinh và có tính chất phức tạp, nhạy cảm nhằm có biện pháp giải quyết không để xảy ra các vụ việc phức tạp.

Tập trung giải quyết các vấn đề bức xúc trong Đảng và xã hội, tạo sự đồng thuận, đoàn kết trong toàn Đảng bộ và xã hội. Đồng thời, đẩy mạnh lãnh đạo, chỉ đạo phát huy quyền làm chủ của Nhân dân. Các chương trình, chính sách của nhà nước phải sát thực tiễn, phù hợp với nguyện vọng, hài hòa lợi ích của đông đảo Nhân dân. Thống nhất tư tưởng trong chỉ đạo, điều hành và đồng thuận trong hệ thống chính trị, tranh thủ sự đồng tình ủng hộ của Nhân dân, nhằm phát

huy mọi nguồn lực phục vụ cho sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Thứ bảy, tiếp tục lãnh đạo củng cố tổ chức, nâng cao chất lượng đội ngũ làm công tác tuyên giáo; tăng cường trang thiết bị tác nghiệp, đổi mới công tác tuyên giáo

Cấp ủy Đảng các cấp cần quy hoạch đội ngũ cán bộ làm công tác tư tưởng, tuyên giáo đảm bảo về số lượng và phẩm chất chính trị, đạo đức, năng lực công tác; có chương trình, nội dung, phương thức đào tạo đội ngũ cán bộ làm công tác tư tưởng có chất lượng cao, phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ. Tiếp tục củng cố, nâng cao chất lượng hoạt động Ban tuyên giáo xã, phường, thị trấn. Tiếp tục đầu tư nâng cao trình độ, năng lực cho đội ngũ cán bộ, giáo viên Trường Chính trị tỉnh, các Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện, thành phố; đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên cấp ủy. Chỉ đạo cơ quan chuyên trách công tác tư tưởng đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác tuyên giáo.

Chú trọng công tác giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức lối sống, ý thức chấp hành pháp luật Nhà nước đối với đội ngũ cán bộ làm công tác tư tưởng, văn hóa, ưu tiên nâng cao bản lĩnh chính trị, trình độ trí tuệ. Đồng thời đấu tranh với những nhận thức lệch lạc, những biểu hiện tự do, thiếu ý thức tổ chức kỷ luật, xem nhẹ vai trò lãnh đạo của Đảng đối với công tác tư tưởng, văn hóa, văn nghệ. Quan tâm hơn nữa trong việc trang bị phương tiện làm việc cho cơ quan chuyên

trách, điều kiện làm việc của báo cáo viên, tuyên truyền viên nhằm góp phần nâng cao chất lượng công tác.

Công tác tư tưởng phải góp phần bảo vệ chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; xây dựng đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh hơn; đời sống vật chất, văn hóa và tinh thần của Nhân dân được nâng lên; xã hội văn minh, lành mạnh hơn. Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác tư tưởng của Đảng bộ là tiền đề quan trọng, là điều kiện cơ bản để thực hiện thắng lợi mục tiêu, nhiệm vụ Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XXI đề ra./.

ĐỔI MỚI, TẠO BƯỚC ĐỘT PHÁ TRONG CÔNG TÁC CÁN BỘ ĐÁP ỨNG YÊU CẦU NÂNG CAO NĂNG LỰC LÃNH ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CỦA CÁC CẤP TRONG GIAI ĐOẠN PHÁT TRIỂN MỚI CỦA TỈNH

Lê Văn Dũng

UVBTV, Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy

Thấm nhuần quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh: “*Cán bộ là cái gốc của mọi công việc*”, ngay sau khi tái lập tỉnh (năm 1997), nhận thấy được tầm quan trọng và tính cấp thiết của công tác cán bộ, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Nam đã ban hành nhiều nghị quyết, quy định về công tác cán bộ nhằm tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, thu hút nguồn nhân lực, xây dựng, kiện toàn và phát huy vai trò đội ngũ cán bộ các cấp trong thực hiện nhiệm vụ, trong đó nổi lên là Nghị quyết 04-NQ/TU, ngày 30/6/2011 của Tỉnh ủy về công tác cán bộ giai đoạn 2011-2015 và định hướng đến năm 2020 và Nghị quyết 16-NQ/TU, ngày 15/12/2014 về công tác cán bộ người dân tộc thiểu số giai đoạn 2015-2020 và định hướng đến năm 2025. Kịp thời sửa đổi và ban hành Quyết định 2147-QĐ/TU và Quyết định số 2148-QĐ/TU, ngày 14/01/2015 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Quy định về phân cấp quản lý cán bộ và Quy chế bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển đối với cán bộ,

công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý...

Sau khi có Nghị quyết 04-NQ/TU, Hội đồng Nhân dân tỉnh và Ủy ban Nhân dân tỉnh đã ban hành đồng bộ các nghị quyết, đề án, quy định để triển khai thực hiện như: Nghị quyết 27/2011/NQ-HĐND, ngày 09/12/2011 về sửa đổi, bổ sung một số Điều tại Nghị quyết số 100/2007/NQ-HĐND, ngày 14/12/2007 của HĐND tỉnh Khóa VII về một số chính sách xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2011- 2015; Nghị quyết 30/2011/NQ-HĐND, ngày 09/12/2011 về sửa đổi, bổ sung một số Điều tại Nghị quyết số 157/2010/NQ-HĐND, ngày 22/4/2010 của HĐND tỉnh Khóa VII về chức danh, mức phụ cấp, phụ cấp kiêm nhiệm, mức khoán kinh phí chi trả phụ cấp cho những người hoạt động không chuyên trách xã, phường, thị trấn và ở thôn, khối phố trên địa bàn tỉnh Quảng Nam; Đề án đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức giai đoạn 2011 - 2015 và định hướng đến năm 2020; Đề án đào tạo sau đại học giai đoạn 2011 - 2015 và định hướng đến năm 2020; Đề án đào tạo ngoại ngữ theo chuẩn quốc tế giai đoạn 2011 - 2015; Đề án tuyển chọn, đào tạo nguồn cán bộ chủ chốt xã, phường, thị trấn giai đoạn 2011 - 2016 (gọi tắt là Đề án 500); Đề án sửa đổi, bổ sung cơ chế, chính sách đối với cán bộ, công chức; Đề án thi tuyển chức danh cán bộ lãnh đạo, quản lý cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban Nhân dân tỉnh; Quy định về quản lý cán bộ, công chức, viên chức cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, các Hội và cán

bộ quản lý doanh nghiệp do Nhà nước làm chủ sở hữu thuộc Ủy ban Nhân dân tỉnh; Quy định tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm chức danh trưởng phòng, phó phòng và tương đương thuộc sở, ban, ngành, ủy ban Nhân dân huyện, thị, thành phố của tỉnh Quảng Nam.

Những năm qua, cùng với việc củng cố, kiện toàn hệ thống chính trị, nhiệm vụ xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức đã đạt nhiều kết quả và có những chuyển biến tích cực. Công tác quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý được thực hiện đúng quy trình, đảm bảo về số lượng, chất lượng, cơ cấu theo Hướng dẫn số 15-HD/BTCTW của Ban Tổ chức Trung ương và đảm bảo tính khả thi trong công tác quy hoạch, chính vì vậy kết quả đại hội Đảng các cấp nhiệm kỳ 2015 – 2020 đạt được nhiều tiêu chí quan trọng về số lượng, chất lượng cấp ủy viên, đạt về cơ cấu tỷ lệ nữ, tỷ lệ trẻ, tỷ lệ người dân tộc thiểu số..., cụ thể:

- **Đối với cấp cơ sở:** Tại đại hội 1.180 tổ chức cơ sở Đảng, nhiệm kỳ 2015-2020 đã bầu ra được 6.485 cấp ủy, số cấp ủy tham gia lần đầu 1.650 đồng chí tỷ lệ 25,44%, trong đó nữ 1.159 đồng chí, tỷ lệ 17,87%; trẻ tỷ lệ 28,78%; Dân tộc thiểu số 941 đồng chí, tỷ lệ 14,51% (tăng 0,59%). Về trình độ chuyên môn có 4.358 đồng chí có trình độ đại học, tỷ lệ 67,20% (tăng 10,43%); 297 đồng chí có trình độ Thạc sỹ, tỷ lệ 4,57% (tăng 2,06%), có 9 đồng chí trình độ tiến sĩ, tỷ lệ 0,13%, tăng so với nhiệm kỳ trước 0,03%; Về trình độ lý luận chính trị: có 1.712 đồng chí trình độ cao cấp, cử nhân tỷ

lệ 26,39%, tăng so với nhiệm kỳ trước 1,64%.

- Cấp huyện và tương đương: Tại đại hội 23 đảng bộ trực thuộc đã bầu 871 đồng chí, tăng 20 đồng chí so với nhiệm kỳ trước, số dư bầu cử là 13,8%; số lượng cấp ủy viên tham gia lần đầu 250 đồng chí. Trong đó nữ: 117 đồng chí, tỷ lệ 13,4%, tăng 3,94% so với nhiệm kỳ trước; trẻ 89/871 đồng chí, 10,21%; có 143 đồng chí là dân tộc thiểu số, tỷ lệ 16,41 %, tăng 2,3% so với khóa trước; Về trình độ chuyên môn: Có 755 đồng chí trình độ đại học, chiếm tỷ lệ 86,68%; có 75 đồng chí trình độ thạc sĩ, tỷ lệ 8,61%; có 02 đồng chí trình độ tiến sĩ, tỷ lệ 0,23 %. Về trình độ chính trị: Có 11 đồng chí trình độ sơ cấp (tương đương), chiếm tỷ lệ 1,26 %; có 73 đồng chí trình độ trung cấp, tỷ lệ 8,38 %, có 787 đồng chí trình độ cao cấp và cử nhân, tỷ lệ 90,35% tăng 5,88% so với khóa trước.

- Đại hội cấp tỉnh: Tổng số cấp ủy tỉnh khóa mới được bầu là 56 đồng chí, trong đó đương nhiệm giới thiệu lại là 34 đồng chí, chiếm tỷ lệ 60,7%; trúng cử lần đầu là 22 đồng chí, chiếm tỷ lệ 39,2%. Trong đó nữ 04 đồng chí, chiếm tỷ lệ 7,14%, tăng 1,69% so với nhiệm kỳ trước; cán bộ trẻ 06 đồng chí, chiếm tỷ lệ 10,71%, tăng 5,26% so với nhiệm kỳ trước; cán bộ người dân tộc thiểu số 05 đồng chí, chiếm tỷ lệ 8,92%, giảm 0,17% so với nhiệm kỳ trước. Về trình độ chuyên môn: Đại học 33 đồng chí, chiếm tỷ lệ 58,92%; sau đại học 23 đồng chí, chiếm tỷ lệ 41,07%, tăng 15,62% so với nhiệm kỳ trước; Về trình độ lý luận chính trị: Cao cấp, cử nhân 56/56 chiếm tỷ lệ 100%.

Bên cạnh đó công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ về lý luận chính trị và chuyên môn nghiệp vụ cũng được các cấp ủy quan tâm chỉ đạo. Đã cử đi đào tạo lý luận chính trị cho 5.479 đồng chí (*cử nhân: 54 đồng chí, Cao cấp: 1.132 đồng chí, Trung cấp: 4.293 đồng chí*); Cử đi đào tạo cao đẳng, đại học chuyên môn: 1.367 đồng chí, sau đại học: 236 đồng chí (*trong đó có 34 tiến sĩ*). Đã cử 08 đồng chí đi đào tạo thạc sỹ theo Đề án 165, đến nay đã có 06 đồng chí tốt nghiệp. Ngoài ra, đã cử 59 lượt cán bộ đi bồi dưỡng ngắn hạn, trung hạn ở nước ngoài. Đã tham mưu mở 02 lớp bồi dưỡng cán bộ dự nguồn lãnh đạo, quản lý tỉnh Quảng Nam trong năm 2014 với 215 học viên. Đào tạo nguồn cán bộ chủ chốt xã, phường, thị trấn theo Đề án 500: đã đào tạo và bố trí công tác được 3 khóa, với 412 học viên và hiện nay đang đào tạo khóa 4 với 108 học viên... Nhờ đó, chất lượng đội ngũ cán bộ từ tỉnh đến cơ sở từng bước được nâng lên, tỷ lệ cán bộ, công chức cấp xã đạt 3 chuẩn 71,61%, tăng 17,17% so với đầu nhiệm kỳ; Tỷ lệ cán bộ, công chức có trình độ chuyên môn đại học trở lên: Trưởng phòng cấp huyện 84,98%, tăng 13,70%; phó phòng cấp huyện 81,20%, tăng 9,54%; trưởng phòng cấp tỉnh 97,4%, tăng 3,13%; phó phòng cấp tỉnh 94,23%, tăng 0,7%; Tỷ lệ cán bộ công chức có trình độ lý luận chính trị cao cấp, cử nhân: Trưởng phòng cấp huyện 83,26%, tăng 10,57%; phó phòng cấp huyện 52,46%, tăng 8,94%; trưởng phòng cấp tỉnh 78,1%, tăng 7,9%; phó phòng cấp tỉnh 47,9%, tăng 3,4%. Những kết quả đạt được trong công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ trong những năm qua đã giúp cấp ủy đảng

chủ động trong công tác bố trí, sử dụng, đề bạt, bổ nhiệm cán bộ cũng như chuẩn bị nhân sự cấp ủy, khắc phục cơ bản tình trạng hụt hẫng cán bộ và tạo ra bước đột phá quan trọng về công tác cán bộ, nhất là cán bộ xã, phường, thị trấn, cán bộ lãnh đạo, quản lý của tỉnh. Đồng thời đây cũng là nguồn bổ sung quan trọng cho đội ngũ cán bộ chủ chốt các cấp trong những năm tới.

Công tác kiện toàn, củng cố các chức danh lãnh đạo chủ chốt, bổ sung cấp ủy, thường vụ cấp ủy các cấp và lãnh đạo các sở, ban, ngành của tỉnh thường xuyên được quan tâm chỉ đạo, trong nhiệm kỳ qua đã bổ sung cấp ủy huyện, thị, thành và đảng ủy trực thuộc 142 đồng chí; thường vụ cấp ủy 74 đồng chí; Phó Bí thư cấp ủy 18 đồng chí; Bí thư cấp ủy 10 đồng chí; Chủ tịch HĐND 04 đồng chí; Chủ tịch UBND 08 đồng chí. Bổ nhiệm, bổ nhiệm lại 165 trường hợp (bổ nhiệm giám đốc và tương đương 30 trường hợp, phó giám đốc và tương đương 71 trường hợp, bổ nhiệm lại 64 trường hợp).

Luân chuyển cán bộ từ tỉnh về huyện, thị, thành phố 19 trường hợp; từ huyện lên tỉnh 11 trường hợp; luân chuyển giữa các cơ quan cấp tỉnh 09 trường hợp; cán bộ huyện luân chuyển về cơ sở 60 trường hợp và từ xã luân chuyển về huyện là 49 trường hợp... Nhìn chung, việc luân chuyển, bố trí cán bộ đã kịp thời tăng cường cán bộ lãnh đạo, chủ chốt cho một số địa phương và các cơ quan, ban ngành của tỉnh, góp phần tích cực giúp các địa phương, các ngành ổn định tổ chức, đẩy mạnh việc thực hiện các nhiệm vụ chính trị; tạo điều kiện cho

cán bộ, nhất là cán bộ trẻ có triển vọng, trong quy hoạch được rèn luyện, thử thách trong thực tiễn; khắc phục tình trạng cục bộ, khép kín trong công tác cán bộ. Các đồng chí được luân chuyển đều phát huy được năng lực, trí tuệ, tích lũy được kinh nghiệm trong thực tế; sau thời gian luân chuyển đều được bố trí giữ các chức vụ lãnh đạo, quản lý theo quy hoạch và hoàn thành tốt nhiệm vụ được phân công.

Có được những kết quả nêu trên là do trong thời gian qua các cấp ủy Đảng đã nhận thức đúng về vị trí, vai trò của công tác cán bộ trong xây dựng Đảng. Quá trình thực hiện công tác cán bộ được tiến hành đồng thời với quá trình đổi mới bộ máy Đảng và Nhà nước ở các cấp, đã tạo sự chuyển biến đồng bộ về tổ chức và cán bộ. Vì vậy, đội ngũ cán bộ, công chức các cấp có bước trưởng thành và tiến bộ, có phẩm chất chính trị, đạo đức; trình độ, kiến thức, năng lực được nâng lên, cơ bản đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chính trị; là lực lượng chủ yếu cùng với Nhân dân tạo nên những thành tựu quan trọng trên các lĩnh vực kinh tế - xã hội, quốc phòng an ninh, công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế. Phương thức lãnh đạo của Đảng đối với công tác cán bộ có nhiều chuyển biến tích cực. Các khâu công tác cán bộ như quản lý, nhận xét, đánh giá, quy hoạch, đào tạo bồi dưỡng, đề bạt, bổ nhiệm, bố trí, sử dụng, luân chuyển và các chế độ chính sách cho cán bộ được thực hiện nền nếp, đúng quy trình.

Tuy nhiên, đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong toàn tỉnh hiện nay vẫn chưa ngang tầm với yêu cầu của sự

ng nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa; chưa có đội ngũ cán bộ, chuyên gia, đầu ngành giỏi, người đứng đầu giỏi ở các cấp; chưa có chính sách thỏa đáng để thu hút và trọng dụng nhân tài; công tác quy hoạch cán bộ, đào tạo bồi dưỡng, luân chuyển cán bộ để đào tạo thực tiễn có mặt còn hạn chế do đó chưa chuẩn bị tốt đội ngũ cán bộ mang tính chiến lược; chậm đổi mới các khâu, đổi mới quy trình về công tác cán bộ, công tác đề bạt, bổ nhiệm, bố trí, sử dụng cán bộ ở một số nơi còn bị động, chưa gắn với quy hoạch; tính kế thừa trong cán bộ lãnh đạo không tốt, dẫn đến hẫng hụt, bị động trong khi có nhu cầu bố trí, đề bạt cán bộ...

Với phương châm, thực hiện nhất quán nguyên tắc Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ, đi đôi với phát huy trách nhiệm của các tổ chức và người đứng đầu các tổ chức trong hệ thống chính trị về công tác cán bộ; trong thời gian đến, Đảng bộ tỉnh tiếp tục lãnh đạo, xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức từ tỉnh đến cơ sở cả về bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức và năng lực lãnh đạo, quản lý điều hành, thực thi công vụ; đổi mới mạnh mẽ, đồng bộ và thực hiện có hiệu quả, nền nếp các khâu trong công tác cán bộ; chủ động tạo nguồn cán bộ, đồng thời bảo đảm về số lượng, đồng bộ và hợp lý về cơ cấu ngành, lĩnh vực, địa phương, cán bộ nữ, cán bộ trẻ, cán bộ người dân tộc thiểu số. Tăng cường công tác quản lý, giáo dục cán bộ, công chức; chú trọng xây dựng và từng bước trẻ hoá đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp, các ngành,

người đứng đầu cơ quan, đơn vị, bảo đảm tính liên tục, kế thừa và phát triển; chủ động tạo nguồn cán bộ lãnh đạo, quản lý cho các nhiệm kỳ tiếp theo. Xây dựng môi trường làm việc thuận lợi để thu hút các chuyên gia, cán bộ trình độ cao trên các lĩnh vực nhằm tạo ra bước đột phá trong công tác cán bộ.

Để thực hiện đạt mục tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XXI về tiếp tục kiện toàn bộ máy tổ chức trong toàn Đảng bộ; kiên trì đổi mới mạnh mẽ, đột phá về công tác cán bộ đáp ứng yêu cầu nâng cao năng lực lãnh đạo, điều hành của các cấp trong giai đoạn phát triển mới của tỉnh, cần thực hiện tốt các giải pháp sau:

Thứ nhất, tập trung tạo sự chuyển biến trong nhận thức, hành động đối với các cấp ủy đảng, cán bộ, đảng viên về công tác cán bộ. Tiếp tục cụ thể hóa, thể chế hóa nguyên tắc Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ đi đôi với phát huy trách nhiệm của các tổ chức và người đứng đầu các tổ chức trong hệ thống chính trị; giữ vững nguyên tắc tập trung dân chủ. Gắn đổi mới công tác cán bộ với đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng; công tác cán bộ phải kết hợp chặt chẽ với công tác tổ chức và phục vụ mục tiêu nâng cao vai trò, năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng.

Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức gắn với việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh; với cải

cách hành chính; với phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. Coi trọng công tác quản lý, giáo dục đối với cán bộ, công chức. Đổi mới mạnh mẽ, đồng bộ công tác cán bộ; tiếp tục thực hiện tốt chiến lược cán bộ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa; chú ý đổi mới tư duy, cách làm, khắc phục những hạn chế, khuyết điểm trong từng khâu công tác cán bộ. Tạo ra sự đột phá trong các khâu của công tác cán bộ, kể cả cơ chế chính sách phải được đổi mới, điều chỉnh kịp thời.

Thứ hai, đổi mới công tác tổ chức, cán bộ và xây dựng đội ngũ cán bộ phải được tiến hành thường xuyên, nhất là đổi mới quy trình lựa chọn, đề bạt, bổ nhiệm cán bộ theo hướng mở rộng dân chủ để cán bộ dự kiến đề bạt, bổ nhiệm thể hiện trình độ, khả năng của mình trước khi cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định. Việc bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo, quản lý chủ chốt cấp trên nói chung phải kinh qua chức vụ lãnh đạo, quản lý chủ chốt ở cấp dưới; thí điểm thực hiện việc bố trí một số chức danh cán bộ chủ chốt cấp huyện không phải là người địa phương; giao quyền cho bí thư cấp ủy lựa chọn, giới thiệu để bầu ủy viên thường vụ cấp ủy, cấp trưởng có trách nhiệm giới thiệu, lựa chọn, bổ nhiệm cấp phó và người thay thế. Các cấp ủy cần đổi mới cách lấy phiếu tín nhiệm hằng năm đối với các chức danh lãnh đạo trong cơ quan Đảng, chính quyền, đoàn thể để đánh giá, nhận xét cán bộ bảo đảm thực chất, khách quan. Những người hai năm liền không đủ năng lực để hoàn thành nhiệm vụ, tín

nhệm thấp, phải xem xét cho thôi giữ chức vụ, không chờ hết nhiệm kỳ, hết tuổi công tác. Đồng thời, có quy định bảo đảm, tạo cơ hội cho những người có khuyết điểm hoặc bị đánh giá không hoàn thành nhiệm vụ nhưng đã thực sự nỗ lực phấn đấu, có thành tích và được tin nhiệm, có điều kiện để khắc phục, phát triển.

Xây dựng, cụ thể hóa tiêu chuẩn chức danh cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp, các ngành làm cơ sở cho việc phát hiện, tuyển chọn, quy hoạch, đào tạo và bố trí, sử dụng cán bộ.

Thứ ba, đổi mới quan điểm, phương pháp, quy trình đánh giá cán bộ, bảo đảm dân chủ, công khai, khách quan. Đánh giá và sử dụng cán bộ trên cơ sở những tiêu chuẩn, quy trình đã được quy định, lấy chất lượng hiệu quả công tác, sự tin nhiệm của cơ quan, đơn vị và của Nhân dân làm thước đo chủ yếu, để đánh giá cán bộ. Thực hiện nghiêm việc nhận xét, đánh giá cán bộ làm cơ sở cho việc thực hiện quy hoạch, đào tạo, luân chuyển, đề bạt, bổ nhiệm, bố trí và sử dụng cán bộ; thường xuyên thực hiện chế độ tự phê bình và phê bình đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp. Xây dựng cơ chế dân chủ để cán bộ, đảng viên và nhân dân tham gia đánh giá cán bộ. Mở rộng, nâng cao chất lượng việc thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở, để cán bộ, công chức trong cơ quan và Nhân dân ở xã, phường, thị trấn được phê bình và kiểm tra, giám sát cán bộ, đảng viên.

Thực hiện tốt các quy định về tuyển dụng, bố trí, sử dụng

cán bộ nhằm cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức theo yêu cầu tăng cường chất lượng, tuyển dụng công chức, viên chức phải bảo đảm điều kiện, tiêu chuẩn, phù hợp với yêu cầu vị trí việc làm, ưu tiên những người tốt nghiệp trình độ đại học loại khá, giỏi. Có cơ chế chính sách về tuyển dụng sinh viên tốt nghiệp đại học là người dân tộc thiểu số để bố trí công tác trong các cơ quan thuộc hệ thống chính trị toàn tỉnh. Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết 39-NQ/TW của Bộ Chính trị (khóa XI) về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Thực hiện đúng quy định tại Hướng dẫn số 26-HD/BTCTW, ngày 18/8/2014 của Ban Tổ chức Trung ương *"các đồng chí không tham gia cấp ủy nhiệm kỳ 2015 - 2020 thì thôi đảm nhiệm các chức danh lãnh đạo UBND nhiệm kỳ 2011 - 2016 và các chức danh lãnh đạo cơ quan Nhà nước"*.

Thứ tư, đổi mới công tác quy hoạch, tạo nguồn cán bộ, sớm phát hiện nguồn cán bộ trẻ có đức, có tài, có triển vọng về khả năng lãnh đạo, quản lý, đưa vào quy hoạch để có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, tạo nguồn các chức danh lãnh đạo, quản lý, đáp ứng nhiệm vụ chính trị trước mắt và lâu dài của từng địa phương, cơ quan, đơn vị. Tập trung đẩy mạnh việc tạo nguồn và bồi dưỡng đội ngũ cán bộ các cấp.

Việc lựa chọn, giới thiệu nhân sự quy hoạch cán bộ phải căn cứ vào tiêu chuẩn chung đã được xác định trong Nghị quyết Hội nghị Trung ương 3 (khóa VIII) về *"Chiến lược cán bộ trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại*

hóa đất nước”. Các đồng chí được lựa chọn để tạo nguồn phát triển phải có phẩm chất chính trị vững vàng, đạo đức, lối sống trong sạch, kiên quyết đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, chống chủ nghĩa cá nhân; có năng lực, phong cách lãnh đạo đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Bản thân cán bộ và gia đình phải gương mẫu chấp hành đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, không lợi dụng chức quyền để mưu cầu lợi ích riêng. Cùng với đó, người cán bộ phải có năng lực thực tiễn cao, tinh thần chủ động, sáng tạo trong thực hiện chức trách, nhiệm vụ; có khả năng đoàn kết, tập hợp, quy tụ tập thể để lãnh đạo, điều hành và thúc đẩy sự phát triển trong lĩnh vực, địa bàn được phân công phụ trách. Bản thân mỗi đồng chí phải ham học hỏi, cầu tiến bộ, năng động, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, được cán bộ và Nhân dân tín nhiệm, có triển vọng đảm nhiệm chức vụ cao hơn. Về trình độ đào tạo, phải đảm bảo các tiêu chuẩn nêu trong Nghị quyết 04-NQ/TU của Tỉnh ủy. Trên cơ sở tiêu chuẩn đã được xác định, các cấp ủy tiến hành bồi dưỡng, nâng cao trình độ, trí tuệ, năng lực thực tiễn, đổi mới phương pháp, tác phong công tác phù hợp với chức trách, nhiệm vụ được giao.

Thứ năm, đổi mới nâng cao chất lượng, hiệu quả và tạo sự chuyển biến sâu sắc trong công tác đào tạo, bồi dưỡng, xem đây là giải pháp quan trọng bậc nhất trong việc nâng cao chất lượng của đội ngũ cán bộ, công chức và hướng vào một số trọng điểm như: đào tạo cán bộ đã được quy hoạch

nguồn cán bộ lãnh đạo và quản lý, chuyên gia giỏi trên các lĩnh vực; đào tạo lý luận chính trị; đào tạo trình độ chuyên môn sau đại học ở trong nước hoặc nước ngoài; đào tạo ngoại ngữ theo chuẩn quốc tế; đào tạo theo tiêu chuẩn chức danh cán bộ công chức. Đặc biệt, chú trọng bồi dưỡng, cập nhật kiến thức mới và kỹ năng nghiệp vụ cho cán bộ, công chức và đảng viên, coi đây là nhiệm vụ thường xuyên, hàng đầu. Khuyến khích cán bộ, công chức tự học, tự đào tạo để nâng cao trình độ, kiến thức và năng lực. Mỗi cán bộ, công chức đều phải học tập nâng cao trình độ lý luận chính trị. Trên cơ sở nhiệm vụ chính trị và định hướng quy hoạch cán bộ, từng cấp ủy, cơ quan, đơn vị xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch đào tạo bồi dưỡng cán bộ công chức cho cả nhiệm kỳ và từng năm.

Thứ sáu, tiếp tục thực hiện luân chuyển cán bộ, tạo điều kiện cho cán bộ được rèn luyện, bồi dưỡng, thử thách qua các cương vị công tác, tích lũy nhiều kinh nghiệm thực tiễn, nhất là cán bộ trẻ, có triển vọng, giúp cán bộ trưởng thành nhanh hơn và toàn diện, vững vàng hơn, đáp ứng yêu cầu cán bộ trước mắt và lâu dài của toàn bộ hệ thống chính trị, của các cấp, các ngành. Để làm được điều đó, đầu nhiệm kỳ, các cấp ủy cần xây dựng kế hoạch luân chuyển cán bộ theo quy trình chặt chẽ, công khai, dân chủ; kết hợp luân chuyển cán bộ với từng bước bố trí cán bộ chủ chốt không phải là người địa phương. Đồng thời, tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng, nhằm nâng cao trình độ, năng lực cán bộ, đáp ứng

yêu cầu mới; chú trọng bồi dưỡng, rèn luyện năng lực thực tiễn cho cán bộ qua các cương vị công tác. Nghiên cứu, hoàn thiện cơ chế, chính sách đối với cán bộ luân chuyển, tạo điều kiện để cán bộ luân chuyển hoàn thành tốt nhiệm vụ.

- *Thứ bảy*, tăng cường vai trò lãnh đạo tập thể của cấp ủy và tổ chức đảng trong công tác cán bộ, đồng thời xác định rõ quyền hạn, trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy và hệ thống các cơ quan làm công tác tổ chức, cán bộ. Phải có tầm nhìn chiến lược trong xây dựng đội ngũ cán bộ và công tác cán bộ, có cơ chế, chính sách cụ thể xây dựng đội ngũ làm công tác tổ chức, cán bộ vừa có tâm, vừa đủ tầm.

Thứ tám, gắn kiểm điểm, tự phê bình và phê bình theo Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XI) “*Một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay*” với thực hiện có hiệu quả việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh, nhằm xây dựng đội ngũ cán bộ có bản lĩnh chính trị vững vàng, phẩm chất đạo đức, lối sống trong sáng, nói đi đôi với làm, có năng lực hoàn thành tốt chức trách, nhiệm vụ được giao./.

PHÁT HUY DÂN CHỦ, SỨC MẠNH ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN TỘC VÌ MỤC TIÊU XÂY DỰNG QUẢNG NAM PHÁT TRIỂN NHANH, BỀN VỮNG

Võ Xuân Ca

UVBTV, Chủ tịch Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh

Đảng ta luôn xác định, dân chủ xã hội chủ nghĩa vừa là mục tiêu, vừa là động lực của công cuộc đổi mới, thể hiện mối quan hệ gắn bó máu thịt giữa Đảng, Nhà nước và Nhân dân. Thực hiện dân chủ chính là điều kiện quan trọng để phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc trong giai đoạn hiện nay ⁽¹⁾. Trong thời gian qua, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc (MTTQ) Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận các cấp tỉnh Quảng Nam đã từng bước khẳng định vị trí, vai trò quan trọng của mình, không ngừng đổi mới nội dung và phương thức hoạt động, đa dạng hóa các hình thức vận động, tập hợp, góp phần tăng cường và phát huy dân chủ, phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong quá trình xây dựng và phát triển tỉnh Quảng Nam.

Xã hội càng phát triển thì đòi hỏi dân chủ trong xã hội càng cao. Dân chủ là một trong những tiêu chí quan trọng đo lường sự phát triển lành mạnh của xã hội. Bảo đảm và phát huy dân chủ là tôn trọng và thực hiện quyền con người,

quyền và lợi ích của người dân với tư cách người chủ của xã hội, vừa là mục tiêu vừa là chủ thể của phát triển.

Thực hiện dân chủ rộng rãi sẽ phát huy khả năng sáng tạo của mỗi cá nhân, đóng góp vào sự phát triển nhanh và bền vững của đất nước. Dân chủ càng cao thì đồng thuận xã hội càng sâu, sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc càng được củng cố vững chắc. Thực hiện dân chủ để từ đó phát huy được sức mạnh đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng và phát triển đất nước chính là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, trong đó MTTQ Việt Nam có vai trò đặc biệt quan trọng.

Kế thừa vai trò lịch sử của Mặt trận Dân tộc thống nhất Việt Nam do Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập, MTTQ Việt Nam ngày nay là tổ chức liên minh chính trị, liên hiệp tự nguyện của tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội và các cá nhân tiêu biểu trong các giai cấp, tầng lớp xã hội, dân tộc, tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài; là cơ sở của chính quyền Nhân dân; đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của Nhân dân; tập hợp và phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, thực hiện dân chủ, tăng cường đồng thuận xã hội; giám sát và phản biện xã hội; tham gia xây dựng Đảng, Nhà nước, hoạt động đối ngoại Nhân dân góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Mặt trận chủ trương phát huy truyền thống yêu nước, lòng tự hào dân tộc, ý chí tự lực, tự cường, đoàn kết mọi người Việt Nam trong và ngoài

nước, không phân biệt thành phần xã hội, dân tộc, tôn giáo, tín ngưỡng, quá khứ để giữ vững độc lập, thống nhất, chủ quyền quốc gia và toàn vẹn lãnh thổ, thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước vì mục tiêu: dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

Để thực hiện được mục tiêu trên, MTTQ Việt Nam luôn coi việc phát huy dân chủ, phát huy sáng kiến của các tổ chức thành viên, các cá nhân tiêu biểu trong các tầng lớp nhân dân, nhân sỹ, trí thức, tôn giáo trên cơ sở hiệp thương dân chủ thống nhất hành động thành chương trình công tác Mặt trận. Qua đó, thực hiện vai trò đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của Nhân dân; đáp ứng yêu cầu là cơ sở chính trị của chính quyền Nhân dân; tham gia xây dựng Đảng, xây dựng Nhà nước vững mạnh; làm nòng cốt là trung tâm tập hợp, đoàn kết mọi tầng lớp Nhân dân.

Quán triệt các Hướng dẫn của Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XX, thời gian qua, MTTQ các cấp trên địa bàn tỉnh Quảng Nam đã không ngừng tuyên truyền chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh, nhất là về đại đoàn kết toàn dân tộc.

MTTQ các cấp ngày càng mở rộng thêm các thành phần xã hội, tập hợp đông đảo hơn các tầng lớp Nhân dân tham gia vào thành viên của Mặt trận⁽²⁾. Luôn chú ý tới công tác

vận động, phát huy vai trò các nhân sỹ, trí thức, người tiêu biểu trong các dân tộc thiểu số, chức sắc các tôn giáo và người Việt Nam ở nước ngoài trong công tác vận động, đoàn kết, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc⁽³⁾. Các cuộc vận động, phong trào thi đua yêu nước do MTTQ Việt Nam các cấp đề ra đã được thực hiện có hiệu quả. Cuộc vận động “*Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư*” gắn với xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh qua 20 năm triển khai thực hiện ngày càng đi vào chiều sâu, khơi dậy và phát huy tối đa tiềm năng nội tại của Nhân dân trong xây dựng đời sống văn hóa và nâng cao chất lượng cuộc sống Nhân dân. Tỷ lệ hộ gia đình, khu dân cư, tộc họ đạt chuẩn văn hóa hằng năm tăng lên đáng kể⁽⁴⁾. Cuộc vận động “*Ngày vì người nghèo*” trong 15 năm qua đã thu hút sự tham gia của cả hệ thống chính trị và Nhân dân. Hằng năm, nguồn quỹ vì người nghèo huy động được hàng chục tỷ đồng hỗ trợ xây dựng hàng ngàn nhà ở và phương tiện sản xuất cho hộ nghèo vươn lên thoát nghèo, góp phần quan trọng giảm tỷ lệ hộ nghèo của tỉnh từ 27,35% năm 1997 xuống còn 8,9% năm 2015... Qua đó, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế, giải quyết tốt các vấn đề xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, từng bước cải thiện và nâng cao đời sống Nhân dân.

Đại đoàn kết toàn dân tộc luôn gắn liền với việc không ngừng mở rộng và thực hiện dân chủ cơ sở, tham gia xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền trong sạch, vững mạnh. Ủy ban MTTQ Việt Nam các cấp tích cực tham gia tổ chức

thành công các cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội và bầu cử đại biểu HĐND các cấp; thực hiện tốt công tác giám sát và phản biện xã hội; thông qua hoạt động của Ban Công tác Mặt trận, Ban thanh tra Nhân dân và Ban Giám sát đầu tư cộng đồng, nhân dân đã tổ chức giám sát các dự án, công trình xây dựng trên địa bàn khu dân cư...; thường xuyên tổ chức nhiều cuộc đối thoại trực tiếp giữa Nhân dân với lãnh đạo chính quyền cơ sở, nhiều “*Diễn đàn Nhân dân*” góp ý xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức được Ủy ban MTTQ Việt Nam các cấp tổ chức; thường xuyên phối hợp nắm bắt tình hình tư tưởng Nhân dân, tổ chức tốt hoạt động tiếp xúc cử tri với đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND các cấp, kịp thời tập hợp, tổng hợp đầy đủ ý kiến, kiến nghị của cử tri và Nhân dân phản ánh với các cấp ủy Đảng và chính quyền các cấp..., góp phần tạo mối quan hệ gắn bó mật thiết, “*cầu nối*” vững chắc giữa Nhân dân với Đảng, chính quyền...⁽⁵⁾ Đây cũng chính là cơ sở quan trọng, là điều kiện để phát huy dân chủ, khơi dậy và phát huy sức sáng tạo của Nhân dân, góp phần tăng cường đồng thuận xã hội, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Bên cạnh những kết quả đạt được khá quan trọng nêu trên, hoạt động của MTTQ Việt Nam và các tổ chức thành viên các cấp vẫn còn những tồn tại, hạn chế⁽⁶⁾: Phương thức hoạt động của MTTQ và các tổ chức thành viên chưa theo kịp với sự thay đổi của đời sống xã hội; hoạt động ở một số nơi chưa mạnh, còn nặng về hành chính; một bộ phận

Nhân dân ít quan tâm đến các phong trào, cuộc vận động của MTTQ Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội; quan hệ phối hợp giữa chính quyền với MTTQ Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội có lúc, có nơi thiếu chặt chẽ, hiệu quả thấp... Những yếu tố trên tác động lẫn nhau, làm ảnh hưởng đến sự đồng thuận xã hội và sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc...

Để tiếp tục phát huy dân chủ, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, xây dựng Đảng bộ và hệ thống chính trị các cấp trong sạch, vững mạnh thật sự tạo được sự đồng thuận và lòng tin vững chắc trong Nhân dân, Ủy ban MTTQ Việt Nam các cấp và các tổ chức thành viên cần tập trung thực hiện tốt một số nội dung sau đây:

Trước hết, phải quán triệt và thực hiện quan điểm “lấy dân làm gốc”. Sự nghiệp đổi mới đất nước là sự nghiệp của dân, do dân, vì dân, nên mọi chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đều phải xuất phát từ dân, dựa vào dân để thực hiện. Có như vậy mới phát huy được mọi khả năng sáng tạo và sức mạnh của Nhân dân, là cơ sở quan trọng để thực hiện đại đoàn kết toàn dân tộc. Các cơ quan Nhà nước, các cấp chính quyền, phải chăm lo phát huy và bảo đảm quyền dân chủ của Nhân dân theo pháp luật, ngăn chặn và xử lý nghiêm minh những biểu hiện vi phạm quyền dân chủ của Nhân dân, cũng như những biểu hiện lợi dụng dân chủ để vi phạm pháp luật, kích động Nhân dân, gây rối trật tự công cộng, ảnh hưởng đến sự ổn

định xã hội, làm sút mẻ tình cảm và chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc.

Thứ hai, cần tăng cường hơn nữa sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng, vai trò, trách nhiệm của từng cán bộ, công chức trong việc thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở, nhất là Pháp lệnh thực hiện quy chế dân chủ ở xã, phường, thị trấn theo phương châm “*dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra*”. Xem đây là một trong những nội dung quan trọng và trọng tâm của công tác xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở. Ủy ban MTTQ Việt Nam các cấp tập trung giám sát việc thực hiện Pháp lệnh thực hiện dân chủ xã, phường, thị trấn gắn với trách nhiệm của chính quyền và cán bộ, công chức cấp xã về tinh thần, thái độ ứng xử và phục vụ Nhân dân, thực hiện cải cách hành chính; đảm bảo công khai, minh bạch trong quá trình giải quyết yêu cầu của Nhân dân..., theo quy định của pháp luật. Thường xuyên tổ chức diễn đàn, đối thoại trực tiếp giữa người đứng đầu cấp ủy đảng, chính quyền các cấp đối với Nhân dân, chú trọng công tác tìm hiểu, nắm bắt tâm tư, nguyện vọng Nhân dân và dư luận xã hội, tập hợp, tổng hợp ý kiến, kiến nghị của Nhân dân về các vấn đề bức xúc trong đời sống xã hội để phản ánh với các cấp ủy Đảng.

Thứ ba, MTTQ Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội tiếp tục đổi mới nội dung và phương thức hoạt động hướng mạnh về cơ sở, khu dân cư, lấy địa bàn khu dân cư làm cơ sở hoạt động theo tinh thần Kết luận số 62-KL/TW của Bộ Chính trị về *tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức*

hoạt động của MTTQ Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội. Tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy đảng đối với việc đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của Mặt trận và các đoàn thể chính trị - xã hội; thực hiện tốt vai trò, chức năng giám sát, phản biện xã hội, chăm lo, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên, hội viên và Nhân dân của Mặt trận và các đoàn thể chính trị - xã hội.

Thứ tư, củng cố, kiện toàn bộ máy của Mặt trận, các đoàn thể chính trị - xã hội phù hợp với yêu cầu ngày càng cao của công tác vận động quần chúng trong tình hình mới, khắc phục tình trạng “*hành chính hóa*”. Phát hiện, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có đạo đức, phẩm chất, năng lực, nhiệt tình, có uy tín, khả năng để bổ sung vào đội ngũ cán bộ làm công tác Mặt trận, các đoàn thể chính trị - xã hội nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ được giao.

Thứ năm, thường xuyên tổ chức các lớp tập huấn về thực hiện Quy chế dân chủ cơ sở, công tác thanh tra Nhân dân cho cán bộ, công chức cấp huyện và cấp xã, nhất là kỹ năng tổ chức các buổi đối thoại, họp dân, diễn đàn Nhân dân. Xây dựng mô hình điểm về thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở để rút kinh nghiệm lãnh đạo, chỉ đạo và nhân rộng mô hình, kịp thời biểu dương, khen thưởng những tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc.

Phát huy dân chủ và sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc, dưới sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng, sự điều

hành có hiệu quả của Nhà nước và sự phấn đấu nỗ lực hết mình của các tầng lớp Nhân dân toàn tỉnh, nhất định Quảng Nam sẽ trở thành tỉnh phát triển nhanh, bền vững đạt mục tiêu là tỉnh khá của cả nước theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XXI đã đề ra./.

(1): Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI

(2): Từ 21 tổ chức thành viên của Mặt trận được cơ cấu từ Đại hội MTTQ Việt Nam tỉnh Quảng Nam lần thứ VI, đến nay đã có 31 tổ chức thành viên.

(3): Toàn tỉnh có 385 vị già làng, trưởng bản có uy tín; kiều bào quê gốc Quảng Nam ở nước ngoài hiện có trên 10.000 người, đang sinh sống lao động và học tập trên 20 quốc gia.

(4): Năm 2015, toàn tỉnh có 977/1.718 thôn đạt chuẩn văn hóa, có 319.181/378.349 hộ gia đình được công nhận gia đình văn hóa, có 453/2.814 tộc họ được công nhận danh hiệu Tộc văn hóa...

(5): Thường xuyên củng cố, kiện toàn và phát huy vai trò của hơn 3.000 Tổ hòa giải ở cơ sở, 1.718 Ban công tác mặt trận, 244 Ban thanh tra Nhân dân, 129 Ban giám sát đầu tư của cộng đồng...

(6): Trích Báo cáo chính trị tại Đại hội Đảng bộ tỉnh Quảng Nam lần thứ XXI.

TĂNG CƯỜNG VÀ ĐỔI MỚI SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG ĐỐI VỚI CÔNG TÁC DÂN VẬN TRONG TÌNH HÌNH MỚI

Nguyễn Thị Thu Lan

UVBTV, Trưởng ban Dân vận Tỉnh ủy

Công tác dân vận là một mặt công tác cơ bản của Đảng, nhân tố quan trọng góp phần củng cố mối quan hệ máu thịt giữa Đảng với Nhân dân. Trong những năm qua, công tác dân vận trên địa bàn tỉnh Quảng Nam đã được các cấp ủy đảng, chính quyền, mặt trận và đoàn thể Nhân dân các cấp nghiêm túc thực hiện, đã tạo được chuyển biến tích cực, góp phần phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, từng bước nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc, củng cố niềm tin của Nhân dân đối với Đảng, Nhà nước và chế độ xã hội chủ nghĩa.

Việc nâng cao chất lượng nội dung, đổi mới phương thức hoạt động công tác dân vận đã được quan tâm đúng mức. Đáng chú ý, tỉnh ta đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo, đồng thời tổ chức kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện các chủ trương của Đảng về công tác dân vận, như: Nghị quyết số 23-NQ/TW, ngày 12/3/2003 của Ban Chấp hành Trung ương (khóa IX) về *phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc*; Nghị quyết số 26-NQ/TW, ngày 05/8/2008 của Ban Chấp

hành Trung ương (khóa X) về nông nghiệp, nông dân, nông thôn; các nghị quyết về giai cấp công nhân, thanh niên, phụ nữ, trí thức, doanh nhân, dân tộc, tôn giáo và các nghị quyết, quyết định của Tỉnh ủy như: Nghị quyết số 11-NQ/TU, ngày 12/10/2009 về công tác dân vận trong tình hình mới...

Việc thể chế hóa các chủ trương về công tác dân vận thành các văn bản quy phạm pháp luật để thực hiện đã được các cơ quan Nhà nước, các ngành, các cấp trên địa bàn tỉnh quan tâm triển khai thực hiện. Công tác cải cách hành chính, thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông, công khai các thủ tục, các chế độ chính sách, việc tổ chức tiếp công dân, đối thoại trực tiếp và giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo của công dân được coi trọng.

Vai trò của Mặt trận và các đoàn thể được phát huy tích cực, tổ chức nhiều phong trào quần chúng thiết thực và đạt kết quả tốt như: Phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc, thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở, xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư, chung tay xây dựng nông thôn mới, thi đua sản xuất kinh doanh giỏi, giúp nhau phát triển kinh tế, xóa đói giảm nghèo, xóa nhà tạm, tham gia giải quyết các vấn đề xã hội, vận động đồng bào tôn giáo sống tốt đời, đẹp đạo, tích cực tham gia các hoạt động từ thiện, nhân đạo..., đã góp phần đáng kể vào việc thực hiện thắng lợi các mục tiêu kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng và tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân...

Tuy nhiên, công tác dân vận vẫn còn một số hạn chế: Trách nhiệm của hệ thống chính trị đối với công tác dân vận chưa cao. Một số cấp ủy, chính quyền, cán bộ, đảng viên nhận thức chưa đầy đủ về vai trò, vị trí của công tác dân vận, chưa quan tâm công tác đào tạo, quy hoạch, bố trí cán bộ làm công tác dân vận. Việc xây dựng mô hình “*Dân vận khéo*” ở một số nơi còn mang tính hình thức, hiệu quả chưa cao. Một số chính sách chậm triển khai, tổ chức thực hiện chưa tốt, một số vấn đề bức xúc, nguyện vọng chính đáng của Nhân dân chậm được giải quyết..., làm ảnh hưởng đến niềm tin của Nhân dân đối với Đảng, chính quyền các cấp.

Để góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Quảng Nam lần thứ XXI, nhiệm kỳ (2015 - 2020), đưa Quảng Nam trở thành tỉnh khá của cả nước, sớm trở thành tỉnh công nghiệp theo hướng hiện đại, công tác dân vận của cả hệ thống chính trị trên địa bàn tỉnh tập trung thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm sau:

Một là, các cấp ủy, tổ chức đảng tập trung chỉ đạo, đổi mới nội dung lãnh đạo ngay từ khâu ra nghị quyết; ban hành chủ trương, chính sách phải thuận với lòng dân, đáp ứng nhu cầu nguyện vọng của Nhân dân.

Chỉ đạo việc xây dựng Chương trình hành động thực hiện nghị quyết, xây dựng các đề án, chuyên đề cụ thể, thiết thực, sát hợp với đặc điểm của từng cấp ủy, từng ngành, địa phương và cơ sở... Các chương trình hành động cần nêu rõ

mục tiêu, nội dung, cách làm, bước đi, tiến độ thực hiện; chống hiện tượng sao chép, ban hành chiếu lệ, không sát với thực tiễn của cấp ủy chỉ đạo. Triển khai thực hiện tốt các nghị quyết, chỉ thị của Đảng về công tác dân vận, dân tộc, tôn giáo và Quy chế dân chủ ở cơ sở, trọng tâm là đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết số 25-NQ/TW ngày 03/6/2013 của Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về *“tăng cường và đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác dân vận trong tình hình mới”*, Quyết định số 290-QĐ/TW, ngày 25/02/2010 của Bộ Chính trị (khóa X), Quyết định số 1422-QĐ/TU ngày 23/8/2010 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về *“ban hành Quy chế công tác dân vận của cả hệ thống chính trị trên địa bàn tỉnh Quảng Nam”*, Chỉ thị số 49-CT/TW, ngày 20/10/2015 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về *“tăng cường sự lãnh đạo của đảng đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số”*..., phải đồng bộ với việc tiếp tục tổ chức thực hiện tốt Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XI) về *“Một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay”* và Chỉ thị số 03 -CT/TW ngày 14/5/2011 của Bộ Chính trị về *“tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và làm theo tám gương đạo đức Hồ Chí Minh”*.

Các cấp ủy đảng, chính quyền tập trung giải quyết dứt điểm những vấn đề bức xúc trong Nhân dân như quản lý đất đai, ô nhiễm môi trường, nạn khai thác lâm khoáng sản trái phép, vấn đề lao động, việc làm. Mọi cơ chế chính sách ban hành phải thuận với nguyện vọng, lợi ích chính đáng của

Nhân dân. Các dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng phải có tính hiệu quả cao, tránh đầu tư dàn trải và không đồng đều giữa các vùng, miền; đặc biệt quan tâm đầu tư cho các huyện miền núi, các vùng là căn cứ cách mạng.

Hai là, tăng cường và đổi mới công tác dân vận của các cơ quan Nhà nước ngày càng gắn bó mật thiết với Nhân dân, phục vụ Nhân dân tốt hơn, chú trọng triển khai thực hiện nền nếp Quy chế công tác dân vận của hệ thống chính trị, Kết luận số 114-KL/TW, ngày 14/7/2015 của Ban Bí thư về “Nâng cao hiệu quả công tác Dân vận của cơ quan Nhà nước các cấp”; Chỉ thị số 19/CT-UBND ngày 05/6/2009 về “tăng cường công tác dân vận trong tình hình mới”. Nâng cao hiệu quả quản lý của chính quyền các cấp; đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính; thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở; nâng cao trách nhiệm phục vụ Nhân dân của cán bộ, công chức, viên chức; xây dựng và thực hiện phong cách “trọng dân, gần dân, hiểu dân, học dân và có trách nhiệm với dân”; thực hiện nghiêm túc chế độ tiếp công dân, giải quyết dứt điểm đơn, thư khiếu nại, tố cáo của công dân. Tăng cường tiếp xúc, đối thoại với Nhân dân và tiếp thu, phát huy sáng kiến của Nhân dân trong thực hiện nhiệm vụ chính trị của địa phương, cơ quan, đơn vị. Tiếp tục xây dựng và ban hành hệ thống chính sách cụ thể, phù hợp với các tầng lớp Nhân dân, các tôn giáo, dân tộc... và hoàn thiện cơ chế bảo đảm quyền làm chủ của Nhân dân để tạo hành lang pháp lý thuận lợi cho các ngành, các cấp, các địa phương, đơn vị triển khai

công tác dân vận. Đổi mới nội dung, nâng cao chất lượng, hiệu quả cơ chế phối hợp hoạt động giữa chính quyền với ban dân vận các cấp, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội nhằm phát huy sức mạnh tổng hợp trong công tác dân vận.

Ba là, đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội, các hội quần chúng để tập hợp Nhân dân, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới. Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội tiếp tục thực hiện Kết luận số 62-KL/TW, ngày 08/12/2009 của Bộ Chính trị về “tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội”; Quyết định số 217-QĐ/TW ngày 12/12/2013 của Bộ Chính trị về việc ban hành “Quy chế giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội” và Quyết định số 218-QĐ/TW, ngày 12/12/2013 của Bộ Chính trị “Quy định về việc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể chính trị - xã hội và Nhân dân tham gia góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền”. Đổi mới nội dung, phương thức hoạt động, thực hiện tốt vai trò là người đại diện, bảo vệ quyền lợi chính đáng, hợp pháp của đoàn viên, hội viên; đa dạng hóa các hình thức tập hợp Nhân dân, hướng về cơ sở, phù hợp với từng địa phương. Tham gia cùng với chính quyền hòa giải các vụ việc bức xúc trong Nhân dân; phát huy dân chủ, năng lực trí tuệ, ý thức trách nhiệm của công dân trong việc giám

sát xây dựng chính quyền, xây dựng Đảng; tham mưu các đề án phát triển kinh tế cho hội viên, đoàn viên.

Bốn là, củng cố tổ chức, bộ máy, đội ngũ cán bộ ban dân vận, Mặt trận, đoàn thể các cấp vững mạnh. Các cấp ủy đảng tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 30/6/2011 của Tỉnh ủy “*về công tác cán bộ giai đoạn 2010 - 2015 và định hướng đến năm 2020*”, Nghị quyết số 13-NQ/TU ngày 16/4/2013 của Tỉnh ủy về “*nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên*”. Quan tâm củng cố ban dân vận các cấp, xây dựng khối dân vận xã, phường, thị trấn vững mạnh, tổ chức và hoạt động có hiệu quả của tổ dân vận thôn, khối phố; có cơ chế, chính sách thu hút người có năng lực, có uy tín, có kinh nghiệm làm công tác dân vận; chú trọng luân chuyển, đào tạo, bồi dưỡng bố trí, sử dụng đội ngũ cán bộ làm công tác dân vận, nhất là cán bộ trẻ tuổi, có năng lực; khắc phục tình trạng bố trí cán bộ có phẩm chất, năng lực yếu kém về trình độ lý luận và không có uy tín về làm công tác dân vận. Củng cố, kiện toàn tổ chức, bộ máy và cán bộ của Mặt trận và các đoàn thể, đáp ứng yêu cầu về trình độ lý luận, năng lực thực tiễn và kỹ năng công tác vận động Nhân dân. Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực tập hợp, vận động, thuyết phục quần chúng và có cơ chế chính sách khuyến khích, động viên cho đội ngũ cán bộ của Mặt trận, đoàn thể các cấp.

Năm là, ban dân vận các cấp và khối dân vận ở cơ sở

tích cực tham mưu cho cấp ủy lãnh đạo, chỉ đạo tiếp tục nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác thi đua, khen thưởng và Phong trào thi đua “*Dân vận khéo*” cùng với các phong trào thi đua yêu nước, nhất là phong trào “*Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới*”, Cuộc vận động “*Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa*”, Cuộc vận động xây dựng người cán bộ, công chức “*Trung thành, sáng tạo, tận tụy, gương mẫu*” và việc “*Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh*”... Nội dung của phong trào thi đua phải phù hợp với thực tiễn; tập trung vào những khâu khó, lĩnh vực mới và những vấn đề đông đảo Nhân dân quan tâm; gắn chặt chẽ với nhiệm vụ chính trị ở địa phương, cơ quan, đơn vị; gắn với công tác xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; gắn với trách nhiệm, nghĩa vụ, quyền lợi của cán bộ, công chức, người lao động và quần chúng Nhân dân. Tiếp tục nghiên cứu, đổi mới nội dung, phương thức hoạt động, mô hình tập hợp quần chúng; phát động phong trào thi đua yêu nước, tăng cường phát động thi đua theo chuyên đề, đợt thi đua ngắn ngày, gắn với các ngày lễ lớn và các sự kiện lịch sử quan trọng của địa phương, đơn vị và đất nước. Thông qua hoạt động thực tiễn, các cấp, các ngành cần làm tốt công tác tuyên truyền, cổ vũ và nhân rộng các nhân tố mới, điển hình tiên tiến trên mọi lĩnh vực.

Sáu là, Ban dân vận các cấp phối hợp tham mưu cấp ủy lãnh đạo, chỉ đạo công tác kiểm tra, giám sát chặt chẽ

quá trình triển khai thực hiện; đồng thời theo dõi, kiểm tra việc cụ thể hóa các chỉ thị, nghị quyết của Đảng về công tác dân vận. Tham mưu cho cấp ủy sơ kết, tổng kết và kịp thời ban hành các chủ trương, chính sách phù hợp với thực tiễn. Thường xuyên nắm bắt kịp thời tình hình đời sống, tâm tư, nguyện vọng của Nhân dân để tham mưu cho cấp ủy đảng chỉ đạo triển khai thực hiện có hiệu quả nghị quyết của Đảng ở các cấp./.

CHỦ ĐỘNG ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI MIỀN NÚI BỀN VỮNG

Huỳnh Khánh Toàn

UVBTV, Phó Chủ tịch Thường trực UBND tỉnh

Vùng dân tộc thiểu số và miền núi của tỉnh Quảng Nam gồm 09 huyện: Đông Giang, Tây Giang, Nam Trà My, Bắc Trà My, Phước Sơn, Nam Giang, Hiệp Đức, Tiên Phước, Nông Sơn; với tổng diện tích tự nhiên khoảng 776 km² (chiếm 74,33% diện tích tự nhiên toàn tỉnh); quy mô dân số khoảng 300 ngàn người (chiếm 20,1% dân số toàn tỉnh), trong đó đồng bào dân tộc thiểu số khoảng 115 ngàn người (chiếm 38,3% dân số toàn vùng); trong đó có 06 huyện miền núi vùng cao là Đông Giang, Tây Giang, Nam Giang, Phước Sơn, Nam Trà My, Bắc Trà My; với 102 xã, thị trấn; có 15 xã thuộc hai huyện Tây Giang, Nam Giang có đường biên giới với nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào (142,5 km). Trên địa bàn các huyện miền núi có các tuyến giao thông quan trọng như đường Hồ Chí Minh, Quốc lộ 14E, 14D, 14G, tuyến đường Đông Trường Sơn, vùng giáp ranh với cửa khẩu Bờ Y tỉnh Kon Tum; cửa khẩu Đắc Ôc - Nam Giang đang được nâng cấp thành cửa khẩu quốc tế đảm nhận vai trò là cửa ngõ phía Tây của tỉnh, cùng với tiềm năng, lợi thế về rừng, đất rừng, tài nguyên tự nhiên, khoáng sản phong phú, đa dạng..., tạo điều kiện thuận lợi cho giao lưu, hợp tác, liên kết phát triển

với các vùng trong, ngoài tỉnh và với nước CHDCND Lào, Campuchia.

Trong những năm qua tỉnh Quảng Nam đã vận dụng và thực hiện nhiều chính sách đầu tư, hỗ trợ vào vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi và đã đạt được những kết quả đáng khích lệ, đến năm 2015: Tỷ lệ hộ nghèo khu vực miền núi từ 52,29% giảm còn khoảng 33%; thu nhập bình quân đầu người đạt 12,27 triệu đồng; tỷ lệ hộ được sử dụng điện đạt 97,2%; tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi đi học đạt 99,8%; tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 31%. Hệ thống giao thông nông thôn được nâng cấp, mở rộng và nhựa hóa, hình thành mạng lưới giao thông thông suốt từ quốc lộ đến tỉnh lộ, từ trung tâm tỉnh lỵ đến tất cả các huyện và trung tâm xã; nhiều hồ đập, hệ thống kênh mương được nâng cấp, sửa chữa và xây dựng mới, tăng dần diện tích tưới phục vụ sản xuất nông nghiệp; đầu tư phát triển mạng lưới điện đến hầu hết các xã; đầu tư các hệ thống cấp nước sinh hoạt tại các cụm dân cư; hạ tầng về trường lớp, trạm y tế và các công trình văn hóa, phát thanh - truyền hình, viễn thông..., đã được đầu tư xây dựng, phục vụ cơ bản nhu cầu học tập, khám chữa bệnh và vui chơi giải trí cho Nhân dân, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

Tuy nhiên, đến nay 09 huyện vùng dân tộc và miền núi vẫn là vùng nghèo của tỉnh, tốc độ phát triển kinh tế còn thấp và chưa đảm bảo tính bền vững; chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh nền kinh tế chưa cao, có sự chênh lệch lớn về

trình độ phát triển so với miền xuôi, tỷ lệ tích lũy từ nền kinh tế cho đầu tư thấp, chủ yếu đầu tư từ nguồn lực bên ngoài, tiềm năng chưa được khai thác đúng mức; năng suất một số cây trồng, phương thức canh tác nhìn chung chưa được cải thiện nhiều, khả năng ứng dụng khoa học công nghệ, khả năng thay đổi giống cây trồng, vật nuôi mới vào sản xuất còn nhiều hạn chế; việc sử dụng hiệu quả nguồn tài nguyên đất đai, lao động ở một số địa phương chưa cao; chưa khai thác hoặc khai thác không hết tiềm năng, lợi thế sẵn có để phát triển kinh tế, giải quyết việc làm tăng thu nhập để giảm nghèo. Chất lượng phục vụ và khả năng khai thác của các doanh nghiệp trên địa bàn còn nhiều mặt hạn chế; trình độ dân trí còn thấp, đặc biệt là vùng đồng bào dân tộc thiểu số, đội ngũ cán bộ cơ sở còn yếu, đào tạo nghề chậm, thiếu lực lượng lao động kỹ thuật, công nhân lành nghề nên khó khăn trong giải quyết việc làm. Bên cạnh đó, đây là vùng có địa hình hiểm trở, độ dốc lớn, khí hậu khắc nghiệt nhiều biến động, thiên tai; nhiều tiềm năng, lợi thế về rừng, đất rừng, tài nguyên khoáng sản chưa được khai thác và phát huy hiệu quả.

Để triển khai thực hiện các chương trình, nghị quyết của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh về phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc và miền núi, thực hiện giảm nghèo bền vững. Trong thời gian đến cần tập trung thực hiện đồng bộ các mục tiêu và giải pháp sau:

1. Phát triển kinh tế - xã hội các huyện miền núi Quảng

Nam dựa trên nguyên tắc của sự phát triển bền vững; đảm bảo kết hợp hài hòa giữa phát triển kinh tế, công bằng xã hội và bảo vệ môi trường. Tiếp tục đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế và chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng tỷ trọng các ngành công nghiệp, dịch vụ; đảm bảo an ninh lương thực. Tập trung cải thiện sinh kế, thay đổi tập quán, nhận thức của đồng bào dân tộc thiểu số; gắn mục tiêu tăng trưởng kinh tế với mục tiêu tiên bộ, công bằng xã hội, tạo điều kiện thuận lợi để cho đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ gắn bó với rừng, giữ được rừng, sống được bằng nghề rừng. Huy động các nguồn lực cho đầu tư xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo quốc phòng, an ninh. Phát triển giáo dục, đào tạo; nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ cơ sở, nâng cao dân trí, khắc phục các tập tục và tệ nạn lạc hậu; tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về quy mô và chất lượng giáo dục, đặc biệt là đào tạo nghề và giải quyết việc làm. Đầu tư phải tính đến việc bảo tồn, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa truyền thống của địa phương; gắn phát triển kinh tế - xã hội với công tác bảo vệ môi trường, củng cố quốc phòng - an ninh.

2. Tăng cường cải thiện sinh kế, từng bước nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho Nhân dân sinh sống ở miền núi, vùng cao; nâng cao trình độ dân trí, thay đổi tập quán sản xuất lạc hậu; đẩy nhanh tốc độ giảm nghèo, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về quy mô và chất lượng giáo dục, đặc biệt là đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho lực lượng lao động;

bảo vệ vốn rừng và các nguồn tài nguyên thiên nhiên khác, giữ gìn môi trường sinh thái, phát huy những giá trị văn hóa truyền thống của đồng bào dân tộc; tăng cường công tác quốc phòng an ninh và trật tự an toàn xã hội; nâng cao năng lực chỉ đạo, điều hành, tổ chức thực hiện của hệ thống chính trị, đặc biệt là cán bộ cơ sở, đảm bảo hoạt động có hiệu quả, thiết thực, gắn bó với dân và địa bàn.

3. Tăng tỷ trọng ngành chăn nuôi và lâm nghiệp trong phát triển ngành nông nghiệp; tập trung quy hoạch phát triển các vùng trồng cây công nghiệp có giá trị kinh tế cao gắn liền với việc chế biến như: cao su, tiêu, lô ô, mây..., tại những khu vực có hệ thống đường giao thông thuận tiện; tăng tỷ trọng cây công nghiệp trong ngành trồng trọt; chú trọng nhân rộng phát triển một số cây dược liệu có giá trị kinh tế cao như: sâm Ngọc Linh, sâm Ba Kích tại các huyện có điều kiện khí hậu, thổ nhưỡng phù hợp như Nam Trà My, Tây Giang, Phước Sơn; đưa một số loại giống mới cho năng suất cao, phù hợp với điều kiện của địa phương vào sản xuất; phát triển hệ thống thủy lợi vừa và nhỏ, từng bước chuyển đổi diện tích trồng lúa rẫy kém hiệu quả sang trồng các loại cây khác; giữ vững và phát triển diện tích trồng sắn, khoai lang; cơ bản giải quyết được vấn đề ổn định lương thực tại chỗ của địa phương. Đối với các huyện miền núi thấp như Tiên Phước, Hiệp Đức, Nông Sơn cần đẩy mạnh việc phát triển kinh tế trang trại, kinh tế vườn nhà, vườn rừng, cải tạo vườn tạp; phát triển trồng cây cao su đại điền ở những vùng

có điều kiện phù hợp như Hiệp Đức, Nam Giang, Tây Giang, Đông Giang; chú ý phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp phải gắn kết chặt chẽ với công nghiệp bảo quản, chế biến; tập trung ruộng đất, hình thành các vùng sản xuất hàng hóa tập trung trên cơ sở đổi mới tư duy, tiếp cận thị trường; ứng dụng nhanh các thành tựu khoa học về giống, công nghệ sinh học, sử dụng hiệu quả nguồn tài nguyên đất, nước, thích ứng với biến đổi khí hậu và bảo vệ môi trường; tập trung phát triển chăn nuôi theo vùng, theo khu vực; xóa bỏ tập quán nuôi thả rông, không chuồng trại bảo đảm tăng nhanh số lượng tổng đàn và giá trị thu nhập từ đàn vật nuôi... Chú trọng phát triển các giống vật nuôi truyền thống tại địa phương và du nhập một số giống bò Laisind kết hợp với việc tăng cường công tác tiêm phòng, hỗ trợ tốt các dịch vụ thú y để phòng ngừa dịch bệnh; chú trọng phát triển nuôi trồng thủy sản lồng bè trong các ao, hồ, đặc biệt là trong các hồ thủy lợi, thủy điện để đảm bảo đáp ứng một phần nguồn thực phẩm tại chỗ cho Nhân dân địa phương; tăng cường các hoạt động khuyến nông, lâm, ngư: về số lượng đồng thời từng bước nâng cao trình độ chuyên môn kỹ thuật cho đội ngũ cán bộ khuyến nông, khuyến lâm và thú y ở cơ sở; xây dựng các mô hình sản xuất có hiệu quả để nhân rộng trên địa bàn; tiến hành mời các chuyên gia mở các lớp tập huấn, bồi dưỡng trực tiếp, sinh động cho các hộ nông dân; xây dựng mạng lưới các trạm khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư theo khu vực để tạo giống cây trồng, vật nuôi, hướng dẫn đồng bào các phương pháp sản xuất mới, hiệu quả, đẩy mạnh chuyển giao

khoa học kỹ thuật, công nghệ phục vụ sản xuất.

4. Thúc đẩy phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp: hình thành một số cụm công nghiệp để thu hút các doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động; khôi phục và phát triển làng nghề truyền thống, phát triển các cơ sở chế biến nông lâm nghiệp, khai thác và chế biến khoáng sản; củng cố, nâng cao năng lực hoạt động các cơ sở sản xuất hiện có để đảm bảo công tác thu mua và chế biến nông sản nhằm tăng giá trị sản xuất của Nhân dân; chú trọng công tác khai thác khoáng sản phải gắn với xây dựng nhà máy chế biến sâu tại các địa phương. Khuyến khích đầu tư, sử dụng công nghệ tiên tiến, đồng bộ, công nghệ sạch hoặc không tạo ra các chất thải ô nhiễm. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát các hoạt động khai thác khoáng sản để tránh thất thu ngân sách nhà nước và hạn chế ô nhiễm môi trường, có chính sách ưu đãi kêu gọi đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất ván ép, đồ mộc, gỗ MDF..., để tiêu thụ các loại cây nguyên liệu; phát huy tối đa công suất các nhà máy thủy điện đã có, thúc đẩy hoàn thành đúng tiến độ các dự án đã và đang triển khai, hạn chế việc mở mới dự án thủy điện; thực hiện tốt công tác dự báo lũ và có phương án xả lũ hợp lý, kịp thời để điều tiết được nguồn nước tưới phục vụ sản xuất ở vùng hạ lưu và giảm thiểu tối đa hiện tượng lũ, lụt xảy ra trong mùa mưa, bão; hình thành một số cụm công nghiệp quy mô nhỏ để thu hút các doanh nghiệp đầu tư vào các lĩnh vực như: gia công hàng may mặc, chế biến cao su, bột giấy dọc các trục đường Hồ Chí Minh và các trục quốc lộ, tỉnh lộ; có chính sách

hỗ trợ đầu tư, khôi phục và phát triển các làng nghề đã và đang triển khai, bao gồm: dệt thổ cẩm Zara, làng nghề thủ công mỹ nghệ Dó Trầm Hương, sản xuất rượu cần..., để tạo thêm việc làm và tăng thu nhập của người dân trong các làng nghề. Gắn phát triển làng nghề với phát triển du lịch, tạo ra hướng phát triển mới đối với làng nghề ở miền núi tỉnh Quảng Nam.

5. Khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi cho các thành phần kinh tế tham gia đầu tư kinh doanh các loại hình thương mại, dịch vụ phù hợp với đặc thù của địa phương, chú trọng phát triển các ngành dịch vụ hỗ trợ nông nghiệp, tài chính, bảo hiểm, tín dụng Nhân dân; tập trung phát triển các hoạt động thương mại phục vụ đời sống của dân cư, phục vụ cho hoạt động thu mua, chế biến nông - lâm sản và tiêu thụ các sản phẩm công nghiệp, cung cấp nguyên liệu và tiêu thụ các sản phẩm thủ công mỹ nghệ. Phát triển thương mại trong Khu kinh tế cửa khẩu Nam Giang; khai thác kết nối với khu vực hành lang kinh tế Đông - Tây; phát triển các cơ sở thương mại có quy mô ở các chuỗi đô thị dọc theo các trục đường chính, các Khu thương mại - dịch vụ tổng hợp ở các trung tâm xã và cụm xã. Phát triển du lịch phải đảm bảo phát huy các giá trị bản sắc văn hóa; cải tạo cảnh quan môi trường; nâng cao trình độ dân trí; thúc đẩy tiêu dùng và phát triển nhiều dịch vụ; trở thành “đầu tàu” lôi kéo nhiều ngành kinh tế khác phát triển; tạo việc làm, góp phần xóa đói giảm nghèo ở các vùng còn nhiều khó khăn; xác định khu vực ưu tiên phát triển du lịch sinh thái, với thương hiệu nổi tiếng

Đường Hồ Chí Minh huyền thoại; đây là điều kiện thuận lợi đánh thức tiềm năng du lịch khu vực rừng núi phía Tây của tỉnh. Với các địa danh và thắng cảnh như: khu bảo tồn thiên nhiên sông Thanh, thác Grăng (Nam Giang), làng A Sờ, Suối TooMơ, Hang Dơi, Thủy điện A Vương (Đông Giang); Phát triển các tuyến du lịch văn hóa lịch sử, khai thác và tôn tạo các di tích lịch sử, các làng văn hóa của các dân tộc thiểu số, di tích lịch sử làng Rô, khu di tích lịch sử Nước Oa, khu di tích lịch sử Phước Trà, kết hợp với phát triển du lịch sinh thái lòng hồ các công trình thủy điện đã được đầu tư xây dựng như Sông Tranh 2, A Vương, Sông Côn 2, Đắc My 4...; ưu tiên đầu tư cơ sở hạ tầng du lịch, cơ sở lưu trú, dịch vụ phục vụ du khách, xây dựng các thiết chế văn hóa, làng văn hóa. Du lịch sinh thái tại khu rừng nguyên sinh, các thác nước và suối nước nóng. Tham quan các bản của đồng bào dân tộc Cơ Tu, Xê Đăng, Cor, GiẻTriêng để tìm hiểu về văn hóa các dân tộc...

6. Phần đầu đến năm 2020, các huyện hoàn thành cơ sở vật chất ngành y tế; đầu tư đồng bộ các trang thiết bị chuyên ngành kết hợp với việc đảm bảo số lượng, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ y tế từ huyện, xã đến đội ngũ y tế thôn, bản, chú trọng công tác tiêm chủng, tiêm phòng, ngăn ngừa các dịch bệnh, đảm bảo sức khỏe bà mẹ trẻ em..., đồng thời kết hợp với công tác tuyên truyền, kế hoạch hóa gia đình để từng bước giảm tỷ lệ gia tăng dân số, nâng cao chất lượng dân số và nguồn nhân lực; tiếp tục đẩy mạnh công tác xã

hội hóa giáo dục, tập trung quy hoạch phát triển mạng lưới trường lớp học trên địa bàn từng huyện theo hướng đảm bảo số lượng giáo viên, trang bị đầy đủ các cơ sở vật chất và trang thiết bị đảm bảo cho công tác giảng dạy ở tất cả các cấp học đạt kết quả tốt nhất. Tăng cường các chế độ ưu đãi đối với học sinh người dân tộc thiểu số thông qua việc nâng mức học bổng, đảm bảo chế độ dinh dưỡng hợp lý, cung cấp đầy đủ các dụng cụ học tập..., tạo điều kiện để các em phát triển cả về thể chất lẫn trí tuệ; xúc tiến đầu tư xây dựng các trung tâm dạy nghề ở các huyện để hàng năm đào tạo ngành nghề cho lao động địa phương; tập trung giữ gìn, phát huy và bảo tồn các bản sắc truyền thống văn hóa địa phương, thu thập, sưu tầm các hiện vật văn hóa của đồng bào các dân tộc; vận động xóa bỏ các tập quán lạc hậu; ưu tiên đầu tư xây dựng các điểm sinh hoạt văn hóa, vui chơi thể thao, giải trí, phát triển mạng lưới phát thanh truyền hình tại các thôn, xã; đẩy mạnh việc phát động phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa cơ sở.

7. Cùng với đẩy mạnh công tác giáo dục, nâng cao dân trí, cần tăng cường công tác đào tạo, tập huấn cho cán bộ thôn, bản về các lĩnh vực quản lý, khuyến nông, khuyến lâm để giúp đỡ bà con nông dân phát triển có hiệu quả sản xuất nông, lâm nghiệp và ngành nghề nông thôn nhằm tăng thu nhập, ổn định đời sống; hỗ trợ dạy nghề ngắn hạn một cách thiết thực cho lao động nông thôn gắn với việc giới thiệu việc làm và hỗ trợ xuất khẩu lao động; cấp học bổng, trợ cấp xã

hội và các chính sách khác đối với học sinh dân tộc thiểu số học nghề nội trú, học sinh phổ thông theo các quy định hiện hành. Tổ chức các mô hình dạy nghề đa dạng, linh hoạt phù hợp với đặc điểm và điều kiện của từng nhóm đối tượng trên từng địa bàn; đặc biệt phát triển hình thức dạy nghề lưu động nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các đối tượng khó khăn, yếu thế tham gia học nghề, tự tạo việc làm. Ưu tiên đào tạo con em đồng bào dân tộc thiểu số trong các trường đại học, trung học chuyên nghiệp; đảm bảo sau khi ra trường, những người được hưởng chế độ ưu đãi trong đào tạo sẽ tự nguyện về công tác trên địa bàn, được ưu tiên tuyển dụng và sẽ được đào tạo chuyên sâu về kỹ năng và chuyên môn nghiệp vụ.

8. Kết hợp phát triển kinh tế đi đôi với xây dựng, củng cố quốc phòng vững mạnh. Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ và dự bị động viên đảm bảo số lượng, nâng cao chất lượng tổng hợp sức mạnh chiến đấu của lực lượng vũ trang huyện. Hoàn thành kế hoạch xây dựng các tiềm lực trong khu vực phòng thủ các huyện; xây dựng thế trận an ninh Nhân dân vững chắc, tăng cường chỉ đạo, giữ vững ổn định an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; tranh thủ người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số, kịp thời phát hiện, ngăn chặn mọi âm mưu phá hoại của các thế lực thù địch; tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả chương trình quốc gia phòng chống tội phạm, phòng chống ma túy, xây dựng lực lượng công an từ huyện đến xã có bản lĩnh chính trị vững vàng, đủ năng lực hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ; tăng cường phối hợp

với các huyện, tỉnh bạn có các tuyến giáp ranh.

9. Hệ thống kết cấu hạ tầng của các huyện miền núi còn yếu và thiếu chưa đáp ứng được nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Vì vậy, việc xây dựng cơ sở hạ tầng được coi là bước then chốt, tạo nền tảng cho sự phát triển. Tuy nhiên, trong điều kiện ngân sách nhà nước có hạn, khả năng đóng góp của dân cư không đáng kể, cần ưu tiên đầu tư các công trình hạ tầng bức xúc, có tính đột phá để tạo tiền đề cho sự phát triển; trong đó tập trung vào việc quy hoạch, bố trí sắp xếp lại các cụm dân cư tập trung thực hiện định canh, định cư cho đồng bào dân tộc thiểu số, phát triển hệ thống giao thông, thủy lợi, điện chiếu sáng và các công trình y tế, giáo dục, văn hóa thể thao đảm bảo hoàn thiện theo các tiêu chí nông thôn mới.

Thực hiện đồng bộ các mục tiêu và giải pháp nêu trên đối với vùng dân tộc và miền núi của tỉnh trong thời gian đến là nền tảng thực hiện phát triển bền vững, tạo động lực thúc đẩy các vùng phụ cận trong và ngoài tỉnh, đòi hỏi sự quan tâm vào cuộc quyết liệt của cả hệ thống chính trị và sự đồng tình ủng hộ của người dân sở tại./.

NÂNG CAO HIỆU LỰC, HIỆU QUẢ CÔNG TÁC KIỂM TRA, GIÁM SÁT VÀ KỶ LUẬT ĐẢNG GÓP PHẦN XÂY DỰNG ĐẢNG BỘ TRONG SẠCH VỮNG MẠNH

Phan Thanh Thiên

Phó Chủ nhiệm thường trực UBKT Tỉnh ủy

Khoản 1, điều 30, Quyết định 46-QĐ/TW, ngày 01/11/2011 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng quy định: *"Kiểm tra, giám sát là những chức năng lãnh đạo của Đảng. Lãnh đạo mà không kiểm tra, giám sát thì coi như không có lãnh đạo"*. Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Quảng Nam lần thứ XXI (nhiệm kỳ 2015 - 2020) xác định: *"Nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát theo hướng giám sát phải mở rộng, kiểm tra phải có trọng tâm, trọng điểm. Chú trọng kiểm tra, giám sát tập thể gắn với trách nhiệm người đứng đầu tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp; tập trung vào các lĩnh vực dễ xảy ra sai phạm, nổi cộm, bức xúc, ngăn ngừa tham nhũng, lãng phí, suy thoái về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên"*.

Để cụ thể hóa Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Quảng Nam lần thứ XXI về công tác kiểm tra, giám sát, Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy đã chủ động tham mưu cho Ban Thường vụ

Tỉnh ủy, ban hành chương trình kiểm tra, giám sát toàn khóa của Tỉnh ủy; Quy chế làm việc và chương trình toàn khóa của Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy.

Xác định rõ vị trí, vai trò, tầm quan trọng của công tác kiểm tra, giám sát đối với hoạt động lãnh đạo của Đảng. Trong nhiệm kỳ, cấp ủy, tổ chức đảng, ủy ban kiểm tra các cấp trong tỉnh đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai thực hiện đồng bộ các nhiệm vụ kiểm tra, giám sát theo quy định Điều lệ Đảng gắn với kiểm điểm tự phê bình, phê bình theo Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XI) *“Một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay”* và Chỉ thị 03-CT/TW của Bộ Chính trị về *“tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”*.

Để thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ công tác kiểm tra, giám sát của Đảng bộ nhiệm kỳ đến, nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật Đảng, cấp ủy, ủy ban kiểm tra các cấp cần tập trung một số nội dung sau:

Một là, cấp ủy, tổ chức đảng, ủy ban kiểm tra các cấp cần tiếp tục nghiên cứu, vận dụng và cụ thể hóa nội dung Nghị quyết Trung ương 5 (khóa X) về tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của Đảng, đồng thời tiến hành tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết; Kết luận số 72 - KL/TW, ngày 17/5/2010 của Bộ Chính trị về Chiến lược công tác kiểm tra, giám sát của Đảng đến năm 2020 và Kết luận số 312 - KL/

TW, ngày 09/3/2010 của Ban Bí thư về luân chuyển cán bộ ngành kiểm tra Đảng thành chương trình, kế hoạch để lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai thực hiện phù hợp với thực tiễn từng địa phương, đơn vị.

Hai là, thường xuyên quan tâm, chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ làm công tác kiểm tra chuyên trách ở các cấp; kịp thời củng cố, kiện toàn đủ số lượng; tạo điều kiện cho cán bộ kiểm tra tham gia học tập, bồi dưỡng nâng cao chất lượng; quan tâm luân chuyển cán bộ kiểm tra đi các ngành và cán bộ các ngành về công tác tại ủy ban kiểm tra nhằm khắc phục tình trạng khép kín cán bộ trong ngành, đồng thời bồi dưỡng kinh nghiệm thực tiễn cho cán bộ được luân chuyển.

Ba là, chương trình kiểm tra, giám sát của Tỉnh ủy nhiệm kỳ đến cần tập trung toàn diện trên tất cả các lĩnh vực, theo hướng kiểm tra trọng tâm, giám sát mở rộng, trong đó chú trọng, tập trung một số lĩnh vực mà Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh đã ban hành: công tác quản lý đất đai, bồi thường, hỗ trợ tái định cư, cải cách hành chính mà tập trung là cải thiện môi trường đầu tư, quản lý bảo vệ rừng, tài nguyên, khoáng sản, xây dựng nông thôn mới gắn với chương trình mục tiêu quốc gia về hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững, phòng chống tham nhũng, lãng phí, công tác tổ chức, cán bộ, kiện toàn bộ máy, tinh giản biên chế, giải quyết tố cáo, khiếu nại của công dân, phát triển các khu công nghiệp, gắn với đào tạo nghề và công tác bảo vệ môi trường, việc kê khai, minh

bạch tài sản, thu nhập, việc thực hiện Chỉ thị 03-CT/TW của Bộ Chính trị về tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh gắn với việc khắc phục những tồn tại, thiếu sót, khuyết điểm qua kiểm điểm theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI “*Một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay*”, nhất là sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống trong đội ngũ cán bộ, đảng viên.

Trên cơ sở đó, dựa vào tình hình của địa phương, cơ quan, đơn vị mình mà cấp ủy, UBKT các cấp kịp thời xây dựng, ban hành Quy chế làm việc của UBKT và chương trình, kế hoạch kiểm tra, giám sát nhiệm kỳ 2015-2020. Trong đó, chương trình, kế hoạch kiểm tra, giám sát của cấp ủy cần chú ý các nội dung như: kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện Điều lệ Đảng và nghị quyết Đại hội Đảng các cấp nhiệm kỳ 2015-2020; việc triển khai thực hiện các nghị quyết, chủ trương của cấp ủy, chính quyền có liên quan lớn đến nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội của địa phương, đơn vị; các nhiệm vụ trọng tâm, đột phá để đưa Quảng Nam thành tỉnh khá vào năm 2020. Việc kiểm tra, giám sát tập thể phải gắn với trách nhiệm cá nhân cán bộ chủ chốt, người đứng đầu; phát huy trách nhiệm của mỗi cấp ủy viên, ủy viên thường vụ cấp ủy trong triển khai nhiệm vụ kiểm tra, giám sát của Đảng. Chương trình, kế hoạch kiểm tra, giám sát của UBKT các cấp cần toàn diện các nhiệm vụ theo quy định Điều lệ

Đảng. Tiếp tục xác định kiểm tra tổ chức đảng cấp dưới và đảng viên, kể cả cấp ủy viên cùng cấp, cán bộ thuộc diện cấp ủy cùng cấp quản lý khi có dấu hiệu vi phạm là nhiệm vụ trọng tâm và thực hiện xuyên suốt, chú ý kiểm tra những lĩnh vực dễ phát sinh sai phạm (kinh tế - tài chính; cải cách thủ tục hành chính trong cấp phép đầu tư, sản xuất kinh doanh; đất đai, tài nguyên khoáng sản; quản lý, bảo vệ rừng; bồi thường, giải phóng mặt bằng, hỗ trợ tái định cư; cải cách tư pháp trong điều tra, truy tố, xét xử; công tác tuyển dụng, đề bạt, bố trí, đào tạo, bổ nhiệm cán bộ...). Mở rộng đối tượng và nội dung giám sát, tăng cường giám sát việc triển khai thực hiện và phúc tra kết quả thực hiện các quyết định, kết luận sau kiểm tra; kiên quyết xử lý nghiêm minh, đúng quy định đối với các tổ chức đảng, đảng viên vi phạm; giải quyết kịp thời, đúng quy định đơn thư tố cáo, khiếu nại kỷ luật đảng.

Bốn là, Ủy ban kiểm tra các cấp tiếp tục phát huy vai trò, trách nhiệm trong tham mưu cấp ủy và thực hiện các nhiệm vụ cấp ủy giao, nhất là việc thẩm tra phẩm chất đạo đức lối sống cán bộ, đảng viên phục vụ công tác cán bộ của cấp ủy phải đảm bảo chặt chẽ, khách quan, thể hiện rõ chính kiến khi tham mưu cho cấp ủy; chủ động nắm bắt tình hình, kịp thời đề xuất, tham mưu cấp ủy lãnh đạo, chỉ đạo, giải quyết dứt điểm những nơi có hạn chế phát sinh, có biểu hiện mất đoàn kết nội bộ, đơn thư tố cáo, khiếu nại, kiến nghị thuộc thẩm quyền của cấp ủy; đề xuất cấp ủy thực hiện đồng bộ

giữa công tác kiểm tra với công tác tổ chức cán bộ và công tác tư tưởng.

Năm là, Ủy ban kiểm tra các cấp cần tiếp tục duy trì và phát huy hiệu quả công tác phối hợp về thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát, định kỳ tổ chức giao ban, sơ kết, đánh giá rút kinh nghiệm. UBKT Tỉnh ủy nghiên cứu mở rộng công tác phối hợp đến các cơ quan thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành có liên quan đến trách nhiệm của cán bộ, đảng viên như Thanh tra các Sở: Tài chính, Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Thuế...

Sáu là, với tư tưởng chỉ đạo trong công tác kiểm tra là "*Chủ động, chiến đấu, giáo dục, hiệu quả*"; phương châm xử lý vi phạm là "*công minh, chính xác, kịp thời*", dưới sự chỉ đạo, hướng dẫn của UBKT Trung ương; sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy và cấp ủy các cấp; đội ngũ cán bộ kiểm tra cần cải tiến, đổi mới phương pháp, lề lối làm việc gắn với cải cách thủ tục hành chính trong Đảng; nghiên cứu điều chỉnh, bổ sung quy trình thực hiện công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng tinh gọn nhưng đảm bảo nguyên tắc, quy định; đưa ứng dụng công nghệ thông tin vào triển khai các nhiệm vụ kiểm tra, giám sát, vào điều hành các hoạt động hằng ngày của cơ quan ủy ban kiểm tra; kịp thời cung cấp thông tin về kết quả kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng cho báo chí theo quy định; nghiên cứu mẫu hóa các văn bản ban hành nhằm tạo sự thống nhất, đồng bộ trong triển khai nhiệm vụ kiểm tra, giám sát toàn tỉnh; công

tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật đảng phải có sự kết hợp và thực hiện đồng bộ cùng công tác tư tưởng, công tác tổ chức cán bộ, nhằm nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên, góp phần xây dựng Đảng bộ trong sạch, vững mạnh.

Để thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật Đảng của đảng bộ trong nhiệm kỳ đến, có thể rút ra một số giải pháp sau:

Thứ nhất, xác định rõ kiểm tra, giám sát là một trong những nội dung quan trọng trong lãnh đạo của Đảng, là nhiệm vụ thường xuyên của cấp ủy, tổ chức đảng, ủy ban kiểm tra các cấp đồng thời phát huy vai trò, trách nhiệm, bản lĩnh của người đứng đầu cấp ủy, ủy ban kiểm tra. Thực tiễn cho thấy, ở những nơi đồng chí đứng đầu cấp ủy, ủy ban kiểm tra nhận thức đúng, đầy đủ về công tác kiểm tra, giám sát của đảng, có bản lĩnh, có trách nhiệm, trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện thì ở đó công tác kiểm tra, giám sát của đảng phát huy hiệu quả cao.

Thứ hai, công tác kiểm tra, giám sát phải gắn với thực hiện nhiệm vụ chính trị của địa phương, đơn vị, tập trung kiểm tra, giám sát những nghị quyết, chủ trương có ảnh hưởng lớn đến hoạt động lãnh đạo của cấp ủy, đến nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, an ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội của địa phương, đơn vị; chú ý những lĩnh vực dễ phát sinh vi phạm; gắn kiểm tra, giám sát tập thể với trách nhiệm

cá nhân cán bộ chủ chốt, người đứng đầu.

Thứ ba, sự quan tâm chỉ đạo, hướng dẫn về nghiệp vụ, kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc của ủy ban kiểm tra cấp trên đối với ủy ban kiểm tra cấp dưới; phối hợp đồng bộ giữa kiểm tra với giám sát, lấy giám sát làm tiền đề cho kiểm tra; phát huy dân chủ, khách quan, chặt chẽ, đúng nguyên tắc phương pháp công tác đảng; tăng cường giám sát, phúc tra việc triển khai thực hiện các quyết định, kết luận sau kiểm tra.

Thứ tư, thực hiện tốt công tác phối hợp giữa ủy ban kiểm tra với các tổ chức đảng, cơ quan liên quan. Qua công tác phối hợp sẽ tạo được nhiều kênh thông tin, giúp ủy ban kiểm tra nắm bắt tình hình liên quan đến tổ chức đảng, đảng viên, làm cơ sở cho việc quyết định kiểm tra, giám sát được trọng tâm, chặt chẽ.

Thứ năm, thường xuyên củng cố, kiện toàn bộ máy ủy ban kiểm tra đủ về số lượng, đảm bảo đa ngành và có chất lượng; xây dựng chuẩn mực người cán bộ kiểm tra của Đảng, chăm lo đào tạo đội ngũ cán bộ kiểm tra có kỹ năng nghiệp vụ chuyên môn sâu, năng lực thực tiễn, có phẩm chất đạo đức trong sáng, bản lĩnh, vững vàng trước áp lực của công việc, góp phần hoàn thành tốt nhiệm vụ công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật đảng của Đảng bộ tỉnh trong tình hình hiện nay./.

THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP HUY ĐỘNG NGUỒN LỰC ĐỂ HOÀN THÀNH MỤC TIÊU XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

Lê Trí Thanh

TUV, Phó Chủ tịch UBND tỉnh

Qua 5 năm (2011-2015) triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới (Chương trình), trên địa bàn toàn tỉnh đã huy động được hơn 16.693,054 tỷ đồng để thực hiện Chương trình; trong đó, ngân sách các cấp đã đầu tư trực tiếp cho Chương trình là 1.378,054 tỷ đồng, chiếm 8%; vốn lồng ghép từ các chương trình dự án: 3.850 tỉ đồng, chiếm 23%; vốn tín dụng: 10.480 tỉ đồng, chiếm 62%; vốn doanh nghiệp, HTX: 278 tỉ đồng, chiếm 2%; vốn cộng đồng dân cư: 707 tỉ đồng, chiếm 5%. Từ các tỷ lệ như trên thì thực tế việc huy động nguồn lực trong triển khai Chương trình nông thôn mới không đúng như cơ cấu vốn theo tỉ lệ 4:3:2:1 được quy định tại Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ (theo Quyết định số 800/QĐ-TTg thì cơ cấu vốn là: 40% từ ngân sách nhà nước, trong đó 17% trực tiếp từ Chương trình nông thôn mới, 23 % từ lồng ghép các Chương trình, dự án khác; 30% từ tín dụng; 20% từ doanh nghiệp, HTX và 10% từ cộng đồng dân cư).

Qua việc huy động vốn để thực hiện Chương trình, cho

thấy rằng: các ngành, địa phương đã tập trung huy động được nhiều nguồn lực để xây dựng nông thôn mới, trong đó vốn tín dụng và lồng ghép các chương trình, dự án là chiếm đa số, còn nguồn ngân sách nhà nước các cấp đầu tư trực tiếp cho Chương trình còn thấp, chỉ chiếm 8% (*theo quy định tại Quyết định số 800/QĐ-TTg là 17%*), trong đó chủ yếu tập trung cho 60 xã điểm giai đoạn 2011-2015, các xã còn lại ngoài 300 triệu đồng hỗ trợ quy hoạch và 10-20 triệu đồng/năm để tuyên truyền thì hầu như không được hỗ trợ từ nguồn vốn trực tiếp của Chương trình. Qua 5 năm, bình quân mỗi xã điểm giai đoạn 2011-2015 được Trung ương, tỉnh phân bổ vốn đầu tư trực tiếp từ Chương trình là 2 tỷ đồng/năm/xã (5 năm bình quân 10 tỷ đồng/xã, bằng 1/5 so với xã điểm Tam Phước), nguồn vốn thấp so với nhu cầu được phê duyệt tại Đề án xây dựng nông thôn mới (bình quân 150 tỷ đồng/Đề án/xã). Như xã điểm Tam Phước để đạt được kết quả như ngày hôm nay, ngân sách Trung ương và tỉnh đầu tư trực tiếp trên 50 tỷ đồng và lồng ghép rất nhiều từ các chương trình, dự án khác. Trong quá trình huy động nguồn lực có một số khó khăn như Trung ương thay đổi cơ chế hỗ trợ (theo Quyết định số 800/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ thì có 7 nội dung được Trung ương hỗ trợ 100%, tuy nhiên, do Trung ương không cân đối được nguồn lực nên đã thay cơ chế hỗ trợ, từ 100% của Trung ương chuyển sang hỗ trợ một phần từ ngân sách nhà nước tại Quyết định số 695/QĐ-TTg), việc khai thác quỹ đất lẻ ở cấp xã đang gặp trở ngại, do vướng các quy định trong Luật Đất đai năm 2013 và Nghị định số

43/2014/NĐ-CP của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai năm 2013 nên các xã không khai thác được quỹ đất, tạo vốn đối ứng để xây dựng các công trình cơ sở hạ tầng nông thôn. Một số nội dung xây dựng hạ tầng, như: Nghĩa trang Nhân dân, các công trình vệ sinh môi trường nông thôn (tiêu chí số 17); chợ nông thôn (tiêu chí số 7); khu thể thao xã (tiêu chí số 6), điện (tiêu chí số 4) có trong Bộ tiêu chí Quốc gia về nông thôn mới, nhưng Trung ương chưa quy định hỗ trợ một phần kinh phí từ ngân sách Trung ương để thực hiện. Từ những thực trạng nêu trên dẫn đến việc thực hiện các tiêu chí trong xây dựng nông thôn mới còn gặp nhiều khó khăn, nhất là các tiêu chí về cơ sở hạ tầng, đòi hỏi phải có nguồn vốn lớn mới thực hiện được.

Đến nay, bình quân số tiêu chí đạt chuẩn NTM là 11,38 tiêu chí/xã, tăng 8,77 tiêu chí/xã so với năm 2010 (năm 2010 đạt 2,61 tiêu chí/xã) và tăng 2,70 tiêu chí/xã so với cuối năm 2014 (năm 2014 đạt 8,68 tiêu chí/xã); đã có 33 xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới và dự kiến đến hết năm 2015, có 54 xã được công nhận đạt chuẩn (đạt 26,47% trên tổng số xã xây dựng nông thôn mới), vượt mục tiêu đề ra tại Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Quảng Nam lần thứ XX.

Thực hiện mục tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Quảng Nam lần thứ XXI, nhiệm kỳ 2016-2020 có 50% số xã đạt chuẩn nông thôn mới thì cần phải thực hiện tốt một số giải pháp sau đây:

Thứ nhất, lồng ghép tốt các nguồn vốn từ các chương trình,

dự án khác trên địa bàn với nguồn vốn thuộc Chương trình nông thôn mới để phát huy hiệu quả đầu tư; nguyên tắc, nội dung lồng ghép vốn thực hiện theo nội dung Công văn số 2366/UBND-KTTH ngày 01/7/2013 của UBND tỉnh Quảng Nam về việc thực hiện lồng ghép các nguồn vốn đầu tư xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Quảng Nam, giai đoạn 2013 - 2020.

Thứ hai, chú trọng phát huy nội lực của cộng đồng dân cư, vận động Nhân dân đóng góp sức người, sức của, hiến vật kiến trúc, cây lâu năm, quyền sử dụng đất..., để góp phần cùng với ngân sách nhà nước thực hiện có hiệu quả các nội dung Chương trình. Việc huy động đóng góp của người dân phải được bàn bạc dân chủ và phải được sự đồng tình và nhất trí của người dân. Tuyệt đối không được yêu cầu dân đóng góp bắt buộc và huy động quá sức dân; không được yêu cầu những hộ dân nghèo, người già, người tàn tật không nơi nương tựa, hộ khó khăn, gia đình chính sách phải đóng góp. Đồng thời, phải tăng cường tuyên truyền để người dân hiểu và tự nguyện tham gia.

Thứ ba, triển khai đồng bộ kế hoạch hành động thực hiện Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững theo Quyết định số 2257/QĐ-UBND ngày 20/8/2013 của UBND tỉnh; phát huy thế mạnh của lâm nghiệp, thủy sản, tăng tỷ trọng chăn nuôi trong cơ cấu nội bộ ngành nông nghiệp. Đẩy mạnh chỉ đạo phát triển sản xuất, chuyển đổi mạnh cơ cấu sản xuất, các huyện đồng bằng tiếp tục đẩy mạnh công tác dồn điền,

đổi thửa đất nông nghiệp gắn với quy hoạch sản xuất nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa, bảo đảm tính bền vững; chuyển dịch mạnh cơ cấu nội bộ ngành theo hướng tăng tỷ trọng chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản; tiếp tục đẩy mạnh áp dụng cơ giới hóa, giảm tổn thất sau thu hoạch trong sản xuất nông nghiệp; nhân rộng các mô hình cánh đồng lớn, những vùng sản xuất chuyên canh tập trung, các mô hình sản xuất hiệu quả; tập trung chỉ đạo thực hiện Đề án phát triển sản xuất, tăng thu nhập cho cư dân nông thôn (Đề án PTSX) đã được UBND cấp huyện phê duyệt, trong đó chú trọng sử dụng hiệu quả vốn PTSX từ Chương trình và lồng ghép nhiều nguồn vốn như Chương trình 135, 30a, sự nghiệp nông nghiệp..., để thực hiện Đề án PTSX.

Củng cố và phát triển các hình thức tổ chức sản xuất phù hợp với điều kiện của địa phương, trong đó phân đầu các xã đều có các hình thức tổ chức sản xuất phù hợp, hoạt động hiệu quả; mở rộng phương thức liên doanh, liên kết giữa doanh nghiệp với HTX, nông hộ, nhằm giải quyết “đầu vào, đầu ra” cho sản xuất theo Quyết định số 62/2013/QĐ-TTg ngày 25/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ.

Thứ tư, tiếp tục hướng dẫn khuyến khích và tạo điều kiện tối đa cho người dân và các tổ chức kinh tế vay vốn tín dụng để đầu tư trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 của Chính phủ; hướng dẫn nông dân vay vốn nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp theo cơ chế tại Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg

ngày 14/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ và các cơ chế tín dụng cho hộ nghèo, hộ khó khăn. Thực hiện tốt chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo quy định tại Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 của Chính phủ.

Thứ năm, có giải pháp huy động có hiệu quả nguồn lực từ đầu giá quyền sử dụng đất, cho thuê đất trên địa bàn để lại cho xã đầu tư thực hiện Chương trình nông thôn mới theo quy định tại Điểm b, Khoản 2, Mục VI Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ.

Thứ sáu, thực hiện tốt tỷ lệ hỗ trợ từ ngân sách nhà nước các cấp cho các nội dung Chương trình theo quy định của HĐND tỉnh Quảng Nam tại Nghị quyết số 96/2013/NQ-HĐND ngày 12/12/2013 và Quyết định số 2233/QĐ-UBND ngày 21/7/2014 của UBND tỉnh Quảng Nam.

Thứ bảy, tăng cường hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư trực tiếp cho Chương trình theo kế hoạch hằng năm và theo hướng dẫn của Ban Chỉ đạo tỉnh tại Công văn số 85/BCĐNTM-VPĐP ngày 07/9/2015; đảm bảo việc đầu tư hiệu quả, đúng trọng tâm theo lộ trình đã đề ra trong Đề án xây dựng nông thôn mới.

Thực hiện tốt các giải pháp về huy động nguồn lực nêu trên sẽ góp phần thực hiện tốt mục tiêu mà Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Quảng Nam khóa XXI nhiệm kỳ 2015-2020 đã đề ra./.

TẠO ĐỘT PHÁ TRONG THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH QUỐC GIA VỀ GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG

Huỳnh Tấn Triều

TUV, Giám đốc Sở LĐ-TB&XH

G iảm nghèo là một chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước ta nhằm cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của người nghèo, góp phần thu hẹp khoảng cách chênh lệch về mức sống giữa nông thôn và thành thị, giữa các vùng, các dân tộc và các nhóm dân cư, đồng thời thể hiện quyết tâm trong việc thực hiện mục tiêu công bằng xã hội.

Trong những năm qua, công tác giảm nghèo được các cấp ủy Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể Nhân dân và toàn xã hội quan tâm triển khai thực hiện. Theo đó, tỉnh Quảng Nam đã ban hành nhiều chương trình, chính sách, dự án hỗ trợ giảm nghèo ở hầu hết các lĩnh vực đời sống xã hội. Cụ thể: Tỉnh ủy đã ban hành Chương trình hành động số 17-CTr/TU ngày 01/10/2012 thực hiện Nghị quyết số 15-NQ/TW ngày 01/06/2012 của Hội nghị Trung ương 5 (khóa XI) về “*Một số vấn đề về chính sách xã hội giai đoạn 2012 - 2020*”; Kết luận số 96-KL/TU ngày 22/7/2013 về đẩy mạnh công tác giảm nghèo trên địa bàn tỉnh. HĐND có Nghị quyết số 31/2011/NQ-HĐND ngày 09/12/2011 về Chương trình hỗ trợ giảm nghèo giai đoạn 2011 - 2015, định

hướng đến năm 2020; Nghị quyết số 119/2014/NQ-HĐND ngày 11/07/2014 về thực hiện chính sách khuyến khích thoát nghèo bền vững giai đoạn 2014 - 2015... Ngoài ra, UBND tỉnh cũng đã ban hành nhiều đề án, dự án hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội để giảm nghèo nhanh và bền vững. Đồng thời, chỉ đạo các ngành và các địa phương thực hiện tốt Chỉ thị số 08-CT/TU ngày 30/11/2001 của Tỉnh ủy về tập trung lãnh đạo Chương trình xóa đói giảm nghèo, Chỉ thị số 56-CT/TU ngày 25/05/2009 của Tỉnh ủy về việc tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện Nghị quyết số 30a/NQ-CP, ngày 27/12/2008 của Chính phủ... Nhờ đó, công tác giảm nghèo trên địa bàn tỉnh Quảng Nam đã đạt được những kết quả tích cực.

Trong giai đoạn 2011 - 2015, tỉnh Quảng Nam đã đầu tư trên 22.845 tỷ đồng, trong đó khu vực miền núi (09 huyện) được đầu tư 6.920,226 tỷ đồng, chủ yếu là vốn từ các Chương trình mục tiêu quốc gia và vốn hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách Trung ương. Nguồn vốn huy động, phân bổ thực hiện các chương trình, chính sách, dự án giảm nghèo trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2011-2015 là 7.183,459 tỷ đồng.

Thực hiện các chính sách giảm nghèo, tỉnh đã giải quyết cho 50.342 lượt hộ nghèo vay, doanh số 771,137 tỷ đồng; 10.891 lượt hộ cận nghèo vay, doanh số 262,467 tỷ đồng; 45.942 lượt học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn vay, doanh số 673,658 tỷ đồng; hỗ trợ dạy nghề cho 25.375 lao động nông thôn với kinh phí 32,6 tỷ đồng... Thực hiện cấp bù học phí và hỗ trợ chi phí học tập cho 488.369 học sinh,

sinh viên, kinh phí 298,594 tỷ đồng. Cấp 1.764.386 thẻ BHYT người nghèo và cận nghèo, kinh phí 840,341 tỷ đồng, trong đó cấp miễn phí 1.135.671 thẻ BHYT người nghèo, kinh phí 613,523 tỷ đồng. Hỗ trợ xây dựng 10.836 nhà ở cho hộ nghèo theo Quyết định số 167/2008/QĐ-TTg ngày 12/12/2008 của Thủ tướng Chính phủ, kinh phí 150 tỷ đồng; 100 chòi tránh lũ, kinh phí 01 tỷ đồng; 2.702 nhà Đại đoàn kết từ Quỹ *"Ngày vì người nghèo"*...

Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo bền vững, tỉnh đã đầu tư 876,515 tỷ đồng để hỗ trợ đầu tư xây dựng, sửa chữa 526 công trình kết cấu hạ tầng tại 06 huyện nghèo; hỗ trợ đầu tư 174 công trình tại các xã nghèo đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo, cấp 72,982 tỷ đồng để thực hiện các chế độ chính sách đặc thù của Nghị quyết 30a...

Đặc biệt, thông qua cuộc vận động Quỹ *"Ngày vì người nghèo"* do Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tổ chức đã huy động và hỗ trợ hộ nghèo xây dựng nhà ở (trên 2.700 nhà), hỗ trợ vốn, phương tiện sản xuất, kinh doanh, trợ giúp học bổng cho học sinh, sinh viên; các doanh nghiệp hỗ trợ các huyện, xã nghèo xây dựng trên 20 công trình kết cấu hạ tầng phục vụ sản xuất, dân sinh..., với tổng kinh phí trên 300 tỷ đồng. Bên cạnh đó, các đoàn thể Nhân dân phát động nhiều phong trào thi đua, nhận đỡ đầu, giúp đỡ hộ nghèo về nhiều mặt và đã có nhiều cách làm sáng tạo, hiệu quả như: hỗ trợ phương tiện, công cụ sản xuất, buôn bán nhỏ, trợ giúp học tập, y tế...

Thông qua việc thực hiện các chương trình, chính sách giảm nghèo của Trung ương và của tỉnh đã góp phần giảm nhanh tỷ lệ hộ nghèo. Từ 24,1% năm 2010 giảm còn 12,10% năm 2014; ước đến cuối năm 2015 giảm còn 9%, bình quân mỗi năm giảm 3%, vượt so với mục tiêu đề ra tại Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XX. Bên cạnh đó, tình hình đời sống của người dân nói chung, của người nghèo, cận nghèo nói riêng cũng đã được cải thiện rõ rệt, nhất là về y tế, giáo dục và nhà ở (100% người nghèo, cận nghèo được cấp thẻ BHYT miễn phí; 100% học sinh, sinh viên nghèo được hỗ trợ chi phí học tập, cấp bù học phí, trẻ em 3, 4, 5 tuổi được hỗ trợ tiền ăn trưa; ...).

Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác giảm nghèo trên địa bàn tỉnh vẫn còn những tồn tại, hạn chế:

Tỷ lệ hộ nghèo tuy giảm nhanh, nhưng vẫn còn cao hơn so với mức bình quân chung của cả nước. Các huyện nghèo, miền núi tỷ lệ hộ nghèo tuy giảm nhiều, nhưng số lượng hộ nghèo giảm không nhiều (miền núi giảm 1% hộ nghèo, chỉ tương ứng với 571 hộ, nhưng đồng bằng giảm 1% hộ nghèo lại tương ứng đến 2.934 hộ). Kết quả giảm nghèo chưa thực sự bền vững (tỷ lệ hộ nghèo giảm nhưng tỷ lệ hộ cận nghèo tăng), tỷ lệ hộ nghèo khu vực miền núi cao hơn đồng bằng 8 lần; số lượng xã nghèo, huyện nghèo không giảm mà tăng so năm 2010.

Việc lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện công tác

giảm nghèo ở một số địa phương, ngành chưa tập trung. Công tác lập kế hoạch đầu tư xây dựng công trình đối với các dự án giảm nghèo còn hạn chế, thiếu chủ động, thiếu tập trung, nguồn vốn phân bổ dàn trải. Công tác điều tra xác định hộ nghèo, cận nghèo còn sai sót, chưa quyết liệt trong chỉ đạo điều tra, có nơi có biểu hiện đối phó, chưa phân loại hộ nghèo theo nguyên nhân nghèo...

Một số chính sách, dự án hỗ trợ giảm nghèo đầu tư chưa hiệu quả, việc hỗ trợ còn mang tính bình quân; bố trí nguồn lực chưa hợp lý, lồng ghép giữa chương trình, dự án giảm nghèo với các chương trình, dự án khác chưa gắn kết, đồng bộ.

Việc ban hành nhiều chính sách hỗ trợ giảm nghèo trực tiếp đã làm mất đi động lực phấn đấu, tạo nên tâm lý trông chờ, ỷ lại, không muốn thoát nghèo trong một bộ phận hộ nghèo, không mạnh dạn vay vốn ưu đãi của Nhà nước để đầu tư phát triển sản xuất, giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho bản thân và gia đình người nghèo.

Để tạo bước đột phá trong thực hiện Chương trình quốc gia về giảm nghèo bền vững và phấn đấu đạt được mục tiêu mỗi năm giảm từ 2 - 2,5% hộ nghèo, từ 1,5 - 2% hộ cận nghèo, từ nay đến năm 2020, Quảng Nam cần tập trung vào các giải pháp chính sau đây:

Một là, triển khai thực hiện kịp thời, đồng bộ và có hiệu quả các cơ chế, chính sách của Trung ương và địa phương

về giảm nghèo, nhất là thực hiện tốt việc điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo mới giai đoạn 2016 - 2020 với phương pháp tiếp cận đo lường nghèo từ đơn chiều sang đa chiều để phục vụ xây dựng chương trình, kế hoạch, giải pháp giảm nghèo. Trước mắt, nghiên cứu giải pháp hỗ trợ đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt và các vấn đề an sinh xã hội cho hộ nghèo phù hợp với từng vùng, khu vực và từng nhóm dân cư. Trong thực hiện các nội dung hỗ trợ, phải thực hiện đúng quy định, không thực hiện chia bình quân, nhất là địa phương miền núi, vùng dân tộc thiểu số để đảm bảo giải quyết đúng đối tượng, tạo điều kiện cho hộ nghèo có cơ hội thoát nghèo bền vững.

Hai là, thực hiện phân loại hộ nghèo để theo dõi, quản lý các cơ chế, chính sách hỗ trợ phù hợp, cụ thể thực hiện phân loại theo hai nhóm sau: Nhóm hộ nghèo thuộc chính sách bảo trợ xã hội và nhóm hộ nghèo thuộc chính sách giảm nghèo.

Đối với nhóm hộ nghèo thuộc chính sách bảo trợ xã hội: Thực hiện tốt các chính sách giảm nghèo và an sinh xã hội như: trợ cấp xã hội hằng tháng, nhà ở, y tế và dinh dưỡng, nước sinh hoạt, thông tin..., để đảm bảo đạt mức sống tối thiểu so với cộng đồng dân cư trong khu vực.

Đối với nhóm hộ nghèo thuộc chính sách giảm nghèo: Rà soát, phân loại hộ nghèo theo từng nguyên nhân nghèo và theo từng địa bàn (thôn, khối phố, tổ dân phố) để xây dựng

kế hoạch giảm nghèo bền vững theo địa chỉ và nguyên nhân nghèo. Phân công nhiệm vụ cụ thể cho các đoàn thể Nhân dân, cho cán bộ, đảng viên theo dõi, phụ trách hỗ trợ, giúp đỡ, tư vấn chính sách hỗ trợ của Nhà nước cho từng hộ hoặc từng nhóm hộ nghèo; vận động, thuyết phục hộ nghèo khắc phục khó khăn, mạnh dạn đăng ký học nghề, vay vốn đầu tư cho sản xuất kinh doanh, tham gia đi xuất khẩu lao động...

Ba là, thực hiện đa dạng hóa nguồn vốn huy động để triển khai thực hiện công tác giảm nghèo, chú trọng huy động đóng góp của các doanh nghiệp và vận động tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước. Ưu tiên bố trí ngân sách, vốn trái phiếu Chính phủ, vốn ODA, vốn tín dụng ưu đãi cho đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng các vùng khó khăn, khu vực miền núi; bố trí vốn từ nguồn ngân sách tỉnh cho các chính sách hỗ trợ giảm nghèo đặc thù của tỉnh đã ban hành theo các Nghị quyết, Quyết định và vốn đối ứng thực hiện các chương trình, chính sách, dự án giảm nghèo theo quy định của Trung ương. Tiếp tục vận động nhiều nguồn lực để phục vụ công tác giảm nghèo như: vận động Quỹ "Ngày vì người nghèo", vận động các tập đoàn kinh tế, tổng công ty, doanh nghiệp có tiềm lực để nhận đỡ đầu hỗ trợ các địa phương nghèo. Tiếp tục đẩy mạnh chương trình kết nghĩa với các xã nghèo, thôn nghèo. Thực hiện tốt công tác giao kế hoạch vốn từ đầu năm cho các ngành, đơn vị và địa phương để chủ động tổ chức thực hiện các chương trình, chính sách, dự án giảm nghèo.

Bốn là, tiếp tục thực hiện chính sách hỗ trợ cho hộ nghèo, cận nghèo về y tế, giáo dục theo Nghị quyết số 31/2011/NQ-HĐND ngày 09/12/2011 của HĐND tỉnh thông qua việc duy trì chính sách hỗ trợ đóng BHYT cho người thuộc hộ cận nghèo, mở rộng đối tượng và nâng mức hỗ trợ đối với chính sách giáo dục (mở rộng đối tượng học sinh, sinh viên ngoài công lập; nâng mức hỗ trợ cấp bù học phí lên 100%).

Tiếp tục thực hiện Chính sách khuyến khích thoát nghèo theo Nghị quyết số 119/2014/NQ-HĐND của HĐND tỉnh trên cơ sở làm tốt công tác điều tra xác định hộ nghèo, hộ thoát nghèo bền vững và công tác tuyên truyền vận động, thuyết phục để hộ nghèo thuộc diện chính sách giảm nghèo tự nguyện đăng ký tham gia và tự lực, khắc phục khó khăn vươn lên thoát nghèo bền vững.

Đối với miền núi, tiếp tục thực hiện tốt các chương trình, dự án, chính sách hỗ trợ đặc thù cho miền núi, vùng dân tộc thiểu số như Chương trình 30a, Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững, Chương trình mục tiêu quốc gia về nông thôn mới...; trong đó, nâng mức cân đối từ nguồn tăng thu, vượt thu ngân sách Nhà nước, nguồn thu cấp quyền sử dụng đất và các nguồn vốn khác trên địa bàn tỉnh để hỗ trợ đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng cho các huyện miền núi có tỷ lệ hộ nghèo cao chưa được hỗ trợ từ ngân sách Trung ương.

Năm là, củng cố, kiện toàn Ban Chỉ đạo giảm nghèo bền vững cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã, đảm bảo hoạt động thông suốt, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu lãnh đạo, chỉ đạo điều hành

các chính sách giảm nghèo một cách tập trung nhất; Ban chỉ đạo giảm nghèo bền vững ở mỗi cấp có Quy chế và được bố trí kinh phí từ ngân sách để hoạt động; phân công trách nhiệm và địa bàn theo dõi, giám sát, chịu trách nhiệm toàn diện về công tác giảm nghèo ở địa bàn được phân công.

Thực hiện xây dựng bộ máy tổ chức cán bộ làm công tác giảm nghèo từ tỉnh đến xã theo hướng mỗi xã bố trí 01 cán bộ theo dõi chuyên trách công tác giảm nghèo, làm việc theo chế độ hợp đồng lao động có thời hạn; ở huyện, tùy theo điều kiện về biên chế, ngân sách địa phương, bổ sung biên chế cho phòng Lao động - Thương binh và Xã hội hoặc cho phép hợp đồng thêm lao động để theo dõi công tác giảm nghèo; ở tỉnh, tiếp tục nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Văn phòng giảm nghèo, quy định chức năng, nhiệm vụ, kinh phí hoạt động nhằm đảm bảo hiệu quả thiết thực.

Thường xuyên chú trọng công tác kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện các chính sách giảm nghèo; đồng thời làm tốt công tác sơ kết, tổng kết đánh giá, rút kinh nghiệm, đề ra mục tiêu, giải pháp sát đúng, để tổ chức thực hiện thành công mục tiêu giảm nghèo trên địa bàn tỉnh./.

ĐẨY MẠNH CÔNG TÁC TUYÊN TRUYỀN, GIÁO DỤC CHÍNH TRỊ TƯ TƯỞNG CHO CÔNG NHÂN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

Đặng Văn Chương

TUV, Chủ tịch LĐLĐ tỉnh

Traï qua hơn 86 năm xây dựng, trưởng thành, Công đoàn Việt Nam gắn liền với lịch sử đấu tranh giành độc lập dân tộc và xây dựng đất nước. Quá trình hình thành và ra đời của tổ chức Công đoàn Việt Nam đã trải qua nhiều giai đoạn khó khăn và thử thách nhưng rất vẻ vang, đáng tự hào của giai cấp công nhân, những người lao động và đoàn viên Công đoàn Việt Nam. Thực tế đó đã khẳng định chính công nhân là lực lượng chủ yếu đã và đang từng bước tạo nên những chuyển biến sâu sắc thay đổi diện mạo đất nước, làm cho vị thế nước ta ngày một được nâng cao trên trường quốc tế.

Nghị quyết Hội nghị Trung ương 6 (khóa X) của Đảng tiếp tục khẳng định: giai cấp công nhân là “... *giai cấp tiên phong trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, lực lượng đi đầu trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh...*”. Giai cấp công nhân (GCCN) tỉnh nhà có những bước phát triển tích cực, mạnh mẽ, đang tăng nhanh về số lượng, ngày càng đa dạng về cơ cấu, đồng

thời chất lượng đội ngũ được nâng lên. Công nhân trí thức là lực lượng sản xuất cơ bản, đang trực tiếp tham gia vào việc tổ chức, quản lý sản xuất, kinh doanh, vận hành, sử dụng các, phương tiện sản xuất tiên tiến, năng động, tiếp cận nhanh với khoa học công nghệ hiện đại, làm chủ máy móc thiết bị, thích ứng nhanh với cơ chế thị trường, phát huy được tinh thần lao động sáng tạo.

Tiếp tục phát huy truyền thống cách mạng, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh Quảng Nam, trong những năm qua, đội ngũ đoàn viên, công nhân và tổ chức công đoàn của tỉnh đã có bước trưởng thành mới, tiếp tục phát triển về số lượng, nâng cao về chất lượng, ngày càng đa dạng về cơ cấu, việc làm và đời sống từng bước được cải thiện, trình độ học vấn, nghề nghiệp, tư duy kinh tế, nhận thức pháp luật từng bước được nâng lên. Các phong trào thi đua của công đoàn phát động được đông đảo công nhân hưởng ứng tích cực, nội dung, phương pháp hoạt động phong phú, đa dạng, đã tập trung hướng về cơ sở, đáp ứng yêu cầu của đoàn viên và người lao động. Vị thế của tổ chức công đoàn trong xã hội được nâng lên, đoàn viên và người lao động tin tưởng hơn vào tổ chức công đoàn, qua đó tiếp tục khơi dậy sức mạnh to lớn trong công nhân, ý thức trách nhiệm, lòng nhiệt tình, tinh thần hăng say lao động, sáng tạo, vượt qua khó khăn để cùng với khối đại đoàn kết toàn dân tộc, giai cấp công nhân đã có đóng góp to lớn vào quá trình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh nhà. Với những đóng góp to

lớn đó mà giai cấp công nhân và tổ chức Công đoàn tỉnh nhà được Đảng và Nhà nước trao tặng Huân chương Độc lập hạng Nhì và hạng Ba.

Với mục tiêu tuyên truyền, giáo dục chính trị tư tưởng cho công nhân, trong thời gian qua, Liên đoàn Lao động tỉnh phối hợp với Sở Lao động – Thương binh xã hội, Sở Tài chính, Sở Công thương, Liên minh Hợp tác xã, Sở Tư pháp, Báo Quảng Nam, Đài Phát thanh - Truyền hình..., đẩy mạnh việc tuyên truyền, giáo dục cho công nhân nêu gương trong thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, chống quan liêu, chống chủ nghĩa cá nhân, nâng cao tinh thần trách nhiệm trong công việc. Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến pháp luật cho người lao động và người sử dụng lao động trong các loại hình doanh nghiệp về Bộ luật Lao động, Luật Công đoàn. Đến nay, các cấp Công đoàn toàn tỉnh đã tổ chức và phối hợp tổ chức trên 100 lớp, với trên 17.668 đoàn viên, công nhân viên chức lao động tham dự. Tổ chức 193 đợt trợ giúp pháp lý lưu động tại các Khu, Cụm công nghiệp trong tỉnh, tư vấn pháp luật cho hơn 5.000 công nhân lao động. Việc tổ chức tuyên truyền với nhiều hình thức phong phú, đa dạng như thi tìm hiểu, mở lớp, phát thanh trên loa tại đơn vị, phát hành 30.000 tờ rơi về pháp luật Lao động, Luật Công đoàn để phát cho người lao động...

Về công tác tuyên truyền, phổ biến, ý thức chấp hành kỷ luật lao động, từng bước được nâng cao. Người sử dụng lao động đã có những nhìn nhận đúng đắn hơn về nghĩa

vụ, quan tâm hơn đến tâm tư nguyện vọng và đời sống của người lao động. Tình trạng kiến nghị, khiếu nại không đúng quy định có xu hướng giảm. Đơn thư, đề nghị hỏi đáp thắc mắc được giải quyết, hạn chế và giảm tối đa tình trạng tranh chấp lao động, đình công, lãn công xảy ra. Tuyên truyền thực hiện Nghị định 60 của Chính phủ về thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc. Hội nghị người lao động tại các doanh nghiệp năm 2014, đạt 75,64%. Đến nay, toàn tỉnh có 119/165 doanh nghiệp có tổ chức công đoàn xây dựng và ký kết thỏa ước lao động tập thể, đạt 72,54%. Việc tổ chức đối thoại tại nơi làm việc ngày càng hiệu quả hơn.

Và để nâng cao chất lượng cuộc sống, quyền lợi và bảo hộ an toàn cho người lao động, trong thời gian qua, Liên đoàn Lao động tỉnh phối hợp với Sở Lao động – Thương binh và Xã hội, Sở Y tế, Công an, Bảo hiểm xã hội tỉnh..., tổ chức thanh tra, kiểm tra việc triển khai thực hiện Bộ luật Lao động tại gần 100 doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh; kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm tại các cơ sở chế biến, kinh doanh thực phẩm; kiểm tra tình hình đời sống, nhà ở, việc làm, thu nhập và các chế độ, chính sách đối với người lao động; khảo sát tình hình sử dụng lao động trong các doanh nghiệp dân doanh, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; tham gia kiểm tra việc thực hiện quy chế dân chủ tại các doanh nghiệp. Phối hợp với cơ quan chức năng kiểm tra công tác an toàn – vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ

tại 21 doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh; cùng với Viện Công nhân Công đoàn khảo sát mức sống thiểu của người lao động tại 4 doanh nghiệp; khảo sát điều kiện lao động và đời sống của đoàn viên tại 2 nghiệp đoàn nghề cá, đồng thời chỉ đạo cho liên đoàn lao động các huyện, thị, thành phố, Công đoàn ngành phối hợp với các ngành liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện pháp luật lao động tại các doanh nghiệp trên địa bàn.

Tuy nhiên, kết quả thực hiện một số nội dung, yêu cầu nêu trong công tác tuyên truyền còn hạn chế, nội dung dài dòng, chưa thường xuyên. Kinh phí cho công tác tuyên truyền, giáo dục chưa được quan tâm đúng mức. Để thực hiện tốt công tác tuyên truyền, giáo dục trong công nhân lao động, công đoàn các cấp nói riêng và các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp nói chung cần phải:

1- Thực hiện tốt Chỉ thị số 1973, ngày 07/11/2011 của Thủ tướng Chính phủ về *“Tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”* trong doanh nghiệp.

2- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục chính trị tư tưởng làm cho công nhân nhận thức đúng đắn về những cơ hội, khó khăn, thách thức hiện nay, nâng cao hiểu biết về mối quan hệ giữa lợi ích trước mắt và lâu dài, lợi ích cá nhân, doanh nghiệp và xã hội. Qua đó, nâng cao tinh thần trách nhiệm, nỗ lực vươn lên trong học tập, rèn luyện phẩm

chất đạo đức, ý thức kỷ luật, tác phong công nghiệp, ngày càng nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả. Phát huy vai trò, bản lĩnh của Chủ tịch công đoàn cơ sở ở các doanh nghiệp ngoài khu vực Nhà nước.

3- Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến Bộ luật Lao động các nghị định, hướng dẫn thi hành luật đến người lao động và người sử dụng lao động trong các doanh nghiệp bằng nhiều hình thức như tuyên truyền miệng, hội thi, tờ rơi, in ấn tài liệu cầm tay, phối hợp với các phương tiện thông tin đại chúng... tuyên truyền cho người lao động.

4- Liên đoàn Lao động tỉnh và các cấp đổi mới nội dung, hình thức phù hợp với từng đối tượng công nhân giành phần lớn kinh phí cho công tác tuyên truyền, giáo dục. Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục trong công nhân của tiểu Đề án 3. Tập trung tuyên truyền, giáo dục công nhân tại các khu, cụm công nghiệp trọng điểm của tỉnh, huyện, thị và thành phố.

Xây dựng GCCN là vấn đề cơ bản và cấp bách, có ý nghĩa quan trọng trong xã hội. Đảng ta luôn quan tâm lãnh đạo, xây dựng và phát huy vai trò của GCCN trong cách mạng giải phóng dân tộc, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Là một tổ chức trực tiếp theo dõi, chăm lo xây dựng GCCN, tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục tư tưởng chính trị cho công nhân trên địa bàn tỉnh nhằm đáp ứng yêu

cầu nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới. Ban Thường vụ Liên đoàn Lao động tỉnh mong muốn các cấp ủy Đảng, chính quyền, các ban, ngành, đoàn thể trong toàn tỉnh quan tâm chỉ đạo, phối hợp hỗ trợ cùng xây dựng GCCN Quảng Nam thật sự là giai cấp tiên phong, là lực lượng đi đầu trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa góp phần xây dựng quê hương Quảng Nam ngày càng giàu mạnh./.

PHẦN THỨ HAI

NHỮNG CHUYÊN ĐỀ THUỘC CÁC LĨNH VỰC
CHÍNH TRỊ, KINH TẾ, VĂN HÓA, XÃ HỘI,
AN NINH, QUỐC PHÒNG

TĂNG CƯỜNG CÔNG TÁC NỘI CHÍNH, TÍCH CỰC PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG TRONG THỜI GIAN ĐẾN

Nguyễn Ngọc Truyền

UVBTV, Trưởng ban Nội chính Tỉnh ủy

Trong những năm qua, Đảng và Nhà nước luôn xác định công tác nội chính và phòng, chống tham nhũng là nhiệm vụ quan trọng, vừa cấp bách, vừa lâu dài, góp phần vào nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh Quảng Nam nói riêng và cả nước nói chung.

Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ do Bộ Chính trị, Ban Bí thư quy định, các cấp ủy đảng đã quán triệt và nhận thức sâu sắc các nghị quyết của Trung ương về công tác nội chính và phòng, chống tham nhũng; Nghị quyết Trung ương 3 (khóa X) về *"Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí"*; Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XI) *"Một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay"* để triển khai thực hiện nhằm góp phần nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng, sự đoàn kết thống nhất và bảo đảm dân chủ trong Đảng, giữ vững kỷ cương, kỷ luật của Đảng; phòng ngừa, ngăn chặn sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên, bảo vệ quan điểm, đường lối của Đảng, Nhà nước

pháp quyền xã hội chủ nghĩa; tránh các nguy cơ sai lầm về đường lối, quan liêu, xa dân của Đảng cầm quyền, góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội XI của Đảng.

Các cấp ủy đảng đã ban hành các chương trình, kế hoạch, quy chế phối hợp và tổ chức thực hiện công tác nội chính và phòng, chống tham nhũng đúng trọng tâm, trọng điểm; phân công cấp ủy, cán bộ triển khai thực hiện nghiêm túc, đạt mục đích, yêu cầu đề ra.

Về công tác nội chính, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết 48-NQ/TW của Bộ Chính trị về Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2020 và sơ kết công tác cải cách tư pháp giai đoạn 2011-2015; sơ kết 5 năm thực hiện Thông báo 130-TB/TW của Bộ Chính trị và Chương trình hành động số 18-CTr/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về giải quyết khiếu nại, tố cáo; sơ kết thực hiện Chỉ thị 15-CT/TW của Bộ Chính trị *“về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với các cơ quan tư pháp trong việc xử lý các vụ án và công tác bảo vệ Đảng”*. Quán triệt, triển khai Chỉ thị số 35-CT/TW, ngày 26/5/2014 của Bộ Chính trị *“về tăng cường sự lãnh đạo của đảng đối với công tác tiếp dân và giải quyết khiếu nại tố cáo”*; Kết luận số 92-KL/TW, ngày 12/3/2014 của Bộ Chính trị *“về tiếp tục thực hiện Nghị quyết 49-NQ/TW của Bộ Chính trị (khóa IX) về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020”*; kiểm tra việc lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện Nghị quyết số 37/2012/QH13, ngày 23/11/2012 của Quốc hội đối với Đảng

ủy Công an tỉnh, Ban cán sự đảng Viện Kiểm sát Nhân dân tỉnh và Ban cán sự đảng Tòa án Nhân dân tỉnh về công tác phòng ngừa, chống vi phạm pháp luật và tội phạm, công tác của Viện Kiểm sát Nhân dân tối cao, Tòa án Nhân dân tối cao và công tác thi hành án năm 2013 cùng nhiều hội nghị quan trọng khác liên quan đến công tác nội chính.

Với chức năng, nhiệm vụ được giao, các cơ quan nội chính thực hiện nhiệm vụ chuyên môn theo đúng quy định của pháp luật, nhất là hoạt động của các cơ quan tổ tụng trong công tác điều tra, truy tố, xét xử các loại án ngày càng được nâng cao, đảm bảo chất lượng, hiệu quả, thời gian. Công tác phối hợp giữa các cơ quan tổ tụng ngày càng đi vào nền nếp, thường xuyên; đối với một số vụ án còn chưa thống nhất về quan điểm xử lý, xác định tội danh, đánh giá chứng cứ..., các cơ quan tổ tụng tổ chức họp liên ngành để thảo luận, bàn bạc, trao đổi, đi đến thống nhất việc xử lý án đúng quy định pháp luật. Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã chỉ đạo Ban Nội chính Tỉnh ủy chủ trì phối hợp với các cơ quan tư pháp giải quyết dứt điểm một số vụ án tồn đọng, kéo dài.

Trong công tác phòng, chống tham nhũng, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, UBND tỉnh tổ chức hội nghị sơ kết 05 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 (khóa X) về *“Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí”*; tổng kết 05 năm thực hiện Luật Phòng, chống tham nhũng, lãng phí và sơ kết giai đoạn thứ nhất Chiến lược Quốc gia về phòng, chống tham nhũng trong toàn

tỉnh. Ban Nội chính Tỉnh ủy tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy tổ chức Hội nghị chuyên đề quán triệt, triển khai thực hiện Chỉ thị số 33-CT/TW, ngày 03/01/2014 của Bộ Chính trị *"về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác kê khai tài sản và kiểm soát kê khai tài sản"*; ban hành Chỉ thị số 41-CT/TU ngày 17/7/2014 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí trên địa bàn tỉnh Quảng Nam. Kiểm tra việc lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Chỉ thị 33-CT/TW, ngày 03/01/2014 của Bộ Chính trị *"về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với việc kê khai và kiểm soát việc kê khai tài sản"*; Nghị định số 78/2013/NĐ-CP, ngày 17/7/2013 của Chính phủ *"về minh bạch tài sản, thu nhập"*; ban hành các Quy chế phối hợp công tác giữa Ban Nội chính Tỉnh ủy với UBKT Tỉnh ủy, Ban cán sự đảng Viện Kiểm sát Nhân dân tỉnh, Ban cán sự đảng Tòa án Nhân dân tỉnh, Đảng ủy Công an tỉnh; triển khai thực hiện Hướng dẫn số 06-HD/BNCTW, ngày 16/4/2015 của Ban Nội chính Trung ương về tổ chức rà soát các cuộc thanh tra kinh tế - xã hội tại các địa phương từ năm 2011-2014 trên địa bàn tỉnh. Lập danh mục 22 vụ án, vụ việc đưa vào diện theo dõi các vụ án tham nhũng, án kinh tế có dấu hiệu tham nhũng, các vụ án phức tạp hoặc dư luận xã hội quan tâm do các cơ quan tổ tụng thụ lý để đề xuất Ban Thường vụ, Thường trực Tỉnh ủy cho chủ trương, biện pháp đẩy nhanh tiến độ điều tra, truy tố, xét xử theo quy định của pháp luật. Đến nay, đã giải quyết được 15 vụ án, vụ việc, còn lại 7 vụ án, vụ việc đang theo dõi, đôn đốc giải quyết dứt điểm thời gian đến.

Tuy vậy, công tác nội chính và phòng, chống tham nhũng ở một số cấp ủy, tổ chức đảng thời gian qua vẫn còn một số vấn đề cần quan tâm, giải quyết. Vẫn còn một số vụ án tồn đọng, kéo dài. Công tác thi hành án dân sự đối với một số vụ việc gặp nhiều khó khăn, vướng mắc. Việc phổ biến, quán triệt triển khai thực hiện nghị quyết của Trung ương và Chương trình hành động của Tỉnh ủy về phòng, chống tham nhũng đạt kết quả chưa cao.

Để góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Quảng Nam lần thứ XXI, nhiệm kỳ 2015-2020, cấp ủy, tổ chức đảng các cấp cần quán triệt sâu sắc các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp về nâng cao hiệu quả công tác nội chính và phòng, chống tham nhũng trong tình hình mới, trong đó tập trung những nội dung cơ bản sau đây:

1- Nâng cao vai trò, trách nhiệm của các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị, tạo sự chuyển biến tích cực về nhận thức và hành động để tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo nhằm nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng và sự quản lý của Nhà nước, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; giữ nghiêm kỷ cương, kỷ luật của Đảng, góp phần thực hiện tốt mục tiêu như Nghị quyết Trung ương 3 (khóa X) về *"Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí"* và Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XI) *"Một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay"* đề ra.

2- Công tác nội chính và phòng, chống tham nhũng là nhiệm vụ quan trọng và thường xuyên của cấp ủy; cần thực hiện đồng bộ các biện pháp, chương trình, kế hoạch trong lĩnh vực này, đề cao vai trò, trách nhiệm của cấp ủy, người đứng đầu; đảm bảo nguyên tắc: công tác nội chính và phòng, chống tham nhũng phải được thực hiện một cách thận trọng, chặt chẽ, đúng quy định của pháp luật.

3- Công tác nội chính và phòng, chống tham nhũng phải kết hợp chặt chẽ giữa xây với chống, giữa phòng ngừa với xử lý, trong đó xây và chủ động phòng ngừa là chính; kết hợp giữa giáo dục, thuyết phục với cưỡng chế, giữa khoan hồng với nghiêm trị.

4- Thực hiện công tác nội chính và phòng, chống tham nhũng phải gắn chặt với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống, đảm bảo an sinh xã hội cho cán bộ, công chức và Nhân dân; xây dựng khối đoàn kết thống nhất trong Đảng, giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh.

5- Kiện toàn tổ chức, bộ máy các cơ quan nội chính nhất là ở các cơ quan điều tra, truy tố, xét xử theo tinh thần Nghị quyết 49-NQ/TW, ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị và Kết luận số 92-KL/TW, ngày 12/3/2014 của Bộ Chính trị *"về tiếp tục thực hiện Nghị quyết 49-NQ/TW của Bộ Chính trị (khóa IX) về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020"*.

6- Các cấp, các ngành, các địa phương tập trung giải

quyết và xử lý dứt điểm các vụ án, vụ việc phức tạp, nổi cộm, dư luận quan tâm; giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo đảm bảo đúng thời gian, đúng quy định, không để tồn đọng, kéo dài hoặc xảy ra tình trạng khiếu nại vượt cấp. Người đứng đầu phải trực tiếp giải quyết thông qua việc tiếp công dân theo định kỳ hoặc đối thoại trực tiếp với các đối tượng khiếu nại để giải quyết dứt điểm các vụ việc. Kinh nghiệm trong công tác nội chính và phòng, chống tham nhũng thời gian qua cho thấy, đây là một trong những vấn đề gây bất ổn trong xã hội, là nguyên nhân dẫn đến mất an ninh trật tự, tạo thành điểm nóng tại địa phương và là điều kiện để kẻ xấu, các thế lực thù địch lợi dụng tuyên truyền, xúi giục, kích động Nhân dân.

7- Thường xuyên và coi trọng việc nghiên cứu lý luận và tổng kết thực tiễn để không ngừng nâng cao chất lượng công tác nội chính và phòng, chống tham nhũng. Chú ý việc nghiên cứu sự diễn biến tình hình của thế giới, khu vực, của đất nước và địa phương, trên cơ sở đó nâng cao khả năng dự báo tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, phòng, chống tham nhũng. Trong đó, chú ý do tác động về tư tưởng, về cơ chế thị trường, hội nhập kinh tế quốc tế, sự phát triển nhanh chóng của khoa học - công nghệ... để đề ra chương trình công tác nội chính và phòng, chống tham nhũng được phù hợp, hiệu quả. Hằng năm và cuối nhiệm kỳ, tổng kết tình hình thực hiện công tác nội chính và phòng, chống tham nhũng của cấp ủy để rút ra kinh nghiệm thực tiễn, bổ sung

hoặc kiến nghị cấp trên sửa đổi, bổ sung các quy định, hướng dẫn phù hợp.

Phát huy những kết quả đạt được trong công tác nội chính và phòng, chống tham nhũng nhiệm kỳ qua với nhiều chuyển biến tích cực từ nhận thức đến hành động. Nhiệm kỳ 2015-2020, Đảng bộ tỉnh Quảng Nam tiếp tục phát huy kết quả đạt được, tập trung lãnh đạo, chỉ đạo và thực hiện toàn diện công tác nội chính, phòng, chống tham nhũng góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội XXI đề ra./.

TẬP TRUNG XÂY DỰNG CÁC TIỀM LỰC TRONG KHU VỰC PHÒNG THỦ TỈNH QUẢNG NAM ĐÁP ỨNG TÌNH HÌNH MỚI

Thượng tá Lê Ngọc Hải

UVBTV, Chỉ huy trưởng Bộ CHQS tỉnh

Quảng Nam là vùng đất có bề dày truyền thống yêu nước và cách mạng. Trải qua hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, Nhân dân các dân tộc Quảng Nam đã trung dũng kiên cường, viết nên những trang sử hào hùng của quê hương, đất nước. Ngày nay, trong công cuộc đổi mới, Đảng bộ, quân và dân trong tỉnh luôn nhận thức sâu sắc xây dựng khu vực phòng thủ (KVPT) là cái gốc, nền tảng vững chắc cho thể trận quốc phòng toàn dân, thể trận an ninh Nhân dân, biên phòng toàn dân, nhân tố cơ bản, vững bền cho sự phát triển toàn diện của đất nước và của tỉnh; toàn tỉnh đã khắc phục khó khăn, nêu cao tinh thần đoàn kết, phát huy tốt các tiềm năng, lợi thế, tập trung lãnh đạo, chỉ đạo giành những kết quả toàn diện trên các mặt, góp phần giữ vững ổn định chính trị, thực hiện thắng lợi chỉ tiêu nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Là địa bàn chiến lược có vị trí địa chính trị quan trọng trong thể trận phòng thủ chung của Quân khu 5. Quảng Nam có diện tích tự nhiên 10.408,78 km² (chiếm 3,25% diện tích

cả nước); dân số gần 1,5 triệu người. Phía Bắc giáp thành phố Đà Nẵng và tỉnh Thừa Thiên Huế, phía Tây giáp tỉnh Sê Kông của nước CHDCND Lào, với đường biên giới dài 142 km; phía Tây Nam giáp tỉnh Kon Tum; phía Nam giáp tỉnh Quảng Ngãi; phía Đông giáp biển Đông, có chiều dài bờ biển 125 km, thêm lục địa giàu tiềm năng về kinh tế; nơi rộng nhất từ bờ biển đến biên giới Lào là 129 km, nơi hẹp nhất là 72 km; có 19 dân tộc anh em cùng chung sống, dân tộc Kinh chiếm 93%. Địa bàn tỉnh có sân bay, bến cảng, đường sắt, quốc lộ 1A, đường Hồ Chí Minh, đường Đông Trường Sơn..., thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội và cơ động lực lượng trong KVPT, có đảo Cù Lao Chàm là tuyến đầu phòng thủ của tỉnh. Địa hình khá đa dạng, có cả miền núi, trung du, đồng bằng ven biển, biên giới, hải đảo; trong đó rừng chiếm 72% diện tích toàn tỉnh. Trong lòng các dãy núi có hàng chục hang động tự nhiên có giá trị về mặt quân sự để xây dựng các căn cứ chiến đấu, căn cứ hậu cần - kỹ thuật, căn cứ hậu phương, nơi trú quân, sơ tán cơ quan Đảng, Nhà nước và Nhân dân khi có chiến tranh.

Quán triệt và thực hiện Nghị quyết 28-NQ/TW của Bộ Chính trị và Nghị định 152/NĐ-CP của Chính phủ về xây dựng KVPT, những năm qua Đảng ủy, Bộ CHQS tỉnh đã tham mưu cho Tỉnh ủy, UBND tỉnh lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng các tiềm lực trong KVPT khá toàn diện; tập trung xây dựng tiềm lực chính trị tinh thần tạo nền tảng vững chắc để triển khai các tiềm lực kinh tế, quốc phòng - an ninh. Từ tỉnh

đến huyện, thị xã, thành phố đẩy mạnh xây dựng, củng cố tổ chức đảng, chính quyền các cấp, xây dựng hệ thống chính trị trong sạch vững mạnh, giữ vững lòng tin của Nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng, nâng cao hiệu lực quản lý, điều hành của chính quyền và phát huy vai trò làm tham mưu của ngành quân sự, công an và các ngành đoàn thể các cấp. Đến nay 100% xã, phường, thị trấn có đảng bộ, 99,2% thôn, tổ dân phố thành lập chi bộ, trên 80% tổ chức cơ sở đảng đạt trong sạch vững mạnh, trên 85% đảng viên hoàn thành nhiệm vụ trở lên, từ năm 2011 - 2015 kết nạp được 17.828 đảng viên mới. Công tác vận động quần chúng chuyển biến tích cực, quyền làm chủ của Nhân dân được thực hiện rộng rãi, từng bước đi vào chiều sâu. Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị xã hội hoạt động khá hiệu quả, không ngừng củng cố, đổi mới nội dung, phương thức hoạt động, tập hợp quần chúng với nhiều hình thức đa dạng, phong phú, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân, chăm lo chính sách dân tộc, tôn giáo, giúp đỡ đồng bào định canh định cư, đẩy mạnh sản xuất, xóa bỏ các hủ tục lạc hậu, ngăn chặn kịp thời các hoạt động truyền đạo trái phép, tán phát tài liệu phản động... Thực hiện đúng chính sách đối với người có công, giải quyết vấn đề an sinh xã hội, phát triển kinh tế gắn với chính sách xóa đói, giảm nghèo và xây dựng nông thôn mới.

Tỉnh đã tập trung lãnh đạo toàn diện nhiệm vụ xây dựng phát triển thực lực kinh tế, đáp ứng các yêu cầu nhiệm vụ quốc phòng - an ninh theo Nghị quyết TW8 (khóa IX) và

Nghị quyết Trung ương 8 khóa XI về “*Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới*”. Chỉ đạo chặt chẽ, đồng bộ công tác quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của từng ngành, từng vùng, từng địa phương trong tỉnh. Thông qua xây dựng, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội trong từng thời kỳ đã gắn kết với việc quy hoạch, xây dựng thể trận KVPT trên địa bàn tỉnh, huyện, thành phố theo Nghị định 152/NĐ-CP của Chính phủ. Hằng năm, ngoài khoản ngân sách thường xuyên chi cho nhiệm vụ quốc phòng địa phương, tỉnh còn chi hàng chục tỉ đồng để xây dựng củng cố các công trình phòng thủ trên địa bàn, được Bộ Quốc phòng, Quân khu đánh giá cao.

Trong xây dựng KVPT đã chú trọng xây dựng lực lượng vũ trang, chất lượng và độ tin cậy của lực lượng vũ trang địa phương được nâng lên. Biên chế lực lượng thường trực đạt 98,4%; công tác huấn luyện đã bám sát phương châm, quan điểm, nguyên tắc; gắn huấn luyện với rèn luyện kỷ luật, thể lực, xây dựng nền nếp chính quy. Tiến hành diễn tập KVPT cấp tỉnh, huyện, diễn tập chiến đấu trị an cấp xã đúng quy định; diễn tập theo Nghị định 30, 32; diễn tập ứng phó động đất, tìm kiếm cứu nạn và diễn tập ngoài kế hoạch cho các đơn vị tự vệ công ty, doanh nghiệp thuộc tỉnh. Qua diễn tập kịp thời rút kinh nghiệm, bổ sung phương án tác chiến, phương pháp lãnh đạo, điều hành, chỉ huy hiệp đồng xử trí các tình huống của cấp ủy, chính quyền, đoàn thể và các cơ quan, tổ chức.

Thường xuyên quan tâm chăm lo xây dựng lực lượng DQTV theo phương châm “*Vững mạnh, rộng khắp*”, có số lượng hợp lý, nâng cao chất lượng; toàn tỉnh đạt 1,47% so với dân số và cán bộ công chức; tỉ lệ đảng viên đạt 27,45%, đoàn viên 53,35% so với lực lượng. Quân nhân dự bị được sắp xếp đúng biên chế, đúng chuyên nghiệp quân sự và gọn theo từng địa bàn; đến nay, toàn tỉnh đã sắp xếp đạt trên 90%; các tiểu đoàn, đại đội dự bị động viên khẩn cấp của tỉnh, huyện đạt 100% quân số; đảng viên trong quân nhân dự bị đạt 6,65% so với lực lượng. Hằng năm, chỉ đạo tuyển quân đạt 100% chỉ tiêu trên giao, chất lượng được nâng lên. Công tác giáo dục quốc phòng - an ninh được cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp quan tâm, tạo bước chuyển biến mạnh mẽ từ khâu lãnh đạo, chỉ đạo đến tổ chức thực hiện. Qua các năm luôn hoàn thành chỉ tiêu bồi dưỡng kiến thức quốc phòng - an ninh cho các đối tượng. Ngoài ra, Bộ CHQS tỉnh phối hợp với Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy và Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh đưa nội dung giáo dục quốc phòng - an ninh vào chương trình giảng dạy tại Trường Trung cấp Phật học bước đầu đạt kết quả.

Trên tuyến biển, tỉnh đã gắn phát triển kinh tế với củng cố và giữ vững chủ quyền biển đảo, hỗ trợ đóng mới 214 tàu có công suất lớn phục vụ bảo vệ an ninh trên biển; xây dựng 81 tổ ngư dân đoàn kết sản xuất trên biển. Thành lập được 01 nghiệp đoàn nghề cá với 186 ngư dân; triển khai xây dựng điểm mô hình trung đội dân quân biển tập trung (cùng ngành

nghe đánh bắt, cùng ngư trường hoạt động, cùng địa phương quản lý, cùng có công suất 90 CV trở lên, gộp từ 5 - 6 tàu) tại xã Tam Quang, huyện Núi Thành. Từ năm 2014 đến nay, tỉnh đã huy động 02 lần/25 tàu/265 ngư dân trực tiếp tham gia bảo vệ chủ quyền vùng biển; tham gia diễn tập 02 lần/20 lượt tàu với 300 lượt ngư dân; đồng thời chỉ đạo tập huấn, huấn luyện cho 4.200 lượt ngư dân và dân quân biển sẵn sàng tham gia đấu tranh bảo vệ chủ quyền, quyền chủ quyền các vùng biển, đảo.

Tuyển biên giới phía Tây, các cơ quan, đơn vị và lực lượng chức năng duy trì tốt các hoạt động hòa bình, đoàn kết, hữu nghị với tỉnh Sê Koong (Lào). Hằng năm, Quảng Nam hỗ trợ giúp tỉnh Sê Koong bình quân từ 03 - 05 tỷ đồng để xây dựng các công trình, dự án do phía bạn đề xuất như Trung tâm y tế huyện Đắc Chung, trụ sở Bộ Chỉ huy quân sự, trụ sở Công an tỉnh, Trường Tiểu học Việt Kiều tỉnh Sê Koong, thao trường bắn; chi 1,47 tỷ đồng để khen thưởng cho 414 cá nhân và 01 tập thể nhân dân Lào sinh sống dọc biên giới của tỉnh đã có công đóng góp cho cách mạng Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống Mỹ.

Những thành tựu đạt được là rất cơ bản, quan trọng, phục vụ tốt cho việc xây dựng, phát triển kinh tế - xã hội, củng cố quốc phòng, giữ vững an ninh trên địa bàn tỉnh. Tuy nhiên, so với yêu cầu xây dựng KVPT vẫn còn có những khó khăn như chênh lệch giàu nghèo giữa các vùng miền trong tỉnh tương đối cao; các thế lực thù địch đẩy mạnh hoạt động

chống phá; lực lượng vũ trang địa phương được quan tâm nhưng tiềm lực chưa đáp ứng trong tình hình mới, nhất là yêu cầu xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại. Trên cơ sở đặc điểm và điều kiện thực tế của tỉnh, để xây dựng KVPT vững mạnh trong thời gian đến, cấp ủy, chính quyền và lực lượng vũ trang tỉnh phải tập trung vào một số nhiệm vụ trọng tâm sau:

Một là, tiếp tục quán triệt sâu sắc đường lối, quan điểm, các nghị quyết, chỉ thị của Đảng về hai nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam, về nhiệm vụ quốc phòng - an ninh trong tình hình mới. Xây dựng thể trận lòng dân vững chắc, nâng cao chất lượng bồi dưỡng kiến thức quốc phòng – an ninh cho các đối tượng theo phân cấp và giáo dục quốc phòng cho học sinh, sinh viên.

Hai là, xây dựng hệ thống chính trị các cấp trong sạch vững mạnh, nâng cao năng lực lãnh đạo toàn diện của các tổ chức cơ sở đảng, điều hành của các cấp chính quyền đối với nhiệm vụ quốc phòng – an ninh và xây dựng KVPT, chú trọng các xã, phường trọng điểm, xã biên giới, xã đảo. Đẩy mạnh cuộc vận động “*Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư*”; ngăn chặn, đẩy lùi các tệ nạn xã hội; kiên quyết đấu tranh loại trừ sản phẩm văn hóa xấu, xây dựng đời sống văn hóa lành mạnh.

Ba là, quán triệt, vận dụng tốt quan điểm, tư tưởng của Đảng về phát triển kinh tế - xã hội gắn với tăng cường tiềm lực

quốc phòng - an ninh. Tiếp tục rà soát, điều chỉnh quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch ngành, vùng nhằm đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế; quy hoạch các khu dân cư, đô thị mới, kết cấu hạ tầng; phát triển vùng ven biển, khu kinh tế mở; các khu, cụm công nghiệp gắn với việc điều chỉnh, nâng cao chất lượng xây dựng lực lượng và thế trận KVPT “*cơ bản, liên hoàn, vững chắc*”.

Bốn là, tập trung xây dựng các lực lượng vũ trang tỉnh vững mạnh toàn diện, nâng cao chất lượng tổng hợp và sức mạnh chiến đấu; tổ chức, biên chế, trang bị phù hợp; thường xuyên huấn luyện, nâng cao trình độ và khả năng sẵn sàng chiến đấu; nắm chắc tình hình, tham mưu tích cực cho cấp ủy, chính quyền giải quyết kịp thời, hiệu quả khi có tình huống xảy ra theo phương châm “*Xã giữ xã, huyện giữ huyện, tỉnh giữ tỉnh*”, bảo đảm an ninh chính trị - trật tự an toàn xã hội, bảo vệ Đảng, chính quyền, Nhân dân, thực hiện tốt nhiệm vụ quốc phòng - an ninh và xây dựng KVPT.

Xây dựng tỉnh, huyện thành KVPT vững mạnh là một chủ trương, sách lược rất quan trọng của Đảng, Nhà nước. Bài học kinh nghiệm nêu trên cần được trao đổi, nghiên cứu rút kinh nghiệm trong hoạt động thực tiễn.

TĂNG CƯỜNG LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO GIỮ VỮNG AN NINH CHÍNH TRỊ VÀ TRẬT TỰ, AN TOÀN XÃ HỘI

Đại tá Nguyễn Viết Lợi

UVBTV, Giám đốc Công an tỉnh

Để thực hiện thắng lợi các mục tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Quảng Nam lần thứ XXI đề ra, nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự an toàn xã hội có ý nghĩa rất quan trọng. Trong những năm qua, với sự chỉ đạo quyết liệt của cấp ủy đảng, chính quyền các cấp, sự đồng thuận của Nhân dân, cùng với vai trò nòng cốt, nỗ lực tham mưu của lực lượng Công an, công tác đảm bảo an ninh, trật tự trên địa bàn tỉnh đạt nhiều kết quả đáng khích lệ. Đã *“thực hiện tốt công tác đảm bảo an ninh chính trị nội bộ, an ninh xã hội, an ninh nông thôn, an ninh văn hóa – tư tưởng, an ninh kinh tế; chủ động phát hiện, đấu tranh ngăn chặn, điều tra xử lý kịp thời và nghiêm minh các loại tội phạm, giữ vững tình hình an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội, góp phần phát triển kinh tế - xã hội; tai nạn giao thông giảm cả 3 tiêu chí”* (Trích báo cáo chính trị trình Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XXI). Trong chỉ đạo, điều hành thực hiện nhiệm vụ đảm bảo an ninh, trật tự, các cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và đoàn thể đã xây dựng chương trình, kế hoạch và chỉ đạo quyết liệt, vận động cán bộ, đảng viên, Nhân dân thực

hiện. Nỗ lực đó đã tạo ra môi trường ổn định, hòa bình, thân thiện, thúc đẩy đầu tư, nâng cao hiệu quả đối ngoại và hợp tác kinh tế quốc tế, đảm bảo an sinh xã hội; góp phần xây dựng tỉnh nhà từng bước vượt qua khó khăn, chuyển mình phát triển tích cực về mọi mặt.

Song, bên cạnh những thuận lợi, nhiệm vụ giữ vững an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh cũng đứng trước những khó khăn, thách thức không nhỏ. An ninh xã hội, an ninh nông thôn trên một số địa bàn còn tiềm ẩn yếu tố gây mất ổn định về an ninh – chính trị, trật tự an toàn xã hội, nhất là tình trạng khiếu kiện đông người liên quan đến, bồi thường, giải phóng mặt bằng để thực hiện các dự án, ô nhiễm môi trường... Hoạt động của các loại tội phạm, tệ nạn xã hội diễn biến phức tạp, thủ đoạn tinh vi; tỷ lệ thanh, thiếu niên vi phạm pháp luật có chiều hướng gia tăng. Bên cạnh đó, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch, tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “*tự diễn biến*”, “*tự chuyển hóa*” trong một bộ phận cán bộ, đảng viên có biểu hiện diễn biến ngày càng phức tạp... Nguy cơ mất an ninh, an toàn thông tin, lộ, lọt bí mật Nhà nước sẽ ngày càng nghiêm trọng. Những yếu tố trên có tác động trực tiếp đến sự ổn định và phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, nhất là quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XXI.

Trong các nhóm mục tiêu phát triển Quảng Nam đến năm 2020, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XXI

nhấn mạnh: Chủ động nắm chắc, dự báo chính xác tình hình, phát hiện, ngăn ngừa, đấu tranh làm thất bại âm mưu, thủ đoạn hoạt động chống phá của các thế lực thù địch. Triển khai đồng bộ các biện pháp phòng ngừa, kiểm chế sự gia tăng của tội phạm. Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về an ninh, trật tự, giữ vững ổn định chính trị và trật tự, an toàn xã hội.

Để thực hiện các mục tiêu đó đòi hỏi sự tập trung lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng, chính quyền, mặt trận, đoàn thể và sự đồng thuận cao của Nhân dân, phát huy dân chủ và sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân trong công tác bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự an toàn xã hội. Trong giai đoạn 2015-2020, cần tập trung thực hiện một số giải pháp sau:

1. Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng đối với công tác bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội

Thời gian qua, Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo liên quan đến công tác đảm bảo an ninh, trật tự, trọng tâm là Nghị quyết số 28-NQ/TW, ngày 25/10/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về *“Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới”* và Chỉ thị số 46-CT/TW, ngày 22/5/2015 của Bộ Chính trị về *“tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo đảm an ninh, trật tự trong tình hình mới”*. Bộ Chính trị nhận định:

cấp ủy đảng, chính quyền, đoàn thể ở một số nơi chưa quan tâm tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, huy động sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị trong công tác bảo đảm an ninh, trật tự; buông lỏng công tác bảo vệ chính trị nội bộ, quản lý cán bộ, đảng viên. Ở tỉnh ta, một số cấp ủy, chính quyền, đoàn thể chưa quan tâm đúng mức đến công tác bảo vệ chính trị nội bộ, quản lý cán bộ, đảng viên; một bộ phận cán bộ, đảng viên có tư tưởng chủ quan, mất cảnh giác; quá trình tổ chức thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước còn sơ hở, thiếu sót nhưng chậm xử lý, khắc phục; công tác thông tin, tuyên truyền, định hướng dư luận, đấu tranh, phản bác các luận điệu sai trái của các thế lực thù địch còn thụ động.

Những vấn đề trên đòi hỏi các cấp ủy đảng, chính quyền phải tăng cường hơn nữa công tác lãnh đạo, điều hành, tạo chuyển biến tích cực về nhận thức và hành động trong thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự an toàn xã hội. Người đứng đầu cấp ủy đảng và chính quyền các cấp phải chịu trách nhiệm trước hết về tình hình an ninh, trật tự tại địa phương, đơn vị mình quản lý. Khi xảy ra tình huống phức tạp về an ninh, trật tự ở địa phương nào thì cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và đoàn thể nơi đó phải tập trung lãnh đạo, chỉ đạo xử lý, giải quyết theo phương châm 04 tại chỗ: *“Chỉ huy tại chỗ, lực lượng tại chỗ, phương tiện tại chỗ và hậu cần tại chỗ”*. Mạnh dạn đề ra các giải pháp để tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo đảm bảo an ninh, trật tự ngay từ cơ sở, lấy phòng ngừa là chính, hạn chế sơ hở, thiếu sót

để các thế lực thù địch lợi dụng, phá hoại. Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Chiến lược Quốc gia phòng, chống tội phạm, phòng chống ma túy và Chương trình hành động phòng chống mua bán người (*giai đoạn 2016 - 2020*).

Gắn kết chặt chẽ công tác lãnh đạo, chỉ đạo bảo đảm an ninh, trật tự với công tác xây dựng Đảng, bảo vệ chính trị nội bộ, chống nguy cơ “*tự diễn biến*”, “*tự chuyển hóa*”. Các cấp ủy đảng, chính quyền, mặt trận, đoàn thể phải nâng cao vai trò trong công tác quản lý, giáo dục cán bộ, đảng viên; kiên quyết đấu tranh chống các biểu hiện tiêu cực, tha hóa, biến chất, bè phái trong nội bộ; tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định của Đảng về bảo vệ chính trị nội bộ, bảo vệ bí mật Nhà nước... Bảo vệ vững chắc bên trong sẽ tạo động lực, nền tảng để đẩy mạnh hiệu quả triển khai thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về an ninh, trật tự; tăng cường đồng thuận, sự ủng hộ và niềm tin của Nhân dân vào Đảng, phát huy hiệu quả trong đảm bảo an ninh, trật tự và phát triển kinh tế - xã hội.

2. Phát huy hiệu quả thực hiện phong trào “*Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc*”; xây dựng thế trận an ninh Nhân dân vững chắc

Báo cáo chính trị trình Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XXI đã khẳng định trong nhiệm kỳ qua: “*thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh Nhân dân và biên phòng toàn dân được các cấp ủy, tổ chức đảng tập trung chỉ đạo*

thường xuyên và được tăng cường vững chắc”. Đó là kết quả việc đẩy mạnh và phát huy hiệu quả phong trào “*Toàn dân bảo vệ An ninh Tổ quốc*”, xây dựng hệ thống chính trị cơ sở vững mạnh dưới sự lãnh đạo trực tiếp, toàn diện của Đảng, sự điều hành của chính quyền các cấp. Trước những nguy cơ, thách thức của tình hình mới, công tác “*phát động phong trào toàn dân bảo vệ An ninh Tổ quốc*” và xây dựng thể trận an ninh Nhân dân vừa có ý nghĩa quyết định thắng lợi của nhiệm vụ bảo đảm an ninh, trật tự, vừa phục vụ đắc lực nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh.

Các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận và đoàn thể phải xác định công tác xây dựng phong trào “*Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc*” là một trong những nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên của mình; yêu cầu đổi mới nội dung, hình thức, biện pháp tuyên truyền, giáo dục, vận động Nhân dân tham gia phong trào là quan trọng, cấp thiết; tiếp tục tổ chức thực hiện có hiệu quả Chỉ thị số 09-CT/TW, ngày 01/12/2011 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (*khóa XI*) về “*tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc trong tình hình mới*”. Thực tế cho thấy lĩnh vực, địa phương nào chậm đổi mới nội dung và hình thức thực hiện, cấp ủy đảng, chính quyền không chủ động tổ chức phong trào, vận động Nhân dân tham gia thì kết quả triển khai thực hiện phong trào “*Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc*” ở nơi đó không đáp ứng yêu cầu đảm bảo an ninh, trật tự; sự đồng thuận, hưởng ứng của Nhân dân trong

quá trình thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng không cao; thậm chí sẽ có biểu hiện mất cảnh giác trước âm mưu, thủ đoạn hoạt động “*diễn biến hòa bình*” của các thế lực thù địch. Do đó, các cấp ủy đảng, chính quyền phải phát huy vai trò lãnh đạo, tiên phong, nòng cốt trong tổ chức thực hiện, phải xác định được nội dung trọng tâm của phong trào “*Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc*” và địa bàn trọng điểm. Chú trọng chỉ đạo xây dựng và nhân rộng các mô hình, điển hình tiên tiến, có hiệu quả theo hướng xã hội hóa ngày càng cao với nhiều hình thức tự phòng, tự quản, tự bảo vệ, tự hòa giải về an ninh, trật tự từ cơ sở.

Phải quan tâm xây dựng hệ thống chính trị cơ sở trong sạch, vững mạnh, gần dân, sát dân, làm nòng cốt cho phong trào “*Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc*”; xây dựng thế trận an ninh Nhân dân thực sự vững chắc. Cần phát huy hơn nữa các hình thức đối thoại của các cấp ủy đảng, chính quyền với các tổ chức đoàn thể - xã hội và quần chúng Nhân dân; nhân rộng các mô hình “*lắng nghe ý kiến nhân dân*”; đổi mới mạnh mẽ công tác dân vận để đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới. Trong xây dựng thế trận an ninh Nhân dân, phải lấy địa bàn khu dân cư làm cốt lõi để triển khai lực lượng, phương tiện và biện pháp bảo đảm an ninh, trật tự. Sự ổn định về an ninh, trật tự tại các thôn, làng, khu phố..., tạo tiền đề để ổn định xã, phường, thị trấn, huyện, thị xã, thành phố, từ đó bảo đảm sự ổn định vững chắc về an ninh, trật tự trên phạm vi toàn tỉnh.

Tập trung đề xuất, tham mưu, giải quyết những vấn đề bức xúc trong Nhân dân, liên quan trực tiếp đến đời sống, việc làm, bồi thường, thu hồi đất đai, tệ nạn xã hội. Đối với những vụ khiếu kiện đông người, phải chủ động tham mưu đáp ứng kịp thời quyền lợi và yêu cầu chính đáng của Nhân dân. Nếu vụ việc kéo dài, phức tạp, khó tháo gỡ thì phải kiên trì tổ chức đối thoại, lắng nghe tâm tư, nguyện vọng của Nhân dân; đồng thời xác định phương hướng giải quyết từng phần; tích cực tranh thủ ý kiến, phát huy vai trò của những người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số, các chức sắc có uy tín lớn trong tôn giáo, góp phần tạo sự đồng thuận của Nhân dân đối với các quyết định, chính sách của địa phương, kết hợp hài hòa lợi ích cá nhân, cộng đồng và xã hội.

3. Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước trên lĩnh vực thông tin, tuyên truyền, tăng cường định hướng dư luận, giáo dục kiến thức về quốc phòng và an ninh

Thời gian qua, công tác tuyên truyền, định hướng dư luận đã có nhiều chuyển biến tích cực về nội dung và hình thức. Thông qua các hoạt động văn hóa, thể dục, thể thao, giao lưu, lễ hội, công tác tuyên truyền về chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước liên quan đến nhiệm vụ đảm bảo an ninh, trật tự được đẩy mạnh. Nhiều sở, ban, ngành, địa phương tổ chức tuyên truyền qua mạng Internet góp phần đáp ứng nhu cầu thông tin của Nhân dân, đã dần hình thành kênh cung cấp thông tin “*chính thống*”, định hướng dư luận. Công tác giáo dục kiến thức về quốc phòng

và an ninh được đẩy mạnh so với trước đây, bước đầu đem lại hiệu quả. Tuy nhiên, trong triển khai còn nhiều khó khăn, bất cập. Các kênh thông tin qua mạng Internet, báo, đài phát triển nhanh trong khi công tác quản lý nhà nước trên lĩnh vực này còn nhiều hạn chế; ngày càng xuất hiện nhiều tin, bài thiếu định hướng chính trị, xa rời tôn chỉ, mục đích, tuyên truyền “*tự do báo chí*”. Tình trạng một số cơ quan báo chí tập trung khai thác những “*vấn đề nóng*”, bức xúc trong xã hội để “*rút tit*”, suy diễn chủ quan, kích động dư luận phản ứng tiêu cực với một số chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước chưa được ngăn chặn, xử lý kịp thời. Bên cạnh đó, các thế lực thù địch, đối tượng phản động trong và ngoài nước đang tích cực lợi dụng các kênh thông tin qua báo, đài, mạng internet để tuyên truyền, kích động, tập hợp lực lượng nhằm hình thành tổ chức chính trị đối lập chống Đảng, Nhà nước. Những vấn đề trên có tác động trực tiếp đến tình hình an ninh, trật tự trên địa bàn tỉnh; tạo cơ hội để các thế lực thù địch lợi dụng xuyên tạc, hoạt động chống Đảng, Nhà nước; là một trong những nguyên nhân làm gia tăng tội phạm...; ảnh hưởng không nhỏ đến sự ổn định và phát triển của tỉnh nhà.

Để thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XXI nói chung, nhiệm vụ bảo đảm an ninh, trật tự nói riêng, công tác tuyên truyền, định hướng dư luận có ý nghĩa quan trọng. Các cấp uỷ đảng cần tập trung tuyên truyền, giáo dục cán bộ, đảng viên, nâng cao nhận thức về tầm quan trọng

của nhiệm vụ bảo vệ an ninh, trật tự trong tình hình hiện nay. Tăng cường và nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước đối với các loại hình thông tin, truyền thông đại chúng, in ấn, xuất bản, nhất là trên mạng Internet... Nâng cao chất lượng hoạt động của hệ thống cơ quan báo chí, phát thanh - truyền hình, truyền thanh; xây dựng, củng cố các trang thông tin điện tử của các cơ quan đảng, chính quyền các cấp; chủ động đăng tin, bài, phóng sự, phát động “*cuộc thi viết*”..., đề đấu tranh, phản bác các quan điểm sai trái, thù địch. Tăng cường giáo dục kiến thức quốc phòng và an ninh cho cán bộ chủ chốt của hệ thống chính quyền cơ sở và trong tầng lớp học sinh, sinh viên, đoàn viên thanh niên; đa dạng hóa nội dung và hình thức; kết hợp giáo dục bắt buộc trong nhà trường với các hình thức sinh động như phát động cuộc thi tìm hiểu, phong trào thi đua..., phù hợp với từng đối tượng.

4. Củng cố, kiện toàn, phát huy sức mạnh của lực lượng chuyên trách; tăng cường công tác phối hợp giữa các lực lượng, cơ quan, ban ngành trong công tác đảm bảo an ninh, trật tự

Trong thực hiện nhiệm vụ giữ gìn an ninh chính trị, đảm bảo trật tự, an toàn xã hội, lực lượng công an Nhân dân nói riêng và các lực lượng chuyên trách khác giữ vai trò nòng cốt để tập hợp, phát huy sức mạnh của hệ thống chính trị và quần chúng Nhân dân. Do đó, để đáp ứng yêu cầu đảm bảo an ninh, trật tự trong tình hình mới, nhiệm vụ củng cố, kiện toàn, phát huy sức mạnh của các lực lượng chuyên trách là

yêu cầu cấp thiết; trong đó lực lượng công an tỉnh với vai trò nòng cốt phải nâng cao hơn nữa chất lượng, hiệu quả công tác, xây dựng lực lượng từng bước chính quy, tinh nhuệ, hiện đại. Thực hiện chỉ đạo của Bộ công an, Thường trực Tỉnh ủy, UBND tỉnh, Công an tỉnh Quảng Nam đã xác định công tác xây dựng đảng, xây dựng lực lượng công an tỉnh trong sạch, vững mạnh là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu. Công tác giáo dục chính trị - tư tưởng đã được tổ chức có hệ thống, kết hợp chặt chẽ với triển khai thực hiện các cuộc vận động xây dựng chính đồn đảng, *“Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”*, lấy xây dựng bản lĩnh chính trị, lòng trung thành tuyệt đối với Đảng làm mục tiêu giáo dục, rèn luyện. Để thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội tỉnh Đảng bộ lần thứ XXI, Công an tỉnh tiếp tục phát động thi đua xây dựng hình ảnh người chiến sỹ Công an Quảng Nam đẹp trong lòng Nhân dân, vì Nhân dân phục vụ; đẩy mạnh tổ chức học tập, bồi dưỡng kiến thức về chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ, chiến sỹ; đề nghị các cấp ủy đảng, chính quyền, mặt trận, đoàn thể tiếp tục quan tâm, đào tạo, bồi dưỡng, tạo điều kiện về chế độ chính sách cho lực lượng bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở, nhất là công an xã, bảo vệ dân phố, bảo vệ cơ quan, doanh nghiệp.

Tăng cường công tác phối hợp giữa các lực lượng, cơ quan, ban, ngành, đoàn thể, địa phương trong thực hiện nhiệm vụ đảm bảo an ninh, trật tự; trọng tâm là nâng cao hiệu quả, chất lượng trao đổi thông tin, hiệp đồng tác chiến, phối hợp trong giải quyết các vụ việc phức tạp về an ninh, trật tự. Phát

huy hơn nữa hiệu quả các cuộc diễn tập tác chiến phòng thủ, phòng, chống khủng bố, biểu tình, bạo loạn..., với nội dung, hình thức phù hợp, thiết thực, vừa nâng cao nhận thức của các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể, địa phương về công tác đảm bảo an ninh, trật tự, vừa triển khai tốt các cơ chế phối hợp, vận hành hiệp đồng tác chiến khi có tình huống phức tạp phát sinh. Bên cạnh đó, các lực lượng chuyên trách phải có trách nhiệm phối hợp, hỗ trợ các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể trong thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, nhất là thực hiện các mục tiêu của Nghị quyết Đại hội tỉnh Đảng bộ một cách hiệu quả nhất. Lực lượng công an, quân sự, biên phòng tiếp tục phát huy tốt kết quả công tác phối hợp đảm bảo an ninh, trật tự trong nhiệm kỳ qua, đồng thời có biện pháp đổi mới, nâng cao hiệu quả phối hợp với biện pháp, hình thức phù hợp với từng địa bàn để đáp ứng yêu cầu của tình hình mới.

Thành công của Đại hội tỉnh Đảng bộ lần thứ XXI đánh dấu bước ngoặt trong quá trình xây dựng, phát triển tỉnh Quảng Nam với nhiều vận hội mới và thách thức đan xen. Làm tốt nhiệm vụ giữ gìn an ninh, trật tự sẽ tạo tiền đề vững chắc để thực hiện tốt các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội. Đây là nhiệm vụ quan trọng, đòi hỏi tất cả các cấp ủy đảng, chính quyền, mặt trận, đoàn thể và địa phương phải phát huy dân chủ, huy động mọi sức mạnh, nguồn lực, thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XXI đã đề ra, xây dựng Quảng Nam trở thành một tỉnh an ninh, an toàn và phát triển bền vững.

NHỮNG GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM ĐỂ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP - TIÊU THỦ CÔNG NGHIỆP TRONG ĐIỀU KIỆN HỘI NHẬP QUỐC TẾ

Nguyễn Quang Thử

TUV, Giám đốc Sở Công Thương tỉnh

Trong những năm qua, ngành công nghiệp tỉnh Quảng Nam liên tục phát triển, chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu kinh tế (trên 34% trong GRDP), thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu lao động, tạo việc làm, tăng thu nhập cho Nhân dân, góp phần vào sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội tỉnh, từng bước đưa Quảng Nam phát triển thành tỉnh công nghiệp.

Giá trị sản xuất công nghiệp năm 2015 (giá so sánh 2010) ước đạt hơn 49,8 nghìn tỷ đồng, gấp 2 lần so với năm 2010, bình quân giai đoạn 2011-2015 tăng 15,2%/năm. Cơ cấu nội bộ ngành công nghiệp có sự chuyển dịch tích cực, theo hướng giảm tỷ trọng công nghiệp khai khoáng, tăng tỷ trọng ngành chế biến chế tạo, ngành sản xuất và phân phối điện, nước, khí đốt và xử lý nước thải. Một số ngành công nghiệp chủ lực có những thế mạnh và khả năng cạnh tranh cao như sản xuất và lắp ráp ô tô, kính nổi; sản xuất điện; giày da; may mặc... Nhiều sản phẩm công nghiệp đã khẳng định được chất lượng và thương hiệu trên toàn quốc như ô tô các loại, sản phẩm điện tử, hàng thủ công mỹ nghệ... Kết cấu

hạ tầng kỹ thuật các khu, cụm công nghiệp dần dần được hoàn thiện, góp phần tích trong việc thu hút các doanh nghiệp vào đầu tư. Các ngành nghề tiểu thủ công nghiệp được khuyến khích hỗ trợ phát triển từ nguồn vốn khuyến công thông qua hỗ trợ việc nhân cấy nghề, phát triển nghề mới, khôi phục phát triển nghề truyền thống trên địa bàn gắn với du lịch, tạo được nhiều việc làm cho người lao động ở nông thôn, góp phần xây dựng nông thôn mới.

Đóng góp từ sự phát triển của ngành công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp (TTCN) đối với kinh tế - xã hội của tỉnh là rất quan trọng. Tuy nhiên, trước những biến động của tình hình kinh tế thế giới, trong điều kiện đất nước hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, là tỉnh nằm trong vùng kinh tế trọng điểm miền Trung, thách thức đối với ngành công nghiệp - TTCN của tỉnh không ngừng tăng lên. Để thực hiện thắng lợi mục tiêu “*phấn đấu đưa Quảng Nam trở thành tỉnh khá của cả nước, sớm trở thành tỉnh công nghiệp theo hướng hiện đại*” như nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XXI đề ra, cần triển khai một số giải pháp trọng tâm sau:

Một là, tiếp tục huy động nguồn lực đầu tư đồng bộ hệ thống kết cấu hạ tầng phát triển công nghiệp, nhất là hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật - xã hội các khu, cụm công nghiệp tạo động lực gia tăng thu hút đầu tư.

Bên cạnh việc phát triển hạ tầng giao thông nhằm tạo ra mạng lưới liên kết vùng, miền, hoàn thiện hệ thống kết cấu

hạ tầng đô thị, cần ưu tiên phát triển đồng bộ hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật - xã hội của các khu, cụm công nghiệp. Tập trung đầu tư những khu, cụm công nghiệp hoạt động hiệu quả. Ưu tiên đầu tư hạ tầng các cụm công nghiệp đã được thành lập và đưa vào danh mục các cụm công nghiệp đủ điều kiện được hưởng cơ chế theo QĐ 06/2012/QĐ-UBND ngày 17/4/2012 của UBND tỉnh. Từng bước giải quyết một phần tình trạng thiếu nhà ở và các hạ tầng xã hội thiết yếu như nhà trẻ, mẫu giáo, trường học, cơ sở khám chữa bệnh cho người lao động tại Khu Kinh tế mở Chu Lai, các khu công nghiệp Điện Nam - Điện Ngọc.

Hai là, nâng cao công tác quy hoạch phát triển công nghiệp; tăng cường quản lý nhà nước đối với hoạt động đầu tư từ khâu vận động, xúc tiến đầu tư, chuẩn bị đầu tư đến thực hiện đầu tư; hỗ trợ thông tin, phổ biến pháp luật và các chính sách thương mại.

Tăng cường rà soát, đánh giá các quy hoạch đã có, phát hiện những bất hợp lý để đề xuất, kiến nghị, điều chỉnh, bổ sung nhằm đáp ứng thực tiễn của phát triển. Kết hợp chặt chẽ giữa quy hoạch phát triển khu, cụm công nghiệp với quy hoạch đô thị và phát triển dân cư.

Đổi mới công tác vận động và xúc tiến đầu tư gắn với việc đa dạng hóa các kênh vận động, xúc tiến, tiếp nhận và xử lý thông tin về nghiên cứu đầu tư. Tiến hành rà soát các dự án đã cấp giấy chứng nhận đầu tư, trên cơ sở đó có biện

pháp hỗ trợ, tập trung tháo gỡ vướng mắc và tạo điều kiện để dự án sớm triển khai, đồng thời kiên quyết thu hồi giấy chứng nhận đầu tư đối với các dự án không triển khai đúng theo cam kết. Tạo mọi điều kiện thuận lợi để các nhà đầu tư đẩy mạnh tiến độ thi công các dự án công nghiệp sớm hoàn thành đưa vào khai thác như nhà máy bia, nước giải khát, dự án Khu liên hợp các nhà máy Sợi - Dệt - Nhuộm - May, dự án dệt may ở khu công nghiệp Tam Thăng, phát triển công nghiệp hỗ trợ cơ khí ô tô...

Tiếp tục tham gia và tổ chức các chương trình xúc tiến đầu tư trong và ngoài nước, trong đó ưu tiên thu hút các dự án đầu tư có quy mô lớn, dự án công nghiệp hỗ trợ cho ngành công nghiệp mũi nhọn, sử dụng hiệu quả năng lượng và tài nguyên thiên nhiên, tạo giá trị gia tăng cao, ứng dụng công nghệ tiên tiến nhằm sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên. Tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện chính sách pháp luật của doanh nghiệp với người lao động.

Tăng cường công tác nắm bắt và dự báo tình hình thế giới và khu vực, phổ biến thông tin pháp luật, chính sách thương mại của các nước, các hiệp định thương mại có Việt Nam tham gia để có kế hoạch chủ động ứng phó.

Ba là, cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh, thúc đẩy sản xuất kinh doanh, phát triển thị trường.

Đẩy mạnh thực hiện cải cách hành chính, trong đó nâng

cao chất lượng phục vụ thực hiện “*cơ chế một cửa*”, mở rộng số lượng và chất lượng thực hiện cơ chế một cửa liên thông. Tiếp tục rà soát, hoàn thiện, đơn giản, minh bạch hóa thủ tục hành chính. Tăng cường trách nhiệm của cơ quan chức năng trong việc giải quyết các yêu cầu của doanh nghiệp. Tăng cường tổ chức đối thoại giữa lãnh đạo tỉnh với doanh nghiệp, nhất là ngày tiếp doanh nghiệp hằng tháng để kịp thời giải quyết những khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp.

Coi trọng và phát triển thị trường trong nước. Thắt chặt công tác quản lý, kiểm tra thị trường, xử lý kịp thời, đặc biệt tại các điểm nóng, vùng giáp biên, phát hiện và xử lý nghiêm các trường hợp buôn lậu, hàng giả, hàng kém chất lượng nhằm tạo cơ hội tăng thị phần hàng hóa của Việt Nam trên thị trường nội địa. Ổn định thị trường xuất khẩu đã có và tìm thêm thị trường mới cho các sản phẩm xuất khẩu chủ yếu như: hàng dệt may, giày dép, linh kiện điện tử, thủy sản, sản phẩm gỗ, nguyên liệu giấy, hàng nông sản...

Bốn là, phát triển nguồn nhân lực.

Rà soát, củng cố các trường và trung tâm dạy nghề để đẩy mạnh công tác đào tạo lao động cả về quy mô, chất lượng và hiệu quả. Xây dựng thông tin về cung - cầu nhân lực nhằm đảm bảo cân đối, trong đó chủ động làm việc với các doanh nghiệp để nắm bắt nhu cầu, có định hướng đào tạo. Liên kết có hiệu quả giữa các cơ sở dạy nghề với các doanh nghiệp trong đào tạo và sử dụng lao động sau đào tạo.

Hỗ trợ khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp tuyển lao động của địa phương. Vận dụng tối đa các cơ chế, chính sách ưu đãi về đào tạo lao động hiện có. Đồng thời, tiếp tục rà soát, sửa đổi, bổ sung cơ chế, chính sách hỗ trợ về lao động.

Đa dạng hóa các hình thức hợp tác trong đào tạo lao động. Chú ý phát triển đội ngũ lao động có tay nghề cao để tiếp thu và làm chủ các công nghệ hiện đại. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn nhằm tạo nguồn nhân lực có tay nghề, góp phần tích cực vào xây dựng nông thôn mới.

Năm là, tăng cường các hoạt động khoa học và công nghệ.

Đẩy mạnh nghiên cứu và chuyển giao khoa học - kỹ thuật vào sản xuất. Khuyến khích ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật, đổi mới công nghệ để nâng cao chất lượng sản phẩm, tăng năng suất, sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên giảm cường độ phát thải khí nhà kính, góp phần ứng phó hiệu quả với biến đổi khí hậu.

Khuyến khích hỗ trợ các doanh nghiệp xây dựng và áp dụng hệ thống quản lý tiêu chuẩn quốc tế. Đa dạng hóa các loại hình hợp tác để tranh thủ tối đa việc chuyển giao công nghệ hiện đại từ nước ngoài cho phát triển công nghiệp. Tập trung xây dựng các đề án và chương trình hỗ trợ đầu tư khoa học công nghệ đối với ngành công nghiệp, các sản phẩm

công nghiệp chủ lực, thành lập quỹ hỗ trợ khuyến khích đầu tư khoa học công nghệ đối với doanh nghiệp vừa và nhỏ. Thực hiện chương trình sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trên địa bàn tỉnh.

Sáu là, đẩy mạnh các hoạt động khuyến công nhằm hỗ trợ phát triển công nghiệp.

Đẩy mạnh công tác khuyến công và hoạt động có hiệu quả nguồn vốn từ quỹ khuyến công. Đổi mới nội dung và nâng cao hiệu quả hoạt động khuyến công, hướng các hoạt động này thiết thực cho kêu gọi đầu tư, duy trì và phát triển sản xuất, đặc biệt các ngành nghề mới, thủ công mỹ nghệ và làng nghề, các sản phẩm mũi nhọn có tiềm năng, lợi thế của tỉnh. Kết nối phát triển các ngành nghề thủ công với phát triển du lịch. Ưu tiên tổ chức triển khai chương trình mỗi xã một sản phẩm tại các xã xây dựng nông thôn mới với lộ trình phù hợp. Hỗ trợ Hiệp hội thủ công mỹ nghệ Quảng Nam triển khai, quảng bá “*Con dấu xác thực*” cho sản phẩm thủ công mỹ nghệ tại Quảng Nam. Xây dựng chính sách hỗ trợ phát triển các doanh nghiệp sản xuất công nghiệp nhỏ và vừa (bao gồm cả tiểu thủ công nghiệp và làng nghề). Huy động các nguồn tài trợ cho công tác khuyến khích phát triển công nghiệp nông thôn. Xây dựng mạng lưới khuyến công ở các xã và kế hoạch dài hạn cho chương trình khuyến công.

Bảy là, phát triển công nghiệp kết hợp chặt chẽ với bảo vệ môi trường.

Tăng cường công tác thanh tra, giám sát, kiểm tra việc chấp hành pháp luật bảo vệ môi trường, giải quyết triệt để các vấn đề môi trường bức xúc. Chú trọng phát triển kết cấu hạ tầng về bảo vệ môi trường như các công trình xử lý nước thải tập trung, rác thải, nhất là ở các khu, cụm công nghiệp. Đổi mới công nghệ, hạn chế gây ô nhiễm môi trường trong quá trình sản xuất. Khuyến khích sử dụng nguyên vật liệu mới, thay thế việc sử dụng nguồn nguyên vật liệu không tái tạo được. Tăng cường triển khai chương trình sản xuất sạch hơn tại các doanh nghiệp. Rà soát kiến nghị điều chỉnh các chế tài xử lý vi phạm đối với hành vi vi phạm pháp luật môi trường.

GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP - NÔNG THÔN TRONG THỜI GIAN ĐẾN

Huỳnh Tấn Đức

TUV, Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT

Quảng Nam là tỉnh có điểm xuất phát về nông nghiệp - nông thôn cơ bản thấp, phần lớn dân số sống ở nông thôn, khai thác ruộng đất và năng suất lao động hiệu quả chưa như mong muốn, tỷ lệ hộ nghèo vẫn còn cao. Bên cạnh đó, kinh tế nông nghiệp, nông thôn tỉnh nhà còn chịu sự tác động bất lợi từ thiên tai, dịch bệnh, biến động của thị trường và suy giảm kinh tế chung, song, trong thời gian qua, tỉnh đã tập trung triển khai thực hiện hiệu quả các chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước, nông nghiệp Quảng Nam vẫn duy trì được tốc độ tăng trưởng khá, thu nhập của dân cư nông thôn tăng lên, đóng góp quan trọng vào sự ổn định kinh tế - xã hội chung của tỉnh và bộ mặt nông thôn được cải thiện đáng kể. Những thành tựu cơ bản, thể hiện ở những mặt sau:

Thứ nhất, sản xuất nông nghiệp tăng trưởng khá và ổn định (tăng bình quân 4,5%/năm), tăng 1% so với bình quân thời kỳ (2006-2010), đạt kế hoạch đề ra (KH 4,5%), trong đó: nông nghiệp tăng 3,0%; lâm nghiệp tăng 14,7%; thủy sản tăng 5,6%.

Thứ hai, nhiều tiến bộ về giống, cơ giới hóa, công nghệ

sinh học được áp dụng để gia tăng năng suất và nâng cao hiệu quả sản xuất. Diện tích đất lúa chuyển đổi với hơn 4.000 ha canh tác, tăng gần 1.000 ha so năm 2010. Năm 2011 trở về trước giống trung và ngắn ngày chiếm 30%, đến năm 2014 giống trung và ngắn ngày chiếm trên 80% là một chuyển biến tích cực. Duy trì hơn 3.500 ha lúa giống, đã nâng cao hiệu quả sản xuất đáng kể trên địa bàn tỉnh. Tỷ lệ cơ giới hóa khâu làm đất đạt gần 80% (so năm 2010: 61%) và thu hoạch lúa đạt 92,6% ở đồng bằng.

Thứ ba, vốn rừng được tăng cường và kinh tế rừng đã góp phần nâng cao thu nhập vùng đồng bào miền núi, tỷ lệ che phủ rừng tăng hàng năm bình quân 0,4%. Diện tích trồng rừng bình quân hàng năm tăng đạt trên 12.600 ha. Diện tích rừng được giao khoán QLBRV bình quân/năm đạt 261.531 ha/ 334.970 ha (78,08 %), diện tích thực hiện dịch vụ môi trường rừng 279.786 ha/ 295.014 ha (đạt 94,84 %). Diện tích trồng rừng bình quân hàng năm tăng đạt trên 12.600 ha. Độ che phủ rừng năm 2011 là 48,3%, 49,4% (2013), 49,8% (2014), 50,2% (năm 2015).

Thứ tư, thủy lợi và hạ tầng phục vụ sản xuất được tập trung đầu tư và từng bước hoàn thiện;(5) xây dựng nông thôn mới có kết quả bước đầu, và đạt mục tiêu trên 20% số xã đạt chuẩn, huyện Phú Ninh và thị xã Điện Bàn đủ điều kiện công nhận đạt chuẩn nông thôn mới vào năm 2015.

Có thể nói vai trò nông nghiệp, nông thôn của tỉnh đang

được khẳng định và phát triển đúng hướng, tạo nền tảng ổn định xã hội để đẩy mạnh mục tiêu công nghiệp hóa. Tuy vậy, nông nghiệp, nông thôn vẫn còn đối mặt với những thách thức khó khăn, hạn chế cần phải tập trung khắc phục đó là:

(1) Chưa thật sự chú trọng trong công tác thực hiện quy hoạch nên một số lĩnh vực, vùng chưa được phát huy như lâm nghiệp, thủy sản; chăn nuôi chưa tương xứng với tiềm năng;

(2) Hạ tầng nông nghiệp phục vụ sản xuất đã được cải thiện nhưng vẫn còn chưa đồng bộ.

(3) Đã có nhiều cơ chế khuyến khích phát triển sản xuất nhưng do hạn chế về nguồn lực nên vẫn chưa trở thành động lực thúc đẩy sản xuất hàng hóa lớn, chưa tạo sức hấp dẫn các doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn;

(4) Xúc tiến đầu tư trên lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn chưa được tương xứng với tiềm năng và đáp ứng được yêu cầu phát triển;

(5) Sức cạnh tranh còn thấp, là nguy cơ cao khi hàng loạt các Hiệp định thương mại tự do (FTA) đi vào thực tiễn, trong đó chăn nuôi là ngành sẽ gặp khó khăn lớn nhất.

Thực tiễn khách quan đòi hỏi, tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn phải *“hướng tới xây dựng một nền nông nghiệp hàng hóa lớn, đa dạng, phát triển nhanh và bền vững, có năng suất, chất lượng và khả*

năng cạnh tranh cao”, mà thực chất là cải thiện nhanh chóng trình độ phát triển của nền kinh tế, nâng cao sức cạnh tranh của các sản phẩm nói chung và sản phẩm trong khu vực nông nghiệp nói riêng. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp phải thực sự gắn với chuyển hướng mạnh mẽ cơ cấu đầu tư, với bước đi hợp lý trong từng giai đoạn cụ thể nhằm tận dụng tối đa lợi thế so sánh hiện có, trong đó lợi thế lớn là: tiềm năng đất đai, vị trí địa lý, lao động, tài nguyên và môi trường đầu tư.

Do vậy, để đẩy mạnh việc chuyển dịch cơ cấu trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp - nông thôn, cần tiến hành đồng thời hệ thống các giải pháp về chính sách, cơ chế, phát huy các nguồn lực... Tập trung xây dựng nông thôn mới gắn với tái cơ cấu ngành là nhiệm vụ chiến lược trọng tâm trong thời gian đến, trong đó cần tập trung thực hiện một số giải pháp chủ yếu sau:

Một là, cần nhận thức về định hướng lại sản xuất nông nghiệp theo yêu cầu thị trường, trước hết chuyển mạnh sang nông nghiệp hàng hóa nhằm đáp ứng xu hướng cạnh tranh ngày càng gay gắt, cần đầu tư để từng loại nông sản nâng cao giá trị gia tăng. Ưu tiên đẩy nhanh tăng trưởng các lĩnh vực có thể mạnh như: thủy sản và lâm nghiệp; đẩy mạnh chăn nuôi, nâng tỷ trọng chăn nuôi trong cơ cấu nội bộ ngành. Cần tập trung đầu tư tăng cường năng lực khai thác, nuôi trồng thủy sản, tăng năng suất và giá trị, bằng con đường tăng tỷ trọng sản phẩm đánh bắt xa bờ. Có 684 tàu khai thác xa

bờ/3935 tàu (17,3%, với 150.300CV/201.640CV). Tỷ trọng sản lượng đánh bắt xa bờ chiếm gần 48,4% (mục tiêu tăng trên 60% trong 5 năm đến), ổn định và tăng năng suất nuôi trồng thủy sản kết hợp an toàn dịch bệnh.

Đẩy mạnh phát triển lâm nghiệp, thâm canh cây lâm nghiệp trên cơ sở chú trọng ứng dụng khoa học công nghệ lựa chọn giống là khâu đột phá để tăng tỷ lệ giống keo ngoại, cây nuôi cấy mô, đồng thời phát huy nhân rộng giống cây bản địa có ưu thế trong sản xuất lâm nghiệp, gắn với việc phát triển cây dược liệu dưới tán rừng tạo sinh kế cho đồng bào miền núi và là nền tảng vững chắc cho công tác quản lý bảo vệ rừng, nâng cao giá trị gia tăng trên đơn vị diện tích, đảm bảo mục tiêu tăng độ che phủ trên 52%. Hằng năm khai thác bình quân 12.500 ha, sản lượng khai thác (theo Cục Thống kê) bình quân 480.000 m³, cho thấy năng suất rừng trồng còn rất thấp, giá trị thu nhập tăng thêm chưa cao, mặc dù tốc độ bình quân 5 năm phát triển lĩnh vực lâm nghiệp là 15,1%, nhưng tỷ trọng chỉ chiếm mới 13,7% trong cơ cấu nội bộ ngành nông lâm thủy sản.

Hai là, chuyển mạnh cơ cấu đầu tư trong nông nghiệp, nông thôn thông qua đầu tư có kế hoạch và trọng tâm, gắn với xây dựng nông thôn mới, bằng các cơ chế mới, đặc thù để phấn đấu đạt mục tiêu trên 50% số xã về đích năm 2020. Tập trung đầu tư thủy sản và lâm nghiệp, hiện tại tỷ trọng thủy sản chiếm 28,4%, lâm nghiệp chiếm 8,7%, mục tiêu phấn đấu đến 2020, tỷ trọng thủy sản trên 32% (tăng giá trị

tương đối 3,6%), lâm nghiệp 15% (tăng giá trị tương đối 6,3%); đẩy mạnh chăn nuôi, tập trung tạo khối lượng hàng hóa lớn. Hiện tại tỷ trọng giá trị sản xuất chăn nuôi trong cơ cấu nông nghiệp chiếm 26%, mục tiêu 5 năm đến đạt 35%. Tập trung cao cho sự chỉ đạo xây dựng "*cánh đồng lớn*" cả nông nghiệp và lâm nghiệp, chú trọng khâu liên kết sản xuất, thu hoạch, chế biến đến khâu tiêu thụ (gắn với việc liên kết 4 nhà).

Đồng thời, chú trọng thu hút doanh nghiệp, tăng cường kết nối thông tin và thị trường, trên cơ sở xác định từng ngành hàng chủ lực, vừa kết hợp định hướng với quy hoạch, liên kết phát triển mạnh hệ thống thị trường tiêu thụ nông sản, tăng sự tiếp cận và nâng cao giá trị nông sản, với quy mô liên kết sản xuất giống gần 5.400 ha, với 40 công ty (giống lúa, đậu xanh, ngô lai), 04 doanh nghiệp liên kết tiêu thụ sắn, ngô, dưa leo; 60 cơ sở chăn nuôi gia công. Để thu hút doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trước hết phải đảm bảo an toàn, an tâm cho doanh nghiệp, tạo điều kiện tương tự như đầu tư vào các ngành kinh tế khác và đầu tư ở các khu công nghiệp, đô thị (về đất đai, giải phóng mặt bằng, tín dụng, hạ tầng thiết yếu, khoa học công nghệ và xúc tiến thương mại...). Bởi lẽ, các nhà đầu tư không muốn mạo hiểm để đương đầu với thử thách quá lớn nếu thiếu sự hỗ trợ của Nhà nước.

Ba là, tập trung triển khai kế hoạch hành động tái cơ cấu, làm nền tảng cho xây dựng nông thôn mới bền vững, duy trì

tốc độ tăng trưởng trên nền tảng tăng giá trị tuyệt đối của ngành nông nghiệp. Thực hiện phương châm ba hóa trong chủ trương tái cơ cấu: Doanh nghiệp hóa các sản phẩm nông nghiệp hàng hóa của người nông dân; liên kết hóa trong phát triển sản xuất - kinh doanh và các hoạt động lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của bộ máy các cấp; xã hội hóa nguồn lực đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.

Do vậy, cần nhanh chóng rà soát, điều chỉnh bổ sung các quy hoạch xã nông thôn mới và quy hoạch ngành, trong đó lưu ý: điều chỉnh quy hoạch 3 loại rừng, quy hoạch trồng rừng phòng hộ ven biển gắn với du lịch và điều chỉnh quy hoạch thủy sản; **(i)** Vùng đồng bằng tập trung phát triển nông nghiệp hàng hóa có quy mô lớn (Quy hoạch xác định vùng lúa, rau quả, ngô, lạc); **(ii)** Vùng miền núi triển khai trồng rừng gỗ lớn, chuyển đổi trồng rừng sản xuất bằng cây keo ngoại, cây nuôi cấy mô; phát triển lâm sản ngoài gỗ dưới tán rừng, và thực hiện quy hoạch vùng bảo tồn và phát triển sâm Ngọc Linh và các cây dược liệu, quy hoạch chăn nuôi tập trung, nuôi trồng thủy sản các hồ chứa thủy lợi, thủy điện; **(iii)** Vùng đồng bằng ven biển, quy hoạch lại vùng nuôi thủy sản, trồng rừng phòng hộ gắn với du lịch; tập trung chuyển giao tiến bộ kỹ thuật trong nuôi trồng, kết hợp thực hiện có kết quả, hiệu quả chính sách phát triển thủy sản theo Nghị định 67 của Chính phủ.

Bốn là, giải quyết việc làm cho lao động, đẩy mạnh phát triển công nghiệp và dịch vụ ở nông thôn là giải pháp quan

trọng của chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn, và là một trong các giải pháp thu hẹp khoảng cách chênh lệch giữa nông thôn và thành thị. Bằng việc đầu tư tập trung theo quy hoạch vùng, có trọng tâm, trọng điểm để phát huy thế mạnh của vùng, khôi phục và phát triển các làng nghề ở nông thôn, theo phương châm *“mỗi xã, một sản phẩm”*, đưa công nghiệp may, chế biến nông sản về nông thôn, khắc phục yếu tố bất lợi cản trở trong đào tạo nghề cho lao động nông thôn, đào tạo nghề phải đáp ứng cho nhu cầu của doanh nghiệp và nhu cầu xã hội phục vụ trở lại cho phát triển công nghiệp, ngành nghề hàng hóa ở nông thôn. Cùng với các cơ chế đặc thù để đẩy mạnh thu hút doanh nghiệp về nông thôn, gắn với việc phát triển các doanh nghiệp công nghiệp có quy mô vừa và nhỏ có khả năng tiếp nhận công nghệ hiện đại, để gia tăng giá trị nông sản theo Nghị định 210 của Chính phủ. Đối với các làng nghề truyền thống có lịch sử lâu đời cần kết hợp giữa truyền thống và hiện đại để phát huy hiệu quả các tiềm năng hiện có, nhất là vừa đẩy mạnh phát triển sản xuất, vừa mở mang các loại hình du lịch làng nghề ở nông thôn.

Năm là, cần có biện pháp thúc đẩy tích tụ ruộng đất phục vụ sản xuất tập trung; giao đất, cho thuê đất gắn với giao rừng cho thuê môi trường rừng. Cần có chủ trương và chỉ đạo thí điểm tích tụ ruộng đất. Trước hết là động viên các chủ sử dụng đất đã chuyển nghề, làm thủ tục chuyển nhượng, UBND xã lập quỹ đất công điền, hình thành vùng tập trung lớn hơn cho doanh nghiệp thuê hoặc tổ chức đầu

thầu cho các cá nhân, nông hộ có khả năng đầu tư sản xuất hàng hóa quy mô lớn hơn. Tùy theo điều kiện cụ thể, giá trị quyền sử dụng đất có thể chi trả linh hoạt hoặc người có đất tham gia cổ phần bằng giá trị đất.

Nhiệm vụ trong giai đoạn đến đang đặt ra những thách thức mới, trong điều kiện hội nhập ngày càng sâu, để nông nghiệp, nông thôn tiếp tục trụ vững và phát triển, tạo nền tảng cho thực hiện mục tiêu công nghiệp hóa gắn với phát triển bền vững của tỉnh; đòi hỏi sự nỗ lực của các cấp, các ngành tăng cường các nguồn lực đầu tư cao hơn nữa cho nông nghiệp, nông thôn và nâng cao hiệu quả công tác chỉ đạo, điều hành để phát huy tiềm năng, thế mạnh, để giai đoạn 2016 - 2020, nông nghiệp tỉnh nhà sẽ luôn giữ vững tốc độ tăng trưởng, đạt mục tiêu kế hoạch của Đại hội tỉnh Đảng bộ đề ra, góp phần giảm nghèo nâng thu nhập ở khu vực nông thôn và thành công trong công cuộc xây dựng nông thôn mới./.

NÂNG CAO HIỆU QUẢ CÔNG TÁC THÔNG TIN ĐỐI NGOẠI

Phạm Hồng Quảng

Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông

Trong mọi thời đại, thông tin được coi là một nhu cầu thiết yếu trong đời sống xã hội, là công cụ để điều hành, quản lý, chỉ đạo của mỗi quốc gia, là phương tiện hữu hiệu để mở rộng giao lưu giữa các dân tộc, quốc gia trên thế giới, là nguồn cung cấp tri thức mọi mặt cho công chúng và là nguồn lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội.

Thông tin có rất nhiều loại hình và phương thức thể hiện, nhưng phổ biến nhất hiện nay là thông tin bằng chữ viết (sách, báo chí in, các xuất bản phẩm in...), thông tin bằng tiếng nói (phát thanh, tuyên truyền miệng), thông tin bằng hình ảnh (truyền hình, điện ảnh), thông tin trên mạng Internet (đa phương tiện). Ngoài ra, một số loại hình thông tin mang tính chuyên ngành như thông tin viễn thông, thông tin khoa học kỹ thuật..., ngày càng phát triển góp phần vào công cuộc xây dựng và triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Hoạt động thông tin ở nước ta hiện nay nói chung, tỉnh ta nói riêng trong thời gian qua đã có bước phát triển mạnh mẽ, toàn diện. Thông tin ngày càng khẳng định là phương tiện thiết yếu của đời sống xã hội, không chỉ là công cụ phục

vụ sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng, Nhà nước mà còn thực sự là diễn đàn của các tầng lớp Nhân dân. Hoạt động thông tin ngày càng đáp ứng tốt hơn nhu cầu của Nhân dân trong việc nắm bắt tình hình thời sự, chính trị của tỉnh, trong nước và quốc tế, những vấn đề liên quan đến các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, khoa học, công nghệ và mọi mặt của cuộc sống. Tính hai chiều, tính công khai, minh bạch, dân chủ trong hoạt động thông tin ngày càng được coi trọng. Các loại hình thông tin phát triển phong phú, đa dạng. Mức hưởng thụ thông tin của Nhân dân được nâng cao hơn trước. Thông tin thực sự là công cụ cung cấp tri thức, những thành tựu trên các lĩnh vực khoa học công nghệ, kinh tế - xã hội... và các dự báo quan trọng cho sự phát triển đồng thời cũng là động lực thúc đẩy sự phát triển xã hội.

Thông tin đối ngoại là một bộ phận rất quan trọng trong công tác tư tưởng và công tác đối ngoại của Đảng, Nhà nước, Nhân dân ta có nhiệm vụ quảng bá hình ảnh đất nước, văn hóa, lịch sử, con người; thông tin về tình hình trong nước, về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, quan điểm và lập trường của Việt Nam về các vấn đề quốc tế và khu vực; thông tin về tình hình thế giới cho Nhân dân trong nước. Thông tin đối ngoại còn có nhiệm vụ đấu tranh phản bác những thông tin sai sự thật, luận điệu sai trái của các thế lực cơ hội, thù địch chống phá cách mạng Việt Nam. Công tác thông tin đối ngoại được xem là nhiệm vụ thường xuyên, lâu dài và là nhiệm vụ của cả hệ thống chính

trị, trước hết là của các cơ quan chuyên trách về thông tin đối ngoại, các cơ quan báo chí, dưới sự lãnh đạo của Đảng, trực tiếp là Bộ Chính trị, Ban Bí thư, sự quản lý của Nhà nước.

Từ khi Thủ tướng Chính phủ ký Quyết định số 79/2010/QĐ-TTg về ban hành Quy chế quản lý nhà nước về thông tin đối ngoại, công tác này đã có bước phát triển mạnh mẽ, đóng góp tích cực vào thành tựu thông tin tuyên truyền nói riêng và công cuộc đổi mới của đất nước nói chung. Tổ chức bộ máy hoạt động thông tin đối ngoại bắt đầu được triển khai từ Trung ương đến địa phương. Ban Chỉ đạo công tác thông tin đối ngoại Trung ương được kiện toàn, chỉ đạo, định hướng các hoạt động thông tin đối ngoại trên quy mô toàn quốc. Bộ Thông tin và Truyền thông chịu trách nhiệm trước Chính phủ về quản lý nhà nước trong lĩnh vực này, đã thành lập Cục Thông tin đối ngoại, đơn vị thực thi công tác quản lý nhà nước về thông tin đối ngoại. Cùng với việc hình thành và phát triển bộ máy thực hiện công tác thông tin đối ngoại của các cơ quan, địa phương trong nước, tỉnh Quảng Nam cũng đã ban hành Quyết định số 2459/QĐ-UBND về việc thành lập Ban Chỉ đạo công tác thông tin đối ngoại - cơ quan tham mưu về lĩnh vực tuyên truyền đối ngoại, chỉ đạo, điều hành, định hướng các hoạt động thông tin đối ngoại của tỉnh. Trên cơ sở đó, chỉ đạo các cấp, các ngành, cơ quan, đơn vị địa phương trên địa bàn tỉnh bố trí lực lượng cán bộ chuyên trách, kiêm nhiệm phụ trách công tác thông tin đối ngoại. Đồng thời, ra Quyết định số 35/2014/QĐ-UBND về

việc ban hành Quy chế quản lý nhà nước về thông tin đối ngoại trên địa bàn tỉnh Quảng Nam, công tác thông tin đối ngoại trên địa bàn tỉnh đã từng bước ổn định và phát triển. Bộ máy thông tin đối ngoại từ tỉnh đến cơ sở dần được củng cố. Đến nay, 100% các huyện, thị xã, thành phố có cán bộ phụ trách công tác thông tin đối ngoại. UBND tỉnh đã ban hành kế hoạch và bố trí kinh phí hoạt động công tác thông tin đối ngoại hàng năm.

Quảng Nam đã tổ chức các lớp tập huấn về công tác thông tin đối ngoại, tập huấn về kỹ năng phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí cho đông đảo cán bộ lãnh đạo, quản lý, cán bộ phụ trách công tác thông tin đối ngoại của các sở, ban, ngành, các cơ quan thông tấn báo chí thuộc tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh. Qua đó, đã nâng cao năng lực và nhận thức về tầm quan trọng của thông tin đối ngoại trong tình hình mới; những chủ trương, đường lối, định hướng của Đảng và Nhà nước về công tác đối ngoại góp phần định hướng thông tin trên báo chí kịp thời, phản bác các luận điệu sai trái, xuyên tạc của các đối tượng thù địch, tạo kênh thông tin chính thống.

Bên cạnh đó, các buổi thông tin thời sự trong nước và quốc tế cho cán bộ, đảng viên và Nhân dân trong tỉnh được các cơ quan chức năng tổ chức bài bản. Kịp thời cung cấp tài liệu, thông tin những quan điểm, chủ trương về đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta, trong đó có vấn đề về biển Đông cho lực lượng báo cáo viên tại các Hội nghị Báo cáo viên Tỉnh

ủy. Bên cạnh các ấn phẩm, các bản tin thông báo nội bộ..., đã đăng tải tình hình, sự kiện nổi bật diễn ra trong nước và thế giới, quan điểm lập trường của Đảng và Nhà nước ta đối với từng vấn đề, đồng thời nâng cao ý thức cảnh giác trước âm mưu “*Diễn biến hòa bình*” của các thế lực thù địch..., qua đó góp phần tăng cường sự hiểu biết của cán bộ, đảng viên và nhân dân đối với tình hình chung của đất nước, thế giới. Đặc biệt, việc xây dựng trang thông tin điện tử được phiên dịch thành 3 ngôn ngữ Anh - Việt- Trung “*Quảng Nam - Tiềm năng và hội nhập*” đã góp phần quảng bá vùng đất, con người, những tiềm năng và thành tựu kinh tế - xã hội của Quảng Nam đến với bạn bè trong nước và trên thế giới.

Ngoài ra, Quảng Nam đã đẩy mạnh các hoạt động hợp tác trong và ngoài nước trên các lĩnh vực văn hóa, du lịch và xúc tiến đầu tư đã tạo mối quan hệ hợp tác hữu nghị đối với một số địa phương ở nước ngoài như Nhật Bản, Pháp, Hàn Quốc...; tổ chức các hoạt động trao đổi với các nước trong khu vực nhằm tìm hiểu về tiềm năng, thế mạnh của nhau, đi đến ký kết các lĩnh vực hợp tác, trong đó đáng kể là hợp tác bảo tồn các di sản văn hóa thế giới là phố cổ Hội An và Khu đền tháp Mỹ Sơn. In ấn, tái bản và phát hành rộng rãi các ấn phẩm du lịch chất lượng bằng các ngôn ngữ Việt, Anh, Pháp, Nga, Nhật, Trung... Đến nay, hình ảnh du lịch Việt Nam, nhất là Hội An đã trở thành thương hiệu được du khách trong và ngoài nước biết đến.

Thông qua các cơ quan báo chí, Quảng Nam đã thực hiện tuyên truyền, quảng bá hình ảnh địa phương ra các địa phương khác trong nước và ra thế giới trên Báo Quảng Nam thường kỳ, Đài Phát thanh - Truyền hình Quảng Nam, trên các tạp chí, bản tin, trên cổng thông tin điện tử của tỉnh và các trang thông tin điện tử của các sở, ban, ngành, hội, đoàn thể, huyện, thành phố trong toàn tỉnh. Phối hợp quảng bá ra thế giới trên Báo Đối ngoại Vietnam Economic News (VEN). Hằng tháng, UBND tỉnh tổ chức họp báo thông tin về tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh cho các cơ quan báo chí của tỉnh, các văn phòng đại diện và phóng viên của các cơ quan báo chí tỉnh bạn, báo chí trung ương thường trú trên địa bàn tỉnh Quảng Nam. Hằng quý, tổ chức giao ban báo chí đánh giá tình hình hoạt động của báo chí địa phương, công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực báo chí trên địa bàn tỉnh thời gian qua và định hướng công tác tuyên truyền trong thời gian đến.

Nhiều địa phương trong tỉnh đã chủ động tạo điều kiện đón các phóng viên trong và ngoài tỉnh, cũng như ở nước ngoài đến đưa tin, viết bài giới thiệu về địa phương mình nhân dịp diễn ra các sự kiện trọng đại hay các dịp lễ, hội, kỷ niệm... Đặc biệt, hoạt động Festival Di sản Quảng Nam lần thứ V-2013 đã góp phần lớn quảng bá hình ảnh Quảng Nam đến khắp nơi trong nước và thế giới.

Có thể khẳng định rằng, công tác thông tin đối ngoại Quảng Nam ngày càng được nâng cao; các hoạt động thông

tin đã được tổ chức bài bản, đi vào thực chất hơn; nội dung thông tin đối ngoại đã phong phú và kịp thời hơn; phương thức hoạt động có sự đổi mới, linh hoạt hơn; các lực lượng tham gia tổ chức bài bản được tăng cường, đông đảo và đa dạng hơn. Các hoạt động thông tin đối ngoại đã góp phần quan trọng vào việc giữ vững ổn định chính trị - xã hội; củng cố và mở rộng quan hệ của Quảng Nam với các địa phương trong nước và trên thế giới, thúc đẩy hội nhập quốc tế, hợp tác kinh tế, thu hút đầu tư và du lịch nước ngoài; tăng cường gắn kết cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Bên cạnh những thành tựu đạt được, công tác thông tin đối ngoại tỉnh Quảng Nam vẫn còn một số tồn tại, hạn chế như: Sự phối hợp, gắn kết giữa các ban, ngành, đoàn thể, đơn vị, địa phương và lực lượng làm công tác thông tin đối ngoại còn hạn chế; kinh phí cho hoạt động thông tin đối ngoại chưa phù hợp và phân tán; nội dung thông tin có lúc chưa đáp ứng kịp thời, đầy đủ yêu cầu trong tình hình mới; các phương tiện thông tin đại chúng chưa phát huy hết vai trò trong hoạt động thông tin đối ngoại.

Để nâng cao hiệu quả công tác quản lý và đẩy mạnh hoạt động thông tin nói chung, thông tin đối ngoại của tỉnh nói riêng nhằm góp phần tuyên truyền sâu rộng về nhiệm vụ phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, bảo vệ an ninh quốc phòng của địa phương, đồng thời quảng bá hình ảnh Quảng Nam ra đến các địa phương trong nước và thế giới trong thời

gian đến, ngoài việc triển khai thực hiện các quy chế quản lý nhà nước về thông tin đối ngoại của trung ương, của tỉnh và Nghị định 72/2015/NĐ-CP, Sở Thông tin và Truyền thông đề xuất một số nội dung sau:

1. Công tác quản lý thông tin nói chung, thông tin đối ngoại nói riêng cần phải có sự thống nhất, đồng bộ từ Trung ương đến địa phương. Vì vậy, cần phải hoàn thiện cơ chế quản lý của các cơ quan chỉ đạo và quản lý thông tin nhằm nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước đối với lĩnh vực này; khắc phục tình trạng chông chéo, phân công, phân cấp không rõ ràng giữa các cơ quan quản lý, giữa Trung ương với địa phương; bảo đảm sự tập trung, hiệu quả của công tác chỉ đạo, quản lý thông tin trong phạm vi cả nước. Đồng thời, với việc hoàn thiện cơ chế quản lý là hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật về công tác thông tin đối ngoại nhằm tạo cơ sở pháp lý trong quản lý và hành lang pháp lý cho hoạt động thông tin đối ngoại. Trước mắt, trong năm 2016, tham mưu kiện toàn Ban Chỉ đạo thông tin đối ngoại cấp tỉnh; ban hành Chỉ thị về đẩy mạnh hoạt động thông tin đối ngoại trên địa bàn tỉnh Quảng Nam trong tình hình mới, giai đoạn 2016-2020 theo tinh thần kết luận 16-KL/TW của Bộ Chính trị và Nghị định 72/2015/NĐ-CP.

2. Tập trung đầu tư nguồn nhân lực mà chủ yếu là đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động thông tin đối ngoại; tổ chức và quản lý công tác nghiên cứu về thông tin đối ngoại. Đồng

thời, xây dựng đội ngũ phóng viên, nhà báo, báo cáo viên, tuyên truyền viên các cấp làm công tác tuyên truyền có đủ năng lực chuyên môn, nghiệp vụ và bản lĩnh chính trị để thực hiện tốt mọi yêu cầu nhiệm vụ trong các tình huống trong công tác thông tin đối ngoại và tiến hành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao ý thức, kiến thức về thông tin đối ngoại cho đội ngũ này. Đặc biệt, chú trọng bồi dưỡng về phẩm chất đạo đức, kỹ năng nghề nghiệp...

3. Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch, chương trình, đề án, dự án về thông tin đối ngoại. Đề nghị UBND tỉnh thông qua Đề án phát triển thông tin đối ngoại tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2016-2020 và trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết thực hiện.

4. Tổ chức bộ máy, xây dựng cơ chế, chính sách đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động thông tin đối ngoại ở trong và ngoài tỉnh; bảo đảm điều kiện cơ sở vật chất, kỹ thuật nhằm đảm bảo phục vụ tốt cho hoạt động thông tin đối ngoại.

5. Đổi mới nội dung, hình thức hợp báo, giao ban báo chí nhằm chỉ đạo, định hướng nội dung thông tin kịp thời cho các cơ quan thông tấn báo chí hoạt động trên địa bàn tỉnh; cung cấp thông tin cho báo chí trong và ngoài nước, cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài và cộng đồng quốc tế. Thực hiện nghiêm túc Quy chế phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí.

6. Tăng cường các biện pháp bảo đảm an ninh thông tin trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh. Cụ thể hóa các quy định của pháp luật trong hoạt động thông tin nói chung, thông tin đối ngoại nói riêng nhằm bảo đảm tốt vấn đề an ninh thông tin cả về nội dung và các phương thức thể hiện thông tin nhất là các thông tin tuyên truyền về biển, đảo.

7. Tăng cường vai trò lãnh đạo, chỉ đạo, thực hiện của các cấp ủy Đảng, chính quyền, các ban, ngành đoàn thể trong công tác phối hợp triển khai thực hiện các hoạt động thông tin đối ngoại gắn với thực hiện nhiệm vụ chính trị của cơ quan, đơn vị.

8. Chú trọng hoạt động thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm và giải quyết khiếu nại, tố cáo trong hoạt động thông tin đối ngoại theo quy định của pháp luật.

9. Tổ chức sơ kết, tổng kết hoạt động thông tin đối ngoại; khen thưởng, biểu dương kịp thời đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân có thành tích trong hoạt động thông tin đối ngoại.

Công tác quản lý thông tin nói chung, thông tin đối ngoại của tỉnh nói riêng là nhiệm vụ vô cùng quan trọng đòi hỏi phải được tiến hành thường xuyên, lâu dài; không chỉ là nhiệm vụ của các cơ quan tuyên giáo, thông tin - truyền thông mà là nhiệm vụ của cả hệ thống chính trị các cấp và sự tham gia của toàn dân.

ĐẨY MẠNH CÔNG TÁC TUYÊN TRUYỀN BẢO VỆ CHỦ QUYỀN VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ BIỂN, ĐẢO

Trần Khắc Thắng

Phó Trưởng ban thường trực Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy

Biển và hải đảo ngày càng trở thành nguồn lực kinh tế to lớn, một không gian sinh tồn quan trọng, gắn bó mật thiết đến sự phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh của mỗi quốc gia có biển, trong đó có Việt Nam. Lịch sử đã chứng minh biển và hải đảo là không gian sinh tồn và phát triển của dân tộc Việt Nam, có ý nghĩa sống còn đối với sự toàn vẹn lãnh thổ nước ta.

Nhận thức về tầm quan trọng của biển, đảo Việt Nam đối với chính trị, kinh tế và an ninh quốc phòng của đất nước, Đảng và Nhà nước ta đã đề ra các chủ trương và giải pháp để bảo vệ chủ quyền gắn với phát triển kinh tế biển, đảo, trong đó đáng chú ý là Nghị quyết Trung ương 4 khóa X về "*Chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020*". Nghị quyết này ra đời phù hợp với lòng dân nên được Nhân dân đồng tình, hưởng ứng triển khai thực hiện, sớm đi vào cuộc sống với những kết quả đem lại bước đầu đáng trân trọng.

Trong những năm gần đây tình hình tranh chấp chủ quyền biển, đảo trên Biển Đông trở nên phức tạp hơn. Đứng

trước tình hình này, Đảng, Nhà nước ta kiên định, nhất quán chủ trương, giải pháp giải quyết các tranh chấp về chủ quyền lãnh thổ cũng như các bất đồng khác liên quan đến biển Đông thông qua đàm phán, thương lượng hòa bình trên tinh thần bình đẳng, hiểu biết và tôn trọng lẫn nhau, tôn trọng luật pháp quốc tế, đặc biệt là Công ước của Liên hợp quốc về Luật biển năm 1982, tôn trọng quyền chủ quyền và quyền tài phán của các nước ven biển đối vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa; trong khi nỗ lực đàm phán để tìm giải pháp cơ bản và lâu dài, các bên liên quan cần duy trì sự ổn định trên cơ sở giữ nguyên trạng, không có hành động làm phức tạp thêm tình hình, không sử dụng vũ lực hoặc đe dọa dùng vũ lực.

Những năm qua Đảng, Nhà nước và Nhân dân ta thực hiện chủ trương trên đã triển khai một khối lượng lớn công việc nhằm tạo dựng và duy trì môi trường hòa bình, ổn định, phát triển kinh tế đất nước, bảo vệ chủ quyền và lợi ích quốc gia trên biển, đã cơ bản gìn giữ được chủ quyền biển, đảo. Thực tế giải quyết giàn khoan Hải Dương - 981 vi phạm quyền chủ quyền trong vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa của Việt Nam năm 2014 đã chứng minh Việt Nam kiên trì thực hiện chủ trương, giải pháp nêu trên.

Quảng Nam là một trong 28 tỉnh, thành của Việt Nam giáp với biển Đông, có chiều dài bờ biển trên 125 km; với đông đảo nhân dân sinh sống bằng nghề đánh bắt hải sản, cùng ngư trường rộng lớn trên 40.000 km². Những năm qua kinh tế biển và vùng ven biển đã đóng góp quan trọng vào

sự phát triển kinh tế của tỉnh; cùng với cả nước, Đảng bộ, quân và dân Quảng Nam đã tích cực tham gia bảo vệ vững chắc chủ quyền biển, đảo. Kết quả đó có sự đóng góp quan trọng của công tác tuyên truyền thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khóa X về chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020. Trong những năm gần đây, công tác thông tin, tuyên truyền về biển, đảo được chú trọng và đẩy mạnh, bằng nhiều hình thức đã giúp cho cán bộ, đảng viên, quần chúng Nhân dân nhận thức ngày càng rõ hơn về vị trí, vai trò và tầm quan trọng của biển, đảo và trách nhiệm của mỗi người dân đối với nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền biển, đảo; về quan điểm, chủ trương, giải pháp của Đảng, Nhà nước về bảo vệ chủ quyền, giải quyết tranh chấp chủ quyền biển, đảo; về chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020.

Năm 2016 và những năm tiếp theo, nhiệm vụ phát triển kinh tế biển, đảo gắn với bảo vệ chủ quyền biển, đảo càng trở nên cấp bách và quan trọng hơn bao giờ hết; kinh tế biển, đảo sẽ phải đóng góp quan trọng vào việc thực hiện mục tiêu Đại hội Đảng bộ tỉnh Quảng Nam lần thứ XXI đề ra “... *phấn đấu để Quảng Nam trở thành tỉnh khá của cả nước, sớm trở thành tỉnh công nghiệp theo hướng hiện đại*”; tình hình tranh chấp chủ quyền biển, đảo trên biển Đông sẽ tiếp tục phức tạp; các thế lực cơ hội, cực đoan, thù địch lợi dụng vấn đề tranh chấp chủ quyền biển Đông để kích động, chia rẽ nước ta với các nước láng giềng; công kích, xuyên tạc chủ trương, đường lối đối ngoại đúng đắn của Đảng, Nhà nước ta...

Với yêu cầu nhiệm vụ, đồng thời với thực tế tình hình nêu trên, tỉnh ta cần tiếp tục huy động sức mạnh tổng hợp trong xã hội phục vụ cho nhiệm vụ phát triển kinh tế biển gắn với bảo vệ vững chắc chủ quyền biển, đảo theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 4 khóa X về "*Chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020*" và Chương trình hành động của tỉnh Quảng Nam về thực hiện Nghị quyết đó, cần đẩy mạnh hơn nữa công tác tuyên truyền, thông tin về biển, đảo một cách có hệ thống trong cán bộ, đảng viên và Nhân dân, nâng cao nhận thức về vai trò, vị trí chiến lược biển, đảo của nước ta, phấn đấu đến năm 2020 đưa nước ta trở thành quốc gia mạnh về biển, giàu từ biển; tạo sự đồng thuận xã hội trong các tầng lớp Nhân dân, tăng cường sức mạnh đoàn kết toàn dân tộc để bảo vệ vững chắc chủ quyền biển, đảo thiêng liêng của Tổ quốc; về chủ trương, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp nêu trong Chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020; về chủ trương của Đảng và Nhà nước ta trong vấn đề xử lý tranh chấp chủ quyền biển Đông; tuyên truyền nâng cao tinh thần cảnh giác trước âm mưu của các thế lực thù địch lợi dụng vấn đề tranh chấp chủ quyền Biển Đông để tuyên truyền xuyên tạc, chống phá sự nghiệp cách mạng Việt Nam, đấu tranh phản bác các luận điệu sai trái của các thế lực thù địch, lực lượng cơ hội xuyên tạc quan điểm của Đảng và Nhà nước ta trong việc giải quyết các vấn đề liên quan đến chủ quyền biển, đảo của Việt Nam.

Quá trình tuyên truyền cần tập trung các nội dung, như:

vị trí, vai trò, tiềm năng thế mạnh của biển, đảo Việt Nam đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; những kiến thức cơ bản, phổ thông, quan điểm của Đảng, các văn bản pháp luật về biển, đảo của Nhà nước ta; Công ước Liên Hợp Quốc về Luật Biển năm 1982; Tuyên bố về ứng xử của Các bên ở Biển Đông (DOC); khẳng định tinh thần nhất quán của Đảng, Nhà nước và Nhân dân ta về chủ quyền của Việt nam không thể tranh cãi đối với quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa của Việt Nam. Công tác tuyên truyền phải phục vụ mục tiêu bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của đất nước, đồng thời duy trì môi trường hòa bình, ổn định để tập trung phát triển đất nước; phát hiện và nhân rộng các điển hình tiên tiến, nhân tố mới trong phát triển kinh tế, an sinh - xã hội, đảm bảo giữ vững quốc phòng, an ninh và chủ quyền các vùng biển, đảo của Tổ quốc; giới thiệu những thành tựu phát triển kinh tế biển, đảo của địa phương và của nước ta; vai trò của các thành phần kinh tế trong việc tham gia tích cực vào phát triển kinh tế biển; những thành tựu hợp tác quốc tế về biển... Tuyên truyền đấu tranh chống các hành vi và hoạt động sai trái, tiêu cực trên biển, đảo: buôn bán hàng cấm, trốn thuế; đánh bắt có tính chất hủy diệt nguồn lợi thủy, hải sản phá hoại môi trường sinh thái biển; tàu, thuyền nước ngoài xâm phạm chủ quyền, quyền tài phán trên vùng biển, thềm lục địa, vùng đặc quyền kinh tế của nước ta; tuyên truyền nâng cao tinh thần trách nhiệm, tình cảm của mọi tầng lớp Nhân dân đối với cán bộ, chiến sỹ và nhân dân đang làm nhiệm vụ phát triển kinh tế và bảo vệ chủ

quyền biển, đảo thiêng liêng của Tổ quốc; tuyên truyền các chính sách của Nhà nước liên quan đến việc hỗ trợ ngư dân đóng tàu thuyền,...

Thực hiện nhiệm vụ tuyên truyền về chủ đề này, yêu cầu các địa phương, đơn vị, ban, ngành, đoàn thể xây dựng kế hoạch tuyên truyền biển, đảo một cách sát thực, phù hợp; xác định đây là nhiệm vụ thường xuyên, quan trọng của cấp ủy Đảng, chính quyền, hội đoàn thể các cấp. Tiếp tục đổi mới, đa dạng hóa hình thức tuyên truyền, coi trọng chất lượng, hiệu quả và sự phù hợp về đối tượng, địa bàn cũng như thời lượng tuyên truyền. Thực hiện kiểm tra, đánh giá, sơ kết, tổng kết công tác tuyên truyền về biển, đảo Việt Nam một cách nghiêm túc; chú trọng công tác phối hợp các lực lượng tham gia tuyên truyền. Quá trình tuyên truyền cần thực hiện nghiêm các quy định về cung cấp thông tin, sử dụng thông tin của Đảng và Nhà nước đã ban hành liên quan đến biển, đảo; hướng tới các đối tượng ít được thông tin, như: người lao động trong các thành phần kinh tế, học sinh, sinh viên.

Thực hiện tốt công tác tuyên truyền về biển, đảo năm 2016 sẽ góp phần cùng cả nước bảo vệ vững chắc chủ quyền biển, đảo của Tổ quốc, phát triển kinh tế biển; thực hiện thành công chiến lược biển Việt Nam theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 4 khóa X./.

GIÁO DỤC TRUYỀN THỐNG LỊCH SỬ, VĂN HÓA ĐỊA PHƯƠNG TRONG TRƯỜNG HỌC LÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CẢ HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ VÀ TOÀN XÃ HỘI

Huỳnh Thị Tuyết

Phó Trưởng ban Tuyên giáo Tỉnh ủy

Các giá trị lịch sử và văn hóa chung đúc qua các thời kỳ lịch sử, tinh thần yêu quê hương đất nước, lòng tự hào dân tộc luôn là nền móng và động lực cho sự phát triển bền vững. Vì vậy giáo dục lịch sử, văn hóa địa phương cho học sinh là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội. Giáo dục lịch sử, văn hóa địa phương cho học sinh sẽ góp phần giữ gìn, bảo tồn và phát huy các giá trị lịch sử, văn hóa truyền thống của dân tộc. Thực hiện khung chương trình của Bộ Giáo dục - Đào tạo, trong những năm qua Sở Giáo dục - Đào tạo đã tích cực đưa lịch sử, văn hóa Quảng Nam vào giảng dạy ở các trường học trên địa bàn tỉnh. Tuy nhiên, cũng còn nhiều vấn đề mà các cấp ủy đảng, chính quyền địa phương, đặc biệt là ngành Giáo dục - Đào tạo, ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch tiếp tục quan tâm nhiều hơn để các thế hệ học sinh tỉnh nhà có thêm cơ hội hưởng quyền lợi trong việc tiếp nhận các giá trị lịch sử, văn hóa địa phương.

Đối với môn lịch sử địa phương, trên cơ sở chỉ đạo của Sở Giáo dục - Đào tạo, các Phòng giáo dục - đào tạo đã tổ

chức biên soạn nội dung giảng dạy riêng ở từng huyện, thị xã, thành phố cấp Tiểu học và Trung học cơ sở. Các phòng giáo dục - đào tạo không tổ chức biên soạn thì có kế hoạch hướng dẫn nhà trường phối hợp với địa phương soạn thảo nội dung giảng dạy. Đối với các trường Trung học phổ thông hoặc có sự liên kết giữa các trường trên địa bàn huyện hoặc có nội dung giảng dạy riêng của từng trường.

Đối với môn văn học địa phương, Sở Giáo dục - Đào tạo xây dựng đề tài *“Nghiên cứu việc đưa văn học Quảng Nam vào giảng dạy trong chương trình Ngữ văn Trung học cơ sở”*. Đề tài này được đưa vào giảng dạy từ năm 2010. Sở Giáo dục - Đào tạo phối hợp biên soạn hai loại tài liệu văn học Quảng Nam dành cho giáo viên và văn học Quảng Nam dành cho học sinh, tạo điều kiện thuận lợi cho giáo viên văn ở các trường Trung học cơ sở cung cấp những kiến thức về văn hóa địa phương đến với học sinh, giúp các em hiểu hơn về các giá trị văn hóa, từ đó bồi đắp tình yêu quê hương đất nước cho các thế hệ kế thừa.

Qua các tiết học tìm hiểu về lịch sử, văn hóa địa phương đã góp phần nâng cao kiến thức và nhận thức cho các em về bề dày truyền thống lịch sử, văn hóa Quảng Nam hơn 500 năm hình thành và phát triển. Biết thêm được bắt nguồn từ truyền thống lịch sử ấy, thiên nhiên và con người Quảng Nam đã tạo ra cho địa phương mình một đặc trưng văn hóa xứ Quảng. Văn hóa Quảng Nam có sự giao thoa, đan xen, kế thừa, hội tụ và tiếp biến văn hóa của văn hóa Chăm-pa, Trung

Hoa, Nhật Bản... với văn hóa Đại Việt. Văn hóa Quảng Nam hiện nay được nhắc đến nhiều bởi một địa phương đã có đến hai di sản văn hóa thế giới được UNESCO công nhận: Khu tháp Mỹ Sơn và phố cổ Hội An. Huyện Duy Xuyên và thành phố Hội An đã đưa giáo dục Di sản văn hóa thế giới Mỹ Sơn và Hội An vào trường học để giúp thế hệ hôm nay biết nâng niu, quý trọng di sản trên mảnh đất quê hương.

Ở huyện Duy Xuyên, công tác này được đặc biệt quan tâm, địa phương đã xây dựng bộ tài liệu giảng dạy dựa trên những công trình của các nhà khoa học chuyên nghiên cứu về Mỹ Sơn. Bộ tài liệu gồm hai tập: *“Giáo dục về di sản văn hóa thế giới Mỹ Sơn trong nhà trường”* và *“Thiết kế hoạt động dạy học, hoạt động tập thể trong chương trình giáo dục về Di sản văn hóa thế giới Mỹ Sơn”*... Bộ tài liệu này đã giúp thầy trò nơi đây có cơ sở dữ liệu cho việc dạy và học, góp phần cho thế hệ trẻ của huyện được hiểu hơn về lịch sử, văn hóa của địa phương mình.

Thời gian qua, đã có nhiều trường học trên địa bàn tỉnh chủ động đưa lịch sử, văn hóa địa phương vào giảng dạy thông qua các tiết dạy trên lớp và thông qua các hình thức ngoại khóa, như đưa học sinh tham quan Bảo tàng tỉnh, Tượng đài Mẹ Việt Nam anh hùng, nhà Truyền thống lực lượng vũ trang tỉnh, các khu di tích lịch sử - văn hóa trên địa bàn huyện, thị xã, thành phố, tổ chức các cuộc thi về tìm hiểu lịch sử, văn hóa của ở các địa phương trong tỉnh. Nhiều trường đã huy động được phụ huynh, giáo viên, học sinh

tham gia nhiều hoạt động văn hóa dân gian như thi các trò chơi dân gian, thi hát đồng dao, dân ca, biểu diễn múa cồng chiêng, các nhạc cụ dân tộc...

Tính đến nay, tỉnh Quảng Nam có trên 350 di tích được các cấp ra quyết định xếp hạng. Trong đó trên 60 di tích cấp quốc gia, trên 290 di tích cấp tỉnh và 2 di sản văn hóa thế giới là phố cổ Hội An và Khu đền tháp Mỹ Sơn. Quảng Nam có nhiều di sản văn hóa phi vật thể đặc sắc. Theo thống kê sơ bộ, toàn tỉnh có trên 300 di sản văn hóa phi vật thể tiêu biểu.

Và đáng tự hào, Quảng Nam là vùng đất có truyền thống lịch sử đấu tranh mở đất và giữ nước, một vùng đất đã ghi đậm dấu ấn của các thời đại phong kiến từ thời Lê, Lê Trịnh, Trịnh - Nguyễn phân tranh, Tây Sơn cho đến triều đình nhà Nguyễn. Một vùng đất vào cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX đã sinh ra nhiều danh nhân, chí sĩ yêu nước được vinh danh trong cả nước: Trần Văn Dư, Nguyễn Duy Hiệu, Nguyễn Thành, Phan Chu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng, Trần Quý Cáp, Trần Cao Vân... Cách mạng Tháng Tám rồi hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, sự hy sinh của Nhân dân Quảng Nam là không thể kể hết và cũng từ đó nổi lên những nét văn hóa hết sức cao cả. Đó là tinh thần chiến đấu hy sinh vì độc lập tự do, vì quê hương đất nước; đó là sự đùm bọc, yêu thương, sẻ chia nơi chiến trường ác liệt...

Song, đến thời điểm hiện nay, những hoạt động giáo dục

văn hóa, lịch sử địa phương trên địa bàn tỉnh vẫn chưa thu hút được sự quan tâm đầy đủ, sâu sắc của các cấp ủy Đảng, chính quyền, các nhà quản lý giáo dục và xã hội.

Môn lịch sử địa phương chưa có bộ tài liệu chung, thống nhất trong toàn tỉnh để giảng dạy phần chung lịch sử địa phương tỉnh Quảng Nam. Ở một số trường PTTH giáo viên dạy lịch sử rất ít, chưa có kinh nghiệm và là người địa phương khác đến công tác nên việc sưu tập, biên soạn bài giảng lịch sử địa phương còn gặp nhiều khó khăn.

Nguồn tư liệu do giáo viên tìm hiểu được đôi khi chưa đảm bảo được độ tin cậy cao do nguồn tư liệu cung cấp chưa qua thẩm định của các cơ quan chức năng hoặc chưa có sự thống nhất giữa các đối tượng tiếp cận với nhau khi cùng tìm hiểu về một sự kiện lịch sử. Đây là khó khăn lớn của ngành khi đưa lịch sử địa phương vào trường học.

Thêm vào đó, thầy cô giáo muốn dạy tốt lịch sử địa phương phải bỏ nhiều công sức, thời gian để tìm tòi, nghiên cứu trong khi học sinh thì không mặn mà với môn học này. Gần đây, tình trạng học sinh lơ là, mù mờ với môn lịch sử đã trở nên phổ biến. Học sinh chọn thi môn lịch sử rất ít và bị điểm kém rất nhiều trong các kỳ thi tốt nghiệp phổ thông, đại học. Điều này làm cho chúng ta rất buồn, vì dân ta chưa chịu hiểu sử ta.

Hiện nay, không chỉ học sinh mà nhiều người, kể cả những người có trách nhiệm chăm lo cho thế hệ trẻ đều ít am

hiểu hoặc nhận thức chưa đúng về tầm quan trọng và ý nghĩa của việc hiểu lịch sử - văn hóa dân tộc, lịch sử - văn hóa địa phương đã trở thành nỗi trăn trở của những người có tâm huyết, yêu quý và biết trân trọng lịch sử - văn hóa dân tộc. Đây là hậu quả của việc không coi trọng môn học lịch sử, cho đó là “*môn phụ*”. Chưa giải quyết đúng đắn mối quan hệ hài hòa giữa phát triển kinh tế với phát triển văn hóa.

Để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa địa phương vào trường học được đồng bộ, hiệu quả, trong thời gian tới, các cấp ủy đảng, chính quyền, các ngành chức năng cần quan tâm triển khai thực hiện một số nhiệm vụ trọng tâm:

Thứ nhất, tăng cường sự lãnh, chỉ đạo của các cấp ủy đảng, chính quyền và sự quan tâm vào cuộc quyết liệt của ngành chức năng các cấp đối với việc đưa truyền thống lịch sử, văn hóa địa phương vào giảng dạy trong trường học. Và xem đây là trách nhiệm, nghĩa vụ của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội đối với việc giáo dục truyền thống lịch sử cách mạng, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa dân tộc cho thế hệ đời sau.

Thứ hai, đẩy mạnh công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức trong toàn xã hội về ý nghĩa và tầm quan trọng của các giá trị truyền thống lịch sử cách mạng, văn hóa dân tộc đối với sự phát triển và hình thành nhân cách con người Quảng Nam trong đời sống kinh tế, văn hóa, xã hội mới và hội nhập quốc tế hiện nay.

Thứ ba, ngành Giáo dục - Đào tạo và ngành Văn hóa - Thể thao và Du lịch có kế hoạch phối hợp cụ thể, chặt chẽ hơn theo văn bản số 73/HD-BGDDT-BVHTTDL hướng dẫn sử dụng di sản trong dạy học ở trường phổ thông, trung tâm giáo dục thường xuyên. Tích cực tạo điều kiện thuận lợi cho học sinh được tham quan học tập tại nơi có di sản văn hóa, các địa chỉ đỏ về lịch sử cách mạng của địa phương trên địa bàn tỉnh. Tiếp tục đầu tư thực hiện thành công việc triển khai Đề án đưa ca dao, dân ca xứ Quảng vào trường học. Đồng thời, phối hợp xây dựng bộ tài liệu giảng dạy lịch sử, văn hóa địa phương tỉnh Quảng Nam.

Thứ tư, các địa phương, các trường chủ động sáng tạo những mô hình mới, những sáng kiến mới trong giáo dục di sản và tổ chức tổng kết, phổ biến các kinh nghiệm trong ngành Giáo dục - Đào tạo. Tăng cường tổ chức học hỏi, trao đổi kinh nghiệm, nhân rộng các mô hình hay trong việc giảng dạy lịch sử, văn hóa giữa các địa phương trên địa bàn tỉnh.

Chương trình số 29-CTr/TU của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết Trung ương chín khóa XI về *“Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước”* nêu rõ: *“Tổ chức các hoạt động văn hóa, giáo dục, khoa học hướng đến mục tiêu xây dựng con người Quảng Nam phát triển toàn diện gắn với những đặc điểm con người và giá trị văn hóa Quảng Nam”*; Chương trình số 28-CTr/TU của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết Trung ương tám khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào

tạo đã chỉ rõ: *"Chú trọng giáo dục nhân cách, đạo đức, lối sống, tri thức pháp luật và ý thức công dân. Tập trung vào những giá trị cơ bản của văn hóa, truyền thống và đạo lý dân tộc, tinh hoa văn hóa nhân loại..."*. Chính vì vậy, giáo dục truyền thống lịch sử cách mạng và văn hóa địa phương trong các trường học trên địa bàn tỉnh không còn là trách nhiệm riêng của ngành Giáo dục - Đào tạo mà là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội./.

BẢO TỒN VÀ PHÁT HUY CÁC GIÁ TRỊ VĂN HÓA CỦA CỘNG ĐỒNG CÁC DÂN TỘC THiểu SỐ TỈNH QUẢNG NAM PHỤC VỤ MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN MIỀN NÚI CỦA TỈNH

Đinh Hải

Giám đốc Sở VH-TT-DL Quảng Nam

Miền núi tỉnh Quảng Nam bao gồm 9 huyện là Tây Giang, Đông Giang, Nam Giang, Bắc Trà My, Nam Trà My, Phước Sơn, Tiên Phước, Hiệp Đức và Nông Sơn, diện tích 776 km², chiếm 74,33% diện tích tự nhiên toàn tỉnh, với dân số trên 300.000 người. Toàn tỉnh có 115 xã miền núi, trong đó có 65 xã đặc biệt khó khăn khu vực 3. Địa bàn các huyện miền núi cao là nơi cư trú lâu đời của các dân tộc thiểu số bản địa Cốt, Giẻ-Triêng, Xơ-đăng, Cor và một số dân tộc khác với dân số 120.000 người; trong đó dân tộc Cơ tu chiếm nhiều nhất 45.000 người; dân tộc Xơ đăng 37.000 người bao gồm các nhóm địa phương Ca dong, Mơ nâm, Tơ đrá; dân tộc Giẻ - Triêng 20.000 người bao gồm các nhóm địa phương Bh'noong, Ve, Tà riêng; dân tộc Cor 13.000 người; ngoài ra còn có khoảng gần 3.000 người các dân tộc khác (Tày, Nùng, Mường, Thái...) từ phía Bắc di cư tự do đến miền núi Quảng Nam sau năm 1975.

Địa bàn miền núi, vùng dân tộc thiểu số tỉnh Quảng

Nam có những nét văn hóa tương đồng mang đậm bản sắc tộc người sinh tụ trên dãy Trường Sơn phía Tây của tỉnh, là nơi giàu truyền thống văn hóa và cách mạng, là địa bàn chiến lược quan trọng về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội của tỉnh. Trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, các huyện miền núi Quảng Nam luôn là căn cứ vững chắc, là nơi đứng chân của Khu ủy và các cơ quan Khu ủy khu V. Những di tích cấp quốc gia và cấp tỉnh hiện có ở các huyện như Phước Trà, Nước Lã, Nước Oa... là minh chứng cho tinh thần cách mạng của đồng bào các dân tộc tỉnh Quảng Nam.

Trong lịch sử hình thành và phát triển, cộng đồng các dân tộc thiểu số ở miền núi Quảng Nam đã xây dựng nền văn hóa đậm đà bản sắc, đặc trưng văn hóa của các cộng đồng tộc người, góp phần làm đa dạng và phong phú bề dày truyền thống văn hóa của tỉnh Quảng Nam. Tuy nhiên, qua quá trình phát triển kinh tế - xã hội, thực trạng đời sống văn hóa của đồng bào các dân tộc thiểu số miền núi vẫn còn khó khăn, hạn chế nhất định về đời sống văn hóa tinh thần, một số hình thái biểu hiện văn hóa bị tác động, ảnh hưởng của môi trường xã hội hiện đại, các giá trị văn hóa truyền thống đang đứng trước nguy cơ mai một.

Nhằm bảo tồn và phát triển bền vững văn hóa các dân tộc thiểu số, góp phần phát triển kinh tế, ổn định xã hội, giữ vững an ninh quốc phòng ở vùng miền núi, trong những năm qua, được sự quan tâm của các cấp các ngành trung ương và của tỉnh, công tác bảo tồn, phát triển văn hóa của cộng đồng

các dân tộc thiểu số tỉnh Quảng Nam đã đạt được những thành tựu quan trọng:

Thứ nhất, về bảo tồn, phát triển các giá trị văn hóa vật thể

Về khôi phục và xây dựng nhà làng truyền thống: Nhà Làng là loại hình kiến trúc dân gian truyền thống của đồng bào các dân tộc thiểu số tỉnh Quảng Nam nói riêng, khu vực Trường Sơn - Tây Nguyên nói chung, gắn với đời sống văn hóa tinh thần của đồng bào. Theo phong tục của đồng bào, nếu lập làng mới, dù có khó khăn bao nhiêu thì trong khoảng thời gian một năm phải xây dựng được một Nhà làng. Tuy nhiên, do nhiều nguyên nhân, từ cuối những năm 1990, một số làng không còn chú ý đến phục dựng nhà làng truyền thống, dẫn đến không có nhà sinh hoạt cho cộng đồng dân cư.

Trước thực trạng đó, các cấp ủy đảng và chính quyền đã ban hành nhiều chính sách nhằm bảo tồn Nhà làng truyền thống của đồng bào các dân tộc. Tỉnh ủy Quảng Nam cũng đã đạo phải *“tập trung đầu tư, đẩy mạnh công tác nghiên cứu, sưu tầm có hệ thống các di sản văn hóa truyền thống của các dân tộc. Trên cơ sở đó có những giải pháp tích cực để bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống như: kiến trúc nhà ở và nhà làng, lễ hội cổ truyền, trang phục, các phong tục tập quán tốt đẹp của cộng đồng...”*.

Thực hiện Nghị quyết của Tỉnh ủy, các huyện có đông

đồng bào dân tộc thiểu số đã triển khai Đề án khôi phục nhà làng truyền thống, trong đó, ngoài kinh phí từ chương trình mục tiêu quốc gia (hỗ trợ từ 70 - 200 triệu đồng/nhà), mỗi huyện cũng hỗ thêm hàng trăm triệu đồng và vận động tài trợ từ các tổ chức, cá nhân. Đến nay, gần 90% số thôn trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số đã có nhà sinh hoạt truyền thống.

Về bảo tồn trang phục truyền thống: Trong những năm qua, được sự quan tâm của các cấp, các ngành từ tỉnh đến huyện, nghề dệt thổ cẩm của đồng bào các dân tộc được khôi phục và phát triển, vừa cung cấp nhu cầu của Nhân dân, vừa phục vụ cho du lịch. Ở một số huyện như Tây Giang, Đông Giang và Phước Sơn, địa phương đã và đang xúc tiến xây dựng một số làng nghề dệt thổ cẩm, đan lát gắn với phát triển du lịch cộng đồng để vừa nâng cao thu nhập cho người dân, vừa phục vụ cho khách du lịch đến tham quan, nghiên cứu; đồng thời vận động cán bộ, Nhân dân người dân tộc thiểu số mặc trang phục trong các dịp Lễ, Tết, các kỳ họp quan trọng, ngày chào cờ đầu tuần ở trường học; giao trách nhiệm cho ngành văn hóa hướng dẫn, thẩm định các hoa văn họa tiết của sản phẩm làm ra, đồng thời khảo sát, giới thiệu ra bên ngoài những giá trị của sản phẩm của nghề dệt thổ cẩm của địa phương.

Thứ hai, về bảo tồn, phát triển các giá trị văn hóa phi vật thể

Đồng bào các dân tộc miền núi Quảng Nam hiện sở hữu một kho tàng văn hóa phi vật thể phong phú và đa dạng, bao gồm các phong tục, tập quán gắn với đời sống của con người với môi trường tự nhiên, xã hội; ẩm thực truyền thống; văn học dân gian như truyện cổ tích, ca dao, dân ca; nghệ thuật dân gian với các loại nhạc cụ, nói lý, hát lý, hát giao duyên, múa tân tung da dá; nghệ thuật điêu khắc; các lễ hội dân gian như lễ hội đâm trâu, mừng lúa mới, lễ cưới, lễ tang, lễ bỏ mả... Trong thời gian qua, các ngành, các địa phương trên địa bàn tỉnh đã triển khai nhiều biện pháp nhằm bảo tồn các giá trị văn hóa phi vật thể, bao gồm:

Về bảo tồn ngôn ngữ, chữ viết: Công tác sưu tầm, biên soạn nhằm bảo tồn ngôn ngữ, chữ viết của đồng bào các dân tộc thiểu số được triển khai mạnh mẽ trong thời gian qua. Tới nay, đã hoàn thành và biên soạn bộ chữ Bh'noong; biên soạn ngữ vựng Việt - Cadong, Cadong- Việt; biên soạn sách ngữ pháp tiếng Cadong, sách dạy và học tiếng Cadong; biên soạn bộ Tiếng thông dụng C'tu-Kinh và văn hóa Làng Cơ tu, Từ điển Cơ tu - Việt, Việt - Cơ tu.

Về sưu tầm văn học và văn hóa dân gian: Nghiên cứu và xuất bản nhiều cuốn sách, công trình nghiên cứu liên quan đến văn hóa của các dân tộc như: Văn hóa người Cơ tu, Người Cơ tu ở Việt Nam. Các huyện cũng quan tâm đến công tác sưu tầm các loại hình văn học dân gian các dân tộc, bao gồm nói lý, hát lý, hát ru; truyện cổ tích, cha chấp, ca lới..., góp phần bảo tồn các giá trị văn hóa, đồng thời giới

thiệt hình ảnh, văn hóa của các dân tộc thiểu số tỉnh Quảng Nam đến với công chúng.

Về bảo tồn các loại hình nhạc cụ truyền thống: Trong đời sống tinh thần của đồng bào các dân tộc thiểu số Quảng Nam không thể thiếu các loại nhạc cụ teo, lăc, ná, đàn Pró, đàn Coong, đàn đá... và đặc biệt là cồng chiêng. Đi cùng với bảo tồn các loại nhạc cụ, các làn điệu dân ca, dân vũ như hát Cheo, hát A giới, Xà ru, hát ru, hát đối đáp, nói lý, hát lý, hát giao duyên, múa tân tung da đá vẫn đang được gìn giữ và biểu diễn tại cộng đồng trong các hoạt động văn hóa, văn nghệ như: Biểu diễn nhạc cụ truyền thống, thi trang phục truyền thống, người đẹp miền núi, thi hát dân ca; đồng thời vẫn đang được các già làng, nghệ nhân truyền dạy. Các làn điệu dân ca Cơ tu được sưu tầm, dàn dựng và ghi âm.

Giá trị văn hóa ẩm thực của các dân tộc luôn được phát huy trong dịp lễ hội, tiếp khách với các món ăn truyền thống như cơm lam, sắn lam, bánh cuốn, thịt, cá nấu trong ống nứa, các loại rượu: cần, tàvạc, tr'đin, bakích, đắng sâm...

Bên cạnh đó, từ tỉnh đến huyện, xã thường niên tổ chức Lễ hội dân gian như Lễ hội mùa Xuân, Lễ hội Văn hóa Thể thao các huyện miền núi, lễ Mừng lúa mới, Gươl mới, Lễ cúng máng nước...; đan xen với đó là các hoạt động văn hóa, văn nghệ đã góp phần trong công tác bảo tồn các giá trị văn hóa truyền thống của đồng bào các dân tộc miền núi tỉnh Quảng Nam.

Thứ ba, công tác xây dựng và phát triển đời sống văn hóa cơ sở

Trong những năm qua, tỉnh Quảng Nam đã đầu tư nhiều công sức, triển khai toàn diện và sâu rộng công tác xây dựng và phát triển đời sống văn hóa cơ sở ở vùng dân tộc miền núi theo tinh thần Chỉ thị 39/1998/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh công tác văn hóa thông tin miền núi và vùng đồng bào các dân tộc thiểu số, đặc biệt là thực hiện Nghị quyết 05-NQ/TU ngày 12/10/2002 của Tỉnh ủy về một số chủ trương và giải pháp trọng tâm về dân tộc thiểu số (giai đoạn 2002-2007), đạt một số kết quả như: đầu tư trên 10 tỷ đồng cho việc nghiên cứu bảo tồn các giá trị văn hóa truyền thống và tổ chức các hoạt động văn hóa văn nghệ; cung cấp trang thiết bị văn hóa, hỗ trợ các địa phương tổ chức lễ hội truyền thống, hỗ trợ trên 50% số xã có đội văn nghệ duy trì hoạt động văn nghệ quần chúng. Phong trào xây dựng đời sống văn hoá trên địa bàn các huyện miền núi đã có nhiều chuyển biến tích cực, truyền thống văn hóa của đồng bào các dân tộc thiểu số được quan tâm bảo tồn và phát huy. Ngày hội Đại đoàn kết các dân tộc được tổ chức định kỳ hằng năm tại các thôn, xóm, được kết hợp với các hoạt động như giao lưu bóng chuyền, hát ru...; các lễ hội truyền thống được khai thác, phát huy các yếu tố đặc sắc tiến bộ, các sinh hoạt thể thao bóng đá, bóng chuyền, đẩy gậy, kéo co, bắn nỏ...

Cuộc vận động phong trào “*Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa*” mà trọng tâm là xây dựng thôn văn hóa,

gia đình văn hóa phát triển sâu rộng trong toàn tỉnh, được nhân dân đồng tình hưởng ứng, thu được nhiều kết quả cao. Tỷ lệ thôn, hộ gia đình đăng ký xây dựng thôn văn hóa, gia đình văn hóa cũng như tỉ lệ được công nhận các danh hiệu thôn văn hóa, gia đình văn hóa qua các năm không ngừng được nâng lên, đạt tỷ lệ 73,67% trong năm 2013.

Việc thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội theo tinh thần Chỉ thị 27/CT của Bộ Chính trị được các cấp, các ngành và Nhân dân hưởng ứng. Không còn hiện tượng ép hôn, tảo hôn, thách cưới; việc tổ chức tiệc cưới dài ngày, ăn uống linh đình không diễn ra mà thay vào đó các nghi lễ theo đúng truyền thống. Đối với việc tang, các hủ tục lạc hậu khi có người chết của đồng bào các dân tộc được loại bỏ; khi trong gia đình có người chết đã đăng ký báo tử với chính quyền địa phương; không để thi thể nhiều ngày trong nhà; không chôn tài sản theo người chết, không còn hiện tượng tang chủ tổ chức ăn uống linh đình kéo dài.

Nhìn chung, Công tác bảo tồn và phát triển văn hóa các dân tộc thiểu số tỉnh Quảng Nam trong những năm qua đã có bước phát triển, phục vụ tốt nhiệm vụ chính trị của địa phương, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu sinh hoạt văn hóa của Nhân dân. Công tác bảo tồn văn hóa có nhiều tiến bộ, phát triển mạnh về quy mô và số lượng; hoạt động văn hóa văn nghệ, phong trào toàn dân đoàn kết diễn ra đa dạng và phong phú, từng bước đi vào chiều sâu, có chất lượng khá, góp phần quan trọng ổn định và thúc đẩy kinh tế - xã hội

phát triển, bộ mặt đời sống văn hóa tinh thần của đồng bào có sự thay đổi sâu sắc và rõ nét.

Cơ sở hạ tầng ở vùng miền núi đã được nâng cấp từng bước, các vấn đề an sinh xã hội: điện, đường, trường, trạm được đảm bảo, đời sống văn hóa, tinh thần của người dân được cải thiện. Đường giao thông liên xã, liên thôn được xây dựng và mở rộng, tạo điều kiện thuận lợi cho sự lưu thông hàng hóa giữa các địa phương. Bên cạnh đó, mạng lưới công nghệ thông tin, truyền hình..., được đưa về tận thôn, bản và đang ngày càng phổ biến; sự giao lưu văn hóa diễn ra mạnh mẽ trong cộng đồng các dân tộc...; những hủ tục mê tín dị đoan đã dần được loại bỏ, cả trong nhận thức, trong sản xuất và trong sinh hoạt.

Tuy nhiên, việc bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa của đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh vẫn còn những tồn tại, hạn chế cần được quan tâm, đó là: Các giá trị văn hóa truyền thống ngày càng có xu hướng mai một và có sự pha tạp với các yếu tố văn hóa của các dân tộc khác. Nhà ở của đồng bào chủ yếu làm nhà gạch ngói, cấu trúc giống nhà người Kinh, không làm theo nhà sàn; y phục truyền thống thường chỉ xuất hiện vào các ngày lễ, hội; (sự hình thành khu tái định cư; các chương trình về xóa nhà tạm 134, 167 cũng ít nhiều ảnh hưởng và tác động đến vấn đề này); Ở nhiều địa phương, mặc dù đồng bào có ý thức lưu giữ di vật, cổ vật của gia đình, dòng họ, nhưng do chưa nhận thức rõ tầm quan trọng, ý nghĩa bản sắc văn hóa đặc trưng của dân tộc mình,

nên nhiều đồ vật theo thời gian mà hư hỏng hoặc mất mát; Công tác bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa các dân tộc còn hạn chế; việc khôi phục nhà làng truyền thống của các dân tộc có nhiều khó khăn do nguồn nguyên liệu khan hiếm và đang có nguy cơ hiện đại hóa; một số lễ hội truyền thống mang tính cộng đồng ít được bà con quan tâm như các lễ nghi liên quan đến nông nghiệp; nhiều phong tục tập quán tốt đẹp liên quan đến mối quan hệ giữa con người với thiên nhiên, chẳng hạn như sự linh thiêng của những khu rừng cấm, dòng sông, con suối nhằm hạn chế sự phá hại của con người đối với môi trường sinh thái đã phai nhạt.

Bên cạnh đó các giá trị văn hóa của các cộng đồng dân tộc đang có nguy cơ đối mặt với những thách thức như: bị phai nhạt, mất mát và dễ bị đồng hóa, biến dạng trong quá trình hội nhập và phát triển; một số nét văn hóa đang dần bị mai một và không còn chiếm vị trí quan trọng trong đời sống người dân, nhất là các thế hệ trẻ: Trang phục truyền thống như khố, váy và các loại cườm, vòng trang trí không còn được sử dụng mà thay vào đó là các trang phục phổ thông hiện đại. Các bộ công cụ của Nhân dân đang dần bị hư hỏng do thời gian, các điệu múa công cụ không được phổ biến rộng rãi trong cộng đồng dân cư mà chủ yếu tập trung vào những người lớn tuổi. Các lễ hội truyền thống như đâm trâu, mừng lúa mới, cúng máng nước không còn được tổ chức thường xuyên tại các thôn, nóc. Các loại hình dân ca, dân vũ như hát ru, hát dân ca ít được sử dụng, lưu truyền và

phổ biến, đặc biệt là trong lớp trẻ. Nhà sinh hoạt cộng đồng tại các thôn xóm ít được Nhân dân sử dụng làm nơi hội họp cũng như sinh hoạt truyền thống, một số phong tục, tập quán lạc hậu, mê tín tin vào ma quỷ, bói toán, yểm bùa, nạn tảo hôn..., đang có nguy cơ quay trở lại.

Các vấn đề đặt ra đối với công tác này, đòi hỏi phải có những chủ trương, giải pháp phù hợp, đó là:

Thứ nhất, về vấn đề nhận thức. Lâu nay ở nước ta trên các diễn đàn chính thống và phương tiện thông tin đại chúng luôn nhấn mạnh đến mức cực đoan các thuật ngữ “*tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc*”, “*thống nhất trong đa dạng*”..., quên khái niệm riêng của văn hóa từng dân tộc. Tuy Đảng và Nhà nước đã ban hành một số chính sách, nhưng qua thực tế còn thấy chung chung nên không ít người đã chưa hiểu được thế nào là một nền văn hóa đa sắc tộc. Từ đó đã dẫn đến những áp đặt về chính sách và cách làm khiến cường đối với văn hóa các sắc dân thiểu số.

Những năm gần đây các chương trình của chính phủ thực hiện đối với vùng núi, chủ yếu tập trung vào giải quyết các vấn đề an sinh xã hội, ít chú ý đến việc phát triển văn hóa của từng dân tộc cụ thể. Các giải pháp tình thế như cấp phát gạo và bảo hiểm y tế cho người nghèo, chính sách cho con em tuyển thẳng vào đại học, mở các trường dân tộc nội trú, miễn giảm học phí, trợ cấp học sinh vùng núi khó khăn... Các giải pháp đó chưa giải quyết tận gốc những vấn đề căn

cốt của sự đói nghèo để người dân có cuộc sống tinh thần và vật chất tốt hơn. Đảng và Nhà nước đã có rất nhiều chính sách ưu tiên cho miền núi, nhưng cần xác định là chúng ta cho đồng bào cái cần câu hay cho con cá. Đã đạt đến tính bền vững hay chưa? Thực trạng ở Quảng Nam, mặc dù đã quan tâm đến miền núi, nhưng trong tư tưởng của đồng bào còn ỷ lại nhà nước, tình trạng lười lao động, lười sản xuất là khá phổ biến. Chúng ta đã quên đi thế mạnh của miền núi là môi trường sống của đồng bào phải gắn với truyền thống văn hóa, cho nên nhiều địa phương tách môi trường, không gian sinh sống của đồng bào ra khỏi môi trường văn hóa, làm cho nhiều giá trị văn hóa bị biến dạng, bị mai một.

Văn hóa là một loại tài sản vô giá không thể định lượng, bao gồm tài sản hữu hình và tài sản vô hình. Những người quản lý nếu biết sử dụng trí tuệ của Nhân dân để phát triển văn hóa thì khối tài sản đó sẽ đem lại nguồn lực vô cùng tận cho quốc gia, đặc biệt là phát triển miền núi. Thực trạng quản lý văn hóa như ở nước ta hiện nay là một sự lãng phí lớn, không những khối tài sản văn hóa lớn đó không được sử dụng mà còn bị mai một, thất truyền...

Một số di sản văn hóa ở các vùng dân tộc thiểu số ở Quảng Nam, văn hóa công chiêng, các giá trị nghệ thuật diễn xướng, phong tục, tập quán, lễ hội..., chúng ta chưa đặt ra câu hỏi đã có điều gì làm được tốt hơn so với trước kia, đã được bảo tồn và phát huy như thế nào? Hay là văn hóa của các dân tộc thiểu số hiện tại đang ở trong trạng thái rơi tự

do, không có định hướng phát triển. Các chính sách của nhà nước thường chỉ chú ý ở việc xây dựng các quy chế nếp sống văn hóa, gia đình văn hóa, làng bản văn hóa... Một số nơi lấy các tiêu chí xây dựng đời sống văn hóa của người Việt áp đặt cho đồng bào, gây ra phản cảm, gây tác dụng ngược.

Thứ hai, vấn đề về bảo tồn và phát triển. Điều cần thiết nhất cho việc phát triển văn hóa các dân tộc thiểu số miền núi hiện nay là phải có các chính sách đúng đắn mang tính chiến lược. Phải khắc phục ngay tình trạng văn hóa đang theo xu hướng rơi tự do. Sự suy thoái về thuần phong mỹ tục vẫn tiếp diễn không được ngăn chặn, các hoạt động văn hóa văn nghệ dân gian truyền thống đặc sắc cũng bị biến mất.

Kể từ khi đất nước ta thực hiện đổi mới, văn hóa các dân tộc thiểu số ở Quảng Nam đã phục hồi trở lại với tốc độ rất nhanh. Sự phục hồi trở về nguyên gốc phù hợp với quy luật của tự nhiên. Văn hóa ổn định nên kinh tế - xã hội ổn định theo, cuộc sống của người dân dễ chịu hơn. Người dân tộc thiểu số ngày càng yêu văn hóa của mình và có ý thức giữ gìn bảo vệ hơn. Tuy vậy, có không ít các hình thức văn hóa dân gian đã trở nên biến dạng, do chúng ta không nhìn nhận thấy vấn đề này, nên đã không có sự định hướng của các cơ quan quản lý. Các lễ hội, phong tục tập quán trong việc cưới, tang ở các thôn, làng..., nếu cứ để văn hóa các dân tộc thiểu số phát triển không có sự định hướng như hiện nay chắc chắn sẽ dẫn đến nguy hại. Những vấn đề thuộc về tâm linh, tín ngưỡng đã bị những người hành nghề mê tín dị đoan lợi

dụng. Người có trình độ văn hóa cao lẫn người trình độ văn hóa thấp đều bị cuốn vào rất nhiều hoạt động tâm linh. Nếu để tình trạng này tiếp diễn thì sẽ gây ra rất nhiều điều bất lợi cho người dân và làm vẩn đục không gian văn hóa trong lành của vùng đồng bào miền núi.

Việc tổ chức các hoạt động văn hóa, lễ hội như hiện nay đã làm mất đi phần nhiều các giá trị nhân bản của truyền thống. Nguồn gốc của các lễ hội là bắt đầu từ lao động sản xuất, mô phỏng và cách điệu hóa các động tác lao động sản xuất để cho cuộc sống tinh thần được thăng hoa. Áp dụng văn hóa hiện đại sẽ làm mất đi không gian thiêng của lễ hội, làm ngược lại quy luật của tự nhiên, tước đi tính đánh thức con người bản thể là đặc điểm quan trọng của lễ hội. Thông thường lễ hội ở đồng bào dân tộc mỗi nơi đều có tính chất và ý nghĩa khác nhau, một thôn làng muốn thể hiện được sự thăng hoa của làng mình đều phải thể hiện qua lễ hội. Đối với một lễ hội truyền thống, quan trọng nhất là giữ gìn sự độc đáo riêng. Nếu lễ hội bị biến dạng thì sẽ mất đi sự độc đáo đó.

Thứ ba, về đầu tư văn hóa cho cộng đồng các dân tộc thiểu số. Cần thực hiện quan điểm xuyên suốt là Nhà nước không làm thay, chỉ đóng vai trò hỗ trợ, tác động tạo điều kiện, môi trường thuận lợi, phù hợp để bảo tồn, phát triển văn hoá đặc trưng của các dân tộc thiểu số Việt Nam. Việc triển khai thực hiện theo hướng từ dưới lên: chủ thể văn hóa là đồng bào tự đề xướng, thực hiện và thụ hưởng, tập trung cho các dự án hỗ trợ, tăng cường năng lực với vai trò con

người mà chủ thể văn hóa là trung tâm.

Văn hóa các dân tộc thiểu số ở miền núi là một bộ phận cấu thành quan trọng của nền văn hóa phong phú, đậm đà bản sắc dân tộc. Cùng với xu thế hội nhập và phát triển, những luồng văn hóa khác nhau xâm nhập vào đời sống xã hội ở vùng dân tộc thiểu số, gây ảnh hưởng, tác động mạnh đến văn hóa truyền thống của đồng bào, đáng chú ý là nguy cơ phai mờ, biến dạng bản sắc dân tộc. Do vậy, việc bảo tồn, phát triển văn hóa các dân tộc thiểu số là nhiệm vụ cấp thiết, có ý nghĩa chiến lược cần phải tiếp tục thực hiện thường xuyên và lâu dài.

Đảng và Nhà nước ta cần có những chủ trương, chính sách nhằm ưu tiên, phát triển vùng dân tộc thiểu số và miền núi với quan điểm chỉ đạo xuyên suốt: các dân tộc trong đại gia đình các dân tộc Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, thương yêu, tôn trọng và giúp đỡ nhau cùng tiến bộ. Tuy nhiên, khoảng cách chênh lệch về trình độ phát triển giữa vùng dân tộc thiểu số và miền núi với các khu vực khác trong cả nước đang ngày càng có xu hướng gia tăng cách biệt, vùng miền núi và dân tộc thiểu số đang còn những khó khăn, thách thức rất lớn, trong đó văn hóa truyền thống các dân tộc thiểu số đang đặt ra vấn đề giải quyết hài hoà giữa bảo tồn và phát triển, giữa kinh tế và văn hóa.

Đối với Quảng Nam, cần thực hiện đồng bộ các giải pháp, các mục tiêu, nhiệm vụ trọng tâm đã được đề ra, trong

đó giải pháp đột phá là đào tạo nhân lực nòng cốt cho bảo tồn, phát huy văn hóa dân tộc ở các cấp huyện, tỉnh. Gắn bảo tồn, phát triển văn hóa dân tộc với phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn, ở địa phương; đảm bảo mối quan hệ hài hòa giữa phát triển văn hóa và kinh tế, hài hòa giữa bảo tồn, phát huy và phát triển. Tổng kiểm kê di sản văn hóa các dân tộc thiểu số; Bảo tồn, hỗ trợ, tăng cường năng lực bảo tồn, phát triển văn hóa các dân tộc, bài trừ hủ tục ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số; đào tạo và sử dụng nguồn nhân lực, phát huy hiệu quả các thiết chế văn hóa cơ sở vùng dân tộc thiểu số; gắn kết phát triển kinh tế và bảo tồn, phát triển văn hóa các dân tộc thiểu số; giới thiệu quảng bá các sản phẩm văn học nghệ thuật và các di sản văn hóa tiêu biểu của các dân tộc thiểu số và đưa giáo dục văn hóa truyền thống của các dân tộc vào trường học; chương trình hoạt động, lễ hội và biểu diễn văn hóa, nghệ thuật các dân tộc cấp tỉnh, vùng giai đoạn 2011 - 2020.

Giai đoạn trước mắt từ nay đến năm 2020, cần tập trung vào các nhiệm vụ: Xây dựng Bộ chỉ số phát triển văn hóa các dân tộc thiểu số; tổng kiểm kê các di sản văn hóa tiêu biểu của các dân tộc thiểu số; hỗ trợ bảo tồn văn hóa các dân tộc thiểu số vùng miền núi cao; ưu tiên đào tạo đội ngũ cán bộ là con em người dân tộc thiểu số làm công tác văn hóa; hỗ trợ truyền dạy và phát huy các giá trị văn hóa, nghệ thuật truyền thống dân tộc của cộng đồng, nghệ nhân; từng bước phát huy hiệu quả sử dụng hệ thống các thiết chế văn hóa cơ sở, nâng cao mức hưởng thụ văn hóa cho đồng bào các dân tộc thiểu

số; bước đầu đưa giáo dục văn hóa truyền thống các dân tộc thiểu số vào các trường học trên địa bàn; xây dựng cơ chế, chính sách và giải pháp nâng cao hưởng thụ và hoạt động văn hóa của Nhân dân vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo, vùng đồng bào các dân tộc thiểu số.

Để triển khai các nhiệm vụ, nhằm đạt được mục tiêu đề ra, tỉnh cần phối hợp với các ban, bộ, ngành liên quan và các địa phương để chỉ đạo, triển khai quyết liệt, đồng bộ các giải pháp cơ bản: Tổng rà soát, tái cơ cấu nguồn lực trong các chương trình, dự án trực tiếp và gián tiếp tác động tới bảo tồn, phát triển văn hóa các dân tộc thiểu số theo hướng ưu tiên các nhiệm vụ trọng tâm; định hình, phát triển văn hóa phù hợp ở vùng miền núi, đồng thời với tập trung đào tạo nguồn nhân lực nòng cốt cho bảo tồn, phát huy văn hóa dân tộc ở các cấp huyện, tỉnh, gắn bảo tồn, phát triển văn hóa dân tộc với phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương; Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, đào tạo bồi dưỡng nâng cao nhận thức, năng lực, trình độ chuyên môn cho cán bộ làm công tác văn hóa dân tộc; có chính sách, cơ chế phát huy những người có uy tín, nghệ nhân, thế hệ trẻ của các dân tộc thiểu số trong việc bảo tồn, phát huy văn hóa truyền thống; phối hợp giữa các phương tiện thông tin báo chí xây dựng các chuyên mục tuyên truyền về bảo tồn, phát triển văn hóa dân tộc thiểu số, ưu tiên sử dụng ngôn ngữ, chữ viết của dân tộc có ngôn ngữ, chữ viết; xây dựng cơ chế chính sách đặc thù cho việc bảo tồn và nâng cao đời sống văn hóa cho vùng các dân tộc

thiểu số, chú trọng các chính sách, chế độ khuyến khích các nghệ nhân trao truyền di sản văn hóa, khuyến khích lớp trẻ tiếp thu các di sản văn hóa, chính sách này lồng ghép với các chính sách ưu đãi đối với nghệ nhân Nhân dân và nghệ nhân ưu tú ở các dân tộc; Nghiên cứu, định hướng, nhấn mạnh vai trò sáng tạo, xác lập hệ giá trị mới, phù hợp đối với văn hóa các dân tộc thiểu số trong xu thế giao lưu, hội nhập, phát triển; Tăng cường giao lưu văn hóa, xây dựng các chương trình hoạt động, lễ hội, biểu diễn văn hóa, nghệ thuật các dân tộc cấp tỉnh, cấp huyện, đáp ứng nhu cầu đời sống văn hóa tinh thần từ cộng đồng của cộng đồng các dân tộc thiểu số hòa nhập với xu thế phát triển chung của đất nước, dân tộc và thời đại.

Xây dựng và phát triển văn hóa miền núi, vùng dân tộc thiểu số Quảng Nam là chủ trương lớn của Đảng bộ tỉnh, vừa mang ý nghĩa chiến lược lâu dài, đồng thời có tính cấp bách nhằm góp phần phát triển kinh tế - xã hội, ổn định chính trị, giữ vững an ninh quốc phòng. Trong những năm đến cần tiếp tục phát huy truyền thống lịch sử, giá trị văn hóa của vùng đất và con người Quảng Nam; đẩy mạnh các chương trình phát triển văn hóa thông tin, tăng cường đầu tư cho sự nghiệp văn hóa, coi đầu tư cho văn hóa là đầu tư cho phát triển, chú trọng yếu tố văn hoá trong các đề án phát triển kinh tế - xã hội, triển khai tốt và có hiệu quả các hoạt động nâng cao đời sống văn hóa cơ sở, xây dựng con người Quảng Nam có đủ tri thức, bản lĩnh và đạo đức đáp ứng yêu cầu phát triển của tỉnh trong thời kỳ mới./.

TIẾP TỤC ĐẨY MẠNH HỌC TẬP VÀ LÀM THEO TẤM GƯƠNG ĐẠO ĐỨC HỒ CHÍ MINH TRÊN ĐỊA BÀN QUẢNG NAM

Đoàn Ngọc Thi

Phó Trưởng ban Tuyên giáo Tỉnh ủy

Ngày 14/5/2011, Bộ Chính trị ban hành Chỉ thị 03-CT/TW về tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh. Mục đích, *“tiếp tục làm cho toàn Đảng, toàn dân, toàn quân nhận thức sâu sắc những nội dung cơ bản và giá trị to lớn của tư tưởng, đạo đức và phong cách Hồ Chí Minh; tạo chuyển biến mạnh mẽ và sâu rộng hơn nữa về ý thức tu dưỡng, rèn luyện, nâng cao đạo đức cách mạng, đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân, cơ hội thực dụng, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống và các tệ nạn tham nhũng, tiêu cực; góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội XI của Đảng.”*

Trong những năm qua, việc triển khai thực hiện Chỉ thị 03-CT/TW trên địa bàn tỉnh Quảng Nam đã đạt được những kết quả quan trọng, tạo sự chuyển biến tích cực trong việc nâng cao ý thức tự giác tu dưỡng, rèn luyện phẩm chất đạo đức, lối sống của cán bộ đảng viên. Tinh thần trách nhiệm, ý thức phục vụ Nhân dân, năng lực chỉ đạo, điều hành của đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp tiếp tục được nâng lên, tính tiên phong gương mẫu của cán bộ, đảng viên tiếp

tục được phát huy ngày càng cao hơn. Từ khi Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI về một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay được ban hành, việc thực hiện Chỉ thị 03 ngày càng đi vào chiều sâu và đã có sự chuyển biến ngày càng tích cực hơn, có những mặt sâu sắc hơn trong nhận thức cũng như trong hành động của cán bộ, đảng viên. Các cuộc vận động, các phong trào thi đua yêu nước được các tầng lớp Nhân dân tích cực hưởng ứng, ngày càng mang lại hiệu quả thiết thực, góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XX.

Trong quá trình đó đã xuất hiện nhiều cách làm hay, mô hình hiệu quả, kinh nghiệm quý và nhiều tấm gương điển hình. Trong 4 năm đã có 143 tập thể và cá nhân tiêu biểu trong việc học tập, làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh được Ủy ban Nhân dân tỉnh tặng Bằng khen; hàng ngàn lượt tập thể và cá nhân được mặt trận, đoàn thể, ngành, ủy ban nhân dân huyện, thị, thành, cơ sở biểu dương, khen thưởng và rất nhiều việc làm cụ thể trong cuộc sống hằng ngày của cán bộ đảng viên và các tầng lớp Nhân dân mà chúng ta chưa nêu hết được. Điều đó cho thấy việc thực hiện Chỉ thị 03-CT/TW của Bộ Chính trị về tiếp tục đẩy mạnh học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh không chỉ được cán bộ, đảng viên, đoàn, hội viên thực hiện thường xuyên mà còn được các tầng lớp Nhân dân đồng tình hưởng ứng.

Tuy nhiên, trong quá trình tổ chức thực hiện vẫn còn một số cán bộ, đảng viên kể cả cán bộ chủ chốt, nhận thức chưa

đầy đủ về ý nghĩa, tầm quan trọng, nội dung, yêu cầu Chỉ thị 03-CT/TW của Bộ Chính trị; việc lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Chỉ thị ở một số nơi chưa gắn với nhiệm vụ chính trị của địa phương, cơ quan, đơn vị; việc phát huy trách nhiệm nêu gương ở một số cán bộ lãnh đạo, người đứng đầu các cấp, các ngành, cơ quan, đơn vị chưa rõ nét. Kết quả thực hiện một số nội dung, yêu cầu nêu trong Chỉ thị 03-CT/TW còn hạn chế...

Để tiếp tục đẩy mạnh thực hiện học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh trên địa bàn tỉnh trong thời gian đến, trên tinh thần Chỉ thị 03-CT/TW, ngày 14/5/2011 của Bộ Chính trị khóa XI, Kết luận số 273-KL/TU ngày 8/6/2015 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Hướng dẫn 163-HD/BTGTW, ngày 30/10/2015 của Ban Tuyên giáo Trung ương, Công văn số 57-CV/TU, ngày 30/11/2015 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, chúng tôi xin đề cập một số vấn đề để bạn đọc tham khảo.

- Tiếp tục nâng cao nhận thức trong cán bộ, đảng viên và Nhân dân về ý nghĩa, tầm quan trọng của việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh. Phải coi việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh là giải pháp quan trọng trong công tác xây dựng Đảng, góp phần ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống trong cán bộ, đảng viên và Nhân dân, nhất là ngăn chặn, đẩy lùi “*tự diễn biến*”, “*tự chuyển hóa*”, làm thất bại âm mưu và hoạt động “*diễn biến hòa bình*” của các thế lực thù địch; kiên định chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí

Minh trong công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị, trong thực hiện các chính sách phát triển, trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Vì vậy, học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh là việc rất quan trọng và rất cần thiết, chẳng những đáp ứng yêu cầu cấp bách trước mắt mà còn có ý nghĩa cơ bản, lâu dài đối với sự nghiệp cách mạng của Đảng và Nhân dân ta.

- Việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh là công việc thường xuyên hằng ngày, là trách nhiệm cụ thể thiết thân của mọi cán bộ, đảng viên và Nhân dân.

Trong tổ chức thực hiện, cấp ủy, lãnh đạo các cơ quan, đơn vị cần chú trọng đề cao ý thức tự giác học tập, tu dưỡng, rèn luyện của mỗi cán bộ, đảng viên là yếu tố vô cùng quan trọng. Tu dưỡng đạo đức phải được thực hiện thường xuyên trong công tác cũng như trong cuộc sống hằng ngày, trong đời tư cũng như trong sinh hoạt cộng đồng, trong các mối quan hệ của mỗi người. Quá trình đó, mỗi người luôn tự nhìn nhận, xem xét lại bản thân mình về phẩm chất đạo đức, lối sống; về tinh thần trách nhiệm, thái độ phục vụ Nhân dân; về quan hệ với Nhân dân, đồng chí, đồng nghiệp..., trên tinh thần nghiêm khắc với mình, rộng lượng với người khác. Từ đó, mỗi người tự rút ra những bài học cần thiết, thấy được cái tốt, cái đúng để phát huy, nhất là thấy được những tồn tại, yếu kém, khuyết điểm của bản thân để tự đề ra biện pháp khắc phục.

Hơn nữa, các cấp ủy, chính quyền, mặt trận, đoàn thể..., trong chỉ đạo, tổ chức thực hiện cần chú trọng phát huy vai trò nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo chủ chốt, người đứng đầu các cấp, các ngành, địa phương, cơ quan, đơn vị. Trên cơ sở Quy định 101-QĐ/TW ngày 7/6/2012 của Ban Bí thư Trung ương Đảng và đặc điểm của đơn vị, các cấp ủy *“quy định rõ trách nhiệm tự giác, gương mẫu của cán bộ lãnh đạo chủ chốt, người đứng đầu các cấp, của cán bộ, đảng viên trên tinh thần cấp trên nêu gương cho cấp dưới, cán bộ nêu gương cho nhân viên, đảng viên nêu gương cho quần chúng”*. Có thể xem việc nêu gương của cán bộ chủ chốt là một nội dung, một giải pháp cơ bản để từ đó tạo sự lan tỏa trong toàn cơ quan, đơn vị, địa phương, ngành và toàn xã hội. Thực tế cho thấy, sự mẫu mực của cán bộ lãnh đạo, quản lý nhất là người đứng đầu, tự nó tác động rất lớn trong công tác giáo dục đạo đức, lối sống, tinh thần trách nhiệm cho cán bộ đảng viên, đoàn, hội viên, công chức, viên chức, Nhân dân của từng cơ quan, đơn vị, địa phương... Bác Hồ dạy: *“...Quần chúng chỉ quý mến những người có tư cách, đạo đức. Muốn hướng dẫn Nhân dân, mình phải làm mực thước cho người ta bắt chước”*.

- Đưa việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh vào sinh hoạt thường xuyên của tổ chức đảng, chính quyền, đoàn thể.

Trong chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại

hội Đảng lần thứ XII, thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Quảng Nam lần thứ XXI, nghị quyết đại hội đảng bộ huyện, thị, thành và tương đương, trong kế hoạch thực hiện nhiệm vụ chính trị năm 2016 phải xây dựng nội dung tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh.

Trong chỉ đạo, tổ chức thực hiện, gắn việc học tập làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh với công tác xây dựng chính đồn Đảng, nhất là gắn với thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI về một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay. Tập trung xây dựng tổ chức cơ sở đảng trong sạch vững mạnh; chú trọng nâng cao chất lượng sinh hoạt, hiệu quả hoạt động của chi bộ, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên. Trong sinh hoạt chi bộ định kỳ phải đánh giá, nhắc nhở việc thực hiện học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh của đảng viên. Tiếp tục tổ chức đăng ký thực hiện các chuẩn mực đạo đức theo tư tưởng tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh. Các tổ chức đảng tăng cường kiểm tra, giám sát việc tu dưỡng, rèn luyện phẩm chất đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên theo tinh thần Quy định 55-QĐ/TW, ngày 10/01/2012 của Ban Bí thư Trung ương Đảng khóa XI. Lấy kết quả học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh là một trong những tiêu chuẩn đánh giá, bình xét, phân loại đảng viên, tổ chức đảng.

Cấp ủy, chính quyền xác định những nội dung cụ thể, sát thực, phù hợp, nhất là các vấn đề bức xúc, nổi cộm, những

hạn chế, yếu kém của đơn vị mình tập trung lãnh, chỉ đạo giải quyết dứt điểm, góp phần đẩy mạnh thực hiện nhiệm vụ chính trị của từng ngành, từng địa phương, cơ quan, đơn vị.

Về nội dung, tiếp tục thực hiện chủ đề năm 2015 “*Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh về trung thực, trách nhiệm; gắn bó với Nhân dân; đoàn kết xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh*” và chủ đề các năm trước đây: “*Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh suốt đời phấn đấu cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư, làm người công bộc tận tụy, trung thành của Nhân dân, đời tư trong sáng, cuộc sống riêng giản dị*”; “*Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh về nêu cao tinh thần trách nhiệm, chống chủ nghĩa cá nhân, nói đi đôi với làm*”; “*Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh về phong cách quần chúng, dân chủ, nêu gương; nêu cao trách nhiệm gương mẫu của cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo chủ chốt các cấp*”. Căn cứ vào các chủ đề trên, tổ chức đảng, chính quyền, mặt trận, đoàn thể, ngành, tiếp tục tổ chức các buổi sinh hoạt chuyên đề và chú trọng nâng cao chất lượng sinh hoạt chuyên đề về học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh theo hướng gắn với nhiệm vụ chính trị, phù hợp với đặc điểm, tình hình của địa phương, cơ quan, đơn vị.

Tổ chức trao đổi, tọa đàm về học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh với việc thực hiện Chương trình số 29-CTr/TU ngày 28/8/2014 của Tỉnh ủy về thực

hiện Nghị quyết 33-NQ/TW của Ban Chấp hành trung ương Đảng khóa XI về *“Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước”*. Tùy theo tình hình, đặc điểm của mỗi đơn vị mà xác định những nội dung phù hợp, trong đó, chú trọng tập trung vào nội dung xây dựng nhân cách con người Việt Nam; xây dựng môi trường văn hóa; xây dựng văn hóa trong Đảng, trong cơ quan Nhà nước và các đoàn thể...

- Các cấp ủy, Mặt trận, đoàn thể, các cơ quan tuyên truyền..., thường xuyên tổ chức học tập, tuyên truyền tư tưởng và tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh trong cán bộ, đảng viên, đoàn, hội viên và các tầng lớp Nhân dân với những hình thức phù hợp. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền về học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh với tuyên truyền về Đại hội lần thứ XII của Đảng, tuyên truyền kỷ niệm 86 năm ngày thành lập Đảng (3/2/1930-3/2/2016), mừng Xuân Bính Thân, sinh nhật Bác 19/5, bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XIV và đại biểu hội đồng Nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2016-2021...

- Kịp thời phát hiện, biểu dương, khen thưởng, tôn vinh các tập thể và cá nhân tiêu biểu bằng những hình thức phù hợp, trang trọng; phát huy những nhân tố tích cực, phổ biến, nhân rộng những kinh nghiệm hay, những mô hình hiệu quả trong học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh, tạo sự lan tỏa tích cực trong toàn xã hội.

- Các cấp ủy tiếp tục củng cố, kiện toàn, nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động của Bộ phận giúp việc thực hiện Chỉ thị 03-CT/TW nhằm làm tốt công tác tham mưu cho cấp ủy lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh tại địa phương, đơn vị. Tổ chức tổng kết việc thực hiện Chỉ thị năm 2015, xác định nhiệm vụ cụ thể năm 2016. Thường xuyên kiểm tra, giám sát việc lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện./.

NÂNG CAO HIỆU QUẢ CÔNG TÁC QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG, TÍCH CỰC ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

Nguyễn Viễn

Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường

Bảo vệ tài nguyên và môi trường, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, luôn được Đảng và Nhà nước quan tâm, lãnh đạo, chỉ đạo thông qua các chủ trương, nghị quyết, chiến lược, chính sách để tổ chức thực hiện. Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Quảng Nam lần thứ XXI, nhiệm kỳ 2015-2020 đã xác định đây là một trong 12 nhóm giải pháp cần phải tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng, hiệu quả quản lý của chính quyền các cấp, các ngành chức năng trong quản lý, bảo vệ tài nguyên, môi trường. Nhóm giải pháp này có ý nghĩa quan trọng đối với sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và phát triển bền vững đất nước.

Trong những năm qua, công tác quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu (BĐKH) đã được các cấp, các ngành triển khai thực hiện. Ngay từ khi Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 03/6/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Ngày 27/8/2013, Tỉnh ủy Quảng Nam đã ban hành Chương trình số 24-CTr/TU thực hiện Nghị quyết 24-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương

(khóa XI) về “*Chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường*”, UBND tỉnh Quảng Nam có Quyết định số 3427/QĐ-UBND ban hành kế hoạch thực hiện Nghị quyết 24-NQ/TW của Trung ương và Chương trình 24-CTr/TU của Tỉnh ủy và đến nay đã có 18/18 huyện, thị, thành ủy, 5/5 đảng ủy trực thuộc đã ban hành chương trình, kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết của Trung ương và Chương trình hành động của Tỉnh ủy về “*Chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường*”. Đã tổ chức thực hiện đạt được một số kết quả bước đầu quan trọng.

Đối với công tác quản lý tài nguyên, tập trung triển khai các Luật: Tài nguyên nước năm 2012, Đất đai năm 2013, Luật tài nguyên, môi trường 2014, Biển và Hải đảo năm 2015, các văn bản dưới luật liên quan đến công tác quản lý nhà nước của ngành mới được ban hành. Công tác quản lý đất đai được đẩy mạnh, đặc biệt là công tác lập qui hoạch, kế hoạch sử dụng đất, trong đó lưu ý đến việc lập, điều chỉnh qui hoạch đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ cuối (2016-2020) cấp tỉnh, cấp huyện để làm cơ sở cho việc thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất; Công tác quản lý khoáng sản có chuyển biến tích cực, rút ngắn thời gian giải quyết hồ sơ cấp phép khai thác đất san lấp phục vụ thi công đường cao tốc Đà Nẵng – Quảng Ngãi, tăng cường công tác quản lý cấp phép khai thác cát lòng sông, ngăn chặn, xử lý tình trạng khai thác cát sông trái phép trên địa bàn tỉnh. Triển khai công

tác đầu giá quyền khai thác khoáng sản, bảo đảm được việc khai thác, sử dụng khoáng sản hiệu quả, tiết kiệm, phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, đảm bảo an ninh quốc phòng, an toàn xã hội, bảo vệ môi trường; xây dựng cơ sở khoa học phục vụ cho công tác quản lý tài nguyên nước thông qua đề tài cấp tỉnh: Giải pháp quản lý tổng hợp tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030, đề tài Khoanh định vùng cấm, vùng hạn chế, vùng phải đăng ký khai thác, sử dụng nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.

Đối với công tác bảo vệ môi trường: nhận thức về vai trò, tầm quan trọng của công tác bảo vệ môi trường (BVMT) của các cấp, các ngành, tổ chức đoàn thể và người dân đã có những chuyển biến tích cực. Hệ thống văn bản về BVMT từng bước được ban hành. Nhiều chương trình, đề án, dự án đã được xây dựng và triển khai thực hiện có hiệu quả như: Chiến lược BVMT tỉnh Quảng Nam đến năm 2015 và định hướng đến năm 2020, Chiến lược quản lý tổng hợp vùng bờ tỉnh Quảng Nam, kế hoạch hành động kiểm soát ô nhiễm (KSON), Đề án quản lý CTR các vùng nông thôn, quy hoạch mạng lưới quan trắc môi trường tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2010 – 2015. Mức độ gia tăng ONMT từng bước được hạn chế, công tác bảo tồn đa dạng sinh học (ĐDSH) đạt được những kết quả nhất định. Công tác thẩm định và phê duyệt các hồ sơ về môi trường luôn được quan tâm thực hiện. Công tác phòng ngừa và kiểm soát ô nhiễm được chú trọng. Nhiều

cơ sở gây ONMT nghiêm trọng đã được xử lý triệt để. Quy hoạch các khu chôn lấp, xử lý chất thải rắn đã được phê duyệt. Điều kiện sống của người dân dần được cải thiện, tỷ lệ dân được cung cấp nước sạch, hợp vệ sinh tăng khá.

Công tác ứng phó với biến đổi khí hậu, đã được các cấp, các ngành, địa phương chú trọng; mọi hoạt động liên quan đến qui hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương đều được lồng ghép yếu tố BĐKH. Bên cạnh đó, UBND tỉnh đã ban hành các văn bản hướng dẫn, chỉ đạo thực hiện, cụ thể như Quyết định số 1735/QĐ-UBND ngày 31/5/2013 Phê duyệt kế hoạch Chương trình hành động của tỉnh Quảng Nam nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2013-2015 và định hướng đến năm 2030; Kế hoạch số 3235/KH-UBND ngày 31/8/2012 của UBND tỉnh về nâng cao nhận thức về BĐKH trên địa bàn tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2011-2015. Đồng thời, UBND tỉnh đã triển khai 25 mô hình thí điểm cho 10 huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn toàn tỉnh. Đến nay các mô hình thí điểm của Chương trình MTQG ứng phó với biến đổi khí hậu đã mang lại hiệu quả thiết thực đời sống cộng đồng trong vùng thực hiện dự án và có tác động tích cực nhận thức của đội ngũ cán bộ, đảng viên và Nhân dân về biến đổi khí hậu.

Bên cạnh kết quả đạt được, công tác quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường, chủ động ứng phó với Biến đổi khí hậu của tỉnh còn một số tồn tại sau:

Nhận thức của một số cấp ủy, chính quyền, tổ chức, doanh nghiệp và người dân về công tác quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường, ứng phó với BĐKH chưa thực sự đầy đủ. Công tác quản lý Nhà nước về tài nguyên và môi trường còn bị động, lúng túng, như: Triển khai thi hành Luật Đất đai năm 2013 còn nhiều vướng mắc, đặc biệt là công tác lập quy hoạch kế hoạch sử dụng đất, thu hồi đất, chính sách bồi thường, hỗ trợ tái định cư... làm chậm tiến độ thực hiện các dự án trọng điểm; tình trạng khai thác sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước còn phổ biến; việc quản lý tài nguyên khoáng sản chưa khai thác còn rất nhiều khó khăn, nhất là tình trạng khai thác trái phép tại các huyện núi còn diễn biến phức tạp; ô nhiễm môi trường xảy ra cục bộ ở một số nơi... Nguyên nhân khách quan là do các chính sách, pháp luật về quản lý, bảo vệ tài nguyên và môi trường còn bất cập, thiếu đồng bộ, đôi lúc không phù hợp với điều kiện thực tiễn. Trong khi đó Quảng Nam là một tỉnh có địa bàn rộng, miền núi địa hình hiểm trở, đi lại không thuận tiện, đời sống người dân miền núi còn khó khăn, tập quán sinh hoạt cũng như nhận thức về công tác quản lý, bảo vệ tài nguyên môi trường còn hạn chế; tài nguyên chưa được điều tra, đánh giá đầy đủ, chưa được khai thác, sử dụng hợp lý, thiếu bền vững. Đội ngũ cán bộ một số nơi, lĩnh vực chưa đáp ứng được yêu cầu cho công tác quản lý trong điều kiện hiện nay. Công tác cải cách thủ tục hành chính còn chậm, chưa đạt được kết quả như mong đợi, thủ tục hành chính còn mang nặng hình thức, rườm rà gây khó khăn cho doanh nghiệp cũng

như cộng đồng. Cùng với những tồn tại trên, biến đổi khí hậu cũng đã tác động không nhỏ đến đời sống kinh tế- xã hội tại địa phương. Đây là lĩnh vực mới, việc chủ động ứng phó với BĐKH còn bị động, lúng túng, năng lực dự báo, cảnh báo thiên tai chưa đáp ứng yêu cầu.

Để tăng cường tham mưu và nâng cao hiệu quả triển khai các chủ trương, chính sách, pháp luật tài nguyên và môi trường tại địa phương nhằm triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XXI, trong thời gian đến chúng ta cần phải triển khai đồng bộ một số giải pháp sau:

Một là, tiếp tục gắn việc thực hiện Nghị quyết số 41-NQ/TW với Nghị quyết 24-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương khóa XI về “Chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường”, Chương trình số 24-CTr/TU ngày 27/8/2013 của Tỉnh ủy Quảng Nam về thực hiện Nghị quyết 24-NQ/TW. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng, chính quyền; đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức, hình thành ý thức chủ động ứng phó với BĐKH, tự giác sử dụng tiết kiệm tài nguyên và BVMT. Phát huy vai trò, phân công, làm rõ trách nhiệm của các cấp ủy đảng, chính quyền trong ứng phó với BĐKH và BVMT. Đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền, nâng cao nhận thức cộng đồng, các cấp lãnh đạo trong công tác phòng ngừa, ứng phó BĐKH, quản lý, bảo vệ tài nguyên và môi trường. Xây

dựng năng lực, kỹ năng, phổ biến kinh nghiệm phòng, tránh thiên tai, thích ứng với BĐKH.

Hai là, tiếp tục tập trung xây dựng, hoàn thiện và tổ chức thực hiện có hiệu quả các chính sách pháp luật về tài nguyên và môi trường, coi trọng công tác quản lý nhà nước về ứng phó với BĐKH và BVMT. Rà soát, đánh giá lại toàn bộ qui hoạch, kế hoạch phát triển của ngành để kịp thời điều chỉnh, triển khai, phát huy tối đa tiềm năng, nguồn lực của tỉnh. Tổ chức đánh giá thể chế để phát hiện sự chồng chéo và kẽ hở của các văn bản để kịp thời điều chỉnh, bổ sung. Xây dựng cơ chế phối hợp, xác định, phân công rõ trách nhiệm của cơ quan TN&MT, các ban, ngành liên quan và UBND các cấp trong tỉnh về phối hợp quản lý, kiểm tra, thanh tra. Chú trọng công tác xử lý sau thanh tra nhằm đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật. Thực hiện nguyên tắc “*người gây ô nhiễm phải trả tiền*”.

Ba là, thực hiện công tác cải cách hành chính, kiện toàn tổ chức bộ máy từ tỉnh đến địa phương đặc biệt đối với Văn phòng đăng ký đất đai và Trung tâm phát triển quỹ đất (mô hình một cấp) theo yêu cầu Luật Đất đai năm 2013; đơn giản hóa thủ tục hành chính và công khai quy trình thủ tục tại nơi tiếp nhận; 100% dịch vụ công của ngành được cung cấp trực tuyến qua mạng. Thực hiện hiệu quả cơ chế một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính về tài nguyên và môi trường góp phần tăng chỉ số năng lực cạnh tranh về lĩnh vực đất đai và cải thiện bền vững môi trường đầu tư trên địa

bàn tỉnh. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng cơ sở dữ liệu về tài nguyên và môi trường.

Bốn là, tăng cường công tác quản lý, khai thác, sử dụng hiệu quả và bền vững nguồn tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường.

Về lĩnh vực đất đai: Tập trung triển khai việc thi hành Luật Đất đai, đặc biệt quan tâm đến công tác lập qui hoạch, kế hoạch sử dụng đất có tính đến biến đổi khí hậu và nước biển dâng, phù hợp với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, trong đó lưu ý đến việc lập, điều chỉnh qui hoạch đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ cuối (2016-2020) cấp tỉnh, cấp huyện để làm cơ sở cho việc thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất. Bên cạnh đó, việc thực hiện các chính sách về bồi thường, giải phóng mặt bằng, hỗ trợ, tái định cư, xây dựng giá đất phải được tiếp tục hoàn chỉnh, đảm bảo công bằng về lợi ích giữa các bên liên quan, giảm thiểu các khiếu kiện, khiếu nại về đất đai nhất là trong công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng.

Về lĩnh vực địa chất, khoáng sản: Thực hiện việc quản lý, khai thác và sử dụng tài nguyên khoáng sản theo qui hoạch. Triển khai công tác đấu giá quyền khai thác khoáng sản, bảo đảm được việc khai thác, sử dụng khoáng sản hiệu quả, tiết kiệm, phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, đảm bảo an ninh quốc phòng, an toàn xã hội, bảo vệ môi trường. Đẩy mạnh thực hiện công tác tuyên

truyền, phổ biến pháp luật về khoáng sản, giám sát việc thi hành pháp luật về khoáng sản trên địa bàn và thanh kiểm tra hậu cấp phép. Kiên quyết kiểm tra, ngăn chặn, đẩy đuổi những trường hợp khai thác khoáng sản trái phép...

Về lĩnh vực nước: Tăng cường giám sát việc khai thác sử dụng nước từ tất cả các nguồn. Quản lý chặt chẽ hoạt động khai thác để hạn chế việc sử dụng nguồn nước quá mức, đặc biệt là nước ngầm tại các khu vực ven biển, các khu công nghiệp để tăng nguồn nước cấp cho mùa khô, hạn chế xâm nhập mặn vào các lưu vực sông. Thực hiện qui trình vận hành các hồ thủy điện để đảm bảo một cách hài hòa giữa yêu cầu phát điện với các nhu cầu khác của hạ nguồn, bên cạnh đó xử lý triệt để các tổ chức, cá nhân có hoạt động gây ô nhiễm nguồn nước và các tổ chức, cá nhân vi phạm trong quản lý, khai thác và sử dụng tài nguyên nước; đầu tư nghiên cứu, kiểm kê, đánh giá, qui hoạch dự báo dài hạn, dự báo theo tháng, theo mùa, theo năm..., để có kế hoạch sử dụng hợp lý và an toàn nguồn nước phòng chống suy thoái, cạn kiệt tài nguyên nước.

Về công tác khí tượng thủy văn, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu: Nâng cao năng lực của cán bộ, chất lượng của công tác cảnh báo, dự báo thiên tai, tham mưu chỉ đạo kịp thời công tác phòng chống thiên tai, ứng phó với BĐKH. Thực hiện kế hoạch Chương trình hành động của tỉnh Quảng Nam nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2013-2015 và định hướng đến năm 2030, trong đó sẽ lưu ý các chiến

lược, qui hoạch, phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và các địa phương phải có tính đến các yếu tố tác động của BĐKH và nước biển dâng, chủ động xây dựng các chương trình, dự án và tranh thủ tất cả các nguồn lực để giúp cho cộng đồng, các doanh nghiệp ứng phó với BĐKH;

Về lĩnh vực bảo vệ môi trường: Tổ chức triển khai hiệu quả Luật Bảo vệ môi trường năm 2014, nghị quyết của Chính phủ về một số vấn đề cấp bách trong công tác bảo vệ môi trường. Thực hiện việc phòng ngừa, kiểm soát chặt chẽ các nguồn gây ô nhiễm môi trường, đặc biệt là ô nhiễm môi trường tại các khu, cụm công nghiệp, khu khai thác khoáng sản, làng nghề, lưu vực sông, khu dân cư, đô thị và ô nhiễm môi trường trong sản xuất nông nghiệp. Từng bước đầu tư hệ thống xử lý nước thải, chất thải tập trung tại các khu, cụm công nghiệp, làng nghề. Xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích xã hội hóa hoạt động BVMT như: ban hành các cơ chế, chính sách khuyến khích ưu đãi đầu tư về thuế và tài chính để kêu gọi các tổ chức, cá nhân đầu tư vào các dự án thu gom và xử lý rác thải, cơ sở hạ tầng BVMT. Đồng thời, có cơ chế khuyến khích các doanh nghiệp, chủ cơ sở sản xuất kinh doanh đầu tư thay thế và cải tiến các thiết bị sản xuất, chế biến thân thiện với môi trường. Bên cạnh đó, phát huy hơn nữa vai trò của các tổ chức đoàn thể, xã hội và cộng đồng dân cư trong công tác bảo vệ môi trường.

Về lĩnh vực biển và hải đảo: Tăng cường sự phối hợp điều tra cơ bản các thông tin về tài nguyên, môi trường biển,

kiểm soát ô nhiễm môi trường biển, đặc biệt với các khu vực đang tranh chấp về mục đích sử dụng, các điểm nóng ô nhiễm và đa dạng sinh học..., tiếp thu, kế thừa thành quả của các dự án, đầu tư trọng tâm, trọng điểm tránh chồng chéo, lãng phí làm lại từ đầu; đồng thời phối hợp với các cấp, các ngành, cùng với lực lượng khoa học kỹ thuật và lực lượng quốc phòng áp dụng các tiến bộ khoa học và công nghệ thúc đẩy khai thác sử dụng tài nguyên biển, ngăn ngừa đánh bắt mang tính huỷ diệt, xây dựng, bảo vệ các khu bảo tồn biển,...

Đẩy mạnh nghiên cứu khoa học, xây dựng và thực hiện các chương trình khoa học và công nghệ phục vụ việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ trọng tâm về ứng phó BĐKH và quản lý, bảo vệ tài nguyên và môi trường. Tăng cường ứng dụng công nghệ viễn thám, công nghệ mới, công nghệ tiên tiến trên nền tảng công nghệ thông tin; từng bước đa dạng hoá nguồn lực phục vụ cho ứng phó với biến đổi khí hậu, đẩy mạnh sự hợp tác quốc tế để kêu gọi các tổ chức Chính phủ, phi Chính phủ hỗ trợ tiếp tục tuyên truyền, nâng cao nhận thức và đầu tư xây dựng các công trình, dự án nhằm từng bước thích ứng với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh.

ĐỔI MỚI HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THEO HƯỚNG CHUYÊN GIAO VÀ ỨNG DỤNG MẠNH MẼ VÀO SẢN XUẤT VÀ ĐỜI SỐNG

Phạm Viết Tích

Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ

Trong thời gian qua, đặc biệt là sau gần 10 năm triển khai thực hiện Nghị quyết số 58/2006/NQ-HĐND tỉnh về Chiến lược phát triển Khoa học và công nghệ tỉnh Quảng Nam đến năm 2015, tầm nhìn 2020, hoạt động nghiên cứu khoa học và chuyển giao, ứng dụng công nghệ của tỉnh đạt được nhiều kết quả quan trọng, góp phần tích cực cho sự phát triển của tỉnh.

Giai đoạn 2006 - 2015, đã triển khai thực hiện 135 nhiệm vụ khoa học và công nghệ (KH&CN) cấp tỉnh, 152 nhiệm vụ/công trình KH&CN cấp cơ sở, trung bình mỗi năm có gần 14 nhiệm vụ cấp tỉnh, 15 nhiệm vụ cấp cơ sở được phê duyệt, triển khai. Bên cạnh đó, Quảng Nam đã được Bộ KH&CN hỗ trợ thực hiện 16 nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia phục vụ phát triển kinh tế - xã hội (KT-XH), nhất là phục vụ phát triển nông thôn miền núi, phát triển tài sản trí tuệ và các nhiệm vụ cấp thiết phát sinh ở địa phương. Nhìn chung, nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ triển khai đều khắp các lĩnh vực thuộc 9 chương trình KH&CN

cấp tỉnh đến năm 2015, tầm nhìn 2020; triển khai có trọng tâm, trọng điểm, phù hợp với định hướng phát triển của tỉnh; đạt được những kết quả quan trọng trên các lĩnh vực nông nghiệp, công nghiệp, y tế, văn hóa, xã hội, giáo dục..., cung cấp luận cứ khoa học phục vụ quản lý, hoạch định chính sách phát triển KT-XH, bảo đảm quốc phòng, an ninh, phát triển nguồn nhân lực, chú trọng nghiên cứu ứng dụng, phục vụ trực tiếp cho sản xuất và đời sống... Trong quá trình triển khai, đã đào tạo được một đội ngũ cán bộ tại chỗ, từng bước tiếp cận công nghệ mới, có thể tiếp tục duy trì và nhân rộng kết quả, góp phần nâng cao năng lực tiếp thu và ứng dụng tiến bộ kỹ thuật của cán bộ địa phương..., phục vụ tam nông và chương trình nông thôn mới, góp phần quan trọng vào quá trình thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng Quảng Nam trở thành tỉnh khá trong cả nước.

Các nhiệm vụ KH&CN thuộc lĩnh vực khoa học tự nhiên thuộc Chương trình điều tra cơ bản, sử dụng hợp lý tài nguyên và bảo vệ môi trường đã tập trung xây dựng bộ CSDL(nước, đất, biển, bức xạ, năng lượng gió, thủy thạch động lực, đa dạng sinh học...) phục vụ bảo tồn đa dạng sinh học, bảo vệ và sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, môi trường phục vụ phát triển bền vững.

Trong lĩnh vực xã hội và nhân văn thuộc Chương trình nghiên cứu phát triển lịch sử, văn hóa và con người Quảng Nam, Chương trình khoa học phục vụ quản lý và các lĩnh vực xã hội đã tập trung nghiên cứu ngôn ngữ, văn học, kiến trúc,

nghệ thuật tạo hình, văn hóa và con người Quảng Nam... phục vụ bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống xứ Quảng, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; nghiên cứu cơ sở khoa học phục vụ quản lý nhà nước, hoạch định chính sách, chiến lược, kế hoạch phát triển trên các lĩnh vực KT-XH..., phục vụ sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng, chính quyền, các ngành, các cấp.

Các nhiệm vụ KH&CN trong lĩnh vực y, dược thuộc Chương trình nghiên cứu, ứng dụng và phát triển công nghệ phục vụ bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe cộng đồng được triển khai đều khắp các nội dung về quản lý nhà nước trong lĩnh vực y tế; ứng dụng kỹ thuật, giải pháp mới trong chẩn đoán, điều trị cũng như phòng ngừa bệnh tật, chăm sóc sức khỏe Nhân dân...

Trong lĩnh vực kỹ thuật và công nghệ đã triển khai các nhiệm vụ thuộc Chương trình nghiên cứu, ứng dụng và phát triển các công nghệ tiên tiến, tập trung vào ứng dụng công nghệ sinh học, công nghệ cơ khí - chế tạo máy, công nghệ thông tin, các nguồn năng lượng sạch, ứng dụng công nghệ vật liệu mới phục vụ phát triển các sản phẩm nông, lâm nghiệp, y dược, xây dựng, dịch vụ cũng như các lĩnh vực quản lý xã hội: Nghiên cứu thiết kế, chế tạo xe khách giường nằm cao cấp mang thương hiệu Việt Nam; nuôi cấy mô sâm Ngọc Linh; sàng lọc, bảo tồn và phát triển cây dược liệu có giá trị; sản xuất thử nghiệm các mặt hàng từ nguyên liệu Sâm Ngọc Linh (trà túi lọc, nước uống tăng lực); ứng dụng GIS trong quản lý nhà

nước, du lịch, bưu chính viễn thông; ứng dụng điện Mặt trời trên tàu lưới vây; hoàn thiện quy trình tổng hợp các loại keo dán gỗ thân thiện môi trường ứng dụng trong sản xuất ván gỗ nhân tạo MDF; ứng dụng công nghệ thông tin xây dựng ISO điện tử, xây dựng thư viện điện tử về KH&CN, khung phần mềm dùng chung cho dịch vụ công trực tuyến, ...

Các nhiệm vụ trong lĩnh vực nông nghiệp thuộc Chương trình KH&CN phục vụ nông nghiệp và nông thôn đã tập trung nghiên cứu cho từng vùng sản xuất chính của tỉnh để nâng cao hiệu quả sản xuất, nâng cao năng suất, chất lượng cây trồng và bảo quản nông sản sau thu hoạch; xây dựng mô hình sản xuất giống, phục tráng và khảo nghiệm thích nghi một số loại cây, con, nhất là bảo tồn nguồn gen quý, hiếm, có giá trị đặc biệt về kinh tế như lúa rầy, ngô nếp Hội An, tiêu Tiên Phước, bưởi Trục lòng Đại Bình - Nông Sơn; heo Cỏ, gà Tre; Nghiên cứu biện pháp để phòng trừ dịch hại trên một số loại cây, con trong quá trình nuôi, trồng; sản xuất sản phẩm nông nghiệp sạch, an toàn; sản xuất phân hữu cơ vi sinh, chế phẩm sinh học, vi sinh, nấm ăn, nấm dược liệu...

Chương trình nghiên cứu khoa học phục vụ phát triển KT-XH miền núi và vùng dân tộc ít người đã tập trung nghiên cứu văn hóa, ngôn ngữ dân tộc thiểu số, đề xuất giải pháp chăm sóc sức khỏe, xây dựng mô hình sinh kế, nâng cao hiệu quả giáo dục tạo nguồn nhân lực dân tộc thiểu số...

Chương trình KH&CN về phát triển công nghiệp - dịch vụ

và hỗ trợ doanh nghiệp: Triển khai cơ chế hỗ trợ doanh nghiệp; Đề án “*Nâng cao năng suất chất lượng sản phẩm, hàng hóa của doanh nghiệp vừa và nhỏ trên địa bàn tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2012-2020*” nhằm hỗ trợ xây dựng hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến, các công cụ nâng cao năng suất chất lượng, cải tiến, hoàn thiện, đổi mới, chuyển giao công nghệ, đánh giá hợp chuẩn hợp quy, công bố tiêu chuẩn cơ sở...; hỗ trợ bảo hộ quyền SHCN, phát triển các sản phẩm chủ lực của tỉnh như cây dược liệu, cao su, cơ khí ô tô... Với chủ trương “*đưa KH&CN gần hơn với doanh nghiệp*”, bước đầu một số doanh nghiệp đã quan tâm đầu tư cho hoạt động nghiên cứu triển khai bên cạnh sự hỗ trợ của Nhà nước như Công ty cao su, Công ty Cổ phần Thương mại Dược và Sâm Ngọc Linh, Công ty Cổ phần Hồng Đào – Chu Lai, Công ty Cổ phần Gỗ Cẩm Hà... Đặc biệt, với sự hỗ trợ của KH&CN, Công ty cổ phần ô tô Trường Hải đã và đang thực hiện nhiều nhiệm vụ nghiên cứu ứng dụng, phục vụ thiết kế, chế tạo các sản phẩm, linh kiện, phụ tùng... trong công nghiệp ô tô nhằm tăng nhanh tỷ lệ nội địa hóa, làm chủ công nghệ, giảm giá thành, phục vụ yêu cầu hội nhập AFTA sau năm 2018.

Tuy nhiên, vẫn còn những nhiệm vụ KH&CN triển khai chưa đáp ứng yêu cầu, nhất là các nhiệm vụ quản lý còn chung chung, không mới, khó áp dụng. Mặt khác, nhiều nghiên cứu có kết quả tốt và khả năng ứng dụng cao nhưng thiếu các điều kiện cần thiết để triển khai nhân rộng trên thực tế; một số mô hình ứng dụng tiến bộ kỹ thuật đạt kết quả cao

nhưng chậm chuyển giao, nhân rộng... Có nhiều nguyên nhân, trong đó vai trò, trách nhiệm của cơ quan chủ trì và các chế tài trong việc triển khai ứng dụng kết quả KH&CN còn chưa rõ ràng; các cam kết về điều kiện, cơ sở vật chất phục vụ ứng dụng, nhất là nguồn tài chính đầu tư cho “*hậu nghiệm thu*” chưa được quan tâm đúng mức.

Khách quan mà nói, hoạt động nghiên cứu khoa học ở bất cứ quốc gia, địa phương nào, ở bất cứ thời điểm nào cũng có những tính chất đặc thù. Ngoài tính khoa học, tính mới, tính sáng tạo, nghiên cứu khoa học còn có tính “*trễ*”, nhất là các nhiệm vụ nghiên cứu cơ bản thường mang tính dự báo, cần phải có một thời gian, thậm chí khá dài mới thấy hết hiệu quả của nó hoặc được đưa ra áp dụng được trên thực tế. Bên cạnh đó, Nghiên cứu khoa học có tính mạo hiểm, tính mới nên có tính “*rủi ro*” cao. Những công nghệ, quy trình sản xuất, tính thích nghi, điều kiện sinh trưởng, sinh sản của cây trồng, con vật nuôi... chưa được nghiên cứu ứng dụng tại địa phương thì có thể có những nghiên cứu thất bại, không thành công; nhưng những nghiên cứu để khẳng định “*không áp dụng được*” (*không nuôi được, không trồng được, không di thực được...*) hoặc nếu áp dụng thì hiệu quả rất thấp, thậm chí thất bại nặng nề, để khuyến cáo người dân, doanh nghiệp không mạo hiểm đầu tư để tránh những thất bại có thể gây thiệt hại gấp nhiều lần so với chi phí bỏ ra nghiên cứu, không lặp lại thất bại, chính là những nghiên cứu “*thành công*” về mặt khoa học và thực tiễn...

Trong thời gian tới, để KH&CN từng bước trở thành nền tảng, động lực phát triển KT-XH của tỉnh, Quảng Nam cần tập trung phát triển hợp lý, đồng bộ giữa 06 lĩnh vực: khoa học tự nhiên, khoa học kỹ thuật - công nghệ, khoa học y - dược, khoa học nông nghiệp, khoa học xã hội và khoa học nhân văn. Ưu tiên lựa chọn các nhiệm vụ KH&CN có địa chỉ ứng dụng cụ thể, phần đầu khoảng 60% nhiệm vụ KH&CN phục vụ trực tiếp cho sản xuất và đời sống. Chú trọng các nhiệm vụ nghiên cứu ứng dụng kỹ thuật và công nghệ tiên tiến, phát triển các sản phẩm chủ lực, trọng điểm như cơ khí ô tô, sâm Ngọc Linh, dược liệu; các sản phẩm đặc trưng, thủ công mỹ nghệ, du lịch, làng nghề truyền thống; đồng thời quan tâm triển khai các nhiệm vụ điều tra cơ bản, sử dụng hợp lý tài nguyên và bảo vệ môi trường; nghiên cứu bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa, truyền thống yêu nước và cách mạng của địa phương; đề xuất các giải pháp nâng cao năng lực chẩn đoán và điều trị, chăm sóc và bảo vệ sức khỏe cộng đồng..., chú trọng đến hoạt động KH&CN để phát triển KT-XH nông thôn, miền núi, vùng sâu, vùng xa và các vùng có điều kiện đặc biệt khó khăn, phục vụ xây dựng nông thôn mới.

Để đạt được định hướng phát triển KH&CN trên, cần triển khai đồng bộ các giải pháp sau:

Thứ nhất, cần đổi mới cơ chế và tăng cường quản lý nhà nước về KH&CN, đặc biệt thực hiện nghiêm Luật KH&CN có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2014 về cơ chế đặt hàng.

Hiệu quả ứng dụng thực tiễn cần được xác định là tiêu chí hàng đầu đối với công tác nghiên cứu khoa học. Nghiên cứu khoa học phải xuất phát từ nhu cầu của thực tiễn sản xuất và đời sống và quay trở lại phục vụ thực tiễn, phục vụ phát triển KT - XH của tỉnh, có địa chỉ ứng dụng cho các kết quả chính tạo ra và được lãnh đạo tỉnh, các huyện, ngành, doanh nghiệp, HTX... đề xuất đặt hàng. Xác lập cơ chế “*hậu nghiệm thu*”, xác định cụ thể biện pháp chế tài, tăng cường trách nhiệm của các ngành chủ quản, vai trò, trách nhiệm, quyền lợi của cơ quan chủ trì, chủ nhiệm các nhiệm vụ KH&CN. Đồng thời, xác lập cơ chế xã hội hóa “*hậu nghiệm thu*”, trọng tâm là các doanh nghiệp làm đối tác trong triển khai thực hiện nhiệm vụ KH&CN, gắn trách nhiệm cùng với quyền lợi thụ hưởng kết quả nghiên cứu; có cơ chế hỗ trợ tài chính cho doanh nghiệp thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ. Mặt khác, cơ chế quản lý tài chính cần được đổi mới. Cần triển khai áp dụng cơ chế khoán chi đến sản phẩm cuối cùng hoặc khoán chi từng phần nhiệm vụ KH&CN và thực hiện cấp phát kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN theo “*cơ chế quỹ*” nhằm hạn chế dần và đi đến xóa bỏ cơ chế “*kế hoạch hóa*”, thủ tục, hóa đơn tài chính rườm rà trong việc thực hiện nhiệm vụ KH&CN. Bên cạnh đó, tăng cường đề xuất đặt hàng của tỉnh để tranh thủ sự hỗ trợ của Trung ương cho các nhiệm vụ KH&CN cấp Quốc gia và các nhiệm vụ KH&CN hợp tác trên địa bàn tỉnh; tham gia tích cực vào các chương trình trọng điểm quốc gia để thu hút các cơ quan Trung ương về đầu tư, phát triển hoạt động KH&CN trên địa bàn tỉnh.

Thứ hai, cần quan tâm đầu tư phát triển tiềm lực KH&CN hơn nữa, chủ yếu tập trung vào phát triển nguồn nhân lực, xây dựng hệ thống tổ chức KH&CN. Có chính sách bồi dưỡng, đào tạo cán bộ KH&CN có trình độ chuyên môn cao, đặc biệt là các ngành thuộc lĩnh vực tự nhiên công nghệ phục vụ trực tiếp cho sản xuất, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm hàng hóa. Xây dựng Đề án Quy hoạch, sắp xếp lại và đầu tư phát triển hệ tổ chức KH&CN. Bên cạnh đẩy mạnh thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của tổ chức KH&CN công lập phù hợp với đặc thù của hoạt động KH&CN, cần tập trung đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, nâng cao năng lực hoạt động nghiên cứu ứng dụng cho các tổ chức KH&CN và các đơn vị sự nghiệp KH&CN công lập theo hướng đầu tư chiều sâu, trên các lĩnh vực trọng điểm của tỉnh, đủ sức đảm nhiệm công tác nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao các tiến bộ khoa học kỹ thuật, cung cấp dịch vụ, đào tạo các công nghệ tiên tiến...

Việc thành lập Trung tâm Thông tin và Thống kê KH&CN tỉnh nhằm thực hiện chức năng khai thác, tổ chức dịch vụ chuyển giao nhằm thương mại hóa các kết quả nghiên cứu cũng là một giải pháp căn bản cho vấn đề trên.

Thứ ba, cần tăng cường đầu tư tài chính cho KH&CN. Bố trí ngân sách sự nghiệp, đầu tư phát triển KH&CN đảm bảo tỷ lệ chi theo quy định và tăng dần theo yêu cầu phát triển KT-XH, trong đó, cần tập trung mạnh mẽ việc thực hiện cơ chế phân cấp quản lý tài chính, đầu tư phát triển cho KH&CN. Chú trọng khuyến khích phát triển xã hội hóa, đa

dạng hoá các nguồn đầu tư cho phát triển khoa học và công nghệ. Phát huy vai trò của doanh nghiệp, trọng tâm là doanh nghiệp khoa học và công nghệ nhằm huy động và sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực trong việc đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ phục vụ sản xuất và đời sống. Xây dựng Đề án phát triển doanh nghiệp KH&CN gắn với cơ chế khuyến khích đầu tư nghiên cứu khoa học, đổi mới công nghệ và đào tạo cán bộ khoa học, công nhân lành nghề; khuyến khích các doanh nghiệp thành lập Quỹ phát triển KH&CN của doanh nghiệp.

Thứ tư, nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao KH&CN phải gắn với phương châm: “Đưa KH&CN gần hơn với doanh nghiệp”, gắn kết chặt chẽ nhiệm vụ KH&CN với hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Tiếp tục thực hiện Đề án “Nâng cao năng suất chất lượng sản phẩm hàng hóa của doanh nghiệp vừa và nhỏ trên địa bàn tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2012-2020” nhằm hỗ trợ doanh nghiệp nghiên cứu, ứng dụng các thành tựu KH&CN vào sản xuất; đầu tư đổi mới công nghệ, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến và các công cụ nâng cao năng suất, chất lượng; khai thác, bảo vệ, phát triển tài sản trí tuệ và quảng bá thương hiệu; tạo chuyển biến về năng suất và chất lượng của sản phẩm, hàng hóa và hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Tập trung thực hiện cơ chế hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong phát triển nông nghiệp; nghiên cứu phát triển các sản phẩm trọng điểm, chủ

lực của tỉnh như: cơ khí, ô tô, dệt may, da giày, sâm Ngọc Linh, quế Trà My, các loại dược liệu quý, sản phẩm du lịch, thủ công mỹ nghệ, làng nghề truyền thống...

Thứ năm, tăng cường thông tin, tuyên truyền, phổ biến kiến thức KH&CN phục vụ phát triển KT-XH; Phát triển tiềm lực và thị trường KH&CN..., nâng cao năng lực tiếp thu công nghệ của các doanh nghiệp, các cơ sở sản xuất, các hộ nông dân. Xác lập cơ chế chia sẻ nguồn lực thông tin KH&CN giữa các tổ chức, cá nhân một cách có hiệu quả. Duy trì, nâng cao hiệu quả hoạt động của Thư viện điện tử về KH&CN; tăng cường kết nối, chia sẻ thông tin với Cơ sở dữ liệu quốc gia về KH&CN; tiếp tục thực hiện và mở rộng, nâng cao chất lượng các ấn phẩm, chuyên mục thông tin KH&CN đến tận cơ sở.

Đổi mới mạnh mẽ hoạt động chuyên giao, ứng dụng KH&CN, cần tiến hành đổi mới mạnh mẽ về cơ chế quản lý, cơ chế đầu tư và cơ chế tài chính cho KH&CN, thực hiện đồng bộ các giải pháp nâng cao tiềm lực KH&CN với hai thành tố cơ bản của nó là nguồn nhân lực và phương tiện, thiết bị kỹ thuật. Đó là những điều kiện tiên quyết cho KH&CN phát triển, góp phần thực hiện thắng lợi các chỉ tiêu KT - XH của tỉnh, chào mừng thành công Đại hội Đảng bộ tỉnh Quảng Nam lần thứ XXI./.

NÂNG CAO HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG ĐỐI NGOẠI VÀ TÍCH CỰC CHỦ ĐỘNG HỘI NHẬP QUỐC TẾ

Nguyễn Thanh Hồng

Giám đốc Sở Ngoại vụ

Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Quảng Nam lần thứ XXI, xác định nhiệm vụ quan trọng đối với công tác đối ngoại của tỉnh trong thời gian tới là: *“Chủ động, tích cực, sáng tạo và nâng cao hiệu quả hơn nữa trong các hoạt động đối ngoại Đảng, chính quyền và đối ngoại Nhân dân. Duy trì và phát triển hơn nữa quan hệ truyền thống đặc biệt với tỉnh SêKoong (Lào). Chủ động mở rộng hợp tác với các địa phương của các nước trong khối ASEAN và các nước có khả năng thu hút đầu tư; tăng cường quan hệ với các tổ chức quốc tế, tổ chức phi chính phủ nước ngoài nhằm tranh thủ các nguồn lực phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Xử lý tốt các vấn đề phát sinh có yếu tố nước ngoài trên địa bàn tỉnh”*. Đây là định hướng lớn, yêu cầu các cấp ủy đảng, chính quyền và doanh nghiệp của tỉnh cần bám sát trong quá trình triển khai thực hiện các nhiệm vụ đối ngoại của ngành, địa phương và doanh nghiệp.

Trong thời gian qua, công tác đối ngoại của tỉnh Quảng Nam đã có những bước chuyển biến tích cực cả về lượng và

chất; hội nhập quốc tế với trọng tâm là hội nhập kinh tế vừa là cơ sở quan trọng, vừa là cơ hội để thúc đẩy phát triển kinh tế của tỉnh theo hướng đa dạng. Đây là nguyên tắc, nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của hội nhập quốc tế mà tỉnh Quảng Nam xác định và đã đạt được những kết quả đáng ghi nhận:

Công tác hoàn thiện thể chế thông qua việc xây dựng và ban hành các văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực đối ngoại

Việc đẩy mạnh xây dựng và ban hành các văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực đối ngoại đã tạo hành lang pháp lý vững chắc, đồng thời là nền tảng để tăng cường công tác quản lý, đảm bảo tính hiệu quả. Nhằm tiếp tục nâng cao công tác quản lý hoạt động đối ngoại của tỉnh trong năm 2015, Sở Ngoại vụ đã tích cực chủ động tham mưu UBND tỉnh ban hành Quy định việc tổ chức, quản lý hội nghị, hội thảo quốc tế của các cơ quan, tổ chức trên địa bàn tỉnh, trong đó đã tăng cường đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính thông qua việc đưa ra các giải pháp nhằm giảm thiểu thời gian giải quyết hồ sơ xin cấp phép tổ chức hội nghị, hội thảo, tạo điều kiện thuận lợi tối đa cho các cơ quan, tổ chức; Quy định về trình tự, thủ tục xét cho phép sử dụng thẻ đi lại của doanh nhân đến các nước thành viên của Diễn đàn Kinh tế châu Á - Thái Bình Dương (Thẻ doanh nhân APEC) và Quy chế quản lý thống nhất các hoạt động đối ngoại trên địa bàn tỉnh; ban hành kế hoạch tuyên truyền, điều tra, xác minh,

phân loại người di cư tự do và kết hôn không giá thú để triển khai thực hiện Đề án giải quyết vấn đề người di cư tự do và kết hôn không giá thú trong vùng biên giới Quảng Nam - Sơn Tây theo Đề án của Chính phủ hai nước.

Chú trọng chính trị đối ngoại

Thực hiện Nghị quyết 22-NQ/TW ngày 10/4/2013 của Bộ Chính trị và Đề án đẩy mạnh hội nhập quốc tế của tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2013 - 2015 và tầm nhìn 2020, tỉnh Quảng Nam đã chủ động ký kết và mở rộng hợp tác với nhiều đối tác của Lào, Campuchia, Thái Lan, Hàn Quốc, Nhật Bản, Pháp, Hoa Kỳ... Trong đó đặc biệt chú trọng mối quan hệ hợp tác hữu nghị đặc biệt với tỉnh Sơn Tây. Các ngành và các địa phương của tỉnh phối hợp chặt chẽ với các đối tác của tỉnh Sơn Tây tăng cường hợp tác, giao lưu, trao đổi học tập kinh nghiệm về chuyên môn, nghiệp vụ; hỗ trợ giúp bạn xây dựng nhiều dự án trọng điểm về quốc phòng - an ninh, giáo dục, y tế, nông nghiệp; hỗ trợ lương thực, thực phẩm thiết yếu và tổ chức nhiều hoạt động khám chữa bệnh, cấp thuốc miễn phí cho Nhân dân các địa phương giáp biên tỉnh Sơn Tây qua đó góp phần tô thắm và làm sâu sắc thêm mối quan hệ láng giềng hữu nghị của hai tỉnh Quảng Nam và Sơn Tây. Ngoài ra, trong năm 2015, tỉnh Quảng Nam đã tổ chức tiếp đón, làm việc chu đáo, trọng thị và hiệu quả với 34 đoàn gồm 450 lượt khách quốc tế đến thăm và làm việc với lãnh đạo tỉnh, trong đó có nhiều đoàn quan trọng

như: Thủ tướng nước CHDCND Lào, Chủ tịch Quốc hội Hungary, Chủ tịch Thượng viện Cộng hòa Séc, Công chúa Thái Lan, Đại sứ các nước tại Việt Nam..., bên cạnh đó tỉnh Quảng Nam cũng quan tâm đặc biệt đến việc duy trì và mở rộng quan hệ cấp địa phương với các quốc gia có tiềm lực mạnh về kinh tế, đặc biệt là các đối tác của Hàn Quốc và Nhật Bản, góp phần làm sâu sắc thêm quan hệ đối tác chiến lược giữa Việt Nam và các nước. Thành phố Osan của Hàn Quốc là đơn vị có quan hệ hợp tác hữu nghị gắn bó với tỉnh Quảng Nam. Hằng năm, hai bên đều luân phiên tổ chức các đoàn công tác thăm, làm việc và hỗ trợ công tác xúc tiến đầu tư lẫn nhau, đẩy mạnh công tác giao lưu Nhân dân thông qua các đoàn biểu diễn nghệ thuật, các hoạt động tình nguyện..., tỉnh đã chủ động xúc tiến quan hệ hợp tác với tỉnh Nagasaki - Nhật Bản từ năm 2014 và trong thời gian đến sẽ tiếp tục trao đổi làm việc để tiến đến thiết lập quan hệ hợp tác hữu nghị giữa hai địa phương vào năm 2016. Để tạo mối quan hệ tốt đẹp với đối tác, hằng năm tỉnh Quảng Nam luôn chủ động tổ chức thăm hỏi, chúc mừng các cơ quan đại diện ngoại giao và các tổ chức quốc tế có quan hệ hợp tác với tỉnh nhân các dịp kỷ niệm ngày thành lập, năm mới, quốc khánh..., góp phần tăng cường mối quan hệ hợp tác giữa tỉnh với các đối tác nước ngoài.

Mở rộng quan hệ đối ngoại, phát triển hợp tác quốc tế gắn kết với phát triển kinh tế

Xác định hội nhập quốc tế là một trong những nhiệm

vụ quan trọng hàng đầu, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Nam đã ban hành Chương trình hành động số 31-CTr/TU ngày 10/10/2014 thực hiện Nghị quyết 22-NQ/TW đề ra các nhiệm vụ và giải pháp quan trọng, lấy hội nhập kinh tế làm trọng tâm, bao gồm: nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm của các cấp ủy đảng, chính quyền, tổ chức, cá nhân về hội nhập quốc tế, hỗ trợ doanh nghiệp tăng cường năng lực cạnh tranh trên thị trường trong nước và quốc tế; chuẩn bị nguồn nhân lực chất lượng cao để phục vụ yêu cầu hội nhập quốc tế; cải thiện môi trường đầu tư để thu hút đầu tư nước ngoài; tiếp tục đẩy mạnh hội nhập quốc tế trong lĩnh vực chính trị, văn hóa và các lĩnh vực khác để hỗ trợ cho hội nhập quốc tế trong lĩnh vực kinh tế.

Sở Ngoại vụ đã chủ động và tích cực tham mưu cho UBND tỉnh tăng cường hợp tác với các đối tác có tiềm năng về kinh tế, khoa học công nghệ và hợp tác phát triển nguồn chất lượng cao của Hoa Kỳ, Nhật Bản, Hàn Quốc, Pháp và các nước ASEAN nhằm tranh thủ tối đa các dự án FDI, ODA và NGO.

Riêng trong năm 2015, tỉnh đã tổ chức thành công 07 sự kiện xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch tại Đài Loan, Hồng Kông (Trung Quốc), Hàn Quốc, Malaysia và Lào và nhiều sự kiện quảng bá du lịch, văn hóa; ký kết 6 thỏa thuận quốc tế với các đối tác của Lào, Thái Lan, Hàn Quốc, Nhật Bản, Hồng Kông, Macao (Trung Quốc), đặc biệt trong đó có thỏa thuận về dự án xây dựng Khu nghỉ dưỡng Nam Hội An, hứa hẹn sẽ mang lại nhiều lợi ích kinh tế cho tỉnh trong tương lai.

Trong năm 2015, tỉnh đã cấp mới 07 dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài với tổng vốn đầu tư gần 51 triệu USD, nâng tổng số dự án FDI còn hiệu lực trên địa bàn tỉnh là 112 dự án với tổng vốn đầu tư hơn 1,7 tỷ USD; trong đó đáng chú ý là Dự án Đầu tư, xây dựng nhà máy may dệt, nhuộm và phụ liệu dệt may của Tập đoàn PanKo, Hàn Quốc tại xã Tam Thăng, thành phố Tam Kỳ với tổng vốn 70 triệu USD, đã giải quyết hàng ngàn lao động tại địa phương và tạo điểm nhấn quan trọng để tỉnh bắt đầu đón đầu làn sóng đầu tư từ Nhật Bản và Hàn Quốc. Các ngành của tỉnh phối hợp triển khai thực hiện hiệu quả dự án phát triển du lịch bền vững, dự án kỹ năng nghề, dự án thích ứng biến đổi khí hậu, dự án về trường học từ nguồn vốn viện trợ chính thức do chính phủ các nước Úc-Xã-m-bua, Liên bang Nga, Đan Mạch và Hàn Quốc tài trợ. Tính đến tháng 11/2015, tổng giá trị kim ngạch xuất khẩu trên địa bàn tỉnh đạt 457 triệu USD; tổng giá trị nhập khẩu đạt 934 triệu USD.

Công tác xúc tiến vận động viện trợ phi chính phủ nước ngoài được tăng cường, duy trì việc tổ chức nghị giao ban với các tổ chức phi chính phủ nước ngoài nhằm tạo thuận lợi để các địa phương và các nhà tài trợ gặp gỡ, trao đổi và giải quyết các vướng mắc. Tính đến nay, tỉnh đã cho phép triển khai thực hiện 80 dự án của 72 tổ chức phi chính phủ nước ngoài tài trợ với tổng giá trị viện trợ đạt trên 110 tỷ đồng.

Đẩy mạnh công tác ngoại giao văn hóa trong thời kỳ hội nhập

Công tác văn hóa đối ngoại đạt được nhiều kết quả quan trọng: Tỉnh Quảng Nam có lợi thế với 2 Di sản văn hóa thế giới là Hội An, Mỹ Sơn và Khu Dự trữ sinh quyển thế giới Cù Lao Chàm, cùng với những danh lam thắng cảnh và các giá trị văn hóa của cộng đồng các dân tộc miền núi phía Tây đã tạo nên thế mạnh và lợi thế quan trọng để thúc đẩy hợp tác quốc tế trong lĩnh vực văn hóa. Tỉnh luôn duy trì tốt mối quan hệ với tổ chức UNESCO và các tổ chức về văn hóa. Trong năm 2015, đã tổ chức thành công Hội thảo xúc tiến hợp tác quốc tế về bảo tồn văn hóa và phát triển du lịch Quảng Nam; phối hợp tổ chức thành công chương trình quảng bá giới thiệu văn hóa du lịch Quảng Nam - Đà Nẵng - Thừa Thiên Huế tại Hàn Quốc; tổ chức cuộc thi marathon quốc tế tại tỉnh; phối hợp với Hiệp hội Du lịch Nhật Bản xuất bản 10.000 ấn phẩm du lịch Quảng Nam bằng tiếng Nhật; phối hợp với cơ quan đại diện ngoại giao Việt Nam tại nước ngoài tổ chức hoạt động trưng bày đèn lồng Hội An tại sự kiện Việt Nam Festa tại Kanagawa, Nhật Bản và Hội nghị cấp cao ASEAN lần thứ 27 tại Malaysia; tổ chức thành công “*Giao lưu văn hóa Hội An - Nhật Bản lần thứ 13, năm 2015*” góp phần làm sâu sắc thêm mối quan hệ truyền thống quý báu Hội An - Nhật Bản; tổ chức thành công Hội thi Hợp xướng quốc tế lần thứ IV năm 2015 với 1.168 diễn viên/38 đoàn của 14 nước tham gia.

Tăng cường đối ngoại Nhân dân

Hoạt động đối ngoại Nhân dân được triển khai chủ động, linh hoạt và hiệu quả. Trong thời gian qua, tỉnh đã tổ chức nhiều hoạt động giao lưu Nhân dân nhằm tăng cường quan hệ hợp tác với các đối tác Lào, Hàn Quốc, Nhật Bản, Hoa Kỳ, Ấn Độ, Cu Ba, Venezuela..., góp phần xây dựng lòng tin và hiểu biết lẫn nhau giữa Nhân dân Việt Nam nói chung và Nhân dân tỉnh Quảng Nam nói riêng với bạn bè quốc tế.

Có thể nói, trong lĩnh vực đối ngoại thì khó có thể lượng hóa hiệu quả các hoạt động, các tiêu chí để xác định hiệu quả và trong lĩnh vực đối ngoại cũng thiên về “*định tính*”. Tuy nhiên, thực hiện chủ trương đường lối nhất quán của Đảng, chính sách của Nhà nước và nhất là việc thống nhất quản lý, phối hợp chặt chẽ giữa các cấp, các ngành trên địa bàn tỉnh Quảng Nam thì có thể khẳng định, Quảng Nam ngày càng quan tâm, chú trọng đến hoạt động đối ngoại, góp phần quan trọng tạo môi trường hòa bình, tranh thủ tối đa các điều kiện quốc tế để đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; đồng thời giữ vững quốc phòng - an ninh.

Trong thời gian qua, công tác đối ngoại của tỉnh đạt được những kết quả quan trọng, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Nhiều dự án ODA có giá trị lớn được thực hiện tại tỉnh như Bệnh viện Đa khoa Trung ương Quảng Nam, Bệnh viện Nhi hữu nghị Việt - Hàn, Công trình xử lý nước thải, chất thải rắn thành phố Hội An, Công trình xử lý thoát nước thành phố Tam Kỳ và nhiều dự án khác. Các dự

án FDI đóng góp nguồn thu ngân sách hàng ngàn tỷ đồng và giải quyết hàng ngàn lao động; các dự án NGO tham gia tích cực cùng với các địa phương trong các hoạt động cứu trợ nhân đạo, phòng tránh thiên tai, nâng cao năng lực cộng đồng. Tuy nhiên, kết quả của hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế của tỉnh cũng chưa tương xứng với tiềm năng và thế mạnh của tỉnh, nhận thức của một số cấp uỷ và chính quyền về công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế có lúc, có nơi chưa đầy đủ; công tác cải cách hành chính phục vụ hội nhập còn hạn chế; chất lượng nguồn nhân lực chưa đáp ứng yêu cầu hội nhập ngày càng cao.

Trong 5 năm tới, Hiệp định đối tác kinh tế xuyên Thái Bình Dương (TPP) và các hiệp định song phương, đa phương quan trọng khác sẽ có hiệu lực; tình hình chính trị, kinh tế thế giới được dự báo tiếp tục chuyển biến nhanh, tỉnh Quảng Nam đứng trước những vận hội và thách thức lớn đan xen. Để nâng cao hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế, thực hiện thắng lợi mục tiêu, nhiệm vụ mà Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XXI đề ra, cần tập trung thực hiện một số giải pháp chủ yếu sau:

Một là, tích cực triển khai Nghị quyết 22-NQ/TW ngày 10/4/2013 của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế, gắn kết chặt chẽ ba trụ cột: đối ngoại Đảng, ngoại giao Nhà nước, đối ngoại Nhân dân; đa dạng hóa các đối tác, chủ thể đối ngoại: đảng, chính quyền, tổ chức quốc tế cùng xác định rõ mục đích, đối tượng, trọng tâm hợp tác trong quan hệ quốc tế; Nghị quyết 31/NQ-CP ngày 13/5/2014 của Chính phủ

về ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết 22-NQ/TW của Bộ Chính trị; Chỉ thị số 15/CT-TTg ngày 07/7/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp tục triển khai Nghị quyết 22-NQ/TW của Bộ Chính trị và các văn bản khác liên quan vấn đề hội nhập quốc tế. Đặc biệt, chú trọng làm sâu sắc hơn, thực chất hơn các mối quan hệ với bạn bè và đối tác quốc tế như: Nhật Bản, Hàn Quốc, Hoa Kỳ, EU, ASEAN, Ấn Độ, Nga...

Hai là, tiếp tục đổi mới, tạo chuyển biến trong hoạt động ngoại giao kinh tế, ưu tiên các lĩnh vực công nghiệp, các ngành công nghệ cao, hiện đại, thân thiện với môi trường, xử lý chất thải, khoa học - công nghệ, giáo dục - đào tạo, du lịch, dịch vụ... thông qua việc sử dụng hiệu quả các nguồn lực quốc tế như: vốn FDI, ODA, NGO, các chương trình hợp tác chiến lược, trọng điểm.

Ba là, tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý hành chính nhà nước, cung cấp các dịch vụ công nhằm tăng cường tính công khai, minh bạch, tiết kiệm thời gian, công sức của Nhân dân, của doanh nghiệp, không ngừng củng cố và nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh. Quan tâm hơn nữa đến công tác tổ chức, đào tạo đội ngũ cán bộ (trong đó có đội ngũ cán bộ làm công tác đối ngoại) với ý thức, tinh thần phục vụ cao song song với xây dựng, quảng bá hình ảnh tốt đẹp, thân thiện về vùng đất và con người Quảng Nam trong mắt bạn bè và đối tác quốc tế.

Bốn là, hội nhập quốc tế mà cốt lõi là hội nhập kinh tế quốc tế, trong đó đội ngũ doanh nhân đóng vai trò là chủ thể của sự nghiệp này. Theo đó, cần tạo mọi điều kiện thuận lợi, hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư sản xuất kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh, thúc đẩy xuất khẩu, mở rộng thị trường, liên doanh - liên kết, tranh thủ vốn, công nghệ, trình độ quản lý phù hợp với các định hướng phát triển của tỉnh. Nhất là việc trang bị những kiến thức và kỹ năng cần thiết để chuẩn bị sẵn sàng thực hiện cam kết sau khi Việt Nam tham gia Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP) và Cộng đồng ASEAN vào đầu năm 2016.

Năm là, chủ động xây dựng quan hệ chặt chẽ, khăng khít với các cơ quan đối ngoại trung ương, các cơ quan đại diện ngoại giao và các bộ, ban, ngành, địa phương liên quan triển khai các nhiệm vụ đối ngoại và hội nhập của tỉnh. Quán triệt thực hiện Quy chế thống nhất công tác đối ngoại theo Quyết định 272 của Bộ Chính trị trên địa bàn tỉnh để quản lý các hoạt động đối ngoại một cách toàn diện, có sự phối hợp chặt chẽ và thống nhất giữa các sở, ngành, địa phương, đơn vị làm công tác đối ngoại của tỉnh.

Với những kết quả quan trọng đạt được trong những năm qua, chúng ta ngày càng nhận thức rõ hơn tầm quan trọng của công tác đối ngoại với sự nghiệp xây dựng và phát triển của tỉnh, đặc biệt là trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế. Chúng ta cũng hoàn toàn tin tưởng Đảng bộ, chính quyền, quân và dân Quảng Nam luôn kế thừa, phát

huy truyền thống “*Trung dũng kiên cường*”, vượt qua mọi khó khăn thách thức, làm cho tinh thần và quyết tâm hội nhập quốc tế thấm sâu hơn nữa vào hệ thống chính trị và đời sống xã hội của tỉnh, góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XXI đề ra.

PHẦN THỨ BA

ĐỀ CƯƠNG TUYÊN TRUYỀN

ĐẨY MẠNH CÔNG TÁC TUYÊN TRUYỀN CÁC NGÀY LỄ LỚN NĂM 2016

Năm 2016 là năm diễn ra Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XII; Bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XIV và Hội đồng Nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2016-2021; năm đầu triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội XII của Đảng và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XXI, đồng thời là năm kỷ niệm nhiều ngày lễ lớn của đất nước, của tỉnh, như: 70 năm Cuộc Tổng tuyển cử đầu tiên, bầu Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa - nay là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (6/1/1946-6/1/2016); 85 năm ngày thành lập Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh (26/3/1931-26/3/2016); 130 năm ngày Quốc tế Lao động (1/5/1886-1/5/2016); 105 năm ngày Bác Hồ ra đi tìm đường cứu nước (5/6/1911-5/6/2016); 75 năm ngày thành lập Mặt trận Việt Minh (19/5/1941-19/5/2016); 55 năm ngày Truyền thống Bộ đội Biên phòng tỉnh Quảng Nam (19/5/1961-19/5/2016); 70 năm ngày thành lập Lực lượng An ninh Nhân dân Việt Nam (12/7/1946-12/7/2016); 70 năm ngày Toàn quốc kháng chiến (19/12/1946-19/12/2016)...

Đây là dịp để đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên, cán bộ tuyên giáo các cấp, các cơ quan thông tin đại chúng đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục nhằm bồi dưỡng và phát huy tinh thần yêu nước, niềm tự hào, tự tôn dân tộc, phát huy chủ nghĩa anh hùng cách mạng, tinh thần đại đoàn

kết và ý chí tự lực, tự cường dân tộc; khẳng định những thành tựu của cách mạng trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, trong công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; khẳng định sự kiên định đi theo con đường xã hội chủ nghĩa do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo; củng cố niềm tin của Nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng và sự quản lý, điều hành của Nhà nước; tăng cường sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc, sự đồng thuận xã hội đối với những chủ trương, quyết sách của Đảng và Nhà nước; cổ vũ toàn Đảng bộ, toàn dân, toàn quân tỉnh Quảng Nam thi đua thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XXI, thi đua lập thành tích chào mừng các ngày lễ lớn của đất nước, của tỉnh, đặc biệt chào mừng Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XII.

Để đạt được mục đích nêu trên, yêu cầu trong tổ chức tuyên truyền năm 2016 là: Hoạt động tuyên truyền kỷ niệm kịp thời, sâu rộng, tổ chức bằng nhiều hình thức phù hợp, có trọng tâm, trọng điểm, thiết thực, mang tính giáo dục cao, tiết kiệm, tránh phô trương hình thức; tạo khí thế cách mạng, thúc đẩy phong trào thi đua thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị của địa phương, đơn vị. Gắn nội dung tuyên truyền kỷ niệm các ngày lễ lớn, các sự kiện chính trị trọng đại với việc thực hiện nhiệm vụ chính trị của địa phương, đơn vị và việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XI) về xây dựng Đảng, Chỉ thị 03 của Bộ Chính trị về tiếp tục đẩy mạnh học tập và làm theo tám gương đạo đức Hồ Chí Minh.

I- Những ngày lễ lớn tròn năm, chẵn năm

1- Kỷ niệm 70 năm Tổng tuyển cử đầu tiên, bầu Quốc hội nước Việt Nam dân chủ cộng hòa - nay là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (6/1/1946-6/1/2016)

** Nội dung tuyên truyền*

Tuyên truyền, khẳng định ý nghĩa, giá trị lịch sử và những bài học kinh nghiệm của cuộc Tổng tuyển cử đầu tiên, bầu Quốc hội nước Việt Nam dân chủ cộng hòa (1946) đối với sự nghiệp hoàn thiện thể chế dân chủ ở nước ta.

Tuyên truyền, giáo dục, phát huy tinh thần cách mạng của Tổng tuyển cử 1946 thực sự tự do, dân chủ, thể hiện sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân quyết tâm bảo vệ nền độc lập và xây dựng chế độ mới - chế độ dân chủ cộng hòa; từ đó cổ vũ toàn dân tích cực thi đua phấn đấu xây dựng quê hương, đất nước ngày càng giàu đẹp.

** Các hoạt động tuyên truyền*

Các địa phương, cơ quan, đơn vị tùy điều kiện tổ chức các cuộc tọa đàm, nói chuyện thời sự... về Tổng tuyển cử đầu tiên, bầu Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa (1946).

Báo Quảng Nam, Đài Phát thanh - Truyền hình Quảng Nam và Đài Truyền thanh, Truyền hình huyện, thị, thành phố có những tin, bài phản ánh sự kiện này.

2- Giỗ Tổ Hùng Vương (mùng 10 tháng 3 âm lịch 2016)

**** Nội dung tuyên truyền***

Tuyên truyền, giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa của dân tộc Việt Nam, đặc biệt là truyền thống đoàn kết, nhân ái, ý chí tự lực, tự cường, tinh thần cần cù, sáng tạo trong lao động, dũng cảm trong đấu tranh dựng nước và giữ nước của dân tộc; các giá trị lịch sử, văn hóa của Khu di tích Đền Hùng; những phong tục, tập quán tốt đẹp của cộng đồng dân tộc Việt Nam trên khắp mọi miền đất nước.

Tuyên truyền đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về đại đoàn kết toàn dân tộc; tôn vinh và phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Cổ vũ các tầng lớp Nhân dân, chung sức, đồng lòng đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế.

**** Các hoạt động tuyên truyền***

Tổ chức sinh hoạt vui chơi, hoạt động văn hóa, văn nghệ tại địa phương, đơn vị. Các phương tiện thông tin đại chúng ở tỉnh, đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên đẩy mạnh công tác tuyên truyền sự kiện này.

3- Kỷ niệm 85 năm ngày thành lập Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh (26/3/1931-26/3/2016) gắn với 60

năm ngày Thành lập Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam (15/10/1956-15/10/2016) và 75 năm ngày Thành lập Đội Thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh (15/5/1941-15/5/2016)

**** Nội dung tuyên truyền***

Bối cảnh lịch sử ra đời, quá trình 85 năm xây dựng và phát triển của Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, 60 năm Hội LHTN Việt Nam và 75 năm Đội TNTP Hồ Chí Minh, những đóng góp của tuổi trẻ đối với tiến trình chung của cách mạng Việt Nam.

Vai trò, nhiệm vụ của đoàn viên, thanh niên và của Đoàn - Hội trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế.

Những văn bản của Đảng và Nhà nước về công tác thanh thiếu niên. Phương hướng, nhiệm vụ, các chương trình, kế hoạch hoạt động thời gian tới của Đoàn - Hội - Đội.

**** Các hoạt động tuyên truyền***

Tỉnh đoàn, Hội LHTN Việt Nam tỉnh Quảng Nam đẩy mạnh hoạt động tuyên truyền, giáo dục đạo đức, lối sống đẹp; truyền thống lịch sử, cách mạng; bồi dưỡng lòng yêu nước; định hướng cho đoàn viên, thanh thiếu niên ý thức, trách nhiệm trong việc tham gia xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; tránh để kẻ xấu lợi dụng, kích động, lôi kéo vào những hoạt động xấu gây tổn hại đến lợi ích quốc gia; tổ chức chương trình hành động hướng về cơ sở.

Các cấp bộ Đoàn - Hội tổ chức các hoạt động kỷ niệm thiết thực, chú trọng biểu dương những đoàn viên thanh thiếu niên có thành tích trong học tập, lao động sản xuất; giao lưu đoàn viên thanh thiếu niên điển hình tiên tiến...

Báo Quảng Nam, Đài Phát thanh - Truyền hình Quảng Nam và Đài Truyền thanh, Truyền hình huyện, thị, thành phố mở chuyên trang, chuyên mục phản ánh các hoạt động chào mừng 85 năm ngày thành lập Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh.

4- Kỷ niệm 130 năm ngày Quốc tế Lao động (1/5/1886-1/5/2016)

**** Nội dung tuyên truyền***

Tuyên truyền về ý nghĩa lịch sử của ngày Quốc tế Lao động và ghi nhận những cống hiến to lớn của giai cấp công nhân Quốc tế trong phong trào đấu tranh của giai cấp vô sản thế giới vì hòa bình, tự do, dân chủ và tiến bộ xã hội.

Lịch sử hình thành và sự phát triển của Công đoàn Việt Nam do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo; truyền thống cách mạng của giai cấp công nhân Việt Nam, khẳng định ngày 1/5 là ngày hội lớn của những người lao động Việt Nam, ngày biểu dương sức mạnh của giai cấp công nhân và nhân dân lao động. Nhấn mạnh vị trí, vai trò, trách nhiệm của tổ chức Công đoàn trong việc chăm lo giáo dục chính trị

tư tưởng, chuyên môn nghiệp vụ và bảo vệ quyền lợi chính đáng, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ của giai cấp công nhân và người lao động Việt Nam trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế.

** Các hoạt động tuyên truyền*

Liên đoàn Lao động tỉnh ban hành kế hoạch tuyên truyền kỷ niệm trong giai cấp công nhân, cán bộ công nhân viên chức, tổ chức các hoạt động chào mừng có ý nghĩa thiết thực; tạo không khí vui tươi, phấn khởi trong các giai tầng xã hội, góp phần tạo dựng môi trường đầu tư lành mạnh, đảm bảo quyền và lợi ích chính đáng cho người lao động.

Ban tuyên giáo, tuyên huấn các huyện, thành ủy, các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy phối hợp với Liên đoàn lao động và Công đoàn các cấp tổ chức hoạt động giao lưu, văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao, gặp mặt,...

Mặt trận, các đoàn thể chính trị - xã hội tranh thủ sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng, chính quyền tổ chức các hoạt động nhằm tôn vinh những công nhân, người lao động tiêu biểu, có nhiều công trình nghiên cứu khoa học, sáng kiến kinh nghiệm trong công tác, có nhiều thành tích trong lao động giỏi, sáng tạo góp phần vào sự phát triển của các cơ quan, đơn vị.

5- Kỷ niệm 75 năm ngày thành lập Mặt trận Việt Minh (19/5/1941-19/5/2016)

** Nội dung tuyên truyền*

Ý nghĩa lịch sử, vai trò, vị trí, những đóng góp của Việt Nam độc lập đồng minh (Mặt trận Việt Minh) trong tiến trình của cách mạng Việt Nam.

Giáo dục bài học lớn về đại đoàn kết toàn dân tộc, các tầng lớp xã hội, các dân tộc, các tôn giáo trên cơ sở củng cố khối liên minh công - nông - trí thức do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo, tư tưởng Hồ Chí Minh về “*Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết, thành công, thành công, đại thành công*”. Tuyên truyền nâng cao trách nhiệm của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân trong xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc thời kỳ mới.

** Các hoạt động tuyên truyền*

Mặt trận Tổ quốc các cấp tổ chức sinh hoạt kỷ niệm; gặp mặt cán bộ mặt trận qua các thời kỳ, tổ chức một số hội thảo (nếu có điều kiện) để làm sâu sắc hơn những quan điểm của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc và phát huy sức mạnh đại đoàn kết dân tộc trong thời kỳ hội nhập quốc tế.

Các phương tiện thông tin đại chúng trên địa bàn toàn tỉnh đăng tin, bài viết khẳng định vị trí, tầm quan trọng, những bài học lý luận và thực tiễn của Mặt trận Việt Minh trong 10 năm tồn tại (1941-1951).

6- Kỷ niệm 55 năm ngày Truyền thống Bộ đội Biên phòng tỉnh Quảng Nam (19/5/1961-19/5/2016)

**** Nội dung tuyên truyền***

Tuyên truyền, phổ biến, làm cho cán bộ, đảng viên và nhân dân nhận thức đúng, đầy đủ những chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về giữ vững độc lập, chủ quyền an ninh biên giới và những định hướng lớn xây dựng Bộ đội Biên phòng trong giai đoạn mới.

Truyền thông về vang, những đóng góp to lớn của Bộ đội Biên phòng tỉnh trong suốt 55 năm xây dựng, chiến đấu và trưởng thành, góp phần vào thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước; góp phần vào xây dựng khu vực biên giới Quảng Nam - Sê Koong (Lào) phát triển toàn diện; quản lý và bảo vệ chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, an ninh biên giới, biển, đảo, xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Biểu dương những điển hình tập thể, cán bộ, chiến sĩ và nhân dân đạt thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua bảo vệ an ninh biên giới, biển, đảo của Tổ quốc.

**** Các hoạt động tuyên truyền***

Bộ chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh chỉ đạo các đơn vị trực thuộc tổ chức các hoạt động tuyên truyền, các chương trình văn nghệ phục vụ Nhân dân vùng biên giới, hải đảo; gặp mặt điển hình tiên tiến...

Ban Tuyên giáo, tuyên huấn các huyện, thị, thành uỷ, Đảng uỷ trực thuộc Tỉnh uỷ, các tổ chức chính trị - xã hội và các xã, phường biên giới, hải đảo tùy tình hình thực tiễn địa phương, đơn vị để tổ chức tuyên truyền trên địa bàn trước, trong và sau dịp kỷ niệm.

Các sở, ban, ngành, đoàn thể, huyện, thị, thành phố tổ chức các hoạt động kỷ niệm thiết thực: gặp mặt tọa đàm, giúp đỡ, thăm hỏi, tặng quà lực lượng vũ trang đang làm nhiệm vụ ở vùng biên giới, hải đảo và thực hiện tốt chính sách hậu phương quân đội... Các đơn vị có đường biên giới trên bộ, có biển, đảo, căn cứ tình hình thực tiễn, tổ chức các hoạt động kỷ niệm.

Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao về đề tài Biên phòng; tăng cường hoạt động thông tin, cổ động chào mừng; tổ chức du lịch, quảng bá, phát triển mối quan hệ hợp tác, hữu nghị với các nước láng giềng và bạn bè quốc tế.

Báo Quảng Nam, Đài Phát thanh - Truyền hình Quảng Nam, Đài truyền thanh, Truyền hình các huyện, thị, thành phố mở chuyên trang, chuyên mục về ngày kỷ niệm; đăng các bài về ý nghĩa, tầm quan trọng của việc bảo vệ chủ quyền biên giới, biển, đảo.

Tỉnh đoàn Quảng Nam đẩy mạnh hoạt động tuyên truyền, giáo dục truyền thống lịch sử, cách mạng; bồi dưỡng lòng yêu nước; định hướng cho đoàn viên, thanh niên ý thức,

trách nhiệm trong việc tham gia bảo vệ chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, biên giới quốc gia, tránh để kẻ xấu lợi dụng, kích động, lôi kéo vào những hoạt động xấu gây tổn hại đến lợi ích quốc gia; tổ chức chương trình hành động hướng về bộ đội nơi biên giới, hải đảo gắn với dịp kỷ niệm 85 năm ngày thành lập Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh.

7- Kỷ niệm 70 năm ngày Thành lập Lực lượng An ninh Nhân dân Việt Nam (12/7/1946-12/7/2016)

**** Nội dung tuyên truyền***

Truyền thống vẻ vang của lực lượng Công an Nhân dân, trong đó An ninh Nhân dân là một trong những lực lượng nòng cốt chiến đấu trên trận tuyến thầm lặng với trọng trách giữ gìn an ninh chính trị của đất nước, bảo vệ Đảng, bảo vệ chính quyền cách mạng, bảo vệ Nhân dân qua các giai đoạn cách mạng Việt Nam. Tuyên truyền bản chất, truyền thống tốt đẹp của An ninh Nhân dân qua đó củng cố niềm tự hào và tin yêu của Nhân dân đối với lực lượng Công an nói chung, An ninh Nhân dân nói riêng.

Nhiệm vụ giữ gìn an ninh chính trị của đất nước, bảo vệ Đảng, bảo vệ chính quyền cách mạng, bảo vệ Nhân dân trong tình hình hiện nay; giáo dục tinh thần cảnh giác cách mạng, chống âm mưu “*diễn biến hòa bình*” của các thế lực thù địch; động viên toàn dân tham gia các phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc.

Tuyên truyền các phong trào thi đua lập thành tích của lực lượng An ninh Nhân dân hướng về ngày kỷ niệm; thực hiện Chỉ thị 03-CT/TW của Bộ Chính trị gắn với phong trào *“Công an nhân dân học tập, thực hiện 6 điều Bác Hồ dạy”*; những thành tích và chiến công tiêu biểu của các đơn vị, cá nhân anh hùng, chiến sĩ thi đua, điển hình tiên tiến, mô hình mới..., trong lĩnh vực giữ gìn an ninh chính trị của đất nước, bảo vệ Đảng, bảo vệ chính quyền cách mạng, bảo vệ Nhân dân; biểu dương, tôn vinh những tấm gương dũng cảm hy sinh, tận tụy vì dân của cán bộ, chiến sĩ An ninh Nhân dân.

** Các hoạt động tuyên truyền, kỷ niệm*

Công an tỉnh mở đợt sinh hoạt chính trị trong toàn ngành Công an nói chung, An ninh Nhân dân nói riêng để giáo dục cho cán bộ, chiến sĩ về truyền thống vẻ vang của Đảng, của dân tộc, ôn lại truyền thống và xác định nhiệm vụ trọng tâm của lực lượng An ninh Nhân dân trong giai đoạn cách mạng mới. Tổ chức gặp mặt, thăm hỏi các thế hệ cán bộ, chiến sĩ đã cống hiến trong ngành; quan tâm giải quyết chế độ chính sách cho các thương binh, gia đình liệt sĩ. Phát động phong trào thi đua yêu nước trong toàn ngành Công an.

Báo Quảng Nam, Đài Phát thanh - Truyền hình Quảng Nam và Đài Truyền thanh, Truyền hình huyện, thị, thành phố tích cực phản ánh các hoạt động của lực lượng An ninh Nhân dân hướng về ngày kỷ niệm và sự hưởng ứng của Nhân dân đối với phong trào *“Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc”*.

8- Kỷ niệm 55 năm “Đường Hồ Chí Minh trên biển” (23/10/1961-23/10/2016)

**** Nội dung tuyên truyền***

Tuyên truyền đến cán bộ, đảng viên, chiến sỹ và Nhân dân trong tỉnh những thành tích và chiến công của bộ đội Hải quân và Nhân dân Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, nhất là những chiến công của cán bộ, chiến sỹ trên các “đoàn tàu Không số”; sự giúp đỡ vô tư, có hiệu quả của các nước anh em trên thế giới trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc.

Ca ngợi tinh thần vượt qua khó khăn, thách thức của Nhân dân và các lực lượng làm nhiệm vụ ở các bến bãi tập kết và tiếp nhận vũ khí trên con đường mang tên Chủ tịch Hồ Chí Minh; khơi dậy truyền thống, phát huy chủ nghĩa anh hùng cách mạng của dân tộc, quân đội và hình ảnh cao đẹp của Bộ đội Cụ Hồ, của người chiến sỹ hải quân, Nhân dân trong thời kỳ mới.

**** Các hoạt động tuyên truyền***

Tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ thể thao chào mừng ngày kỷ niệm. Tổ chức tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng; nói chuyện chuyên đề về truyền thống mở đường Hồ Chí Minh trên biển cho cán bộ, chiến sỹ trong đơn vị.

Lực lượng vũ trang các cấp, tùy điều kiện tổ chức các cuộc tọa đàm để khẳng định những thành tích to lớn và rất

quan trọng của các “Đoàn tàu Không Số” trong cuộc đấu tranh chống Mỹ cứu nước.

9- Kỷ niệm 70 năm ngày Toàn quốc kháng chiến (19/12/1946-19/12/2016)

*** Nội dung tuyên truyền**

Sự ra đời, vị trí, vai trò tầm quan trọng của ngày Toàn quốc kháng chiến trong kháng chiến chống thực dân Pháp và thành quả vĩ đại của cách mạng Việt Nam.

Tư tưởng “*dĩ bất biến, ứng vạn biến*” của Bác Hồ và những giá trị lịch sử của tư tưởng này trong giai đoạn cách mạng Việt Nam hiện nay. Thành tựu 70 năm phát huy tư tưởng “*dĩ bất biến, ứng vạn biến*” trong đấu tranh cách mạng và xây dựng quê hương của Đảng bộ, chính quyền và Nhân dân tỉnh Quảng Nam.

*** Các hoạt động tuyên truyền**

Các địa phương, đơn vị tổ chức các hoạt động kỷ niệm phù hợp, tạo khí thế sôi nổi, phấn khởi trong các tầng lớp Nhân dân hướng về ngày kỷ niệm; thăm hỏi, động viên các gia đình liệt sĩ, thương binh, gia đình chính sách, gia đình có công với cách mạng; gặp mặt cán bộ lão thành cách mạng, các nhân chứng lịch sử, đặc biệt lưu ý đến những lão thành cách mạng thời kháng chiến chống Pháp... Tạo điều kiện cho cán bộ, đảng viên, nhân dân về địa chỉ đỏ, dâng hoa, viếng hương tưởng niệm tại các nghĩa trang liệt sĩ và khu di

tích trong kháng chiến chống Pháp.

Báo Quảng Nam, Đài Phát thanh-Truyền hình tỉnh và Đài Truyền thanh, Truyền hình huyện, thị, thành phố đăng những tin, bài phản ánh sự kiện này.

10- Kỷ niệm 195 năm ngày sinh Phạm Phú Thứ (1821-2016), 160 năm ngày sinh Châu Thượng Văn (1856-2016), 160 năm ngày sinh Đỗ Đăng Tuyển (1856-2016), 150 năm ngày sinh Trần Cao Vân (1866-2016), 140 năm ngày sinh Huỳnh Thúc Kháng (1876-2016), 110 năm ngày sinh Tổng Bí thư Hà Huy Tập (1906-2016), 110 năm ngày sinh Thủ tướng Phạm Văn Đồng (1906-2016), 105 năm ngày sinh Phan Bội (1911-2016).

* *Nội dung tuyên truyền:* Thân thể, cuộc đời, sự nghiệp và những cống hiến của các chí sĩ, các nhà cách mạng, các đồng chí lãnh đạo đối với sự nghiệp cách mạng của Đảng, dân tộc, của quê hương, đất nước.

* *Các hoạt động tuyên truyền:* Báo Quảng Nam, Đài Phát thanh - Truyền hình Quảng Nam và Đài Truyền thanh, Truyền hình huyện, thị thành phố có những bài viết tuyên truyền về thân thể, sự nghiệp của các chí sĩ, các nhà cách mạng, các đồng chí lãnh đạo.

II- Các ngày lễ không tròn năm, chẵn năm:

Bên cạnh kỷ niệm các ngày sự kiện chẵn năm, tròn năm nêu trên còn có các ngày kỷ niệm không tròn năm, chẵn năm,

như ngày: Thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam, Đảng bộ tỉnh Quảng Nam. Ngày giải phóng miền Nam thống nhất đất nước, Ngày giải phóng tỉnh Quảng Nam... Các địa phương, đơn vị bám vào Sổ tay tuyên truyền những năm trước để tuyên truyền.

III- Năm 2016 còn có các ngày kỷ niệm như: 70 năm ngày Thể thao Việt Nam và ngày Bác Hồ ra lời kêu gọi toàn dân tập thể dục (27/3/1946-27/3/2016); 15 năm ngày Gia đình Việt Nam (28/6/2001-28/6/2016); 69 năm ngày Thương binh Liệt sĩ (27/7/1947-27/7/2016); 87 năm ngày thành lập Công đoàn Việt Nam (28/7/1929-28/7/2016); 21 năm ngày Việt Nam gia nhập ASEAN (28/7/1995-28/7/2016); 47 năm thực hiện Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh (02/9/1969-02/9/2016); 61 năm ngày thành lập Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (10/9/1955-10/9/2016); 86 năm ngày Xô Viết Nghệ Tĩnh (12/9/1930-12/9/2016); 39 năm ngày Việt Nam gia nhập Liên Hiệp Quốc (20/9/1977-20/9/2016); 20 năm ngày khuyến học Việt Nam (02/10/1996-02/10/2016); 99 năm Cách mạng tháng Mười Nga (07/11/1917-07/11/2016); 86 năm ngày thành lập Mặt trận Dân tộc Thống nhất Việt Nam (18/11/1930-18/11/2016); 70 năm ngày Thành lập Hội Chữ thập đỏ Việt Nam (23/11/1946-23/11/2016); 76 năm Khởi nghĩa Nam Kỳ (23/11/1940-23/11/2016); 56 năm ngày thành lập Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam (20/12/1960-20/12/2016); 72 năm ngày thành lập Quân đội Nhân dân Việt Nam (22/12/1944-22/12/2016) và 27 năm ngày hội Quốc phòng toàn dân (22/12/1989-22/12/2016); 55

năm ngày Dân số Việt Nam (26/12/1961-26/12/2016)..., tùy điều kiện, tình hình cụ thể các ngành, các đơn vị, địa phương tổ chức các hoạt động phù hợp.

Để công tác tuyên truyền, giáo dục được kịp thời, đạt hiệu quả, cần thực hiện tốt các nhiệm vụ sau:

Các cơ quan báo chí, truyền thông, đưa tin, tuyên truyền về các ngày lễ lớn của tỉnh bảo đảm kịp thời, đúng định hướng chính trị, tư tưởng. Báo Quảng Nam, Đài Phát thanh - Truyền hình Quảng Nam và các, tạp chí, trang tin điện tử chủ động xây dựng các chương trình tuyên truyền phù hợp và tương xứng với ý nghĩa lịch sử của từng sự kiện, có trọng tâm, trọng điểm và hiệu quả. Đài Phát thanh - Truyền hình Quảng Nam chủ động phối hợp với hãng phim Tài liệu và Khoa học Trung ương khai thác và phát sóng các phim tư liệu về lịch sử dân tộc, về Đảng, về Bác Hồ; đồng thời chuẩn bị các điều kiện để tổ chức tốt các buổi phát thanh, truyền hình trực tiếp các lễ kỷ niệm và các hoạt động lớn do Trung ương tổ chức.

Cơ quan chức năng liên quan chỉ đạo, hướng dẫn tổ chức các hoạt động chào mừng kỷ niệm, như: cổ động, văn hóa, văn nghệ, thể thao, triển lãm, điện ảnh... phục vụ Nhân dân, nhất là ở các vùng sâu, vùng xa, vùng căn cứ kháng chiến; khuyến khích việc sáng tác những tác phẩm văn học, nghệ thuật về truyền thống lịch sử, văn hóa dân tộc, về những tập thể, cá nhân tiêu biểu trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Các Chi Hội văn học - nghệ thuật huyện, thị, thành phố làm tốt công tác tuyên truyền, vận động các tổ chức, cá nhân, nhất là giới văn nghệ sỹ, trí thức sáng tác và quảng bá, biểu diễn các tác phẩm văn học, nghệ thuật có giá trị giáo dục chính trị, tư tưởng và tính nghệ thuật cao để chào mừng các ngày lễ lớn của quê hương, đất nước.

Ban Tuyên giáo, tuyên huấn các huyện, thị, thành ủy, đảng ủy trực thuộc, Mặt trận, các đoàn thể chính trị cần bám sát hướng dẫn của Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, kịp thời tham mưu cấp ủy lãnh đạo, chỉ đạo nội dung, hoạt động tuyên truyền; nghiên cứu, đổi mới phương thức hoạt động tuyên truyền với nhiều hình thức phù hợp, có trọng tâm, trọng điểm, thiết thực, an toàn, tiết kiệm, tránh phô trương hình thức; tạo khí thế cách mạng, thúc đẩy việc thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ chính trị của địa phương, đơn vị./.

KỶ NIỆM 70 NĂM CUỘC TỔNG TUYỂN CỬ ĐẦU TIÊN BẦU ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI NƯỚC VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HÒA (06/01/1946 - 06/01/2016)

Cách đây 70 năm, chỉ sau mấy tháng giành được độc lập, ngày 6/01/1946, cuộc Tổng tuyển cử đầu tiên theo nguyên tắc dân chủ, trực tiếp và bỏ phiếu kín diễn ra thành công. Hàng triệu người vừa thoát khỏi ách nô lệ của chủ nghĩa thực dân đã nô nức đi bỏ phiếu, bầu ra Quốc hội đầu tiên. Sự kiện đã đi vào lịch sử nước nhà, đánh dấu việc khai sinh Quốc hội của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, nay là Quốc hội của Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

I. Tập trung ổn định tình hình chính trị, kinh tế - xã hội trong nước trước khi tổng tuyển cử bầu ra Quốc hội đầu tiên của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa.

Sau thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám và chỉ cách một ngày sau khi Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc Tuyên ngôn Độc lập khai sinh nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, các Bộ trưởng Chính phủ Cách mạng lâm thời đã được mời đến họp phiên đầu tiên tại phòng tiếp đón Bắc Bộ phủ nhằm thông qua 6 nhiệm vụ quan trọng cần thực hiện cấp bách đối với Nhà nước mới thành lập, đó là: Phát động phong trào tăng gia sản xuất để chống nạn đói, mở ngay cuộc lạc quyền gạo

để giúp đỡ người nghèo; mở chiến dịch chống nạn mù chữ; tổ chức càng sớm càng hay cuộc Tổng tuyển cử với chế độ phổ thông đầu phiếu, soạn thảo Hiến pháp dân chủ; mở rộng chiến dịch giáo dục cần, kiệm, liêm, chính để bài trừ những thói hư tật xấu của chế độ thực dân để lại; bỏ ngay thuế thân, thuế chợ, thuế đò..., ra tuyên bố tự do tín ngưỡng và đoàn kết lương giáo.

6 nhiệm vụ cấp bách trên đã được Chính phủ lâm thời thảo luận, tán thành và nhất trí cao, trong đó nhiệm vụ tổ chức càng sớm càng hay cuộc Tổng tuyển cử với chế độ phổ thông đầu phiếu, soạn thảo Hiến pháp dân chủ được gấp rút thực hiện. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói: *“Trước chúng ta bị chế độ quân chủ chuyên chế cai trị, rồi đến chế độ thực dân không kém phần chuyên chế, nên nước ta không có hiến pháp. Nhân dân ta không được hưởng quyền tự do dân chủ. Chúng ta phải có một hiến pháp dân chủ. Tôi đề nghị Chính phủ tổ chức càng sớm càng hay cuộc Tổng tuyển cử với chế độ phổ thông đầu phiếu. Tất cả công dân trai, gái mười tám tuổi đều có quyền ứng cử và bầu cử, không phân biệt giàu, nghèo, tôn giáo, giòng giống...”*. Trước nhiệm vụ cấp bách và quan trọng đó, Chính phủ cách mạng lâm thời không ngừng đẩy mạnh ổn định chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội.

1. Ổn định tình hình kinh tế, văn hóa, xã hội

Ngay sau khi thành lập, chính quyền cách mạng của Nhân dân ta phải đối mặt với nhiều khó khăn: công nghiệp

phá sản, nông nghiệp đình đốn, tài chính kiệt quệ, nạn đói đe dọa trầm trọng. Hơn 90% dân số mù chữ, tệ nạn xã hội nặng nề, kinh nghiệm quản lý chính quyền chưa có... Nhưng với tinh thần và quyết tâm thực hiện thắng lợi mọi nhiệm vụ chính trị, như niềm tin của Chủ tịch Hồ Chí Minh *“Với lòng yêu nước và yêu Nhân dân sâu sắc, tôi chắc chúng ta sẽ thành công”*, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Chính phủ cách mạng đã không ngừng phấn đấu thực hiện, cải thiện đời sống cho mọi người dân. Hàng triệu người hưởng ứng lời kêu gọi của Người để chiến thắng giặc đói, giặc dốt. Sản xuất nông nghiệp được nhanh chóng khôi phục, nạn đói được đẩy lùi. Đời sống vật chất của toàn xã hội, nhất là của Nhân dân lao động được ổn định.

Những thắng lợi trên mặt trận chống giặc đói có ý nghĩa chính trị vô cùng to lớn, làm nổi bật tính ưu việt của chính quyền Nhân dân, xây dựng vững chắc khối liên minh công - nông do giai cấp công nhân lãnh đạo. Nhân dân càng tin tưởng vào Đảng, Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh, gắn bó với chế độ mới. Trong sản xuất công nghiệp, chế độ lao động cho công nhân ngày làm 8 giờ được ban hành, chủ xí nghiệp, chủ hãng buôn muốn thải thợ phải báo trước một tháng, tiền phụ cấp công nhân bị thải hồi được ấn định.

Để đảm bảo nhu cầu chi tiêu của Nhà nước và khắc phục những khó khăn trước mắt, ngày 4/9/1945, Chính phủ ra Sắc lệnh xây dựng *“Quỹ độc lập”* và tổ chức *“Tuần lễ vàng”*. Nhân dân đã tự nguyện đóng góp 370 kg vàng, 20 triệu đồng

vào “*Quý độc lập*” và 40 triệu đồng “*Đảm phụ quốc phòng*”. Kết quả đó tạo điều kiện cho Chính phủ tiến một bước quan trọng trên con đường xây dựng cơ sở kinh tế dân tộc độc lập, phát hành đồng tiền mới - đồng tiền của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Hậu quả chính sách ngu dân của thực dân Pháp là hơn 90% số dân Việt Nam bị mù chữ. Do đó việc chống giặc đốt là một trong những việc được Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng ta quan tâm và phát động cao trào toàn dân chống nạn mù chữ để mở mang kiến thức cho Nhân dân lao động. Chủ tịch Hồ Chí Minh kêu gọi:

“Muốn giữ vững nền độc lập;

Muốn làm cho dân mạnh, nước giàu;

Mọi người Việt Nam phải hiểu biết quyền lợi của mình, phải có kiến thức mới có thể tham gia vào công cuộc xây dựng nhà nước...”.

Kết quả sau một năm đã có 2.500.000 người thoát nạn mù chữ. Hệ thống giáo dục phổ thông và đại học cũng được xây dựng và từng bước phát triển theo 3 nguyên tắc: dân tộc, dân chủ và khoa học.

Chủ tịch Hồ Chí Minh quan tâm sâu sắc đến việc “*trồng người*”, tháng 9/1945, trong thư gửi học sinh nhân ngày khai trường, Người viết: “*Non sông Việt Nam có trở nên tươi đẹp hay không, dân tộc Việt Nam có bước tới đài vinh quang để*

sánh vai với các cường quốc năm châu được hay không, chính là nhờ một phần lớn ở công học tập của các em”.

Thắng lợi của cuộc đấu tranh chống giặc đốt, ngoài ý nghĩa về văn hóa còn là thắng lợi về chính trị. Nó tạo điều kiện cho Nhân dân tham gia quản lý Nhà nước và phát huy quyền làm chủ của mình.

2. Tăng cường đoàn kết, đấu tranh hòa hoãn để tạo không khí chính trị ổn định cho Tổng tuyển cử

Cùng với nhiệm vụ quan trọng trên, vấn đề an ninh chính trị của Chính phủ mới thành lập cũng gặp nhiều khó khăn.

Hiểm họa từ bên ngoài cũng như các lực lượng đang đe dọa bóp chết cách mạng tiếp tục tăng lên trong thời gian này. Giữa tháng 9/1945, quân Tưởng Giới Thạch ở miền Bắc Việt Nam lên tới 20 vạn tên. Rõ ràng là mục đích của một đạo quân đông như thế không chỉ đi tước vũ khí quân đội Nhật. Ở Trùng Khánh, bọn Tưởng cho rằng đã đến thời cơ thuận lợi mà chúng chờ đợi từ lâu để thôn tính Việt Nam. Bọn chúng tính toán rằng ít ra chúng cũng có thể dựng lên được một chế độ ngoan ngoãn mà chúng tranh giành từ Vĩ tuyến 16 trở ra. Trong đoàn quân Tưởng kéo sang Việt Nam có các thủ lĩnh các đảng Việt cách, Việt quốc và phần tử gốc người Việt đã được rèn dạy trong quân đội Tưởng trước đây.

Trên đường tới Hà Nội, bọn Tưởng tước khí giới các đội tự vệ địa phương và giải tán các UBND cách mạng, thay vào đó bằng những tên tay sai của chúng. Trong số những người

của chúng thì Nguyễn Hải Thần - thủ lĩnh khá nổi tiếng của đảng Việt cách tỏ ra hiều chiến. Chúng và đồng bọn công khai tuyên bố rằng quân đội Tưởng là chỗ dựa của chúng, vì thế, nếu Việt Minh không đưa chúng vào thành phần Chính phủ thì chúng sẽ đảo chính quân sự. Hoạt động của các đảng Việt quốc tinh vi hơn, nguy hiểm hơn. Ngay từ những ngày đầu chúng chấn chỉnh lại việc xuất bản các tờ báo của chúng để tập trung tuyên truyền chống Việt Minh, mặc loa cực mạnh vu khống Chính phủ Hồ Chí Minh, đồng thời tổ chức mưu sát những cán bộ nòng cốt của Việt Minh, bắt cóc người, tổ chức cướp ngân hàng. Các hãng tin phương Tây cũng bóp méo sự thật đưa tin giả dối và bôi nhọ cách mạng, tạo nên bầu không khí thù địch với cách mạng Việt Nam.

Ở phía Nam đất nước có các biến cố xảy ra. Ngày 6/9/1945, toán quân Anh đầu tiên đến Sài Gòn. Các đại diện Anh không thừa nhận bộ máy chính quyền của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và đòi tước vũ khí các đơn vị quân giải phóng. Sau đó quân đội viễn chinh Pháp cũng tiến vào Sài Gòn bằng máy bay và tàu chiến Anh.

Đêm ngày 22 rạng ngày 23/9/1945, quân đội Pháp khởi sự ở miền Nam. Ngày 26/9/1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh kêu gọi đồng bào Nam bộ anh dũng kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược. Người nói: *“Nước ta vừa tranh quyền độc lập thì đã gặp nạn ngoại xâm. Tôi tin là đồng bào cả nước đều tin vào lòng kiên quyết ái quốc của đồng bào Nam bộ. Chúng ta nên nhớ lời nói oanh liệt của một nhà đại cách*

mạng Pháp: “Thà chết tự do còn hơn sống nô lệ”. Tôi chắc và đồng bào Nam bộ cũng chắc rằng Chính phủ và đồng bào toàn quốc sẽ hết sức ủng hộ những chiến sĩ và Nhân dân anh dũng hy sinh đấu tranh để giữ vững nền độc lập của nước nhà”. Ít lâu sau xuất hiện khẩu hiệu “Chiến đấu để bảo vệ thành phố Hồ Chí Minh” và 30 năm sau Sài Gòn chính thức được mang tên Bác.

Trong những ngày dồn dập khó khăn và phức tạp đầy lo âu của một nước Cộng hòa non trẻ, Thường vụ Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương nghiên cứu, xác định kẻ thù nào bên ngoài là nguy hiểm hơn cả. Mặc dầu một đạo quân rất lớn của Tưởng đang đóng ở miền Bắc Việt Nam, nhưng kẻ thù nguy hiểm hơn là những tên thực dân cũ, chúng chưa từ bỏ dã tâm trở lại thống trị Việt Nam, vì thế, *“sớm hay muộn thực dân Pháp cũng sẽ thỏa thuận với Trùng Khánh để trở lại nắm lấy Đông Dương nếu như Pháp hứa tôn trọng quyền lợi của Trung Quốc”*. Do đó, Thường vụ Trung ương Đảng quyết định kiên trì đường lối: ở miền Nam phải bằng mọi cách đánh trả bọn xâm lược Pháp, mở rộng cuộc kháng chiến toàn dân; Ở miền Bắc phải thi hành chính sách hòa hoãn, nhân nhượng một cách khôn khéo.

Gần đến ngày Tổng tuyển cử bầu ra Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, dưới sự lãnh đạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh và Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Nhân dân giành được những thắng lợi trên tất cả các mặt kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội. Bọn Tưởng và tay chân chúng trong đám

Việt cách và Việt quốc hiểu rằng chúng không thể trông chờ thắng lợi trong cuộc Tổng tuyển cử được. Vì vậy, chúng tích cực hoạt động phá hoại, tìm cách ngăn cản việc tiến hành Tổng tuyển cử. Cuối tháng 12/1945, tướng Tiêu Văn - đại diện chính trị của Tưởng ở miền Bắc Việt Nam - gửi một yêu sách có tính chất tối hậu thư cho Chủ tịch Hồ Chí Minh, yêu cầu cải tổ Chính phủ lâm thời trước khi Tổng tuyển cử bằng cách triệu hồi các Bộ trưởng Cộng sản và thay vào đó những đại diện của bọn Việt cách, Việt quốc. Chúng yêu cầu phải dành sẵn 2 đảng này 80 ghế trong Quốc hội tương lai và thay quốc kỳ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, bởi quốc kỳ này “*giống cò Quốc tế Cộng sản*”. Các thủ lĩnh của hai đảng này còn âm mưu xa hơn nữa, chúng đòi phải trao cho chúng các chức Chủ tịch, Thủ tướng và 7 ghế Bộ trưởng chủ chốt. Nắm bắt được tính chất mâu thuẫn trong nội bộ chính quyền Tưởng, trong quá trình thương lượng, dàn xếp nhằm mục đích thực hiện Tổng tuyển cử càng sớm càng hay với sự tham gia của bọn Tưởng, phương án thỏa hiệp đã được chấp nhận: Chính phủ lâm thời sẽ được chỉ định thành Chính phủ liên hiệp có sự tham gia đại diện của 3 lực lượng chính trị Việt Minh, Việt quốc, Việt cách; thủ lĩnh Việt cách là Nguyễn Hải Thần giữ chức Phó Chủ tịch nước, Nguyễn Tường Tam, thủ lĩnh Việt quốc giữ chức Bộ trưởng ngoại giao, cả hai đảng này được đảm bảo dành cho một số ghế trong Quốc hội. Họ đã nhất trí tiến hành tổ chức Tổng tuyển cử trong thời gian gần nhất, chấp nhận thống nhất các lực lượng vũ trang cả nước, chấm dứt tranh luận công khai.

Sức mạnh chính trị tinh thần của Nhân dân ta cùng với sự vận dụng tài giỏi đường lối sách lược của Đảng và Bác Hồ đã làm tê liệt một phần ý chí xâm lược của bọn quân phiệt Tưởng có trong tay 20 vạn quân.

II - Cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội chính thức khóa đầu tiên

Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, để củng cố và bảo vệ thành quả của cách mạng Tháng Tám 1945, để có một nhà nước hợp hiến, hợp pháp, đảm đương nhiệm vụ đối nội, tham gia vào các quan hệ luật pháp quốc tế, thực hiện quyền tự do, dân chủ cho Nhân dân thì nhất định phải *"xúc tiến đi đến Quốc hội để quy định Hiến pháp, bầu Chính phủ chính thức"*. Thực hiện công việc cần kíp đó, ngày 8/9/1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ra Sắc lệnh số 14-SL về cuộc Tổng tuyển cử bầu đại biểu Quốc hội để thành lập một cơ quan lập pháp chính thống (Quốc hội) của nước Việt Nam mới. Để chuẩn bị cho cuộc Tổng tuyển cử, các ban bầu cử đã được thành lập cho tới tận xã, làng, bản, ấp do các ủy ban Nhân dân các cấp chịu trách nhiệm. Danh sách cử tri và các ứng cử viên được niêm yết công khai. Nhân dân sôi nổi trao đổi, tranh luận, nhằm lựa chọn đúng đắn những người xứng đáng nhất đại diện cho mình và hạn chế tới mức thấp nhất tình huống những kẻ cơ hội, tranh giành quyền lực, chức tước làm tổn hại cách mạng.

Càng gần đến ngày Tổng tuyển cử, không khí trong cả

nước càng sôi nổi. Một số địa phương (đa phần là ở phía Nam) do lệnh lui ngày bầu cử không kịp đến nên vẫn tiến hành Tổng tuyển cử như kế hoạch đã định là vào ngày 23/12/1945. Ở những nơi đó, Tổng tuyển cử vẫn diễn ra bình thường và giành thắng lợi tung bừng, làm cho không khí chính trị trong cả nước sôi động hướng tới ngày 6 tháng Giêng năm 1946. Uy tín của Đảng, của Bác Hồ ngày càng dâng cao. Ở Hà Nội có 118 vị chủ tịch các ủy ban Nhân dân và tất cả các giới làng, xã đã công bố một bản kiến nghị: *“Yêu cầu Cụ Hồ Chí Minh được miễn phải ứng cử trong cuộc Tổng tuyển cử sắp tới vì Cụ đã được toàn dân suy tôn làm Chủ tịch vĩnh viễn của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa”*. Bác hết sức trân trọng tấm lòng người dân và đã gửi thư cho đồng bào ngoại ô với nội dung như sau: *“Tôi rất cảm động thấy toàn thể đồng bào ngoại thành Hà Nội đã có lòng quá yêu tôi, mà quyết nghị tôi không phải ứng cử trong kỳ Tổng tuyển cử sắp tới.*

Nhưng tôi là một công dân nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, nên không thể vượt qua thể lệ Tổng tuyển cử đã định...

Tôi xin thành thực cảm tạ toàn thể đồng bào nam, phụ, lão, ấu khu vực ngoại thành Hà Nội”.

Ngày 3/01/1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chủ trì phiên họp của Chính phủ liên hiệp lâm thời để kiểm tra lần cuối các công việc chuẩn bị cho cuộc Tổng tuyển cử và ngày 5/01/1946, Bác ra Lệnh kêu gọi quốc dân đi bỏ phiếu, trong

đó có đoạn: *“Ngày mai tất cả các bạn cử tri, đều phải nhớ đi bầu cử. Ngày mai, mỗi người đều nên vui vẻ hưởng quyền lợi của một người dân độc lập, tự do”*. Chiều hôm đó Bác đã tham dự cuộc mít-tinh lớn của hơn hai vạn Nhân dân Thủ đô tại Đông Dương học xá (nay là Trường Đại học Bách khoa), nhiệt liệt chào mừng Tổng tuyển cử.

Ngày 6/01/1946, cuộc Tổng tuyển cử đã được tiến hành sôi nổi ở tất cả các tỉnh, thành phố trong cả nước. Tại Hà Nội, đúng 7 giờ sáng, tiếng chuông, tiếng trống ở các nhà thờ, các chùa chiền vang lên khắp các phố phường, kéo dài tới 15 phút, báo hiệu giờ Tổng tuyển cử bắt đầu. Hà Nội tổ chức Tổng tuyển cử khá chu đáo, diễn ra với khí thế ngập tràn phấn khởi. Chủ tịch Hồ Chí Minh cùng với hàng chục vạn cử tri đã đi làm nghĩa vụ công dân. Người đã bầu cử ở phòng bỏ phiếu tại nhà số 10 phố Hàng Vôi (nay thuộc phố Lý Thái Tổ), sau đó Người còn đi thăm nhiều nơi bỏ phiếu ở các phố Hàng Bạc, Hàng Gai, Hàng Trống, Thụy Khuê, Ô Đông Mác...

Có thể khẳng định, Tổng tuyển cử là một cuộc thử thách máu lửa đối với cả nước mà Nhân dân ta đã anh dũng vượt qua và chiến thắng. Ngay tại Thủ đô, ở khu Ngũ Xã, bọn phản động đã huy động một lực lượng khá đông có trang bị súng liên thanh trực tiếp ngăn cản cử tri đi bỏ phiếu; chúng cầm treo cờ đỏ sao vàng, cắm đặt các hòm phiếu... Nhưng Nhân dân không hề nao núng, vẫn làm nghĩa vụ công dân

khá đầy đủ, cụ thể là có 172.765 trên tổng số 187.880 cử tri (91,95%) của cả 74 khu phố nội đô và 118 thôn, làng ngoại ô đã đi bỏ phiếu. Trong số 74 ứng cử viên, có 6 người trúng cử đại biểu Quốc hội. Người trúng cử với số phiếu thấp nhất cũng đạt 52,5% số phiếu hợp lệ; người trúng cử với số phiếu cao nhất là Chủ tịch Hồ Chí Minh (98,4%).

Ở phía Bắc, một vài nơi đã xảy ra đổ máu. Tại Hải Phòng, ở các khu vực bỏ phiếu như Nhà hát lớn, phố Tràng Kênh..., quân Tưởng xông vào cướp súng của tự vệ đang bảo vệ hòm phiếu, chúng ta bắn cảnh cáo, chúng huy động lực lượng đến cướp hòm phiếu; công an, tự vệ ta phải giằng co để giữ cho được hòm phiếu. Chúng đã bắt của ta 16 công an, 40 tự vệ và hành hung rất dã man nhiều người. Trước tình hình đó, chúng ta đã kịp thời huy động hàng nghìn dân chúng tiến hành mít-tinh, biểu tình, thị uy, phản đối kịch liệt, buộc chúng phải thả những người đã bị bắt. Mặc dù vậy, Hải Phòng vẫn có tới 96% cử tri đi bỏ phiếu.

Ở các tỉnh, thành phố phía Nam, nhất là ở Nam Bộ, cuộc Tổng tuyển cử đã diễn ra dưới đạn bom rất ác liệt của quân thù, vì ngay từ cuối tháng 10/1945, sau khi được tăng viện, thực dân Pháp đã đánh phá khắp các tỉnh Nam Bộ, đổ bộ lên Nha Trang, đánh rộng ra các tỉnh Nam Trung Bộ và các vùng rừng núi Tây Nguyên, với dự tính trong một thời gian ngắn phải thôn tính cho được từ vĩ tuyến 16 trở vào. Cuộc Tổng tuyển cử gặp nhiều khó khăn, gian khổ, nhưng Nhân dân miền Nam đã thể hiện ý chí độc lập, thống nhất cao, kiên

quyết kháng chiến chống lại thực dân Pháp xâm lược, ủng hộ Chính phủ Hồ Chí Minh, bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ của Tổ Quốc Việt Nam. Bất chấp bom đạn của thực dân Pháp, Nhân dân vẫn đi bỏ phiếu rất đông. Nhiều nơi, cử tri phải đánh đổi cả xương máu để thực hiện cho được quyền tự do, dân chủ của mình.

Tại Sài Gòn - Chợ Lớn, quân Pháp đã chiếm đóng toàn bộ thành phố và các vùng lân cận. Tiếng súng kháng chiến đã nổ ra dưới nhiều hình thức: diệt tề trừ gian, tập kích, đốt phá kho tàng của giặc... Cuộc Tổng tuyển cử ở đây đã diễn ra trong sự lúng túng, khủng bố gắt gao của quân thù. Ủy ban Hành chính thành phố đã phải chuyển ra ngoại ô phía tây nam nhưng vẫn bám sát chỉ đạo Nhân dân nội ô và ngoại ô tiến hành Tổng tuyển cử. Không có nơi đặt hòm phiếu cố định, hàng trăm hòm phiếu được lưu chuyển đến từng ngõ, từng nhà cho đồng bào bỏ phiếu; 42 cán bộ, chiến sĩ đã hy sinh anh dũng trong khi làm nhiệm vụ Tổng tuyển cử. Ở Mỹ Tho, máy bay địch rà theo kênh rạch bắn phá suốt ngày, nhưng tại Mỹ Hạnh Đông, cán bộ ta vẫn chèo ghe, xuồng, đánh trống, chở hòm phiếu len lỏi vào các kênh mương, rạch nhỏ nơi đồng bào tản cư để cử tri bỏ phiếu... Tại Tây Nguyên, hai ngày trước ngày bầu cử, thực dân Pháp đã huy động máy bay liên tục ném bom lửa xuống các làng Ra Đê và tấn công nhiều làng khác cách Buôn Ma Thuột 19km...

Có thể nói, ở các tỉnh, thành phố phía Nam, trừ tỉnh Tây Ninh, nơi chiến sự xảy ra rộng khắp và vô cùng ác liệt, trước

ngày bầu cử, một trong hai ứng cử viên đã bị địch giết hại nên không thực hiện được cuộc bầu cử, còn tất cả các tỉnh, thành phố đều tiến hành cuộc Tổng tuyển cử với tuyệt đại bộ phận cử tri đi bỏ phiếu, trong đó nhiều tỉnh đạt số cử tri đi bầu rất cao, như Sa Đéc là 93,54%, Bạc Liêu: 90,77%...

Tại Quảng Nam, trong cuộc Tổng tuyển cử đầu tiên của Việt Nam đã được phân bổ 14 đại biểu, có 78 người ra ứng cử, trong đó có 14 đại biểu do Mặt trận Việt Minh giới thiệu - những ứng cử viên khác là đại biểu Quốc dân đảng, trí thức, địa chủ. Nhân dân Quảng Nam (kể cả huyện Hòa Vang trước đây) cùng với Nhân dân cả nước ý thức được bổn phận - trách nhiệm và quyền làm chủ của mình thông qua lá phiếu đối với vận mệnh Tổ quốc. Kết quả 100% ứng cử viên do Mặt trận Việt Minh tỉnh giới thiệu đều đắc cử với số phiếu áp đảo. Cộng với một đại biểu đại diện dân tộc ít người, nâng tổng số 15 đại biểu tỉnh Quảng Nam là thành viên của 333 đại biểu Quốc hội đầu tiên của nước ta. Đó là: Huỳnh Ngọc Huệ, Trần Tổng, Trần Đình Tri, Lê Thị Xuyên (Đại Lộc), Lê Văn Hiến, Lâm Quang Thự (Hòa Vang), Nguyễn Xuân Nhĩ, Phan Bôi – tức Hoàng Hữu Nam, Phan Thao (Điện Bàn), Phan Diêu, Trần Viện (Quế Sơn), Võ Sạ, Nguyễn Thế Kỷ (Tam Kỳ), Phạm Bằng (Tiên Phước), Đinh Tụ (Trà My). Lê Thị Xuyên là vợ Phan Thanh là đại biểu nữ Quốc hội đầu tiên của tỉnh Quảng Nam.

Thắng lợi to lớn của các đại biểu do Mặt trận Việt Minh tỉnh Quảng Nam giới thiệu, ngoài uy tín của mỗi đại biểu đối

với Nhân dân còn là cuộc tổ chức vận động của Mặt trận Việt Minh tỉnh thông qua nhiều cuộc mittinh, diễn thuyết, hội họp và đặc biệt đã sáng tác nhiều bài về đề cổ động, ca ngợi tài năng, đức độ của mỗi ứng cử viên, tạo thành không khí sôi nổi, in sâu vào lòng Nhân dân.

Nhìn chung, trong cuộc Tổng tuyển cử, ở 71 tỉnh, thành phố trong cả nước đã có tới 89% tổng số cử tri đi bỏ phiếu, đạt mức bình quân là 80%, nhiều nơi đạt cao, tới 95%. Có một vài nơi phải bầu bổ sung, còn tuyệt đại đa số các địa phương chỉ bầu một lần. Cả nước đã bầu được 333 đại biểu, trong đó có 57% số đại biểu thuộc các đảng phái khác nhau, 43% không đảng phái, 87% đại biểu là công nhân, nông dân, chiến sĩ cách mạng, 10 đại biểu là phụ nữ, 34 đại biểu là người dân tộc thiểu số. Cuộc Tổng tuyển cử đầu tiên của Việt Nam đã hoàn toàn thắng lợi. Quốc hội đầu tiên của nước Việt Nam độc lập đã ra đời.

Chúng ta không thể không nhắc tới một sự kiện quan trọng trong việc thành lập Quốc hội khóa đầu tiên. Đó là một sách lược tuyệt vời của Đảng, của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong chính sách đoàn kết, tập hợp lực lượng, làm dịu tình hình đang hết sức căng thẳng. Sáng ngày 2/3/1946, kỳ họp đầu tiên của Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa do Tổng tuyển cử bầu ra được khai mạc. Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc lời khai mạc kỳ họp. Bác nêu lên thắng lợi và ý nghĩa lớn lao của cuộc Tổng tuyển cử ngày 6/01/1946, trong đó nhấn mạnh: cuộc Tổng tuyển cử đã “*tổ cho thế giới, cho toàn dân*

biết là chúng ta đoàn kết nhất trí”. Sau đó, Người đề nghị với Quốc hội mở rộng số đại biểu Quốc hội thêm 70 người nữa; 70 người đó dành cho các vị ở hải ngoại về là Việt Nam quốc dân đảng (Việt quốc) và Việt Nam cách mạng đồng minh hội (Việt cách). Tất cả các đại biểu dự họp đều tán thành đề nghị của Bác. Như vậy, Quốc hội khóa I gồm 333 đại biểu được Nhân dân bầu ra và 70 đại biểu được mở rộng thêm không qua bầu cử; tổng cộng là 403 đại biểu.

III. 70 năm Tổng tuyển cử đầu tiên bầu Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa

1. Thắng lợi cuộc tổng tuyển cử đầu tiên dẫn đến kỳ họp thứ nhất của Quốc hội là một bước tiến của tổ chức cơ quan nhà nước cao nhất của Việt Nam

Ngày 2/3/1946, kỳ họp đầu tiên của Quốc hội khai mạc tại Nhà hát lớn Hà Nội. Quốc hội giao cho 2 đại biểu lớn tuổi nhất là Ngô Tử Hạ, trẻ tuổi nhất là Nguyễn Đình Thi đón Chủ tịch Hồ Chí Minh ở cửa chính Nhà hát. Ghế Phó Thủ tướng của Nguyễn Hải Thần bỏ trống vì y nói tiếng mẹ đẻ không thạo.

Tại cuộc họp đầu tiên này, nhiều đại biểu Nam bộ vắng mặt vì không vượt qua được một số vùng địch kiểm soát. Gần 300 đại biểu cùng với nhiều khách và nhà báo trong và ngoài nước đứng dậy hoan hô khi thấy Chủ tịch Hồ Chí Minh đến. Sau khi Tiến quân ca chính thức được cử hành, Chủ tịch Hồ Chí Minh bước đến máy phóng thanh - giọng Người xúc

động: *“Quốc dân đại biểu đại hội lần này là lần đầu tiên trong lịch sử nước Việt Nam ta. Nó là kết quả sự đoàn kết toàn thể đồng bào. Già trẻ, lớn bé thuộc các tôn giáo và dân tộc khác nhau trên bờ cõi Việt Nam đoàn kết thành một khối, không sợ hy sinh, nguy hiểm nào tranh lấy nền độc lập cho Tổ quốc”*.

Chủ tịch Hồ Chí Minh chuyển đề nghị của Chính phủ với Quốc hội xin mở rộng thêm 70 đại biểu nữa trong Quốc hội. Sổ ghề này dành cho Việt quốc, Việt cách. Người nói: *“Trong lúc toàn thể đồng bào đang tranh đấu thì những người Việt Nam ở hải ngoại không có thời giờ tham gia vào cuộc Tổng tuyển cử xin đề nghị với đại hội mở rộng số đại biểu ra thêm 70 người nữa, 70 người ấy là các đồng minh của Việt quốc và Việt cách ở hải ngoại mới về nước và như thế là Quốc hội của ta tỏ cho thế giới, cho toàn dân biết là chúng ta đoàn kết, nhất trí, thì việc gì cũng thành công...”*

Với tâm lòng nhân ái bao la, ngay cả trong khi thực hiện sách lược, Người vẫn mong muốn thức tỉnh lại lương tri dù chỉ còn ít ỏi nhất ở bọn *“đại biểu Quốc hội”* Việt cách, Việt quốc. Toàn thể đại biểu Quốc hội giơ tay biểu quyết và đồng thanh hô to *“tán thành”*.

Quốc hội chấp nhận sự từ chức của Chính phủ Liên hiệp lâm thời và thống nhất cử Chủ tịch Hồ Chí Minh thành lập Chính phủ Liên hiệp kháng chiến, trong đó, Hồ Chí Minh

giữ chức Chủ tịch, Nguyễn Hải Thần, Phó Chủ tịch, bọn Việt cách, Việt quốc được giao 4 bộ: Ngoại giao, kinh tế, xã hội, canh nông.

Tại tỉnh Quảng Nam có 2 người giữ chức Bộ trưởng trong 9 Bộ của Chính phủ Liên hiệp kháng chiến là: cụ Huỳnh Thúc Kháng, một chí sĩ yêu nước được Chủ tịch Hồ Chí Minh mời giữ chức Bộ trưởng Bộ Nội vụ. Ông Lê Văn Hiến, đại biểu Quốc hội giữ chức Bộ trưởng Bộ Tài chính. Một đại biểu Quốc hội khác là ông Phan Bội tiếp tục giữ chức Thứ trưởng Bộ Nội vụ. Như vậy, cuộc Tổng tuyển cử đầu tiên năm 1946 - một mốc son lịch sử nhảy vọt về thể chế dân chủ.

Thắng lợi cuộc Tổng tuyển cử đầu tiên của Việt Nam năm 1946 đã bầu ra Quốc hội, cơ quan quyền lực Nhà nước cao nhất. Quốc hội đã cử ra Chính phủ chính thức, ấn định cho Việt Nam một Hiến pháp dân chủ, công bằng của các giai cấp là một mốc son đánh dấu bước nhảy vọt lịch sử về thể chế dân chủ của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Thắng lợi đó là một minh chứng hùng hồn về giá trị sáng tạo và tính thực tiễn của tư tưởng Nhà nước pháp quyền của dân tộc, do dân tộc và vì dân tộc của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

2. Nhìn lại những bài học lịch sử của cuộc Tổng tuyển cử đầu tiên

* Cuộc Tổng tuyển cử lập ra Quốc hội đầu tiên vừa là thành quả to lớn, vừa là yêu cầu cấp bách của việc xây dựng

và hoàn thiện một nhà nước cách mạng. Quốc hội ra đời trong khói lửa đấu tranh gian khổ của toàn dân tộc với ý chí bảo vệ Tổ quốc, thống nhất đất nước và đại đoàn kết toàn dân là một thành công, một thắng lợi vĩ đại, do đó, nó có ý nghĩa là một quốc hội lập quốc (lập nên một nhà nước công - nông đầu tiên ở Đông Nam Á).

* Cuộc Tổng tuyển cử diễn ra trong hoàn cảnh Nhân dân ta vừa thoát khỏi kiếp nô lệ của cả nghìn năm phong kiến và gần trăm năm thuộc địa, thực dân Pháp lại đang gây chiến hòng cướp nước ta, đô hộ dân ta một lần nữa. Trong điều kiện ấy, Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã quyết tâm Tổng tuyển cử và Tổng tuyển cử đã thắng lợi to lớn, vang dội - một sự kiện hiếm có trong lịch sử cách mạng thế giới. Điều này khẳng định rằng, Đảng với dân là một (ý Đảng, lòng dân). Đảng ta, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh, hoàn toàn tin tưởng vào ý chí, nguyện vọng độc lập dân tộc và sự đồng lòng nhất trí của toàn dân; và toàn dân tộc ta tuyệt đối tin tưởng vào sự cheo lái, lãnh đạo tài trí của Đảng và Bác kính yêu. Những đại biểu do dân bầu ra tuyệt đại bộ phận đã xứng đáng với sự tín nhiệm của đồng bào, đã chiến đấu vô cùng dũng cảm, một số đại biểu đã anh dũng hy sinh.

* Quốc hội đầu tiên là Quốc hội độc lập dân tộc, Quốc hội thống nhất đất nước và là Quốc hội đoàn kết toàn dân. Quốc hội đã tập hợp khá đầy đủ các đại biểu cả ba miền Bắc, Trung, Nam; đại diện của hầu hết các thế hệ những người Việt Nam yêu nước từ già đến trẻ, các tầng lớp xã hội như

công nhân, nông dân, nhân sĩ, trí thức, doanh nhân, các nhà hoạt động văn hóa, văn nghệ, các tôn giáo, các dân tộc... Quốc hội còn bao gồm những người không đảng phái và những người của các đảng phái chính trị, xã hội khác nhau, những người vốn là quan lại của chế độ cũ... Bài học đại đoàn kết có thể coi là bài học cơ bản, xuyên suốt từ khi Đảng ta ra đời, được phát huy cao độ trong Tổng tuyển cử và được nhân rộng cho đến bây giờ và mai sau.

* Cuộc Tổng tuyển cử thắng lợi là một mốc son đánh dấu sự trưởng thành vượt bậc của cách mạng Việt Nam nói chung, của công tác tổ chức và cán bộ nói riêng. Điều đó đã mở ra một thời kỳ mới của đất nước ta - thời kỳ đất nước có quốc hội, có chính phủ thống nhất, có một bản hiến pháp tiến bộ và có cả một hệ thống chính quyền từ trung ương đến địa phương, có đầy đủ cơ sở pháp lý đại diện cho Nhân dân Việt Nam về đối nội cũng như đối ngoại. Nhà nước được quốc dân giao phó cho nhiệm vụ cực kỳ nặng nề là điều hành đất nước, kháng chiến, kiến quốc và ngoại giao trên trường quốc tế.

* Cũng như bài học đại đoàn kết, sự lãnh đạo vững chắc của Đảng là bài học thực tế có tính nguyên tắc. Đảng đã biết dựa hẳn vào dân, bắt rễ sâu trong lòng dân tộc, do đó đã đáp ứng được khát vọng độc lập dân tộc, tự do, dân chủ của Nhân dân. Với sự lãnh đạo của lãnh tụ kiệt xuất Hồ Chí Minh và thông qua Mặt trận Việt Minh, một tổ chức rộng lớn do chính Đảng tổ chức ra và lãnh đạo, Đảng vẫn giữ vững và phát cao ngọn cờ lãnh đạo toàn dân vượt qua mọi khó khăn, không

quản ngại hy sinh gian khổ, thực hiện Tổng tuyển cử đại thành công. Từ đó đến nay, Đảng ta vẫn không ngừng phát huy, nâng cao ý nghĩa, giá trị tốt đẹp của cuộc Tổng tuyển cử đầu tiên.

3. Quốc hội với 13 nhiệm kỳ hoạt động và trưởng thành

Quốc hội khóa I (1946 - 1960) ra đời sau cuộc Tổng tuyển cử đầu tiên trong lịch sử nước ta, diễn ra ngày 6/1/1946, gồm 403 đại biểu. Tại Kỳ họp thứ nhất ngày 2/3/1946, Quốc hội khóa I đã công nhận Chính phủ Liên hiệp kháng chiến do Bác Hồ làm Chủ tịch, ông Vĩnh Thụy (tức là cựu hoàng Bảo Đại) làm cố vấn tối cao. Với 12 kỳ họp, Quốc hội khóa I đã có những đóng góp to lớn vào việc xây dựng Nhà nước dân chủ cộng hòa từ những năm tháng đầu tiên sau khi Cách mạng Tháng Tám thành công. Trong nhiệm kỳ 14 năm hoạt động, Quốc hội khóa I đã xem xét và thông qua bản Hiến pháp năm 1946 và Hiến pháp năm 1959, 11 đạo luật và 50 nghị quyết, phê chuẩn Hiệp định Giơnevơ. Luật Cải cách ruộng đất được thông qua tại kỳ họp thứ 3 (năm 1953) là văn bản có ý nghĩa quan trọng nhằm xóa bỏ chế độ phong kiến chiếm hữu ruộng đất của giai cấp địa chủ, thực hiện chính sách *"người cày có ruộng"* và chế độ sở hữu ruộng đất của nông dân. Quốc hội khóa I đã góp phần quan trọng vào việc thực hiện thành công sự nghiệp kháng chiến chống thực dân Pháp, thông qua các kế hoạch khôi phục, cải tạo và phát triển kinh tế, văn hóa, từng bước xây dựng chế độ dân chủ Nhân dân.

Quốc hội khóa II (1960 - 1964) được bầu ngày 8/5/1960, gồm 453 đại biểu (362 đại biểu được bầu, 91 đại biểu khóa I của miền Nam được lưu nhiệm). Tại Kỳ họp thứ nhất của Quốc hội khóa II (từ ngày 6 đến 15/7/1960), Quốc hội bầu Ủy ban Thường vụ Quốc hội gồm 21 Ủy viên chính thức, 5 Ủy viên dự khuyết. Trong nhiệm kỳ này, Quốc hội đã phát huy vai trò quan trọng của mình trong việc động viên sức người, sức của để xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh giải phóng miền Nam, thống nhất nước nhà.

Quốc hội khóa III (1964 - 1971) được bầu ngày 26/4/1964, gồm 453 đại biểu (366 đại biểu được bầu, 87 đại biểu khóa I của miền Nam được lưu nhiệm). Ủy ban Thường vụ Quốc hội gồm 23 Ủy viên chính thức, 3 Ủy viên dự khuyết. Ông Trường Chinh được bầu làm Chủ tịch Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Do hoàn cảnh chiến tranh, nhiệm kỳ Quốc hội khóa III kéo dài 7 năm và có 7 kỳ họp; Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã họp 95 lần, thông qua nhiều nghị quyết về các lĩnh vực chính trị, kinh tế, đối ngoại và tổ chức hành chính, nhân sự.

Quốc hội khóa IV (1971 - 1975) có 420 đại biểu, được bầu ngày 11/4/1971, với nhiệm kỳ 4 năm và đã có 5 kỳ họp. Ủy ban Thường vụ Quốc hội do ông Trường Chinh là Chủ tịch, 5 Phó Chủ tịch, Tổng Thư ký, 17 Ủy viên chính thức, 3 Ủy viên dự khuyết. Trong nhiệm kỳ này, Quốc hội đã thông qua Nghị quyết về việc ký kết Hiệp định về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam.

Quốc hội khóa V (1975 - 1976) có 424 đại biểu, được bầu ngày 6/4/1975, hoạt động chưa đầy 2 năm (1975-1976) và chỉ có 2 kỳ họp. Ủy ban Thường vụ Quốc hội do ông Trường Chinh làm Chủ tịch, 6 Phó Chủ tịch, 11 Ủy viên chính thức và 3 Ủy viên dự khuyết. Một trong những sự kiện quan trọng nhất của Quốc hội khóa này là thông qua Nghị quyết phê chuẩn kết quả của Hội nghị Hiệp thương thống nhất nước nhà về mặt nhà nước mở ra thời kỳ phát triển mới của nước Việt Nam thống nhất.

Quốc hội khóa VI (1976 - 1981) - Quốc hội đầu tiên của nước Việt Nam thống nhất được bầu ngày 25/4/1976, với 492 đại biểu. Trong nhiệm kỳ này, ông Trường Chinh được bầu làm Chủ tịch, 7 Phó Chủ tịch, Tổng Thư ký, 13 Ủy viên chính thức, 2 Ủy viên dự khuyết. Trong nhiệm kỳ 5 năm (1976 - 1981), với 7 kỳ họp, Quốc hội đã ban hành nhiều nghị quyết quan trọng như: đổi tên nước Việt Nam dân chủ cộng hòa thành nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, đổi tên Sài Gòn thành Thành phố Hồ Chí Minh và thông qua Hiến pháp năm 1980, tại Kỳ họp thứ 7, ngày 18/12/1980...

Quốc hội khóa VII (1981 - 1987) được bầu ngày 26/4/1981, gồm có 496 đại biểu. Luật sư Nguyễn Hữu Thọ được bầu làm Chủ tịch Quốc hội, ông Trường Chinh được bầu làm Chủ tịch Hội đồng Nhà nước. Hội đồng Nhà nước gồm 12 thành viên đảm nhận chức năng của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, là cơ quan cao nhất hoạt động thường xuyên của Quốc hội. Quốc hội khóa VII họp 12 kỳ, ban hành 10 đạo

luật và 35 nghị quyết. Đáng chú ý ở khóa này là lần đầu tiên Quốc hội đã ban hành Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, Quốc hội còn tăng cường triển khai thực hiện chức năng giám sát và chức năng quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước.

Quốc hội khóa VIII (1987-1992) được bầu ngày 19/4/1987, có 496 đại biểu. Trong nhiệm kỳ này, ông Lê Quang Đạo được bầu làm Chủ tịch Quốc hội, ông Võ Chí Công được bầu làm Chủ tịch Hội đồng Nhà nước. Hội đồng Nhà nước gồm 15 thành viên. Quốc hội thông qua Hiến pháp năm 1992 tại Kỳ họp thứ 11 ngày 15/4/1992. Đây là Quốc hội của giai đoạn khởi đầu sự nghiệp đổi mới toàn diện đất nước do Đại hội VI của Đảng đề ra. Quốc hội khóa này đã có 11 kỳ họp, ban hành 2 bộ luật, 25 đạo luật và Hội đồng Nhà nước đã ban hành 39 pháp lệnh, trong đó có nhiều đạo luật quan trọng thể chế hóa đường lối phát triển kinh tế hàng hóa nhiều thành phần ở nước ta, tiến hành sửa đổi Hiến pháp năm 1980 một cách cơ bản và toàn diện, đáp ứng yêu cầu của giai đoạn cách mạng mới.

Quốc hội khóa IX (1992 - 1997) được bầu ngày 19/7/1992, gồm có 395 đại biểu, nhiệm kỳ hoạt động là 5 năm. Ông Nông Đức Mạnh được bầu làm Chủ tịch Quốc hội, 3 Phó Chủ tịch và 9 Ủy viên Ban Thường vụ. Quốc hội khóa IX đã đóng vai trò quan trọng trong việc thể chế hóa Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội, đường lối đổi mới của Đảng theo tinh thần của Hiến pháp năm 1992

và Nghị quyết của Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VII. Tại các kỳ họp, Quốc hội đã tập trung thời gian, trí tuệ để đẩy mạnh hoạt động lập pháp với kết quả là 36 luật, bộ luật và 43 pháp lệnh đã được ban hành, tạo cơ sở pháp lý hình thành môi trường ổn định, thuận lợi cho sự phát triển các thành phần kinh tế, đổi mới hệ thống chính trị, phát huy quyền làm chủ của nhân dân, tăng cường hoạt động đối ngoại.

Quốc hội khóa X (1997 - 2002) gồm 450 đại biểu, được bầu ngày 20/7/1997. Ủy ban Thường vụ Quốc hội có 14 thành viên, gồm Chủ tịch Quốc hội Nông Đức Mạnh, 5 Phó Chủ tịch và 8 Ủy viên. Tại Kỳ họp thứ 9, ông Nguyễn Văn An được bầu làm Chủ tịch Quốc hội. Trong nhiệm kỳ 5 năm, Quốc hội tiếp tục nâng cao chất lượng công tác lập pháp, đẩy mạnh công tác giám sát và quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước. Với 32 luật và bộ luật, 39 pháp lệnh, Quốc hội khóa X đã tạo cơ sở pháp lý quan trọng trong việc tiếp tục cải cách tổ chức bộ máy nhà nước, đổi mới hệ thống chính trị, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, phát huy dân chủ, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của dân, do dân và vì dân.

Quốc hội khóa XI (2002 - 2007) được bầu ngày 19/5/2002, có 498 đại biểu trúng cử với số cử tri đi bầu đạt tỷ lệ 99,73%, cao nhất so với các khóa bầu cử trước đó. Tại Kỳ họp thứ nhất (từ ngày 19/7 đến 12/8/2002), ông Nguyễn Văn An được bầu lại làm Chủ tịch Quốc hội, 3 Phó Chủ tịch và 9 thành viên trong Ban Thường vụ. Tại Kỳ họp thứ 9,

ông Nguyễn Phú Trọng được bầu làm Chủ tịch Quốc hội. Tính đến hết kỳ họp thứ 7, Quốc hội khóa XI đã thông qua 44 văn bản luật và 26 pháp lệnh. Hoạt động lập pháp của Quốc hội khóa XI không chỉ nhiều về số lượng mà còn bảo đảm về chất lượng của các văn bản quy phạm pháp luật được ban hành. Các vấn đề quan trọng của đất nước như: phân bổ ngân sách trung ương, xây dựng Nhà máy Thủy điện Sơn La, miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp, xây dựng Đường Hồ Chí Minh, Nhà máy Lọc dầu Dung Quất..., đã được Quốc hội xem xét, quyết định có ý nghĩa quan trọng trong công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Tháng 6/2003, Quốc hội đã ban hành Luật Hoạt động giám sát nhằm cụ thể hóa chức năng giám sát tối cao của Quốc hội. Công tác đối ngoại của Quốc hội khóa này tiếp tục được tăng cường với sự thành công của một loạt các hoạt động ngoại giao, tổ chức hội nghị quốc tế...

Quốc hội khóa XII (2007-2011) được bầu vào ngày 20/5/2007. Trong 876 ứng cử viên, có 33,1% là phụ nữ, 17,1% là ứng cử viên không phải đảng viên Đảng Cộng sản. Kết quả bầu được 493 đại biểu. Trong số đại biểu trúng cử có 345 người tham gia Quốc hội lần đầu, 164 người có trình độ trên đại học, 309 đại biểu trình độ đại học. Số người ngoài đảng trúng cử là 43. Kỳ họp đầu tiên Quốc hội đã bầu Chủ tịch Quốc hội là ông Nguyễn Phú Trọng. Với 68 luật và 12 nghị quyết được thông qua trong nhiệm kỳ này có thể nói Quốc hội khóa XII đã hoàn thành tốt nhiệm vụ cao cả của

mình. Về vấn đề các dự án luật, Quốc hội đã thông qua 3 dự án luật là: Luật sửa đổi bổ sung một số điều của bộ luật tố tụng dân sự; Luật phòng, chống mua bán người và Luật kiểm toán độc lập. Nhiệm kỳ Quốc hội khóa XII đã khép lại, nhưng dư âm và ấn tượng còn đọng mãi trong tâm tư của các đại biểu và trong Nhân dân.

Quốc hội khóa XIII (2011-2016). Ngày 22/5/2011, cử tri cả nước tiến hành bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XIII và bầu cử đại biểu Hội đồng Nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2011-2016, một trong những sự kiện chính trị trọng đại của đất nước trong năm 2011. Đây là lần đầu tiên, người dân được bầu 4 cấp, gồm đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng Nhân dân cấp tỉnh; cấp huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh và cấp xã, phường, thị trấn trong cùng một ngày.

Quốc hội đã bầu được 493 đại biểu, trong đó: Đại biểu tham gia Quốc hội lần đầu: 333 (66,6%); Đại biểu tự ứng cử 04 (0,8%); Phụ nữ 122 (24,4%); Đại biểu trẻ tuổi (dưới 40 tuổi) 61 (12,2%) (đại biểu trẻ nhất: 25 tuổi); Đại biểu trình độ ĐH: 263 (52,6%) Đại biểu trình độ trên ĐH: 228 (45,6%); Ngoài đảng 42 (8,4%); Dân tộc thiểu số 78 (15,6%); Tôn giáo 06 (1,2%); Đại biểu chuyên trách Trung ương 91 (18,2%); Đại biểu chuyên trách địa phương 63 (12,6%).

Chủ tịch Quốc hội: Ông Nguyễn Sinh Hùng. Các Phó Chủ tịch Quốc hội: Bà Tòng Thị Phóng; ông Uông Chư Lưu; Bà Nguyễn Thị Kim Ngân; ông Huỳnh Ngọc Sơn.

Trải qua 70 năm hình thành và phát triển, Quốc hội đã ngày càng khẳng định vị trí, vai trò là cơ quan đại biểu cao nhất của Nhân dân, cơ quan quyền lực Nhà nước cao nhất của Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Kỷ niệm 70 năm ngày Tổng tuyển cử bầu ra Quốc hội Việt Nam là một hoạt động lớn trong năm 2016, để toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ôn lại lịch sử hình thành, phát triển; ghi nhận những thành tựu và rút ra những bài học kinh nghiệm mà Quốc hội Việt Nam đã đạt được trong 70 năm qua; góp phần nâng cao nhận thức của người dân về Quốc hội và hoạt động của Quốc hội; về quá trình hoạt động và đổi mới của Quốc hội gắn liền với lịch sử cách mạng Việt Nam.

Chúng ta tin chắc rằng, ý nghĩa và các bài học của cuộc Tổng tuyển cử đầu tiên cũng như sự lãnh đạo của Đảng trong mọi cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội trong suốt 70 năm qua sẽ được vận dụng triệt để trong cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XIV trong năm 2016 để các hoạt động của Quốc hội ngày càng hiệu quả, góp phần quan trọng trong việc xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam xã hội chủ nghĩa - Nhà nước của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân./.

KỶ NIỆM 110 NĂM NGÀY SINH THỦ TƯỚNG PHẠM VĂN ĐỒNG (01/3/1906 – 01/3/2016)

Phạm Văn Đồng là nhà chính trị lỗi lạc, nhà ngoại giao kiệt xuất, nhà văn hóa lớn, nhà báo nổi tiếng, nhà giáo dục đầy tâm huyết và là học trò xuất sắc của Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại.

Đồng chí Phạm Văn Đồng, bí danh là Tô, sinh ngày 01/3/1906 tại xã Đức Tân, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi. Tuổi trẻ đồng chí học trường Quốc học Huế (Huế) và trường Bưởi (Hà Nội). Đồng chí sớm tham gia hoạt động phong trào yêu nước từ khi còn ngồi ghế nhà trường. Năm 1926, Phạm Văn Đồng cùng học sinh, sinh viên tham gia bãi khóa để tang chí sỹ Phan Châu Trinh tại Hà Nội.

Năm 1926 (20 tuổi) cùng nhóm thanh niên bí mật sang Quảng Châu (Trung Quốc) dự lớp tập huấn do Nguyễn Ái Quốc tổ chức và được kết nạp vào tổ chức Việt Nam thanh niên cách mạng đồng chí hội(VNTNCMĐCH) do Nguyễn Ái Quốc thành lập (6/1925), ban đầu từ 9 thành viên của tổ chức yêu nước thanh niên Việt Nam ở nước ngoài Tâm tâm xã. Sau khóa học Phạm Văn Đồng theo phong trào Vô sản hóa do Nguyễn Ái Quốc khởi xướng trong VNTNCMĐCH. Đồng chí về nước, hoạt động phong trào cách mạng tại Sài

Gòn - Chợ Lớn. Năm 1929 đồng chí được Tổng bộ Thanh niên cử vào Kỳ bộ Thanh niên Nam kỳ, ít lâu sau đồng chí được cử vào Tổng bộ VNTNCMĐCH. Tháng 5/1929 đồng chí được Tổng bộ cử tham gia Đại hội VNTNCMĐCH tại Hương Cảng Trung Quốc. Sau Đại hội, tháng 7/1929 đồng chí về nước tiếp tục hoạt động. Cuối năm 1929 đồng chí bị Thực dân Pháp bắt và kết án 10 năm tù khổ sai, đày đi Côn Đảo.

Trong phong trào dân chủ (1936-1939), tháng 7/1936, do thắng lợi của Mặt trận Bình dân Pháp, đồng chí được thực dân trả tự do. Như chim được thả về trời, đồng chí ra Hà Nội hoạt động công khai. Tháng 5/1940, cùng với Võ Nguyên Giáp, đồng chí đi Côn Minh (Trung Quốc), tại đây đồng chí được gặp Nguyễn Ái Quốc và được kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương. Thời gian sau đó đồng chí hoạt động tại Liễu Châu, tỉnh Tây (Trung Quốc). Đầu Năm 1942, đồng chí về nước cùng với Trung ương Đảng xây dựng căn cứ địa cách mạng Cao - Bắc - Lạng (Cao Bằng, Bắc Cạn, Lạng Sơn). Trong Đại hội Quốc dân ở Tân Trào (Tuyên Quang) đồng chí được Trung ương bầu vào Ủy ban giải phóng dân tộc. Cách mạng tháng Tám 1945 thành công, nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa ra đời. Trong tổng tuyển cử đầu tiên Nước Việt Nam dân chủ cộng hòa (01/1946) đồng chí được bầu làm đại biểu Quốc hội khóa I và được cử giữ chức Bộ trưởng Tài chính.

Những ngày tháng đầu của nhà nước non trẻ sau cách

mạng Tháng Tám 1945, tình hình đất nước vô cùng khó khăn “*ngàn cân treo sợi tóc*”, đồng chí Phạm Văn Đồng là một trong những người “*thủy thủ*” kẻ vai sát cánh cùng với “*thuyền trưởng*” Hồ Chí Minh lèo lái con thuyền cách mạng Việt Nam vượt qua những thác ghềnh.

Ngày 6/3/1946 Hiệp định sơ bộ Pháp - Việt được ký giữa Jean Sainteny, đại diện chính phủ Cộng hòa Pháp và Hồ Chí Minh, Vũ Hồng Khanh, đại diện Chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hòa. Sau Hiệp định, hai bên Việt - Pháp tiếp tục xúc tiến hội đàm tại Hội nghị Đà Lạt và Hội nghị Phông-ten-nơ-blô (Fontainebleau) (Pháp), để đàm phán về nền độc lập của Việt Nam trong Liên hiệp Pháp và việc thống nhất nước Việt Nam dân chủ cộng hòa.

Tháng 5/1946, đồng chí Phạm Văn Đồng được Chủ tịch Hồ Chí Minh và Chính phủ cử làm trưởng đoàn Chính phủ ta đàm phán với chính phủ Pháp tại Hội nghị Phông-ten-nơ-blô nhằm tìm một giải pháp độc lập cho Đông Dương và Việt Nam. Kết thúc đàm phán chính Phủ Việt Nam dân chủ cộng hòa ký với Chính phủ Cộng hòa Pháp bản Tạm ước 14/9/1946. Hội nghị thất bại bởi sự ngoan cố của thực dân Pháp không chịu trao trả độc lập cho Việt Nam. Với nhãn quan thiên tài Hồ Chí Minh và Phạm Văn Đồng lúc này ở Paris nhận định - Ta ký Pháp cũng đánh, không ký Pháp cũng đánh, vì âm mưu muốn xâm lược nước ta lần thứ 2. Tuy nhiên, ký Tạm ước là cách “*hoãn binh*” một sách lược ngoại giao tài tình của Đảng ta, có thêm thời gian hòa

binh, điều kiện để Nhân dân ta củng cố chuẩn bị lực lượng về mọi mặt để tiến hành cuộc kháng chiến lâu dài chống thực dân Pháp xâm lược. Đúng như nhận định của Đảng ta, không còn “*nhân nhượng*” được nữa, đêm 19/12/1946 Hồ Chủ tịch đọc Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến. Lúc này Phạm Văn Đồng được Trung ương cử làm Đặc phái viên của Trung ương Đảng và Chính phủ tại miền Nam Trung bộ. Năm 1947, đồng chí được bổ sung Ủy viên dự khuyết Ban chấp hành Trung ương Đảng. Tháng 8/1948 đồng chí được cử làm Phó Thủ tướng Chính phủ. Năm 1949 đồng chí được Ban chấp hành Trung ương Đảng bầu bổ sung Ủy viên chính thức Ban chấp hành Trung ương. Tại Đại hội lần thứ II tháng 2/1951 của Đảng, đồng chí được bầu vào Ban chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam và được Ban chấp hành Trung ương Đảng bầu vào Ủy viên Bộ Chính trị.

Tháng 5/1954, đồng chí được cử làm Trưởng đoàn đại biểu Chính phủ ta dự Hội nghị Giơnevơ về Đông Dương. Tháng 9/1954, đồng chí được cử làm Phó Thủ tướng Chính phủ kiêm Bộ trưởng Bộ ngoại giao, Trưởng ban đối ngoại Trung ương Đảng. Ngày 20/10/1955, Quốc hội khóa I, kỳ họp thứ 5 cử đồng chí làm Thủ tướng Chính phủ. Tháng 9/1960, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng đã bầu đồng chí vào Ban chấp hành Trung ương Đảng và được bầu vào Ủy viên Bộ Chính trị, đồng chí tiếp tục giữ chức Thủ tướng Chính phủ, Phó Chủ tịch Hội đồng Quốc phòng.

Sau khi nước nhà thống nhất (năm 1975), tại Đại hội

đại biểu toàn quốc của Đảng lần thứ IV (12/1976), đồng chí tiếp tục là Ủy viên Bộ Chính trị khóa IV và tiếp tục giữ chức Thủ tướng Chính phủ, Phó Chủ tịch Hội đồng Quốc phòng. Tháng 7/1981 đồng chí giữ chức Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng, Phó Chủ tịch Hội đồng Quốc phòng. Tại Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng lần thứ V (3/1982), đồng chí tiếp tục là Ủy viên Bộ Chính trị khóa V và tiếp tục giữ chức Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng, Phó Chủ tịch Hội đồng Quốc phòng.

Tại Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng lần thứ VI, VII, VIII đồng chí được ban Chấp hành Trung ương Đảng cử làm cố vấn Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Tháng 12/1997, thể theo nguyện vọng của đồng chí và được Hội nghị lần thứ 4 Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII chấp nhận đồng chí kết thúc nhiệm vụ làm cố vấn Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Đồng chí Phạm Văn Đồng là đại biểu Quốc Hội từ khóa I (1946 - 1960) đến khóa VII (1981 - 1987); là cán bộ lãnh đạo cao cấp của Đảng và Nhà nước ta, đồng thời là nhà văn hóa lớn.

Hơn 70 năm hoạt động cách mạng đồng chí nêu tấm gương sáng ngời về *“cần kiệm, liêm chính, chí công vô tư”*. Đồng chí là học trò xuất sắc, là cộng sự gần gũi với Chủ tịch Hồ Chí Minh. Những di sản để lại của đồng chí cho gia đình, quê hương và cho Đảng, dân tộc thật vô giá. Nói đến Phạm Văn Đồng các đồng chí bè bạn và Nhân dân Việt Nam nghĩ ngay đó là nhà chính trị xuất chúng, nhà quân sự tài ba, nhà

ngoại giao sắc sảo, nhà văn hóa lớn của dân tộc Việt Nam, là nhà giáo mẫu mực.

Trái tim lớn đã ngừng đập, đồng chí vào cõi vĩnh hằng hồi 23 giờ 10 phút ngày 29/4/2000 tại Hà Nội, hưởng thọ 94 tuổi. Cuộc đời hoạt động cách mạng đầy gian khổ hy sinh và đầy vinh quang của đồng chí gắn liền trang lịch sử hào hùng của cách mạng Việt Nam trong suốt chiều dài thế kỷ XX: Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam (1930), Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa (1946) - nay Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; gắn liền thắng lợi vẻ vang của Đảng ta, dân tộc ta trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc chống Mỹ; Công cuộc đổi mới do Đảng ta khởi xướng (từ Đại hội VI - 1986) và sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước từ Đại hội VIII - 1996.

Điều văn tại Lễ truy điệu đồng chí Phạm Văn Đồng, thay mặt Đảng, Nhà nước ta Tổng Bí Thư Lê Khả Phiêu trân trọng nhắc lại công lao to lớn của đồng chí Phạm Văn Đồng có đoạn: *“Đồng chí Phạm Văn Đồng là học trò xuất sắc và gần gũi của Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại; người cộng sản kiên cường, mẫu mực; nhà lãnh đạo có uy tín lớn của Đảng và Nhà nước ta; người con rất mực trung thành, suốt đời chiến đấu vì độc lập dân tộc, vì chủ nghĩa xã hội, vì hạnh phúc của Nhân dân; người bạn tin cậy của bạn bè quốc tế; nhà văn hóa lớn của dân tộc... Suốt 41 năm làm Ủy viên Trung ương Đảng, 35 năm là Ủy viên Bộ chính trị, 32 năm*

là Thủ tướng Chính phủ, đồng chí là nhà lý luận chính trị và là nhà văn hóa xuất sắc, giàu kinh nghiệm thực tiễn, có tầm nhìn chiến lược, tư duy luôn năng động, tình cảm luôn chan hòa với Nhân dân, nhạy cảm, thấu hiểu được nguyện vọng của đồng bào. Nhờ vậy đồng chí có nhiều đóng góp lớn trong việc hoạch định, làm thấu suốt và chỉ đạo thực hiện đường lối của cách mạng Việt Nam suốt 7 thập kỷ qua”.

Đảng ta, Nhân dân ta mãi mãi tri ân, tưởng nhớ đồng chí Phạm Văn Đồng – Người Cộng sản kiên cường, mẫu mực; Nhà lãnh đạo có uy tín lớn của Đảng, Nhà nước ta, suốt đời chiến đấu vì độc lập dân tộc, vì chủ nghĩa xã hội, vì hạnh phúc của Nhân dân.

KỶ NIỆM 85 NĂM NGÀY THÀNH LẬP ĐOÀN THANH NIÊN CỘNG SẢN HỒ CHÍ MINH (26/3/1931 – 26/3/2016)

Năm 2016 là năm đánh dấu chặng đường 85 năm lịch sử vẻ vang của Đoàn Thanh niên cộng sản (TNCS) Hồ Chí Minh. Đây là dịp quan trọng để mỗi đoàn viên, thanh niên Việt Nam ôn lại lịch sử, truyền thống hào hùng của Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, đồng thời là cơ hội để chúng ta thể hiện vai trò, trách nhiệm của tuổi trẻ trong việc kế thừa và phát huy truyền thống, xung kích trong sự nghiệp xây dựng và phát triển quê hương, đất nước.

I- Sự ra đời của Đoàn TNCS Hồ Chí Minh

Sau khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời (3/2/1930), Đảng đã thấy rõ tầm quan trọng của việc xây dựng tổ chức Đoàn. Tại Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ hai họp từ ngày 20 đến ngày 26/3/1931, Trung ương Đảng đã dành một ngày trong thời gian Hội nghị để bàn và quyết định những vấn đề quan trọng về công tác vận động thanh niên của Đảng. Xuất phát từ ý nghĩa đặc biệt ấy, được sự đồng ý của Bộ Chính trị và Bác Hồ, Đại hội Đoàn toàn quốc lần thứ III (họp từ ngày 22 đến 25/3/1961 tại Hà Nội) đã quyết định lấy ngày 26/3/1931 là ngày thành lập Đoàn. Ngày 26/3 trở thành ngày vẻ vang của tuổi trẻ Việt Nam, của Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh quang vinh.

II- Tổ chức Đoàn mang tên gọi khác nhau và các kỳ Đại hội Đoàn phù hợp với yêu cầu của từng thời kỳ cách mạng.

1- Ngay sau khi thành lập, Đoàn thanh niên cộng sản Đông Dương đã phát triển được nhiều đoàn viên trong cao trào cách mạng 1930 - 1931 mà đỉnh cao là Xô Viết - Nghệ Tĩnh. Từ phong trào cách mạng giai đoạn này đã xuất hiện nhiều gương thanh niên đấu tranh oanh liệt, tiêu biểu là đoàn viên thanh niên cộng sản Lý Tự Trọng với câu nói nổi tiếng trước tòa án kẻ thù: *"Con đường của thanh niên chỉ là con đường cách mạng, không thể có con đường nào khác"*.

2- Tháng 7/1936, Hội nghị Trung ương Đảng đã định ra đường lối chuyển hướng nhiệm vụ từ đấu tranh bí mật, bất hợp pháp sang đấu tranh công khai hợp pháp và nửa hợp pháp. Đoàn thanh niên Dân chủ Đông Dương tiếp nối truyền thống của Đoàn TNCS Đông Dương, tích cực vận động thanh niên đấu tranh chống thực dân, đế quốc, phản động tay sai, đòi tự do, dân chủ, cơm áo, hòa bình.

3- Tháng 9/1939, chiến tranh thế giới lần thứ II bùng nổ, trong tình hình mới, tổ chức Đoàn phải chuyển vào hoạt động bí mật và xây dựng tổ chức chặt chẽ với tên mới là Đoàn thanh niên phản đế Đông Dương.

4- Mùa xuân năm 1941, Bác Hồ trở về nước cùng Trung ương Đảng trực tiếp lãnh đạo cách mạng Việt Nam. Tháng 5/1941, Người đã chủ trì Hội nghị Trung ương VIII tại Pắc

Bó (Cao Bằng). Dưới ánh sáng Nghị quyết Hội nghị Trung ương VIII, Đoàn thanh niên Cứu quốc Việt Nam ra đời tiếp nối sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc của các tổ chức thanh niên trước đó do Đảng, Bác Hồ tổ chức, giáo dục và rèn luyện. Dưới ngọn cờ của Đảng và Bác Hồ vĩ đại, Đoàn thanh niên Cứu quốc và tuổi trẻ cả nước đã xung kích cùng toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta vùng lên tiến hành thành công Cách mạng Tháng Tám năm 1945, mở ra kỷ nguyên độc lập tự do cho dân tộc, thành lập nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa, Nhà nước dân chủ Nhân dân đầu tiên ở Đông Nam châu Á.

Thực hiện lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh và Chính phủ cách mạng, đoàn viên, thanh niên (ĐVTN) là lực lượng hăng hái đi đầu trong phong trào chống "*giặc đói, giặc dốt và giặc ngoại xâm*". Thời gian độc lập không được bao lâu, thực dân Pháp trở lại xâm lược nước ta một lần nữa, cả dân tộc lại bước vào cuộc kháng chiến trường kỳ đầy gian khổ, hy sinh. Tiêu biểu cho những ngày đầu kháng chiến là tuổi trẻ Sài Gòn - Chợ Lớn đã thành lập các đội Thanh niên xung phong cảm tử, thanh niên tự vệ kiên quyết đánh trả kẻ thù. Tại Thủ đô Hà Nội, suốt 60 ngày đêm, nhiều chiến sỹ với tuổi đời còn rất trẻ đã ôm bom ba càng chặn xe tăng giặc ngay trên đường phố...

Sau gần 20 năm hoạt động dưới sự lãnh đạo của Đảng, Đại hội Đoàn toàn quốc lần thứ I được tổ chức tại Đại Từ - Thái Nguyên từ ngày 7 đến 14/2/1950 với chủ đề "*Chiến*

đấu và xây dựng tương lai". Phát huy thành công của Đại hội, hàng vạn nam nữ thanh niên hăng hái xung phong tham gia phục vụ các chiến dịch, phong trào *"Tòng quân giết giặc lập công"* phát triển khắp mọi nơi. Sau 9 năm trường kỳ kháng chiến, tháng 5/1954, quân và dân ta đã làm nên một Điện Biên Phủ chấn động địa cầu. Trong cuộc trường kỳ kháng chiến ấy đã xuất hiện nhiều tấm gương tuổi trẻ kiên cường, dũng cảm như: Trần Văn Ôn, Võ Thị Sáu, La Văn Cầu, Cù Chính Lan, Nguyễn Thị Chiên, Bế Văn Đàn, Phan Đình Giót, Tô Vĩnh Diện... Họ thật xứng đáng đại diện cho một lớp trẻ *"Quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh"*.

5- Ngày 19/10/1955, Ban Bí thư Trung ương Đảng đã ra Nghị quyết đổi tên Đoàn thanh niên Cứu quốc Việt Nam thành Đoàn thanh niên Lao động Việt Nam. Tại Đại hội Đoàn toàn quốc lần thứ II từ ngày 25/10 đến 4/11/1956, Bác Hồ đã ân cần căn dặn: *"Đảng và Chính phủ ta có thể tự hào đã tạo nên một thế hệ thanh niên dũng cảm như các cháu, và mong các cháu tiếp tục phấn đấu hăng hái cho công cuộc bảo vệ Tổ quốc, xây dựng nước nhà"*. Từ sau Đại hội, tuổi trẻ miền Bắc đã đẩy lên phong trào thi đua lao động sản xuất để khôi phục kinh tế, cải tạo và xây dựng xã hội mới. Hàng vạn thanh niên tham gia xây dựng các công trình thủy lợi, khai hoang phục hóa đất đai; hàng triệu thanh niên hăng hái theo học các lớp bổ túc văn hóa... Ở miền Nam, phong trào đấu tranh chính trị của thanh niên, học sinh - sinh viên tuy bị đế quốc Mỹ và tay sai đàn áp dã man song không hề nao

núng. Trong những ngày đồng khởi, các đội "*Trung kiên*", "*Xung phong*" do thanh niên đảm nhận đã được thành lập ở khắp mọi nơi, tiến hành vây đồn, lấy bột, trừ gian, phá ấp chiến lược... Tiêu biểu cho tinh thần ấy là chị Trần Thị Lý, người con gái anh hùng đất Quảng nhiều lần bị địch bắt, mang trong mình nhiều vết thương, nhưng người con gái ấy không hề nhụt chí trước quân thù.

Từ ngày 23 đến 25/3/1961, Đại hội Đoàn toàn quốc lần thứ III được triệu tập tại Hà Nội, Đại hội đã phát động phong trào "*Xung phong tình nguyện vượt mức kế hoạch 5 năm lần thứ nhất*". Tháng 8/1964, đế quốc Mỹ leo thang gây chiến tranh phá hoại bằng không quân đối với miền Bắc, tuổi trẻ Thủ đô đã phát động phong trào "*Ba sẵn sàng*". Được sự chỉ đạo kịp thời của Trung ương Đoàn, phong trào đã phát triển sâu rộng trong cả nước. Ở miền Bắc, hàng triệu đoàn viên thanh niên đăng ký tham gia phong trào "*Ba sẵn sàng*" nêu cao quyết tâm chi viện cho chiến trường miền Nam với tinh thần "*Chưa thắng giặc Mỹ, chưa về quê hương*".

Tháng 2/1965, Đại hội Đoàn thanh niên toàn miền Nam đã phát động phong trào "*Năm xung phong*", sau một thời gian ngắn, có hàng vạn đoàn viên thanh niên tham gia phong trào này. Từ phong trào "*Ba sẵn sàng*" và "*Năm xung phong*" đã xuất hiện nhiều tập thể và cá nhân với những chiến công xuất sắc như: 7 dũng sỹ Điện Ngọc (Quảng Nam) anh dũng đánh trả một tiểu đoàn địch; Tạ Thị Kiều tay không đoạt bột giặc; Lê Thị Hồng Gấm chiến đấu đến hơi thở cuối cùng

không chịu đầu hàng giặc; Dũng sỹ diệt Mỹ - Anh hùng Lê Mã Lương với lẽ sống "*Cuộc đời đẹp nhất là ở trên trận tuyến chống quân thù*"; câu nói bất hủ của người thợ điện trẻ tuổi Nguyễn Văn Trỗi "*Còn giặc Mỹ thì không có hạnh phúc*" đã gây xúc động cho tuổi trẻ và Nhân dân tiến bộ khắp 5 châu; lời hô của Anh hùng liệt sỹ Nguyễn Viết Xuân "*Nhằm thẳng quân thù mà bắn!*" đã trở thành hiệu lệnh thúc giục quân và dân ta xông lên tiêu diệt quân thù.

6- Nhân dịp kỷ niệm 40 năm ngày thành lập Đảng, thể theo nguyện vọng của cán bộ, đoàn viên thanh niên cả nước, Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã ra quyết định: Đoàn thanh niên Lao động Việt Nam được mang tên Đoàn thanh niên Lao động Hồ Chí Minh. Thắng lợi của chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử đã làm nên một đại thắng mùa xuân năm 1975, cả nước thống nhất và đi lên xây dựng CNXH. Trong chiến thắng vĩ đại ấy, có sự đóng góp to lớn của đoàn viên thanh niên trên khắp các mặt trận. Đảng ta, Nhân dân ta, đoàn ta đã giáo dục, rèn luyện một thế hệ thanh niên Việt Nam vô cùng dũng cảm, thông minh, không sợ gian khổ, hy sinh, quyết chiến - quyết thắng.

7- Sau ngày thống nhất nước nhà, Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IV (1976) đã ra quyết định Đoàn Thanh niên Lao động Hồ Chí Minh mang tên Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh.

Từ ngày 20 đến 22/11/1980, Đại hội Đoàn toàn quốc lần thứ IV đã được tiến hành tại Thủ đô Hà Nội, Đại hội đã

quyết định đẩy mạnh hơn nữa phong trào “*Ba xung kích*” thành cao trào thi đua hành động cách mạng của tuổi trẻ thực hiện thắng lợi sự nghiệp xây dựng CNXH và bảo vệ Tổ quốc XHCN. Vào thời điểm này, hàng triệu lượt đoàn viên thanh niên tham gia phong trào “*Ba xung kích làm chủ tập thể*”; gần 9 triệu đoàn viên thanh niên tham gia phong trào “*Thanh niên xung kích xây dựng và bảo vệ Tổ quốc*”; hàng chục vạn thanh niên gia nhập lực lượng vũ trang, góp phần tích cực bảo vệ vững chắc biên cương Tổ quốc và làm tròn nghĩa vụ quốc tế. Tiếp đó là các phong trào “*Hành quân theo bước chân những người anh hùng*” đã thu hút gần 6 triệu đoàn viên, thanh thiếu nhi tham gia và “*Hành quân theo chân Bác*” đã có 10 triệu thiếu niên nhi đồng tham gia.

Từ ngày 27 đến 30/11/1987, Đại hội Đoàn toàn quốc lần thứ V đã phát động phong trào “*Tuổi trẻ xung kích, sáng tạo xây dựng và bảo vệ Tổ quốc*”. Đại hội Đoàn toàn quốc lần thứ VI diễn ra từ ngày 15 đến 18/10/1992; Hội nghị lần thứ 2, Ban Chấp hành Trung ương Đoàn khóa VI (tháng 2/1993) đã quyết định triển khai 2 phong trào lớn là: “*Thanh niên lập nghiệp*” và “*Tuổi trẻ giữ nước*”. Đại hội Đoàn toàn quốc lần thứ VII từ ngày 26 đến 29/11/1997 đã quyết định tiếp tục phát triển và nâng hai phong trào trên lên một tầm cao mới. Năm 2000, Bộ Chính trị và Chính phủ quyết định là “*Năm thanh niên Việt Nam*”. Từ thời điểm này phong trào “*Thanh niên tình nguyện*” có bước phát triển mới, đi vào thực tiễn, được đông đảo các cấp bộ Đoàn và ĐVTN tham gia, tạo nên

ấn tượng tốt đẹp về lớp thanh niên Việt Nam của thời kỳ mới. Tổ chức Đoàn các cấp đã chủ động đề xuất và đảm nhận hàng ngàn chương trình, dự án kinh tế - xã hội quan trọng, tiêu biểu như Dự án xóa cầu khỉ, xây cầu mới vùng đồng bằng Nam Bộ; xây dựng Đảo thanh niên; làm đường Hồ Chí Minh; xây dựng Làng Thanh niên lập nghiệp... Phong trào thi đua học tập, lao động sáng tạo để chiếm lĩnh đỉnh cao tri thức, khoa học công nghệ mới; sinh hoạt chính trị *"Tuổi trẻ Việt Nam tiến bước dưới cờ Đảng"*, *"Tuổi trẻ với tư tưởng Hồ Chí Minh"*..., đã lôi cuốn hàng triệu thanh thiếu niên tham gia. Từ trong phong trào của tuổi trẻ đã xuất hiện nhiều tập thể và cá nhân tiêu biểu trên các lĩnh vực công tác.

Với tinh thần *"Đoàn kết, sáng tạo, xung kích, tình nguyện"*, Đại hội Đoàn toàn quốc lần thứ VIII từ ngày 8 đến 11/12/2002 đã mở ra một trang mới trong lịch sử phát triển của Đoàn TNCS Hồ Chí Minh. Đại hội đã phát động phong trào lớn *"Thi đua, tình nguyện xây dựng và bảo vệ Tổ quốc"* và kêu gọi tuổi trẻ Việt Nam cùng siết chặt tay dưới lá cờ vinh quang của Đoàn, nguyện đi theo con đường cách mạng của Đảng, Bác Hồ và Nhân dân ta đã lựa chọn, nắm chắc thời cơ, vượt qua thách thức, góp phần to lớn vào sự nghiệp đổi mới đất nước. Phong trào mới với sức sống mới, hàng triệu thanh niên thi đua học tập, tiến quân vào khoa học - công nghệ; thi đua lao động sáng tạo để lập thân lập nghiệp; xung phong tình nguyện vì cuộc sống cộng đồng; góp phần giữ vững an ninh chính trị, đảm bảo trật tự an toàn xã hội.

Các cuộc vận động, phong trào mới được triển khai như: *"Sáng tạo trẻ", "Bốn mới" (kỹ thuật mới, ngành nghề mới, thị trường mới, mô hình mới), "Cán bộ công chức trẻ với cải cách hành chính", "Học tập tốt, rèn luyện tốt", "Trí thức trẻ tình nguyện"...*, đã góp phần khơi sức thanh niên trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, tạo ra nhiều mô hình hay, cách làm sáng tạo từ thực tiễn.

Đặc biệt sinh hoạt chính trị *"Tuổi trẻ với tư tưởng Hồ Chí Minh", "Tiếp lửa truyền thống - Mãi mãi tuổi hai mươi"*, diễn đàn *"Tuổi trẻ sống đẹp, sống có ích"*, cuộc vận động *"Tuổi trẻ Việt Nam học tập và làm theo lời Bác"* đã được các cấp bộ Đoàn, ĐVTN triển khai thực hiện nghiêm túc, có sức lôi cuốn và lan tỏa mạnh mẽ, tạo hiệu ứng xã hội sâu rộng góp phần quan trọng nâng cao nhận thức, bồi đắp lý tưởng cách mạng và niềm tin cho thế hệ trẻ. Năm 2007, hưởng ứng cuộc vận động *"Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh"* do Đảng ta phát động, Đoàn thanh niên các cấp chủ động, sáng tạo triển khai thực cuộc vận động *"Tuổi trẻ Việt Nam học tập và làm theo lời Bác"*, sau 4 năm triển khai, cuộc vận động bước đầu đã đạt được kết quả tốt đẹp.

Trong nhiệm kỳ VIII, công tác phát triển đoàn viên và Đoàn tham gia xây dựng Đảng tiếp tục được quan tâm, chỉ đạo. Cả nhiệm kỳ, các cấp bộ đoàn đã kết nạp mới trên 4,5 triệu đoàn viên, nâng tổng số đoàn viên cả nước hiện nay lên 6,1 triệu. Vai trò tiên phong gương mẫu của đoàn viên trong các phong trào thanh niên và ở cộng đồng dân cư, trong công

tác chăm sóc, giáo dục thiếu nhi ở một số địa bàn, lĩnh vực được khẳng định. Vai trò nòng cốt của Đoàn trong xây dựng tổ chức và hoạt động của Hội LHTN Việt Nam, Hội Sinh viên Việt Nam được thể hiện rõ nét. Đoàn tăng cường đầu tư về cán bộ, định hướng hoạt động và đảm bảo các điều kiện hoạt động cho các Hội, góp phần xây dựng tổ chức Hội, mở rộng mặt trận tập hợp, đoàn kết thanh niên, qua đó củng cố và phát triển tổ chức Đoàn. Các cấp bộ đoàn đã giới thiệu cho Đảng trên 900 nghìn đoàn viên ưu tú, trong đó có 347.872 đồng chí được kết nạp Đảng.

Đại hội Đoàn toàn quốc lần thứ IX diễn ra tại Thủ đô Hà Nội từ ngày 17 đến 21/12/2007. Đại hội đã khẳng định: *Đoàn TNCS Hồ Chí Minh tiếp tục đổi mới toàn diện, phấn đấu thực sự trở thành người bạn thân thiết của thanh niên, định hướng cho thanh niên đến với lý tưởng cách mạng và những giá trị cao đẹp, đồng hành với thanh niên lập thân, lập nghiệp, xung kích trong phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ Tổ quốc.* Các phong trào, các cuộc vận động và các hoạt động của Đoàn đều phải hướng tới mục tiêu tập hợp, đoàn kết, giáo dục thanh niên, tạo môi trường lành mạnh, an toàn cho thanh niên rèn luyện và tự khẳng định, vì sự tiến bộ của thanh niên và sự phát triển của đất nước. Mục tiêu chung của công tác Đoàn và phong trào thanh thiếu nhi nhiệm kỳ 2007 - 2012 là: *Tăng cường bồi dưỡng lòng yêu nước và ý thức công dân, lý tưởng và đạo đức cách mạng, bản lĩnh chính trị và văn hóa cho thanh thiếu nhi; xây dựng Đoàn vững mạnh;*

tích cực chăm lo bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của thanh thiếu nhi; phát huy tiềm năng to lớn của thế hệ trẻ Việt Nam xung kích “Sớm đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển”, phấn đấu cùng toàn Đảng, toàn dân thực hiện thắng lợi công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước vì mục tiêu “Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”.

Trong nhiệm kỳ này, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh tập trung triển khai hai phong trào lớn là: “5 xung kích phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ Tổ quốc” và “4 đồng hành với thanh niên lập thân, lập nghiệp”.

Hai phong trào được phát động nhằm mục đích vừa phát huy mạnh mẽ tiềm năng của thanh niên, vừa tạo môi trường giáo dục, rèn luyện cho thanh niên, vì sự phát triển của thanh niên, của cộng đồng và đất nước; đồng thời góp phần bảo vệ, chăm lo lợi ích chính đáng của thanh niên, khơi dậy mạnh mẽ tiềm năng của thanh niên và huy động các nguồn lực xã hội góp phần định hướng, hướng dẫn, hỗ trợ thanh niên.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X diễn ra tại Hà Nội từ ngày 11 đến 14/12/2012, Nghị quyết Đại hội ĐTNCS lần này đã đề ra các nhiệm vụ trọng tâm:

(1) Tăng cường giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức cách mạng, truyền thống, lịch sử dân tộc, văn hóa, lối sống, ý thức chấp hành pháp luật cho thanh - thiếu nhi. Xác định nội dung xuyên suốt trong công tác giáo dục của Đoàn là bồi

đắp lý tưởng, ước mơ, hoài bão, niềm tin, khát vọng cao đẹp của thanh niên đóng góp vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong thời kỳ mới; góp phần hình thành lớp thanh niên ưu tú trên mọi lĩnh vực, kế thừa trung thành và xuất sắc sự nghiệp cách mạng của Đảng, của dân tộc, “*vừa hồng vừa chuyên*” theo tư tưởng của Bác Hồ. Chú trọng giáo dục thanh - thiếu nhi thông qua điển hình tiên tiến, thực tiễn phong trào hành động cách mạng; tăng cường đối thoại giữa cán bộ đoàn với đoàn viên, thanh niên qua các diễn đàn tuổi trẻ.

(2) Đẩy mạnh các phong trào thi đua yêu nước trong thanh thiếu nhi, phát huy mạnh mẽ trí tuệ, sức lực, tinh thần xung kích, sáng tạo, tình nguyện của thanh niên trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; chăm lo tốt hơn nhu cầu, nguyện vọng chính đáng của tuổi trẻ. Lựa chọn nội dung, phương thức phù hợp và chỉ đạo có trọng tâm, trọng điểm để các phong trào thi đua trong thanh thiếu nhi được triển khai đúng định hướng, sâu rộng, thiết thực và hiệu quả, thực sự là môi trường giáo dục, rèn luyện của thanh niên.

(3) Tập trung củng cố, xây dựng tổ chức Đoàn TNCS Hồ Chí Minh vững mạnh, trọng tâm nâng cao là chất lượng cơ sở, chất lượng đội ngũ cán bộ đoàn và mở rộng mặt trận đoàn kết tập hợp thanh niên. Phát huy vai trò đội dự bị tin cậy của Đảng, là lực lượng trung kiên gần Đảng nhất, tích cực tham gia xây dựng và bảo vệ Đảng, xây dựng hệ thống chính trị; đề cao trách nhiệm chăm sóc, giáo dục thiếu nhi;

mở rộng, nâng cao hiệu quả công tác quốc tế thanh niên.

III- Những truyền thống về vang của Đoàn và tuổi trẻ Việt Nam.

Trải qua 85 năm hình thành và phát triển, Đoàn đã xây dựng và hun đúc nên những truyền thống về vang của tuổi trẻ Việt Nam:

- Truyền thống yêu nước nồng nàn, trung thành tuyệt đối với sự nghiệp lãnh đạo của Đảng, gắn bó sống còn với lợi ích của dân tộc, nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa.

- Truyền thống xung kích cách mạng, xung phong tình nguyện, không ngại hy sinh gian khổ, sẵn sàng đảm nhận và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ mà Đảng và Nhân dân giao phó.

- Truyền thống đoàn kết, tinh thần tương thân tương ái và nhân đạo cao cả.

- Truyền thống hiếu học, ham hiểu biết, có ý chí vượt khó, cần cù, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, có hoài bão lớn.

Thực hiện lời dạy của Bác Hồ: *“Đâu cần thanh niên có, việc gì khó thanh niên đi đầu”*, thế hệ trẻ nước ta luôn nêu cao tinh thần hăng hái sẵn sàng xung phong đến những nơi Tổ quốc cần, dù đó là biên cương hay hải đảo, dù công việc đó là mới mẻ hay khó khăn.

Phát huy những truyền thống quý báu nêu trên, các thế hệ đoàn viên, hội viên, thanh niên, đội viên thiếu niên và nhi đồng ở nước ta đã tiếp bước theo nhau góp phần đưa sự nghiệp cách mạng của nước ta ngày càng phát triển mạnh mẽ, vượt qua mọi khó khăn, thử thách đạt nhiều thắng lợi hết sức to lớn, những kỳ tích vẻ vang, xứng tầm với vị thế mới của Việt Nam trong cộng đồng các quốc gia châu Á và quốc tế, vững bước trên con đường đi lên chủ nghĩa xã hội.

IV- Tuổi trẻ Quảng Nam cùng đoàn viên, thanh niên cả nước hưởng ứng và thực hiện việc Học tập và làm theo lời Bác.

Sau khi giành được chính quyền, Tỉnh ủy Quảng Nam rất coi trọng công tác vận động thanh niên. Do vậy, Đại hội thành lập tổ chức Đoàn thanh niên cứu quốc của tỉnh Quảng Nam được chỉ đạo diễn ra sớm vào ngày 25/10/1945. Đại hội đã bầu đồng chí Trần Thượng Hàm giữ chức Bí thư, đồng chí Nguyễn Văn Hà giữ chức Phó Bí thư và đồng chí Nguyễn Thanh Sơn là Ủy viên Ban Thường vụ. Sau khi tổ chức Đoàn các cấp được củng cố, phong trào thanh niên tỉnh nhà có bước chuyển biến mới.

Tháng 02/1946 Tỉnh đoàn tổ chức Hội trại ở Chiêm Sơn (Duy Xuyên) kéo dài 3 ngày và thu hút 500 đại biểu thanh niên cứu quốc và đại biểu thanh niên các dân tộc trong tỉnh về tham dự với khí thế sôi cách mạng.

Tháng 4/1946 Đại hội Đoàn thanh niên cứu quốc lần thứ II được triệu tập. Đại hội đã quyết định một số vấn đề quan trọng như hình thức tổ chức, công tác củng cố tổ chức Đoàn, công tác đoàn kết tập hợp thanh niên, nghiên cứu áp dụng các hình thức sinh hoạt Đoàn phù hợp với đặc điểm tâm lý thanh niên. Đại hội đã bầu Ban Chấp hành Tỉnh đoàn mới gồm 21 đồng chí. Đặc biệt, nhằm thu hút thanh niên và mở rộng tầm hoạt động của công tác Đoàn, Tỉnh đoàn đã ra tờ báo “*Hùng Đông*” với nội dung đề cập đến tình hình phong trào, lực lượng và tổ chức thanh niên; xây dựng và phát triển Đoàn, hoạt động của tuổi trẻ trong xã hội và công tác của các cấp bộ Đoàn. Sau khi được củng cố Đoàn thanh niên cứu quốc tỉnh đã tập hợp được đông đảo lực lượng thanh niên. Đây là nguồn lực lớn góp phần cùng với Nhân dân toàn tỉnh sẵn sàng đánh bại âm mưu của thực dân Pháp và đế quốc Mỹ.

Trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, Đoàn thanh niên và tuổi trẻ toàn tỉnh đã có những đóng góp quan trọng, được đảng bộ, chính quyền và Nhân dân địa phương ghi nhận, đánh giá cao. Phát huy truyền thống anh hùng, hơn 70 năm qua, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh Quảng Nam luôn thể hiện được vai trò xung kích, năng động, sáng tạo, tổ chức thành công các phong trào hành động cách mạng của thanh niên, đạt được những thành tích xuất sắc, góp phần đắc lực trong sự nghiệp xây dựng, bảo vệ, phát triển quê hương và đất nước.

Năm 1986, thực hiện chủ trương đổi mới theo tinh thần Nghị quyết Đại hội VI của Đảng, Đoàn thanh niên tỉnh nhà đã triển khai thực hiện nhiều phong trào hành động cách mạng của thanh niên. Các phong trào nổi bật trong thời kỳ này là phong trào về nguồn với các hoạt động du khảo tìm về các khu di tích, căn cứ cách mạng; *Phong trào thanh niên lập nghiệp* đã giới thiệu việc làm và dạy nghề cho 1.830 thanh niên, trong đó có nhiều thanh niên là con em thương binh liệt sĩ, gia đình khó khăn và thanh niên đã hoàn thành nghĩa vụ trở về; đăng ký đảm nhận 20 công trình thanh niên với tổng trị giá 2,2 tỷ đồng. *Phong trào tuổi trẻ giữ nước* với các hoạt động đẩy mạnh tuyên truyền Luật nghĩa vụ quân sự, vận động thanh niên lên đường nhập ngũ; tổ chức Hội thao quốc phòng, xây dựng chi Đoàn dân quân tự vệ... *Phong trào Thanh niên hoạt động xã hội* đã vận động quỹ trên 60 triệu đồng và tặng 148 sổ tiết kiệm, 500 suất quà cho các “địa chỉ đỏ”...

Phát huy và kế tục những thành tựu trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, những năm qua các cấp bộ Đoàn trong toàn tỉnh luôn tiên phong đi đầu, không ngại đảm nhận những việc khó, việc mới góp phần không nhỏ vào thành công chung trong xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội tỉnh nhà. Công tác tuyên truyền, giáo dục được coi là sợi chỉ đỏ xuyên suốt trong các chủ trương chung mang tính chỉ đạo của Đoàn. Trong đó, công tác giáo dục chính trị, tư tưởng được đặt lên hàng đầu thông qua việc tổ chức triển khai,

học tập, tìm hiểu chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, 6 bài lý luận chính trị của Đoàn và Nghị quyết Đại hội Đảng, Đoàn các cấp tới đông đảo đoàn viên thanh niên. Từ 2012 đến nay, toàn tỉnh đã tổ chức được hơn 473 lớp học tập Nghị quyết của Đảng, Đoàn cho 92.398 ĐVTN, 397 lớp học tập 6 bài học lý luận chính trị cho 46.751 ĐVTN. Công tác giáo dục đạo đức, lối sống với nhiều giải pháp nâng cao chất lượng, hiệu quả trong việc cụ thể hóa Chỉ thị 01 của Trung ương Đoàn, Chỉ thị 22 của UBND tỉnh và ban hành Nghị quyết 02-NQ/TĐTN-TG, ngày 14/8/2013 về đẩy mạnh công tác giáo dục của Đoàn TNCS Hồ Chí Minh tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2013 - 2017.

Đồng thời, công tác tuyên dương, nhân rộng các mô hình, gương điển hình trong học tập và làm theo lời Bác được các cấp bộ đoàn quan tâm góp phần bồi dưỡng tư tưởng, nhận thức chính trị cho đoàn viên thanh niên. Công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật được triển khai thông qua việc tổ chức các phiên tòa lưu động, phiên tòa giả định, giúp đỡ cảm hóa các đối tượng thanh thiếu nhi chậm tiến; duy trì và nhân rộng các mô hình phổ biến, giáo dục pháp luật có hiệu quả, xây dựng các mô hình điểm về chấp hành pháp luật, góp phần xây dựng ý thức pháp luật, lối sống tuân thủ pháp luật trong thanh thiếu nhi. Toàn tỉnh đã tổ chức được 387 buổi tuyên truyền luật pháp cho 42.400 lượt ĐVTN; đăng ký, giúp đỡ, cảm hóa 699 thanh thiếu nhi vi phạm pháp luật trở nên tiến bộ. Bên cạnh đó, công tác

tuyên truyền trên hệ thống truyền thông đại chúng đạt hiệu quả, hoạt động của các kênh thông tin của đoàn được đầu tư, đổi mới, các hoạt động tuyên truyền qua hệ thống mạng xã hội được chú trọng.

Đặc biệt, các cấp bộ Đoàn đã tích cực triển khai, hưởng ứng hai phong trào: *“Xung kích, tình nguyện phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ Tổ quốc”*, *“Đồng hành với thanh niên lập thân, lập nghiệp”* do Trung ương Đoàn phát động. Từ thực tế cho thấy phong trào này đã khơi dậy và phát huy được sức mạnh nội lực của tuổi trẻ, cụ thể là tinh thần tự nguyện cống hiến, tính tiên phong và tính sáng tạo trong mọi hoạt động vì lợi ích của cộng đồng và đất nước.

Trong xung kích phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế các cấp bộ đoàn đã chủ động đảm nhận, thực hiện các dự án, chương trình, phần việc thanh niên tham gia phát triển kinh tế - xã hội ở những lĩnh vực, địa bàn khó khăn gắn với nhiệm vụ phát triển kinh tế tại địa phương; đã có nhiều mô hình hay, cách làm hiệu quả của Đoàn trong việc lập thân lập nghiệp, tham gia xóa đói giảm nghèo tại các địa phương, đơn vị. Nhánh phong trào xung kích tình nguyện vì cuộc sống cộng đồng, xây dựng nông thôn mới được triển khai thực hiện theo hướng các hoạt động tình nguyện tập trung, chuyên sâu, tại chỗ trong đó tập trung vào các hoạt động vì an sinh xã hội. Trong 03 năm 2012-2015, đã hoàn thành 230 công trình thanh niên cấp huyện, 1.134 công trình, phần việc thanh niên cấp cơ sở, 50 dự án, chương trình phát triển

kinh tế với hơn 203 tỷ đồng; xây dựng 10 cây cầu giao thông nông thôn; vận động xây dựng, sửa chữa 155 nhà tình nghĩa, nhà nhân ái, trị giá 2,9 tỷ đồng; tặng 15.000 suất quà cho Mẹ VNAH, các gia đình có hoàn cảnh khó khăn trị giá hơn 4 tỷ đồng; khám bệnh, cấp phát thuốc miễn phí cho trên 7.500 lượt người dân; trao gần 5.600 suất cơm, cháo miễn phí cho bệnh nhân nghèo; vận động hơn 10.000 ĐVTN tham gia hiến máu và đã hiến được hơn 9.216 đơn vị máu. Nạo vét, khơi thông dòng chảy gần 60,5km kênh mương nội đồng; phát quang, sửa chữa 195,5 km đường nông thôn; mắc 23km điện chiếu sáng; lấp đặt 228 hố chứa rác thải công nghiệp.

Đặc biệt, nhánh phong trào Đồng hành với thanh niên trong nghề nghiệp, việc làm đã được các cấp bộ Đoàn đẩy mạnh triển khai. Hiện nay toàn tỉnh có 451 tổ tiết kiệm và vay vốn thanh niên, 15.809 đối tượng thanh niên được thụ hưởng vay vốn, nâng tổng dư nợ nguồn vốn vay qua kênh ủy thác của Đoàn là 344 tỷ đồng, phối hợp tư vấn việc làm và định hướng nghề cho hơn 46.946 thanh niên và HSSV, dạy nghề cho 1.650 thanh niên là bộ đội xuất ngũ và thanh niên vi phạm pháp luật tái hòa nhập cộng đồng, giới thiệu việc làm và cung ứng lao động cho 8.823 thanh niên.

Trong hơn 70 năm qua, điểm đáng chú ý của phong trào thanh niên toàn tỉnh là việc phát động và tổ chức hưởng ứng thiết thực, hiệu quả các cuộc vận động lớn của Trung ương Đoàn, tiêu biểu là cuộc vận động Tuổi trẻ học tập và làm

theo lời Bác, cuộc vận động Tuổi trẻ chung tay xây dựng nông thôn mới. Cuộc vận động Tuổi trẻ Quảng Nam học tập và làm theo lời Bác đã từng bước đi sâu vào trong mỗi việc làm, hành động của các thế hệ tuổi trẻ tỉnh. Đồng thời thông qua đó, đoàn viên thanh niên thấy được vai trò và trách nhiệm của mình trong ý thức tu dưỡng, rèn luyện học tập và vận dụng sáng tạo tư tưởng đạo đức của Người vào những việc làm, những phong trào hành động cụ thể, để sống đẹp, sống có ích, góp phần tích cực vào sự nghiệp xây dựng quê hương ngày càng giàu đẹp. Chỉ tính riêng từ năm 2009 - 2013 những năm tập trung cao điểm trong triển khai Cuộc vận động, đã có gần 1.000 Hội thi, cuộc thi về Tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh thu hút hơn 79.000 ĐVTN tham gia; tổ chức được hơn 1.100 lớp học tập chuyên đề về tư tưởng Hồ Chí Minh cho hơn 20.000 ĐVTN; xây dựng được 1.200 tủ sách Học tập và làm theo lời Bác với gần 60.000 cuốn sách, tài liệu. Qua thực tế phong trào ngày càng xuất hiện nhiều những tập thể, cá nhân tiên tiến gương mẫu trong học tập và làm theo tấm gương đạo đức của Bác, cụ thể trong giai đoạn này đã có 1.157 tập thể, 17.481 cá nhân được trao tặng danh hiệu Làm theo lời Bác.

Cuộc vận động Tuổi trẻ Quảng Nam chung tay xây dựng nông thôn mới được tổ chức triển khai tập trung tại các xã điểm xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh. Ban Thường vụ Tỉnh đoàn đã hướng dẫn các cơ sở Đoàn đảm nhận những công trình, phần việc xây dựng nông thôn mới, tuyên truyền

và tham gia giám sát việc thực hiện, triển khai tại các địa phương, đơn vị. Vận động và hướng dẫn thanh niên nông thôn mạnh dạn chuyển dịch cơ cấu sản xuất, liên kết mở rộng sản xuất, kinh doanh. Trong 05 năm, từ 2011-2015, tặng 38.460 suất quà cho các gia đình khó khăn, gia đình chính sách, học sinh nghèo vượt khó, nạn nhân bị nhiễm chất độc da cam; xây dựng hơn 20 cầu dân sinh; bắt 73,5 km điện Thấp sáng đường quê; tổ chức các hoạt động dọn vệ sinh, thu gom, xử lý hơn 65 tấn rác thải; nạo vét hơn 177km kênh mương nội đồng; triệt phá cây mai dương mở rộng 55ha đất canh tác; tổ chức khám bệnh, cấp phát thuốc miễn phí cho 32.105 lượt người; trồng và chăm sóc 112.761 cây xanh các loại; tổ chức tuyên truyền tiết kiệm điện cho 6.562 lượt ĐVTN và bà con Nhân dân; khai hoang hơn 16ha ruộng lúa nước; sửa chữa và làm mới trên 411km đường liên thôn, liên xã; tổ chức 330 lớp tập huấn chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật; 55 lớp tập huấn nông thôn mới; xây dựng hơn 458 hố rác bê tông...

Ghi nhận và tuyên dương những thành tích nổi bật đó, các cấp bộ đoàn và tuổi trẻ tỉnh nhà đã vinh dự được đón nhận nhiều danh hiệu thi đua xuất sắc, tiêu biểu như: Huân chương Lao động Hạng Nhất, Cờ thi đua xuất sắc của Thủ tướng Chính phủ, Cờ đơn vị xuất sắc 10 năm xây dựng và phát triển tỉnh Quảng Nam (1997-2007) của UBND tỉnh Quảng Nam...

Năm 2016, kỷ niệm 85 năm ngày thành lập Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, 75 năm ngày thành lập Đội TNTP Hồ Chí Minh, 60 năm ngày truyền thống Hội LHTN Việt Nam, đặt ra yêu cầu phát huy vai trò xung kích, tình nguyện, sáng tạo của thanh niên tham gia phát triển kinh tế - xã hội; tham gia xây dựng và bảo vệ Đảng, chính quyền và đoàn thể Nhân dân; đồng thời tăng cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng, giáo dục truyền thống cho đoàn viên, thanh thiếu nhi.

Với định hướng chủ đề công tác năm *“Tuổi trẻ xung kích, sáng tạo xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”*, nhiệm vụ trọng tâm gồm: tổ chức học tập, quán triệt, tuyên truyền Nghị quyết Đại hội Đảng các cấp và xây dựng, triển khai Chương trình hành động của đoàn thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng. Tổ chức tốt các hoạt động kỷ niệm các ngày lễ lớn trong năm; triển khai thực hiện Chỉ thị số 42-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng; tập trung triển khai thực hiện các công trình, phần việc thanh niên sáng tạo xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, chào mừng thành công Đại hội Đảng các cấp và Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XII, kỷ niệm 85 năm ngày thành lập Đoàn TNCS Hồ Chí Minh; củng cố tổ chức Đoàn vững mạnh, nâng cao chất lượng đoàn viên, chất lượng cán bộ Đoàn các cấp.

Kỷ niệm 85 năm ngày thành lập Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, các cấp bộ Đoàn cần tập trung chú trọng tăng cường, nâng cao nhận thức, bồi đắp lý tưởng, niềm tự hào cho cán bộ, đoàn viên, thanh thiếu nhi về truyền thống cách mạng của

Đảng, của dân tộc, của Đoàn TNCS Hồ Chí Minh gắn với thực hiện Chỉ thị số 42-CT/TW về *“Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống văn hóa cho thế hệ trẻ giai đoạn 2015-2030”*. Đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước, phát huy tiềm năng và sức sáng tạo của thanh niên tham gia phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương, đơn vị; tăng cường hỗ trợ thanh niên lập thân, lập nghiệp; tham gia xây dựng Đảng, chính quyền, hệ thống chính trị; mở rộng mặt trận đoàn kết tập hợp thanh niên; củng cố tổ chức và nâng cao vai trò, vị thế của Đoàn trong thanh thiếu niên và xã hội.

Công tác tuyên truyền, giáo dục cần tập trung vào tuyên truyền giáo dục truyền thống vẻ vang của Đoàn TNCS Hồ Chí Minh với các nội dung cụ thể như sau:

Tổ chức sinh hoạt chuyên đề ôn lại truyền thống 85 năm xây dựng và trưởng thành của Đoàn TNCS Hồ Chí Minh gắn với các phong trào hành động cách mạng của Đoàn, những tấm gương đoàn viên tiêu biểu qua các thời kỳ; xác định trách nhiệm rèn luyện, phấn đấu của người đoàn viên hiện nay thông qua các hình thức như: tổ chức gặp mặt cựu cán bộ Đoàn qua các thời kỳ; tổ chức tổng kết 05 năm thực hiện Chỉ thị 03 - CT/TW của Bộ Chính trị về tiếp tục đẩy mạnh việc *“Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”*, tuyên dương gương thanh niên tiên tiến làm theo lời Bác; tổ chức thăm hỏi, động viên cho cán bộ Đoàn có hoàn cảnh khó khăn, vươn lên xây dựng cuộc sống, có đóng góp lớn cho

công tác đoàn và phong trào TTN tỉnh nhà; tổ chức tọa đàm thanh niên về “*Sứ mệnh lịch sử của thanh niên trong thời đại mới*”; tổ chức sinh hoạt đoàn xem phim tư liệu “*Bản hùng ca tuổi trẻ Việt Nam*”.

Tổ chức hành trình giáo dục truyền thống tham quan, tìm hiểu các địa danh, di tích lịch sử, truyền thống của Đoàn TNCS Hồ Chí Minh và các phong trào thanh niên. Qua đó, tuyên truyền, giáo dục về lịch sử, truyền thống của dân tộc, của Đảng, của đoàn, bồi đắp lý tưởng cách mạng, phát huy lòng yêu nước, tinh thần tự tôn dân tộc trong đoàn viên, thanh thiếu niên. Các cấp bộ đoàn tùy tình hình địa phương, đơn vị có thể nghiên cứu tổ chức cho thanh thiếu nhi tham gia các hành trình giáo dục truyền thống về thăm các Khu di tích của đoàn, hội, đội trên địa bàn, kết hợp gặp mặt truyền thống, nói chuyện chuyên đề, gặp gỡ nhân chứng lịch sử; tổ chức các hoạt động xã hội, đền ơn đáp nghĩa. Phối hợp với các cơ quan chức năng, đơn vị quản lý để tuyên truyền, quảng bá giới thiệu về các Khu di tích cách mạng tại địa phương, khuyến khích các hoạt động sáng tạo, nhất là việc giáo dục truyền thống thông qua các phương tiện truyền thông hiện đại, qua mạng Internet và mạng xã hội.

Tổ chức gặp gỡ, đối thoại giữa các cấp ủy, Đảng chính quyền với đoàn viên thanh niên nhằm trao đổi, phổ biến những chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước liên quan đến công tác thanh niên hiện nay; đối thoại về những vấn

đề liên quan mật thiết đến đoàn viên, thanh niên được đoàn viên, thanh niên quan tâm.

Tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, tuyên truyền ca khúc cách mạng, ngày hội tuổi trẻ thông qua tổ chức mítting kỷ niệm 85 năm ngày thành lập đoàn, kết hợp lưu diễn, tuyên truyền ca khúc cách mạng; văn hóa, văn nghệ, thể thao cho đoàn viên, thanh thiếu nhi. Tăng cường tuyên truyền về các hoạt động kỷ niệm tại địa phương, đơn vị; tham gia ngày chạy Olympic vì sức khỏe toàn dân năm 2016 các cấp.

Đối với Phong trào *“Xung kích, tình nguyện phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ Tổ quốc”* và *“Đồng hành với thanh niên lập thân, lập nghiệp”*, các cấp bộ Đoàn cần nghiên cứu đặc điểm, tình hình địa phương, đơn vị đồng thời chọn ra những nhánh phong trào phù hợp để tập trung triển khai, tạo điểm nhấn cho phong trào ngay từ cấp cơ sở. Trong đó, tập trung vào các nội dung chính như:

Phát động và tổ chức đợt thi đua đăng ký và đảm nhận thực hiện các công trình, phần việc thanh niên làm theo lời Bác với chủ đề *“Công trình thanh niên dựng xây đất nước”* tập trung vào thực hiện các công trình thanh niên ưu tiên nhiệm vụ hỗ trợ, giúp thanh niên nâng cao trình độ học vấn, chuyên môn nghiệp vụ, nghề nghiệp và việc làm hoặc công trình tham gia thực hiện chương trình phát triển kinh tế - xã hội, gắn với xây dựng nông thôn mới, xây dựng văn minh đô

thị, góp phần đảm bảo an ninh quốc phòng của địa phương, đơn vị.

Tập trung xây dựng các mô hình phát triển kinh tế, hình thành các hợp tác xã, tổ hợp tác thanh niên, hoạt động chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật, hỗ trợ vay vốn sản xuất, kinh doanh qua các nguồn vốn nhằm giúp thanh niên chủ động vươn lên thoát nghèo bền vững.

Tiếp tục phát huy hiệu quả hoạt động của các đội thanh niên xung kích tham gia điều tiết giao thông tại các nút giao thông trọng điểm, đội thanh niên xung kích sơ ứng cứu nhanh tai nạn giao thông, duy trì mô hình Bến đò ngang an toàn, điểm giao cắt đường bộ - đường sắt an toàn; Công trường an toàn giao thông. Phối hợp với các ngành triển khai thực hiện có hiệu quả cuộc vận động *“Thanh niên với văn hóa giao thông”*.

Phong trào tình nguyện vì cuộc sống cộng đồng, xây dựng nông thôn mới và bảo vệ môi trường cần được triển khai thực hiện theo hướng tập trung, chuyên sâu, tại chỗ thông qua các đợt tình nguyện cao điểm Chiến dịch thanh niên tình nguyện hè, tháng Thanh niên, Tình nguyện mùa Đông, Xuân tình nguyện, Xuân Biên giới, Tiếp sức mùa thi, Hành trình Thầy thuốc trẻ làm theo lời Bác - Tình nguyện vì cuộc sống cộng đồng.

Các hoạt động xây dựng, củng cố tổ chức Đoàn; Đoàn tham gia xây dựng Đảng và chính quyền Nhân dân cần được

duy trì thông qua việc triển khai chương trình rèn luyện đoàn viên trong thời kỳ mới; tăng cường rèn luyện cán bộ đoàn theo Chỉ thị 01; tiếp tục triển khai học tập 6 bài học lý luận chính trị trong đoàn viên, thanh niên theo các hình thức và bộ công cụ mới; tổ chức bình chọn và tuyên dương chi đoàn mạnh cấp huyện; Liên hoan, tuyên dương Bí thư chi đoàn giỏi cấp huyện năm 2016; tổ chức trao danh sách đoàn viên ưu tú cho cấp ủy Đảng nhân dịp kỷ niệm 85 năm Ngày thành lập Đoàn TNCS Hồ Chí Minh; tuyên truyền, phổ biến, quán triệt và xây dựng chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng ở các cấp.

“Thanh niên là người chủ tương lai của nước nhà... Nước nhà thịnh hay suy, yếu hay mạnh một phần lớn là do thanh niên”, lời dạy của Bác Hồ muôn vàn kính yêu cũng chính là tâm niệm của mỗi thanh niên Việt Nam. Đảng và Nhà nước luôn dành sự quan tâm tin tưởng đặc biệt đối với thế hệ trẻ, đó chính là niềm cổ vũ lớn lao, là động lực mạnh mẽ để tuổi trẻ tự tin vững bước. Kế tục xứng đáng sự nghiệp cách mạng của Đảng, của dân tộc, phát huy truyền thống vẻ vang của Đoàn và các thế hệ thanh niên Việt Nam, tuổi trẻ hôm nay hãy ra sức học tập, rèn luyện và làm theo lời Bác góp phần xây dựng Quảng Nam, xứng đáng là thanh niên thế hệ Hồ Chí Minh.

KỶ NIỆM 110 NĂM NGÀY SINH CỐ TỔNG BÍ THƯ HÀ HUY TẬP (24/4/1906 - 24/4/2016)

Đồng chí Hà Huy Tập thuộc thế hệ những người cộng sản đầu tiên tham gia thời kỳ đấu tranh vận động thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam, đảm nhiệm trọng trách là Tổng Bí thư của Đảng từ tháng 7/1936 đến tháng 3/1938. Trong sự nghiệp hoạt động cách mạng của mình, đồng chí Hà Huy Tập, Cố Tổng Bí thư của Đảng - một tấm gương kiên trung, bất khuất, hiến dâng trọn đời cho sự nghiệp cách mạng của Đảng và của dân tộc.

1- Khái lược thân thế, sự nghiệp đồng chí Tổng Bí thư Hà Huy Tập

Cố Tổng Bí thư Hà Huy Tập sinh ngày 24/4/1906, trong một gia đình nhà nho yêu nước ở làng Kim Nặc, tổng Thổ Ngọa, nay là xã Cẩm Hưng, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh – một vùng quê giàu truyền thống cách mạng.

Năm 13 tuổi, đồng chí Hà Huy Tập thi đỗ thủ khoa tại trường tỉnh và được đặc cách vào trường Quốc học Huế. Năm 1923, tốt nghiệp với tấm bằng hạng ưu và được bổ nhiệm về dạy tại Trường Tiểu học Pháp - Việt, thị xã Nha Trang (thuộc tỉnh Khánh Hòa ngày nay). Tháng 9/1925, về dạy ở Trường Tiểu học Cao Xuân Dục, thành phố Vinh, Nghệ An. Ở Vinh,

đồng chí Hà Huy Tập được kết nạp vào Hội Phục Việt, từ đó tích cực tham gia hoạt động tuyên truyền, giáo dục, giác ngộ cách mạng cho học sinh, công nhân, nông dân, đồng thời tổ chức quần chúng đấu tranh chống bọn thực dân, phong kiến.

Thấy rõ sự phát triển của Hội Hưng Nam và vai trò của đồng chí Hà Huy Tập, Công sứ Pháp ở Vinh đã điều đồng chí Hà Huy Tập lên dạy học ở Kẻ Bọn (Quì Châu). Hiểu rõ âm mưu, thủ đoạn của địch, Hội Hưng Nam đã chuyển đồng chí vào Sài Gòn làm phóng viên cho nhiều tờ báo có xu hướng chống Pháp, trong đó có tờ “*An Nam*”.

Ngày 14/8/1928, đồng chí Hà Huy Tập tham dự Hội nghị Tổng bộ Tân Việt tại Huế. Sau đó, đồng chí Hà Huy Tập và đồng chí Phan Đăng Lưu được Tổng bộ cử sang Quảng Châu, Trung Quốc hoạt động. Tháng 7/1929, đồng chí Hà Huy Tập được Tổng bộ Thanh niên giới thiệu sang học Trường Đại học Phương Đông, Liên Xô. Năm 1932, kết thúc khóa học, đồng chí tìm cách về nước. Đến Paris, đồng chí bị chính quyền Pháp trục xuất trở lại Liên Xô. Thời gian ở Liên Xô, đồng chí đã viết cuốn “*Sơ thảo lịch sử phong trào cộng sản Đông Dương*”, đây là cuốn sách đầu tiên viết về lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam.

Đầu năm 1934, đồng chí Hà Huy Tập theo đường phía Nam Trung Quốc về nước. Đến Ma Cao, đồng chí Hà Huy Tập cùng đồng chí Lê Hồng Phong và Nguyễn Văn Dật

thành lập ra “*Ban chỉ huy ở ngoài*” của Đảng. Ban có nhiệm vụ khôi phục lại hệ thống tổ chức và chuẩn bị cho việc triệu tập Đại hội lần thứ nhất của Đảng.

Ngày 26/7/1936, đồng chí Lê Hồng Phong cùng đồng chí Hà Huy Tập triệu tập Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp ở Thượng Hải, Trung Quốc để phổ biến Nghị quyết Đại hội VII Quốc tế Cộng sản. Hội nghị đã cử đồng chí Hà Huy Tập làm Tổng Bí thư và về nước tổ chức lại Ban Chấp hành Trung ương. Cuối tháng 7/1936, đồng chí Hà Huy Tập cùng cơ quan Trung ương chuyển về Bà Điểm, Hóc Môn, Gia Định hoạt động và lãnh đạo phong trào cách mạng trong cả nước.

Trên cương vị Tổng Bí thư, đồng chí Hà Huy Tập đã cùng Ban Chấp hành Trung ương Đảng chèo lái con thuyền cách mạng Việt Nam vượt qua nhiều gian nan, thử thách, đưa phong trào cách mạng tiến lên những bước mới.

Ngày 01/5/1938, trên đường đi công tác, Tổng Bí thư Hà Huy Tập bị thực dân Pháp bắt ở Sài Gòn. Tòa Thượng thẩm Sài Gòn kết án đồng chí 8 tháng tù và 5 năm quản thúc. Đầu tháng 3/1939, hết hạn tù, đồng chí bị đưa về quản thúc tại quê nhà Hà Tĩnh.

Ngày 30/3/1940, đồng chí Hà Huy Tập bị bắt lại và bị buộc tội có vai trò rất lớn trong cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ, nên phải “*chịu trách nhiệm tinh thần về cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ*” và bị tòa thực dân tuyên án tử hình cùng với một số

đồng chí: Nguyễn Văn Cừ, Võ Văn Tần, Nguyễn Thị Minh Khai... Ngày 28/8/1941, Tổng Bí thư Hà Huy Tập bị thực dân Pháp xử bắn tại trường bắn Hóc Môn, tỉnh Gia Định nay là thành phố Hồ Chí Minh.

35 tuổi đời, 16 năm hoạt động cách mạng, gần 2 năm làm Tổng Bí thư của Đảng, đồng chí Hà Huy Tập đã có những đóng góp to lớn cho Đảng và cách mạng Việt Nam, góp phần tích cực vào việc khôi phục Ban lãnh đạo của Đảng và các tổ chức đảng trong hoàn cảnh hết sức khó khăn, đồng thời hoạch định đường lối mới của Đảng và lãnh đạo đấu tranh đòi quyền dân sinh, dân chủ.

2- Đồng chí Hà Huy Tập, một nhà lãnh đạo tài năng, có công lớn trong việc khôi phục ban lãnh đạo và hoạch định đường lối mới của Đảng

Thời gian học ở Trường Đại học Phương Đông (Liên Xô), khóa học 1929 - 1932, đồng chí tiếp thu nhanh tư tưởng và lý luận của các nhà kinh điển Mác - Lênin, đường lối của Quốc tế Cộng sản. Đây là cơ hội để đồng chí trang bị một cách hệ thống về lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin. Tại đây, vừa học lý luận, đồng chí vừa đi thực tập, học nghề ở nhà máy, thâm nhập thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô, đồng thời viết nhiều bài đăng trên báo chí quốc tế và tham gia soạn thảo một số tài liệu quan trọng khác... Chính nhờ thành tích xuất sắc đó, đồng chí Hà Huy Tập đã trở thành đảng viên Đảng Cộng sản Liên Xô.

Kết thúc khóa học, đồng chí Hà Huy Tập tìm cách trở về hoạt động trong nước, nhưng hành trình về nước khá gian nan, kéo dài do sự kiểm soát, truy lùng của mật thám quốc tế. Thời gian này, cách mạng ở trong nước đang bị kẻ thù khủng bố gắt gao, chịu những tổn thất nặng nề, bộ máy Đảng bị phá vỡ, đồng chí Tổng Bí thư Trần Phú, nhiều ủy viên Ban Chấp hành Trung ương và chiến sĩ cộng sản bị cầm tù, hãm hại, phong trào tạm thời lắng xuống.

Đầu tháng 8/1933, các đồng chí Hà Huy Tập, Nguyễn Văn Dực và Lê Hồng Phong gặp nhau ở Quảng Châu, Trung Quốc để thông báo tình hình ở Bắc Kỳ, Trung Kỳ, tình hình quốc tế và nghị quyết của Đông Phương Bộ và đi đến thống nhất với Nghị quyết thành lập Ban Chỉ huy ở ngoài của Đảng. Tháng 3/1934, Ban Chỉ huy ở ngoài của Đảng Cộng sản Đông Dương được thành lập, đồng chí Hà Huy Tập được phân công phụ trách công tác tuyên truyền cổ động, kiêm Tổng Biên tập Tạp chí Bôn-sơ-vích (sau chuyển thành cơ quan lý luận của Đảng Cộng sản Đông Dương).

Tháng 6/1934, tại Ma Cao (Trung Quốc), đồng chí Hà Huy Tập tham dự Hội nghị Ban Chỉ huy ở ngoài mở rộng để bàn việc chuẩn bị cho Đại hội lần thứ I của Đảng dự định sẽ họp vào mùa xuân năm 1935. Giữa lúc việc chuẩn bị Đại hội thì Quốc tế Cộng sản triệu tập Đại hội lần thứ VII, đồng chí Lê Hồng Phong dẫn đầu đoàn đại biểu Đảng ta đi dự, công việc chuẩn bị Đại hội lần thứ I của Đảng do đồng chí Hà Huy

Tập cùng các đồng chí còn lại tiếp tục gánh vác.

Từ ngày 27 đến 31/3/1935, tại Ma Cao (Trung Quốc), đồng chí Hà Huy Tập đã chủ trì Đại hội lần thứ I của Đảng. Đại hội đã thông qua Báo cáo Chính trị, Điều lệ Đảng và một số nghị quyết quan trọng khác; Đại hội đã bầu ra Ban Chấp hành Trung ương và Ban Thường vụ do đồng chí Lê Hồng Phong làm Tổng Thư ký (tức Tổng Bí thư), đồng chí Hà Huy Tập làm Thư ký Ban Chỉ huy ở ngoài. Thành công của Đại hội đánh dấu bước ngoặt quan trọng, Đảng ta đã được khôi phục về tổ chức. Nhưng Ban Chấp hành Trung ương do Đại hội lần thứ I của Đảng bầu ra không tồn tại được lâu, chỉ một năm sau, đến đầu năm 1936 hầu hết các đồng chí trong Ban Thường vụ Trung ương Đảng hoạt động trong nước đã bị địch bắt.

Ngày 26/7/1936, tại Thượng Hải (Trung Quốc), Hội nghị đại biểu Trung ương Đảng và Ban Chỉ huy ở ngoài của Đảng đề điều chỉnh đường lối chính trị và tổ chức của Đảng cho phù hợp với tinh thần Nghị quyết Đại hội VII Quốc tế Cộng sản. Đồng chí Lê Hồng Phong - Ủy viên Ban Chấp hành Quốc tế Cộng sản, Tổng Bí thư Đảng, chủ trì Hội nghị. Đồng chí Hà Huy Tập được phân công dự Hội nghị với tư cách là Bí thư Ban Chỉ huy ở ngoài của Đảng. Hội nghị đã xác định mục tiêu của cách mạng Đông Dương là chống phát xít, chống chế độ phản động thuộc địa của thực dân Pháp, chống chiến tranh đế quốc, đòi tự do dân chủ. Khẩu hiệu đánh đổ thực dân Pháp và giai cấp địa chủ, phong kiến để giành độc

lập dân tộc, ruộng đất cho dân cày tạm thời gác lại. Tại Hội nghị này, đồng chí Hà Huy Tập được phân công về nước tổ chức lại Ban Chấp hành Trung ương và khôi phục mối liên lạc với các tổ chức đảng ở trong nước. Đến thời điểm này đồng chí Hà Huy Tập là Tổng Bí thư của Đảng.

Tháng 8/1936, Tổng Bí thư Hà Huy Tập rời Trung Quốc về nước, đồng chí lao ngay vào khôi phục tổ chức đảng và lãnh đạo phong trào cách mạng. Tháng 10/1936, tại Bà Điểm, Hóc Môn (Gia Định), đồng chí triệu tập Hội nghị cán bộ bầu ra Ban Chấp hành Trung ương lâm thời. Trên cơ sở Ban Chấp hành Trung ương được tái lập, hệ thống tổ chức Đảng ở các xứ và tỉnh, thành, địa phương từng bước được khôi phục. Tháng 3/1937, đồng chí triệu tập Hội nghị mở rộng nhằm thống nhất các tổ chức Đảng ở Bắc Kỳ, Trung Kỳ và Nam Kỳ. Tháng 9/1937, đồng chí triệu tập và chủ trì Hội nghị toàn thể Ban Chấp hành Trung ương để kiểm điểm sự lãnh đạo của Đảng trong một năm qua, đề ra những nhiệm vụ cần kíp của Đảng trong điều kiện mới và bầu Ban Chấp hành Trung ương gồm 11 đồng chí và Ban Thường vụ gồm 5 đồng chí. Đến thời điểm này, Xứ uỷ Bắc Kỳ và Nam Kỳ đã được lập lại. Tại Trung Kỳ tạm thời chưa lập được Xứ uỷ mà có liên tỉnh uỷ Thanh Hóa - Nghệ An - Hà Tĩnh. Ở Nam Kỳ, 18/20 tỉnh có tổ chức Đảng; ở Trung Kỳ, 8/15 tỉnh có tổ chức Đảng; ở Bắc Kỳ, 7/24 tỉnh có tổ chức Đảng.

Với những nỗ lực không mệt mỏi của đồng chí Tổng Bí thư Hà Huy Tập chỉ trong vòng hơn một năm cơ quan lãnh

đạo của Đảng và các tổ chức đảng trong nước một lần nữa được phục hồi, vượt qua thoái trào, phong trào cách mạng phát triển ngày càng lớn mạnh.

3- Đồng chí Hà Huy Tập - Người tổ chức, chỉ đạo thực hiện chủ trương mới của Đảng về đấu tranh đòi các quyền dân sinh, dân chủ

Ban Chấp hành Trung ương Đảng được lập lại và hệ thống tổ chức đảng được thống nhất từ Trung ương xuống các địa phương là điều kiện tiên quyết để Đảng phát động phong trào cách mạng quần chúng sôi nổi trong những năm 1936-1939.

Tháng 8/1936, khi về Nam Kỳ, đồng chí Hà Huy Tập thay mặt Trung ương Đảng gửi đến các đảng phái, tổ chức và nhân dân Đông Dương bức thư ngỏ "*Đảng Cộng sản Đông Dương và Đông Dương Đại hội*". Trong thư đồng chí khẳng định sự ủng hộ nhiệt tình của Đảng Cộng sản Đông Dương đối với việc triệu tập một đại hội toàn Đông Dương và kêu gọi các đảng phái đoàn kết lại để đấu tranh đòi các quyền dân sinh, dân chủ cho toàn dân Đông Dương.

Trên cương vị Tổng Bí thư, đồng chí cùng Ban Chấp hành Trung ương Đảng tổ chức vận động, phát động quần chúng thành lập các ủy ban hành động trong cả nước và chỉ đạo tổ chức các cuộc đấu tranh, biểu tình rộng lớn nhân dịp phái viên của Chính phủ Pháp là Gô-đa sang điều tra tình hình Đông Dương và toàn quyền mới của Đông Dương là

Bờ-rê-vi-ê sang nhậm chức. Dưới sự chỉ đạo của đồng chí Hà Huy Tập, phong trào đấu tranh đòi các quyền dân chủ và cải thiện đời sống của công nhân, nông dân, tiểu thương, tiểu chủ, công chức, học sinh phát triển sôi nổi. Những tháng cuối năm 1936 đầu 1937 đã có hơn 750 cuộc đấu tranh của công nhân và nông dân diễn ra.

Do sức ép của Mặt trận bình dân Pháp và phong trào đấu tranh của nhân dân ta lên cao, chính quyền Pháp ở Đông Dương đã phải thi hành một số chính sách cải thiện các quyền dân sinh, dân chủ, như quy định thời gian lao động của công nhân không quá 10 giờ/ngày kể từ ngày 01/11/1936, không quá 9 giờ/ngày kể từ ngày 01/01/1937, không quá 8 giờ/ngày kể từ ngày 01/01/1938; người lao động được nghỉ chủ nhật, quy định chế độ nghỉ đẻ, nuôi con trong thời gian làm việc, đặc biệt, chính quyền thuộc địa đã phải trả lại tự do cho trên 1.500 tù chính trị, trong đó phần lớn là các chiến sĩ cộng sản.

Cao trào cách mạng dân chủ trong giai đoạn này thực sự là một giai đoạn thể hiện sâu sắc, sinh động tài năng và cống hiến to lớn của đồng chí Hà Huy Tập đối với sự nghiệp cách mạng của Đảng và của dân tộc.

4- Đồng chí Hà Huy Tập - một tấm gương kiên trung, bất khuất, hiến dâng trọn đời cho sự nghiệp cách mạng của Đảng và của dân tộc

Đồng chí Hà Huy Tập đã sớm giác ngộ cách mạng; luôn kiên trì mục tiêu, lý tưởng; nêu cao tinh thần vượt qua khó

khăn, thử thách, dũng cảm, mưu trí trong quá trình hoạt động cách mạng; kiên trung, bất khuất trong lao tù cũng như trước mặt kẻ thù.

Sự tàn bạo của kẻ thù không thể khuất phục được ý chí kiên cường của người cộng sản. Trước tòa đế quốc nêu cao khí tiết của người cách mạng, đồng chí Hà Huy Tập khẳng khái tuyên bố: *"Tôi chẳng có gì phải hối tiếc. Nếu còn sống, tôi vẫn sẽ tiếp tục hoạt động!"*.

Bức thư cuối cùng gửi về gia đình, đồng chí viết: *"Nếu tôi phải chết thì ở nhà không nên thờ cúng, điều phúng, không cần tìm người lập tự. Gia đình và bạn hữu chớ xem tôi như là người đã chết mà buồn, trái lại nên xem tôi như người còn sống, nhưng đi vắng vô hạn... mà thôi"*.

Tên tuổi và sự nghiệp của đồng chí Hà Huy Tập sống mãi trong lịch sử vinh quang của Đảng và của dân tộc Việt Nam. Kỷ niệm 110 năm ngày sinh cố Tổng Bí thư Hà Huy Tập là dịp để chúng ta tưởng niệm và tự hào về cố Tổng Bí thư Hà Huy Tập - một tấm gương kiên trung, bất khuất, nhà lãnh đạo tài năng của Đảng, người con ưu tú của dân tộc ta, Nhân dân ta, đã hiến dâng trọn đời cho sự nghiệp cách mạng của Đảng và của dân tộc.

Sự nghiệp đổi mới đất nước trong 30 năm qua (1986-2016) đã đạt được những thành tựu to lớn, tạo tiền đề quan trọng để nước ta tiếp tục đổi mới và phát triển. Tình hình thế giới và trong nước có nhiều diễn biến tạo ra cả thời cơ, thuận

lợi và khó khăn, thách thức đan xen, đòi hỏi toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ta nỗ lực phấn đấu, phát huy truyền thống đoàn kết, anh hùng, nêu cao tinh thần cách mạng tiến công, tiếp tục xây dựng, phát triển đất nước Việt Nam theo con đường xã hội chủ nghĩa: dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh như mong muốn cháy bỏng lúc sinh thời của các nhà lãnh đạo cách mạng tiền bối, trong đó có Cố Tổng Bí thư Hà Huy Tập của chúng ta./.

**KỶ NIỆM 130 NĂM
NGÀY QUỐC TẾ LAO ĐỘNG (1/5) TIẾP TỤC
ĐẨY MẠNH CÁC PHONG TRÀO THI ĐUA
YÊU NƯỚC TRONG CÔNG NHÂN,
VIÊN CHỨC, LAO ĐỘNG**

Ngày Quốc tế Lao động 1/5 là một sự kiện có ý nghĩa không chỉ ở Việt Nam mà ở trên toàn thế giới bởi nó khẳng định, bảo vệ và tôn vinh các lợi ích chính đáng của người lao động, cổ vũ họ đoàn kết, sát cánh bên nhau đấu tranh cho sự công bằng, chính nghĩa.

I. Lịch sử ngày Quốc tế Lao động 1-5

Đầu thế kỷ XVII, cuộc cách mạng công nghiệp diễn ra ở nước Anh và nhiều nước trên thế giới làm xuất hiện hai giai cấp mới trên vũ đài lịch sử: giai cấp vô sản và giai cấp tư sản hiện đại, có quyền lợi hoàn toàn đối lập nhau, Ăngghen nói: *“Giai cấp vô sản do cuộc Cách mạng công nghiệp sản sinh ra”*.

Dưới chế độ tư bản chủ nghĩa, giai cấp vô sản bị áp bức, bóc lột tàn nhẫn, nên ngay từ khi ra đời đã chống lại giai cấp tư sản một cách quyết liệt. Phong trào đấu tranh lúc đầu còn lẻ tẻ, nặng về kinh tế, mang tính tự phát trong phạm vi từng xí nghiệp, từng quốc gia, nhưng về sau đã diễn ra trên nhiều lĩnh vực và mang tính quốc tế. Các Mác, lãnh tụ kiệt xuất

của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, sau khi phân tích sâu sắc những mâu thuẫn cơ bản về kinh tế - xã hội của chế độ tư bản chủ nghĩa, đã tiên đoán trước sự toàn thắng của giai cấp vô sản. Mác khẳng định: *“Giai cấp vô sản là người đào mồ chôn chủ nghĩa tư bản và xây dựng thành công chủ nghĩa cộng sản trên phạm vi toàn thế giới”*.

Năm 1848, trong Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản, Mác và Ăngghen đã kêu gọi: *“Vô sản thế giới liên hiệp lại”* và thành lập tổ chức *“Liên minh những người Cộng sản”*. Lực lượng tuy chưa đông, nhưng là nhân tố tiên phong, dũng cảm chiến đấu. Cuộc cách mạng năm 1848 ở Pháp và sau đó là ở Viên (thủ đô Áo), Pra-Ha (Tiệp Khắc), Bu-đa-pet (Hunggari), Béc Lanh (Đức) tuy bị thất bại, nhưng lời kêu gọi bất hủ của Mác vẫn thôi thúc giai cấp vô sản tiến lên phía trước.

Ngày 28/9/1864, Hội Liên hiệp công nhân Quốc tế (Quốc tế I) thành lập theo sáng kiến của Mác, Ăngghen đóng vai trò quyết định trong việc tổ chức lực lượng giai cấp công nhân quốc tế.

Tháng 9/1866, Đại hội lần thứ nhất, Quốc tế I họp tại Gionevơ xác định mục tiêu đấu tranh đòi ngày làm việc 8 giờ là nhiệm vụ trước mắt.

Tại Hội nghị quốc tế họp ở Luân Đôn, Mác đã đưa ra quyết định ngày làm việc 08 giờ. Từ đó yêu sách đòi ngày

làm việc 08 giờ trở thành một yêu cầu cấp bách của công nhân và những người lao động ở các nước tư bản trên thế giới. Thực hiện nghị quyết của Hội Liên hiệp lao động quốc tế, các cuộc đấu tranh liên tiếp nổ ra ở nhiều nơi trên thế giới, đặc biệt là ở Mỹ, đấu tranh giữa công nhân và tư bản diễn ra gay gắt. Nhiều cuộc đấu tranh lôi cuốn hàng chục vạn công nhân tham gia, như cuộc bãi công của công nhân đường sắt năm 1877, bãi công của công nhân ngành mỏ năm 1874. Có cuộc đấu tranh kéo dài 4-5 tháng, giai cấp tư sản đã phải dùng đến lực lượng vũ trang để đàn áp.

Trước tình hình đó, tháng 11/1884, tại Chi-ca-gô (thành phố công nghiệp lớn của Mỹ), Đại hội Liên đoàn Lao động Mỹ (A.F.L) đã thông qua Nghị quyết nêu rõ: *“Bắt đầu từ ngày 01/5/1886, ngày làm việc của tất cả công nhân sẽ là 08 giờ và kêu gọi tất cả các tổ chức công nhân, viên chức chuẩn bị đấu tranh để đạt mục đích đó”*.

Tháng 12 năm sau, tại Hoa Thịnh Đốn, Hội nghị của Liên đoàn lao động Mỹ họp đã quyết định thêm: *“Không ai được nêu yêu sách tăng lương mà không đòi yêu sách giảm giờ làm. Bản yêu sách giảm giờ làm phải buộc chủ ký nhận. Nếu không ký nhận thì tuyên bố lập tức bãi công”*.

Nhiều cuộc mittinh, tuần hành, thị uy được tổ chức để cổ động cho cuộc vận động này. Càng gần đến ngày 01/5/1886, các tổ chức công nhân càng ráo riết hoạt động. Tại thành phố Chi-ca-go, ngày 01/5 chính là ngày nổ ra cuộc đình công

đầu tiên của giai cấp công nhân với những lời kêu gọi nảy lửa: *“Từ hôm nay trở đi, không một công nhân nào phải làm việc quá 08 giờ 01 ngày: 08 giờ làm việc, 08 giờ nghỉ ngơi, 08 giờ học tập”*.

Hưởng ứng lời kêu gọi đó, ngay trong ngày 01/5 đã có 5.000 cuộc bãi công nổ ra ở khắp nước Mỹ với 350.000 người tham gia. Tại một số thành phố lớn như: Niu-ơc, Bít-Sbót, Ban-ti-mo, Hoa Thịnh Đốn, giai cấp công nhân đã giành được thắng lợi; 125.000 công nhân đã được bọn chủ chấp nhận yêu sách ngày làm 08 giờ. Trước kết quả ấy, báo cáo của Liên đoàn lao động Mỹ viết: *“Chưa bao giờ trong lịch sử nước Mỹ lại có một cuộc nổi dậy toàn diện trong quần chúng công nghiệp như vậy”*. Chủ trương đúng đắn đó còn thu hút hàng vạn người lao động khác tham gia các tổ chức Công đoàn mà trước đó họ chưa quan tâm đến.

Đứng trước làn sóng đấu tranh sôi động của giai cấp công nhân, bọn chủ tư bản Mỹ đã phản ứng hết sức quyết liệt, bằng các thủ đoạn hết sức dã man, hòng dập tắt ý chí đấu tranh của công nhân. Một mặt, chúng dùng báo chí đe dọa, mặt khác chúng cho cảnh sát xả súng bắn vào đoàn biểu tình làm nhiều người chết và bị thương. Tờ Thời báo Chi-ca-go viết: Nhà tù và lao động khổ sai là biện pháp duy nhất có thể dùng được để giải quyết vấn đề xã hội. Ở Chi-ca-go đã diễn ra các cuộc đấu tranh hết sức ác liệt không chỉ trong ngày 01/5 mà còn kéo dài về sau: Ngày 05/5/1886, công nhân

xưởng máy nông nghiệp Mác-gooc-mích bị bọn tay chân của chủ nhà máy trà trộn vào sát hại, làm 06 người bị chết và 50 người bị thương. Hôm sau, đáp lời kêu gọi của thủ lĩnh Công đoàn, 1,5 vạn người đã xuống đường biểu tình hòa bình để phản đối sự khùng bố của bọn cầm quyền. Cuộc biểu tình rất trật tự, nhưng lúc sắp kết thúc thì bọn phá hoại ném một quả lựu đạn làm 02 tên cảnh sát chết. Vin vào cớ đó, bọn cảnh sát được lệnh bắn vào đoàn biểu tình gây nên cuộc thảm sát đẫm máu, hàng trăm người chết và bị thương, nhiều thủ lĩnh Công đoàn bị bắn và đưa ra xét xử.

Ngày 20/8/1886, mặc dù không tìm ra chứng cứ gì, chúng vẫn mở phiên tòa xét xử những người bị bắt, vu cáo ném lựu đạn giết cảnh sát, và tuyên bố tử hình 05 chiến sĩ công nhân. Phiên tòa thực chất là trò hề, chính bọn xét xử phiên tòa sau này đã phải thú nhận: Các chiến sĩ đó hoàn toàn vô tội. Bất chấp sự đàn áp, 6.000 người đã tham gia đám tang những chiến sĩ đã hy sinh. Thi hài của họ được trình trọng đặt trong quan tài bọc vải đỏ.

Cái chết của những công nhân thành phố Chi-ca-gô là sự hy sinh cao cả vì quyền lợi của giai cấp vô sản và các tầng lớp nhân dân lao động. Tinh thần hy sinh ấy là bất tử. Mặc dù bị áp bức dã man, nhưng cuộc đấu tranh của công nhân Chi-ca-gô đã giành được thắng lợi to lớn, buộc bọn chủ tư bản phải công nhận chế độ ngày làm việc 08 giờ. Thắng lợi đó có tiếng vang rất lớn, cổ vũ mạnh mẽ phong

trào đấu tranh của công nhân nước Mỹ và nhiều nước khác trên thế giới.

Ngày 14/5/1889, Đại hội thành lập Quốc tế II, tổ chức ở Paris (nước Pháp) đã thông qua Nghị quyết lấy ngày 01/5 (ngày đấu tranh thắng lợi của công nhân ở Chi-ca-gô năm 1886) làm ngày đoàn kết quốc tế và biểu dương lực lượng chiến đấu của giai cấp vô sản và nhân dân lao động trên toàn thế giới. Từ đó, ngày 01/5 trở thành ngày truyền thống đấu tranh của giai cấp công nhân và nhân dân lao động trên toàn thế giới. Cũng từ ngày ấy, cuộc đấu tranh đòi thực hiện ngày làm việc 08 giờ mang tính chất quốc tế.

Ngày 01/5/1886 đã ghi một mốc son thắng lợi có ý nghĩa to lớn, đánh dấu bước trưởng thành của giai cấp công nhân. Thực tiễn đó chứng tỏ: Giai cấp công nhân có ý thức kỷ luật cao, tinh thần anh dũng quả cảm, sẵn sàng hy sinh vì quyền lợi của giai cấp và của dân tộc, tuy lúc này chưa có chính đảng của giai cấp công nhân lao động. Ngày 01/5/1890 – Ngày Quốc tế Lao động đầu tiên được tổ chức trên thế giới với khẩu hiệu: “*Ngày làm việc 8 giờ*”. Nhiều cuộc biểu tình, biểu dương lực lượng diễn ra sôi nổi ở nhiều nước trên thế giới. Tại Paris, thủ đô nước Pháp, 10 vạn người biểu tình ngoài phố, giương cao biểu ngữ, thét vang khẩu hiệu: “*Ngày làm việc 08 giờ*”. Bãi công cũng nổ ra ở Mỹ, Ca-na-đa, Đan Mạch, Đức, Áo, Bỉ, Thụy Điển, Ru-ma-ni, Hà Lan, Ý ...

Trong đoạn kết lời tựa cuốn “*Tuyên ngôn của Đảng*

cộng sản” xuất bản lần thứ 2, Ăng-ghe-ni viết: “Giữa lúc tôi viết những dòng này, giai cấp vô sản châu Âu và châu Mỹ đang kiểm điểm lại lực lượng của mình, lần đầu tiên được động viên thành một đạo quân duy nhất, dưới một ngọn cờ và vì một mục đích trước mắt: Đòi pháp luật quy định ngày làm việc bình thường 08 giờ. Cảnh tượng ngày hôm nay sẽ chỉ cho bọn chủ tư bản thấy rằng những người vô sản các nước đã liên hiệp lại”.

Hàng năm, cứ đến ngày 01/5 trong các nước tư bản, bắt chước mọi thủ đoạn khủng bố, đàn áp, giai cấp công nhân và nhân dân lao động lại tập hợp đông đảo để biểu dương sức mạnh, nêu lên những yêu sách kinh tế, chính trị, đề ra những khẩu hiệu hành động để thống nhất lực lượng và hướng cuộc đấu tranh vào các mục tiêu kinh tế, chính trị.

Từ sau Cách mạng Tháng Mười Nga, một loạt các nước xã hội chủ nghĩa ra đời, chủ nghĩa xã hội là mục tiêu, lý tưởng, là cuộc sống của người lao động; đó là kết quả của quá trình đấu tranh đầy gian khổ, hy sinh của giai cấp công nhân và những người lao động dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, đội tiên phong, bộ tham mưu chiến đấu của giai cấp công nhân. Ngày Quốc tế Lao động 01/5 thực sự trở thành ngày hội của quần chúng lao động. Đây là dịp để mọi người ôn lại truyền thống đồng thời xác định rõ trách nhiệm to lớn của mình đối với nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đối với việc củng cố và tăng cường tình hữu nghị, tình đoàn kết chiến đấu giữa giai cấp công nhân, nhân dân

lao động nước mình với giai cấp công nhân và nhân dân lao động trên toàn thế giới.

II. Truyền thống giai cấp công nhân và Nhân dân lao động Việt Nam với ngày Quốc tế Lao động

Năm 1858, thực dân Pháp nổ phát súng đầu tiên xâm lược nước ta. Chúng định biến nước ta thành một thuộc địa và là nơi cung cấp nguyên liệu, nhân công rẻ mạt cho chúng. Sau khi đặt ách thống trị, chúng đã đầu tư vốn xây dựng các tuyến đường giao thông, mở công trường xây dựng hầm mỏ, nhà máy, đồn điền... để vơ vét tài nguyên. Chúng dùng mọi thủ đoạn để bản cùng hóa, biến người nông dân thành người công nhân để thỏa sức bóc lột.

Đến cuối thế kỷ XIX, Việt Nam từ một xã hội hoàn toàn phong kiến, chỉ có hai giai cấp nông dân và địa chủ, đã trở thành xã hội thuộc địa nửa phong kiến, có thêm hai giai cấp mới là giai cấp công nhân và giai cấp tư sản, có quyền lợi đối lập nhau. Ngay từ khi ra đời, giai cấp công nhân nước ta mang trong mình những phẩm chất tốt đẹp của giai cấp công nhân thế giới như: Có tinh thần cách mạng triệt để, tính tổ chức, kỷ luật cao, đoàn kết thống nhất và có tinh thần Quốc tế vô sản. Ngoài ra, giai cấp công nhân Việt Nam còn có những đặc điểm riêng: Ra đời trước giai cấp tư sản dân tộc, bị áp bức bóc lột nặng nề, có tinh thần yêu nước sâu sắc, có mối liên hệ mật thiết với nông dân, sớm có chính Đảng tiên phong lãnh đạo. Giai cấp công nhân nước ta bước lên

vũ đài chính trị trong lúc phạm vi trên thế giới, chủ nghĩa tư bản chuyển sang giai đoạn đế quốc chủ nghĩa, giai cấp công nhân thế giới đã trở thành lực lượng trung tâm của thời đại mới, thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội, mở đầu là cuộc Cách mạng Tháng Mười Nga vĩ đại soi sáng con đường đấu tranh của giai cấp công nhân và các dân tộc bị áp bức.

Tại Đại hội lần thứ II của Đảng Cộng sản Việt Nam, đồng chí Trường Chinh, Tổng bí thư của Đảng chỉ rõ: *“Vì sao chỉ có giai cấp công nhân mới có thể là giai cấp tiên phong của cách mạng Việt Nam?”*

Một là, không có công cụ sản xuất, phải bán sức lao động để sống cho nên có thái độ cách mạng triệt để nhất và trung thành nhất đối với sự nghiệp giải phóng dân tộc, phát triển dân chủ Nhân dân và tiến tới chủ nghĩa xã hội.

Hai là, bị 3 tầng áp bức bóc lột tàn nhẫn của đế quốc, phong kiến, tư sản trong nước cho nên kiên quyết cách mạng nhất.

Ba là, đại biểu cho sức sản xuất tiên bộ nhất, lại là giai cấp thuần nhất và sống tập trung hơn cả, nên trình độ chính trị, năng lực tổ chức, tinh thần kỷ luật và óc sáng tạo cao hơn giai cấp khác, sự thống nhất ý chí và hành động cũng hơn các giai cấp khác.

Bốn là, có chính đảng mạnh nhất trong nước, có kinh

nghiệm và được vũ trang bằng một lý luận khoa học, lý luận Mác-Lênin, có một đường lối đúng đắn thể hiện sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng ta, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại.

Năm là, phần đông do nông dân phá sản mà ra, cho nên có nhiều mối liên hệ với nông dân, do đó dễ liên minh với nông dân và được nông dân nhiệt tình ủng hộ.

Chính vì những ưu điểm trên, cho nên giai cấp công nhân Việt Nam đã lãnh đạo cách mạng và tỏ ra xứng đáng với sứ mệnh lịch sử của mình. Giai cấp công nhân Việt Nam đã đoàn kết được mọi tầng lớp Nhân dân, tạo thành một mặt trận rộng rãi, đấu tranh chống giai cấp tư sản và địa chủ. Ngay từ khi chưa có Đảng, giai cấp công nhân đã tự phát đấu tranh đòi quyền sống làm người, quyền tự do nhân phẩm, chống lại những thủ đoạn lừa gạt và hành động áp bức, bóc lột của bọn tư bản, thực dân thống trị.

Tháng 8/1925, công nhân hãng Ba-Son (Sài Gòn) tổ chức cuộc bãi công để giam chân chiến hạm Mi-sơ-lơ của Pháp, không cho chúng chở binh lính sang đàn áp cách mạng Trung Quốc. Đây là cuộc đấu tranh mở đầu cho giai đoạn đấu tranh có tổ chức, tiến dần đến tính tự giác và mang tính quốc tế sâu sắc.

Những năm sau, đấu tranh của giai cấp công nhân nở ra nhiều hơn, với những hình thức và nội dung phong phú hơn. Trong hai năm 1926-1927 đã có 17 cuộc đấu tranh. Năm

1928-1929 có 40 cuộc đấu tranh (33 cuộc nổ ra ở thành phố), những cuộc đấu tranh của công nhân trở thành trung tâm của cuộc vận động cách mạng, làm cho cách mạng Việt Nam dần dần đi vào quỹ đạo cách mạng vô sản. Cũng vào năm 1929, Đảng cộng sản ở ba kỳ: Bắc, Trung, Nam được thành lập. Phong trào công nhân tự do phát triển mạnh mẽ. Tổng Công hội đỏ Bắc kỳ do Đông dương Cộng sản Đảng lãnh đạo ra đời vào ngày 28/7/1929. Kế tiếp là sự hợp nhất 03 tổ chức Đảng thành Đảng Cộng sản Việt Nam ngày 03/02/1930, đánh dấu phát triển về chất của phong trào công nhân nước ta. Từ chỗ đấu tranh tự phát, được Đảng lãnh đạo, giai cấp công nhân đã ý thức được sứ mệnh lịch sử của mình là lãnh đạo toàn dân tộc Việt Nam đấu tranh giành độc lập tự do cho Tổ quốc và tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Chưa đầy 3 tháng sau khi thành lập, Đảng đã lãnh đạo và tổ chức cuộc đấu tranh lớn của giai cấp công nhân ở Vinh - Bến Thủy. Đoàn biểu tình giương cao biểu ngữ và hô vang khẩu hiệu đòi tăng lương, giảm giờ làm. Bọn tư bản Pháp hoảng sợ đã đàn áp cuộc biểu tình, làm 07 người chết và 18 người bị thương. Hưởng ứng cuộc đấu tranh của công nhân, 3.000 nông dân huyện Thanh Chương họp mít tinh ủng hộ công nhân Vinh-Bến Thủy và hoan nghênh tinh thần 01/5. Đây là cuộc đấu tranh lớn đầu tiên của giai cấp công nhân từ khi có Đảng. Báo Người Lao khổ đưa tin: *"Lần đầu tiên công nông Việt Nam gặp nhau giữa trận tuyến"*. Cũng ngày 01/5, ở Hòn Gai, nơi tập trung đông đảo công nhân, lần đầu

tiên, cờ đỏ búa liềm của Đảng cắm trên đỉnh núi Bài Thơ, gây tiếng vang lớn và làm nức lòng mọi người, khiến kẻ thù hoang mang lo sợ.

Từ sau năm 1930, cứ đến 01/5, những cuộc đấu tranh lớn của giai cấp công nhân lại liên tiếp nổ ra ở các nhà máy, đồn điền, hầm mỏ suốt từ Bắc đến Nam. Ngày 01/5/1937, 3.000 công nhân Sài Gòn - Chợ Lớn, 500 người ở Thái Bình, 200 người ở Thanh Hóa, 500 người ở Nghệ An, 300 người ở Long Xuyên, 250 người ở Mỹ Tho đã tổ chức mít tinh kỷ niệm lần thứ 51 ngày Quốc tế Lao động, đáng chú ý là cuộc mít tinh ở rạp hát Thành Xương lôi cuốn 20 đại biểu công nhân Pháp tham dự.

Ngày 01/5/1938, tại Hà Nội, hơn 25.000 người chia thành 25 đoàn đã đổ về nhà máy Đầu Xảo (nay là cung văn hóa hữu nghị Việt Xô) dự mít tinh kỷ niệm ngày truyền thống của giai cấp công nhân. Cùng năm đó, tại các nhà tù của đế quốc như Hỏa Lò, Chí Hòa, Sơn La, Bá Vân, những chiến sĩ cộng sản Việt Nam đã đấu tranh phản đối chế độ hà khắc của kẻ thù và cùng nhau hát bài hát “*Quốc tế ca*” trong dịp kỷ niệm ngày Quốc tế Lao động.

Được Đảng lãnh đạo và tôi luyện phong trào cách mạng những năm 1930 - 1931; 1936 - 1939, giai cấp công nhân nước ta đã cùng đồng bào cả nước anh dũng chiến đấu giành chính quyền về tay Nhân dân, lập nên nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, Nhà nước công nông đầu tiên ở Đông Nam Á.

Chỉ vài tháng sau khi giành chính quyền, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký Sắc lệnh công bố ngày 01/5 là một trong những ngày Quốc tế lớn. Lần đầu tiên trong lịch sử nước ta, ngày Quốc tế Lao động 01/5 được tổ chức trọng thể. Ở Hà Nội ngày 01/5/1946, trên 20 vạn công nhân lao động Thủ đô dự họp mít tinh. Hồ Chủ tịch đọc lời kêu gọi: *“Cùng đồng bào toàn quốc! Cùng anh chị em lao động! Ngày 01/5 là ngày Tết chung cho lao động trên thế giới. Nó có một ý nghĩa đoàn kết sâu xa. Ở nước ta lần này là lần đầu tiên đồng bào ta, anh chị em lao động được tự do đón Tết ngày 01/5. Vậy nên có ý nghĩa đặc biệt sâu xa hơn nữa. Đối với chúng ta, nó là một ngày để tỏ cho thế giới biết rằng: Ngày này chẳng những là ngày Tết lao động mà còn là ngày Nhân dân đoàn kết. Đoàn kết để giữ vững tự do, dân chủ. Đoàn kết để kiến thiết nước nhà. Đoàn kết để xây dựng một đời sống mới.*

Từ đây, tất cả đồng bào ta, anh chị em lao động ta (lao động trí óc và lao động chân tay) đều phải cần kiệm, chịu khó, giữ gìn kỷ luật, tăng gia sản xuất, hiệp sức đồng lòng để đưa nước nhà qua khỏi thiếu thốn khó khăn, mà tiến đến hoàn cảnh vẻ vang, no đủ. Đó là ý nghĩa ngày 01/5 của chúng ta”.

Trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, mặc dầu phải chiến đấu trong hoàn cảnh còn nhiều khó khăn gian khổ, nhưng cứ đến ngày 01/5, Nhân dân ta lại tổ chức kỷ niệm. Công nhân viên chức ở vùng tự do, nơi căn cứ địa cách mạng tổ chức các phong trào thi đua yêu nước với

khẩu hiệu “*Tất cả cho tiền tuyến, tất cả cho kháng chiến, kiến quốc thắng lợi*”. Ở vùng địch tạm kiểm soát, công nhân viên chức đã bất chấp mọi hiểm nguy để tổ chức kỷ niệm ngày 01/5. Tại Đồng Tháp Mười, trong khi Nhân dân đang họp mít tinh kỷ niệm ngày 01/5 (1949), máy bay Pháp đã ập đến ném bom bắn phá làm 300 người chết và nhiều người bị thương. Đây là vụ tàn sát dã man chưa từng có, kể từ khi Nhân dân thế giới lấy ngày 01/5 làm ngày đoàn kết đấu tranh của mình.

Chỉ tính từ năm 1953, đã có 478 cuộc đấu tranh đình công, bãi công của công nhân viên chức trong vùng địch tạm chiếm, làm cho địch suy yếu, góp phần làm nên thắng lợi cuộc kháng chiến chống pháp, lập lại hòa bình ở Đông Dương năm 1954.

Sau ngày 20/7/1954, một sự thử thách mới đặt lên vai giai cấp công nhân và dân tộc Việt Nam. Pháp bại trận, Mỹ liền thay chân Pháp nhảy vào miền Nam Việt Nam. Vừa chiến đấu “*ba ngày không nghỉ*”, nay Nhân dân ta lại phải tiếp tục chiến đấu chống một tên đế quốc có tiềm lực kinh tế và quân sự mạnh nhất trong các nước đế quốc. Nhưng giai cấp công nhân và Nhân dân lao động nước ta đã tỏ ra sức mạnh của mình trong cuộc đọ sức này. Ở miền Nam, tuy phải sống dưới ách kìm kẹp tàn bạo của Mỹ nguy, công nhân và lao động vẫn tiếp tục đấu tranh đòi các quyền dân sinh, dân chủ, vạch mặt bọn cướp nước và bè lũ tay sai bán nước. Các

cuộc biểu tình, đình công liên tiếp nổ ra ở nông thôn và thành thị, bền bỉ từ năm 1954 -1975, những năm sau quy mô cuộc đấu tranh càng lớn và phạm vi đấu tranh càng mở rộng.

Năm 1956 có 4.386 cuộc đấu tranh. Năm 1957 có 6.566 cuộc đấu tranh. Năm 1958 có 8.344 cuộc. Năm 1959 có 9.656 cuộc. Tổng số công nhân tham gia đấu tranh lên tới 40 vạn người. Nếu kể cả số người lao động thành thị, con số lên tới 01 triệu 46 vạn người.

Nhờ có đường lối lãnh đạo đúng đắn và sáng suốt của Đảng, các cuộc đấu tranh của công nhân miền Nam đã thu được nhiều thành quả to lớn và đem lại nhiều bài học quý báu. Thắng lợi đó làm cho địch thất bại cơ bản về chính trị, tạo điều kiện để phát động quần chúng đấu tranh giành chính quyền.

Ngày 20/12/1960, Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam được thành lập. Tiếp đó là Hội lao động giải phóng miền Nam ra đời ngày 27/4/1946 (sau đổi thành Liên hiệp Công đoàn giải phóng miền Nam Việt Nam), nhằm tập hợp các lực lượng lao động đấu tranh thực hiện nhiệm vụ chính trị do Đảng đề ra.

Năm 1961, nhân kỷ niệm Quốc tế Lao động 01/5 và chào mừng Liên hiệp Công đoàn giải phóng miền Nam Việt Nam ra đời, hơn 16.000 công nhân và lao động Sài Gòn đã tổ chức mítting, tuần hành và tiếp đó là nhiều cuộc đấu tranh khác nổ ra.

Đánh giá sự đóng góp của công nhân và lao động miền

Nam vào sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, đồng chí Lê Duẩn đã nói: “... *Một lần nữa chúng tôi chứng tỏ rằng công nhân và Nhân dân lao động là quân chủ lực của cách mạng nước ta*”.

Hòa cùng cuộc đấu tranh chống Mỹ nguy của công nhân và lao động miền Nam, công nhân và lao động miền Bắc đã dũng cảm quên mình, khắc phục mọi hậu quả chiến tranh, xây dựng cơ sở vật chất xã hội chủ nghĩa, làm hậu phương lớn của miền Nam. Với sự lao động cần cù, trí thông minh sáng tạo, tinh thần chiến đấu quả cảm, giai cấp công nhân và Nhân dân lao động miền Bắc đã đánh thắng cuộc chiến tranh phá hoại của Mỹ, làm tròn nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ miền Bắc, kịp thời chi viện cho miền Nam, góp phần cùng Nhân dân cả nước thực hiện trọn vẹn di huấn của Bác Hồ kính yêu “*đánh cho Mỹ cút, đánh cho ngụy nhào*”, giành độc lập tự do cho Tổ quốc.

Từ sau ngày đất nước hoàn toàn giải phóng (4/1975) đến nay, hàng năm, cứ đến ngày 01/5, công nhân và lao động cả nước lại rầm rộ tổ chức các phong trào thi đua, lập thành tích chào mừng ngày hội lớn của giai cấp công nhân và nhân dân lao động toàn thế giới.

Thực hiện đường lối đổi mới của Đảng, với chính sách kinh tế nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, đội ngũ công nhân lao động nước ta đã có những biến động về nhiều mặt, thể hiện rõ nhất là:

- **Về số lượng:** Trong thời gian qua, số lượng công nhân Việt Nam có xu hướng tăng nhanh theo quy mô nền kinh tế. Khởi đầu công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đội ngũ công nhân nước ta có khoảng 5 triệu người. Đến cuối năm 2005, số lượng công nhân trong các doanh nghiệp và cơ sở kinh tế thuộc mọi thành phần kinh tế ở nước ta là 11,3 triệu người, chiếm 13,5% dân số, 26,46% lực lượng lao động xã hội. Trong đó, 1,84 triệu công nhân thuộc các doanh nghiệp nhà nước, 2,95 triệu trong các doanh nghiệp ngoài nhà nước, 1,21 triệu trong các doanh nghiệp FDI, 5,29 triệu trong các cơ sở kinh tế cá thể. So với năm 1995, tổng số công nhân tăng 2,14 lần, trong đó doanh nghiệp nhà nước tăng 1,03 lần, doanh nghiệp ngoài nhà nước tăng 6,86 lần, doanh nghiệp FDI tăng 12,3 lần, các cơ sở kinh tế cá thể tăng 1,63 lần. Hiện nay, cả nước có hơn 12,3 triệu công nhân trực tiếp làm việc trong các doanh nghiệp và cơ sở sản xuất, kinh doanh thuộc mọi thành phần kinh tế.

Công nhân thuộc các doanh nghiệp nhà nước có xu hướng giảm do sự sắp xếp lại cơ cấu. Năm 1986, có 14 nghìn doanh nghiệp với 3 triệu công nhân; năm 1995 tương ứng là 7.090 và 1,77 triệu; năm 2005 là 3.935 và 1,84 triệu; năm 2009 là 3.369 và 1,74 triệu. Mặc dù đội ngũ công nhân trong doanh nghiệp nhà nước có xu hướng giảm, nhưng đây là lực lượng nòng cốt của GCCN nước ta.

Công nhân thuộc các thành phần kinh tế ngoài nhà nước và các doanh nghiệp có vốn FDI tăng mạnh do số lượng các

doanh nghiệp này tăng nhanh. Năm 1991, khu vực doanh nghiệp ngoài nhà nước mới có khoảng 1.230 doanh nghiệp, đến năm 1995 đã tăng lên 17.143 doanh nghiệp với hơn 430 nghìn công nhân. Năm 2009, con số này lên tới 238.932 với 5.266,5 nghìn công nhân, trong đó kinh tế tập thể 261,4 nghìn, kinh tế tư nhân 571,6 nghìn; các loại khác 4.433,5 nghìn.

Trong khu vực có vốn FDI, đến cuối năm 2009, có 1.919,6 nghìn người đang làm việc trong 6.546 doanh nghiệp. Tính đến hết năm 2011, cả nước có 283 khu công nghiệp, khu chế xuất (KCN, KCX) được thành lập tại 58 tỉnh, thành phố, thu hút khoảng 1,6 triệu lao động.

Ngoài ra, lực lượng lao động ở nước ngoài cũng là bộ phận quan trọng tạo nên sự lớn mạnh của GCCN Việt Nam. Theo số liệu thống kê của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội, tính đến tháng 6/2008, tổng số lao động và chuyên gia Việt Nam đang làm việc ở nước ngoài trên 500 nghìn người. Bộ phận này được tiếp xúc và làm việc trong môi trường công nghiệp hiện đại, có điều kiện học tập, rèn luyện chuyên môn, tay nghề, nâng cao tác phong công nghiệp.

Công nhân làm việc trong các ngành công nghiệp và xây dựng chiếm 70,9%, ngành dịch vụ và thương mại chiếm 24,3%, các ngành khác chiếm 4,8%. Riêng các cơ sở kinh tế cá thể, công nhân chủ yếu làm việc trong các lĩnh vực dịch vụ và thương mại chiếm 66,7%, 33,33% làm việc trong lĩnh vực công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp.

Hiện tượng thay đổi việc làm, nghề nghiệp của công nhân nước ta cũng có chiều hướng gia tăng. Sự thay đổi nơi làm việc cũng diễn ra thường xuyên ở tất cả các thành phần kinh tế. Đặc biệt, công nhân lao động khu vực kinh tế ngoài nhà nước có tỷ lệ thay đổi nơi làm việc rất lớn.

- Chất lượng giai cấp công nhân

Độ tuổi bình quân của công nhân nước ta nhìn chung trẻ, nhóm công nhân từ 18 đến 30 tuổi chiếm 36,4%, đặc biệt trong các doanh nghiệp đầu tư nước ngoài công nhân dưới 25 tuổi chiếm 43,4%, từ 26-35 tuổi chiếm 34,7%, từ 36-45 tuổi chiếm 14%. Hầu hết công nhân được tiếp cận với kinh tế thị trường nên năng động, thích ứng nhanh với công nghệ hiện đại.

Tuổi nghề của công nhân: dưới 1 năm chiếm 6,9%, từ 1-5 năm: 30,6%, từ 6-10 năm: 16,4%, từ 11-15 năm: 10,5%, 16-20 năm: 16,8%, 21-25 năm: 13,3%, trên 25 năm: 5,5%.

Trình độ học vấn của công nhân trong tất cả các khu vực kinh tế có xu hướng được nâng lên: năm 1985, tỷ lệ công nhân có học vấn trung học phổ thông là 42,5% thì năm 2003 tăng lên 62,2%, năm 2005 tăng lên 69,3%.

Sau gần 30 năm đổi mới, giai cấp công nhân ta đã có những chuyển biến quan trọng, đang tiếp tục phát huy vai trò giai cấp lãnh đạo cách mạng thông qua đội tiên phong là Đảng Cộng sản Việt Nam, giai cấp tiên phong trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, lực lượng nòng cốt trong

liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức dưới sự lãnh đạo của Đảng; đóng góp trực tiếp to lớn vào sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập kinh tế quốc tế. Về mặt sản xuất, giai cấp công nhân là lực lượng cơ bản, chủ yếu, có vai trò to lớn trong nền kinh tế quốc dân. Mặc dù về số lượng giai cấp công nhân ở nước ta chiếm tỉ lệ không lớn trong tổng số dân cư (chiếm tỉ lệ gần 11% dân số và 21% lực lượng lao động xã hội) nhưng nắm giữ những cơ sở vật chất và phương tiện sản xuất hiện đại nhất của xã hội, quyết định phương hướng phát triển chủ yếu của nền kinh tế. Giai cấp công nhân là lực lượng lao động đóng góp nhiều nhất vào ngân sách Nhà nước. Hằng năm giai cấp công nhân *“đóng góp hơn 60% tổng sản phẩm xã hội và 70% ngân sách nhà nước”*.

III. Truyền thống đấu tranh của công nhân Quảng Nam.

Sau khi thực dân Pháp đặt ách thống trị trên toàn cõi Việt Nam, Quảng Nam được xác định là vùng đất có vị trí chiến lược quan trọng nên thực dân Pháp cho xây dựng nhiều tuyến đường bộ, đường sông nối liền với các hầm mỏ của chúng. Trên địa bàn tỉnh Quảng Nam xuất hiện một lực lượng xã hội mới đó là: giai cấp công nhân mà trước tiên là công nhân giao thông vận tải, công nhân mỏ và công nhân đồn điền. Năm 1895, thực dân Pháp cướp mỏ vàng Bồng Miêu của phong kiến nhà Nguyễn. Cùng với ngành khai thác mỏ, thực dân Pháp đã chú trọng đến việc thành lập các đồn điền.

Vốn có những đặc điểm cơ bản của giai cấp công nhân Việt Nam. Lực lượng công nhân lao động ở Quảng Nam khá đông và tập trung, nhiều người có tay nghề cao, loại hình công nhân phong phú, bao gồm nhiều ngành nghề, hầu hết công nhân xuất thân từ nông dân nên có mối liên hệ gần gũi với nông dân, đây là điều kiện thuận lợi cho việc hình thành liên minh công - nông, ngoài ra công nhân Quảng Nam còn xuất thân từ thợ thủ công, học sinh, dân nghèo thành thị...

Công nhân lao động Quảng Nam đã sớm có tinh thần đoàn kết đấu tranh chống áp bức bóc lột. Những cuộc đấu tranh đòi giảm giờ làm việc, đòi quyền tối thiểu của người lao động. Càng về sau công nhân Quảng Nam cùng với các tầng lớp nhân dân lao động và tiểu tư sản, học sinh tổ chức nhiều cuộc đấu tranh đòi quyền dân sinh, dân chủ và chuẩn bị cho cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc sau này.

Dưới sự lãnh đạo Đảng Cộng sản Việt Nam, mà trực tiếp là Đảng bộ tỉnh phong trào công nhân lao động Quảng Nam không ngừng phát triển, thông qua các cao trào đấu tranh cách mạng 1930-1931, 1936-1939, 1939-1945... phong trào đấu tranh chống chính sách tàn bạo của thực dân Pháp, của phát xít Nhật và bọn bù nhìn tay sai, tổ chức lại lực lượng và hướng phong trào góp phần phục vụ Tổng khởi nghĩa tháng 8/1945.

Trong 2 cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, giai cấp công nhân luôn là lực lượng nòng cốt, tiên phong trong vùng địch hậu, trong các thành phố, thị xã và nơi sào

huyết của thực dân, đế quốc và tay sai, đã ném trái và đổi mặt với những cuộc đấu tranh gay go phức tạp từ việc phản đối giới chủ bóc lột áp dụng chế độ lao động hà khắc, ngược đãi đến các cuộc đình công biểu tình phản đối Mỹ - ngụy đòi hòa bình dân chủ, đến cả những cuộc đấu tranh chính trị kết hợp với đấu tranh vũ trang làm suy yếu sinh lực địch, tạo điều kiện cho lực lượng vũ trang giải phóng hoàn toàn miền Nam, tiến đến thống nhất đất nước.

Sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, cả nước bắt tay vào hàn gắn vết thương chiến tranh, Quảng Nam là địa bàn trọng điểm đánh phá ác liệt của địch nên hậu quả chiến tranh vô cùng nặng nề, công nhân lao động Quảng Nam thực sự nòng cốt đi đầu trong phong trào phá dỡ bom mìn, phục hóa, khai hoang, làm thủy lợi cải tạo công thương nghiệp, phát triển sản xuất, góp phần xây dựng cơ sở vật chất cho chủ nghĩa xã hội.

Từ năm 1986 đến nay, thực hiện công cuộc đổi mới do Đảng khởi xướng và lãnh đạo, công nhân lao động Quảng Nam càng nâng cao ý thức trách nhiệm cần cù, thông minh, sáng tạo, phát huy mọi khả năng trong việc thực hiện cơ chế mới. Đặc biệt sau khi Quảng Nam - Đà Nẵng tách thành hai đơn vị hành chính trực thuộc Trung ương, cùng với nông nghiệp, thương mại và dịch vụ du lịch, Quảng Nam từng bước xây dựng và phát triển các cơ sở công nghiệp một cách vững chắc, công nhân lao động tại các cơ sở công nghiệp đã nêu cao tinh thần tự chủ, sáng tạo góp phần phát triển kinh

tế - xã hội trên địa bàn tỉnh, giai cấp công nhân cùng với Nhân dân trong tỉnh quyết tâm phấn đấu thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XX đề ra xây dựng Quảng Nam cơ bản thành tỉnh công nghiệp vào năm 2020.

Bước vào thời kỳ hội nhập, tiếp tục thực hiện công cuộc đổi mới toàn diện đất nước, nhận thức được ý nghĩa quan trọng của vấn đề xây dựng và phát triển giai cấp công nhân trong giai đoạn cách mạng mới, trước yêu cầu đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, phát huy tinh thần bất diệt ngày 01/5, cùng với những thành tích đã đạt được, khắc phục những tồn tại hạn chế, trong thời gian tới các cấp công đoàn Quảng Nam tiếp tục ra sức thi đua lập thành tích xuất sắc chào mừng thành công Đại hội Đảng các cấp và Đại hội lần thứ XII của Đảng, chào mừng kỷ niệm 130 năm ngày Quốc tế lao động, 87 năm ngày thành lập Công đoàn Việt Nam các cấp Công đoàn và CNVCLĐ toàn tỉnh tập trung tuyên truyền triển khai một số nhiệm vụ trọng tâm:

Tổ chức sâu rộng, nâng cao chất lượng, hiệu quả các phong trào thi đua yêu nước trong đoàn viên, CNVCLĐ, trọng tâm phong trào học tập nhằm nâng cao trình độ chính trị, văn hóa, chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, ý thức chấp hành pháp luật, nội quy, quy chế của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, phong trào “*Lao động giỏi, Lao động sáng tạo*”, phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật, phong trào thi đua thực hành tiết kiệm, chống tham ô, lãng phí, phong trào “*Xanh,*

sạch, đẹp, đảm bảo an toàn vệ sinh lao động”, phong trào “Ôn lý thuyết - Luyện tay nghề - Thi thợ giỏi”, phong trào “Giỏi việc nước, đảm việc nhà”.... gắn với phong trào xây dựng “Cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa” trong CNVCLĐ.

Chủ động tham gia xây dựng, tổ chức thực hiện và kiểm tra, giám sát có hiệu quả việc thực hiện pháp luật, chế độ có liên quan trực tiếp đến công nhân, viên chức, lao động và thực hiện quy chế dân chủ cơ sở; tiếp tục triển khai thực hiện Chỉ thị 22 của Ban Bí thư *“Về tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo việc xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định và tiến bộ trong doanh nghiệp”* với phương châm đảm bảo lợi ích hài hòa của người lao động, doanh nghiệp và Nhà nước; đẩy mạnh công tác chăm lo đời sống, tham gia giải quyết việc làm cho người lao động, làm tốt chức năng đại diện và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của CNVCLĐ.

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền giáo dục, triển khai thực hiện có hiệu quả Kết luận số 79-KL/TW ngày 25/12/2013 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (Khóa X) *“Tiếp tục xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước”*. Xây dựng giai cấp công nhân vững mạnh, nâng cao nhận thức của cán bộ, đoàn viên, CNVCLĐ về vị trí, vai trò, chức năng của tổ chức công đoàn trong tình hình mới; các nghị quyết của Đảng và của Công đoàn, tiếp tục vận động CNVCLĐ hưởng

ứng thực hiện có hiệu quả Chỉ thị 03 của Bộ Chính trị “*Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh*” gắn với Nghị quyết TW 4 “*Một số vấn đề cấp bách xây dựng Đảng hiện nay*”.

Đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật trong CNVCLĐ theo tinh thần Nghị quyết 4b/NQ-TLĐ ngày 15/7/2014 của Ban Chấp hành Tổng Liên đoàn về “*Nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật trong CNVCLĐ trong tình hình mới*”; tập trung tuyên truyền Hiến pháp, Bộ luật Lao động, Luật Công đoàn, Luật BHXH, BHYT (sửa đổi, bổ sung), các văn bản dưới luật và tổ chức thực hiện Ngày Pháp luật Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Đẩy mạnh công tác phát triển đoàn viên, thành lập CĐCS khu vực kinh tế ngoài nhà nước; nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động CĐCS, xây dựng tổ chức công đoàn vững mạnh; nâng cao năng lực và trình độ của đội ngũ cán bộ công đoàn các cấp. Vận động CNVCLĐ tích cực tham gia góp ý xây dựng Đảng, giới thiệu đoàn viên xuất sắc cho Đảng xem xét kết nạp. Tích cực tham gia cải cách hành chính, chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu, góp phần xây dựng Đảng, Nhà nước trong sạch, vững mạnh.

Triển khai hiệu quả hoạt động Tháng Công nhân với các nội dung sáng tạo, đột phá, có trọng tâm, trọng điểm công việc với phương châm hướng về cơ sở, sát với đoàn

viên, công nhân và người lao động; tổ chức tốt các hoạt động VHVN-TDĐT tạo không khí vui tươi, phấn khởi trong CNVCLĐ gắn với kỷ niệm 130 năm ngày Quốc tế lao động 1/5, 41 năm giải phóng quê hương Quảng Nam, giải phóng hoàn toàn miền Nam thống nhất đất nước, kỷ niệm 126 năm ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh, 87 năm ngày thành lập Công đoàn Việt Nam.

Đứng trước thời cơ và vận hội mới, để xứng đáng với niềm tin yêu của Đảng và Nhân dân, phát huy truyền thống cách mạng vẻ vang của giai cấp công nhân và tổ chức CĐVN, CNVCLĐ và tổ chức công đoàn tỉnh Quảng Nam với tinh thần đoàn kết, trí tuệ, dân chủ và đổi mới, năng động, sáng tạo quyết tâm vượt qua khó khăn, thử thách, đoàn kết một lòng, thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội XI Công đoàn Việt Nam, Nghị quyết Đại hội XV Công đoàn tỉnh và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XXI, Nghị quyết Đại hội lần thứ XII của Đảng góp phần vào sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa quê hương, đất nước, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

KỶ NIỆM 75 NĂM NGÀY THÀNH LẬP ĐỘI THIẾU NIÊN TIỀN PHONG HỒ CHÍ MINH (15/5/1941-15/5/2016)

I- Sự ra đời của Đội Thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh

Ngày 3/2/1930, Đảng Cộng sản Việt Nam được thành lập để lãnh đạo phong trào cách mạng trong nước, đấu tranh giành độc lập dân tộc. Trong quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng đã dành sự quan tâm tập hợp và tổ chức lực lượng thanh thiếu nhi hòa vào làn sóng cách mạng, đấu tranh giành độc lập tự do và xây dựng Tổ quốc. Từ đó, phong trào thanh thiếu nhi nước ta ngày càng phát triển mạnh mẽ; nhiều tổ chức Đội từng bước được hình thành (*như Đội Thiếu niên nhi đồng Tử quân, Đội thiếu nhi Xích vệ, Đội thiếu nhi Canh Đé, Hồng Nhi đội...*) và phát triển theo phong trào cách mạng. Các đội thiếu nhi đã tập hợp được những em gan dạ, tháo vát để làm nhiệm vụ giao thông, liên lạc, canh gác bảo vệ các cuộc họp của Đảng...

Tháng 10/1930, tại Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ nhất (khóa I) đã đề cập đến tổ chức thiếu nhi và thiếu niên cách mạng Hồng nhi đoàn... và giao cho Đoàn thanh niên phụ trách. Tháng 3/1931, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 2 đã quyết định thành lập Đoàn và

tháng 5/1941, tại Hội nghị lần thứ 8 của Trung ương Đảng do lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc chủ trì, đã quyết định thành lập Mặt trận Việt Minh để đoàn kết các lực lượng đánh Tây, đuổi Nhật, giành độc lập tự do cho dân tộc Việt Nam. Ngay sau đó, ngày 15/5/1941, tại thôn Nà Mạ, xã Trường Hà, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng, Đội Nhi đồng Cứu quốc được thành lập và là thành viên của Mặt trận Việt Minh, hoạt động theo điều lệ của Mặt trận Việt Minh với nội dung "*... Dự bị đánh Tây, đánh Nhật làm cho Việt Nam hoàn toàn độc lập*".

Ngày ấy, tại chân núi Thoong Mạ, thôn Nà Mạ, có năm thiếu niên gồm Nông Văn Dền, Nông Văn Thàn, Lý Văn Tịnh, Lý Thị Nạ, Lý Thị Xậu, được anh Đức Thanh và các anh cán bộ cách mạng giác ngộ, thử thách, tập hợp để lập thành Đội Nhi đồng cứu quốc theo quyết định của Đảng. Đội có mục đích là "*Đánh Tây, đuổi Nhật, giành độc lập cho nước nhà*" với nhiệm vụ: *làm giao thông liên lạc, đưa đón, bảo vệ cán bộ, canh gác các cuộc họp của Đảng....* Để đảm bảo bí mật, tổ chức cũng đã đặt bí danh cho các đội viên. Dền mang bí danh Kim Đồng, Thàn là Cao Sơn, Tịnh là Thanh Minh, Xậu là Thanh Thủy, Nị là Thủy Tiên và cuộc họp đã bầu Kim Đồng làm đội trưởng. Cuối buổi lễ, 5 đội viên được kết nạp đã làm lễ tuyên thệ: "*Trung thành với Đảng, tuyệt đối giữ bí mật, dù có phải hy sinh đến tính mạng cũng không phản bội cách mạng, không phản bội Nhân dân*". Từ đó Đội Nhi đồng cứu quốc

chính thức được thành lập (sau này gọi là Đội Thiếu niên cứu quốc).

Đội Nhi đồng cứu quốc đầu tiên ra đời đã đáp ứng kịp thời đòi hỏi cấp bách của phong trào thiếu nhi nước ta lúc bấy giờ. Đây là sự vận động khách quan phù hợp với quy luật phát triển của cách mạng nước ta, đồng thời phản ánh công lao to lớn của Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh cùng với sự chăm lo dìu dắt của Đoàn Thanh niên. Đội trở thành lực lượng giáo dục thiếu niên, nhi đồng, là nòng cốt trong các phong trào thiếu nhi.

Ngày 15/5/1941 trở thành ngày truyền thống vẻ vang của thiếu nhi Việt Nam, của Đội Thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh.

II- Quá trình xây dựng, trưởng thành của Đội Thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh

Trong tiến trình cách mạng của Đảng và được Đoàn phụ trách, Đội càng ngày càng phát triển; đã tham gia tích cực và góp phần vào thắng lợi của phong trào đấu tranh giành độc lập, tự do cho dân tộc và sự nghiệp xây dựng, phát triển của đất nước. Theo từng thời kỳ, Đội đã đổi tên cho phù hợp với yêu cầu của cách mạng và nguyện vọng của thiếu niên, nhi đồng như Đội Nhi đồng Cứu quốc (5/1941), Đội Thiếu niên tháng Tám (3/1951), Đội Thiếu niên Tiền phong Việt Nam (11/1956) và Đội Thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh (30/01/1970).

1- Giai đoạn 1941-1954

Từ 5 đội viên đầu tiên năm 1941, đến thời gian trước Cách mạng Tháng Tám, tổ chức Đội đã được xây dựng ở những trung tâm chính trị, kinh tế lớn trong cả nước; tổ chức nhiều hoạt động sôi nổi để tuyên truyền, cổ vũ, gây thanh thế cho cách mạng; ủng hộ, giúp sức cho tổ chức cách mạng, tiêu biểu như Đội Thiếu niên yêu nước Trần Hưng Đạo (Hà Nội), Đội Thiếu nhi Cứu quốc bí mật Ngọc Động; Đội Thiếu nhi Cứu quốc Nguyễn Thái Học...

Từ sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945, hệ thống tổ chức Đội phát triển rộng khắp từ Bắc đến Nam. Lúc này, các tổ chức thiếu nhi cả nước được gọi chung là Đội Thiếu nhi cứu quốc; đã tích cực tham gia các hoạt động như: giúp việc bình dân học vụ, cổ động, tham gia sản xuất, tiết kiệm, giúp sức thực hiện chống giặc đói, diệt giặc dốt..., hoặc bảo vệ trật tự trị an, giúp đỡ bộ đội, tự vệ... Sau ngày toàn quốc kháng chiến, hưởng ứng lời kêu gọi kháng chiến kiến quốc của chủ tịch Hồ Chí Minh (12/1946), nhiều Đội thiếu niên giết giặc, Đội thiếu niên chiến đấu, Đội thiếu niên tuyên truyền xung phong, Đội thiếu niên quyết tử, cảm tử..., được thành lập ở các nơi trong cả nước, nhiều đội đã lập công xuất sắc, tiêu biểu như Đội thiếu niên Bát Sắt (Hà Nội), Đội tình báo thiếu niên Thành Huế, Đội thiếu niên du kích Đình Bảng, Đội thiếu niên du kích Kiến An, Đội thiếu nhi Đồng Tháp Mười, Đội Thiếu niên Phản Đế và các đội thiếu niên ở Sài

Gòn...; nhiều anh hùng liệt sĩ thiếu niên như Lê Văn Tám (Sài Gòn), Dương Văn Nội (Hà Nội), Vừ A Dính (Lai Châu), Phạm Ngọc Đa (Kiến An), Nguyễn Văn Thu (Quảng Ninh) xuất hiện đã trở thành những gương sáng cho các thế hệ thiếu nhi Việt Nam noi theo, làm sáng ngời trang sử của Đội.

Cùng với hưởng ứng phong trào kháng chiến, tháng 2/1948, công tác Trần Quốc Toàn đã trở thành phong trào truyền thống của Đội với nhiều việc làm thiết thực để giúp đỡ các gia đình thương binh, liệt sĩ, neo đơn..., làm cho tổ chức Đội ngày càng có ý nghĩa xã hội rộng lớn.

Tháng 3/1951, Đội Thiếu nhi cứu quốc được đổi tên thành Đội Thiếu nhi tháng Tám. Nhiệm vụ và hoạt động của Đội ngày càng rộng rãi, góp phần tích cực vào cuộc tổng động viên nhân tài, vật lực cho cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp giành thắng lợi, mà đỉnh cao là chiến dịch Điện Biên Phủ. Trong kháng chiến chống thực dân Pháp nhiều đội viên anh dũng hy sinh, nhiều đơn vị Đội đã vinh dự được Đảng, Nhà nước tặng thưởng nhiều danh hiệu cao quý, cụ thể Đội đã được tặng thưởng 1 Huân chương Quân Công, 30 Huân chương Chiến sĩ, 2 Huân chương Kháng chiến, hàng vạn bằng khen...; nhiều đội viên đã trở thành Chiến sĩ thi đua toàn quốc, Anh hùng lực lượng vũ trang Nhân dân, cán bộ, đảng viên ưu tú xứng đáng với niềm tin yêu sâu sắc của Đảng, của Bác Hồ, Chính phủ và Nhân dân cả nước.

2- Giai đoạn 1954-1975

Sau năm 1954, nước ta tạm thời chia cắt làm 2 miền. Miền Bắc đi lên chủ nghĩa xã hội, miền Nam còn nằm dưới sự thống trị của đế quốc và tay sai. Đây là thời kỳ thiếu nhi Việt Nam vâng lời Bác dạy, làm nghìn việc tốt, chống Mỹ, cứu nước, thiếu nhi sẵn sàng.

Ở miền Bắc, trong không khí hòa bình, trẻ em được cấp sách đến trường. Tổ chức Đội phát triển mạnh đến các thôn xóm, bản làng và các trường học. Các phong trào của Đội cũng phát triển mạnh mẽ, từ góp sức khắc phục hậu quả chiến tranh, hỗ trợ cải tiến kỹ thuật, tăng gia sản xuất, cảnh giác các phần tử phá hoại công cuộc xây dựng hòa bình ở miền Bắc để báo cáo tổ chức cách mạng đến hưởng ứng thực hiện các phong trào *"Vì miền Nam ruột thịt"*, *"Đi thăm miền Nam"*...

Năm 1958, hưởng ứng phong trào *"hợp tác xã"*, cùng với việc xây dựng hàng loạt hợp tác xã Măng Non: Thạch Khôi (Hải Hưng); Phú Mẫn (Hà Bắc), Đội thiếu nhi ở Hải Phòng, Sơn Tây đã có sáng kiến phát động phong trào làm kế hoạch nhỏ. Ngày 30/5/1959, nhà máy nhựa Thiếu niên tiên phong được khánh thành, 18.000 sản phẩm đầu tiên của nhà máy là đồ chơi trẻ em đã trao tặng cho các bạn thiếu nhi miền Nam; hưởng ứng phong trào *"Xung phong, tình nguyện vượt mức kế hoạch 5 năm lần thứ nhất"* do Đại hội Đại biểu Đoàn toàn quốc lần thứ III (1961) phát động, phong trào *"Kế*

hoạch nhỏ" của thiếu niên, nhi đồng tiếp tục phát triển thêm một bước, đi vào chiều sâu, vừa mang tính giáo dục cao, vừa đem lại hiệu quả thiết thực trong đấu tranh, trong lao động sản xuất và đời sống xã hội, trong học tập và rèn luyện...

Thực hiện 5 điều Bác Hồ dạy, phong trào *"Nghìn việc tốt"* của thiếu niên, nhi đồng xuất hiện ở khắp nơi và là mục tiêu phấn đấu của toàn thể thiếu nhi Việt Nam với khẩu hiệu *"Nói lời hay, làm điều tốt, phấn đấu trở thành cháu ngoan Bác Hồ"*. Nhiều tập thể Đội và cá nhân đội viên xuất sắc giành danh hiệu *"Cháu ngoan Bác Hồ"* như Liên đội Tam Sơn (Tiên Sơn, Bắc Ninh), Liên Đội Thiếu niên Tiền phong trường cấp I, II Trưng Vương; trường Lê Ngọc Hân (Hà Nội); trường Bắc Lý (Lý Nhân - Hà Nam)....; cá nhân Bùi Thị Tứ (Thái Bình), Nguyễn Đỗ Hùng (Hà Nội); Đặng Văn Kiên, Nguyễn Trọng Thề, Nguyễn Ngọc Ký (Nam Định)...

Ở các tỉnh miền Nam, lực lượng thiếu niên nhi đồng lúc bấy giờ cũng nhận được sự hướng dẫn, chỉ bảo và giáo dục của tổ chức Đảng, chính quyền cách mạng và bà con Nhân dân; đã tích cực học tập, tham gia vào các đội văn nghệ, ca hát, tuyên truyền, ca ngợi các tấm gương anh dũng, các vị anh hùng dân tộc, ca ngợi Đảng và Bác Hồ... Mặc dù trong hoàn cảnh chiến tranh ác liệt, lực lượng thanh thiếu nhi ở miền Nam vẫn gan dạ, dũng cảm và mưu trí, góp sức lớn vào trong phong trào cách mạng của Đảng. Sau khi Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam ra đời (20/12/1960),

Đội thiếu niên tiên phong được thành lập; hoạt động của Đội đã đóng góp tích cực vào phong trào cách mạng của Nhân dân, thực hiện mục tiêu *“Việc nhỏ, chí lớn, chống Mỹ, cứu nước”*

Thời kỳ 1954-1975 là thời kỳ thiếu niên, nhi đồng nước ta phải chịu nhiều gian khổ, trải qua nhiều thử thách, cũng là thời kỳ Đội ta từng bước trưởng thành. Đội thiếu nhi Việt Nam ở hai miền Nam - Bắc đã có nhiều hoạt động sôi nổi, tích cực, lập được nhiều chiến công xuất sắc. Điển hình là 6 tấm gương tiêu biểu được tham dự Đại hội liên hoan anh hùng Chiến sĩ thi đua toàn quốc (1947): Hoa Xuân Tứ, Trần Quốc Ý, Trần Thị Huệ, Đinh Thị Kim Liên, Phạm Thị Kim Oanh, Bùi Thị Mai; nhiều đội viên thiếu niên tiên phong đã trở thành dũng sĩ diệt Mỹ, diệt ngụy, các anh hùng thiếu nhi quên thân mình hy sinh vì sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc, xây dựng xóm làng như Trần Văn Thọ, Nguyễn Bá Ngọc, Kopa Kolong, Trần Văn Uẩn... Đội luôn gắn liền hoạt động và giáo dục của mình với thực tiễn cách mạng và lao động sản xuất, thực sự trở thành trường học cộng sản chủ nghĩa đầu tiên của tuổi trẻ, góp phần hình thành phẩm chất thể hệ con người mới phát triển toàn diện. Thời kỳ này, lần đầu tiên Đội được vinh dự tham gia các hội trại hè quốc tế tại Liên Xô và Đức; tham dự Đại hội lần thứ VI thiếu nhi toàn Liên bang Xô viết và tham dự Hội nghị những người lãnh đạo phong trào thiếu nhi các nước xã hội chủ nghĩa.

Về tên gọi, trong giai đoạn này, tại Đại hội Đoàn lần thứ

II, ngày 24/11/1956, Đội thiếu niên vinh dự được Ban Chấp hành Trung ương Đảng trao khẩu hiệu: *“Vì sự nghiệp xã hội chủ nghĩa và thống nhất Tổ quốc: Sẵn sàng!”* và Đội được đổi tên là Đội Thiếu niên Tiên phong (riêng các em ở tuổi nhi đồng, đến năm 1961 được tổ chức vào Đội Nhi đồng tháng Tám). Đến ngày 30/1/1970, sau khi Bác Hồ đi xa, thể theo nguyện vọng của thiếu nhi cả nước, Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã ra Nghị quyết trao cho đội mang tên Bác Hồ kính yêu, từ đó đến nay, Đội được mang tên là Đội Thiếu niên tiên phong Hồ Chí Minh.

3- Giai đoạn 1975-1986

Vào những ngày Tổng tiến công và nổi dậy trong chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, thiếu nhi miền Bắc vui mừng lắng nghe những tin thắng trận từ chiến trường miền Nam chuyển về. Các em đã tổ chức các hoạt động chào mừng chiến thắng ở các liên đội và bằng công tác Trần Quốc Toản, thiếu nhi miền Bắc đã gửi thư, gửi quà đến các chiến sĩ đang hành quân thần tốc tiến vào Sài Gòn. Nhiều đoàn thiếu nhi đã đến giúp đỡ các gia đình có con em và người thân đang chiến đấu ở chiến trường, đến thăm các chú thương binh đang điều trị và an dưỡng tại các đơn vị bộ đội. Ở miền Nam, tổ chức Đội và thiếu nhi hỗ trợ đón tiếp các anh bộ đội; tham gia thu gom vũ khí, quân trang quân dụng của lính ngụy bỏ lại khi tháo chạy; giữ gìn trật tự an ninh, phát hiện tàn quân địch còn lẫn trốn và tham gia các hoạt động bài trừ văn hóa đồi trụy; tuyên truyền và thực hiện phong trào đọc sách, báo; thi tìm

hiểu về sách báo cách mạng, phong trào xây dựng nếp sống mới trong thiếu niên học sinh, phong trào tìm hiểu về tổ chức Đội và phấn đấu vào Đội...

Sau Đại thắng mùa Xuân năm 1975, cả nước thống nhất, Bắc Nam sum họp một nhà. Từ đây, cùng với cả nước, thiếu nhi Việt Nam góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Tháng 6/1976, Hội nghị lần thứ 23 Ban Chấp hành Trung ương Đoàn đã đề ra chủ trương thống nhất tổ chức Đội trong cả nước và đề nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng trao khẩu hiệu cho Đội là *“Vì Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, vì lý tưởng của Bác Hồ vĩ đại: Sẵn sàng!”*. Từ đây, Đội Thiếu niên tiên phong bước vào trang sử mới. Số lượng đội viên phát triển nhanh chóng. Công tác Đội và phong trào thiếu nhi phát triển mạnh mẽ, với nhiều phong trào thiết thực, làm nổi bật vai trò của tổ chức Đội trong thời kỳ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Phong trào kế hoạch nhỏ tiếp tục đi vào chiều sâu; đoàn tàu lửa chạy trên đường sắt Thống Nhất mang tên Thiếu niên tiên phong (1979) đi vào hoạt động theo sáng kiến của đội thiếu nhi thành phố Hồ Chí Minh; nhiều hoạt động với các chủ đề Vâng lời Bác dạy; thi đua làm nghìn việc tốt; mừng đất nước nở hoa; thi đua học tập, rèn luyện để trở thành cháu ngoan Bác Hồ... được tổ chức rộng khắp. Hoạt động quốc tế của Đội ngày càng mở rộng, điển hình là phong trào *“Tình bạn bốn phương”* được đông đảo thiếu nhi Việt Nam tham gia.

Đại hội Đoàn toàn quốc lần thứ IV (1980), Ban Chấp

hành Trung ương Đoàn đã quyết định thành lập Hội đồng phụ trách Đội từ Trung ương đến cơ sở. Từ đó, hoạt động Đội ngày càng đi vào nề nếp, hình thức hoạt động phong phú, đa dạng, thu hút đông đảo đội viên tham gia. Nổi bật, Đội đã tổ chức thành công cuộc hành quân mang tên “*Chiến dịch Điện Biên*”, hơn 10 triệu lượt đội viên tham gia. Năm học 1983-1984, có hơn 4 triệu đội viên đạt danh hiệu “*Chiến sĩ nhỏ Điện Biên*”. Cùng với đó, xuất phát từ phong trào Trần Quốc Toản, nhiều hoạt động *đi tìm địa chỉ đỏ, lao động công ích, mở lớp học tình thương*... được đội viên hưởng ứng sôi nổi; tập thể và cá nhân đội viên đội thiếu niên tiên phong Hồ Chí Minh tiếp tục phát cao cờ Đội trong cuộc thi đua “*Hành quân theo bước chân những người anh hùng*”; “*Hành quân theo bước chân Bác Hồ kính yêu*”.

4- Giai đoạn 1986 đến nay

Năm 1986, đất nước ta thực hiện công cuộc đổi mới toàn diện. Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đoàn toàn quốc lần thứ V (1987), hoạt động Đội được đổi mới theo hướng tăng cường hoạt động đội trong nhà trường, đẩy mạnh xã hội hóa hoạt động thiếu nhi trên địa bàn dân cư với tinh thần toàn dân chăm lo xây dựng Đội và chăm sóc giáo dục thiếu niên, nhi đồng.

Theo đó, công tác Trần Quốc Toản, kế hoạch nhỏ, Tiến bước lên Đoàn... ngày càng phát triển. Năm 1987, khách sạn Khăn quàng đỏ của Đội đi vào hoạt động. Phong trào xây

dựng Hợp tác xã Măng non, lập các quỹ *"Vì bạn nghèo"*, *"Hỗ trợ tài năng trẻ"*, quỹ Vừ A Dính, Đô-rê-môn, Giải thưởng Kim Đồng... đã góp phần giúp đỡ hàng nghìn bạn có hoàn cảnh khó khăn có thêm điều kiện sinh hoạt và học tập, hòa nhập với cộng đồng. Các phong trào *"Nghìn việc tốt"*, *"Nói lời hay, làm việc tốt, phấn đấu trở thành con ngoan, trò giỏi, đội viên tốt, cháu ngoan Bác Hồ"*; phong trào *"Hành quân theo bước chân những người anh hùng"*, *"Về với cội nguồn"*. *"Vì điểm tựa tiền tiêu"*, *"Áo lụa tặng bà"*, *"Địa chỉ nghĩa tình"*, ... đã thu hút hàng triệu em tham gia. Thông qua các hoạt động đó, các em được tự rèn luyện và được giáo dục những truyền thống cách mạng, những phẩm chất tốt đẹp của dân tộc Việt Nam.

75 năm qua, những trang vàng sử Đội và hào khí truyền thống của Đội Thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh mỗi ngày một sáng. Lịch sử đó, truyền thống đó gắn liền với phong trào thiếu nhi Việt Nam và là một bộ phận không thể tách rời trong lịch sử Đảng, lịch sử dân tộc và lịch sử Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh... Với những cống hiến của Đội Thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh và thiếu niên, nhi đồng Việt Nam trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, nhân dịp kỷ niệm 60 năm ngày thành lập Đội (tháng 5/2001), Nhà nước ta đã quyết định trao tặng Huân chương Sao Vàng-phần thưởng cao quý nhất của Đảng và Nhà nước cho Đội Thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh. Thành tích đó đã đánh dấu một mốc son chói lọi trên con đường phát triển của Đội

Thiếu niên tiên phong Hồ Chí Minh và lớp lớp thiếu nhi Việt Nam.

Ngày nay, Đội Thiếu niên tiên phong Hồ Chí Minh đã có những bước phát triển mới ngoài lớp đội viên thiếu niên, nhi đồng; tổng phụ trách đội lớn mạnh; hàng ngàn cán bộ chuyên trách và đội ngũ cộng tác viên với đầy đủ năng lực hoạt động trong các cơ sở Đội, Nhà thiếu nhi, đang ngày đêm miệt mài chăm lo cho sự phát triển của thể hệ măng non đất nước.

Nghị quyết Đại hội Đoàn toàn quốc lần thứ VIII về bảo vệ, chăm sóc và giáo dục thiếu niên nhi đồng, đẩy mạnh cuộc vận động "*Vì đàn em thân yêu*" đã thổi một luồng không khí và sức sống mới cho các hoạt động của Đội và phong trào thiếu nhi. Cuộc vận động "*Vì đàn em thân yêu*" theo tinh thần Nghị quyết Đại hội Đoàn toàn quốc lần thứ IX và phong trào thi đua "*Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực*" được đẩy mạnh đã tạo ra những kết quả tích cực với hàng ngàn các công trình vui chơi cho thiếu nhi, các lớp học tình thương đã mang lại niềm vui, điều kiện sinh hoạt, ánh sáng tri thức đến với học sinh thiếu nhi có hoàn cảnh khó khăn. Chương trình "*Rèn luyện đoàn viên*", học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh được triển khai sâu rộng theo Nghị quyết Đoàn toàn quốc lần thứ X, nhiều tấm gương đội viên, nhi đồng tiêu biểu xuất hiện, trở thành là tấm gương sáng để học tập, noi theo. Cuộc vận động "*Vòng tay bạn bè*", "*Giúp bạn đến trường*", phong trào "*Tấm áo tặng*

bạn", chương trình *"Thắp sáng ước mơ thiếu nhi Việt Nam"* được tổ chức sâu rộng tại các cơ sở Đội, khơi dậy trong thiếu nhi và toàn thể xã hội tinh thần đoàn kết, tương thân tương ái, sẵn sàng chia sẻ những khó khăn thiếu thốn; cổ vũ tạo niềm tin và đồng lòng cùng thiếu nhi trên con đường biến ước mơ thành hiện thực. Đặc biệt cuộc vận động *"Thiếu nhi Việt Nam thi đua thực hiện tốt 5 Điều Bác Hồ dạy"* tiếp tục khẳng định lòng biết ơn vô hạn của thiếu nhi Việt Nam với vị lãnh tụ, người cha già muôn vàn kính yêu của dân tộc, tạo môi trường học tập và rèn luyện, góp phần bồi dưỡng hình thành cho các em những giá trị phẩm chất tốt đẹp của người công dân mới xã hội chủ nghĩa.

III- Đội Thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh tỉnh Quảng Nam - 75 năm phát triển không ngừng.

Ngay sau khi Đảng bộ tỉnh Quảng Nam ra đời, dưới sự lãnh đạo của Đảng, phong trào thiếu niên tỉnh nhà được hình thành và không ngừng phát triển qua các giai đoạn cách mạng, đóng góp tích cực vào phong trào chung của cách mạng cả nước như: hưởng ứng tham gia các cuộc đấu tranh đòi dân sinh, dân chủ 1936-1939; cuộc khởi nghĩa giành chính quyền Tháng Tám năm 1945. Sau cách mạng Tháng Tám thành công, Đội Thiếu nhi cứu quốc của tỉnh được thành lập và đã góp phần tích cực vào các phong trào chung của tỉnh: tham gia bảo vệ an ninh trật tự, cảnh giác, phát hiện những tên phản động, tay sai để báo cáo cho lực lượng tự vệ..., nhận chăm sóc các gia đình thương binh, liệt sĩ... Trong

suốt thời kỳ chống Mỹ cứu nước, phong trào thiếu nhi tỉnh nhà có những chuyển biến mới, tích cực tham gia các phong trào cách mạng với tinh thần *"Tuổi nhỏ làm việc nhỏ"*, góp phần cùng cha anh hoàn thành cuộc cách mạng giải phóng dân tộc, giải phóng quê hương.

Sau ngày đất nước thống nhất (1975), Đội thiếu niên tiên phong tỉnh Quảng Nam đã từng bước khẳng định vai trò, vị trí là chủ nhân tương lai của quê hương, đất nước bằng nhiều phong trào hoạt động sôi nổi, phong phú như: Phong trào Trần Quốc Toản, Áo lụa tặng bà, Đi tìm địa chỉ đỏ, Kế hoạch nhỏ...; những hoạt động theo chủ đề: Vâng lời Bác dạy; thi đua làm nghìn việc tốt; rèn luyện để trở thành cháu ngoan Bác Hồ; đã thu hút đông đảo thiếu nhi toàn tỉnh tham gia. Sau ngày tách tỉnh (1997) đến nay, công tác đội và phong trào thiếu nhi tỉnh nhà tiếp tục có bước phát triển mới, công tác giáo dục truyền thống được đẩy mạnh, gắn với các ngày lễ lớn trong năm. Đội tích cực thực hiện các chương trình *"Tự hào truyền thống - Tiếp bước cha anh"*, *"Luyện rèn trí thức - Vững bước tương lai"*, *"Vui khỏe an toàn - Học ngàn điều hay"*; *"Xây dựng Đội vững mạnh - Cùng tiến bước lên Đoàn"*, *"Khăn hồng tình nguyện - Chắp cánh yêu thương"*... Tổ chức các hoạt động thăm viếng nghĩa trang liệt sĩ, nhà Bảo tàng anh hùng Nguyễn Văn Trỗi, Nhà lưu niệm Võ Chí Công, Huỳnh Thúc Kháng... thăm tặng quà Bà mẹ Việt Nam anh hùng, thăm các khu di tích lịch sử cách mạng, văn hóa; tặng sổ tiết kiệm cho các gia đình chính sách... góp phần giáo

dục tinh thần uống nước nhớ nguồn cho các em. Bên cạnh đó, còn có các phong trào sôi nổi như: Chương trình Thiếu nhi sẵn sàng, ủng hộ nạn nhân chất độc da cam, Vòng tay bạn bè, Cuộc vận động Vì đàn em thân yêu, tham gia cuộc thi viết thư quốc tế UPU... Thực hiện phong trào *"nhi đồng học tốt, yêu khoa học"* diễn ra sôi nổi với các phong trào: *"Nhật ký Đội em - Làm theo lời Bác"*, *"Thi đua học tập tốt-giành nhiều hoa điểm 10"*, *"Vở sạch chữ đẹp"*, *"Người tốt, việc tốt"*, *"thi đua tuần học tốt, tiết học tốt; hội thi "Nét chữ, nét người"*, *"Sao điểm mười"*, *"Sao chăm học"*...

Trong suốt cả chặng đường 75 năm, phong trào thiếu nhi Quảng Nam được xây dựng và không ngừng phát triển; góp phần ghi dấu một chặng đường phát triển và trưởng thành của tổ chức Đội Thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh, thiếu niên, nhi đồng Việt Nam nói chung và tỉnh Quảng Nam nói riêng, với lớp lớp các thế hệ đội viên đã trở thành những nhà lãnh đạo, những công dân ưu tú của xã hội, những tiến sĩ, kỹ sư, bác sĩ, những nhà khoa học, thầy cô giáo, những công nhân có bàn tay vàng, nhiều sáng tạo... Hôm nay, dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự dìu dắt của Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh và sự chăm lo của toàn xã hội, Đội Thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh, thiếu niên, nhi đồng Việt Nam đang có những thuận lợi, thời cơ mới để tiếp bước cha anh rèn đức, luyện tài, phát huy trí thông minh, tinh thần dũng cảm, ý chí vươn lên, góp phần xứng đáng vào công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

KỶ NIỆM 55 NĂM NGÀY TRUYỀN THỐNG BỘ ĐỘI BIÊN PHÒNG TỈNH QUẢNG NAM (19/5/1961 – 19/5/2016)

I. Lực lượng An ninh vũ trang - tổ chức tiền thân của Bộ đội Biên phòng tỉnh Quảng Nam và quá trình thành lập:

Đầu năm 1959, trong bối cảnh cách mạng miền Nam sục sôi, khí thế, quần chúng Nhân dân nung nấu sôi sục căm thù chế độ Mỹ - Diệm, sẵn sàng vùng dậy đập tan xiềng xích của kẻ thù, Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa II) triệu tập Hội nghị lần thứ 15 (tháng 1/1959), để đánh giá tình hình và đi đến kết luận: “*Con đường phát triển cơ bản của cách mạng Việt Nam ở miền Nam là khởi nghĩa giành chính quyền về tay Nhân dân. Con đường đó là lấy sức mạnh của quần chúng, dựa vào lực lượng chính trị của quần chúng là chủ yếu, kết hợp với lực lượng vũ trang để đánh đổ quyền thống trị của đế quốc và phong kiến dựng lên chính quyền cách mạng của Nhân dân*”.

Trên cơ sở Nghị quyết, ngày 3/3/1959, Thủ tướng Chính phủ ra Nghị định số 100/TTg về việc thống nhất các đơn vị quân đội đang làm công tác bảo vệ nội địa, bảo vệ biên giới, giới tuyến và các đơn vị công an biên phòng, cảnh sát vũ trang thành một lực lượng vũ trang chuyên trách công

tác biên phòng bảo vệ nội địa, lấy tên là Công an Nhân dân vũ trang. Đến giữa năm 1959, lực lượng Công an Nhân dân vũ trang cơ bản đã xây dựng được hệ thống tổ chức, chỉ huy thống nhất, từ Trung ương xuống tận các đồn, trạm biên phòng trên các tuyến biên phòng và các đơn vị bảo vệ ở nội địa. Các chế độ công tác, huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu..., đã đi vào nền nếp.

Lúc này, tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng cùng miền Nam phần khởi, tin tưởng, quyết tâm thực hiện thắng lợi Nghị quyết 15. Tháng 7/1959, ngành Công an cử đồng chí Lê Đình Thi (xã Quế Thanh, huyện Quế Sơn) tập kết ra Bắc năm 1954 về lại Quảng Nam nhận nhiệm vụ tham mưu cho Tỉnh ủy về công tác bảo vệ. Tháng 9/1959, đơn vị vũ trang tập trung đầu tiên của tỉnh được thành lập. Đến tháng 12/1959, các huyện trong tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng lần lượt thành lập các đội vũ trang huyện và phát triển trên diện rộng.

Năm 1960, tình hình cách mạng cả nước có nhiều thay đổi, phong trào cách mạng của Quảng Nam - Đà Nẵng cũng đã chuyển sang giai đoạn mới - giai đoạn tiến công. Trước tình hình đó, tháng 3/1961, Tỉnh ủy quyết định thành lập Ban Bảo vệ an ninh tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng, trên cơ sở củng cố Ban Bảo vệ Đảng.

Đến tháng 5/1961, chấp hành ý kiến chỉ đạo của Tỉnh ủy, đồng chí Trưởng ban Bảo vệ an ninh tỉnh đã đề xuất kế hoạch xây dựng lực lượng An ninh vũ trang Quảng Nam - Đà

Năng. Sau khi được Tỉnh ủy phê duyệt, ngày 19/5/1961, lễ ra mắt đơn vị An ninh vũ trang Quảng Nam - Đà Nẵng (tiền thân là Tổ cảnh vệ) chính thức được tổ chức tuyên thệ tại thôn Bút Tura, xã Sông Côn, huyện Hiên (nay thuộc huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam). Từ đó, ngày này được lấy làm ngày truyền thống của Bộ đội Biên phòng tỉnh Quảng Nam.

II. Chặng đường 55 năm xây dựng, chiến đấu và trưởng thành của Bộ đội Biên phòng Quảng Nam

1. Quá trình xây dựng, chiến đấu và phát triển của Bộ đội Biên phòng Quảng Nam trước khi được chia tách tỉnh

Cuối năm 1962, chấp hành Nghị quyết của Khu ủy Khu 5, Tỉnh ủy quyết định chia tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng thành 2 tỉnh Quảng Nam và Quảng Đà (tỉnh Quảng Nam từ huyện Quế Sơn trở vào, tỉnh Quảng Đà từ huyện Duy Xuyên trở ra).

Đến năm 1967, lực lượng an ninh vũ trang Quảng Nam được lệnh chuyển về xã Tiên Sơn huyện Tiên Phước để làm nhiệm vụ bảo vệ Tỉnh ủy đóng tại đây và củng cố đơn vị chuẩn bị cho kế hoạch mới. Ngày 12/8/1967, Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Nam quán triệt tinh thần chỉ đạo của trên, chủ động ra Chi thị tăng cường công tác an ninh, phục vụ quyết tâm chiến lược của Đảng, chỉ đạo các cấp ủy có biện

pháp lãnh đạo tăng cường công tác an ninh các cấp trong tỉnh. Tháng 11/1967, Khu uỷ V quyết định sáp nhập tỉnh Quảng Đà và thành phố Đà Nẵng thành đặc khu Quảng Đà để thực hiện quyết tâm chiến lược của Đảng, chuẩn bị cho đợt tổng công kích, tổng khởi nghĩa vào thành phố, thị xã trong dịp tết Mậu Thân. Đơn vị hành chính mới, Ban an ninh Quảng Đà và Ban an ninh thành phố Đà Nẵng đã hợp nhất thành Ban an ninh đặc khu Quảng Đà. Tháng 8/1968 thực hiện Nghị quyết và Chỉ thị của Ban An ninh miền Nam, Ban An ninh đặc khu Quảng Đà và Ban An ninh Quảng Nam đều kiện toàn lại Ban An ninh vũ trang phiên hiệu là Ban 8 (mật danh B8) chuyên trách lực lượng An ninh vũ trang và Trinh sát vũ trang.

Với truyền thống “*Trung dũng kiên cường*”, sáng tạo vượt qua khó khăn, thánh thức liên tục tiến công địch và với kinh nghiệm thực tiễn, dưới sự lãnh đạo đúng đắn, kiên quyết, kịp thời của Tỉnh uỷ Quảng Nam và Đặc Khu uỷ Quảng Đà, lực lượng An ninh đã cùng Đảng bộ và Nhân dân trong tỉnh kiên trì vượt qua khó khăn, giữ vững thế tiến công, liên tục đánh bại mọi âm mưu thâm độc của kẻ thù, đưa phong trào tiếp tục tiến lên. Các đơn vị An ninh vũ trang, Trinh sát vũ trang đã phối hợp cùng các bộ phận khác trong ngành An ninh tập trung thực hiện nhiệm vụ trung tâm của Đảng: “*Chống Bình định, giành giữ dân, phá thế kìm kẹp của địch thể hiện trên 3 mặt công tác, đẩy mạnh đánh địch trên 3 vùng chiến lược, tăng cường bảo vệ ta, tích cực khẩn trương xây dựng*

lực lượng”. Lực lượng An ninh luôn được Tỉnh uỷ quan tâm chỉ đạo xây dựng, củng cố, từng bước hoàn thiện, theo hướng: *“tinh gọn cấp tỉnh, tăng cường cấp huyện, kiện toàn và củng cố xây dựng cấp xã”*. Tiến hành kiện toàn các bộ phận nghiệp vụ lực lượng An ninh vũ trang để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của cách mạng.

Đến năm 1972, lực lượng An ninh vũ trang đã được xây dựng thành hệ thống từ tỉnh đến huyện, hoạt động đến xã, được bố trí trên khắp địa bàn, từ vùng căn cứ giải phóng đến các vùng giáp ranh, tranh chấp, từ nông thôn, miền núi, đồng bằng đến thành phố, thị xã, thị trấn. Cùng với Nhân dân, lực lượng vũ trang tỉnh nhà sẵn sàng chiến đấu hy sinh vì sự nghiệp cách mạng, lập nên những chiến công vang dội, đã ghi vào trang sử vẻ vang hào hùng của đất nước, của tỉnh nhà, góp phần đánh thắng đế quốc Mỹ xâm lược, làm nên đại thắng mùa xuân năm 1975.

Với yêu cầu, nhiệm vụ mới, ngày 10/10/1979, Bộ Chính trị đã ra nghị quyết chuyển giao nhiệm vụ và lực lượng An ninh vũ trang sang Bộ quốc phòng, phân định lại nhiệm vụ, sẵn sàng chiến đấu bảo vệ an ninh biên giới, bờ biển, hải đảo và đổi tên thành Bộ đội biên phòng. Ngày 19/12/1979, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ra Quyết định xác định *“Bộ đội Biên phòng là một thành phần của Quân đội Nhân dân Việt Nam, là lực lượng nòng cốt thực hiện công tác biên phòng của các lực lượng vũ trang Nhân dân”*.

Trong điều kiện mới, để đáp ứng ngay với yêu cầu nhiệm vụ, cán bộ, chiến sĩ Bộ đội biên phòng đã triển khai đến biên cương, hải đảo vận động Nhân dân, xây dựng hệ thống chính trị ở địa bàn đóng quân; kiên trì, bền bỉ, bám đất, bám dân, tuyên truyền vận động nhân dân thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng; pháp luật của Nhà nước, phát triển kinh tế - xã hội, cải thiện đời sống Nhân dân, nhiều hình ảnh đẹp của những tập thể và cá nhân đã đồng cam cộng khổ, chia ngọt sẻ bùi, lẫn lộn quên mình vì cuộc sống ấm no và hạnh phúc của đồng bào các dân tộc của tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng.

Ngày 31/12/1996, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng chính thức ra Quyết định số 2444 về việc giải thể Ban Chấp hành Bộ đội biên phòng Quảng Nam - Đà Nẵng và thành lập Bộ đội biên phòng tỉnh Quảng Nam. Từ đây, Bộ đội biên phòng tỉnh Quảng Nam từng bước ổn định tổ chức, triển khai các mặt công tác và tiếp tục thực hiện nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền toàn vẹn lãnh thổ, an ninh biên giới quốc gia.

2. Từ ngày tái lập tỉnh Quảng Nam đến nay

Kế thừa và phát huy truyền thống 55 năm chiến đấu, xây dựng và trưởng thành; đặc biệt gần 20 năm kể từ ngày tái lập tỉnh (1997) đến nay, lực lượng Bộ đội biên phòng Quảng Nam luôn nhận được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo sâu sát, chặt chẽ của Đảng uỷ, Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng, của Tỉnh uỷ và UBND tỉnh; sự giúp đỡ to lớn của các sở, ban,

ngành, đoàn thể, các địa phương và Nhân dân trong toàn tỉnh, cán bộ, chiến sỹ Bộ đội biên phòng tỉnh luôn phát huy những thành tích đã đạt được, đoàn kết, thống nhất, thương yêu, động viên lẫn nhau quyết tâm khắc phục khó khăn, gian khổ, thực hiện tốt nhiệm vụ bảo vệ biên giới và xây dựng lực lượng; yên tâm bám trụ nơi biên giới, hải đảo; phối hợp chặt chẽ với các ngành, các địa phương bảo vệ vững chắc chủ quyền an ninh biên giới; tích cực khắc phục hậu quả thiên tai, tham gia phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, chung sức xây dựng nông thôn mới ở biên giới hải đảo, góp phần xóa đói giảm nghèo, cải thiện đời sống tinh thần, vật chất Nhân dân vùng biên giới, hải đảo được cải thiện đáng kể, lực lượng Bộ đội biên phòng Quảng Nam ngày càng lớn mạnh và trưởng thành, luôn gắn bó máu thịt với quần chúng Nhân dân các địa phương trong tỉnh được các cấp uỷ đảng, chính quyền, các ngành đoàn thể tin yêu.

Để tăng cường hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý, bảo vệ chủ quyền an ninh biên giới, Bộ đội biên phòng tỉnh đã nghiêm túc quán triệt và đẩy mạnh thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của Trung ương, Bộ Quốc phòng, Bộ Tư lệnh Bộ đội biên phòng, của tỉnh; triển khai đồng bộ các biện pháp biên phòng, sẵn sàng chiến đấu, nắm, xử lý và kịp thời tham mưu các cấp xử lý các vụ việc liên quan đến chủ quyền, an ninh biên giới quốc gia. Duy trì nghiêm các hoạt động tuần tra, kiểm soát bảo vệ an toàn hệ thống đường biên, cột mốc; quản lý, kiểm soát chặt chẽ hoạt động xuất nhập cảnh, xuất

nhập biên; ngăn ngừa có hiệu quả các hoạt động vượt biên, xâm canh xâm cư; chủ quyền an ninh biên giới quốc gia được giữ vững; đồng thời tham mưu UBND tỉnh xây dựng đề án *“Tăng cường nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền an ninh biên giới, biển đảo gắn với xây dựng cơ sở hạ tầng, phát triển kinh tế, xã hội, củng cố quốc phòng, an ninh ở khu vực biên giới, biển đảo”*, Nghị quyết số: 02-NQ/TU ngày 08/4/2011 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về *“Tăng cường nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền an ninh biên giới, biển đảo trong tình hình mới”* và nhiều chủ trương, giải pháp thiết thực.

Kết quả nổi bật nhất những năm gần đây của Bộ đội biên phòng tỉnh là đã tổ chức đấu tranh thành công nhiều chuyên án, kế hoạch nghiệp vụ, khởi tố, điều tra hàng chục vụ án với hàng trăm đối tượng vi phạm pháp luật. Trong 05 năm gần đây, đã điều tra, xử lý: 243 vụ/330 đối tượng vi phạm pháp luật, bắt 29 đối tượng về hành vi tàng trữ, mua bán trái phép chất ma túy, khởi tố 17 vụ án hình sự thu giữ nhiều tang vật khác.

Là cơ quan thường trực tìm kiếm cứu nạn của tỉnh, Bộ đội biên phòng tỉnh đã tích cực triển khai các phương án, đảm bảo lực lượng, phương tiện và tuyên truyền vận động Nhân dân thực hiện các phương án, kế hoạch phòng tránh cũng như quên mình cứu dân trong bão lũ, giúp Nhân dân vượt qua khó khăn, hoạn nạn, ổn định cuộc sống, kịp thời xử lý và ngăn chặn các sự cố tràn dầu, cháy nổ, tai nạn trên

biển, lũ quét... giảm thiểu thiệt hại về người, tài sản của Nhà nước và Nhân dân.

Công tác đối ngoại biên phòng được lãnh đạo, chỉ đạo chặt chẽ, tăng cường quan hệ hợp tác với các lực lượng bảo vệ biên giới, phòng chống tội phạm với tỉnh Sê Koong (Lào), tham mưu với lãnh đạo tỉnh tổ chức tốt hội nghị thường niên giữa hai tỉnh Quảng Nam và Sê Koong. BĐBP tỉnh tiếp tục được tỉnh giao xây dựng giúp bạn 2 trung tâm y tế, 1 trường tiểu học nội trú, trạm kiểm soát liên hợp cửa khẩu Đắc Tà Oọc trị giá hàng chục tỷ đồng. Tổ chức khảo sát, đề xuất hỗ trợ cho các tổ chức, cá nhân người Lào có công với cách mạng Việt Nam trong các cuộc kháng chiến gần 1,5 tỷ đồng; giúp bạn bồi dưỡng, tập huấn cán bộ bảo vệ biên giới. Phối hợp với hai huyện biên giới Tây Giang, Nam Giang triển khai mô hình kết nghĩa bản - bản hai bên biên giới và nhiều chương trình, nội dung hỗ trợ, giúp đỡ thiết thực, hiệu quả với tinh thần tình nghĩa anh em sâu đậm. Đặc biệt Quảng Nam và Sê Koong đã cùng nhau vượt qua khó khăn, tích cực triển khai kế hoạch tăng dày, tôn tạo và hoàn thành hệ thống 60/60 mốc quốc giới đi qua địa bàn hai tỉnh trước tiến độ gần một năm.

Đề phát huy sức mạnh tổng hợp trong bảo vệ chủ quyền an ninh biên giới, biển đảo BĐBP tỉnh luôn chú trọng xây dựng thế trận lòng dân, nền biên phòng toàn dân gắn với thế trận quốc phòng toàn dân và an ninh Nhân dân. Từ nhận thức

đó, trong những năm qua, Bộ đội biên phòng tỉnh đã tham mưu và tham gia với cấp uỷ, chính quyền, các đoàn thể, các lực lượng triển khai thực hiện các chương trình phát triển kinh tế - xã hội để nâng cao dân trí, xóa đói giảm nghèo, cải thiện đáng kể đời sống Nhân dân. Các chương trình, dự án đã và đang mang lại lợi ích thiết thực cho Nhân dân biên giới như: Chương trình phổ cập giáo dục tiểu học và chống tái mù chữ, xây dựng thôn bản văn hóa, phủ sóng truyền hình, phòng đọc biên giới, chương trình quân dân y kết hợp, câu lạc bộ không sinh con thứ 3 trở lên, dự án ngân hàng bò, ruộng lúa nước, đưa cán bộ biên phòng tăng cường giữ các chức vụ phó bí thư, phó chủ tịch ở 14 xã biên giới, xây dựng đường giao thông, đường tuần tra biên giới, 2 trạm quân dân y; dự án quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội gắn với quốc phòng - an ninh tại cụm dân cư Pêtapoóc (xã Đắc Pring, huyện Nam Giang), các chương trình *“Vì những con tàu xa khơi”*, xây dựng nhà *“Nghĩa tình Trường Sơn”*, *“Mái ấm cho người nghèo nơi biên giới”*... vận động quần chúng Nhân dân tham gia có hiệu quả phong trào tự quản bảo vệ đường biên cột mốc, giữ gìn an ninh trật tự thôn bản, xây dựng các tổ đoàn kết, các đội tàu thuyền xung kích đấu tranh phòng chống tội phạm, đẩy đuổi tàu thuyền nước ngoài xâm phạm chủ quyền vùng biển của Tổ quốc.

Đảng uỷ, Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh luôn quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo các mặt công tác xây dựng Đảng, xây dựng đơn vị vững mạnh cả về chính trị, tư tưởng và tổ chức,

trong đó lấy yếu tố chính trị, tinh thần làm nền tảng. Điểm nổi bật là đã triển khai có hiệu quả Nghị quyết Trung ương 4 (Khóa XI) “*Một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay*” gắn với đẩy mạnh học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh và thực hiện cuộc vận động “*Phát huy truyền thống, giữ vững kỷ cương, sống có tình thương, đề cao trách nhiệm*”, “*10 xây, 10 chống*” về tinh thần trách nhiệm, đạo đức, tác phong của cán bộ, chiến sỹ. Nhờ vậy, đội ngũ cán bộ, đảng viên, quần chúng trong BDBP tỉnh cơ bản có sự chuyển biến tốt về tư tưởng chính trị, đạo đức; tác phong, nề nếp công tác và lễ lối sinh hoạt. Đặc biệt, đã phát huy được tính tiên phong, gương mẫu của đội ngũ cán bộ chủ trì, chủ chốt các cấp; phát huy dân chủ, tăng cường đoàn kết nội bộ, củng cố mối quan hệ đoàn kết máu thịt với nhân dân.

3. Những phần thưởng cao quý và bài học kinh nghiệm từ hoạt động thực tiễn

Quá trình lịch sử gần 55 năm xây dựng, chiến đấu và trưởng thành, lực lượng An ninh vũ trang Quảng Nam luôn sẵn sàng chấp nhận đối đầu với kẻ thù; băng qua mọi hiểm nguy, vào sinh ra tử, tù đầy tra tấn, một lòng trung kiên với Đảng, cách mạng và với Tổ quốc; đã cùng với Nhân dân và các lực lượng vũ trang tỉnh nhà diệt ác phá kìm, tung hoành khắp nơi, làm cho kẻ thù bạt vía kinh hoàng, sẵn sàng hy sinh vì sự nghiệp cách mạng, bảo vệ Tổ quốc, lập nên những chiến công vang dội đã được Đảng, Nhà nước trao

tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang cho 10 tập thể; 11 tập thể được tặng thưởng Huân chương Chiến công giải phóng hạng Nhất, Nhì, Ba; 01 đơn vị được tặng danh hiệu “*Đơn vị quyết tử*”; 10 cá nhân được phong tặng và truy tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang Nhân dân và 44 cá nhân được tặng Huân chương chiến công giải phóng các hạng Nhất, Nhì Ba; 12 đồng chí được tặng danh hiệu “*Dũng sỹ diệt Mỹ*”.

Đối với Bộ đội Biên phòng tỉnh được Đảng, Nhà nước tặng thưởng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang Nhân dân thời kỳ đổi mới cho 01 tập thể; 01 Huân chương Quân công Nhất (2010), 01 Huân chương Bảo vệ Tổ quốc hạng Ba (2008); Huân chương Bảo vệ Tổ quốc hạng Nhì (2015); 05 tập thể được tặng thưởng Huân chương Quân công hạng Nhì, Ba; Ngoài ra còn nhiều phần thưởng khác của Đảng, Nhà nước, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Tư lệnh BDBP, Tỉnh ủy, UBND tỉnh và các bộ, ngành Trung ương, địa phương khen thưởng về thành tích thực hiện nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền Biên giới, đấu tranh phòng chống tội phạm, phòng chống thiên tai, cứu hộ, cứu nạn, tham gia xóa đói giảm nghèo, phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội ở địa bàn biên giới, biển đảo cho hàng trăm tập thể, cá nhân thuộc BDBP tỉnh.

Đặc biệt, được Chủ tịch nước ký Quyết định số: 3329/QĐ-CTN, ngày 16/12/2014 phong tặng danh hiệu Anh hùng LLVTND trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ, cứu nước

cho lực lượng An ninh vũ trang Quảng Nam (*nay Bộ đội Biên phòng Quảng Nam*).

Thực tiễn công tác và xây dựng, BDBP tỉnh rút ra những kinh nghiệm quý báu

Một là, tiếp tục quán triệt sâu sắc đường lối chính trị, an ninh, quân sự, ngoại giao của Đảng, tư tưởng Hồ Chí Minh, vị trí chiến lược biên giới, biển, đảo; hiểu rõ tình hình nhiệm vụ; thường xuyên chăm lo giáo dục nâng cao lòng yêu nước, yêu CNXH, nâng cao ý thức trách nhiệm và nghĩa vụ, xây dựng niềm tin, ý chí quyết chiến quyết thắng cho mỗi cán bộ, chiến sỹ.

Hai là, không ngừng nâng cao trình độ năng lực toàn diện cả chuyên môn, nghiệp vụ, pháp luật, ngoại ngữ; quân sự, an ninh, đối ngoại; rèn luyện ý chí, nêu cao tinh thần cảnh giác, sáng tạo, nhạy bén không bị bất ngờ trong mọi tình huống; phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn dân của các lực lượng trong bảo vệ chủ quyền an ninh biên giới, biển đảo.

Ba là, nâng cao năng lực lãnh đạo toàn diện, sức chiến đấu của Đảng bộ, phát huy tính tiên phong của đội ngũ cán bộ đảng viên, giữ gìn sự đoàn kết thống nhất. Phát huy nguyên tắc tập trung dân chủ, cá nhân phụ trách, góp phần xây dựng Đảng bộ trong sạch vững mạnh, xây dựng đơn vị vững mạnh toàn diện.

Trong thời gian tới, nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền an ninh

biên giới đặt ra hết sức nặng nề, phức tạp. Các thế lực thù địch tiếp tục thực hiện âm mưu diễn biến hòa bình, bạo loạn lật đổ, chống phá Đảng, Nhà nước và Nhân dân ta trên mọi lĩnh vực. Trên biển, chúng ta phải tiếp tục đề cao cảnh giác đối với các hoạt động xâm phạm chủ quyền của tàu thuyền nước ngoài. Trên biên giới đất liền, hoạt động khai thác khoáng sản, buôn bán vận chuyển, tàng trữ ma túy, vật liệu nổ trái phép, buôn bán người, buôn lậu gian lận thương mại..., có chiều hướng gia tăng. Bên cạnh đó tình hình thời tiết diễn biến thất thường; những khó khăn chung của nền kinh tế tiếp tục có ảnh hưởng nhất định tới việc triển khai thực hiện các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội và công tác bảo vệ chủ quyền an ninh biên giới quốc gia. Lực lượng Bộ đội biên phòng tỉnh tiếp tục triển khai các nhiệm vụ trọng tâm sau đây:

1. Tiếp tục nâng cao hiệu quả và thực hiện đồng bộ các biện pháp công tác biên phòng, khả năng sẵn sàng chiến đấu, để bảo vệ vững chắc chủ quyền an ninh biên giới.

Địa bàn biên giới có vị trí chiến lược hết sức quan trọng, nhạy cảm. Các thế lực thù địch, các loại đối tượng thường xuyên thay đổi phương thức, thủ đoạn hoạt động; diễn biến tình huống rất mau lẹ. Do vậy, nhận thức trong cán bộ, Nhân dân về công tác bảo vệ chủ quyền an ninh biên giới, biển đảo phải được coi trọng. Sức mạnh bảo vệ biên giới phải là sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và mọi tầng lớp Nhân dân, trong đó lực lượng Bộ đội biên phòng làm nòng cốt, chuyên trách.

2. Tiếp tục quán triệt sâu sắc quan điểm, chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước về sự nghiệp bảo vệ chủ quyền, an ninh biên giới quốc gia, nhất là Nghị quyết Trung ương 8 (khóa XI) về thực hiện chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới. Tham mưu UBND tỉnh ban hành và triển khai thực hiện đề án về *“Tăng cường nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền an ninh biên giới, biển đảo gắn với xây dựng cơ sở hạ tầng, phát triển kinh tế, xã hội, củng cố quốc phòng, an ninh ở khu vực biên giới, biển đảo”* bằng kế hoạch thực hiện cụ thể, phù hợp nhằm tiếp tục xây dựng thế trận lòng dân, phát huy sức mạnh tổng hợp của nền biên phòng toàn dân, gắn chặt với thế trận quốc phòng toàn dân và an ninh Nhân dân. Nâng cao năng lực lãnh đạo, chỉ đạo, nghiên cứu, dự báo, đánh giá, kết luận chính xác các yếu tố tình hình trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ bảo vệ biên giới của cấp ủy, chỉ huy các đơn vị. Xây dựng quyết tâm, kế hoạch, bổ sung các văn kiện, tổ chức thực tập các phương án tác chiến phòng thủ bảo vệ biên giới, tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ, kịp thời đấu tranh ngăn chặn hoạt động xâm phạm chủ quyền vùng biển của tàu thuyền nước ngoài và chủ động xử lý các tình huống đột xuất, không để bị động bất ngờ, đặc biệt là trên hướng chủ yếu và địa bàn trọng điểm.

3. Tăng cường công tác quản lý nhà nước về quản lý, kiểm soát xuất nhập cảnh đảm bảo chặt chẽ, tuân thủ đúng quy định của pháp luật; tiếp tục thực hiện cải cách thủ tục hành chính, phục vụ đắc lực cho hợp tác quốc tế và phát triển kinh tế của tỉnh. Tham mưu cho UBND tỉnh và các cơ

quan chức năng đề nghị hai nhà nước nâng cấp cửa khẩu chính Nam Giang - Đắc Tà Oọc thành cửa khẩu quốc tế để thuận lợi trong lưu thông biên giới.

4. Đổi mới và nâng cao chất lượng công tác nghiệp vụ cơ bản, đấu tranh phòng, chống tội phạm, góp phần giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh. Hoạt động của các loại tội phạm ở khu vực biên giới ngày càng phức tạp, manh động, nguy hiểm. Do vậy Bộ đội biên phòng tỉnh luôn chú trọng phát huy thế trận lòng dân và các biện pháp nghiệp vụ; tổ chức đồng bộ, chặt chẽ giữa phòng ngừa xã hội và phòng ngừa nghiệp vụ; có đối sách, phương án đấu tranh với các hoạt động tôn giáo trái pháp luật, âm mưu thủ đoạn của các phần tử quá khích, cơ hội, phản động. Từng bước loại trừ các điều kiện nảy sinh tội phạm trên địa bàn biên giới, không để xảy ra điểm nóng gây mất ổn định an ninh chính trị, an ninh nông thôn. Tiếp tục triển khai thực hiện các kế hoạch phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội, nhất là tội phạm xuyên quốc gia. Xử lý các vụ việc, vụ án đảm bảo tốt các yêu cầu về chính trị, nghiệp vụ và pháp luật.

5. Đẩy mạnh xây dựng, củng cố nền biên phòng toàn dân vững mạnh. Đây vừa là mục tiêu, nhiệm vụ, vừa là giải pháp trọng tâm để tập hợp, tổ chức, phát huy tính tích cực, tự giác của mọi tầng lớp Nhân dân, tạo thế và lực xây dựng thế trận lòng dân bảo vệ biên giới. Do vậy Bộ đội biên phòng Quảng Nam một mặt sẽ tiếp tục duy trì và thực hiện có hiệu quả các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội đã

thực hiện. Mặt khác, phải tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền vận động Nhân dân nâng cao nhận thức, trách nhiệm về chủ quyền biên giới, biển đảo, về tinh thần cảnh giác cách mạng. Xây dựng các đồn biên phòng là điểm sáng văn hóa trên địa bàn biên giới. Trước mắt là tập trung củng cố, nâng cao hiệu quả hoạt động của các tổ đoàn kết trên biển, các tổ tự quản, tổ tàu thuyền xung kích sẵn sàng đấu tranh bảo vệ chủ quyền vùng biển, phong trào quần chúng bảo vệ đường biên cột mốc. Phối hợp với các địa phương xây dựng nông thôn mới. Triển khai thực hiện dự án xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu tại cụm dân cư Pêtapoóc (xã Đắc Pring - Nam Giang). Xây dựng thêm một số trạm quân dân y kết hợp và chương trình xóa nhà tạm. Chủ động trong công tác cứu nạn cứu hộ và hướng dẫn Nhân dân thực hiện các biện pháp phòng tránh, giảm nhẹ thiên tai, tai nạn. Tham mưu cho các cấp, các ngành thực hiện các dự án phát triển kinh tế - xã hội gắn với củng cố, xây dựng thể trận quốc phòng - an ninh. Tham mưu xây dựng đội ngũ cán bộ và xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở vững mạnh.

6. Thực hiện tốt công tác đối ngoại biên phòng và tham mưu chính quyền các cấp tăng cường công tác đối ngoại nhà nước, đối ngoại Nhân dân. Duy trì có hiệu quả các hoạt động trao đổi thông tin, tuần tra song phương, đoàn kết, hợp tác, hỗ trợ trong công tác bảo vệ đường biên giới chung cũng như tạo điều kiện thuận lợi để phát triển toàn diện kinh tế - xã hội, xây dựng mối quan hệ mẫu mực giữa hai tỉnh Quảng Nam - Sê Koong.

7. Tập trung xây dựng Bộ đội biên phòng tỉnh vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức, lấy xây dựng vững mạnh về chính trị làm nền tảng. Tổ chức quán triệt học tập nghiêm túc Nghị quyết Đại hội Đảng các cấp, nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XII; đẩy mạnh thực hiện việc “*Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh và lời dạy của Bác Hồ đối với Bộ đội Biên phòng*” đi vào chiều sâu, trọng tâm là việc làm theo nhằm tạo chuyển biến toàn diện, mạnh mẽ về nhận thức và hành động trong rèn luyện phẩm chất đạo đức, lối sống, phong cách quần chúng, dân chủ, nêu gương của mọi quân nhân. Tổ chức thực hiện tốt phong trào thi đua quyết thắng với những mô hình, phần việc mang tính đột phá, thiết thực. Xây dựng đội ngũ cán bộ, chiến sỹ có bản lĩnh kiên định vững vàng, trách nhiệm chính trị cao, phẩm chất đạo đức, lối sống trong sáng, lành mạnh, có tình cảm đồng chí đồng đội, tình cảm quân - dân đoàn kết gắn bó, chân thành, xứng đáng với bản chất truyền thống “*Bộ đội Cụ Hồ*”.

Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo nâng cao chất lượng huấn luyện quân sự, nghiệp vụ, pháp luật, học ngoại ngữ, tiếng đồng bào các dân tộc thiểu số ở địa bàn biên giới. Tổ chức tập huấn, hội thao, hội thi, kiểm tra, đánh giá đúng thực chất để khắc phục khâu yếu, mặt yếu. Tập trung xây dựng nề nếp chính quy; tăng cường kiểm tra, quản lý việc chấp hành pháp luật, chế độ điều lệnh, rèn luyện kỷ luật, lễ tiết tác phong quân nhân. Xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, nếp sống văn minh trong các cơ quan, đơn vị.

So với bề dày thành tích và chiều dài lịch sử của Bộ đội Biên phòng Việt Nam anh hùng; thành tích, chiến công của Bộ đội biên phòng tỉnh Quảng Nam còn khiêm tốn, song được Đảng bộ và Nhân dân địa phương ghi nhận là những người con trung hiếu, quên mình vì sự nghiệp bảo vệ chủ quyền an ninh và toàn vẹn lãnh thổ biên giới Tổ quốc. Bên cạnh sự hy sinh cao cả của các Anh hùng, liệt sỹ Bộ đội biên phòng trong kháng chiến; từ sau 1975 đến nay Bộ đội biên phòng tỉnh Quảng Nam cũng đã có hàng chục đồng chí hy sinh vì sự nghiệp bảo vệ chủ quyền an ninh biên giới, lớp lớp cán bộ, chiến sỹ Biên phòng đã hy sinh thầm lặng, xa người thân, gia đình, chịu đựng khó khăn gian khổ, dũng cảm mưu trí trong chiến đấu, bền bỉ, sắc bén trong đấu tranh, tận tụy, sáng tạo trong công tác, luôn luôn khắc phục mọi khó khăn trước mắt, nỗ lực vươn lên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trong mọi hoàn cảnh, đã khắc họa, tô đậm thêm trang sử vẻ vang trên quê hương đất Quảng và lực lượng BDBP anh hùng.

Phát huy truyền thống vẻ vang của 55 năm chiến đấu, xây dựng và trưởng thành của lực lượng Bộ đội biên phòng tỉnh. Cán bộ, chiến sỹ vượt qua muôn vàn khó khăn, thử thách, gắn bó với Nhân dân, luôn bám trụ vững chắc trên tuyến đầu Tổ quốc, xứng đáng là lực lượng chính trị, lực lượng chiến đấu trung thành, tin cậy của Đảng, Nhà nước và Nhân dân, bảo vệ vững chắc chủ quyền an ninh biên giới, chủ quyền vùng biển của Tổ quốc.

MẶT TRẬN VIỆT MINH - ĐỈNH CAO CỦA SỨC MẠNH ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN TỘC

Đại đoàn kết là truyền thống cực kỳ quý báu và là nguồn sức mạnh to lớn làm nên những thắng lợi vĩ đại trong lịch sử hàng ngàn năm dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt Nam. Đại đoàn kết toàn dân tộc là đường lối chiến lược của cách mạng Việt Nam, là nhân tố có ý nghĩa quyết định bảo đảm thắng lợi của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Lịch sử vẻ vang 85 năm qua của cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh gắn liền với lịch sử 85 năm ra đời và phát triển của Mặt trận Dân tộc thống nhất Việt Nam. Trong tiến trình lịch sử đó, Mặt trận Dân tộc thống nhất đóng vai trò hết sức quan trọng góp phần to lớn vào những thắng lợi vĩ đại của dân tộc. Sau khi ra đời (18/11/1930), để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ cách mạng trong từng giai đoạn lịch sử, Mặt trận Dân tộc thống nhất Việt Nam có nhiều tên gọi khác nhau cùng với những sứ mệnh lịch sử cụ thể. Trong đó, giai đoạn cách mạng 1939-1945 gắn liền với sự ra đời và phát triển của Mặt trận Việt Minh - một trong những mốc son lịch sử, là đỉnh cao của sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc.

Chính tư tưởng đại đoàn kết dân tộc của Đảng đã góp

phần quan trọng vào việc tổ chức tập hợp lực lượng đấu tranh theo đường lối của giai cấp công nhân cách mạng và để lại cho Đảng và Mặt trận thống nhất những kinh nghiệm quý báu: *“việc gì đúng với nguyện vọng Nhân dân thì được quần chúng Nhân dân ủng hộ và hăng hái đấu tranh và như vậy mới là một phong trào quần chúng”*.

Khi chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ (9/1939), tình hình quốc tế và trong nước có những chuyển biến hết sức mau lẹ và sâu sắc. Nhận định đúng xu thế của thời cuộc, Đảng ta đã kịp thời chuyển hướng chỉ đạo chiến lược và sách lược phù hợp với tình hình và yêu cầu cách mạng trong từng giai đoạn. Tại Hội nghị Trung ương lần thứ VIII năm 1941, Đảng ta khẳng định: *“Trong lúc này, quyền lợi của bộ phận, của giai cấp phải đặt dưới sự sinh tử, tồn vong của quốc gia, của dân tộc. Trong lúc này, nếu không giải quyết được vấn đề giải phóng dân tộc, không thực hiện được độc lập, tự do cho toàn thể dân tộc thì chẳng những toàn thể quốc gia dân tộc còn chịu mãi kiếp ngựa trâu, mà quyền lợi của bộ phận, của giai cấp đến vạn năm cũng không đòi lại được”*. Để thực hiện và hoàn thành nhiệm vụ trên, đòi hỏi Đảng ta phải tập hợp, đoàn kết được mọi lực lượng trong xã hội, không phân biệt tôn giáo, đảng phái, dân tộc... vào Mặt trận Dân tộc thống nhất.

Ngày 19/5/1941, dưới sự triệu tập và chủ trì của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Hội nghị Trung ương lần thứ VIII của Đảng (tổ chức ở Khuổi Nậm, Pác Pó, Cao Bằng) quyết định

chuyển hướng chỉ đạo chiến lược của Đảng - khẳng định giải phóng dân tộc là nhiệm vụ hàng đầu của cách mạng Việt Nam. Theo đó, Hội nghị đã quyết định thành lập Việt Nam độc lập đồng minh (gọi tắt là Mặt trận Việt Minh) nhằm tập hợp và đoàn kết rộng rãi các giai cấp, các tầng lớp, các đảng phái, các dân tộc, tôn giáo, các giới... tham gia Mặt trận.

Tôn chỉ, mục đích của Mặt trận Việt Minh nêu rõ *“Liên hiệp hết thảy tất cả các tầng lớp Nhân dân, các đảng phái cách mạng, các đoàn thể dân chúng yêu nước, đang cùng nhau đánh đuổi Nhật - Pháp, làm cho Việt Nam hoàn toàn độc lập, dựng lên một nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa”*. Điều lệ Việt Minh quy định: *“Việt Minh kết nạp từng đoàn thể, không cứ đảng phái, đoàn thể nào của người Việt Nam hay của các dân tộc thiểu số sống trong nước Việt Nam, không phân biệt giai cấp, tôn giáo và xu hướng chính trị, hể thừa nhận mục đích, tôn chỉ và chương trình của Việt Minh và được Tổng bộ Việt Minh thông qua, thời được gia nhập Việt Minh”*.

Với Cương lĩnh chính trị đúng đắn, chỉ sau thời gian ngắn, từ những tổ chức thí điểm đầu tiên ở Hà Quảng (Cao Bằng), Mặt trận Việt Minh đã phát triển nhanh chóng, từ miền núi đến miền xuôi, từ nông thôn đến thành thị, thu hút đông đảo các giai tầng xã hội tham gia. Tinh thần dân tộc được khơi dậy mạnh mẽ trong các tầng lớp thanh niên, học sinh, trí thức và tư sản dân tộc yêu nước, đưa phong trào đấu tranh cách mạng chống Nhật-Pháp phát triển sôi nổi và rộng khắp trong cả nước.

Đại hội quốc dân do Tổng bộ Việt Minh triệu tập ở Tân Trào (từ 17-18/8/1945) đã nhiệt liệt tán thành chủ trương tổng khởi nghĩa do Trung ương Đảng kiến nghị thông qua lệnh khởi nghĩa và 10 chính sách lớn của Việt Minh, quyết định Quốc kỳ, Quốc ca. Đại hội cử ra ủy ban dân tộc giải phóng Việt Nam (sau này thành Chính phủ lâm thời của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa do lãnh tụ Hồ Chí Minh làm Chủ tịch). Cuộc cách mạng Tháng Tám đã diễn ra sôi nổi, quyết liệt và nhanh chóng giành được thắng lợi.

Qua thực tiễn phong trào cách mạng cho thấy sức mạnh của lòng yêu nước, khát khao độc lập, tự do, tinh thần đại đoàn kết “*muôn người như một*” được phát huy mạnh mẽ. Không chỉ có sĩ, nông, công, thương, binh mà cả vua quan triều Nguyễn cũng hướng theo cách mạng...; không phân biệt sang hèn, giàu nghèo, dân tộc, tôn giáo, ý thức hệ, chính kiến..., toàn dân tộc Việt Nam đã kết thành một khối thống nhất làm nên cuộc cách mạng Tháng Tám năm 1945 vĩ đại, khai sinh nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa - Nhà nước dân chủ Nhân dân đầu tiên ở Đông Nam Á.

Thắng lợi và ý nghĩa lịch sử của cuộc Cách mạng Tháng Tám năm 1945 là một sự kiện diệu kỳ trong lịch sử đấu tranh dựng nước và giữ nước vĩ đại của dân tộc ta gắn liền với sự ra đời và phát triển của Mặt trận Việt Minh. Việt Minh trở thành biểu tượng sáng ngời của sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, của tư tưởng Hồ Chí Minh về Mặt trận Dân

tộc thống nhất, là bài học quý báu được Đảng ta tiếp tục vận dụng một cách linh hoạt, hiệu quả trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược giành độc lập, tự do, thống nhất Tổ quốc.

Đánh giá về vai trò to lớn của Mặt trận Việt Minh, Tuyên ngôn của Đại hội toàn quốc thống nhất Việt Minh - Liên Việt (tháng 3/1951) nêu rõ: *“Việt Minh có công lớn trong việc xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân chống quân cướp nước. Công đức ấy tất cả mọi người Việt Nam phải ghi nhớ. Lịch sử Việt Minh 10 năm đấu tranh cho độc lập, tự do của dân tộc cũng là những trang sử vẻ vang vào bậc nhất của dân tộc Việt Nam ta”*.

Mặt trận Việt Minh là sản phẩm của sự đúc kết, kế thừa mô hình các tổ chức Mặt trận Dân tộc thống nhất trước đó song có sự phát triển về chất trong việc vận dụng chiến lược và sách lược liên minh nhằm tập hợp tối đa các lực lượng. Sức hấp dẫn kỳ lạ của Việt Minh chính là ở chỗ đáp ứng được nguyện vọng và lợi ích chính đáng của các tầng lớp Nhân dân, làm cho mọi người Việt Nam ai cũng thấy rõ vị trí, quyền lợi, trách nhiệm của mình trong tổ chức. Vì vậy, Nhân dân tin tưởng, làm theo và sẵn sàng hy sinh, bảo vệ Việt Minh.

Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011) xác định: *“Không ngừng củng cố, tăng cường đoàn kết: đoàn kết toàn Đảng, đoàn kết toàn dân, đoàn kết dân tộc, đoàn kết quốc*

tế. Đó là truyền thống quý báu và là nguồn sức mạnh to lớn của cách mạng nước ta. Chủ tịch Hồ Chí Minh tổng kết: Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết – Thành công, thành công, đại thành công”. “Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn kết nhân dân có vai trò rất quan trọng trong sự nghiệp đại đoàn kết toàn dân tộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”.

Kế thừa và phát huy truyền thống lịch sử 85 năm của Mặt trận Dân tộc thống nhất Việt Nam nói chung và 75 năm ngày thành lập Mặt trận Việt Minh nói riêng, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam ngày nay là tổ chức liên minh chính trị, liên hiệp tự nguyện của tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội và các cá nhân tiêu biểu trong các giai cấp, tầng lớp xã hội, các dân tộc, tôn giáo và người Việt Nam định cư ở nước ngoài. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là một bộ phận của hệ thống chính trị, là cơ sở chính trị của chính quyền nhân dân, đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của Nhân dân, chăm lo lợi ích của các đoàn viên, hội viên; tập hợp và phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc; thực hiện dân chủ và xây dựng xã hội lành mạnh; tham gia xây dựng Đảng, Nhà nước; giáo dục lý tưởng và đạo đức cách mạng, quyền và nghĩa vụ công dân, tăng cường mối liên hệ giữa Nhân dân với Đảng, Nhà nước tiếp tục tham gia và đóng góp rất lớn vào sự nghiệp đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc./.

KỶ NIỆM 105 NĂM NGÀY BÁC HỒ RA ĐI TÌM ĐƯỜNG CỨU NƯỚC (5/6/1911 – 5/6/2016)

Vào những năm cuối thế kỷ XIX và đầu thế kỷ XX, sau khi các phong trào yêu nước Cần Vương, Đông Du và Duy Tân bị thất bại, lịch sử Việt Nam bắt đầu chuyển hướng. Tiêu biểu nhất cho sự chuyển hướng này là sự kiện người thanh niên Nguyễn Tất Thành - con của một nhà nho giàu lòng yêu nước thương dân sâu sắc (cụ phó bảng Nguyễn Sinh Sắc), chứng kiến cảnh Nhân dân ta sống trong cảnh nô lệ bần cùng, Người đã vượt qua những hạn chế của những người yêu nước đương thời và quyết chí ra đi tìm một con đường mới để cứu dân, cứu nước. Bước ngoặt lịch sử trên đã xảy ra từ bến cảng Nhà Rồng vào ngày 5/6/1911.

I. Sơ lược về thân thế và sự nghiệp của Chủ tịch Hồ Chí Minh

Chủ tịch Hồ Chí Minh (tên khai sinh là Nguyễn Sinh Cung, tên đi học là Nguyễn Tất Thành) sinh ngày 19/5/1890 trong một gia đình nhà nho thanh bạch, yêu nước tại làng Hoàng Trù quê mẹ (cụ bà Hoàng Thị Loan), quê cha (cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc) là làng Kim Liên (làng Sen); hai làng trên đều thuộc xã Chung Cự, tổng Lâm Thịnh, nay là xã Kim Liên, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An. Người lớn lên

trong sự thương yêu, dạy dỗ của cha mẹ, ông bà và sớm ảnh hưởng tinh thần yêu nước, thương nòi của những bậc tiền bối; chứng kiến cảnh nước mất, nhà tan, dân tình nô lệ, khổ sở, làm than dưới ách đô hộ của thực dân, phong kiến tàn bạo và những thất bại của các phong trào yêu nước, người thanh niên Nguyễn Tất Thành quyết chí ra đi tìm đường cứu nước, cứu dân.

II. Tìm đường cứu nước

Với hành trang ban đầu là lòng yêu nước nồng nàn, thương dân sâu sắc, khát vọng độc lập, tự do, sau một thời gian dừng chân dạy học ở Trường Dục Thanh, thị xã Phan Thiết, đầu năm 1911, Nguyễn Tất Thành vào Sài Gòn để tìm cách sang Pháp và các nước phương Tây với ý thức rõ rệt: *"Tôi muốn đi ra nước ngoài xem nước Pháp và các nước khác. Sau khi xem xét họ làm như thế nào, tôi sẽ trở về giúp đồng bào tôi"*.

Ngày 02/6/1911, Nguyễn Tất Thành đến xin làm việc trên một con tàu buôn vừa chở hàng vừa chở khách của Pháp mang tên Amiral Latouche Tréville. Ngày 03/6/1911, Người nhận thẻ nhân viên của tàu với tên mới là Văn Ba. Ngày 04/6/1911, Người rời căn nhà trọ (số 5 đường Châu Văn Liêm ngày nay) xuống tàu nhận chân phụ bếp. Ngày 05/6/1911, tàu nhỏ neo rời cảng Nhà Rồng trực chỉ nước Pháp mang theo người thanh niên yêu nước 21 tuổi Nguyễn Tất Thành, mở đầu cho cuộc hành trình khắp thế giới để

tìm hiểu cuộc sống của các dân tộc, nghiên cứu, tìm tòi con đường giải phóng cho dân tộc mình.

Ngày 05/6/1911 với sự kiện Bác Hồ ra đi tìm đường cứu nước trở thành một thời điểm quan trọng trong lịch sử cận đại Việt Nam.

Trải qua nhiều năm bôn ba qua các lục địa, hoạt động và trải nghiệm, Người đã vượt qua nhiều thử thách, tích lũy một vốn tri thức sâu rộng nhiều mặt về cuộc đấu tranh của các dân tộc bị nô dịch và của giai cấp công nhân thế giới. Người hòa mình với những công nhân và những người dân thuộc địa, vừa lao động để sống, vừa học tập, nghiên cứu các học thuyết cách mạng và tham gia các hoạt động đấu tranh cách mạng. Người thành lập Hội những người Việt Nam yêu nước để tập hợp Việt kiều ở Pháp. Người tích cực hoạt động trong phong trào công nhân Pháp, trở thành một chiến sĩ cách mạng nhiệt tình, đảng viên Đảng Xã hội Pháp năm 1919.

Ngày 18/6/1919, với tên gọi Nguyễn Ái Quốc, Người thay mặt Hội những người An Nam yêu nước tại Pháp gửi đến Hội nghị Véc-xây (Pháp) *"Bản yêu sách của nhân dân An Nam"*, đòi Chính phủ các nước dự Hội nghị phải thừa nhận các quyền tự do, dân chủ và quyền bình đẳng của nhân dân An Nam. Tháng 7/1920, Người đọc *"Sơ thảo lần thứ nhất luận cương về vấn đề dân tộc và thuộc địa"* của Lênin, đây là sự kiện quan trọng làm biến đổi nhận thức, lựa chọn

để khẳng định con đường cứu nước của Nguyễn Ái Quốc - Người nói: *"Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc, không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản"*.

Tháng 12/1920, tại Đại hội lần thứ 18 của Đảng Xã hội Pháp, Người bỏ phiếu tán thành gia nhập Quốc tế Cộng sản (Quốc tế III) và tham gia thành lập Đảng Cộng sản Pháp, sự kiện đó đánh dấu bước ngoặt trong đời hoạt động cách mạng của Người - từ chủ nghĩa yêu nước đến chủ nghĩa cộng sản.

Sau gần 10 năm Bác Hồ ra đi tìm đường cứu nước, Bác đi đến nhiều châu lục, tiến hành khảo sát chủ nghĩa thực dân, đế quốc ở các nước tư bản chủ yếu và nhiều nước thuộc địa của chúng, Nguyễn Ái Quốc đã sớm nhận thức được xu hướng phát triển của thời đại. Từ một người yêu nước nồng nhiệt, Người đã bắt gặp chủ nghĩa Mác - Lênin như một tất yếu lịch sử, trở thành người cộng sản và được chủ nghĩa Mác - Lênin soi sáng, Nguyễn Ái Quốc *"vụt lớn lên, ngang tầm sứ mệnh của con người làm ra lịch sử"*.

III. Truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin, tiến tới thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam

Năm 1921, tại Paris, đồng chí Nguyễn Ái Quốc tham gia sáng lập Hội Liên hiệp các dân tộc thuộc địa và năm 1922 ra tờ báo Người cùng khổ nhằm kết hợp cuộc đấu tranh của nhân dân Việt Nam với phong trào công nhân quốc tế và phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới, tập hợp những lực lượng chống đế quốc trong các thuộc địa của thực dân

Pháp. Cũng năm 1922, Người tham gia Ban Nghiên cứu thuộc địa của Đảng Cộng sản Pháp.

Tháng 6/1923, Người từ Pháp đi Liên Xô, nước xã hội chủ nghĩa đầu tiên trên thế giới, tiếp tục nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lênin và tham gia công tác của Quốc tế Cộng sản. Cùng năm đó, đồng chí Nguyễn Ái Quốc tham dự Đại hội Nông dân Quốc tế tại Mátxcova và được bầu làm Ủy viên Đoàn Chủ tịch Ban Chấp hành Quốc tế Nông dân. Năm 1924, Người tham dự Đại hội lần thứ V Quốc tế Cộng sản và đã phát biểu nhấn mạnh mối quan hệ giữa cách mạng vô sản ở các nước đế quốc với cách mạng giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa. Người được cử làm Ủy viên Thường trực Bộ Phương Đông, trực tiếp phụ trách Cục Phương Nam của Quốc tế Cộng sản.

Giữa những năm 20 của thế kỷ XX, Người quyết định tìm đường trở về Tổ quốc để phát động và tổ chức phong trào cách mạng của Nhân dân, trước hết là chuẩn bị về mọi mặt để thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.

Ngày 11/11/1924, Người đến Quảng Châu (Trung Quốc) tham gia hướng dẫn và xây dựng phong trào cách mạng vô sản ở các nước Đông Nam Châu Á. Đầu năm 1925, Người tham gia thành lập Hội Liên hiệp các dân tộc bị áp bức Á Đông, xuất bản 2 cuốn sách nổi tiếng: Bản án chế độ thực dân Pháp (1925) và Đường cách mệnh (1927). Tháng 6/1925, đồng chí Nguyễn Ái Quốc tổ chức ra Hội Việt Nam

Cách mạng Thanh niên ở Quảng Châu (trước đó gọi là Việt Nam Thanh niên Cách mạng Đồng chí Hội) là một tổ chức của những người thanh niên yêu nước có xu hướng xã hội chủ nghĩa, có tổ chức Cộng sản đoàn làm nòng cốt; ra báo Thanh niên; mở các lớp đào tạo cán bộ cộng sản để lãnh đạo Hội và truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin vào Việt Nam.

Năm 1929, những tổ chức cộng sản đầu tiên ra đời ở Việt Nam. Ngày 3/2/1930 được sự ủy nhiệm của Quốc tế Cộng sản, Người triệu tập Hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản tại Cửu Long (Hương Cảng) để thống nhất thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam. Người trực tiếp soạn thảo các văn kiện Chánh cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt, Điều lệ vắn tắt, Chương trình tóm tắt, trở thành Cương lĩnh đầu tiên của Đảng, là mẫu mực của sự vận dụng sáng tạo lý luận Mác - Lênin vào điều kiện cụ thể của nước ta.

Từ 1930 đến 1940, trong những điều kiện vô cùng khó khăn gian khổ, Người ở nước ngoài tham gia công tác của Quốc tế Cộng sản, đồng thời theo dõi, chỉ đạo sát phong trào cách mạng trong nước.

IV. Lãnh đạo cách mạng Việt Nam, khai sinh nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa

Ngày 8/2/1941, Người về nước triệu tập Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương Đảng, xác định đường lối đấu tranh giải phóng dân tộc trong giai đoạn mới, thành lập Mặt trận Việt Nam độc lập đồng minh (gọi tắt là Việt Minh),

gấp rút tổ chức lực lượng vũ trang giải phóng, xây dựng căn cứ địa, lãnh đạo Nhân dân khởi nghĩa từng phần và chuẩn bị tổng khởi nghĩa giành chính quyền trong cả nước.

Tháng 8/1942, trên đường đi công tác ở Trung Quốc, đồng chí Nguyễn Ái Quốc - lúc này lấy tên là Hồ Chí Minh, bị chính quyền Tưởng Giới Thạch bắt giam. Trong hơn một năm (từ tháng 8/1942 đến 9/1943), Người đã phải sống dưới chế độ khắc nghiệt qua 30 nhà tù ở tỉnh Quảng Tây; trong thời gian bị giam giữ, Người đã một lần nữa nêu cao tấm gương sáng ngời về chủ nghĩa anh hùng cách mạng, về ý chí chiến đấu bất khuất, tinh thần lạc quan cách mạng, thể hiện rõ qua tập thơ Nhật ký trong tù.

Tháng 9/1943, vừa ra khỏi nhà tù Liễu Châu, Hồ Chí Minh đã bắt liên lạc ngay với Hội Giải phóng Việt Nam. Dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Người, những cán bộ của Đảng và Việt Minh đã biết sử dụng Mặt trận liên minh Trung - Việt làm hình thức hoạt động hợp pháp cho Việt Minh ở nước ngoài, đến tháng 7/1944, Người về nước.

Ngày 22/12/1944, Người chỉ thị thành lập Đội Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân, tiền thân của Quân đội Nhân dân Việt Nam ngày nay và xây dựng căn cứ địa cách mạng.

Tháng 8/1945, trong không khí sục sôi của cao trào cách mạng vào thời kỳ tiền khởi nghĩa, Người cùng Trung ương triệu tập Đại hội Quốc dân ở Tân Trào. Đại hội đã nhất trí cử Người làm Chủ tịch Chính phủ lâm thời của nước Việt

Nam Dân chủ cộng hòa. Người đã phát lệnh tổng khởi nghĩa giành chính quyền trong cả nước. Ngày 19/8/1945, Cách mạng Tháng Tám thành công.

Ngày 2/9/1945, Người đọc bản Tuyên ngôn độc lập trước đồng bào cả nước và toàn thế giới, tuyên bố thành lập nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa, nhà nước công nông đầu tiên ở Đông Nam Châu Á. Trong những ngày đầu của cuộc cách mạng, nước ta có nhiều khó khăn chồng chất và bị bao vây từ nhiều phía. Nạn đói do phát xít Nhật - Pháp gây ra đã giết hại hơn hai triệu người Việt Nam. Tháng 9/1945, câu kết với các đế quốc Mỹ, Anh và bọn phản động Quốc dân Đảng, thực dân Pháp trở lại xâm lược nước ta một lần nữa, âm mưu của chúng nhằm xóa bỏ mọi thành quả của cách mạng Tháng Tám.

Trước tình hình ấy, cùng với Trung ương Đảng, Chủ tịch Hồ Chí Minh lãnh đạo toàn Đảng, toàn quân, toàn dân Việt Nam phá tan âm mưu của đế quốc, giữ vững và củng cố chính quyền cách mạng. Ngày 19/12/1946, Người kêu gọi cả nước đứng lên kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, và đã giành được thắng lợi to lớn, kết thúc bằng chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ (1954).

Tháng 7/1954, Hiệp định Giơnevơ được ký kết. Miền Bắc Việt Nam được giải phóng, nhưng một nửa miền Nam bị đế quốc Mỹ biến thành thuộc địa kiểu mới của chúng. Nhân dân cả nước bước vào giai đoạn mới - đồng thời thực hiện

hai nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam là tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng Chủ nghĩa xã hội ở Miền Bắc và cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở Miền Nam.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã cùng với Trung ương Đảng lãnh đạo sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Miền Bắc và tiến hành cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước vĩ đại, tiến tới giải phóng hoàn toàn Miền Nam, thống nhất Tổ quốc, đưa cả nước tiến lên chủ nghĩa xã hội. Ngày 2/9/1969, Chủ tịch Hồ Chí Minh từ trần, hưởng thọ 79 tuổi.

Chủ tịch Hồ Chí Minh - người anh hùng giải phóng dân tộc, nhà văn hóa kiệt xuất của Việt Nam. Cuộc đời của Chủ tịch Hồ Chí Minh là một cuộc đời trong sáng, cao đẹp của một người cộng sản vĩ đại, một anh hùng giải phóng dân tộc, một chiến sĩ lỗi lạc của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, đã đấu tranh không mệt mỏi và hiến dâng cả đời mình vì Tổ quốc, vì Nhân dân, vì lý tưởng cộng sản chủ nghĩa, vì độc lập, tự do của các dân tộc, vì hòa bình và công lý trên thế giới.

Sự nghiệp cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh vô cùng vĩ đại và cao cả. Người là nhà tư tưởng vĩ đại, nhà lý luận thiên tài của cách mạng Việt Nam, Người là một tấm gương sáng trong việc tiếp thu và vận dụng chủ nghĩa Mác - Lênin trên tinh thần độc lập, tự chủ và sáng tạo. Người đã nắm bắt sâu bản chất cách mạng và khoa học, tinh thần biện

chúng và nhân đạo của học thuyết Mác - Lênin, vận dụng một cách sáng tạo học thuyết ấy phù hợp với hoàn cảnh thực tế nước ta; đồng thời Người đã kế thừa, phát huy chủ nghĩa yêu nước, truyền thống tốt đẹp của dân tộc và tinh hoa văn hóa của nhân loại. Trong khi giải quyết những vấn đề của cách mạng Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã góp phần phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin trên nhiều vấn đề quan trọng, đặc biệt là lý luận cách mạng giải phóng dân tộc và tiến lên chủ nghĩa xã hội ở các nước thuộc địa và phụ thuộc.

Sự nghiệp của Chủ tịch Hồ Chí Minh thể hiện ở công lao sáng lập Đảng Mácxít - Lêninnít ở Việt Nam, sáng lập Mặt trận dân tộc thống nhất Việt Nam, sáng lập ra các lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam, sáng lập ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, góp phần tăng cường tình đoàn kết quốc tế.

Chủ tịch Hồ Chí Minh kế thừa truyền thống văn hóa cổ, kim, đông, tây; đặc biệt là tiếp thu chủ nghĩa Mác - Lênin, đỉnh cao tư tưởng nhân văn của nhân loại, nhờ đó đã kết tinh ở Người những giá trị văn hóa dân tộc, hiện đại, nhân văn; là chiến sĩ tiên phong của nền văn học - nghệ thuật, báo chí cách mạng, đấu tranh cho độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, cho công bằng, tình thương và lẽ phải. Sự đóng góp của Người về văn hóa rất phong phú và đa dạng, thấm đượm trong toàn bộ cuộc đời và sự nghiệp của Người, được tỏa sáng trong từng việc làm, từng cử chỉ, từng mối quan hệ với đồng chí, đồng bào và bạn bè quốc tế. Cái cốt lõi trong tư

tưởng văn hóa Hồ Chí Minh là lòng yêu nước, thương dân, thương yêu con người và niềm tin đối với con người hết sức bao la, sâu sắc, tất cả vì con người, tất cả do con người.

Hồ Chủ tịch là người đã mở ra một thời đại mới trong lịch sử dân tộc Việt Nam, thời đại Nhân dân Việt Nam đánh thắng các thế lực đế quốc xâm lược, giải phóng dân tộc, thực hiện dân chủ Nhân dân, xây dựng chủ nghĩa xã hội - thời đại Hồ Chí Minh. *"Dân tộc ta, Nhân dân ta, non sông đất nước ta đã sinh ra Hồ Chủ tịch, người anh hùng dân tộc vĩ đại, và chính Người đã làm rạng rỡ dân tộc ta, Nhân dân ta và non sông đất nước ta"*. Với những cống hiến xuất sắc cho dân tộc và nhân loại, năm 1990, thế giới kỷ niệm 100 năm Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh. Khóa họp lần thứ 24, năm 1987 của Tổ chức Giáo dục - Khoa học và Văn hóa của Liên hợp quốc (UNESCO) đã ra Nghị quyết công nhận Chủ tịch Hồ Chí Minh là Anh hùng giải phóng dân tộc, nhà văn hóa kiệt xuất của Việt Nam. Chủ tịch Hồ Chí Minh cống hiến một tài sản tinh thần to lớn - đó là tư tưởng Hồ Chí Minh và tấm gương sáng ngời về đạo đức cách mạng.

Tên tuổi của Chủ tịch Hồ Chí Minh sống mãi trong lòng mỗi người Việt Nam yêu nước và Nhân dân yêu chuộng hòa bình, tự do và công lý trên toàn thế giới. Đảng ta luôn khẳng định vai trò, ý nghĩa to lớn của đường lối chính trị, tư tưởng, đạo đức, phương pháp, phong cách Hồ Chí Minh đối với cách mạng Việt Nam: *"Đảng lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam*

cho hành động"; Đại hội IX của Đảng đã xác định: Tư tưởng Hồ Chí Minh là một hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam, là kết quả của sự vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện cụ thể của nước ta, kế thừa và phát triển các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại. Đó là tư tưởng về giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng con người; về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại; về sức mạnh của Nhân dân, của khối đại đoàn kết dân tộc; về quyền làm chủ của Nhân dân, xây dựng Nhà nước thật sự của dân, do dân, vì dân; về quốc phòng toàn dân, xây dựng lực lượng vũ trang Nhân dân; về phát triển kinh tế và văn hóa, không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân; về đạo đức cách mạng, cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư; về chăm lo bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau; về xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, cán bộ, đảng viên vừa là người lãnh đạo, vừa là người đầy tớ thật trung thành của Nhân dân. Tư tưởng Hồ Chí Minh soi đường cho cuộc đấu tranh của Nhân dân ta giành thắng lợi, là tài sản tinh thần to lớn của Đảng và dân tộc ta.

Tư tưởng Hồ Chí Minh chứa đựng những chân lý bền vững, đã được thực tiễn cách mạng Việt Nam, trước kia cũng như hiện nay kiểm nghiệm và xác nhận: Vấn đề nổi bật xuyên suốt là chủ nghĩa yêu nước Việt Nam gắn liền với chủ nghĩa xã hội; ý chí *"Không có gì quý hơn độc lập tự do"*; tinh

thần độc lập, tự chủ, tự lực tự cường và sáng tạo. Nội dung cơ bản là *"lấy dân làm gốc"*, xác định *"mọi quyền hành, lực lượng đều ở nơi dân"*; đại đoàn kết toàn dân tộc là chiến lược cơ bản, lâu dài, nguồn sức mạnh vô tận của cách mạng Việt Nam. Xây dựng Đảng và đội ngũ cán bộ của Đảng thực sự trong sạch vững mạnh; phải có đạo đức cách mạng, kết hợp chặt chẽ phẩm chất và năng lực, hồng và chuyên, đức và tài, trong đó đức là gốc. Thống nhất giữa tư tưởng và hoạt động thực tiễn, giữa lời nói và việc làm; nói đi đôi với làm là một yêu cầu nghiêm khắc đối với cán bộ, đảng viên, quyết tâm phải thể hiện trong công tác, hành động.

Tám gương đạo đức Hồ Chí Minh là tấm gương của một vĩ nhân, một lãnh tụ cách mạng vĩ đại, một người cộng sản vĩ đại, nhưng đồng thời cũng là tấm gương đạo đức của một người bình thường, ai cũng có thể học theo, làm theo để trở thành một người cách mạng, người công dân tốt trong xã hội. Cả cuộc đời của Người là một tấm gương đạo đức trong sáng, mẫu mực, cao đẹp, kết tinh những giá trị truyền thống của dân tộc, của nhân loại và thời đại - tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh thể hiện tập trung ở các điểm sau:

- Là tấm gương trọn đời phấn đấu, hy sinh vì sự nghiệp giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng con người và nhân loại.

- Là tấm gương của ý chí và nghị lực tinh thần to lớn, vượt qua mọi thử thách, khó khăn để đạt mục đích cách mạng.

- Là tấm gương tuyệt đối tin tưởng vào sức mạnh của nhân dân, kính trọng nhân dân, hết lòng, hết sức phục vụ nhân dân.

- Là tấm gương của một con người nhân ái, vị tha, khoan dung, nhân hậu hết mực vì con người.

- Là tấm gương cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư, đòi riêng trong sáng, nếp sống giản dị và đức khiêm tốn phi thường.

Đảng bộ và Nhân dân tỉnh Quảng Nam kỷ niệm 126 năm Ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh và 105 năm Ngày Bác Hồ ra đi tìm đường cứu nước trong không khí vô cùng phấn khởi, tự hào trước những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử của đất nước và của tỉnh giành được trong 30 năm thực hiện công cuộc đổi mới và sẽ tiếp tục đạt được những thành tựu trong năm 2016 - năm đầu tiên triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ XII của Đảng, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XXI.

Nhớ ơn Chủ tịch Hồ Chí Minh, chúng ta nguyện học tập, rèn luyện theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh trong việc giữ gìn nhân cách, đạo đức; chống chủ nghĩa cá nhân; thực hiện cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư; tăng cường đấu tranh tự phê bình và phê bình, xây dựng nội bộ với tinh thần tự giác; xây dựng mối quan hệ gắn bó mật thiết với Nhân dân nhằm phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, tính năng động, sáng tạo, vượt qua mọi khó khăn, thử thách, đẩy

mạnh công cuộc đổi mới, đưa Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XII và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XXI đi vào cuộc sống, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ chính trị, phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh năm 2016 và những năm tiếp theo, kiên trì mục tiêu xây dựng xã hội *"Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh"*, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội.

KỶ NIỆM 15 NĂM NGÀY GIA ĐÌNH VIỆT NAM (28/6/2001- 28/6/2016)

I. Sự ra đời và ý nghĩa của ngày Gia đình Việt Nam

Gia đình có vai trò rất lớn trong việc hình thành và phát triển của xã hội, góp phần xây dựng, tô thắm, làm rạng rỡ thêm bản sắc văn hóa dân tộc; là nơi duy trì nòi giống, là môi trường quan trọng hình thành, nuôi dưỡng và giáo dục nhân cách con người, bảo tồn và phát huy văn hóa truyền thống tốt đẹp, chống lại tệ nạn xã hội, tạo nguồn nhân lực phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Mỗi quốc gia, dân tộc muốn tồn tại và phát triển đều phải biết chăm sóc và bảo vệ gia đình.

Trải qua nhiều thế hệ, gia đình Việt Nam được hình thành và phát triển với những chuẩn mực giá trị tốt đẹp góp phần xây dựng bản sắc văn hóa dân tộc. Những giá trị truyền thống quý báu như lòng yêu nước, yêu quê hương, yêu thương đùm bọc lẫn nhau, thủy chung, hiếu nghĩa, hiếu học, cần cù, sáng tạo trong lao động; bất khuất, kiên cường vượt qua mọi khó khăn, thử thách đã được gia đình Việt Nam giữ gìn, vun đắp và phát huy trong suốt quá trình lịch sử dựng nước và giữ nước. Qua nhiều thời kỳ phát triển, cấu trúc và quan hệ trong gia đình Việt Nam có những thay đổi nhưng những chức năng cơ bản của gia đình luôn tồn tại và gia đình

vẫn là một nhân tố quan trọng, không thể thiếu trong sự phát triển của đất nước.

Với ý nghĩa vô cùng to lớn đó, ngày 4/5/2001 Thủ tướng Chính phủ đã ký ban hành Quyết định 72/2001/QĐ-TTG về việc chọn ngày 28/6 hàng năm là ngày Gia đình Việt Nam nhằm đề cao trách nhiệm lãnh đạo các ngành, các cấp, các đoàn thể và tổ chức xã hội cùng toàn thể các gia đình thường xuyên quan tâm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ và hạnh phúc; đẩy mạnh công tác bảo vệ, chăm sóc giáo dục trẻ em, góp phần vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Ngày gia đình Việt Nam là ngày tôn vinh mái ấm gia đình Việt Nam, nhắc nhở mọi thành viên trong gia đình những con người đất Việt hướng về cội nguồn, về người thân, qua đó nuôi dưỡng những tình cảm đẹp, những giá trị văn hóa cao quý của dân tộc. Cho dù có đi đâu, làm gì, gia đình vẫn là nơi để nhớ, để yêu thương và để quay trở về. Đây cũng là dịp để các gia đình giao lưu, chia sẻ kinh nghiệm trong xây dựng gia đình văn hóa, hướng tới sự phát triển bền vững của gia đình trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế.

Ngày nay, với sự phát triển và hội nhập, truyền thống gia đình Việt Nam được nâng lên một tầm cao mới với sự quan tâm yêu thương sâu sắc. Tuy nhiên, trong xu thế hội nhập đã có nhiều vấn đề tiêu cực phát sinh phá vỡ nét đẹp

truyền thống của gia đình Việt Nam. Đứng trước những tác động tiêu cực phá vỡ sự phát triển bền vững của mỗi gia đình, những năm qua, Đảng, Nhà nước từ Trung ương đến các địa phương đã ban hành nhiều văn bản về công tác gia đình nhằm tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức và hành động, thúc đẩy toàn xã hội xây dựng gia đình “*No ảm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc và bền vững*”.

II. Kết quả thực hiện ngày gia đình Việt Nam

Thành tựu quan trọng về kinh tế - xã hội của những năm đổi mới đất nước đã góp phần tạo ra những chuyển biến rõ rệt, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho đại đa số gia đình Việt Nam; kinh tế hộ gia đình phát triển góp phần duy trì sự tăng trưởng thu nhập quốc dân hằng năm. Đáng chú ý, hầu hết các gia đình đã hưởng ứng, tích cực tham gia xây dựng đời sống văn hóa mới ở khu dân cư, tạo nên phong trào đời sống văn hóa rộng khắp; ngày càng có nhiều gia đình văn hóa, thôn bản, khu phố, cụm dân cư văn hóa, tộc họ văn hóa..., phong trào đó đã góp phần giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc. Công tác xóa đói giảm nghèo, giải quyết việc làm tiếp tục thu được những kết quả đáng kể, hàng triệu người thoát nghèo và nâng cao cuộc sống. Nhà nước đã ban hành nhiều chính sách hỗ trợ cho các gia đình đặc biệt khó khăn, gia đình có công với cách mạng, gia đình ở vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn, giúp họ vượt qua khó khăn, đói nghèo. Công tác dân số, kế hoạch hóa gia đình, bảo vệ chăm

sóc và giáo dục trẻ em tiếp tục đạt được những thành tích đáng kể, góp phần xây dựng gia đình hạnh phúc. Vấn đề bình đẳng giới và quyền trẻ em, vai trò của phụ nữ trong gia đình và xã hội ngày càng được đề cao. Quyền trẻ em được pháp luật thừa nhận, được xã hội và gia đình thực hiện và phát huy. Luật hôn nhân và gia đình sửa đổi đã tạo điều kiện để thực hiện hôn nhân bình đẳng và tiến bộ... Những kết quả đó tiếp tục khẳng định vai trò của gia đình với xã hội và xã hội với gia đình trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Kể từ khi có ngày Gia đình Việt Nam, cùng với địa phương trong cả nước, ở tỉnh Quảng Nam đã tổ chức nhiều hoạt động nhằm củng cố, tăng cường công tác gia đình; các cấp ủy đảng, chính quyền, các cơ quan chức năng, mặt trận, đoàn thể chính trị xã hội phối hợp tổ chức thực hiện, tuyên truyền, vận động các tầng lớp Nhân dân tham gia xây dựng gia đình văn hóa, làm nền tảng cho việc xây dựng tộc họ văn hóa, thôn bản, khu dân cư văn hóa. Hằng năm, từ tỉnh đến các xã, phường, thị trấn đều tổ chức thăm hỏi, gặp mặt tặng quà các gia đình tiêu biểu; tổ chức nhiều hoạt động thể dục, thể thao, hội nghị tuyên dương gia đình hiếu học..., nhân ngày Gia đình Việt Nam nhằm tôn vinh các gia đình tiêu biểu, gia đình văn hóa, chăm lo, nuôi dưỡng, dạy dỗ con cháu nên người, trở thành công dân có ích cho xã hội và bản thân cha mẹ, ông bà không ngừng phấn đấu, tu dưỡng đạo đức để làm gương cho con cháu noi theo. Nhiều gia đình đã

tổ chức giờ sum họp gia đình nhân ngày Gia đình Việt Nam để động viên, nhắc nhở con cháu cùng nhau thực hiện tốt hơn trách nhiệm của cha mẹ đối với con cái, con cái phải chăm chỉ học hành, vâng lời, lễ phép... Đã xuất hiện nhiều mô hình gia đình tốt như gia đình không sinh con thứ 3, không có trẻ em hư hỏng, trẻ em bỏ học, trẻ em làm trái pháp luật; mô hình nhóm “*Giúp nhau chăm sóc sức khỏe sinh sản và tăng thu nhập*”; mô hình Gia đình hạnh phúc với các tiêu chí ấm no, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc và bền vững..., đã góp phần tích cực vào thành công chung của công tác xây dựng gia đình trong thời kỳ mới.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đáng mừng đó, công tác gia đình trong những năm qua còn nhiều vấn đề đáng quan tâm. Đất nước đổi mới, dân giàu nước mạnh là niềm hạnh phúc chung cho toàn dân, nhưng trong cơ chế kinh tế thị trường bên cạnh mặt tích cực thì còn có những khuyết tật, tác động, ảnh hưởng không tốt đến gia đình, nhiều người chuyển hóa theo trào lưu và sự đòi hỏi thúc bách của vật chất mà bỏ rơi vẻ đẹp tinh thần, bỏ rơi nếp sống văn hóa gia đình, xa rời chức năng, trách nhiệm làm cha, làm mẹ, làm anh, làm chị đối với gia đình, không dành thời gian nhất định cần thiết cho việc xây dựng, củng cố, giữ gìn nề nếp, gia phong. Sự lỏng lẻo, lãng quên ấy dẫn đến hệ quả xấu khôn lường: con cái hư hỏng, học hành lơ là, bị cuốn vào chôn cờ bạc, rượu chè, mại dâm, ma túy; sống vội, yêu vội và tự lo cho bản thân mình sự hưởng thụ, đam mê... Trong xã hội xảy ra nhiều

sự việc đau lòng về sự đối xử “*bất hiếu*” đối với cha mẹ vì một căn nhà, mảnh vườn hay sự phụng dưỡng; vô lễ, thiếu đạo đức giữa anh em. Tình trạng ly hôn, ly thân, chung sống không kết hôn, tảo hôn, quan hệ tình dục trước hôn nhân gia tăng để lại hậu quả nghiêm trọng về nhiều mặt đối với gia đình và xã hội, khiến nhiều gia đình có cuộc sống chao đảo, tan nát.

Tệ nạn xã hội như ma túy, cờ bạc, rượu chè bê tha, mại dâm và nạn dịch HIV/AIDS đã thâm nhập vào các gia đình. Bạo hành trong gia đình; trẻ em bị xâm hại, lang thang kiếm sống, vi phạm pháp luật..., có chiều hướng phát triển; nhiều gia đình, trẻ em vẫn đang phải gánh chịu hậu quả nặng nề của chiến tranh, nhất là bị nhiễm chất độc da cam, tàn tật do bom mìn; đời sống của nhiều gia đình ở vùng sâu, vùng xa, vùng cát, vùng đồng bào dân tộc thiểu số còn khó khăn, thiếu thốn.

Những khuyết điểm, hạn chế và những vấn đề bức xúc nêu trên thật sự là nỗi lo, nỗi trăn trở của nhiều người dân, đặc biệt cần sự quan tâm lãnh chỉ đạo và quản lý của các cấp ủy đảng, chính quyền. Chỉ thị 49-CT/TW, ngày 21/02/2005 của Ban Bí thư Trung ương Đảng chỉ rõ nguyên nhân của tình hình nói trên có phần do nhận thức về vị trí, vai trò của gia đình và công tác gia đình, công tác quản lý Nhà nước về gia đình chưa theo kịp sự phát triển của đất nước; những mặt tích cực của gia đình trong sự nghiệp công nghiệp hóa,

hiện đại hóa chưa được phát huy. Nhiều vấn đề bức xúc về gia đình chưa được xử lý kịp thời. Các cấp ủy đảng, chính quyền, đoàn thể chưa quan tâm đúng mức về nghiên cứu, lãnh đạo, chỉ đạo công tác gia đình. Công tác giáo dục trước và sau hôn nhân; việc cung cấp các kiến thức cha mẹ; các kỹ năng ứng xử của các thành viên trong gia đình chưa được coi trọng. Nhiều gia đình do quá tập trung làm kinh tế đã xem nhẹ việc chăm sóc, giáo dục và bảo vệ các thành viên, đặc biệt là trẻ em và người cao tuổi...

III. Mục tiêu, nhiệm vụ của công tác gia đình trong những năm đến

Sinh thời Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định: “*Nhiều gia đình cộng lại mới hình thành xã hội, gia đình tốt thì xã hội mới tốt, xã hội tốt thì gia đình càng tốt. Hạt nhân của xã hội là gia đình*”. Thật vậy, gia đình có vị trí, chức năng quan trọng đối với xã hội, nổi bật là chức năng truyền chủng, chức năng kinh tế, chức năng thỏa mãn các nhu cầu tình cảm, chức năng nuôi dưỡng, giáo dục và rèn luyện của mỗi thành viên. Thông qua 4 chức năng đó, gia đình là nhân tố tích cực thúc đẩy sự phát triển của xã hội.

Ngày nay, sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước nhằm đưa nước ta từ một nước nông nghiệp nghèo nàn, lạc hậu trở thành một nước giàu mạnh, văn minh. Nhưng công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, hội nhập kinh tế quốc tế và nền kinh tế thị trường không chỉ là sự tăng trưởng

kinh tế và sự thay đổi của công nghệ mà nó còn là một thách thức về xã hội, văn hóa, đạo đức, tình cảm, tâm lý... Trong thời gian tới, nếu chúng ta không quan tâm củng cố, ổn định và xây dựng gia đình, đẩy lùi những mặt tiêu cực tác động đến gia đình thì những khó khăn, thách thức nêu trên sẽ tiếp tục làm suy yếu gia đình, suy yếu động lực của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Để thực hiện mục tiêu mà Đảng đã đề ra trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước là: *“Ổn định, củng cố và xây dựng gia đình theo tiêu chí ít con (mỗi cặp vợ chồng chỉ có 1 hoặc 2 con), no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc để mỗi gia đình Việt Nam thực sự là tổ ấm của mỗi người và là tế bào lành mạnh của xã hội”*, cần phải triển khai thực hiện sâu rộng Chỉ thị 49-CT/TW của Ban Bí thư, ngày 21/02/2005 về xây dựng gia đình thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Trước hết, là tổ chức đảng, đoàn thể các cấp cần phải lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tốt các nhiệm vụ và sáu giải pháp nêu trong Chỉ thị 49-CT/TW. Cần nhận thức rõ hơn tầm quan trọng của gia đình đối với nhiệm vụ phát triển xã hội, tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo công tác gia đình, xem đây là nhiệm vụ thường xuyên của các cấp ủy đảng, đoàn thể; tăng cường công tác giáo dục đời sống gia đình, cung cấp tới từng gia đình kỹ năng làm cha, làm mẹ, kỹ năng ứng xử giữa các thành viên trong gia đình với nhau và cộng đồng; giáo dục, vận động mọi gia đình tự nguyện, tự giác, tích cực thực hiện nếp sống văn minh, giữ gìn và phát

huy gia đình văn hóa và truyền thống tốt đẹp của dòng họ, xây dựng những giá trị tiên tiến của gia đình trong xã hội phát triển; đẩy mạnh phát triển kinh tế hộ gia đình. Quan tâm đặc biệt tới các gia đình có công với cách mạng, gia đình là nạn nhân chiến tranh. Tích cực chỉ đạo các ban, ngành, cộng đồng và gia đình xây dựng gia đình văn hóa, khu dân cư văn hóa, làng văn hóa, khu phố, thôn, bản văn hóa; nhất là xây dựng các gia đình điển hình, tiêu biểu tạo ra phong trào xây dựng gia đình ít con, no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc, hiếu học, gia đình nhiều thế hệ chung sống mẫu mực, chăm sóc người cao tuổi, bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em... Xây dựng các đề án cụ thể giải quyết những thách thức hiện nay đối với gia đình.

Thực hiện những nhiệm vụ đó bằng nhiều giải pháp: đẩy mạnh, đổi mới và đa dạng hóa công tác truyền thông, tăng cường giáo dục đến từng hộ gia đình về pháp luật, chính sách liên quan đến vấn đề xây dựng gia đình, luật bảo vệ, chăm sóc trẻ em... Tăng cường công tác tuyên truyền vận động, biểu dương, khích lệ đối với việc xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc. Cùng với nguồn lực đầu tư từ ngân sách Nhà nước, cần huy động sự đóng góp của toàn xã hội cho công tác gia đình. Đưa nội dung công tác này vào kế hoạch hằng năm của ngành, địa phương; củng cố và ổn định cơ quan ủy ban dân số, gia đình và trẻ em ở các cấp; tăng cường công tác điều tra, khảo sát toàn diện về gia đình, nhất là nghiên cứu các giá trị truyền thống tốt đẹp của gia đình

để giữ gìn, phát huy những giá trị mới, tiên tiến, cần tiếp thu nghiên cứu xây dựng các mô hình gia đình Việt Nam trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Các cấp ủy đảng, chính quyền xây dựng kế hoạch hành động; tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo công tác gia đình theo tinh thần Chỉ thị 49-CT/TW.

Xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc là một trong những động lực để thúc đẩy xã hội phát triển bền vững. Vì vậy trong những năm đến, toàn Đảng, toàn xã hội phải tiếp tục chăm lo thực hiện thật tốt công tác gia đình.

KỶ NIỆM 70 NĂM NGÀY TRUYỀN THÔNG LỰC LƯỢNG AN NINH NHÂN DÂN (12/7/1946 - 12/7/2016)

Tháng Tám năm 1945, cuộc tổng khởi nghĩa giành chính quyền của dân tộc ta thắng lợi, lập ra nước Việt Nam dân chủ cộng hòa. Từ trong bão táp của cuộc cách mạng đó, lực lượng an ninh Nhân dân (ANND) đã ra đời được Đảng, Chính phủ giao nhiệm vụ đấu tranh, bảo vệ Đảng, bảo vệ chính quyền cách mạng, bảo vệ Nhân dân. Trong suốt tiến trình cách mạng, lực lượng ANND luôn là lực lượng trung thành vô hạn đối với Đảng, Chính phủ và Bác Hồ kính yêu và đã ghi nhiều chiến công hiển hách tô thắm ngọn cờ truyền thống của lực lượng công an Nhân dân.

I- Chặng đường 70 năm xây dựng, chiến đấu và trưởng thành của lực lượng ANND.

Dưới sự lãnh đạo tài tình của Đảng, Cách mạng Tháng Tám thành công, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời. Không cam chịu thất bại, thực dân Pháp quyết xâm lược nước ta một lần nữa, bọn phản động trong nước ngóc đầu dậy, câu kết gây bạo loạn, nhằm thành lập chính quyền tay sai của thực dân Pháp. Trước tình hình đó, Đảng ta khéo léo phân hóa để loại trừ dần kẻ thù, lực lượng ANND tích cực đấu tranh, trấn áp bọn phản cách mạng, góp phần bảo vệ chính quyền Nhân dân còn non trẻ. Được sự bảo trợ của

quân Pháp, Tưởng, Quốc dân Đảng dự định làm cuộc đảo chính lật đổ chính quyền cách mạng vào ngày 14/7/1946 sau nhiều lần công khai chống phá đòi giải tán Chính phủ ta không thành; dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự giúp đỡ tích cực của quần chúng Nhân dân, sự phối hợp chặt chẽ của các lực lượng vũ trang, lực lượng an ninh đã kịp thời tấn công trấn áp vào tận sào huyệt của địch (số 7 phố Ôn Như Hầu và trên 40 địa điểm khác) tại Hà Nội, đã đập tan âm mưu của chúng trước 48 giờ cuộc đảo chính dự định nổ ra. Chiến công này là sự kiện có ý nghĩa to lớn về đấu tranh chống bọn phản cách mạng. Ngày 12/7/1946, là mốc son sáng chói, là đỉnh cao của thời kỳ đấu tranh chống thù trong, giặc ngoài đầy gian khổ, hy sinh của lực lượng ANND Việt Nam. Với ý nghĩa đó, Bộ trưởng Bộ Công an Việt Nam lấy ngày 12/7/1946 làm Ngày Truyền thống của lực lượng ANND Việt Nam.

Khởi đầu bằng những chiến công vẻ vang trong cuộc đấu tranh chống bọn phản cách mạng để bảo vệ chính quyền non trẻ. Suốt 9 năm kháng chiến, lực lượng ANND đã đấu mưu, độ trí và đã đánh bại mọi kế hoạch thâm độc của cơ quan tình báo Pháp, phá hàng trăm ổ nhóm, tiêu diệt hàng ngàn tên gián điệp, biệt kích. Trong vùng địch tạm chiếm, lực lượng an ninh đi vào trong dân, dựa vào dân, xây dựng cơ sở cách mạng, thông qua cơ sở diệt ác, trừ gian, phá vỡ chính quyền địch. Tại các vùng tự do, vùng căn cứ kháng chiến, xây dựng lực lượng nòng cốt trấn áp bọn phản cách mạng, bảo vệ an toàn cơ quan Đảng, lực lượng kháng chiến, góp phần xứng

đáng vào thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, giải phóng miền Bắc thân yêu.

Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, lực lượng ANND ở miền Nam phải sống, chiến đấu trong lửa và máu của các chiến dịch “*tổ cộng*”, “*diệt cộng*”, “*tình báo đại chúng*”, “*tình báo hóa Miền Nam*”, đòi hỏi phải mưu trí, dũng cảm chống lại âm mưu thâm độc của kẻ thù. Hàng ngàn chiến sĩ và cơ sở cách mạng đã thâm nhập sâu vào cơ quan đầu não của địch, thu thập tin tức, tổ chức đấu tranh với hàng trăm cuộc tập kích vào sào huyệt của cơ quan tình báo, cảnh sát nguy tiêu hao lực lượng địch, làm cho chúng hoang mang, dao động. Lực lượng an ninh miền Bắc tập trung củng cố địa bàn xung yếu, truy bắt bọn phản cách mạng, bọn tay sai ngoan cố của Mỹ, Ngụy; bóc gỡ mạng lưới gián điệp của địch cài lại, đã khám phá 16 chuyên án lớn, bắt hàng trăm tên gián điệp, phát hiện hàng chục kho vũ khí, tiêu diệt hàng trăm tên biệt kích của địch từ miền Nam tung ra miền Bắc phá hoại, đập tan kế hoạch hậu chiến của Pháp và Mỹ.

Khi địch thực hiện âm mưu “*đánh cộng sản trong lòng cộng sản*”, hòng làm cho miền Bắc suy yếu để tiến hành xâm lược bằng quân sự. Lực lượng an ninh đã lập và đấu tranh 25 chuyên án gián điệp, buộc Trung tâm của địch hoạt động theo sự sắp đặt của ta. Bắt 103 toán gián điệp, biệt kích gồm 885 tên, thu hàng trăm tấn vũ khí và phương tiện phục vụ hoạt động của bọn gián điệp. Tiến hành 2 kế hoạch trinh sát liên hoàn, thu nhiều tài liệu có giá trị.

Trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975, đặc biệt là chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, lực lượng an ninh đã có mặt kịp thời ở những nơi trọng yếu, tham gia tiến công địch, góp phần làm nên chiến thắng vĩ đại, kết thúc cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, thống nhất đất nước.

Miền Nam hoàn toàn giải phóng, bọn ngụy quân, ngụy quyền, các tổ chức đảng phái phản động bị tan rã tại chỗ, số đông được đưa đi cải tạo, học tập và trở về sinh sống với gia đình. Tuy nhiên, vẫn còn một số tên ngoan cố, tỏ thái độ hận thù, không chịu ăn năn, hối cải mà lên lút móc nối, nhen nhóm thành tổ chức, manh động chống phá sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta. Có lúc chúng đã hình thành 1.812 tổ chức, hơn 500 toán, cụm vũ trang và bọn Fulro ở các tỉnh Tây nguyên, gây ra các vụ bạo loạn, lật đổ, chống phá chính quyền cách mạng. Lực lượng an ninh cùng với lực lượng vũ trang và Nhân dân các địa phương đã trấn áp các ổ nhóm gián điệp, phản động, chặn đứng âm mưu bạo loạn lật đổ, bảo vệ vững chắc an ninh quốc gia.

Từ năm 1980, bọn phản động quốc tế câu kết với bọn phản động trong nước thực hiện "*Chiến tranh phá hoại nhiều mặt*" đối với nước ta, trong đó có hoạt động phá hoại, bạo loạn, lật đổ chính quyền... Nhận định đúng âm mưu, thủ đoạn của địch, lực lượng an ninh chủ động xây dựng thế trận lòng dân, chống lại bọn phản cách mạng, chuẩn bị địa bàn

sẵn sàng đón đánh địch. Từ một toán gián điệp biệt kích xâm nhập vào huyện Trần Văn Thời (tỉnh Cà Mau), ròng rã 7 năm (1981- 1987) lực lượng an ninh đã theo sát và lập mưu dụ địch thực hiện 21 chuyến xâm nhập vào nội địa, bắt 2 tàu vận tải, diệt 200 tên, thu 300 tấn vũ khí, 14 tấn tiền ngân hàng Việt Nam giả. Xóa sổ tổ chức tình báo, gián điệp do Lê Quốc Túy, Mai Văn Hạnh cầm đầu; trấn áp 10 tổ chức phản động ở trong nước câu kết với bọn phản động bên ngoài với hàng ngàn tên. Phối hợp với lực lượng vũ trang Lào, chặn đánh các tổ chức phản động trên đường xâm nhập vào Việt Nam do Võ Đại Tôn, Hoàng Cơ Minh, Trần Văn Đô cầm đầu. Bắt sống và tiêu diệt gần 400 tên, đập tan âm mưu ảo vọng "*phục quốc*" trước khi chúng đặt chân lên lãnh thổ nước ta. Bằng những đòn đánh trúng, đánh hiểm, lực lượng ANND phá tan âm mưu câu kết trong - ngoài của bọn phản động, chặn đứng các kế hoạch bạo loạn cướp chính quyền của chúng vào những năm 1982, 1983, 1985, 1987 và 1989, góp phần giữ vững sự ổn định chính trị, bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Vào cuối những năm 80 và đầu những năm 90 của thế kỷ XX, Liên Xô và các nước XHCN ở Đông Âu tan rã, địch tập trung chống phá cách mạng nước ta bằng chiến lược "*diễn biến hòa bình*" hòng xóa bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt Nam và chế độ XHCN ở nước ta. Với các chiến dịch "*chuyển lửa về quê nhà*", "*góp gió thành bão*", "*chuyển ngọn nến dân chủ về quê hương*"... hàng trăm tổ

chức phản động lưu vong ở bên ngoài được thành lập, móc nối với bọn phản động trong nước gia tăng hoạt động chống phá cách mạng nước ta. Lực lượng ANND đã tiến hành các biện pháp trình sát nghiệp vụ, đã tổ chức đánh địch từ căn cứ bàn đạp hoặc trên đường chúng xâm nhập; phá tan âm mưu gây nổ và bạo loạn của tổ chức phản động “*Liên đảng cách mạng Việt Nam*”, “*chiến dịch Đông xuân*”, “*Hoa Lan*”, “*Hoa Phượng*”...; lực lượng ANND còn phối hợp chặt chẽ với các cơ quan liên quan, khám phá nhiều vụ án lớn về buôn bán hàng giả, vận chuyển buôn bán tiền giả, ăn cắp phí viễn thông quốc tế, truyền bá các sản phẩm đồi trụy.

Qua 70 năm xây dựng chiến đấu và trưởng thành, lực lượng ANND Việt Nam có hàng trăm tập thể và cá nhân được Đảng và Nhà nước tuyên dương Anh hùng lực lượng vũ trang Nhân dân. Nhiều đồng chí đã anh dũng hy sinh trong cuộc chiến đấu giải phóng dân tộc và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN.

II- Lực lượng ANND Quảng Nam qua 70 năm xây dựng, chiến đấu và trưởng thành.

Là một bộ phận nòng cốt, trọng yếu của lực lượng công an tỉnh Quảng Nam, lực lượng An ninh tỉnh nhà ngay từ khi ra đời đã sát cánh cùng các lực lượng mưu trí, dũng cảm chiến đấu, góp phần đánh bại các hoạt động phá hoại và âm mưu lật đổ chính quyền cách mạng của các Đảng phái phản động; bảo vệ an toàn cuộc tổng tuyển cử Quốc hội đầu tiên

của cả nước trên địa bàn tỉnh, giữ vững thành quả cách mạng và chính quyền còn non trẻ; xứng đáng là lực lượng mũi nhọn của công an Quảng Nam.

Trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, lực lượng an ninh công an tỉnh kiên trì, bền bỉ, chịu đựng gian khổ, hy sinh, xông vào tận sào huyệt của địch xây dựng cơ sở, nắm tình hình, phá tề, trừ gian. Xây dựng, phát động phong trào quần chúng *“Phòng gian, bảo mật”*, bảo vệ an toàn các đồng chí lãnh đạo, các cơ quan đầu não của tỉnh, mở rộng khu căn cứ và củng cố chính quyền cách mạng ở vùng kháng chiến.

Từ nhiều tên gọi như *“Công an xung phong”*, *“Ban trinh sát”* đến *“Bảo vệ chính trị”*, lực lượng an ninh Quảng Nam đã sát cánh cùng các lực lượng khác, dựa chắc vào nhân dân vừa chiến đấu, công tác, vừa học tập đúc rút kinh nghiệm để ngày càng trưởng thành, lập nên những chiến công oanh liệt. Điển hình là tấn công vào sào huyệt của địch ở Hội An, bắt sống tên tỉnh trưởng ngụy quyền Quảng Nam (Hồ Ngân); kịp thời chặn đứng tội ác của bọn phản động Quốc dân Đảng tháo gỡ đường ray xe lửa cầu Chiêm Sơn (1946) hòng phá hoại các đoàn quân *“Nam tiến”* của ta; vận động, thuyết phục 12 linh mục thiên chúa giáo ở vùng tự do vào vùng địch tạm chiếm tuyên truyền có lợi cho cách mạng; chỉ đạo một cơ sở *“leo cao, chui sâu”* vào nội bộ địch làm phó tỉnh trưởng ngụy quyền tỉnh Quảng Nam phục vụ công tác nắm tình hình (1947); điều tra, khám phá nhiều tổ chức phản động (trong

đó có vụ Hồ Đệ, tự xưng là Bí thư liên khu ủy Việt Nam quốc dân đảng liên khu V), làm tan rã các tổ chức Quốc dân đảng ngấm ngầm hoạt động chống phá cách mạng tại Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định (1953).

Những năm kháng chiến chống Mỹ, cứu nước là thời kỳ khó khăn gian khổ, ác liệt nhất. Được sự lãnh đạo trực tiếp của Tỉnh ủy, lực lượng an ninh Quảng Nam, Quảng Đà đã kiên cường, mưu trí, gan dạ đánh địch, tích cực bảo vệ mình. Ở vùng địch tạm chiếm, lực lượng an ninh đã luồn sâu, lút sát vào sào huyệt của chúng để nắm tình hình, xây dựng phong trào quần chúng, gây dựng hàng ngàn cơ sở bí mật phục vụ công tác; tiêu diệt hàng trăm tên tề ngụy, tình báo, cảnh sát, gián điệp, đảng phái phản động; tấn công chính trị vào bọn đầu sỏ, ác ôn; tạo thế cho nhân dân đấu tranh chính trị, phá thế kềm kẹp của địch; tổ chức tấn công tiêu diệt hàng trăm đồn bót, cứ điểm cửa ngõ của địch, tạo hành lang “*an toàn*” và mở rộng địa bàn hoạt động cho các lực lượng cách mạng. Ở các vùng giải phóng, lực lượng an ninh đã tích cực tham gia xây dựng, củng cố chính quyền, xây dựng lực lượng an ninh thôn, xã; vận động quần chúng bảo mật phòng gian, phòng chống gián điệp, chống chiến tranh tâm lý, chiêu hồi, chống địch dôn dân, lập ấp; tham gia đánh hàng trăm trận, tiêu diệt hàng ngàn tên Mỹ, ngụy, bẻ gãy nhiều cuộc càn quét, lấn chiếm của địch; khám phá hàng chục vụ gián điệp, nội gián, bắt hàng trăm tên mật báo viên, tình báo viên, cộng tác viên, bảo vệ an toàn các đồng chí lãnh đạo, các tổ chức

Đảng, chính quyền, đoàn thể và các vùng căn cứ địa cách mạng. Điển hình là đã khám phá, bắt toàn bộ chỉ huy mạng lưới gián điệp mang mật danh “*Con két*” của tình báo biệt đội suu tâm tỉnh Quảng Tín đánh vào nội bộ ta. Lực lượng an ninh đã có kế hoạch bảo vệ toàn diện các chiến dịch quân sự lớn; đảm bảo bí mật các cuộc vận chuyển vũ khí, chuyển quân, chuyển lương ra phía trước, tạo thế chủ động, bất ngờ trong các trận đánh lớn của quân và dân trong tỉnh, góp phần làm nên các chiến thắng Núi Thành, Nông Sơn, Trung Phước, Thượng Đức và nhất là cuộc tổng tấn công, nổi dậy tết Mậu Thân 1968 cũng như đại thắng mùa xuân 1975. Nhiều trận đánh “*xuất quỷ nhập thần*” ngay trong lòng địch, những trận đánh chống càn của lực lượng an ninh trong điều kiện không cân sức giữa ta và địch, những tấm gương của các chiến sỹ ANND mưu trí, dũng cảm, quên mình bảo vệ an toàn cho các đồng chí lãnh đạo vẫn còn ngời sáng.

Sau ngày đất nước thống nhất, dưới sự lãnh đạo của Đảng, lực lượng an ninh đã phối hợp chặt chẽ với các lực lượng vũ trang, chính quyền tổ chức cho ngụy quân, ngụy quyền ra khai báo, trình diện, học tập, cải tạo, giao nộp vũ khí, tài liệu; từng bước củng cố chính quyền cơ sở, đặc biệt là ở các vùng mới tiếp quản và thành thị. Tập trung thực hiện kế hoạch bóc gỡ mạng lưới gián điệp cài lại; làm rõ hàng chục “*đầu mối*”, “*chiến dịch*”, cơ sở nội gián; xóa bỏ nhiều cơ sở xã hội cũ của địch, góp phần làm thất bại kế hoạch hậu chiến của Mỹ, ngụy. Khám phá hàng chục tổ chức phản

động do bọn Quốc dân Đảng, ngụy quân, ngụy quyền thành lập như: *“Việt Nam dân tộc cách mạng đảng”*, *“Mặt trận liên minh phục quốc”*... Tập trung tấn công vô hiệu hóa các hoạt động chống đối chính quyền của bọn phản động đội lốt trong các tôn giáo. Tăng cường công tác đấu tranh chống vượt biên, vượt biển. Bóp chết âm mưu phá hoại, bạo loạn, lật đổ chính quyền cách mạng của bọn phản động, giữ vững tình hình an ninh chính trị, góp phần củng cố chính quyền cách mạng.

Khi các thế lực thù địch thực hiện kiểu *“Chiến tranh phá hoại nhiều mặt”*, chống phá bằng chiến lược *“diễn biến hòa bình”*, lực lượng an ninh tỉnh nhà đã triển khai nhiều kế hoạch đấu tranh, phối hợp chặt chẽ với lực lượng an ninh trong nước, với công an các tỉnh bạn Lào đấu tranh làm tan rã nhiều tổ chức phản động ở địa phương, bắt nhiều toán gián điệp, biệt kích từ bên ngoài xâm nhập vào trong nước, phá tan âm mưu bạo loạn cướp chính quyền của các thế lực thù địch, vững vàng trên trận tuyến chiến đấu bảo vệ Đảng, bảo vệ chính quyền, bảo vệ chế độ, bảo vệ Nhân dân, giữ vững sự ổn định chính trị.

Từ 1997 đến nay, lực lượng an ninh Quảng Nam tiếp tục khắc phục khó khăn gian khổ, nhanh chóng tiếp nhận và tăng cường quản lý chặt chẽ địa bàn, đối tượng; triển khai kịp thời các kế hoạch công tác đảm bảo an ninh quốc gia trong tình hình mới. Đã tích cực chủ động tham mưu

Tỉnh ủy triển khai các Chỉ thị, Nghị quyết của Đảng và Bộ Công an về công tác an ninh. Thực hiện có hiệu quả các mặt công tác nghiệp vụ cơ bản, công tác chuyên đề, công tác bảo vệ nội bộ và có nhiều giải pháp chuyên sâu thực hiện công tác an ninh trên từng lĩnh vực. Đã tổ chức phối hợp tốt với Công an tỉnh SêKoong (Lào) và Bộ đội Biên phòng tỉnh bảo vệ vững chắc an ninh biên giới. Cùng các ngành liên quan giải quyết tốt các vấn đề liên quan đến tôn giáo, dân tộc. Nghiên cứu, phân loại hàng chục ngàn hồ sơ, tài liệu địch để lại, phát hiện nhiều vấn đề liên quan đến an ninh quốc gia. Phát hiện, ngăn chặn hàng ngàn tài liệu có nội dung phản động tán phát trên địa bàn. Bảo vệ an toàn các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước, các đoàn khách quốc tế, khách du lịch nước ngoài, các hội thảo, hội nghị lớn tại địa phương. Đảm bảo tình hình an ninh trật tự trong cơ quan, doanh nghiệp, nhất là các ngành kinh tế trọng điểm. Đấu tranh có hiệu quả với các hoạt động của bọn phản động, nhất là các hoạt động lợi dụng vấn đề dân chủ, nhân quyền, tôn giáo, dân tộc để kích động chống Đảng, chống chế độ xã hội chủ nghĩa; đảm bảo an ninh nông thôn, an ninh nội bộ, an ninh kinh tế, an ninh văn hóa tư tưởng; giải quyết tốt các vấn đề phức tạp nảy sinh, không để xảy ra các "*điểm nóng*", bị động, bất ngờ, góp phần giữ vững và ổn định tình hình chính trị, phục vụ đắc lực sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Thực tiễn 70 năm chiến đấu, xây dựng và trưởng thành, lực lượng ANND Quảng Nam đã thể hiện rõ bản chất của lực lượng Công an Nhân dân. Dù trong bất cứ hoàn cảnh nào, lực lượng an ninh tinh nhà cũng gắn bó máu thịt với Nhân dân, phối hợp chặt chẽ với các ban, ngành, đoàn thể đấu tranh, chiến thắng kẻ thù. Những chiến công và sự hy sinh thầm lặng của lực lượng an ninh Quảng Nam đã được Đảng, Nhà nước và Nhân dân ta đánh giá cao. Đã có 22 tập thể, 22 cá nhân được tuyên dương danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang Nhân dân và hàng trăm tập thể, cá nhân được tặng thưởng Huân, huy chương các loại. Đó là niềm vinh dự, tự hào, động viên lực lượng ANND Quảng Nam phấn đấu vươn lên, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trong giai đoạn mới của cách mạng.

KỶ NIỆM 70 NĂM NGÀY TOÀN QUỐC KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP (19/12/1946-19/12/2016)

Ngày 19/12 năm nay, toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta vui mừng và tự hào ôn lại truyền thống kỷ niệm 70 năm ngày Chủ tịch Hồ Chí Minh ra “*Lời kêu gọi Toàn quốc kháng chiến*” (19/12/1946-19/12/2016). Đây là sự kiện lịch sử có ý nghĩa trọng đại trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc của Nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam.

I- Bối cảnh ra đời Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

1- Bối cảnh quốc tế

Sau đại chiến thế giới lần thứ hai, lực lượng cách mạng ở các nước XHCN do Liên Xô làm trụ cột đã phát động thành hệ thống XHCN thế giới. Các thế lực phát xít Đức, Ý, Nhật đã bị đánh bại. Hai nước Anh và Pháp trong phe đồng minh thắng trận, nhưng kiệt quệ về kinh tế, quân sự nên Mỹ đã vươn lên cầm đầu phe TBCN chống lại các nước XHCN, chống lại phong trào giải phóng dân tộc, đàn áp các cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân và Nhân dân lao động ở các nước tư bản. Vì vậy, mâu thuẫn diễn ra sau đại chiến thế giới lần thứ hai là mâu thuẫn giữa một bên là hệ thống XHCN cùng các lực lượng cách mạng đấu tranh cho độc lập

dân tộc, dân chủ, hòa bình và tiến bộ xã hội với một bên là phe đế quốc chủ nghĩa do Mỹ cầm đầu, cùng các lực lượng phản động tay sai.

Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa - nhà nước dân chủ Nhân dân đầu tiên ở Đông Nam Á ra đời có sức cổ vũ rất lớn đối với các dân tộc bị áp bức trên thế giới vùng lên tự giải phóng.

Chính phủ Mỹ ủng hộ Pháp quay trở lại thuộc địa cũ, cung cấp viện trợ quân sự cho Pháp hòng ngăn chặn “làn sóng đỏ” ở Đông Dương. Còn đế quốc Anh, xuất phát từ quyền lợi thực dân của mình, hướng theo quỹ đạo của Mỹ, cũng ra sức ủng hộ Pháp quay trở lại Đông Dương.

2- Bối cảnh trong nước

Sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thắng lợi, đất nước ta đứng trước tình thế đặc biệt hiểm nghèo “ngàn cân treo sợi tóc”.

Chưa bao giờ nước ta lại có nhiều quân đội nước ngoài có số lượng đông như vậy: gần 30 vạn quân chính quy của các nước Anh, Pháp, Nhật và quân Tưởng, cùng nhiều loại đảng phái phản động lăm le lật đổ Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa non trẻ, nhằm lập lại chính quyền tay sai và cướp lại nước ta một lần nữa.

Cách mạng vừa thành công, chính quyền Nhân dân vừa

ra đời, Nhân dân ta chưa đủ thời gian xây dựng lực lượng vũ trang chính quy để bảo vệ nền độc lập đã giành được trong cả nước.

Nền kinh tế đất nước vốn nghèo nàn, lạc hậu, đã bị kiệt quệ nặng nề do chính sách vơ vét, bóc lột của Pháp, Nhật, nhất là sau 6 năm chiến tranh thế giới lần thứ hai; tài chính cạn kiệt, nạn đói, thiên tai lũ lụt đe dọa nghiêm trọng.

3- Âm mưu của thực dân Pháp cùng các thế lực phản động đối với Việt Nam và chủ trương của chúng ta.

Giới thực dân phản động Pháp muốn trở lại xâm lược thuộc địa cũ nhằm bóc lột, vơ vét của cải, tài nguyên, đồng thời còn nhằm bảo vệ, củng cố hệ thống thuộc địa có nguy cơ tan rã sau khi nước Việt Nam mới ra đời. Mưu đồ trở lại xâm lược Đông Dương có từ khi nước Pháp còn bị phát xít Đức chiếm đóng.

Ngày 23/9/1945, được sự giúp đỡ của quân Anh và quân Nhật, quân Pháp nổ súng gây hấn ở Sài Gòn, mở đầu cuộc chiến tranh xâm lược Đông Dương lần thứ hai. Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp bùng nổ ở Nam Bộ.

Chủ trương của ta là cương quyết bảo vệ mục tiêu cách mạng giải phóng dân tộc, giành độc lập thống nhất cho Tổ quốc Việt Nam, chúng ta đã áp dụng nhiều biện pháp chiến lược và sách lược hết sức mềm dẻo để tiếp tục đưa cách mạng tiến lên. Khi thì tạm hòa hoãn với Tưởng để rảnh tay đối phó

với Pháp, khi thì hòa hoãn với Pháp để đẩy quân Tưởng và bọn tay sai ra khỏi nước ta. Riêng đối với Pháp, Chính phủ ta đã nhiều lần đàm phán với họ, ký Hiệp định sơ bộ ngày 6/3/1946, rồi ký với Pháp Tạm ước 14/9/1946 nhằm trì hoãn thời gian khởi chiến để tranh thủ xây dựng lực lượng. Điều đó thể hiện quyết tâm sắt đá bảo vệ nền độc lập của đất nước vừa giành được, đồng thời biểu thị nguyện vọng hòa bình của toàn thể dân tộc Việt Nam. Chúng ta đã thực lòng muốn tránh đổ máu, tìm mọi cách để đẩy lùi chiến tranh. Chúng ta đã nhiều lần nhân nhượng, nhưng càng nhân nhượng, thực dân Pháp càng lấn tới. Chúng đòi Nhân dân ta phải đầu hàng. Trước tình thế đó, Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định *“Dân tộc Việt Nam nay bị đặt trước hai con đường: một là khoanh tay, cuối đầu làm nô lệ; hai là đấu tranh đến cùng để giành lấy tự do và độc lập”*.

Như vậy, thực tế chứng minh một cách rõ ràng, Đảng ta, Chính phủ, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Nhân dân Việt Nam trước sau vẫn luôn kiên trì mục tiêu cách mạng dân tộc, dân chủ, luôn luôn yêu chuộng hòa bình và công lý, vì nền độc lập, tự do của dân tộc và sự toàn vẹn lãnh thổ của đất nước, đã làm hết sức mình trong thương lượng với Pháp. Nhưng mọi nẻo đường hòa bình để đến với độc lập và thống nhất đã bị thực dân Pháp cắt đứt, vì chúng quyết tâm cướp nước ta lần nữa. Nhân dân ta không còn con đường nào khác, ngoài con đường phải cầm vũ khí đứng lên kháng chiến.

II- Chủ tịch Hồ Chí Minh ra lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến.

1- Nỗ lực cứu vãn hòa bình của Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Quân Pháp liên tục mở các cuộc hành binh lấn chiếm ở Nam Bộ và Nam Trung Bộ. Ở Bắc Bộ chúng đánh chiếm Hải Phòng, Lạng Sơn và cuối tháng 11/1946 bắt đầu mở rộng chiến tranh trên quy mô lớn. Đầu tháng 12/1946, tình hình càng nghiêm trọng hơn. Thực dân Pháp đã tăng thêm quân chiếm đóng trái phép ở Đà Nẵng và Hải Dương, đưa thêm viện binh đến Hải Phòng, mở rộng đánh chiếm Đồ Sơn, Đình Lập và liên tiếp gây nhiều vụ xung đột, khiêu khích ở Hà Nội.

Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa vẫn kiên trì tìm cách duy trì hòa bình, tránh cuộc chiến tranh. Chủ tịch Hồ Chí Minh tuyên bố rõ lập trường của Việt Nam khi trả lời với báo Paris - Sài Gòn, rằng: “*Đồng bào tôi và tôi thành thực muốn hòa bình. Chúng tôi không muốn chiến tranh... Nước Việt Nam cần kiến thiết, nước Việt Nam không muốn là nơi chôn vùi hàng bao nhiêu sinh mạng. Nhưng cuộc chiến tranh ấy, nếu người ta buộc chúng tôi phải làm thì chúng tôi sẽ làm... Nước Pháp có những phương tiện ghê gớm và cuộc chiến đấu sẽ khốc hại, nhưng dân tộc Việt Nam đã sẵn sàng chịu đựng tất cả, chứ không chịu mất tự do. Dù sao, tôi mong rằng chúng ta sẽ không đi tới cách giải quyết ấy. Cả nước*

Pháp lẫn nước Việt Nam đều không thể phí sức gây một cuộc chiến tranh khốc hại, và nếu phải kiến thiết trên đồng hoang tàn thì thật là một điều tai hại”.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã gửi lời kêu gọi các nước Anh, Trung Quốc, Hoa Kỳ, Liên Xô và các thành viên của Liên Hợp Quốc, trong đó nêu rõ thiện chí hòa bình và ý chí quyết chiến đấu đến cùng để bảo vệ độc lập và toàn vẹn lãnh thổ của đất nước và mong mỗi Liên Hợp Quốc chấp nhận những yêu cầu chân chính của Việt Nam để văn hồi hòa bình, để Hiến chương Đại Tây Dương được tôn trọng và để *“khôi phục lại những quyền cơ bản của Việt Nam là được thừa nhận độc lập dân tộc và thống nhất lãnh thổ”*. Người cũng đã liên tiếp gửi thư cho Chính phủ, Quốc hội, Thủ tướng Pháp và cử phái viên đến gặp gỡ với những người cầm đầu Pháp ở Đông Dương, tìm cách cứu văn hòa bình, tránh đổ máu. Song mọi cố gắng của Việt Nam đều vô hiệu.

Quân đội Pháp đã liên tiếp nổ súng, ném lựu đạn vào nhiều nơi Hà Nội trong các ngày 15, 16/12/1946. Ngày 17/12/1946, quân Pháp cho xe phá các công sự của ta ở phố Lò Đúc, đặc biệt chúng ta gây ra vụ tàn sát đẫm máu ở phố Hàng Bún và phố Yên Ninh. Ngày 18/12/1946, tướng Móoclie gửi cho ta hai tối hậu thư đòi chiếm đóng Sở Tài chính, đòi ta phải phá bỏ mọi công sự và chường ngại trên các đường phố, đòi để chúng làm nhiệm vụ giữ gìn trị an ở Hà Nội. Chính phủ Việt Nam chấp nhận thì chậm nhất vào sáng ngày 20/12/1946 quân Pháp sẽ chuyển sang hành động.

2. Chủ tịch Hồ Chí Minh ra lời kêu gọi Toàn quốc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, bảo vệ độc lập, tự do của dân tộc.

Đất nước ta đứng trước một tình thế khẩn cấp đòi hỏi Đảng, Nhà nước, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh phải có một sự lựa chọn lịch sử, phải kịp thời có một quyết định chiến lược để chuyển xoay vận nước đang lâm nguy. Ngày 18 và 19/12/1946, tại Vạn Phúc, Hà Đông, Ban Thường vụ Trung ương Đảng họp mở rộng do Chủ tịch Hồ Chí Minh chủ trì, đã quyết định chủ trương phát động cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược trên phạm vi cả nước và đề ra đường lối, chủ trương kháng chiến của Đảng. Vào hồi 20 giờ ngày 19/12/1946, quân và dân Thủ đô Hà Nội đã nổ súng mở đầu cuộc kháng chiến trong toàn quốc.

Sau một đêm chiến đấu, sáng ngày 20/12/1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc Lời kêu gọi Toàn quốc kháng chiến nói rõ vì sao quân và dân ta phải đứng lên kháng chiến, động viên mọi tầng lớp nhân dân ai cũng phải ra sức đánh thực dân Pháp cứu Tổ quốc bằng mọi thứ vũ khí có trong tay:

“Hỡi đồng bào toàn quốc!

Chúng ta muốn hòa bình, chúng ta phải nhân nhượng. Nhưng chúng ta càng nhân nhượng, thực dân Pháp càng lấn tới, vì chúng muốn cướp nước ta lần nữa!

Không! Chúng ta thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không

chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ.

Hỡi đồng bào,

Chúng ta phải đứng lên!

Bất kỳ đàn ông, đàn bà, bất kỳ người già, người trẻ, không phân biệt đảng phái, tôn giáo, dân tộc. Hễ là người Việt Nam thì phải đứng lên đánh thực dân Pháp để cứu tổ quốc, ai có súng dùng súng, ai có gươm dùng gươm, không có gươm thì dùng cuốc, thuổng, gậy gộc. Ai cũng phải ra sức chống thực dân Pháp cứu nước. Hỡi anh em binh sĩ, tự vệ, dân quân! Giờ cứu nước đã đến. Ta phải hy sinh đến giọt máu cuối cùng để giữ gìn đất nước.

Dù phải gian lao kháng chiến, nhưng với một lòng kiên quyết hy sinh, thắng lợi nhất định về dân tộc ta! Việt Nam độc lập và thống nhất muôn năm ! kháng chiến thắng lợi muôn năm.

Lời kêu gọi Toàn quốc kháng chiến của Hồ Chí Minh có ý nghĩa lịch sử to lớn

- Với nội dung ngắn gọn, súc tích, Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến được đưa ra đúng lúc vừa thể hiện được những tinh túy của chủ nghĩa Mác-Lênin về chiến tranh và cách mạng, vừa kết tinh truyền thống chống giặc ngoại xâm anh hùng, bất khuất của dân tộc.

- Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến của Chủ tịch Hồ

Chí Minh là lời hịch cứu quốc, là tiếng gọi của non sông đất nước, tác động mạnh mẽ tới trái tim và khối óc của mọi người Việt Nam yêu nước, khơi dậy mạnh mẽ chủ nghĩa yêu nước, truyền thống anh hùng bất khuất, động viên cả nước đứng lên chiến đấu bằng sức mạnh của chủ nghĩa anh hùng cách mạng và trí tuệ của người Việt Nam với mọi thứ vũ khí sẵn có, với một ý chí *“Quyết tử cho Tổ Quốc quyết sinh”*, một thái độ chính trị dứt khoát và kiên định: *“Thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ”*.

- Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến là một bản cương lĩnh kháng chiến mang tính khái quát cao, chứa đựng tư tưởng, quan điểm, đường lối chiến tranh Nhân dân, toàn dân đánh giặc, lâu dài, tự lực cánh sinh và nhất định thắng lợi.

- Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến là điểm xuất phát cơ bản cho mọi thắng lợi về sau của cuộc kháng chiến.

III- Hưởng ứng Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

1- Cả dân tộc ta đại đoàn kết đứng lên kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, bảo vệ độc lập dân tộc, đưa cuộc kháng chiến đến thắng lợi vẻ vang.

1.1. Chuyển đất nước vào thời chiến và chuẩn bị kháng chiến lâu dài.

Thủ đô Hà Nội, nơi có cơ quan đầu não của cuộc kháng chiến, cũng là nơi đối phương đặt bộ chỉ huy xâm lược, đã trở thành chiến trường chính. Sau đòn tiến công chủ động, đồng loạt và bất ngờ lúc 20 giờ ngày 19/12/1946, quân và dân Thủ đô tiếp tục triển khai thể trận chiến tranh Nhân dân, toàn dân đánh giặc. Trải qua 60 ngày đêm chiến đấu kiên cường, anh dũng, sáng tạo quân và dân Hà Nội đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ bảo vệ an toàn cho cơ quan đầu não, tản cư được phần lớn Nhân dân, đưa được hàng ngàn tấn máy móc, thiết bị công nghiệp ra An toàn khu. Quân và dân Thủ đô đã đánh gần 200 trận, tiêu diệt tiêu hao sinh lực địch, thu nhiều quân trang, quân dụng, giam chân chúng dài ngày để hậu phương có điều kiện tổ chức và triển khai thể trận chiến đấu lâu dài.

Quân và dân các thành phố, thị xã khác cũng đã kịp thời đứng lên chiến đấu. Phối hợp với cuộc chiến đấu của quân và dân miền Bắc, quân và dân Nam Bộ, Nam Trung Bộ và Tây Nguyên đã tiếp tục đẩy mạnh chiến tranh du kích, đánh phá kế hoạch bình định, kiềm chế không cho địch đưa lực lượng và tài sản chiếm được ở phía Nam ra đánh ở Trung, Bắc Bộ.

Cùng với những cuộc chiến đấu trực tiếp với quân Pháp, chúng ta đã thực hiện cuộc tổng di chuyển các cơ quan, kho tàng, máy móc vào các An toàn khu. Mục đích của cuộc tổng di chuyển nhằm bảo toàn lực lượng, xây dựng thực lực để tiến hành kháng chiến trường kỳ. Vào tháng 3/1947, các cơ quan của Trung ương Đảng, Chính phủ, quân đội, Mặt trận

đã được chuyển lên Việt Bắc an toàn. Việt Bắc trở thành Thủ đô của cuộc kháng chiến. Ở các địa phương cũng diễn ra tương tự việc di chuyển các cơ quan vào sâu trong các vùng nông thôn hoặc những nơi rừng núi, thiết lập ngay hệ thống thông tin liên lạc với nhau và với Trung ương ở chiến khu Việt Bắc. Nhân dân các vùng có chiến sự cũng đã triệt để thi hành chính sách “*vườn không nhà trống*”, tản cư ra vùng tự do.

Như vậy, chỉ sau một thời gian ngắn, mọi hoạt động của đất nước đã chuyển hướng theo hoàn cảnh thời chiến và phục vụ kháng chiến.

1.2- Đẩy mạnh kháng chiến toàn dân, toàn diện, vừa kháng chiến vừa kiến quốc, đưa cuộc kháng chiến đến thắng lợi vẻ vang.

Sau những ngày tháng đầu tiên của cuộc kháng chiến, bộ máy chính quyền các cấp đã trở lại hoạt động bình thường. Căn cứ địa kháng chiến đã được củng cố một bước. Đời sống của hàng chục vạn đồng bào tản cư đã từng bước ổn định và dần đi vào nề nếp. Nông nghiệp đã đuổi kịp thời vụ. Sản xuất tiểu thủ công nghiệp dần dần được tổ chức và mở rộng. Hoạt động đối ngoại đã bước đầu làm cho Nhân dân tiến bộ thế giới, trước hết là nhân dân Pháp hiểu biết về cuộc kháng chiến của Nhân dân ta.

Về phía quân đội thực dân Pháp, sau khi có thêm viện binh, chúng đã mở rộng vùng chiếm đóng ở đồng bằng Bắc

Bộ, vùng Tây Bắc và duyên hải Đông Bắc. Thu - Đông 1947, thực dân Pháp đã huy động lực lượng mở cuộc hành quân lên Việt Bắc nhằm tiêu diệt cơ quan đầu não kháng chiến, tiêu diệt quân chủ lực của ta, phá tan căn cứ với ảo vọng mau chóng kết thúc chiến tranh. Nhưng dưới sự lãnh đạo sáng suốt Trung ương Đảng và tinh thần sáng tạo, quyết tâm cao, quân và dân Việt Bắc đã trải qua 75 ngày đêm chiến đấu ngoan cường (từ 7/10 đến 21/12/1947), loại khỏi vòng chiến đấu hàng ngàn tên địch, thu và phá hủy nhiều vũ khí, phương tiện chiến đấu của chúng, giữ được căn cứ kháng chiến của cả nước, bảo vệ an toàn cơ quan lãnh đạo kháng chiến và lực lượng chủ lực của ta. Cuộc phản công thắng lợi ở Việt Bắc là thắng lợi có ý nghĩa chiến lược quan trọng trong năm đầu kháng chiến toàn quốc. Quân và dân ta đã đánh bại cuộc tiến công quy mô chiến lược, mạo hiểm, đầy tham vọng của địch. Đó là đòn quyết định làm thất bại hoàn toàn chiến lược đánh nhanh, thắng nhanh của thực dân Pháp, mở ra giai đoạn mới cho cuộc kháng chiến.

Không thể đánh nhanh, thắng nhanh được, quân Pháp buộc phải chuyển hướng chiến lược sang “*đánh kéo dài*” với chính sách “*dùng người Việt đánh người Việt, lấy chiến tranh nuôi chiến tranh*”. Chúng tăng cường các cuộc tấn công vào hậu phương ta, củng cố vùng tạm chiếm, thực hiện chiến lược “*Chiến tranh tổng lực*” đánh phá cơ sở kinh tế, chính trị và lực lượng hậu bị của ta. Trước âm mưu của địch, quân và dân ta đã tiến hành phát triển dân quân, du kích,

thành lập bộ đội địa phương, lập làng chiến đấu, khu chiến đấu, căn cứ du kích. Đại hội toàn quốc lần thứ II của Đảng (2/1951) đã xác định nhiệm vụ chủ yếu của cách mạng Việt Nam lúc này là *“tiêu diệt thực dân Pháp xâm lược và đánh bại bọn can thiệp Mỹ, giành độc lập và thống nhất hoàn toàn, bảo vệ hòa bình thế giới”*. Về quân sự thì *“đẩy mạnh vận động chiến tiến lên, làm cho vận động chiến tiến tới giữ địa vị chủ yếu”*. Ta liên tiếp mở các chiến dịch đánh vào phòng tuyến địch ở trung du và đồng bằng Bắc Bộ, gây cho địch nhiều tổn thất lớn. Đặc biệt, chiến dịch Hòa Bình đã buộc chúng phải rút chạy khỏi Hòa Bình (2/1952); chiến dịch Tây Bắc (10/1952) đã phá vỡ thế uy hiếp của địch đối với Việt Bắc, Thượng Lào và tạo thuận lợi cho ta phối hợp với cách mạng Lào. Ở Nam Bộ, Trung Bộ, quân và dân ta đẩy mạnh tiến công quân sự, chính trị, kết hợp với *“chiến dịch địch, ngụy vận”* để phối hợp với chiến trường chính.

Được Mỹ tăng viện trợ, Pháp mở kế hoạch Nava hòng xoay chuyển tình thế chuyển bại thành thắng. Nava điều một bộ phận lực lượng lên Điện Biên Phủ và một bộ phận xuống Trung Lào để ngăn chặn ta tiến quân lên Tây Bắc và Thượng Lào, xây dựng căn cứ quân sự để từ Điện Biên Phủ địch tiến công chiếm lại Tây Bắc. Ngày 13/3/1954 ta nổ súng tiến công vào tập đoàn Điện Biên Phủ. Sau 55 ngày đêm liên tục chiến đấu kiên cường, chiến dịch lịch sử Điện Biên Phủ toàn thắng, kết thúc oanh liệt cuộc tiến công Chiến lược Đông Xuân 1953 – 1954 của quân và dân ta, tạo điều kiện

thuận lợi cho đấu tranh ngoại giao, đi đến ký kết Hiệp định Giơnevơ chấm dứt chiến tranh ở Đông Dương. Miền Bắc nước ta được hoàn toàn giải phóng. Cách mạng Việt Nam bước vào một thời kỳ mới. Thời kỳ xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ ở miền Nam, tiến tới thống nhất Tổ quốc.

2- Đảng bộ, quân và dân Quảng Nam cùng cả nước trường kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp.

Hưởng ứng Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến, quân và dân Quảng Nam chuẩn bị tiến hành kháng chiến lâu dài.

Khi quân Pháp không ngừng vi phạm những điều đã cam kết, công tác chuẩn bị kháng chiến ở Quảng Nam càng diễn ra khẩn trương. Tháng 11/1946, tỉnh Quảng Nam và thành phố Đà Nẵng sáp nhập thành liên tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng phân công người đi xây dựng các chiến khu, mua sắm thêm vũ khí, xây dựng thêm các công binh xưởng, củng cố mạng lưới thông tin... Các đoàn thể huy động Nhân dân tổ chức mít tinh huy động Nhân dân đào giao thông hào, dựng vật cản, làm hầm trú ẩn... Ban chỉ huy dân quân lên phương án cho lực lượng dân quân tự vệ tăng cường phòng gian bảo mật, sẵn sàng chiến đấu và phục vụ chiến đấu tại địa phương.

Ngày 22/12/1946, viên Đại tá Tư lệnh quân Pháp ở miền Trung đến Đà Nẵng lập Bộ chỉ huy ở mặt trận này và tuyên bố Đà Nẵng cùng với Hải Phòng, Hà Nội là lãnh thổ của Pháp.

Đứng trước tình hình khẩn cấp, ngày 15/12/1946, Ủy ban Quân sự Quảng Nam - Đà Nẵng họp nhận định âm mưu của địch, kiểm tra lại việc bố trí lực lượng và bổ sung phương án tác chiến của lực lượng vũ trang.

Trưa ngày 19/12, Bộ tổng chỉ huy quân đội Quốc gia Việt Nam giao nhiệm vụ cho từng khu vực tác chiến, trong đó Chiến khu 5 có trách nhiệm giam chân địch một thời gian ở Đà Nẵng.

20 giờ ngày 19/12/1946, Khu trưởng khu 5 Cao Văn Viên và Chính ủy Nguyễn Chánh ra lệnh cho các lực lượng vũ trang mặt trận Quảng Nam - Đà Nẵng nổ súng tiến công quân Pháp. Sau hơn một tháng, quân và dân trong tỉnh đã kìm được chân địch ở bắc sông Cẩm Lệ, được đồng chí Phạm Văn Đồng, đại diện Chính phủ và Trung ương tại miền Nam Trung Bộ tặng lá cờ “*Giữ vững*”.

Ở phía sau, lực lượng tự vệ chiến đấu các huyện Điện Bàn, Đại Lộc, Duy Xuyên cùng bộ đội chủ lực chuyển thương, tải đạn, vận lương phục vụ chiến đấu và luân phiên ra Đà Nẵng, Hòa Vang tham chiến. Nhân dân được huy động đóng góp lương thực, thực phẩm, quân trang, quân dụng cho bộ đội. Chăm sóc thương bệnh binh, tham gia đào hào, đắp chướng ngại vật; đón tiếp đồng bào Đà Nẵng và Hòa Vang đến tản cư.

Được viện binh, nâng tổng số quân trên chiến trường Quảng Nam - Đà Nẵng lên hơn một vạn quân, từ ngày 3

đến 6/3/1947, địch bắt đầu mở cuộc tấn công lớn, chia làm hai hướng nhằm đánh chiếm các địa phương phía Nam sông Cẩm Lệ. Một cánh quân từ phía Tây - Bắc Hòa Vang dọc theo chân núi Bà Nà và đường 14B đi Ái Nghĩa; cánh phía Đông vượt sông Cẩm Lệ, phối hợp với quân đổ bộ lên Non Nước, tiến dọc theo bờ biển đánh chiếm Hội An, lên Vĩnh Điện rồi theo dọc sông Thu Bồn, đường 100, hội quân ở Ái Nghĩa.

Sau khi chiếm Ái Nghĩa, quân Pháp theo đường 14B tiến lên Giồng nhưng bị lực lượng vũ trang Đại Lộc phối hợp với tiểu đoàn 17,18. Trung đoàn 96 liên tục chặn đánh. Đặc biệt, trong trận Ba Khe ngày 26/3/1947, địch bị quân ta tập kích diệt gọn 2 trung đội, thu nhiều vũ khí, buộc chúng phải quay lại Ái Nghĩa. Như vậy, mặc dù tham vọng lớn nhưng đến tháng 4/1947 quân Pháp buộc phải dừng lại ở bờ bắc sông Thu Bồn.

Sang tháng 6/1947, sau một thời gian rải quân chiếm đóng, quân Pháp mở cuộc càn lớn lần sâu vào các địa phương phía Nam, như Tây Duy Xuyên, Tây Đại Lộc, Bắc Quế Sơn, đóng nhiều cứ điểm. Đây là đợt tấn công lớn cuối cùng của quân Pháp ra hướng Thu Bồn. Đến đây, không thực hiện được âm mưu mở rộng thêm vùng chiếm đóng, địch quay về lập hệ thống cứ điểm nhằm bảo vệ những nơi chúng vừa giành được và các trục hành lang.

Cũng từ đây hình thái chiến trường Quảng Nam - Đà

Năng hình thành hai vùng rõ rệt: nửa phía Bắc, từ sông Bà Rén trở ra là vùng địch tạm chiếm gồm các huyện Duy Xuyên, Hội An, Điện Bàn, Đại Lộc, Hòa Vang và thành phố Đà Nẵng; nửa phía Nam là vùng tự do gồm 4 huyện miền núi: Hiên (cũ), Giăng (cũ), Phước Sơn, Trà My (cũ). Vùng tự do của tỉnh nối liền với các tỉnh bạn về chính trị, quân sự, kinh tế, ngoại giao của Liên Khu 5 trong suốt thời gian còn lại của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.

Tuy vậy, cuộc kháng chiến của quân và dân Quảng Nam - Đà Nẵng trong thời kỳ đầu phải trải qua nhiều khó khăn do địa bàn rộng lớn ở phía Bắc tỉnh bị địch chiếm, đồng bào tản cư gặp khó khăn về đời sống do thiếu thốn và bệnh tật. Còn thực dân Pháp, bên cạnh ra sức thiết lập hệ thống đồn bót, trấn giữ những vùng xung yếu, vừa thực hiện càn quét “*Bình định*”, tăng cường chiến tranh gián điệp hoạt động sâu trong vùng của ta. Chúng gây ra nhiều vụ thảm sát đẫm máu, triệt phá nhiều làng mạc, nhà cửa, vườn tược của Nhân dân.

Trong quá trình quân Pháp mở rộng vùng chiếm đóng. Tỉnh ủy đã chỉ đạo ổn định tình hình tư tưởng, củng cố hệ thống tổ chức, đẩy mạnh hoạt động quân sự, phát động chiến tranh nhân dân, xây dựng lực lượng dân quân, du kích, tăng gia sản xuất, xây dựng vùng tự do thành chỗ dựa vững chắc của cuộc kháng chiến...

Chấp hành chủ trương của trên và của Tỉnh ủy, quân và dân Quảng Nam - Đà Nẵng đã từng bước chiến đấu và

trưởng thành. Trong năm 1947, dân quân du kích phối hợp với bộ đội chủ lực tổ chức nhiều trận đánh phục kích; tổ chức được nhiều trận diệt ác phá kềm, làm cho quân dân Pháp và tề ngụy rối loạn tinh thần. Kết quả đó đã góp phần cùng cả nước đánh bại âm mưu “*đánh nhanh, thắng nhanh*” của thực dân Pháp.

Sang năm 1948, hưởng ứng Lời kêu gọi Thi đua ái quốc của Chủ tịch Hồ Chí Minh, quân và dân Quảng Nam - Đà Nẵng đã đẩy mạnh cuộc kháng chiến. Lực lượng vũ trang tỉnh mở cuộc vận động “*Luyện quân lập công*”, vượt qua những khó khăn trước mắt trong quá trình trụ bám đánh địch ở vùng tạm chiếm. Nhân dân đẩy mạnh tăng gia sản xuất với khẩu hiệu “*Toàn dân canh tác*”, các đoàn thể mở đợt lập “*Quỹ nuôi quân*”; phát động toàn dân ủng hộ bộ đội, mỗi gia đình tổ chức “*Hũ gạo nuôi quân*”. Đồng thời tích cực bố phòng, giữ vùng tự do.

Trong khi đó, do thất bại trong âm mưu “*đánh nhanh, thắng nhanh*”, quân Pháp buộc phải thay đổi ý đồ chiến lược, thay đổi thể bố trí quân trên khắp các chiến trường. Ở Quảng Nam, địch phân tán lực lượng, hình thành tuyến phòng thủ phía Nam, giáp với vùng tự do: “*cứ điểm nhỏ, đội ứng chiến nhỏ*” là biện pháp quân sự chủ yếu của địch trong thời kỳ này.

Quân ta từ chỗ đánh lẻ tẻ, từ năm 1949 vươn lên phối hợp với chủ lực Liên khu 5 đánh chiến dịch, như chiến dịch

Hè - Thu năm 1949, chiến dịch Đông - Xuân 1949-1950 mà Quảng Nam - Đà Nẵng là một trong hai hướng chính. Đáng chú ý là trong chiến dịch Đông Xuân 1949-1950, ta tiêu diệt cứ điểm Thu Bồn, làm rung động hệ thống phòng thủ của địch ở phía Tây vùng tạm chiếm, buộc chúng sau đó rút bỏ hàng loạt cứ điểm, bước đầu phá được thế giằng co. Vùng tự do của tỉnh được mở rộng, tạo ra bước ngoặt của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của quân và dân Quảng Nam - Đà Nẵng.

Cuối năm 1951, Tỉnh ủy Quảng Nam thực hiện chủ trương của Liên ủy khu 5: *“Kiện toàn khu, tỉnh, đơn giản huyện, tăng cường xã”*, các tổ chức Đảng được củng cố về mặt chính trị, tư tưởng và tổ chức, bộ máy chính quyền các cấp, các đoàn thể quần chúng, các đơn vị lực lượng vũ trang được kiện toàn và biên chế lại phù hợp với điều kiện mới. Công tác xây dựng bộ đội địa phương và dân quân du kích được chú trọng cả về chính đồn tổ chức, bổ sung quân số, đặc biệt là phát triển du kích mật ở các vùng xung yếu.

Về phía địch, trên chiến trường Quảng Nam - Đà Nẵng chúng ra sức xây dựng quân địa phương, tăng cường xây dựng hệ thống đồn bót, tổ chức *“Chiêu an”*, *“Bình định”* một cách tích cực. Mặc dù vậy chúng vẫn bị quân và dân trong tỉnh giáng cho những đòn chí tử, đẩy chúng vào tình thế ngày một khó khăn. Trong chiến dịch Hè - Thu năm 1952, đợt tác chiến Đông Xuân 1952-1953, ta sang bằng nhiều cứ

điểm quan trọng, giải phóng nhiều vùng, thu nhiều chiến lợi phẩm, lực lượng vũ trang trưởng thành nhanh chóng về mọi mặt, nhân dân tích cực ủng hộ kháng chiến.

Bước vào chiến cuộc Đông Xuân năm 1953-1954, phối hợp với chiến trường cả nước, quân và dân Quảng Nam - Đà Nẵng mở đợt tấn công đồng loạt vào các cứ điểm của địch, bao vây, chia cắt tiêu diệt địch. Trước sức tấn công mãnh liệt của ta, tinh thần binh lính địch dao động. Ngày 19/7/1954, lực lượng vũ trang của tỉnh tấn công đồn Bò Bò và giành thắng lợi lớn. Kết hợp với tiến công địch trên lĩnh vực quân sự, cán bộ và Nhân dân mở nhiều đợt phá tề, trừ gian, giành quyền làm chủ nhiều khu vực.

Những thắng lợi nói trên của quân và dân Quảng Nam - Đà Nẵng đã góp phần cùng cả nước đánh bại quân xâm lược Pháp, buộc chúng phải ký kết hiệp định Giơ-ne-vơ. Tiếng súng kháng chiến oanh liệt của quân và dân trong tỉnh bắt đầu từ ngày 20/12/1946 đến 20/7/1954. Đảng bộ tỉnh tổ chức mít tinh tại Tam Kỳ, biểu dương lực lượng và mừng thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.

IV. Những bài học kinh nghiệm của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp thắng lợi:

Một là, đường lối kháng chiến độc lập và tự chủ đúng đắn, sáng tạo, quyết chiến, quyết thắng.

Muốn đánh thắng thực dân Pháp xâm lược phải có quyết

tâm chiến đấu rất cao và kiên trì quyết tâm đó trong mọi hoàn cảnh, dựa vào lòng yêu nước nồng nàn vốn là một truyền thống cực kỳ quý báu của dân tộc ta.

Quyết tâm đó phải được hướng dẫn bởi một đường lối đúng đắn và sáng tạo, độc lập, tự chủ. Đường lối đó là sự vận dụng đúng đắn và tài tình các quy luật của chiến tranh cách mạng, vạch ra đường lối kháng chiến lâu dài, toàn dân, toàn diện, tự lực cánh sinh, tạo nên sức mạnh tổng hợp vượt qua mọi thách thức gian nguy, đánh thắng kẻ thù. Bài học về tinh thần độc lập tự chủ của Đảng và sự kết hợp hữu cơ giữa tinh thần cách mạng với khoa học cách mạng, không chỉ dẫn đến thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp mà cả kháng chiến chống Mỹ, cứu nước và sự nghiệp đổi mới ngày nay.

Hai là, lấy nhỏ đánh lớn, phát huy sức mạnh của phương thức tiến hành chiến tranh cách mạng và nghệ thuật quân sự của chiến tranh toàn diện.

Vấn đề đặt ra khi Nhân dân ta bước vào cuộc kháng chiến là làm thế nào “*Lấy nhỏ thắng lớn*” trong khi quy luật của mọi cuộc chiến tranh là “*mạnh được yếu thua*”? Đáp số là: Quân và dân ta đã tìm ra một cách đánh giặc độc đáo, không chỉ có những vấn đề nghệ thuật quân sự mà còn có cả những vấn đề của phương thức tiến hành chiến tranh. Đó là sự vận dụng sáng tạo những vấn đề có tính quy luật của cuộc đấu tranh cách mạng vào chiến tranh cách mạng, chiến

tranh Nhân dân, rất khác các cuộc chiến tranh cổ điển chỉ là đấu tranh vũ trang của quân đội chính quy. Nghệ thuật quân sự cũng là nghệ thuật quân sự của chiến tranh toàn dân chứ không phải của chiến tranh cổ điển chỉ bằng quân đội. Như vậy mới có thể tạo nên sức mạnh đủ để đánh lâu dài, chia làm nhiều giai đoạn, đánh địch từ nhỏ đến lớn, từ cục bộ đến toàn bộ, từ chiến tranh du kích lên chiến tranh chính quy và kết hợp chiến tranh chính quy với chiến tranh du kích. Chiến tranh du kích của ta cũng không giống các nước.

Có thể khẳng định cách đánh và cách thắng giặc Pháp đã đặt cơ sở vững chắc cho cách đánh và cách thắng có những phát triển mới, rất sáng tạo trong kháng chiến chống Mỹ và cho việc xây dựng học thuyết chiến tranh Nhân dân Việt Nam ngày nay.

Ba là, động viên, tổ chức lực lượng toàn dân đánh giặc, lấy lực lượng vũ trang Nhân dân làm nòng cốt.

Để thực hiện cách đánh giặc độc đáo trên đây, phải động viên và tổ chức lực lượng kháng chiến thích hợp. Đó là bài học về xây dựng lực lượng toàn dân đánh giặc, tiến hành chiến tranh toàn dân và toàn diện. Theo lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh, cả dân tộc Việt Nam đã đứng lên chiến đấu bằng mọi thứ vũ khí có trong tay. Đó là một cuộc chiến tranh phát triển cao chưa từng có trong lịch sử dân tộc.

Mặt trận chủ yếu quyết định thắng lợi của chiến tranh là đấu tranh vũ trang. Do vậy, khi phát động chiến tranh toàn

dân và toàn diện, nhất thiết phải xây dựng lực lượng vũ trang Nhân dân bởi lực lượng trung thành và sắc bén của Đảng. Quân đội ta gồm ba thứ quân, mang bản chất giai cấp công nhân, từ nhân dân mà ra, tuy còn non trẻ nhưng đã có những bước trưởng thành vượt bậc về mọi mặt, làm tròn nhiệm vụ dân tộc và nghĩa vụ quốc tế, được nhân dân tin yêu trao tặng danh hiệu cao quý “*Bộ đội Cụ Hồ*”.

Bốn là, vừa kháng chiến, vừa kiến quốc, xây dựng căn cứ địa - hậu phương.

Đây là bài học phản ánh đặc điểm lớn của chiến tranh cách mạng. Vừa là đòi hỏi của cách mạng - tiếp tục tiến hành cách mạng trong chiến tranh; vừa là đòi hỏi của chiến tranh - xây dựng hậu phương, căn cứ địa là một nhân tố thường xuyên quyết định thắng lợi của chiến tranh; cũng là đòi hỏi của “*lấy nhỏ thắng lớn*” để càng đánh càng mạnh. Đây cũng là đặc điểm đối với một nước như nước ta vừa mới giành được độc lập đã phải đứng lên cầm súng, tiến hành chiến tranh giữ nước.

Kiến quốc, xây dựng chế độ mới: kháng chiến để bảo vệ thành quả cách mạng, bảo vệ độc lập, chủ quyền quốc gia. Đó là hai nhiệm vụ có quan hệ mật thiết, cùng tạo nên sức mạnh to lớn để chúng ta tiến hành kháng chiến thắng lợi và có điều kiện bắt tay ngay vào nhiệm vụ triển khai công cuộc xây dựng đất nước. Thành công nổi bật của Đảng ta, của quân và dân ta là giải quyết tốt nhiệm vụ vừa chiến đấu

vừa bồi dưỡng, triển khai từng bước cuộc cách mạng dân chủ nhân dân ngay trong kháng chiến với những chủ trương thích hợp. Xây dựng lực lượng để kháng chiến và tiến hành từng bước cách mạng dân chủ Nhân dân thống nhất chặt chẽ với nhau.

Năm là, đoàn kết, liên minh với nhân dân Lào, Campuchia, tranh thủ sự đồng tình và ủng hộ quốc tế.

Cách mạng và chiến tranh cách mạng Việt Nam là một bộ phận của cách mạng thế giới trong thời đại mới. Để giành thắng lợi, phải phát huy nỗ lực rất cao của toàn dân tộc, nêu cao tinh thần độc lập tự chủ, tự lực, tự cường đi đôi với tranh thủ tốt nhất sự ủng hộ và giúp đỡ quốc tế, tận dụng thời cơ thuận lợi của thời đại. Yêu cầu này đã được Đảng ta vận dụng rất sáng tạo trong kháng chiến chống thực dân Pháp.

Quan hệ với Lào, Campuchia là quan hệ đặc biệt bởi trên thực tế đã hình thành một cuộc chiến tranh liên minh trên chiến trường Đông Dương thống nhất chống kẻ thù chung là thực dân Pháp và can thiệp Mỹ. Dưới sự lãnh đạo của Đảng cách mạng ở mỗi nước, vì lợi ích chung cả ba dân tộc.

Đảng ta đã giải quyết một cách sáng tạo và vấn đề nói trên, trên tinh thần quốc tế chủ nghĩa chân chính, ra sức giúp bạn “*Giúp bạn cũng là tự giúp mình*”, trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền của bạn và cũng được bạn giúp đỡ chí tình.

Đi đôi với việc phối hợp với nhân dân Lào và nhân dân Campuchia trong một cuộc chiến tranh liên minh, Đảng ta đã ra sức tranh thủ được ngày càng có hiệu lực sự ủng hộ và giúp đỡ quốc tế, trước hết là Trung Quốc, Liên Xô, các nước dân chủ nhân dân và các phong trào độc lập dân tộc và dân chủ trên thế giới. Đặc biệt, sự ủng hộ mạnh mẽ của nhân dân Pháp dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Pháp, đã đẩy nhiều lên nhiều phong trào chống “*cuộc chiến tranh bẩn thỉu*” của bọn thực dân Pháp ở Việt Nam và Đông Dương, ủng hộ cuộc chiến tranh chính nghĩa của Nhân dân ta.

Sáu là, xây dựng Đảng ngang tầm sứ mệnh lãnh đạo kháng chiến.

Đây là bài học trọng yếu. Từ hoạt động bí mật ra hoạt động công khai, từ chỗ chưa có chính quyền thành Đảng cầm quyền, từ lãnh đạo giành chính quyền đến lãnh đạo chiến tranh chống giặc ngoại xâm, Đảng ta đứng trước những yêu cầu mới, giải quyết nhiều vấn đề rất khó khăn. Vì vậy, Đảng đã ra sức phấn đấu, rèn luyện, phát huy trí tuệ và lòng yêu nước của toàn dân tộc, tự xây dựng mình trong thực tiễn thành một Đảng đủ sức mạnh hoàn thành, đã hoàn thành vẻ vang sứ mệnh lịch sử của mình là lãnh đạo kháng chiến chống thực dân Pháp thành công.

Đảng là nhân tố quyết định trong những nhân tố quyết định thắng lợi của kháng chiến chống thực dân pháp, của toàn bộ sự nghiệp đấu tranh cách mạng của Nhân dân ta, của

dân tộc, trong đó có công cuộc đổi mới hiện nay do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo. Do đó, xây dựng Đảng ngang tầm sứ mệnh lịch sử của mình và đòi hỏi của nhiệm vụ cách mạng trong mỗi giai đoạn là then chốt trong tiến trình cách mạng.

70 năm trôi qua nhưng những giá trị tốt đẹp, nhân văn từ lời kêu gọi bất hủ của Chủ tịch Hồ Chí Minh vẫn còn trường tồn cùng lịch sử dân tộc Việt Nam. Lời kêu gọi của Người được phát đi trên sóng truyền thanh năm xưa mãi là lời hịch của non sông, đất nước. Đồng thời, còn là một văn kiện mang tính quân sự có giá trị lịch sử xuyên suốt mọi thời đại, thể hiện ý thức sâu sắc về giá trị của độc lập và niềm tin vững bền về sức mạnh, lòng yêu nước và ý chí của dân tộc Việt Nam. Những giá trị đó mãi còn lan tỏa trong cuộc sống ngày hôm nay và mãi mai sau, tiếp thêm “*lửa*” sức mạnh trong trái tim của mỗi người con đất Việt, để họ sống, học tập và cống hiến cho những giá trị thiêng liêng là độc lập, tự do trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

KỶ NIỆM 55 NĂM NGÀY DÂN SỐ VIỆT NAM (26/12/1961 – 26/12/2016)

I. Nguồn gốc ra đời ngày Dân số Việt Nam và các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước ta về dân số.

Vào những thập kỷ 50, 60 của thế kỷ XX, giữa lúc đất nước đang có chiến tranh và bị chia cắt làm hai miền, vừa xây dựng CNXH ở miền Bắc vừa tiến hành đấu tranh giải phóng dân tộc ở miền Nam để thống nhất đất nước. Với sự quyết tâm và nỗ lực của Nhân dân cả nước, chúng ta đã giành được những thành tựu lớn trong phát triển nông nghiệp, công nghiệp, văn hóa, xã hội vào những năm 1955 - 1957. Tuy nhiên, từ năm 1958 trở đi thu nhập quốc dân giảm, trong khi sản lượng lương thực giảm thì tốc độ tăng dân số lại tăng vọt từ 1,1% (1954) lên 3,93% (1960). Lúc này chính sách sinh đẻ có kế hoạch chưa được áp dụng ở nước ta.

Trong bối cảnh nói trên, ngày 26/12/1961, Hội đồng Chính phủ (nay là Chính phủ) đã ra Quyết định số 216/CP, về việc sinh đẻ có hướng dẫn, xuất phát từ thực tế về sự gia tăng dân số quá nhanh, gây cản trở đối với sự phát triển kinh tế - xã hội. Quyết định này đánh dấu sự ra đời của công tác DS - KHHGD được triển khai thực hiện ở nước ta. Ngày 26/12/1961 là ngày ban hành một quyết định mang tính chất hết sức quan trọng, đánh dấu cho những bước đi đầu tiên của công tác dân số và hệ thống tổ chức bộ máy và cán bộ làm

công tác DS - KHHGD trong cả nước.

Tính độc đáo của Quyết định ở chỗ, trong lúc phần lớn các nước trên thế giới đều chưa quan tâm đến vấn đề dân số, đến yếu tố dân số trong phát triển, thì ở Việt Nam ta - một nước mới vừa trải qua cuộc chiến tranh 9 năm ác liệt chống thực dân Pháp, đang thực hiện đồng thời hai nhiệm vụ chiến lược - lại đặt vấn đề điều chỉnh việc sinh đẻ, điều chỉnh sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước trong hiện tại và tương lai.

Đặc điểm thứ hai của Quyết định là tính nhân văn sâu sắc. Quyết định nêu rõ mục tiêu của việc hướng dẫn sinh đẻ là vì sức khỏe của người mẹ, vì hạnh phúc và hòa thuận gia đình, để cho việc nuôi dạy con cái được chu đáo, việc sinh đẻ của Nhân dân cần được hướng dẫn một cách thích hợp. Các giải pháp, bước đi thích hợp nhằm thực hiện mục tiêu trên là huy động các bộ, ngành, đoàn thể phối hợp, có sự phân công thống nhất trong hành động thực tiễn nhằm xã hội hóa công tác hướng dẫn sinh đẻ và việc chú trọng vận động tuyên truyền của các đoàn thể quần chúng kết hợp với cung cấp dịch vụ thực hiện sinh đẻ có hướng dẫn một cách dễ dàng, thuận lợi. Bước đầu là tổ chức thực hiện việc hướng dẫn sinh đẻ trong cán bộ, công nhân, viên chức, bộ đội, sau đó sẽ rút kinh nghiệm và dần dần mở rộng trong Nhân dân.

Có thể nói, nước ta là một trong những quốc gia đầu tiên trong khu vực sớm có ý thức về việc kiểm soát mức sinh

riêng và công tác DS-KHHGD nói chung. Nhưng với những điều kiện và lý do khác nhau, đặc biệt là phải tiến hành cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước trường kỳ gian khổ, rồi phải tập trung khắc phục hậu quả chiến tranh, chuyển đổi cơ chế quản lý kinh tế, nên những kết quả đạt được trên lĩnh vực này còn hạn chế, tốc độ gia tăng dân số ngày càng lớn, quy mô dân số đã đến mức báo động.

Tháng 4/1993, Hội nghị lần thứ 4 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa VII) đã đánh giá và yêu cầu: Sự gia tăng dân số quá nhanh là một trong những nguyên nhân quan trọng cản trở tốc độ phát triển kinh tế - xã hội, gây khó khăn lớn cho việc cải thiện đời sống, hạn chế điều kiện phát triển về mặt trí tuệ, văn hóa và thể lực giống nòi. Nếu xu hướng này cứ tiếp tục diễn ra thì trong tương lai không xa, đất nước ta sẽ đứng trước những khó khăn rất lớn, thậm chí những nguy cơ nhiều mặt. Vì vậy, làm công tác DS-KHHGD, thực hiện gia đình ít con, giảm nhanh tỉ lệ phát triển dân số, tiến tới ổn định dân số là vấn đề rất quan trọng và bức xúc đối với nước ta.

Sau đó, vào tháng 12/2000, Thủ tướng Chính phủ ban hành *"Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2010"*; Quốc hội ban hành Pháp lệnh Dân số 2003; Pháp lệnh sửa đổi điều 10 Pháp lệnh Dân số (năm 2008); Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 47-NQ/TW ngày 23/02/2005 về *"Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện chính sách dân số và kế hoạch hóa gia*

đình”; Kết luận số 44-KL/TW ngày 01/4/2009 của Bộ Chính trị về kết quả 3 năm thực hiện Nghị quyết 47-NQ/TW; Chính phủ ban hành Nghị quyết số 31/NQ-CP, ngày 18/8/2010 về kế hoạch hành động về DS-KHHGD giai đoạn 2010-2015; Quyết định số 2013/QĐ-TTg, ngày 14/11/2011 về việc phê duyệt Chiến lược Dân số và Sức khỏe sinh sản Việt Nam giai đoạn 2011 - 2020.

II. Những kết quả quan trọng.

Sau 10 năm thực hiện Pháp lệnh Dân số 2003, bức tranh dân số nước ta đã thay đổi. Năm 2002 quy mô dân số nước ta là 79,54 triệu người, đến 1/4/2012 đạt 88,78 triệu người. Cuối năm 2013, dân số Việt Nam đạt mốc 90 triệu người. Sau 4 năm thực hiện Pháp lệnh Dân số (2007), Việt Nam đã bước vào thời kỳ cơ cấu “*dân số vàng*” - thời kỳ chỉ xuất hiện một lần trong lịch sử phát triển nhân khẩu học của bất cứ quốc gia nào trên thế giới. Với hơn 61 triệu người (chiếm 69% tổng dân số) đang ở độ tuổi lao động, đây là một nguồn nhân lực rất lớn cho sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Kết quả điều tra dân số và nhà ở năm 2014 cho thấy dân số Việt Nam đạt 90.493.352 người, đứng thứ 13 thế giới và thứ 3 ở Đông Nam Á. Như vậy, 5 năm từ 2009-2014, dân số nước ta đã tăng thêm 4.646.355 người, trung bình mỗi năm tăng 929.271 người; trong số này có hơn 44,6 triệu nam giới, chiếm 49,3%, và 45,8 triệu nữ giới, chiếm 50,7%; tỷ suất

tăng dân số trung bình là 1,06%/năm giai đoạn 2009-2014; (trước đó, tỷ suất 1,2%/năm của giai đoạn 1999-2009); tổng tỷ suất sinh là 2,09 trẻ/phụ nữ. Đây là thời kỳ có tỷ lệ tăng dân số thấp nhất trong vòng 35 năm qua. Tuổi thọ trung bình của người Việt Nam là 73,2 năm, trong đó nam giới là 70,6 năm, nữ giới là 76 năm. Với tỷ lệ dân số phụ thuộc là 44%, người trên 65 tuổi là 7,1%, Việt Nam vẫn đang trong thời kỳ dân số vàng.

Những kết quả trên đã góp phần quan trọng vào phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển thiên niên kỷ, tăng thu nhập bình quân đầu người, cải thiện đời sống Nhân dân, giảm tình trạng đói nghèo, tăng cường bình đẳng giới.

Tuy nhiên, bên cạnh kết quả nêu trên, tỷ số giới tính khi sinh đang chênh lệch đáng báo động ở mức 112,2 trẻ trai/100 trẻ gái, cao hơn tỷ lệ 110,6/100 ở thời điểm năm 2009, trong khi tỷ số ở mức bình thường là 104-106/100. Đáng chú ý, tỷ số này ở nông thôn lên tới 113,1/100 còn ở thành thị là 110,1/100. Điều đó cho thấy mong muốn cũng như áp lực buộc phải sinh con trai cùng khả năng tiếp cận các dịch vụ chọn lọc giới tính hiện đại của phụ nữ nông thôn những năm gần đây tăng lên, khiến tình trạng mất cân bằng giới tính, tình trạng dư thừa nam giới trong tương lai càng trở nên nghiêm trọng.

Công tác DS&KHHGD trên địa bàn tỉnh Quảng Nam,

trong thời gian qua được quan tâm đúng mức, Tỉnh ủy ban hành Chương trình số 22-CTr/TU ngày 24/6/2005 về thực hiện Nghị quyết 47-NQ/TW của Bộ Chính trị (khóa IX) về *“Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện chính sách dân số và kế hoạch hóa gia đình”*; Kết luận số 35-KL/TU ngày 24/7/2008 về *“Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện chính sách DS-KHHGĐ trên địa bàn tỉnh”*; tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết 47-NQ/TW của Bộ Chính trị về *“Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện chính sách dân số và kế hoạch hóa gia đình”*; UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1164/QĐ-UBND ngày 11/4/2012 về *“Kế hoạch hành động về dân số và sức khỏe sinh sản tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2011-2015 tầm nhìn đến 2020”*; tổng kết 10 năm (2002-2013) thực hiện Pháp lệnh Dân số 2003 và ban hành nhiều chỉ thị (Chỉ thị 34/CT-UBND ngày 3/11/2008, Chỉ thị 10/CT-UBND ngày 05/5/2014) *“về tiếp tục đẩy mạnh thực hiện chính sách dân số và kế hoạch hóa gia đình”*.

Được sự lãnh đạo, chỉ đạo, thực hiện của các cấp, các ngành, công tác DS-KHHGĐ trên địa bàn tỉnh đã đạt được một số kết quả quan trọng, nhận thức của Nhân dân về chính sách DS-KHHGĐ đã có bước chuyển biến rõ rệt, các chương trình mục tiêu quốc gia về DS-KHHGĐ trên địa bàn tỉnh được thực hiện đạt nhiều kết quả, nguồn lực kinh phí sự nghiệp DS-KHHGĐ hàng năm được bảo đảm, các dịch vụ chăm sóc SKSS/KHHGĐ được đầu tư mở rộng, quy mô gia đình có một hoặc hai con được chấp nhận ngày càng rộng

rãi, tốc độ gia tăng dân số nhanh đã được kiểm soát, mức sinh tiếp tục giảm, chất lượng dân số từng bước được nâng cao, tuổi thọ trung bình của người dân tăng dần.

Số liệu thống kê sau gần 10 năm 2003-2013 cho thấy, dân số Quảng Nam tăng thêm trên 46,5 ngàn người (1.460.164 người vào cuối năm 2013), mỗi năm tăng xấp xỉ 4,65 ngàn người. Kết quả điều tra ngày 01/4/2014 là 1.469.426 người (nam 48,82%, nữ khoảng 51,18%; thành thị 19%, nông thôn 81%). Đáng chú ý, tuy dân số tăng theo cơ cấu phát triển, nhưng tỉ suất sinh thô đã giảm từ 21,8‰ (2003) xuống còn 18,8‰ (2012), bình quân mỗi năm giảm 0,3‰. Tổng tỷ suất sinh năm 2003 là 2,9 con nhưng đến năm 2009 giảm còn 2,3 con, năm 2012 là 2,16. Số liệu tổng điều tra cho thấy, tỷ lệ sinh con thứ 3 trở lên giảm từ 27,08% (1999) xuống còn 24,21% (2009), bình quân mỗi năm giảm 0,84%.

Tuy nhiên, việc thực hiện chính sách DS-KHHGD trên một số mặt còn hạn chế, tỷ lệ giảm sinh hàng năm còn thấp, trung bình đạt 0,3‰/năm; tỷ suất sinh thô đã giảm từ 21,8‰ (2003) xuống còn 18,8‰ (2012), tỷ lệ sinh con thứ 3 trở lên vẫn còn cao, từ 22,6% (2003) giảm còn 17,5% (2013); tình trạng mất cân bằng giới tính khi sinh đang xảy ra (đến cuối năm 2014 tỷ số này ở mức 110 bé trai/100 bé gái) chất lượng dân số còn thấp, tỷ lệ suy dinh dưỡng ở trẻ em dưới 5 tuổi còn cao, tỷ lệ sàng lọc trước sinh và sàng lọc sơ sinh để phát hiện các khiếm khuyết thai nhi và các bệnh lý ở trẻ sơ sinh còn hạn chế; một số cán bộ, đảng viên sinh con thứ 3 trở

lên, gây tác động tiêu cực đến việc vận động thực hiện chính sách DS&KHHGD ở địa phương.

Nguyên nhân chủ yếu của tình hình trên là do chính quyền các cấp có lúc, có nơi chưa quán triệt đầy đủ và chưa thường xuyên chỉ đạo, kiểm tra đôn đốc; việc xử lý các trường hợp vi phạm chính sách DS-KHHGD, nhất là trong cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức còn thiếu kiên quyết. Công tác tuyên truyền, vận động, giáo dục về DS-KHHGD chưa đồng bộ.

III. Những vấn đề cần quan tâm:

Từ nay đến năm 2020, công tác dân số của cả nước cần đạt mục tiêu tổng quát: Nâng cao chất lượng dân số, cải thiện tình trạng sức khỏe sinh sản, duy trì mức sinh thấp hợp lý, giải quyết tốt những vấn đề về cơ cấu dân số và phân bố dân số, góp phần thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, với các mục tiêu cụ thể là:

- *Mục tiêu 1*: Phấn đấu tốc độ tăng dân số ở mức khoảng 1% vào năm 2015 và ổn định ở mức khoảng 1% vào năm 2020; chỉ số phát triển con người (HDI) ở mức trung bình cao của thế giới vào năm 2020.

- *Mục tiêu 2*: Nâng cao sức khỏe, giảm bệnh, tật và tử vong ở trẻ em, thu hẹp đáng kể sự khác biệt về các chỉ báo sức khỏe trẻ em giữa các vùng, miền.

Mục tiêu 3: Nâng cao sức khỏe bà mẹ, thu hẹp đáng kể sự khác biệt về các chỉ báo sức khỏe bà mẹ giữa các vùng, miền.

- *Mục tiêu 4:* Kiểm soát tốc độ tăng nhanh tỷ số giới tính khi sinh, đặc biệt tập trung vào các đại phương có tình trạng mất cân bằng nghiêm trọng về tỷ số giới tính khi sinh.

- *Mục tiêu 5:* Duy trì mức sinh thấp hợp lý, đáp ứng đầy đủ nhu cầu kế hoạch hóa gia đình của người dân, tăng khả năng tiếp cận dịch vụ hỗ trợ sinh sản có chất lượng.

- *Mục tiêu 6:* Giảm tỷ lệ phá thai, cơ bản loại trừ phá thai không an toàn.

- *Mục tiêu 7:* Giảm nhiễm khuẩn đường sinh sản, nhiễm khuẩn lây truyền qua đường tình dục; chủ động phòng ngừa, phát hiện và điều trị sớm ung thư đường sinh sản, chú trọng sàng lọc ung thư đường sinh sản ở phụ nữ trong độ tuổi 30 - 54 tuổi.

- *Mục tiêu 8:* Cải thiện sức khỏe sinh sản của người chưa thành niên và thanh niên.

- *Mục tiêu 9:* Cải thiện sức khỏe sinh sản cho các nhóm dân số đặc thù (người di cư, người khuyết tật, người nhiễm HIV, người dân thuộc dân tộc có nguy cơ suy thoái về chất lượng giống nòi); đáp ứng kịp thời nhu cầu chăm sóc sức khỏe sinh sản cho người là nạn nhân của bạo lực vì lý do giới

tính và trong trường hợp thảm họa, thiên tai.

- *Mục tiêu 10*: Tăng cường chăm sóc sức khỏe người cao tuổi.

- *Mục tiêu 11*: Thúc đẩy phân bố dân số phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội quốc gia; tăng cường lồng ghép các yếu tố về dân số vào hoạch định chính sách, xây dựng quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội ở các cấp, các ngành.

Các giải pháp chủ yếu: Lãnh đạo, tổ chức và quản lý; truyền thông, giáo dục chuyển đổi hành vi; dịch vụ dân số, sức khỏe sinh sản; xây dựng, hoàn thiện hệ thống chính sách về dân số, sức khỏe sinh sản; xã hội hóa, phối hợp liên ngành và hợp tác quốc tế; tài chính; đào tạo, nghiên cứu khoa học và thông tin số liệu. Trong Chiến lược quốc gia về DS-KHHGD giai đoạn 2011-2020 có 13 dự án, đề án đã và đang được xây dựng, triển khai thực hiện.

Đối với tỉnh Quảng Nam, trong thời gian đến tiếp tục thực hiện tốt công tác DS-KHHGD góp phần ổn định và phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh với các chỉ tiêu, nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu sau:

Một là, tiếp tục tổ chức quán triệt, thực hiện Kết luận số 267-KL/TU, ngày 21/4/2015 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về “*Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Nghị quyết 47-NQ/TW ngày 23/02/2005 của Bộ Chính trị khóa IX về tiếp tục đẩy mạnh*

thực hiện chính sách DS-KHHGD”; Quyết định số 1164/QĐ-UBND ngày 11/4/2012 về “*Kế hoạch hành động về dân số và sức khỏe sinh sản tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2011-2015 tầm nhìn đến 2020*”.

Tiếp tục duy trì xu thế giảm sinh một cách hợp lý, từng bước giải quyết các vấn đề về cơ cấu dân số, giảm dần mất cân bằng giới tính khi sinh, cải thiện rõ rệt tình trạng sức khỏe bà mẹ và trẻ em, góp phần nâng cao chất lượng dân số về thể chất, trí tuệ, tinh thần, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa của tỉnh Quảng Nam, với các mục tiêu cụ thể:

- Tiếp tục thực hiện giảm sinh, để mỗi cặp vợ chồng có 1 hoặc 2 con; tỷ lệ tăng tự nhiên dân số hàng năm ở mức 1,0% năm 2015 và 0,9% vào năm 2020.

- Đáp ứng đầy đủ nhu cầu dịch vụ kế hoạch hóa gia đình của người dân, tăng khả năng tiếp cận dịch vụ hỗ trợ sinh sản; cải thiện sức khỏe sinh sản của người chưa thành niên, thanh niên và nhóm dân số đặc thù.

- Nâng cao sức khỏe bà mẹ và trẻ em; giảm tỷ lệ mắc bệnh, tật và tử vong ở trẻ em; giảm tỷ số tử vong mẹ liên quan đến thai sản.

- Kiểm chế và giảm tỷ lệ chênh lệch giới tính khi sinh <110 bé trai/100 bé gái vào năm 2020; trở về mức bình thường (105-107 bé trai/100 bé gái khi sinh) sau năm 2025.

- Tăng cường chăm sóc sức khỏe người cao tuổi.
- Củng cố và nâng cao chất lượng kho dữ liệu thông tin điện tử chuyên ngành DS-KHHGD.

Hai là, các cấp, các ngành cần bổ sung nhiệm vụ, giải pháp để lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tốt công tác DS-KHHGD; tiếp tục lồng ghép thực hiện công tác DS-KHHGD với các chương trình, kế hoạch kinh tế - xã hội tại địa phương, đơn vị; tập trung chỉ đạo phối hợp triển khai thực hiện công tác DS-KHHGD một cách đồng bộ; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát thực chính sách DS-KHHGD.

Ba là, đẩy mạnh công tác truyền thông, giáo dục, vận động thực hiện chính sách, pháp luật về DS-KHHGD. Tăng cường tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật về dân số, sức khỏe sinh sản. Triển khai mạnh, có chất lượng, hiệu quả các hoạt động truyền thông, giáo dục, vận động với nội dung, hình thức và cách tiếp cận phù hợp với từng vùng miền, nhóm đối tượng, chú trọng khu vực khó khăn, đối tượng khó tiếp cận; đẩy mạnh tuyên truyền qua phương tiện truyền thông đại chúng, hội đoàn thể; phát huy vai trò họ tộc, người cao tuổi trong gia đình nhắc nhở con cháu thực hiện đúng chính sách DS-KHHGD.

Bốn là, tiếp tục củng cố, kiện toàn tổ chức bộ máy cán bộ và nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về DS-KHHGD; xem xét bổ nhiệm, xếp ngạch viên chức đối với

những cán bộ dân số hợp đồng ở các xã; bổ sung đủ chỉ tiêu cán bộ, viên chức đối với các Trung tâm DS-KHHGD còn thiếu; xây dựng các đề án kiện toàn mạng lưới nhân viên y tế thôn bản và cộng tác viên dân số, cộng tác viên dinh dưỡng; chú trọng công tác tập huấn, đào tạo, bồi dưỡng, hướng dẫn cập nhật kiến thức, nâng cao trình độ nghiệp vụ đối với cán bộ, viên chức làm công tác DS-KHHGD các cấp; quan tâm đầu tư nâng cấp, bổ sung trang thiết bị và kinh phí để các trạm y tế đủ điều kiện hoạt động và thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ DS-KHHGD.

Năm là, mở rộng và nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản và kế hoạch hóa gia đình. Ưu tiên cung cấp miễn phí dịch vụ đối với các hộ nghèo, cận nghèo, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, người thuộc diện chính sách xã hội. Phân tuyến kỹ thuật để cung cấp các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản; thực hiện việc chuyển giao các kỹ thuật cho 100% cơ sở y tế tuyến huyện và một số cơ sở y tế tuyến xã có điều kiện, tạo thành một mạng lưới cung cấp dịch vụ an toàn, chất lượng và thuận tiện cho người dân theo hướng dẫn quốc gia về chăm sóc sức khỏe sinh sản của Bộ Y tế. Đẩy mạnh việc cung cấp đa dạng các phương tiện tránh thai theo hướng tiếp thị xã hội và thị trường; thực hiện tốt việc tầm soát các dị dạng, bệnh, tật bẩm sinh của thai nhi, giảm thiểu tỷ lệ chênh lệch giới tính khi sinh, giảm tỷ lệ sinh con thứ 3⁺. Phát huy vai trò của y tế tư nhân trong việc tham gia cung ứng dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản, kế hoạch hóa gia đình.

Sáu là, nâng cao chất lượng dân số của tỉnh; triển khai đồng bộ các giải pháp nhằm bảo vệ và chăm sóc sức khỏe Nhân dân nhất là bà mẹ, trẻ em, thanh thiếu niên và người cao tuổi; thúc đẩy phong trào rèn luyện thân thể, giữ vệ sinh cá nhân và cải thiện môi trường; chủ động và tích cực phòng, chống các dịch bệnh xảy ra ở người, phòng chống các bệnh lây truyền qua đường tình dục và các bệnh xã hội khác; phát triển kinh tế - xã hội, thực hiện giảm nghèo bền vững, tăng mức thu nhập bình quân đầu người và phúc lợi xã hội góp phần nâng cao tuổi thọ bình quân của Nhân dân./.

MỤC LỤC

* Lời nói đầu	3
---------------------	---

PHẦN THỨ NHẤT

ĐÁNH GIÁ TỔNG QUÁT KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CHÍNH TRỊ CỦA ĐẢNG BỘ NĂM 2015, ĐỊNH HƯỚNG NHIỆM VỤ CHÍNH TRỊ NĂM 2016

* Thực hiện tốt các nhiệm vụ chính trị năm 2016 tạo tiền đề để thực hiện thắng lợi các mục tiêu Nghị quyết đại hội Đảng các cấp nhiệm kỳ 2015-2020.....	7
* Đẩy mạnh công tác xây dựng Đảng, chú trọng lãnh đạo thực hiện hiệu quả Nghị quyết Trung ương 4 “Một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay” gắn với Chỉ thị 03 - CT/TW của Bộ Chính trị (khóa XI)	23
* Kết quả phát triển kinh tế - xã hội năm 2015, nhiệm vụ trọng tâm năm 2016 ...	37
* Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác tư tưởng góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Quảng Nam lần thứ XXI.....	57
* Đổi mới, tạo bước đột phá trong công tác cán bộ đáp ứng yêu cầu nâng cao năng lực lãnh đạo, điều hành của các cấp trong giai đoạn phát triển mới của tỉnh	71
* Phát huy dân chủ, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc vì mục tiêu xây dựng Quảng Nam phát triển nhanh, bền vững	86
* Tăng cường và đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác dân vận trong tình hình mới	95
* Chủ động đầu tư phát triển kinh tế - xã hội miền núi bền vững	104
* Nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật đảng góp phần xây dựng Đảng bộ trong sạch vững mạnh.....	116
* Thực trạng và giải pháp huy động nguồn lực để hoàn thành mục tiêu xây dựng nông thôn mới	124

- * Tạo đột phá trong thực hiện chương trình quốc gia về giảm nghèo bền vững 130
- * Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục chính trị tư tưởng cho công nhân trên địa bàn tỉnh 139

PHẦN THỨ HAI

NHỮNG CHUYÊN ĐỀ THUỘC CÁC LĨNH VỰC CHÍNH TRỊ, KINH TẾ, VĂN HÓA, XÃ HỘI, AN NINH, QUỐC PHÒNG

- * Tăng cường công tác nội chính, tích cực phòng, chống tham nhũng trong thời gian đến 149
- * Tập trung xây dựng các tiềm lực trong khu vực phòng thủ tỉnh Quảng Nam đáp ứng tình hình mới 157
- * Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo giữ vững an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội 165
- * Những giải pháp trọng tâm để phát triển Công nghiệp – Tiểu thủ công nghiệp trong điều kiện hội nhập quốc tế 177
- * Giải pháp phát triển Nông nghiệp - Nông thôn trong thời gian đến 185
- * Nâng cao hiệu quả công tác thông tin đối ngoại của tỉnh Quảng Nam 194
- * Đẩy mạnh công tác tuyên truyền bảo vệ chủ quyền và phát triển kinh tế biển, đảo 204
- * Giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa địa phương trong trường học là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội 210
- * Bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa của cộng đồng các dân tộc thiểu số tỉnh Quảng Nam phục vụ mục tiêu phát triển Miền núi của tỉnh 218
- * Tiếp tục đẩy mạnh học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh trên địa bàn Quảng Nam 236
- * Nâng cao hiệu quả công tác quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường, tích cực ứng phó với biến đổi khí hậu 245
- * Đổi mới hoạt động khoa học và công nghệ theo hướng chuyển giao và ứng dụng mạnh mẽ vào sản xuất và đời sống 256
- * Nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại và tích cực chủ động hội nhập quốc tế 267

PHẦN THỨ BA
ĐỀ CUONG TUYÊN TRUYỀN

* Đẩy mạnh công tác tuyên truyền các ngày lễ lớn năm 2016.....	281
* Kỷ niệm 70 năm cuộc Tổng tuyển cử đầu tiên bầu đại biểu Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (06/01/1946 - 06/01/2016).....	299
* Kỷ niệm 110 năm ngày sinh Thủ tướng Phạm Văn Đồng (01/3/1906 – 01/3/2016).....	327
* Kỷ niệm 85 năm ngày thành lập Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh (26/3/1931 – 26/3/2016).....	334
* Kỷ niệm 110 năm ngày sinh cố Tổng Bí thư Hà Huy Tập (24/4/1906 - 24/4/2016).....	361
* Kỷ niệm 130 năm ngày Quốc tế Lao động (1/5) tiếp tục đẩy mạnh các phong trào thi đua yêu nước trong công nhân, viên chức, lao động.....	372
* Kỷ niệm 75 năm ngày thành lập Đội Thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh (15/5/1941-15/5/2016).....	398
* Kỷ niệm 55 năm ngày truyền thống Bộ đội biên phòng tỉnh Quảng Nam (19/5/1961 – 19/5/2016).....	414
* Mặt trận Việt Minh - Đỉnh cao của sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc..	433
* Kỷ niệm 105 năm Ngày Bác Hồ ra đi tìm đường cứu nước (5/6/1911 – 5/6/2016).....	439
* Kỷ niệm 15 năm Ngày Gia đình Việt Nam (28/6/2001- 28/6/2016).....	454
* Kỷ niệm 70 năm Ngày truyền thống Lực lượng An ninh Nhân dân (12/7/1946 - 12/7/2016).....	464
* Kỷ niệm 70 năm Ngày toàn quốc kháng chiến chống thực dân Pháp (19/12/1946-19/12/2016).....	476
* Kỷ niệm 55 năm Ngày Dân số Việt Nam (26/12/1961 – 26/12/2016).....	502

Chịu trách nhiệm xuất bản:
NGUYỄN CHÍN
Ủy viên Ban Thường vụ,
Trưởng ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Quảng Nam

Ban Biên tập:
Trưởng ban: **TRẦN KHẮC THẮNG**
Phó ban: **ĐOÀN NGỌC THI**
HUỲNH THỊ TUYẾT

Thành viên
TRẦN VĂN DŨNG
PHAN THANH HẬU
NGUYỄN THỊ THU HIỀN
PHẠM THỊ ĐIỂM

Thư ký, trình bày
HỒ THỊ BÍCH THỦY

In 1.000 cuốn, khổ 14,5 x 20,5 cm tại Công ty Cổ phần In - Phát hành sách và Thiết bị trường học Quảng Nam. Địa chỉ: 260 Hùng Vương, Thành phố Tam Kỳ, Quảng Nam. ĐT: 0510.3812276 - 0510.3859367. Giấy phép xuất bản số: 205/GP-STTTT do Sở Thông tin và Truyền thông Quảng Nam cấp ngày 31/12/2015. In xong và nộp lưu chiểu tháng 01/2016.